

**CẨM NANG
TÂN PHỨC ÂM HOÁ**

**Kỷ niệm 40 năm Linh mục
1974/21-12/2014
Trong tâm tình tạ ơn Chúa và biết ơn người**

Lm. Antôn Nguyễn Ngọc Sơn

CẨM NANG TÂN PHÚC ÂM HOÁ

Tái bản lần thứ nhất

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

Imprimatur cho toàn cuốn sách
Michael Hoàng Đức Oanh
Giám mục Giáo phận Kontum
Kontum, ngày 1/11/2013

Imprimatur cho riêng Đàng Thánh giá và Đường Ánh sáng
Michael Hoàng Đức Oanh
Giám mục Giáo phận Kontum
Kontum, ngày 6/6/2013

Những chữ viết tắt

CĐ.	Công đồng
ĐTC	Đức Thánh Cha
GHCG	Giáo hội Công giáo
GHVN	Giáo hội Việt Nam
GLHTCG	Giáo lý Hội Thánh Công giáo
HC.	Hiến chế
HĐGMVN	Hội đồng Giám mục Việt Nam
HTXHCG	Học thuyết Xã hội Công giáo
MV.	Mục vụ
PAH	Phúc Âm hoá
PV.	Phụng vụ
Sđđ.	Sách đã dẫn
TCN	Trước Công nguyên
THĐGM	Thượng Hội đồng Giám mục
TLLV	Tài liệu làm việc
TM	Tin Mừng
TPAH	Tân Phúc Âm hoá
tt.	tiếp theo
Vat.	Vaticanô
VMTY	Văn minh tình yêu
VN	Việt Nam
x.	xem

Lời nói đầu

Các bạn thân mến,

“Rao giảng Tin Mừng cho muôn loài thụ tạo” (Mc 16,15) là lệnh truyền của Chúa Giêsu gửi đến tất cả các môn đệ của Người. Lệnh truyền này mời gọi chúng ta cùng suy nghĩ và hành động cho có kết quả tốt nhất. Vì thế chúng tôi xin chia sẻ với các bạn đang cùng làm việc trên cánh đồng truyền giáo ít kinh nghiệm nho nhỏ qua cuốn *Cẩm Nang Tân Phúc Âm hoá* này. Mong các bạn vui lòng đón nhận như món quà kết thân trong đại gia đình Chúa.

Các bài trong cuốn *Cẩm Nang* này là kết quả của những lần chia sẻ với anh em linh mục, tu sĩ trong các dịp thường huấn, tĩnh tâm gần đây như cho dòng Thánh Gioan Thiên Chúa, cho Hội Thừa sai Việt Nam, cho Dòng Thừa sai Đức Tin, với các thành viên của Ủy ban Giáo lý Đức tin trực thuộc Hội đồng Giám mục Việt Nam và tín hữu giáo dân trong Năm Đức tin.

Thật ra, những bài này chỉ là những suy tư khởi đầu sẽ được nhiều cộng đồng truyền giáo khám phá, khai triển và hoàn chỉnh trong tương lai.

Trong *Thư chung* của Hội đồng Giám mục Việt Nam gửi cộng đồng dân Chúa ngày 10/10/2013, sau Đại hội Thường niên lần XII vừa qua, Hội đồng đã nhắc nhở toàn thể tín hữu Việt Nam hãy tập trung vào việc PAH.

Giáo Hội giới thiệu việc TPAH “không phải là rao giảng một Phúc Âm mới, bởi vì Đức Giêsu Kitô hôm qua, hôm nay và như vậy mãi đến muôn đời (Dt 13,8), nhưng là mới về lòng nhiệt thành, mới trong phương pháp và mới trong cách diễn tả Tin Mừng của mình về Đức Giêsu Kitô cho mọi người”. Hội đồng đã trình bày kế hoạch mục vụ 3 năm: năm 2014 tập trung vào việc Phúc Âm hoá đời sống gia

đình; năm 2015 là Phúc Âm hoá đời sống giáo xứ và cộng đoàn; năm 2016 là Phúc Âm hoá đời sống Giáo Hội (x. *Thư chung*, số 4).

Tập Cẩm Nang này sẽ giúp các bạn hiểu PAH là gì, bao gồm những yếu tố nào để mỗi người chúng ta sống thế nào cho đúng với Phúc Âm và trở thành Phúc Âm sống của Chúa Giêsu Kitô cho muôn loài. Như thế ta có thể tạm gọi tập sách này chuẩn bị cho việc *Phúc Âm hoá bản thân* trước khi Phúc âm hoá gia đình, giáo xứ, cộng đoàn và xã hội.

Chúng tôi xin các bạn thông cảm cho những lần phải nhắc lại hay tóm tắt một vài điều đã nói trước vì mối tương quan của những điều này với chủ đề được trình bày. Chúng tôi cũng đưa thêm một số hình ảnh minh hoạ để các bạn có thêm tài liệu và tạo sự thoải mái nhẹ nhàng cho tập sách.

Trong quá trình biên soạn, chắc chắn còn nhiều thiếu sót, chúng tôi rất mong được anh em linh mục, quý tu sĩ nam nữ, các bạn bè và anh chị em tín hữu góp ý sửa đổi. Xin hết lòng cảm ơn mọi người. Xin Chúa Giêsu Kitô yêu thương và trả công bội hậu cho tất cả quý bạn.

Cầu chúc các bạn luôn gắn bó mật thiết với Chúa Giêsu và trở thành hình ảnh sống động của Người cho thế giới hôm nay.

Lm. Antôn Nguyễn Ngọc Sơn

Nội dung

Những chữ viết tắt.....	5
Lời nói đầu.....	7
Lời Giới thiệu	11

Phần 1

TÌM HIỂU HIỆN TRẠNG VÀ MỤC ĐÍCH LOAN BÁO TIN MỪNG

<i>Bài 1:</i> Sứ mạng “Loan báo Tin Mừng cho mọi loài thụ tạo”.....	19
<i>Bài 2:</i> Bối cảnh của cuộc Tân Phúc Âm hoá trên thế giới và ở Việt Nam.....	24
<i>Bài 3:</i> Người Kitô hữu hành động như thế nào trước những thay đổi trên thế giới và ở Việt Nam	34
<i>Bài 4:</i> Thời điểm cho cuộc Tân Phúc Âm hoá để trở về với Đức Kitô	44
<i>Bài 5:</i> Đức tin là cuộc gặp gỡ giữa con người với Thiên Chúa	59

Phần 2

CHỦ THỂ LOAN BÁO TIN MỪNG: NGƯỜI TÔNG ĐỒ ĐƯỢC CHÚA SAI ĐI

<i>Bài 6:</i> Ôn gọi căn bản của người Kitô hữu	85
<i>Bài 7:</i> Cuộc hôn nhân mầu nhiệm của Kitô hữu	100
<i>Bài 8:</i> Cuộc chiến đấu thiêng liêng	106
<i>Bài 9:</i> Cuộc biến đổi thiêng liêng.....	117
<i>Bài 10:</i> Chương trình hành động của Kitô hữu.....	129
<i>Bài 11:</i> Yêu sao cho đúng, cho tốt, cho đẹp	134
<i>Bài 12:</i> Sống tinh thần nghèo khó để loan báo Tin Mừng.....	159
<i>Bài 13:</i> Thờ được Thần Khí của Chúa Kitô.....	164

<i>Bài 14:</i> Tương quan mật thiết giữa Mình Máu Chúa Kitô và Thân Khí	177
--	-----

Phần 3

NỘI DUNG LOAN BÁO: ĐỨC GIÊSU KITÔ LÀ TIN MỪNG CỦA THIÊN CHÚA

<i>Bài 15:</i> Tại sao người ta ít hiểu biết về Chúa Giêsu Kitô?	185
<i>Bài 16:</i> Xác tín trọn vẹn vào Đức Giêsu Kitô.....	195
<i>Bài 17:</i> Gắn bó với Chúa Giêsu trong cái chết của Người	207
<i>Bài 18:</i> Loan báo Đức Giêsu Phục Sinh với niềm xác tín.....	217
<i>Bài 19:</i> Đức Giêsu là Người Thầy dạy ta con đường sự thật và sự sống.....	236

Phần 4

ĐỐI TƯỢNG LOAN BÁO: NHỮNG AI NGHE VÀ ĐÓN NHẬN TIN MỪNG

<i>Bài 20:</i> Ra khơi để Tân Phúc Âm hoá.....	275
<i>Bài 21:</i> Xây dựng nền văn minh tình yêu.....	292
<i>Bài 22:</i> Xây dựng nền nhân bản toàn diện và liên đới	305
<i>Bài 23:</i> Cấu trúc văn hoá-xã hội của người Việt và công cuộc Tân Phúc Âm hoá.....	318
<i>Bài 24:</i> Thể thao như một lĩnh vực của Tân Phúc Âm Hoá	335
<i>Bài 25:</i> Đối thoại với người chưa tin: Tôn giáo như một nét văn hoá mới	353
<i>Bài 26:</i> Đối thoại đại kết với tín hữu Kitô giáo về vấn nạn “Anh chị em ruột của Đức Giêsu”.....	371
<i>Bài 27:</i> Đối thoại với tín đồ các tôn giáo khác về tình trạng sống của con người sau khi chết	383

Phụ lục

Đàng Thánh giá theo Chân phước Têrêsa Calcutta	401
Đường ánh sáng theo Thánh Ignatiô Loyola.....	416

Lời Giới thiệu

Anh chị em thân mến,

Lệnh truyền của Chúa Giêsu: “*Chèo ra chỗ nước sâu mà thả lưới bắt cá*” (Lc 5,4) bắt nguồn từ lời mời gọi khởi đầu: “*Các anh hãy theo tôi, tôi sẽ làm cho các anh thành những kẻ lưới người như lưới cá*” (Mt 4,19).



1. Sứ mạng Phúc Âm hoá

Lời kêu gọi ấy gửi đến từng môn đệ của Chúa Giêsu trong bối cảnh thế giới đang thay đổi hết sức nhanh chóng về rất nhiều lĩnh vực

nên cũng đòi hỏi Giáo Hội phải thay đổi cách sống và loan báo Tin Mừng để chinh phục con người.

Quả thực, trong công cuộc cứu độ, Đức Giêsu không muốn người môn đệ chúng ta ngồi ung dung trên bờ hay mé nước, vung chiếc cần câu để bắt từng con cá nhỏ, lúc được lúc không. Người muốn chúng ta chèo con thuyền Giáo Hội ra chỗ nước sâu để cùng với anh em khác thả rộng tấm lưới, bắt hàng đàn cá lớn. Chèo ra chỗ nước sâu là chúng ta phải đối mặt với sóng to, gió mạnh và nhiều thử thách gian truân. Tuy nhiên chúng ta sẵn lòng, tự nguyện theo Chúa Giêsu ra chỗ nước sâu và tin tưởng rằng Người sẽ cho chúng ta đánh được những mẻ cá lạ lùng (x. Lc 5,4-11) vì chúng ta là những thừa sai, những tông đồ của Chúa Giêsu.

Chúng ta biết từ “thừa sai” (missionarius) hay “tông đồ” (apostolos) đều bắt nguồn từ động từ “được sai đi” của tiếng Latinh (mittere) hay tiếng Hy Lạp (apostello). Vị thừa sai hay tông đồ là người được Chúa và Giáo Hội sai đi rao giảng Phúc Âm cho những ai chưa nhận biết Chúa Giêsu Kitô. Sứ mạng loan báo Phúc Âm này bắt nguồn từ việc Chúa Cha sai Con Một của Ngài đến cứu độ thế giới và Người Con đó trao lại sứ mạng cao quý ấy cho chúng ta kèm theo muôn ơn lành của Chúa Thánh Thần qua làn hơi kỳ diệu Người thổi trên chúng ta: *“Như Chúa Cha đã sai Thầy, Thầy cũng sai anh em”* (Ga 20,21-22).

Sau cái chết nhục nhã trên thập giá, Đấng Phục Sinh long trọng sai chúng ta: *“Anh em hãy đi khắp tứ phương thiên hạ, loan báo Tin Mừng cho mọi loài thụ tạo”* (Mc 16,15). Mục đích của việc loan báo Tin Mừng là khơi dậy lòng tin vào Đức Giêsu Kitô để rồi khi đã gặp gỡ và gắn bó với Người rồi, ta lại truyền bá đức tin đó cho người khác. Đó là sứ mạng của mọi Kitô hữu.

Chúng ta nhớ đến tiên tri Giona khi được Chúa sai đến loan báo Lời Chúa cho dân thành Ninivê. Ông trốn tránh sứ mạng này nhưng vẫn không thoát khỏi sự quan phòng kỳ diệu của Chúa (x. Gn 1,1-2,1.11). Rồi khi không thấy Chúa trừng phạt dân theo lời ông báo trước, ông cảm thấy buồn bực vì mất mặt (x. Gn 4,1-11). Ông không hiểu được lòng yêu thương vô bờ của Chúa đối với muôn loài thụ tạo.

Nhiều lúc chúng ta cũng có thái độ và hành động như Giona. Chúng ta biết rõ sứ mạng của mình và vẫn muốn lẩn trốn. Chúng ta muốn Chúa hành động theo ý chúng ta trong công cuộc Phúc Âm hoá. Vì thế chúng ta cần phải tìm hiểu Tân Phúc Âm hoá thật sự là gì và Chúa muốn ta làm gì cho Ngài. Thánh Phaolô đã cảm nhận được điều đó khi ngài chia sẻ: “*Khốn cho thân tôi, nếu tôi không rao giảng Phúc Âm!*” (1Cr 9,16).

2. Giáo Hội đáp ứng lệnh truyền của Chúa Kitô

Để đáp ứng sứ mạng này, Giáo Hội đã tổ chức Thượng Hội đồng (THĐ) Giám mục thường kỳ lần thứ XIII với chủ đề: “*Tân Phúc Âm hoá để truyền bá đức tin*” nhân dịp kỷ niệm 50 năm Công Đồng chung Vaticanô II (1962-1965) và 20 năm soạn thảo sách Giáo lý của Hội Thánh Công giáo. Các giáo hội địa phương cũng được mời đóng góp ý kiến qua bản Đề cương (Lineamenta) của THĐ. Sau đó 400 đại biểu đã họp tại Rôma từ ngày 7 đến 28/10/2012 và bàn luận trên bản Tài liệu Làm việc (Instrumentum Laboris) mà chúng ta sẽ tìm hiểu và trích dẫn nhiều lần trong cuốn Cẩm Nang này.

Hội đồng Giám mục Việt Nam (HĐGMVN) trong Đại Hội lần thứ XII vừa qua cũng đã gửi Thư chung đến Cộng đồng Dân Chúa để nói về công cuộc Tân Phúc-Âm-hoá và đề ra kế hoạch mục vụ kéo dài 3 năm (2014-2016):

- Năm 2014: Phúc-Âm-hoá đời sống gia đình
- Năm 2015: Phúc-Âm-hoá đời sống giáo xứ và các cộng đoàn.
- Năm 2016: Phúc-Âm-hoá đời sống xã hội.

“Mục tiêu của Phúc-Âm-hoá là dẫn mọi người vào cuộc gặp gỡ cá vị với Đức Giêsu Kitô, trong Thánh Thần, nhờ đó gặp gỡ Thiên Chúa Cha của Người, cũng là Cha của chúng ta, và để đời sống mình được biến đổi theo tinh thần Phúc Âm. Như thế, trước hết chính bản thân chúng ta phải được Phúc-Âm-hoá, phải củng cố và làm mới lại

đức tin của mình, rồi mới có thể giúp những anh chị em đã xa rời đức tin tái khám phá vẻ đẹp và ánh sáng đức tin. Ngày nay, khi một số người chỉ còn là Kitô hữu trên danh nghĩa, chúng ta hãy sống cho đúng với ơn gọi Kitô hữu của mình trong niềm vui, hãy chiếu toả sức hấp dẫn của Tin Mừng cho những người chung quanh”.



“Công cuộc Tân Phúc-Âm-hoá đòi duyệt lại toàn bộ các sinh hoạt mục vụ ở tất cả mọi bình diện, nghĩa là phải thực hiện cuộc hoán cải từ trong tâm thức đến định hướng và phương pháp khi làm mục vụ. Từ kinh nghiệm của các nước đã có nhiều Kitô hữu bỏ đạo, nếu chúng ta không nhanh chóng thực hiện cuộc hoán cải mục vụ này, thì trong tương lai không xa, Hội Thánh tại Việt Nam cũng có thể rơi vào tình trạng băng giá của mùa đông đức tin như một số nơi trên thế giới” (x. *Thư chung*, số 3,4,5).

3. Giới thiệu cuốn Cẩm Nang

Chúng ta thấy Giáo Hội từ nay sẽ dùng từ Tân Phúc Âm hoá (TPAH) trong nhiều trường hợp thay cho từ “loan báo Tin Mừng”, “rao giảng Tin Mừng” hay “công bố Phúc Âm” như chúng ta đã quen. Chúng ta sẽ tìm hiểu nội dung phong phú của từ này trong các đề tài được trình bày trong cuốn *Cẩm nang Tân Phúc Âm hoá*.

Cẩm nang là túi gấm trong truyện cổ chứa lời khuyên bí ẩn khi gặp khó khăn lớn, mở ra sẽ thấy ngay lời giải đáp. Từ này hiện nay được dùng để chỉ cuốn sách ghi những hướng dẫn cần thiết để công việc đạt được những kết quả mong muốn.

Trong công cuộc rao giảng Tin Mừng nhằm đưa Đức Giêsu Kitô thâm nhập vào mọi lĩnh vực của đời sống, chúng ta cũng đang rất cần một cuốn cẩm nang. Chúng tôi hy vọng và cầu chúc anh chị em tìm thấy được cuốn cẩm nang đó khi gặp gỡ và kết hợp với Chúa Giêsu Kitô, Tin Mừng của Thiên Chúa.

Để giúp đỡ anh chị em trong công việc tìm kiếm này, nhất là để Phúc Âm hoá bản thân trước khi Phúc Âm hoá gia đình, giáo xứ, cộng đoàn và xã hội, chúng tôi trân trọng giới thiệu tập sách nhỏ “Cẩm nang Tân Phúc Âm hoá” của linh mục Anton Nguyễn Ngọc Sơn như những gợi ý của một người anh em đã và đang đi tìm cẩm nang cho đời hoạt động tông đồ của mình và muốn chia sẻ cho các bạn đồng nghiệp.

Cầu chúc anh chị em luôn an mạnh, dồi dào ơn thánh để gặp được Chúa Giêsu Kitô và hoàn thành sứ mạng Phúc Âm hoá bản thân, gia đình, cộng đồng và xã hội của mình đồng thời truyền bá đức tin cho người khác.

Thân ái trong Chúa Giêsu Kitô,
Kontum, ngày 24/10/2013

Michael Hoàng Đức Oanh,
Giám mục Giáo phận Kontum

Phần 1

**Tìm hiểu hiện trạng
và mục đích loan báo Tin Mừng**



Bài 1

Sứ mạng

“Loan báo Tin Mừng cho mọi loài thụ tạo”

Lời mở

Chúng ta đã từng nghe bài Phúc Âm kể lại câu chuyện Lên Trời của Chúa Giêsu theo thánh Marcô (x. Mc 16,15-20) với lệnh truyền của Người: “*Anh em hãy đi khắp tứ phương thiên hạ, loan báo Tin Mừng cho mọi loài thụ tạo*” (x. *Tài liệu Làm việc (TLLV)* của Thượng Hội đồng Giám mục 2012, số 125). Nếu so sánh với thánh Matthêu “*Anh em hãy đi và làm cho muôn dân trở thành môn đệ*” (Mt 28,19) và thánh Luca: “*Phải nhân danh Người mà rao giảng cho muôn dân*” (Lc 24,47), ta sẽ thấy lệnh truyền của Chúa Giêsu mạnh mẽ hơn và mở rộng đến muôn loài, muôn vật chứ không chỉ nhằm đến con người.

Vậy Chúa Giêsu có ý gì khi ra lệnh như thế và ta phải làm gì để thực hiện thành công mệnh lệnh của Người? Đây là những câu hỏi rất thích hợp cho thời đại hiện nay, nhất là khi người tín hữu chúng ta nhận thấy việc loan báo Tin Mừng chưa mấy thành công, số người theo đạo mỗi ngày một ít, số người bỏ đạo mỗi ngày một nhiều.

1. Sứ mạng cấp thiết: rao giảng cho muôn dân

Trước hết, Đức Giêsu không muốn các môn đệ ngồi yên để hồi tưởng những kỷ niệm tốt đẹp với mình sau khi Người đã ra đi, cũng chẳng muốn các môn đệ quy tụ thành một cộng đồng gán bó chặt chẽ

với nhau và hãnh diện mình đã biết Giêsu, đã có Giêsu. Người muốn các ông ra đi, đi tới muôn dân, đi khắp mọi nơi, gặp gỡ tất cả để loan Tin Mừng về Đức Giêsu Phục Sinh cho muôn loài thụ tạo.

Cuộc ra đi này đòi họ phải chuẩn bị hành trang là những ngày cầu nguyện với Đức Maria, Mẹ Chúa Giêsu, để đón nhận Chúa Thánh Thần (x. Cv 1,14), phải học hỏi với nhau để biết Tin Mừng thật sự là ai, là gì



trước khi rao giảng và chia sẻ cho nhau những kinh nghiệm sống Tin Mừng trước khi loan báo cho người khác. Nếu không, họ cũng chỉ giống như những người quảng cáo, rao bán thứ hàng hoá gọi là “Tin Mừng” trong chợ đời hiện nay, và nhiều khi chính họ cũng chẳng dùng thứ hàng rẻ tiền đó nữa! Họ rao bán chỉ vì họ được trả lương, được những ông chủ nào đó thuê mướn và đó là kế sinh nhai của họ. Chính vì thế, Bản Đề cương của Thượng Hội đồng Giám mục 2012 được tổ chức vào tháng 10 ở Rôma về việc “Tân Phúc Âm hoá để truyền bá đức tin” luôn nhắc nhở tín hữu những điểm căn bản đó.

Hơn nữa, Đức Giêsu nhắc bảo họ những việc cần phải làm để thể hiện Tin Mừng cứu độ: họ sẽ trừ được quỷ, nói được những tiếng mới lạ, chữa lành bệnh nhân. Những việc này sẽ phải thực hiện trong bất cứ thời đại nào để chứng tỏ sự hiện diện của Đức Giêsu chính là Tin Mừng Cứu Độ. Nhưng vào thời đại khoa học và văn minh kỹ thuật

hiện nay, các tín hữu Kitô giáo có vẻ chẳng cần phải làm những công việc đó nữa. Đối với nhiều người, ma quỷ chỉ là thứ tưởng tượng, hù dọa con nít; những thứ tiếng mới lạ cần gì phải học vì có đi đâu xa; bệnh tật thể xác thì đã có các bác sĩ, bệnh tật tinh thần thì đã có những nhà tâm thần học!

Do đó, việc loan báo Tin Mừng bây giờ hình như chỉ được dành riêng cho các nhà chuyên nghiệp, dấn đi xa, học ngôn ngữ mới lạ, giải thích các bài Thánh Kinh, nhất là các bài Tin Mừng, in sách Thánh Kinh phát cho người ta, dạy giáo lý hay kinh nguyện, mang nhiều thuốc men, của cải vật chất để cứu giúp những dân tộc nghèo khổ, chậm phát triển... Còn các tín hữu khác quên mất bản chất Kitô hữu của mình là phải loan báo Tin Mừng và họ bằng lòng với việc cầu nguyện, tham dự các bí tích, thỉnh thoảng làm đôi việc bác ái. Ai siêng năng hơn thì học hỏi thêm các bài giải thích Thánh Kinh, chạy theo đủ loại phong trào cổ vũ các lòng sùng kính Chúa, Đức Mẹ hay các vị thánh. Kết quả là người ta càng ngày càng xa Chúa Giêsu, tưởng chừng Người thật sự rời xa họ mà về trời!

Cuối cùng, Đức Giêsu bảo đảm các môn đệ Người phải làm và có thể làm được những dấu lạ ấy để củng cố cho việc loan báo Tin Mừng vì *“Người ở cùng họ mọi ngày cho đến tận thế”* (Mt 28,20) và vì Chúa Thánh Thần hiện diện trong họ luôn làm chứng cho Chúa Giêsu. Các tông đồ *“đã ra đi rao giảng khắp nơi, có Chúa cùng hoạt động với các ông và dùng những dấu lạ kèm theo mà xác nhận lời các ông rao giảng”* (Mc 16-20). Còn Kitô hữu thời nay cũng phải ra khỏi tâm trí hẹp hòi của mình để gặp gỡ mọi người, mọi vật và hành động như Chúa Giêsu đã dạy - dù họ không hiểu biết nhiều về ma quỷ, về ngôn ngữ, về y học - vì họ là hiện thân của Chúa, là Tin Mừng sống động của Người.

2. Mở rộng cho muôn loài thụ tạo

Muôn loài thụ tạo bao gồm các thiên thần, các người đã khuất và vạn vật quanh ta chứ không phải chỉ có những con người đang sống. Đây là nét mới trong lệnh truyền của Chúa Giêsu mà trước đây ít ai

dám nghĩ tới (x. *Giáo lý Hội Thánh Công giáo* (GLHTCG), số 849-856). Nhưng tại sao lại rao giảng cho các đối tượng ấy và thực hiện việc này như thế nào?

2.1. Đối với các thiên thần, các ngài cùng với tín hữu “rao giảng Tin Mừng (x. Lc 2,10), khi loan báo Tin Mừng về việc Nhập Thể (x. Lc 2,8-14), và về việc phục sinh của Đức Kitô (x. Mc 16,5-7). Các ngài loan báo Đức Kitô lại đến (x. Cv 1,10-11) và khi Người đến, các ngài sẽ phục vụ việc xét xử của Người” (x. *GLHTCG*, số 333). Giáo lý Hội Thánh còn nói rõ thêm: “Toàn bộ đời sống Hội Thánh hưởng nhờ sự trợ giúp bí nhiệm và đầy uy quyền của các thiên thần” (x. Cv 5,18-20; 8,26-29; 10,3-8; 12,6-11; 27,23-25) trong đó có đời sống truyền giáo (x. *GLHTCG*, số 334). Còn đối với các thiên thần sa ngã là quỷ dữ, người tín hữu nhân danh Chúa Giêsu là Tin Mừng sống động để xua đuổi chúng ra khỏi con người như Chúa đã làm xưa và truyền dạy ta phải tiếp tục làm trong thời đại hôm nay (x. TLLV, số 29,116).

2.2. Đối với những người đã khuất, dân gian gọi là ma, người tín hữu gọi là các linh hồn nơi luyện ngục, họ vẫn cần được nghe các tín hữu rao giảng Tin Mừng bằng lời cầu nguyện, sự hy sinh, việc bác ái, nghĩa là bằng đời sống tràn đầy Tin Mừng để họ được hưởng ơn cứu độ trọn vẹn của Đức Giêsu Kitô. Thư thánh Phêrô nói rõ cho ta biết: “Đức Giêsu đã đến rao giảng cho các vong linh bị giam cầm, tức là những người xưa đã không vâng phục Thiên Chúa” (1Pr 3,19-20) và mỗi người tín hữu chúng ta tiếp tục công trình cứu độ của Người. Hơn nữa, vì Đức Kitô là Đấng phán xét kẻ sống và kẻ chết, mà tiêu chuẩn để phán xét là Tin Mừng, nên trước đó những người đã khuất cũng cần được nghe rao giảng Tin Mừng. Thánh Phêrô viết rõ ràng: “Họ sẽ phải trả lễ với Đấng sắp sửa phán xét người sống và kẻ chết. Quả thật, chính vì thế mà Tin Mừng đã được loan báo ngay cho cả những kẻ chết, để tuy bị phán xét về phần xác theo cách nhìn của loài người, họ được sống về phần hồn theo ý định của Thiên Chúa” (1Pr 4,5-6).

2.3. Đối với vạn vật mà người ta thường coi chúng là loài vô tri, vô giác, chẳng ai nghĩ đến việc rao giảng Tin Mừng cho chúng. Với sự

hiện diện của Đức Giêsu và Thần Khí của Người, ta mới hiểu vạn vật chính là những đứa em nhỏ mà Cha Trên Trời đã giao phó cho con người để thay Ngài quản trị muôn loài, như những anh lớn, chị lớn trong gia đình, chứ không phải như người chủ khai thác nô lệ đến mức kiệt quệ, như đang xảy ra khắp nơi, khiến chúng phản kháng lại bằng bão tố, lụt lội, hạn hán, dịch bệnh... Với tình yêu và việc thấu hiểu vạn vật qua việc chuyên cần học hỏi, nghiên cứu khoa học kỹ thuật, siêng năng lao động cũng như biết nghỉ ngơi, làm ra của cải và biết chia sẻ cho người nghèo đói, bảo vệ môi trường sống cho trong sạch, an lành, tự nguyện sống giản dị, tiết kiệm theo gương Chúa Giêsu, con người có thể điều khiển vạn vật như chính Chúa đã làm cho gió yên, biển lặng, bánh cá hoá nhiều (x. Mt 8,23-27; Mt 14,22-33; Mt 14,13-21). Những phép lạ này cũng sẽ là những bằng chứng để con người tin vào Tin Mừng của Chúa Giêsu Kitô, ngoài những dấu lạ về việc trừ quỷ, chữa bệnh cho con người và giúp cho các linh hồn siêu thoát.

Lời kết

Lệnh truyền của Đức Giêsu Phục Sinh như mở ra cho tín hữu Kitô những chân trời hoạt động mới trong việc loan báo Tin Mừng. Đây không phải là hoạt động hão huyền của những người mất trí, hoang tưởng. Qua việc gắn bó mật thiết với Đức Giêsu Phục Sinh và thờ được Thần Khí của Người, chúng ta sẽ thấy đây là những hành động cần thiết và rất hiện thực của người tín hữu trong thời đại hôm nay. Cầu chúc anh chị em trở thành Tin Mừng sống động của Đức Giêsu Kitô cho muôn loài.



Bài 2

Bối cảnh của cuộc Tân Phúc Âm hoá trên thế giới và ở Việt Nam

Lời mở

Muốn TPAH con người, chúng ta cần phải tìm hiểu người nghe Tin Mừng đang sống trong bối cảnh nào để Tin Mừng của chúng ta thật sự mang lại hiệu quả tốt đẹp. Họ có thể là người nghèo đói, tật bệnh, bị dẫn dắt vì tội lỗi, bị kiềm chế bởi ma quỷ, ma men, ma tủy. Chúa Giêsu sai chúng ta đi loan báo Tin Mừng cứu độ và trao quyền năng để chúng ta có thể giải thoát họ.

Vì thế, chúng ta sẽ tìm hiểu bối cảnh loan báo Tin Mừng của thế giới được mô tả trong TLLV của Thượng Hội đồng Giám mục 2012 về TPAH và so sánh với bối cảnh ở Việt Nam để thấy cần phải thực hiện cuộc TPAH như thế nào.

Một số anh chị em chúng ta có thể nghĩ rằng việc loan báo Tin Mừng trong một giáo xứ Việt Nam (VN) cần gì phải tìm hiểu bối cảnh thế giới, chuyện đó lớn lao quá vì mình chỉ được sai đến một xứ đạo nhỏ bé với số ít người như vậy cần gì mà phải tìm hiểu xa vời! Thượng Hội đồng nhắc nhở chúng ta rằng công cuộc loan báo Tin Mừng là công việc chung của toàn thể Giáo Hội để truyền bá “một đức tin duy nhất, và hành vi tuyên xưng đức tin này vừa phải là của cá nhân và cả tập thể, đầy tự do và ý thức, ở bên trong và bên ngoài, khiêm tốn và thẳng thắn” (TLLV, số 93). TPAH là việc chung của Giáo Hội nên

chúng ta cần phải đồng cảm với Giáo Hội, đồng cảm với tất cả anh chị em chúng ta trên toàn thế giới.

“Sứ mệnh truyền giáo mà Giáo Hội nhận được từ Chúa Giêsu Phục Sinh: ‘Anh em hãy đi khắp tứ phương thiên hạ loan báo Tin Mừng cho mọi loài thụ tạo’ (Mc 16,15) đã mặc lấy những hình thức và những phương pháp mới theo dòng thời gian, tùy theo các nơi chốn và tình hình trong đó sứ mệnh ấy được thể hiện; và tùy theo những thời điểm khác nhau trong lịch sử”. Tuy nhiên, sứ mệnh ấy vẫn chỉ là một và đồng nhất như từ khởi đầu thời các thánh tông đồ và các môn đệ thời xưa vì cùng được Chúa Thánh Thần thúc đẩy và hướng dẫn, cùng một nội dung loan báo là chính Đức Kitô, Tin Mừng của Thiên Chúa” (TLLV, số 41).

Giáo Hội nói đến việc TPAH vì những nhóm người mà Giáo Hội đang sống với đã thay đổi triệt để vì nhiều lý do, những hoàn cảnh mới xuất hiện khác hẳn quá khứ khiến cho việc loan báo Tin Mừng cần phải được thể hiện một cách mới mẻ thì mới mong kết quả tốt đẹp. “Sứ mạng ấy hôm nay đang đứng trước những thay đổi về văn hoá-xã hội ảnh hưởng sâu xa tới nhận thức của con người về chính mình và về thế giới, và do đó, ảnh hưởng tới cách họ tin vào Thiên Chúa” (TLLV, số 6).

Vì thế, trong phần trình bày này, xin giới thiệu hai điểm chính, đó là: bối cảnh TPAH của thế giới và bối cảnh TPAH ở VN.

1. Bối cảnh Tân Phúc Âm hoá của thế giới

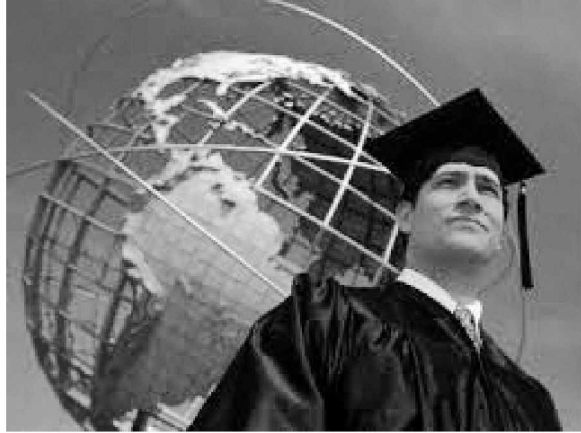
Tài liệu Làm việc của Thượng Hội đồng trình bày rất nhiều về bối cảnh trong cuộc TPAH của thế giới, từ số 52-67, với những thay đổi về văn hoá-xã hội. “Tất cả những thay đổi ấy đang góp phần làm nhiều người lạc hướng, dẫn tới những hình thức mất tin tưởng vào tất cả những gì đã được truyền lại về ý nghĩa cuộc đời... gia tăng sự rời xa đức tin trong các xã hội và các nền văn hoá vốn thấm nhuần Tin Mừng suốt nhiều thế kỷ... Đó là một thực tế tại hầu hết các nước mà ở đó đức tin Kitô giáo đã góp phần xây dựng nền văn hoá và xã hội

trong nhiều thế kỷ” (TLLV, số 7). Chúng ta sẽ lược qua rất nhanh một số những điểm cơ bản. Thượng hội đồng chia ra 7 lĩnh vực cơ bản:

1.1. Lĩnh vực văn hoá (số 52-54)

Có thể nói thế giới ngày nay đã có hiện tượng gọi là tục hoá, chối bỏ Thiên Chúa ra khỏi đời sống của mình một cách minh nhiên nhân danh việc giải phóng con người. Nếu theo dõi trong lĩnh vực triết học và các phong trào xã hội ở các nước Tây Phương thì chúng ta biết rằng hiện tượng này bắt nguồn từ sau Thế chiến Thứ Hai. Các nhà thần học Đức và một số nhà thần học Pháp trình bày cả một nền thần học về “cái chết của Thiên Chúa” xuất hiện sau hai cuộc thế chiến.

Người ta thấy trong thế chiến bao nhiêu con người bị chết, trong đó có rất nhiều thường dân vô tội. Người ta đặt câu hỏi: nếu mà Chúa đầy lòng thương xót và quyền năng thì Chúa phải ngăn cản



không cho người ta giết hại nhau, tại sao Chúa lại để xảy ra những vụ sát hại như vậy? Hoặc là Chúa bất lực, hoặc là Chúa không có lòng thương xót!? Và rồi người ta đánh mất lòng tin vào Thiên Chúa để chỉ còn tin vào Đức Giêsu Kitô vì Người chính là hình ảnh cụ thể của quyền năng và lòng thương xót của Thiên Chúa. Thiên Chúa đã chết trong Đức Giêsu Kitô.

Chúa Giêsu chính là hình ảnh của con người vĩ đại, hay nói đúng hơn là của toàn thể nhân loại, vì Người đầy lời quyền năng và tình yêu vô vị lợi. Nhưng sau khi khám phá và áp dụng các phương pháp

ngiên cứu văn học cho Tin Mừng, nhất là khoa văn hình sử, người ta muốn giải trừ mọi huyền thoại ra khỏi các bản văn Tin Mừng, không còn tin vào các lời Chúa Giêsu, chối bỏ các phép lạ và cuộc phục sinh của Người, Người chỉ còn là hình tượng mời gọi con người sống gắn bó yêu thương nhau trên bình diện hoàn toàn nhân loại mà thôi.

Những khuynh hướng triết học đã giải thích cho chúng ta biết điều đó nhân danh việc giải phóng con người, nhân danh tự do của con người. Các triết gia, tiểu thuyết gia như Jean-Paul Sartre, Simone de Beauvoir, Albert Camus, đại diện cho phái hiện sinh vô thần, đã lập luận rằng: nếu có Thiên Chúa thì con người không thể có tự do tuyệt đối, cho nên con người cần phải nhân danh tự do làm nên giá trị con người để gạt bỏ Thiên Chúa ra khỏi đời sống. Những phong trào triết học cũng như văn chương ấy đều nói lên cuộc đời vô nghĩa, phi lý trước những vấn nạn về đau khổ, cái chết... Trong tác phẩm *Buồn Nôn* (*La nausée*, 1938) của Jean-Paul Sartre, ông đã mô tả cuộc đời thật phi lý, học hành và làm việc chẳng có ý nghĩa gì, cứ sống thoải mái cho giây phút hiện tại.

“Giọng điệu mềm mỏng của chủ nghĩa tục hoá tạo cho nó vẻ duyên dáng và quyến rũ, khiến nó dễ đi vào đời sống của các Kitô hữu và các cộng đồng Kitô giáo, và trở thành không chỉ là một mối đe dọa bên ngoài đối với các tín hữu, mà còn đi sâu vào cuộc sống hằng ngày... “Cái chết của Thiên Chúa” mà nhiều nhà trí thức thời trước tuyên bố bây giờ đã nhường chỗ cho một não trạng biếng nhác, khoái lạc và hưởng thụ, dẫn đến một thái độ hết sức hời hợt trước sự sống và trách nhiệm. Trong tình hình này, đức tin có nguy cơ thực sự mất đi những yếu tố nền tảng của nó. Ảnh hưởng của tục hoá trong đời sống hằng ngày khiến cho người ta ngày càng trở nên khó khăn định về sự hiện hữu của chân lý, loại bỏ câu hỏi về Thiên Chúa trong suy tư của con người về bản thân của mình” (*TLLV*, số 53).

1.2. Lĩnh vực xã hội (số 55)

“Sự di dân ồ ạt khiến hàng triệu người rời bỏ quê hương xứ sở của mình đến sống tại những đô thị, sự gặp gỡ pha trộn của các nền

văn hoá dẫn đến sự xói mòn các điểm quy chiếu cơ bản của đời sống, các giá trị và chính các sợi dây ràng buộc giúp cho người ta xây dựng căn tính của mình và biết ý nghĩa của cuộc sống”. Sự tục hoá dễ dàng dẫn tới việc bỏ đạo.

1.3. Lĩnh vực kinh tế (số 56)

Hiện tượng bất bình đẳng giữa các nước giàu và nghèo, người ta không chịu san sẻ cho nhau, dùng những thế mạnh của kinh tế để chèn ép nước nghèo, người nghèo. Ở Mỹ, để bảo vệ giá nông sản, mỗi năm có hàng trăm ngàn tấn lương thực đã đổ xuống biển và tất cả các thức ăn thừa bỏ đi đủ để nuôi sống toàn Châu Phi.

Các cuộc khủng hoảng kinh tế bùng nổ đã làm cho đời sống con người hết sức bấp bênh. Đồng tiền bị mất giá liên tục khiến người ta không còn thấy sự bảo đảm cho tương lai.

1.4. Lĩnh vực dân sự (số 57)

Những thay đổi trong lĩnh vực này có thể nói là chấn động. Tình trạng thế giới phương Tây chia thành 2 khối Tư bản và Cộng sản đã kết thúc với sụp đổ của khối Cộng sản, tại một số nước châu Âu, người ta được hưởng tự do tôn giáo và có thể tái tổ chức các giáo hội. Xuất hiện các thế lực mới về kinh tế, chính trị, tôn giáo từ thế giới Hồi giáo và châu Á (Trung Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ) tạo nên tình hình mới mẻ và bất ngờ, tiềm ẩn những nguy cơ xung đột về quyền lực, kinh tế và chính trị. Lực lượng Hồi giáo hiện nay có hơn 1,5 tỉ người. Trung Quốc bành trướng thế lực sang cả châu Âu, mua nhiều ngân hàng, công ty, bến cảng ở Âu Châu, những vùng đất rộng lớn ở châu Phi, công khai công bố đường lối bỏ ở biển Đông để lấn chiếm vùng biển ở châu Á tạo nên căng thẳng, bất an.

1.5. Lĩnh vực khoa học công nghệ (số 58)

Con người ta hưởng dùng lợi ích từ các khoa học kỹ thuật nhưng chúng lại trở thành những loại thần tượng của tôn giáo mới lôi cuốn con người, bắt con người làm nô lệ cho chúng.

1.6. Lĩnh vực truyền thông (số 59-62)

Việc sử dụng internet, sách báo, phim ảnh, truyền thanh, truyền hình... ảnh hưởng rất lớn đến con người ở một số nước đang phát triển. Sự nổi kết trong lĩnh vực này ảnh hưởng đến Giáo Hội, văn hoá và làm thay đổi cả trải nghiệm của con người. Người ta có thể ngồi một chỗ và liên lạc với toàn thế giới nên chúng ta cần hiểu biết và sử dụng các phương tiện này một cách khôn ngoan và hiệu quả.

1.7. Lĩnh vực tôn giáo (số 63-67)

Sự phục hưng đáng kể về tôn giáo và những nhu cầu về một linh đạo trong nhiều nền văn hoá, đặc biệt là cho giới trẻ. Nhiều sự lạm dụng về tôn giáo, người ta lợi dụng tôn giáo để thôi thúc tinh thần ái quốc. Sự xung đột tôn giáo ở Pakistan, châu Phi, châu Á hiện nay. Trên thế giới đang có hơn 4.000 tôn giáo lớn nhỏ. Nhiều tôn giáo mới lập được quan tâm và nhiều người theo vì các thành viên tham gia được chú ý, săn sóc trong khi người tín đồ của các tôn giáo lớn lại cảm thấy mình xa lạ, lạc lõng trong cộng đồng mình sống.

2. Bối cảnh Tân Phúc Âm hoá ở Việt Nam

2.1. Lĩnh vực văn hoá

Hiện tượng tục hoá ở VN nặng nề hơn vì sau 2 cuộc Thế chiến, thế giới chia thành 2 phe đối kháng nhau: Tư bản và Cộng sản, và VN lại nằm trong vòng xoáy đó, miền Bắc theo ý thức hệ Cộng sản, miền Nam theo Tư bản, và chiến tranh đã xảy ra. Năm 1954, miền Bắc đi theo ý thức hệ vô thần, duy vật. Miền Nam theo Tư bản nhưng vẫn tiềm ẩn nguy cơ duy vật thực hành và tục hoá. Sau khi đất nước thống nhất năm 1975, toàn xã hội được hướng dẫn theo ý thức hệ Cộng sản, theo mô hình Nhà nước thế tục, hiện tượng tục hoá ngày càng gia tăng. Vì thế, những người dưới 40 tuổi hiện nay, cùng được giáo dục trong các trường lớp của xã hội VN nên bị ảnh hưởng nặng nề của ý thức hệ duy vật, vô thần: họ có ý loại bỏ Thiên Chúa ra khỏi đời sống, suy nghĩ và cả hành động của họ.

2.2. Lĩnh vực xã hội

Hiện tượng di dân ở VN rất đáng quan tâm: hơn 8 triệu người phải rời xa gia đình hoặc cả gia đình phải di chuyển đến nơi khác để học hành, làm việc, nhất là đến các đô thị hay thành phố lớn. Hiện tượng đánh mất mình trong đám đông của người di dân.

Sự pha trộn văn hoá phương Tây và Á Đông qua các phim ảnh có nguy cơ tạo nên một lối sống dễ dãi, hưởng thụ vật chất. Nhà nước ít quan tâm đến văn hoá của các dân tộc thiểu số.

Về vấn đề gia đình có tới 31-41% trong tình trạng li dị kể cả những người Công giáo.

Hiện tượng toàn cầu hoá ở VN, các bạn trẻ để tóc highlight, ăn mặc theo kiểu Hàn Quốc.

Ý thức bảo vệ môi trường ở VN rất kém, nguồn nước ô nhiễm, không khí bụi bặm khiến sức khỏe kém, bệnh tật nhiều.

2.3. Lĩnh vực kinh tế

Theo báo cáo “Đánh giá nghèo Việt Nam 2012” của Ngân hàng Thế giới, dựa trên chuẩn nghèo mới, tỷ lệ nghèo của Việt Nam đã giảm từ 58% xuống còn 20,7% trong 20 năm qua. Như thế, số người sống trong tình trạng nghèo khổ ở VN là 18 triệu (x. vtv News, ngày



21/9/2013, <http://vtv.vn/Thoi-su-trong-nuoc/Ty-le-ngheo-cua-Viet-Nam-giam-tu-58-xuong-207/82063.vtv>).

Nhiều công ty, xí nghiệp bị phá sản, nhất là 2 năm gần đây. Tỷ lệ người dân nông thôn lên thành thị làm việc và bị cuốn theo vòng xoáy tiền bạc dẫn đến sa đọa cao; các quán cà phê, bia ôm, massage nhan nhản khắp nơi. Nạn buôn gian bán dối, bán hàng độc hại, nông sản chứa dư lượng thuốc trừ sâu hầu như ở khắp nơi, ngay cả trong các cộng đồng có nhiều người Công giáo. Nạn lấy chồng nước ngoài gia tăng trong một số địa phương do hiểu biết kém và ước muốn làm giàu bằng bất cứ cách nào. Chúng ta cần phải loan báo Tin Mừng cứu độ như thế nào cho những anh chị em đó?

2.4. Lĩnh vực dân sự

Ở VN tham nhũng được coi là quốc nạn. Về vấn đề bảo vệ sự sống đáng báo động vì VN đứng thứ 5 trên thế giới về số ca phá thai, các nhà xã hội ước chừng 2 triệu ca. Bộ Y tế VN cho biết có 300.000 ca hằng năm ở tuổi vị thành niên. Đây là ý kiến của ông Mai Xuân Phương, phó vụ trưởng Vụ Truyền thông - giáo dục Tổng cục Dân số - kế hoạch hoá gia đình, tại hội thảo về giám mang thai ở người vị thành niên được tổ chức ngày 12-11 ở Hà Nội. Theo thống kê của Tổng cục Dân số - kế hoạch hoá gia đình, tỉ lệ nạo phá thai ở người vị thành niên/tổng số ca sinh ở VN ước khoảng 20% (x. Báo Tuổi Trẻ, ngày 13/11/2013). 30% phụ nữ phá thai rơi vào tình trạng trầm cảm không được cứu chữa. Chúng ta loan báo Tin Mừng cho họ như thế nào?

26 triệu người uống rượu, vài triệu người nghiện rượu, đánh đập vợ con, gây bất an nơi gia đình. Chúng ta làm gì để giúp đỡ họ? 33 triệu người hút thuốc lá, chất nicotine ảnh hưởng đến bộ phận sinh sản và con cái họ bị ngu đần; 200.000 người nghiện ma tuý; 300.000 người nhiễm HIV; tai nạn giao thông ở mức độ rất cao, hàng chục ngàn người bị thiệt mạng hằng năm; Việt Nam có 6 triệu 700 ngàn người khuyết tật về thể lý, 10 triệu người khiếm khuyết về tinh thần. Chúng ta loan Tin Mừng cứu độ cho những người này như thế nào?

2.5. Lĩnh vực khoa học công nghệ

Việt Nam là nước đang phát triển, áp dụng kỹ thuật từ nước ngoài. Lòng yêu chuộng khoa học thực nghiệm thôi thúc các bạn trẻ,

các thanh thiếu niên áp dụng phương pháp kỹ thuật vào đời sống nhưng càng ngày họ càng lệ thuộc vào chúng. Ta phải loan báo Tin Mừng của Đức Giêsu Kitô như thế nào trong lĩnh vực này?

2.6. Lĩnh vực truyền thông

41 triệu người truy cập internet thường chỉ để giải trí, xem tin tức hơn là nghiên cứu, học hành, làm việc. VN đứng đầu thế giới về truy cập phim sex với 5 triệu lượt người xem hằng đêm, 10 triệu người chơi game online mỗi ngày, bỏ cả học hành làm việc, chúng ta làm gì để giải thoát họ khỏi những cơn nghiện này? Thông tin nhiều khi phiến diện, gây hoang mang, hiểu lầm. Giáo hội Công giáo Việt Nam (GHCGVN) cũng chưa biết lợi dụng phương tiện truyền thông để loan báo Tin Mừng. Số trang web của Giáo hội và nội dung thông tin còn nghèo nàn, chưa thu hút được chính người tín hữu còn nói chi đến người ngoài.

2.7. Lĩnh vực tôn giáo

Theo số liệu từ cuộc Tổng Điều tra Dân số năm 2009, Công giáo chiếm khoảng gần 7% dân số, 1% Tin Lành, 8% Phật giáo, khoảng 3% thuộc các tôn giáo khác như Cao Đài, Phật giáo Hoà Hảo, Bah'ai, Hồi giáo. 5% tuyên bố vô thần, không theo một tôn giáo nào. Như thế, trong hơn 65% dân số Việt Nam còn lại, đa số vẫn còn tin vào Ông Trời, vào Đấng Tối Cao, cho mình là theo đạo ông bà tổ tiên. Đây là đối tượng đáng quan tâm để rao giảng Tin Mừng, GHCGVN có chiến lược TPAH gì cho những người này?

Kết luận

Khi đặt mình trong bối cảnh của thế giới và của Việt Nam cho cuộc TPAH, chúng ta cảm thấy sứ mạng thừa sai thúc chúng ta vì “mọi người có quyền được nghe Tin Mừng của Thiên Chúa cho loài người, Tin Mừng này là chính Đức Giêsu Kitô... Nhân loại ngày nay cần được nghe những lời của Đức Giêsu” (*TLLV*, số 33). Chúng ta phải nhận thức được rằng công việc rao giảng Tin Mừng là một bổn

phận cần phải chu toàn trong hoàn cảnh cấp bách hiện nay như Thánh Phaolô: “*Thật vậy, đối với tôi, rao giảng Tin Mừng không phải là một lý do để tự hào, mà đó là một sự cần thiết, bắt buộc tôi phải làm. Khốn thân tôi nếu tôi không rao giảng Tin Mừng*” (1Cr 9,16; TLLV, số 33).



Bài 3

Người Kitô hữu hành động như thế nào trước những thay đổi trên thế giới và ở Việt Nam

Lời mở

Chúng ta đã tìm hiểu bối cảnh của thế giới và VN trong cuộc TPAH và được mời gọi “tìm cách khám phá ra những lý do cơ bản tại sao các hoạt động và chứng tá của nhiều tổ chức Giáo Hội thiếu tính khả tín khi rao giảng với tư cách những người mang Tin Mừng của Thiên Chúa” (TLLV, số 32). Trong phạm vi bài này, chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu người Kitô hữu hành động như thế nào trước những thay đổi trên thế giới và ở VN để khám phá ra lý do tại sao hoạt động rao giảng Tin Mừng thiếu hiệu quả.

1. Hành động của người tín hữu Công giáo trên thế giới

Có thể nói rằng đứng trước bối cảnh những đổi thay trong nhiều lĩnh vực, “nhiều cộng đồng Kitô giáo đã không nhận thức đầy đủ sự thách thức cũng như mức độ lớn lao của cuộc khủng hoảng gây ra bởi môi trường văn hoá bên ngoài cũng như ngay cả bên trong Giáo Hội” (TLLV, số 49).

Họ vẫn tiếp tục sống hết sức bình thường, cũng nói đến truyền giáo, loan báo Tin Mừng. Nhưng, với cách sống và rao giảng TM quen

làm như hiện nay bằng những giờ kinh phụng vụ, thánh lễ, đón nhận các bí tích, học hỏi Thánh Kinh, dạy giáo lý với các bài quen thuộc, thỉnh thoảng làm một số công tác xã hội như khám bệnh, phát thuốc, phát quà cho người nghèo, người tàn tật, thăm viếng một ít cơ sở tôn giáo bạn như đền chùa, thánh thất, hoặc giao lưu với các anh em Tin Lành thì hiệu quả truyền giáo sẽ không mấy thay đổi như đang tồn tại cả trăm năm nay.

1.1. Những điểm tiêu cực

Thượng Hội đồng cảnh báo rằng: đối mặt với những thay đổi đó, người Kitô hữu rất thụ động. Hậu quả là từ thái độ thụ động của Kitô hữu: “chúng ta thấy có sự suy yếu đức tin trong các cộng đồng tín hữu, sự giảm sút lòng kính trọng đối với thẩm quyền của huấn quyền, sự tùy thuộc vào Giáo Hội mang tính chất cá nhân chủ nghĩa, sự suy thoái trong việc thực hành tôn giáo và sự hờ hững trong việc truyền thông đức tin cho các thế hệ mới” (TLLV, số 48).



Chúng ta không lạ lùng gì, cả thế giới chứ không riêng gì Việt Nam, số người tín hữu càng ngày càng giảm sút. Cách đây 50 năm, tỷ lệ người Công giáo so với dân số thế giới là 18,2 %, hiện nay tỷ lệ này là 17,5%. Theo Thống kê, vào năm 2010, Giáo hội Công giáo (GHCG) có 1.195.671.000 tín hữu trên tổng số 6.848550.000 người trên thế giới. GHCG hiện có 207 hồng y, 12 thượng phụ, 1.039 tổng giám mục, 3.855 giám mục, 412.236 linh mục trong đó có 277.009 linh mục triều và 135.227 linh mục dòng, 39.564 phó tế vĩnh viễn, 54.665 tu sĩ nam, 721.935 tu sĩ nữ, 118.990 đại chủng sinh, 335.502 thừa sai giáo dân, 3.160.628 giáo lý viên, trong khi số người lớn (trên 7 tuổi) được rửa

tội cả năm là 2.666.953. Trung bình cứ 2 người tín hữu ưu tuyển, tạm kể là các giám mục, linh mục, phó tế, đại chủng sinh, tu sĩ, thừa sai giáo dân, giáo lý viên là những người có ý thức trách nhiệm truyền giáo mới thu hút được 1 người theo đạo mỗi năm. Vậy những người khác làm gì? (x. *Catholic Almanac 2013*, tr.335, NXB Our Sunday Visitor's, 2012).

Giáo Hội thấy cần phải thay đổi: vì người ta thấy rằng “có sự sa sút của nhiều Kitô hữu trong đời sống đạo và có thể nói đây là sự bội giáo âm thầm đưa Hội Thánh tới chỗ không còn khả năng đáp ứng một cách thuyết phục và thoả đáng trước những thách thức được mô tả trong các lĩnh vực” (TLLV, số 48).

Các bản góp ý về Thượng Hội đồng đã nói đến:

- “Tình trạng suy yếu đức tin của các Kitô hữu: sự thiếu dẫn thân cá nhân và thiếu kinh nghiệm trong việc truyền bá đức tin, không có đủ sự hướng dẫn thiêng liêng cho giáo dân trong tiến trình đào luyện của họ về tri thức nghề nghiệp” (TLLV, số 69).
- “Cơ cấu Giáo Hội tỏ ra quá quan liêu: có một khoảng cách quá lớn giữa các cơ cấu này đối với những con người bình thường và các mối quan tâm hàng ngày của họ khiến cho năng lực của các cộng đồng Giáo Hội bị suy giảm, mất đi sự phân khởi từ cơ sở và suy thoái của nhiệt tình truyền giáo” (TLLV, số 69).
- “Tính quá hình thức của các cử hành phụng vụ, hầu như chỉ là những hình thức theo thói quen và thiếu trải nghiệm thiêng liêng sâu xa, làm cho dân xa lánh thay vì lôi cuốn họ” (TLLV, số 69). Nhìn vào các buổi cử hành phụng vụ hiện nay, chúng ta thấy những điều mà THĐ cảnh báo. Nhiều linh mục dâng lễ nhưng thiếu tâm tình, nhiều khi mang cả những sự bực bội vào trong thánh lễ. Nhiều người tín hữu không cảm nghiệm được sự sống động của mỗi thánh lễ mình dâng.

Nhiều cộng đoàn tu sĩ quên đi tính cách cộng đồng của toàn thể Giáo Hội trong thánh lễ với lời chào “Chúa ở cùng anh chị em” để chỉ còn giữ “anh” hay “chị” cho cộng đồng đóng kín của mình. Khi chúng ta công bố Tin Mừng trong thánh lễ, đâu phải chỉ loan báo cho người đang sống, mà còn cho cả những người đã khuất. Bao nhiêu linh hồn người đã khuất, các thần thánh trên trời lắng nghe Tin Mừng của Chúa Giêsu Kitô để được giải thoát. Khi ta nói lời cầu chúc: “Anh chị em ra về bình an”, biết bao nhiêu linh hồn chờ sự bình an của chúng ta. Vì thế, qua lời chúc và những lời cầu nguyện của chúng ta, cả một cộng đồng các thánh đang cùng hiện diện với chúng ta trong thánh lễ là một thực tại rất có ý nghĩa. Nếu mỗi thánh lễ chúng ta cảm nghiệm được như vậy ta mới làm cho những người tham dự thấy rằng thánh lễ ngày hôm nay khác với thánh lễ ngày hôm qua vì hôm nay tôi dâng cho Chúa những công việc mới, những ưu tư mới, dự tính mới và điều đó làm cho thánh lễ thêm sống động.

- “Sự phản chứng của một số phần tử của Hội Thánh: bất trung với ơn gọi, gương mù, ít nhạy cảm với những vấn đề của con người ở thế giới hôm nay” (TLLV, số 69). Chúng ta đều là con người yếu đuối, có những lúc chúng ta sa ngã, nên chúng ta cần khiêm tốn hơn để thú nhận tội lỗi của mình, khoan dung với tội nhân và cố gắng hành động tích cực để sửa đổi. Đó cũng là hành động rao giảng Tin Mừng tha thứ của Chúa Giêsu Kitô. Đức Giêsu đến với chúng ta không phải là vì chúng ta là những người khoẻ mạnh thánh thiện, Người cứu vớt chúng ta bởi vì chúng ta yếu đuối và tội lỗi. Cảm nghiệm được như vậy, chúng ta mới trung thành với Chúa Giêsu, trung thành trong sứ mạng thừa sai của mình.
- “Mâu nhiệm sự dữ” (TLLV, số 69): đây là cuộc chiến của phản Kitô – gồm các thiên thần sa ngã cộng tác với thế gian để chống lại Đức Giêsu Kitô. Dĩ nhiên ma quỷ không phải lúc nào cũng hiện lên với hình ảnh đen tối, xấu xa để chúng ta cảm nghiệm được sự hiện diện của chúng mà trừ khử nên có nhiều người đang muốn chối bỏ sự hiện diện của chúng,

nhất là trong thời đại khoa học, kỹ thuật hiện nay. Chúng hiện diện dưới muôn vàn hình thức hấp dẫn: ma men, ma túy, ma lực của tham vọng và dục vọng trước danh vọng, tiền bạc... Sự thiếu nhận thức về bối cảnh của thế giới cũng như tình trạng sa sút đức tin trong lòng Giáo Hội đã khiến cho nhiều người không còn cảm nhận được nguy cơ này.

1.2. Những điểm tích cực

Nếu xét về mặt tích cực thì nhiều cộng đồng trong Giáo Hội đã ý thức phần nào về bối cảnh đó nên đã có hành động tốt và lợi dụng được sự thay đổi đó, chúng ta có thể nhắc lại một ít điểm tốt đẹp sau đây:

- *Vấn đề di dân* (TLLV, số 70). Sự pha trộn nền văn hoá của những người phải di dân đến từ những vùng xa lạ: có người muốn ẩn mình trong nền văn hoá của đô thị và đánh mất những giá trị truyền thống của tổ tiên; nhưng cũng có những thành phần tích cực lại đưa những giá trị tốt đẹp vào trong vùng đất mới. Ví dụ: một số người Việt sang Mỹ hoặc một số nước khác đã lập nên giáo xứ và tổ chức các hình thức sống đạo như ở Việt Nam, làm khơi dậy đời sống đức tin của dân tộc bản địa qua cách chúng ta dự lễ, rước lễ, sống tinh thần bác ái, chia sẻ cho nhau (x. TLLV, số 70).
- *Về lĩnh vực kinh tế* quả thật có sự phân cách đối với người giàu và nghèo, nhưng một số cộng đồng, dù gặp khủng hoảng kinh tế, nhưng lại gia tăng hoạt động liên kết, chia sẻ cho những người nghèo khó, tận tụy và liên đới với người nghèo qua công việc bác ái cũng như nếp sống giản dị theo tinh thần nghèo khó của Đức Giêsu Kitô. Trong thế giới đề cao sự tiêu thụ và sắc dục như hiện nay, thái độ này là động lực để loan báo Tin Mừng và làm chứng cho tình yêu (x. TLLV, số 71).
- Đối thoại đại kết giữa những anh em trong Kitô giáo: trong những cộng đồng ở Tây Phương, có sự liên kết và cộng tác

với nhau giữa Công giáo và Tin Lành (ở Đức có nhà thờ có hai đầu, một đầu là Công giáo, một đầu là Tin Lành, giữa là cộng đồng. Ở VN thì chưa có sự liên kết chặt chẽ như thế) (x. TLLV, số 72).

- Đối thoại liên tôn của một số cộng đồng khi sống chung với các tôn giáo khác.
- Những nơi Giáo Hội chiếm thiểu số có thể gặp nhiều thiệt thòi và giới hạn như ở một số nước Nam Á và Đông Nam Á như Afganistan, Pakistan, Malaysia, Indonesia, Philippines, thậm chí bị bách hại. Chính trong những cuộc bách hại đó, người Công giáo hiểu được những giá trị của Tin Mừng và họ làm chứng cho Giáo Hội một cách anh hùng hơn là những người ở trong các nước tự do (x. TLLV, số 74).

Môi ràng buộc giữa loan báo Tin Mừng và thập giá luôn luôn là mối liên kết chặt chẽ, nếu chúng ta tự nguyện trở thành người loan báo Tin Mừng, chúng ta không thể nào lui bước với những thập giá hằng ngày, thậm chí cả đời, của chúng ta. Chúng ta đừng lạ lẫm khi bị những lời chửi bới, công kích, thư nặc danh, thái độ khinh thường... của người khác đối với mình.

2. Người Kitô hữu hành động như thế nào trước những đổi thay của Việt Nam

Hầu hết những điểm tiêu cực và tích cực được Thượng Hội đồng Giám mục vừa nhắc đến đều thấy có trong xã hội VN ở nhiều mức độ nặng nhẹ khác nhau vì người dân VN mới trải qua cuộc chiến tranh từ năm 1945-1975 rồi đang sống dưới chế độ xã hội chủ nghĩa (XHCN) và theo ý thức hệ Cộng sản từ năm 1975 đến nay.

2.1. Thực tế và hoàn cảnh lịch sử

Sau gần 11 thế kỷ bị người Trung Quốc đô hộ từ năm 111 trước Công nguyên đến năm 938 sau Công nguyên, bản sắc của người VN có nhiều điểm tốt như cần cù, chịu khó, nhẫn nại, biết chia sẻ cho

người gặp hoạn nạn, thông minh, sống tiết kiệm. Nhưng họ cũng có nhiều điểm cần sửa đổi như sống hời hợt, hình thức bên ngoài, nghi ngờ, sợ hãi trước người lạ, chỉ tỏ vẻ cần cù làm việc khi có người giám sát, thiếu đoàn kết, không tôn trọng của chung, ít bền lòng làm việc cho đến nơi đến chốn. Những điểm tiêu cực này đáng lý ra có thể được sửa đổi nhờ gương sáng và lời dạy của Tin Mừng nhưng chưa thấy Giáo Hội quan tâm.

Lòng tin có từ ngàn năm qua vào Đấng linh thiêng mà dân chúng quen gọi là Ông Trời, Chúa Trời như “Trời cao có mắt”, “Lưới trời lồng lộng”, “Thiên bất dung gian” đã phai nhạt. Ngay cả một số các tín đồ của các tôn giáo cũng đã suy giảm lòng tin, thậm chí đánh mất đức tin để sống theo chủ nghĩa cá nhân hưởng thụ tìm lợi cho mình và bất công bất chính đối với người khác.



Những cuộc cử hành phụng vụ của đồng bào Công giáo, nhất là Thánh lễ, tuy có rất đông người tham dự, nhưng người tín hữu vẫn cảm thấy nặng nề về hình thức, thiếu trải nghiệm thiêng liêng sâu xa và không đưa được tinh thần đạo đức vào trong đời sống thường ngày cũng như trong xã hội. Vì thế, đạo Công giáo vẫn chưa lôi cuốn mạnh mẽ những người ngoài Công giáo. Hầu hết những người muốn theo đạo đang học trong các lớp giáo lý tân tông là những người muốn lập gia đình với người Công giáo.

Một số anh em linh mục còn không tin có ma quỷ và cho đó là chuyện hoang đường nên không nghĩ mình cần phải giải thoát con

người khỏi quyền lực trời buộc của quỷ ma. Thực ra những tài liệu mới của Giáo Hội về điểm này trong sách Giáo lý của Hội Thánh Công giáo hay trong cuốn Tóm lược Học thuyết Xã hội của Giáo hội Công giáo có lẽ còn quá mới mẻ đối với linh mục, còn nói chỉ đến giáo dân! Trong khi đó, quần chúng bình dân lại rất tin vào bùa chú, ma thuật và những trò bịp bợm mê tín. Câu chuyện và những cảm nghiệm của nhiều nhà ngoại cảm được các phương tiện truyền thông phổ biến đang cần lời giải thích và hướng dẫn của các cơ quan có thẩm quyền của GHVN thì chúng ta lại chỉ nhận được sự im lặng khó hiểu. Nhiều ủy ban của HĐGMVN vẫn chỉ có những hoạt động cảm chừng vì những sự e ngại nhiều mặt đúng như những nhận định của Thượng Hội đồng Giám mục 2012.

“Việc nhận ra những hoa trái của TPAH cũng đòi hỏi sự dũng cảm để tố giác những sự bất trung và gương xấu trong các cộng đoàn Kitô và có thể coi đó là dấu chỉ và hiệu quả của sự sa sút trong nhiệm vụ loan báo Tin Mừng. Cần sự can đảm để nhìn nhận lỗi lầm, đồng thời tiếp tục làm chứng cho Chúa Giêsu Kitô và nhu cầu liên tục được cứu rỗi. Theo thánh Phaolô, khi chúng ta xét đến các yếu đuối của mình, chúng ta có thể nhìn ra quyền năng cứu độ của Đức Kitô cho chúng ta” (2Cr 12,9; Rm 7,14tt; TLLV, số 127).

2.2. Vài số liệu thống kê

GHVN, tính đến ngày 31/12/2012 có 4.441 linh mục, 4.195 chủng sinh, 2.679 tu sĩ nam, 17.280 tu sĩ nữ. Tuy nhiên số đông người tận hiến cho Đức Kitô vì Nước Trời này hình như vẫn chưa đủ sức thu hút những người ngoài Công giáo tin vào Đức Kitô do thái độ quan liêu, xa cách và thiếu quan tâm của nhiều người đối với cộng đồng xã hội. Những hoạt động xã hội, bác ái từ thiện của những cơ sở tôn giáo mà họ cai quản như các trường học trường mẫu giáo, nhà trẻ, nhà nuôi dưỡng người già, người khuyết tật vẫn thiếu một cái gì đó của chính Đức Kitô, khiến cho những người thụ hưởng không cảm nghiệm được sự hiện diện sống động của Người.

Ngoài ra, GHVN hiện có 59.524 giáo lý viên, gần 1 triệu đoàn viên các hội đoàn Công giáo Tiên hành và 6.560.879 tín hữu giáo dân

(x. Thống kê của Văn phòng Tổng Thư ký HĐGMVN), nhưng số người lớn theo đạo Công giáo hàng năm trong những năm gần đây chỉ có khoảng 30.000-40.000. Trong khi số người bỏ đạo cũng gần bằng số người theo đạo nên tỷ lệ người Công giáo không tăng trong suốt 128 năm qua tính từ năm 1885 đến nay. Con số tăng hằng năm người Công giáo có tính cách cơ học theo sự tăng trưởng tự nhiên của dân số. Nhiều vị lãnh đạo trong Giáo hội Công giáo không mấy quan tâm đến điểm này, dù nhiều nơi vẫn hô hào loan báo Tin Mừng hằng năm và tổ chức những hình thức cổ vũ ơn gọi và hoạt động truyền giáo. Thật ra những sinh hoạt của các hội đoàn Công giáo Tiến hành và các bài học của các lớp giáo lý hiện nay cần phải đổi mới từ nội dung đến hình thức thì mới có sức thu hút người khác theo Chúa.

Theo số liệu mới nhất của Văn phòng Tổng Thư ký Hội đồng Giám mục Việt Nam, tính đến ngày 31/12/2012, số người lớn được rửa tội năm 2012 là 42.422 người. Trong khoảng 10 năm gần đây, hằng năm khoảng 30.000 đến 40.000 người lớn theo đạo Công giáo, nhưng hầu hết là để lập gia đình với người có đạo. Vậy chúng ta tự hỏi ai là người đi loan báo Tin Mừng Đức Giêsu Kitô và truyền giáo có kết quả?

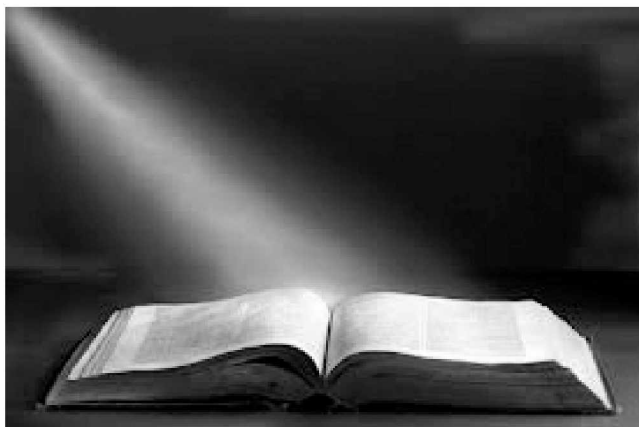
Một thí dụ minh họa: năm 2010, giáo phận Huế có 2 giám mục, 140 linh mục, 74 chủng sinh, 108 tu sĩ nam, 588 tu sĩ nữ, 755 giáo lý viên và 68.910 tín hữu, nhưng cả năm 2010 chỉ có 66 người lớn được Rửa tội, năm 2009 có 94 người, năm 2008 có 106 người (x. Thống kê Văn phòng Tổng Thư ký HĐGMVN), còn năm 2012 chỉ có 60 người. Chúng tôi đưa thí dụ này không có ý chê trách hay xem thường hoạt động truyền giáo của người tín hữu Huế vì mỗi hoạt động truyền giáo của ta đều được Chúa ghi nhận và ban thưởng dù nó có vẻ không mang lại hiệu quả bên ngoài. Từ sự kiện này chúng tôi muốn lưu ý rằng những đại hội hành hương lớn lao ở La Vang hay ở bất cứ đâu không luôn luôn đi đôi với kết quả truyền giáo. Hàng trăm ngàn người đổ về La Vang hằng năm vẫn chưa thu hút được người ở Huế theo đạo.

Dù những con số không nói lên hoàn toàn sức sống năng động của người Công giáo nhưng việc giảm sút số người tin theo Đức

Kitô có thể đã nói lên phần nào công cuộc truyền giáo toàn cầu cũng như ở Việt Nam không mấy thành công.

Lời kết

Tìm hiểu thái độ và hành động của người tín hữu chúng ta trước những đổi thay của thế giới và của Việt Nam, chúng ta nhận ra rằng mình chưa loan báo Tin Mừng với tư cách là người thừa sai của Thiên Chúa và của Đức Giêsu Kitô. Chúng ta có thể chưa đi loan báo Tin Mừng với tình yêu, quyền năng và ân phúc Chúa ban cho ta như một chứng nhân sống động của Tin Mừng để chữa lành và giải thoát con người khỏi bệnh tật, tội lỗi và ách nô lệ ma quỷ (x. TLLV, số 29). Giáo Hội đang mời gọi chúng ta thay đổi bằng cuộc TPAH và can đảm ra khơi thì mới hy vọng chinh phục nhiều người cho Chúa.



Bài 4

Thời điểm cho cuộc Tân Phúc Âm hoá để trở về với Đức Kitô

Lời mở

Giáo hội Công giáo, khi dự tính mở Thượng Hội đồng Giám mục với đề tài “Tân Phúc Âm hoá để truyền bá đức tin”, trước tiên chỉ nhằm tái rao giảng Tin Mừng cho các nước châu Âu đã bỏ đức tin Kitô giáo. Nhưng rồi dưới sự dẫn dắt của Chúa Thánh Thần, Giáo Hội càng ngày càng khám phá ra nội dung sâu xa và phong phú của việc TPAH để đổi mới chính mình. Khi đối mặt với những đổi thay nhanh chóng của thế giới, Giáo Hội đã tìm ra câu trả lời hay giải pháp cho các vấn đề. Giải pháp đó là TPAH. “Khởi đầu Giáo Hội chỉ thấy TPAH là một nhu cầu, rồi như một hoạt động phân định và sau cùng như một động lực thúc đẩy Giáo Hội hôm nay” (x. TLLV, số 44). Nội dung bao hàm trong từ “Tân Phúc Âm hoá” dần dần sáng tỏ.

Trong phạm vi bài này, chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu TPAH là gì, bao gồm nội dung nào, cuối cùng cảm nghiệm được rằng TPAH là quay trở lại gặp gỡ Đức Kitô và xuất phát từ Người để ra khơi chinh phục con người cũng như vạn vật cho Chúa.

1. Tân Phúc Âm hoá là gì?

1.1. Phân biệt từ ngữ

Trước hết, chúng ta nên phân biệt đôi chút về từ ngữ để sử dụng cho chính xác. Chúng ta có nhiều từ liên quan đến Tin Mừng (TM)

hay Phúc Âm như “Tin Vui”, “Tin Lành” hoặc liên quan đến công việc như “loan báo Tin Mừng”, “rao giảng TM”, “công bố TM”. Từ Tin Mừng hay Phúc Âm có nguyên ngữ Hy Lạp “evangelion” rồi chuyển sang từ Latinh “evangelium” được người tín hữu Kitô hiểu là những lời của Chúa Giêsu loan báo về Nước Trời, về tình yêu cứu độ của Thiên Chúa dành cho con người nên là những lời mang lại niềm vui và hạnh phúc.

Sau đó còn được hiểu rộng ra là tất cả những gì ghi lại những lời dạy và hành động của Chúa Giêsu, cụ thể là 4 sách Tin Mừng hay 4 Phúc Âm. Cuối cùng, qua những suy tư Thánh Kinh và thần học, Tin Mừng bao gồm một nội dung phong phú mà trước hết và trên hết là chính Đức Giêsu Kitô vì Người là Tin Mừng của Thiên Chúa như *Tài liệu Làm việc* của Thượng Hội đồng Giám mục 2012 nhắc đi nhắc lại nhiều lần ở các số 18, 19, 20, 21, 26, 33, 169.



Bản Đề cương của THĐGM 2012 nhắc nhở chúng ta rõ ràng: *“Khi nói đến Tin Mừng, chúng ta không được chỉ nghĩ về nó như là một cuốn sách hay một tập hợp các lời giáo huấn. Tin Mừng là một cái gì nhiều hơn nữa; nó là một Lời sống động và linh nghiệm, nói điều gì thì điều đó trở thành hiện thực. Tin Mừng không chỉ là một hệ thống các điều khoản đức tin và giới răn đạo đức, càng không phải là một chương trình chính trị, mà là một con người: Đức Giêsu Kitô, Lời của Thiên Chúa đã làm người. Tin Mừng là Tin Mừng của Đức Giêsu Kitô. Tuy nhiên, Tin Mừng không chỉ lấy Đức Giêsu Kitô làm nội dung, nhưng hơn thế nữa, nhờ Chúa Thánh Thần, Đức Giêsu Kitô cũng là người cổ vũ và là tâm điểm của việc rao giảng và truyền bá Tin Mừng. Do đó, mục tiêu của việc truyền bá đức tin là thể hiện một cuộc gặp gỡ cá vị với Đức Giêsu Kitô, trong Thánh Thần, nhờ đó dẫn*

đưa chúng ta tới một trải nghiệm về Cha của Người và Cha của chúng ta” (Đề Cương THĐGM 2012, số 11).

“Đức tin Kitô giáo không chỉ là những giáo huấn, những lời khôn ngoan, một bộ luật luân lý hay một truyền thống. Đức tin Kitô giáo là một cuộc gặp gỡ và quan hệ đích thực với ĐGK” (TLLV, số 18).

1.2. Tiến trình đi tìm định nghĩa cho Tân Phúc Âm hoá

Khởi đầu, người ta hiểu “TPAH như là *một cách thức mới để loan báo Tin Mừng*, đặc biệt cho những người đang sống trong tình hình hiện nay, vốn bị ảnh hưởng bởi trào lưu tục hoá ngày càng gia tăng và diễn ra ở mức độ nghiêm trọng tại các nước vốn có truyền thống Kitô giáo lâu đời” (TLLV, số 44, 85). TPAH đồng nghĩa với từ *tái Phúc Âm hoá* hay *tái rao giảng Tin Mừng* trước nhu cầu đối với người Kitô hữu đã bỏ Chúa Kitô, cụ thể là ở những nước Tây Phương. Tin Mừng trong nghĩa này vẫn được hiểu là sứ điệp hay giáo lý của Chúa Giêsu Kitô.

Nhưng qua những chuẩn bị cũng như đóng góp ý kiến của các Giáo Hội địa phương, người ta thấy rằng việc TPAH bây giờ trở thành một *việc phân định*, tức là mỗi Giáo Hội địa phương nhìn lại cuộc sống của mình, cố gắng đọc và hiểu rõ những lĩnh vực mới xuất hiện để đối phó với bối cảnh mà họ đang phải đối mặt, đụng chạm với những thách thức mà thế giới và xã hội đặt ra cho Giáo Hội của mình (x. TLLV, số 51).

“TPAH bây giờ không phải là Tái Phúc Âm hoá (TLLV, số 45), nhưng là một cuộc Phúc Âm hoá mới: mới về nhiệt huyết, phương pháp và cách biểu hiện của nó (TLLV, số 87). Châu Âu không thể chỉ dựa vào di sản trước kia của mình mà phải có khả năng quyết định về tương lai của mình phù hợp với con người và sứ điệp của Đức Giêsu Kitô” (TLLV, số 45). Tin Mừng bây giờ bắt đầu được hiểu là chính con người ĐGK hơn là sứ điệp của Người.

Cuối cùng, việc TPAH lại trở thành như một *động lực thúc đẩy Giáo Hội* đổi mới chính mình và trở thành một Tin Mừng sống động

cho người khác khi hiểu chính Giáo Hội phải gặp gỡ, gắn bó với ĐGK thì mới có thể đổi mới rồi đi vào thế giới hôm nay và loan báo Tin Mừng của Người cho mọi loài thụ tạo. “Giáo Hội phải có một sức sống mới, quyết tâm, nguồn lực và sự mới mẻ để tìm ra cách thức sống và truyền bá đức tin của mình” (x. TLLV, số 49). Phúc Âm Hoá bây giờ đồng nghĩa với từ “Kitô hoá” hay “Giêsu hoá” hoặc “Giêsu-Kitô hoá” nghĩa là biến đổi chính mình nên giống Chúa Giêsu Kitô, đưa Chúa Giêsu Kitô thâm nhập đời sống cá nhân và mọi lĩnh vực của đời sống cộng đồng.

Do đó, từ TPAH bây giờ mang một nội dung sâu xa hơn từ loan báo Tin Mừng, rao giảng Tin Mừng hoặc công bố Tin Mừng và từ nay sẽ được sử dụng thường xuyên hơn trong các văn kiện của Giáo Hội. Lý do là vì khi nói loan báo Tin Mừng người ta có thể hiểu là loan báo Đức Giêsu Kitô, nhưng khi dùng với từ “loan báo” thì nó không thể mang ý nghĩa “biến đổi thành Chúa Giêsu Kitô” hay đưa Chúa Giêsu Kitô thâm nhập vào mọi lĩnh vực được. Khi dùng từ “Phúc Âm hoá là nói về sứ mạng đến với muôn dân, nhắm tới những người chưa biết Đức Giêsu” còn khi dùng từ TPAH là chỉ hoạt động mục vụ nhắm tới những người không còn thực hành đức tin Kitô giáo (x. TLLV, số 85, 86, 87).

1.3. Tân Phúc Âm hoá bao gồm những yếu tố nào?

Để rao giảng Tin Mừng cho có hiệu quả thiết thực, người tín hữu Kitô phải xuất phát lại từ Đức Kitô như rất nhiều văn kiện chính thức của Giáo Hội đã nhắc nhở từ lúc chuẩn bị Năm Thánh 2000 đến nay, nhất là phải trở về gặp gỡ Đức Giêsu Kitô thì mới có thể xuất phát từ Người.

“Truyền bá đức tin có nghĩa là tạo lập ở mọi nơi và mọi thời những điều kiện dẫn tới cuộc gặp gỡ này giữa con người với ĐGK. Mục tiêu của tất cả việc Phúc Âm Hoá là tạo lập khả năng cho cuộc gặp gỡ này, một cuộc gặp gỡ vừa cá nhân và thân mật, vừa công khai và cộng đồng. ĐTC Bênêđictô XVI nói: “Làm Kitô hữu không phải là kết quả của một chọn lựa đạo đức hay một ý tưởng cao vời, nhưng là

cuộc gặp gỡ với một sự kiện, một con người, một cuộc gặp gỡ đem đến một chân trời mới và một hướng đi quyết định” (TLLV, số 18).

“Đối với Đức Giêsu, mục đích của việc Phúc Âm hoá là lôi kéo con người vào trong mối liên hệ mật thiết với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần. Đây là lý do hàng đầu của việc Người rao giảng và làm phép lạ: công bố ơn cứu độ... để cho mọi người trải nghiệm mình được Thiên Chúa yêu thương và học biết để nhận ra ở Người khuôn mặt của một người Cha từ bi nhân hậu (x. Lc 15)... Đức Giêsu chữa nhiều người khỏi bệnh hoạn tật nguyền, khỏi quỷ ám, và ban ơn cho nhiều người mù được thấy...” (TLLV, số 18).

“TPAH không có nghĩa là đi tìm một Phúc Âm mới, vì *“Đức Giêsu Kitô vẫn là một, hôm qua cũng như hôm nay, và như vậy mãi đến muôn đời”* (Dt 13,8). TPAH có nghĩa là nuôi dưỡng một nền *văn hoá ăn rễ sâu trong TM* và khám phá ra ‘con người mới’ (Ep 4,24) ở trong chúng ta như là kết quả của Thần Khí được Chúa Giêsu và Chúa Cha ban cho chúng ta” (TLLV, số 164).

“TPAH có nghĩa là đốt cháy lên trong chúng ta sức bật của Giáo Hội thời kỳ đầu và để mình được tràn đầy nhiệt huyết rao giảng TM của các tông đồ sau biến cố Hiện Xuống. Chúng ta phải làm sống lại nơi mình niềm xác tín nóng bỏng của Thánh Phaolô khi ngài thốt lên: *‘Vô phúc cho tôi nếu tôi không rao giảng Tin Mừng’* (1Cr 9,16; TLLV, số 165).

“TPAH tăng cường ngày một hơn mối quan hệ của chúng ta với Chúa Giêsu Kitô, vì chỉ một mình Người là sự chắc chắn cho tương lai và là bảo đảm cho một tình yêu đích thực và vững bền” (TLLV, số 166).

2. Xuất phát lại từ Đức Giêsu Kitô để loan báo Tin Mừng

Để thực hiện việc Phúc Âm hoá, cần có 3 yếu tố: chủ thể, đối tượng và nội dung. Chủ thể là người thực hiện việc Phúc Âm hoá nên chính người ấy phải được Đức Giêsu Kitô biến đổi, trở thành hiện thân sống động của Người, thành Tin Mừng cụ thể như Chúa Giêsu là Ngôi

Lời Thiên Chúa cụ thể cho muôn loài. Đối tượng là người nghe loan báo, người đón nhận Phúc Âm và được Phúc Âm hoá cũng phải được Chúa Giêsu là Tin Mừng biến đổi để chấp nhận những giá trị cao quý của Nước Trời và thể hiện những giá trị ấy trong đời sống. Còn nội dung Tin Mừng là chính Đức Giêsu Kitô vừa là Đấng biến đổi vừa là giá trị được đón nhận. Cả ba yếu tố này đều nối kết mật thiết với văn hoá và đòi hỏi ta phải hiểu biết về văn hoá để đưa Đức Giêsu và giá trị đích thực của Phúc Âm thâm nhập vào mọi lĩnh vực của đời sống. Điều này cũng có nghĩa là thâm nhập trọn vẹn vào nền văn hoá vì văn hoá bao gồm mọi giá trị thể chất và tinh thần mà nhân loại tạo được trong giai đoạn nhất định nào đó của lịch sử. Chính vì thế mà Tài liệu Làm việc của THĐ luôn nhắc đến từ văn hoá trong suốt văn kiện.

2.1. Ba yếu tố trong cuộc Phúc Âm hoá

2.1.1. Trước hết, đối với chủ thể là người loan báo Tin Mừng, người này đang có sẵn một nền văn hoá nào đó, thí dụ các vị thừa sai trước đây đến truyền giáo ở nước ta: họ có sẵn một nền văn hoá Tây Phương với cách ăn uống, suy nghĩ, nói năng, hành động của người Tây Phương. Nhưng khi ở Việt Nam, các linh mục thừa sai học tiếng Việt, mặc áo dài đen, đội khăn xếp, dùng bát đũa ăn cơm như mọi người: đó là họ đã hội nhập với văn hoá Việt Nam.



Nhiều chủ thể loan báo Tin Mừng hiện nay là những người đang chịu ảnh hưởng của nền văn minh tin học, của ý thức hệ duy nghiệm,

duy lý, duy thực, của chủ trương giải trừ huyền thoại cho Tin Mừng mà nhà thần học Tin Lành R. Bultmann đã khởi xướng. Họ chối bỏ sự phục sinh của Đức Kitô là một sự kiện có thật trong lịch sử, chối bỏ các phép lạ của Chúa Giêsu Kitô, chưa có những cảm nghiệm sống động về Thiên Chúa và chỉ giải thích Tin Mừng theo những phương pháp chú giải lịch sử của con người thì làm sao có thể giới thiệu đúng đắn Chúa Giêsu Kitô cho người khác? Do đó, chúng ta không lạ lẫm trước những kết quả yếu kém của việc loan báo Tin Mừng hiện nay.

2.1.2. Thứ đến, *đối tượng là người nghe Tin Mừng*, họ có thể là những người cùng văn hoá với người loan báo Tin Mừng, nhưng cũng có thể khác, nên không cùng nhận thức, hành động, thói quen. Vì thế, cần phải tìm hiểu nền văn hoá của người nghe để thấy giá trị nào phù hợp với Tin Mừng thì giữ lại, giá trị nào đi ngược với Tin Mừng thì giải thích cho người nghe hiểu để loại bỏ.

Thí dụ: khi đạo Công giáo được truyền vào Việt Nam cách đây ba, bốn thế kỷ, dân tộc Việt Nam đang theo chế độ quân chủ chuyên chế, coi vua là Thiên Tử, là Con Trời, có toàn quyền sinh sát trong tay. Điều này không hợp với Tin Mừng, nên các nhà truyền giáo giới thiệu một Thiên Chúa là Cha Chung của mọi người và là chủ sự sống, còn tất cả đều là anh em nên không ai có quyền giết ai. Hơn nữa, Đức Giêsu là Thiên Tử, là Con Chúa Trời, còn chết thay cho người khác. Như thế, Tin Mừng giới thiệu giá trị dân chủ và dạy người ta nhận ra vua là đại diện Thiên Chúa cầm quyền trị nước, nên phải trung thành với vua và giữ tình huynh đệ với mọi người. Như thế là giới thiệu các giá trị của Tin Mừng cho người nghe.

Những người nghe Tin Mừng ngày nay thường là những người có cùng một nền văn hoá và văn minh với người loan báo Tin Mừng vì hầu như các tín hữu Kitô địa phương có nhiệm vụ phải loan báo Tin Mừng cho đồng bào mình, trừ phi họ sống ở các nước chậm phát triển, với một nền văn hoá xa lạ đối với các nhà truyền giáo đến từ các nước văn minh. Người nghe Tin Mừng khao khát được hiểu biết, được cảm nghiệm Đức Kitô một cách sống động, được thấy tận mắt cả những phép lạ để làm chứng cho Tin Mừng (x. Mc 16,15-20) qua đời sống

nhân chứng của chủ thể. Nhưng nếu họ không hiểu, không thấy, không cảm nhận được những dấu chỉ của Đức Giêsu Kitô trong đời sống của người loan báo thì sẽ không tin Đức Giêsu Kitô.

Hơn nữa, người nghe Tin Mừng có thể khác tôn giáo với người loan báo. Tôn giáo cũng là yếu tố cao nhất của văn hoá. Tôn giáo bao gồm một hệ thống giá trị mà người theo tôn giáo hình thành trong đời sống của mình. Vì thế, người loan báo Tin Mừng cũng phải khám phá ra những giá trị nào phù hợp với Tin Mừng trong tôn giáo của người nghe để tôn trọng và gìn giữ cũng như thấy giá trị nào không hợp để giải thích và thay thế. Thí dụ, việc cầu cho vong hồn người chết, việc cúng giỗ tổ tiên ông bà, cõi Niết Bàn-địa ngục của đạo Phật có những điểm tương đồng hay khác biệt nào với đạo Công giáo, theo đạo Công giáo có phải là bỏ ông bà, tổ tiên? Nhiều người Việt Nam hiện nay vẫn chưa tìm được câu giải đáp rõ ràng cho những đề tài này dù đạo đã được truyền bá gần 500 năm qua!

2.1.3. Cuối cùng, *nội dung là Tin Mừng* phải rao giảng. Rất nhiều người tín hữu chúng ta lại hiểu lầm Tin Mừng chỉ là những lời trong cuốn Tân Ước, những giáo thuyết phải học, những bài giáo lý phải dạy chứ không phải là *chính Đức Giêsu*.

Vì thế, chúng ta cũng cần phải khám phá ra những giá trị nào thuộc về Tin Mừng vĩnh cửu và giá trị nào thuộc về văn hoá đương thời của dân Do Thái hay của một cộng đồng, một tập thể nào đó. Đức Giêsu là Ngôi Lời Thiên Chúa làm người. Khi làm người là Người bị giới hạn trong một không gian, thời gian nhất định nên Chúa Giêsu đã mang những nét văn hoá của thời đại. Như thế, muốn giới thiệu Đức Giêsu như một Tin Mừng vĩ đại chúng ta phải biết đâu là yếu tố văn hoá của Người, đâu là giá trị thực của Tin Mừng Người muốn loan báo, đâu là yếu tố nhất thời của dân tộc Do Thái cần bỏ qua. Nếu không hiểu rõ nền văn hoá ấy, chúng ta sẽ không loan báo Đức Kitô một cách đúng đắn và hiệu quả.

Nhìn lại lịch sử truyền giáo ở Việt Nam, chúng ta thấy cha ông ta đã rất thành công trong việc giới thiệu nền văn hoá Công giáo để chuẩn bị cho việc xây dựng nền văn minh tình yêu.

2.2. Xuất phát lại từ Đức Giêsu Kitô như thế nào?

2.2.1. Cần phải xuất phát lại từ Đức Kitô

Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II trong các lời giáo huấn của mình qua những thông điệp, tông huấn, tông thư, diễn văn, bài nói chuyện... luôn mời gọi tín hữu tập trung vào Đức Kitô để xuất phát lại từ Người, nhất là dùng những giá trị của Tin Mừng để thâm nhập đời sống văn hoá xã hội qua thông điệp “Giáo Hội tại châu Á” được công bố ngày 6/11/1999.

Quả thật, hơn 2.000 năm qua, trong vài thế kỷ đầu tiên, Giáo Hội sơ khai biết tập trung vào Đức Kitô và lời dạy của Người, gắn bó với Chúa Thánh Thần nên việc truyền giáo cũng như việc phổ biến văn hoá Công giáo đạt được kết quả lớn lao. Từ năm 313 trở đi, sau khi được tự do giữ đạo, Giáo Hội mất dần sự quan tâm vào Chúa Giêsu để chú ý vào những điểm khác như tổ chức cộng đồng với giáo phận, giáo xứ, xây cất các cơ sở tôn giáo như nhà thờ, đền thánh. Từ thế kỷ XI-XII, tập trung vào việc thiết lập các dòng tu và noi gương các thánh lập dòng hơn noi gương Chúa Giêsu; thế kỷ XV, XVI lo cho các công tác mục vụ, truyền giáo; thế kỷ XIX và XX lo đối phó với những học thuyết sai lạc...



Chỉ từ giữa thế kỷ XX, người ta mới bắt đầu quan tâm đến môn Kitô học. Nhưng cho tới ngày nay, môn học này vẫn kém phát triển, chưa xứng với môn học nền tảng của Kitô giáo. Công đồng Vaticanô II

với các văn kiện của mình như muốn nhắc nhở tín hữu Công giáo tập trung vào Đức Kitô như nền tảng và gương mẫu cho mọi hoạt động Kitô hữu. Huấn thị “Xuất phát lại từ Đức Kitô” của Thánh Bộ Đời sống Thánh hiến và Hiệp hội Tông đồ ban hành ngày 19-5-2002 nhắc nhở tu sĩ nam nữ tìm về nguồn sống là Chúa Kitô thay vì tập trung vào vị sáng lập dòng.

Nhiều đại học Công giáo hiện nay không có khoá học hoàn chỉnh về môn Kitô học do những tranh cãi về quan điểm thần học liên quan tới Đức Kitô, nhất là giữa các dòng tu với nhau. Nhiều đại chủng viện vẫn giảng dạy giáo trình Kitô học lỗi thời, thậm chí sai lạc, mà không cập nhật những điểm giáo lý mới mẻ và đúng đắn được trình bày trong các sách như *Giáo lý Hội Thánh Công giáo* (Bộ Giáo lý Đức tin ban hành ngày 11/10/1992, bản dịch Việt hoàn chỉnh và in năm 2009, NXB Tôn Giáo, Hà Nội), *Tóm lược Học thuyết Xã hội Công giáo* (Hội Đồng Giáo hoàng về Công lý và Hoà bình công bố năm 2004, bản dịch Việt ngữ hoàn chỉnh và in năm 2007, NXB Tôn Giáo, Hà Nội), *Đức Giêsu Nazareth 3 tập* của ĐGH Bênêđictô XVI (Tập I công bố ngày 30/9/2006, bản dịch Việt ngữ hoàn chỉnh và in năm 2008, NXB Tôn Giáo, Hà Nội; tập II công bố ngày 25/4/2010 và mới có bản dịch Việt ngữ cuối năm 2011; tập III vào 15/8/2012 và bản dịch Việt ngữ vào tháng 1/2013).

Người ta thường nói: “Vô tri bất mộ” (không biết nên không tôn kính). Chính vì chưa hiểu biết rõ ràng, đúng đắn về Đức Kitô nên đời sống đạo của người tín hữu VN chưa toả ánh sáng Tin Mừng để có sức thu hút người khác tìm về với Đức Kitô. Hơn nữa, việc hiểu biết này sẽ giúp người ta đạt đến việc yêu mến Đức Kitô và gắn bó mật thiết với Người để cảm nhận được sự sống kỳ diệu của Thiên Chúa mà Người chia sẻ cho mình. Từ đó họ mới trở thành một Tin Mừng sống động, thành hiện thân của Đức Kitô và mới làm chứng cho Người bằng cách kể lại câu chuyện của đời Chúa cũng là câu chuyện của đời mình.

Từ kinh nghiệm trên đây, Ủy ban Truyền giáo các nước châu Á mới chọn chủ đề của Đại hội Truyền giáo Châu Á 2005 ở Chang Mai,

Thái Lan, là: “Kể lại câu chuyện Giêsu” như các tông đồ xưa sau khi họ hiểu biết và cùng sống với Người. Đại hội Truyền giáo Châu Á 2010 ở Seoul, Hàn Quốc, cũng lấy lại chủ đề ấy: “Công bố câu chuyện Giêsu”, nhưng nâng cao hơn một mức vì “công bố” đòi hỏi ta nói về Đức Giêsu một cách trang trọng, có nghiên cứu, có bài bản mà vẫn dựa trên kinh nghiệm sống động của người làm chứng.

2.2.2. Hiệu quả của việc trở về với Đức Kitô

* Trở lại với Đức Kitô là chúng ta sẽ tìm lại được cảm nghiệm sống động của các tông đồ về Đức Giêsu Phục Sinh như là tâm điểm cho mọi hoạt động và suy tư của mình. Đức Giêsu không phải là một mớ thông tin mà ta đã thu thập được trong những giờ học giáo lý hay qua những bài giảng, bài kinh, nhưng là một con người đang sống giữa chúng ta và sống trong ta để ta có mối tương quan mật thiết với Người. Để hiểu trọn vẹn về một con người đang sống, ta không phải chỉ cần thông tin mà còn phải gặp gỡ, tiếp xúc, yêu thương và hoà nhập thành một trong nhau để “*tôi sống nhưng không còn phải là tôi mà là Đức Kitô sống trong tôi*” (Gl 2,20) như thánh Phaolô từng cảm nghiệm...

ĐTC Bênêdictô XVI đã khẳng định: “*Trở thành Kitô hữu không phải là kết quả của một sự lựa chọn đạo đức hay của một ý tưởng cao cả, nhưng là sự gặp gỡ với một biến cố, một con người, nó đem sức sống đến cho một chân trời mới và một hướng đi có tính quyết định... Sự gặp gỡ thân mật này giúp cho các cá nhân chia sẻ mối quan hệ của Chúa Con với Cha của Người và trải nghiệm quyền năng Chúa Thánh Thần... Đây là kinh nghiệm mới mẻ về Thiên Chúa của người Kitô hữu*” (x. Đề Cương THĐGM 2012, số 11) (TLLV, số 18).

* Sống trong một đất nước mà nền văn hoá và văn minh nơi người dân hiện nay mang nhiều tính cách đối nghịch: vừa tìm tòi khoa học và coi trọng kỹ thuật, vừa chạy theo những bùa phép với những tác động mê tín dân gian, ta cần phải trở lại với Đức Kitô và hoà nhập thành một với Người để Người chuyển thông cho ta quyền năng làm chứng cho Tin Mừng. Quyền năng này được thể hiện qua việc trình bày những giá trị văn hoá Kitô giáo một cách thuyết phục với những hiểu biết khoa học chính xác chứ không phải chỉ là những xúc động

tình cảm nhất thời, nhất là qua các dấu lạ như chữa lành bệnh tật, xua trừ ma quỷ, nói được thứ ngôn ngữ mới lạ của tình yêu mà Thánh Thần thúc đẩy trong lòng ta (x. Mc 16,16-20).

* Sống trong một châu lục với nhiều dân tộc có các nền văn hoá và tôn giáo khác nhau, ta cần trở lại với Đức Kitô để thấy Người không phải là của riêng Kitô giáo nhưng là Đấng Cứu Độ của toàn thể nhân loại và vũ trụ. Cha



Trên Trời muốn cứu độ tất cả con cái mình nên đã ban Người Con Một cho chúng ta và Chúa Thánh Thần vẫn đang chuẩn bị cho việc Đức Kitô đến với mọi người cũng như không ngừng nói trong các tôn giáo (x. Tuyên ngôn của CĐ. Vat.II, *Nostra aetate*, số 1; Giáo hội tại châu Á, số 15,18). Học lại thái độ khoan dung của Đức Kitô, ta sẽ biết phân biệt những hình thức mê tín dị đoan, đồng thời biết đánh giá đúng các nghi thức phụng vụ, lời kinh và cách sống của những người không cùng tôn giáo với mình, thậm chí ngay trong việc trừ ma diệt quỷ của họ (x. Mc 9,39-40).

* Trở lại với Đức Kitô ta sẽ khám phá ra mầu nhiệm Nhập Thể luôn gắn liền với mầu nhiệm Nhập Thế để can đảm dấn thân vào xã hội trần thế hôm nay. Ngôi Lời Thiên Chúa đã trở thành Đức Giêsu Nazareth, đã đi vào dòng lịch sử con người, đã đón nhận những yếu tố của vũ trụ vật chất qua thân xác của mình. Người đã đưa tính cách tuyệt đối, vĩnh hằng, thánh thiện, vô cùng của Thiên Chúa vào trong cái tương đối, nhất thời, tội lụy, hữu hạn của con người và vũ trụ để từ

nay tất cả đều được biến đổi và thần hoá. Từ đây, mỗi con người đều có giá trị vô song dù họ già nua, tàn tật, xấu xa đến đâu chăng nữa. Từ đây, mỗi công việc đều có giá trị vĩnh hằng, đem lại ơn cứu độ - dù nó chỉ kéo dài một vài giây - như một nụ cười, một lời cảm ơn, xin lỗi, hoặc việc làm có vẻ tầm thường như giặt quần áo mỗi ngày, hay rửa mặt đánh răng mỗi bữa, nhưng nhờ được gắn kết với Chúa Giêsu Kitô tất cả đều có giá trị vĩnh hằng.

* Trở lại với Đức Giêsu Kitô để thấy rằng qua việc Ngôi Lời Thiên Chúa trở thành con người, thì “con người trở thành con đường của Thiên Chúa và cũng là con đường của Giáo Hội” để tập trung mọi cố gắng lo cho hàng tỷ con người trong vùng đất châu Á, nhất là những con người nghèo khổ, bệnh tật, yếu kém, bị bóc lột và bị gạt ra ngoài lề xã hội, như Đức Giêsu đã tắt bật từ sáng sớm đến tối mịt để rao giảng Tin Mừng, cứu giúp người đói khát, chữa lành bệnh nhân, xua trừ ma quỷ cho con người.

* Trở về với Đức Giêsu cũng có thể là lời kêu gọi các người có trách nhiệm xây dựng cơ sở vật chất trở về với tinh thần nghèo khó thật sự của Người. Những ngôi nhà thờ đồ sộ, những tu viện to lớn với cách bày trí sang trọng, sừng sững giữa các túp lều tranh rách nát, mái tôn rỉ sét, cống nước thải lộ thiên trong một số miền ở Việt Nam cũng như ở châu Á có thể trở thành những pháo đài kiên cố khiến người ta ngại ngùng không dám tìm gặp Đức Kitô ở đó để từ đây xây những cơ sở tôn giáo phù hợp với hoàn cảnh và tình trạng kinh tế của cộng đồng hơn.

* Trở về với Đức Giêsu mời gọi ta đánh giá lại những cuộc hành hương với vài trăm ngàn người trong các đại hội Thánh Thể, hay Đại hội Thánh Mẫu ở La Vang, Tà Pao, thậm chí hành hương ở nước ngoài, trong đó mỗi người ở xa tiêu hàng triệu đồng, người ở gần tốn vài chục ngàn cho việc đi lại, ăn ở. Nếu tính tổng cộng số tiền đó có thể lên tới hàng chục tỷ, hàng trăm tỷ đồng; trong khi hàng trăm ngàn học sinh vẫn còn thiếu sách vở, thiếu trường lớp; trong khi hàng triệu người khuyết tật chưa được săn sóc, nhiều bệnh nhân nghèo chưa nhận được bát cháo ăn cho đỡ đói... Có lẽ ta phải nhìn lại cách thức bày tỏ

lòng đạo của chúng ta đối với Chúa và Đức Mẹ cho âm thầm, khiêm tốn và thật sự bác ái hơn chăng? Nói như thế không phải là chúng tôi bài bác lòng sùng đạo bình dân, nhưng chỉ có ý mời gọi người tín hữu suy nghĩ để tình bác ái được diễn tả theo đúng sự thật của đất nước, của dân tộc và gia đình nhân loại như ĐTC Bênêđictô mời gọi trong thông điệp *Caritas in veritate* (ngày 29/6/2009) của ngài.

ĐTC Phaolô VI cũng nhắc nhở chúng ta rằng: *“Con người thời nay sẵn sàng nghe những chứng nhân hơn nghe những thầy dạy và nếu họ có nghe những thầy dạy thì đó là vì những thầy dạy này là những chứng nhân”*. Vì vậy Giáo Hội sẽ Phúc Âm hoá thế giới bằng chính hành vi và đời sống của mình, nói khác đi, bằng việc làm chứng lòng trung thành của Giáo Hội đối với Chúa Giêsu: chứng tá về sự nghèo khó và vô vị lợi, chứng tá về sự tự do trước những quyền lực của thế giới này. Tóm lại, chứng tá về sự thánh thiện” (TLLV, số 158).

Lời kết

Có lẽ còn rất nhiều điều, nhiều việc trong nếp sống đạo của người tín hữu ở Việt Nam cũng như ở châu Á cần được nhận định và sửa đổi lại dưới ánh sáng Phúc Âm của Đức Giêsu Kitô để biểu lộ được sự thật, sự sống và tình yêu của Người cho các dân tộc đang sống quanh mình. Đó là những giá trị nền tảng của nền văn minh tình yêu mà mỗi người tín hữu chúng ta đang thiết tha xây dựng cho dân tộc Việt Nam. Chúng ta hy vọng sẽ có nhiều người tìm đến với Đức Kitô không phải chỉ qua những nghi lễ trang trọng, việc bác ái từ thiện của người tín hữu nhưng họ gặp được nguồn của tình yêu hạnh phúc, của chân thiện mỹ là chính Đức Kitô khi các Kitô hữu chúng ta tìm về với Người và xuất phát lại từ Người.

Câu hỏi gợi ý:

1. Bạn nghĩ kết quả truyền giáo tại Việt Nam chưa được tốt đẹp là do những yếu tố nào? Bản thân bạn đã loan báo Tin Mừng như thế

nào? Kết quả cụ thể ra sao? Bạn có muốn chia sẻ một kinh nghiệm truyền giáo nào không?

2. Theo bạn, muốn xuất phát lại từ Đức Kitô, người tín hữu chúng ta cần phải làm gì?

3. Bạn nghĩ mình có thể làm gì để tăng thêm sự hiểu biết đúng đắn và có hệ thống về Đức Kitô?



Bài 5

Đức tin là cuộc gặp gỡ giữa con người với Thiên Chúa



Lời mở

Tài liệu làm việc của THĐGM 2012 xác định: “Đức tin Kitô giáo là một cuộc gặp gỡ và quan hệ đích thực với Đức Giêsu Kitô. Truyền bá đức tin có nghĩa là tạo lập ở mọi nơi và mọi thời những điều kiện dẫn tới cuộc gặp gỡ này giữa con người với ĐGK. Mục tiêu của tất cả việc Phúc Âm hoá là tạo lập khả năng cho cuộc gặp gỡ này, một cuộc gặp gỡ vừa cá nhân và thân mật, vừa công khai và cộng đồng” (số 18).

“Cuộc gặp gỡ này với Chúa Giêsu nhờ Chúa Thánh Thần là món quà lớn nhất của Chúa Cha cho loài người” (số 19).

Nhưng đức tin là gì, đức tin đến từ đâu và phát triển như thế nào?

Có nhiều sách viết về đức tin và định nghĩa đức tin, nhưng hôm nay chúng ta muốn dành ít phút để tìm hiểu đức tin cách đơn giản là cuộc gặp gỡ giữa Thiên Chúa và con người như Chúa gặp Abraham (x. St 12,1-5; Rm 4,16) hay Chúa Giêsu gặp gỡ nhiều người và chữa lành họ vì họ có đức tin (x. Mt 9,22; Mc 4,40; 10,52; 11,22; Lc 7,50; 17,19; 18,42...).

1. Đức tin là gì?

Cuộc gặp gỡ nào cũng có 2 thành phần: người đến gặp và người được gặp. Thiên Chúa là người đến gặp và con người gặp được Ngài. Thiếu 1 thành phần thì không thể có đức tin.

“Thiên Chúa vô hình, do tình thương chan hoà của Ngài, đã ngỏ lời với loài người như với bạn hữu và liên lạc với họ để mời gọi họ và chấp nhận cho họ đi vào cuộc sống của chính Ngài” (Công đồng Vaticanô II, Hiến chế Tín lý *Dei Verbum*, số 2). Vì thế, *“đức tin là sự đáp lại thích đáng của con người đối với lời mời gọi của Thiên Chúa”* (GLHTCG, số 142).

Về phía con người, đức tin là sự cố gắng vươn tới Thiên Chúa

Thiên Chúa tuyệt đối linh thiêng, cao cả vô cùng, nhưng con người vẫn có khả năng nhận biết Ngài bằng lý trí tự nhiên của mình (x. GLHTCG, số 50) vì con người được Thiên Chúa dựng nên theo hình ảnh của Thiên Chúa và giống Thiên Chúa (x. HTXHGC, số 34, 108-109).

Như thế, về phía con người, đức tin là sự cố gắng liên li vươn tới Thiên Chúa bằng trọn vẹn bản thân mình (x. GLHTCG, số 143), qua việc học hỏi, tìm hiểu, cầu nguyện, hành động bác ái, tự nguyện quy thuận các chân lý Chúa mạc khải (x. GLHTCG, số 144).

Có nhiều người không cùng tôn giáo với ta nhưng vẫn được Chúa ban ơn đức tin nhờ cố gắng tìm Chúa bằng lý trí của mình.

Có tìm hiểu và biết được Thiên Chúa là nguồn sự thật và sự sống, nguồn ân sủng và tình yêu, nguồn quyền năng và hạnh phúc mà mình cần đến thì con người mới muốn gặp gỡ Ngài. Nếu



không, họ sẽ tìm đến những thứ khác, dù không phải là nguồn, nhưng ít ra cũng cho họ cảm nghiệm chút ít về sự sống, hạnh phúc, tình yêu...

Có tìm hiểu và biết được Thiên Chúa, vì yêu thương con người, đã cho Con Một Ngài trở thành người là Đức Giêsu Kitô, trở thành nguồn sống và tình yêu cụ thể, nguồn chân thiện mỹ cụ thể, thì con người mới muốn gặp gỡ Đức Giêsu Kitô và tin vào Người (x. *GLHTCG*, số 150-151).

Có bao giờ bạn muốn tìm về tận nguồn của sự sống, tình yêu, tư tưởng hay bạn đang bằng lòng với những gì mình có?

Còn về phía Thiên Chúa, đức tin là hồng ân Chúa tặng ban cho con người (x. *GLHTCG*, số 153, 162,179).

Dù con người không cố gắng vươn tới Thiên Chúa thì từng giây, từng phút, Thiên Chúa vẫn đến với con người, vẫn ban sự sống, tình yêu, ân phúc, quyền năng và tất cả những gì tốt đẹp nhất của Ngài cho con người.

Một khi con người mở lòng đón nhận ân sủng Chúa ban, họ sẽ nhận được “sự thôi thúc từ bên trong của Chúa Thánh Thần: Ngài

đánh động và quy hướng con tim về cùng Thiên Chúa, Ngài mở mắt lý trí và cho mọi người cảm thấy dịu ngọt khi ưng thuận và tin vào chân lý” (x. Công đồng Vaticanô I, Hiến chế tín lý *Dei Filius*, chương 3, DS 3008).

Bạn có cảm nhận được từng giây phút bạn sống, từng ý tưởng trong đời, từng rung động trong tim đều bắt nguồn từ Thiên Chúa không?

Như vậy, trong cuộc gặp gỡ hình thành nên đức tin nơi con người, 2 yếu tố Thiên Chúa và con người gắn kết chặt chẽ với nhau: con người càng tìm hiểu sâu xa, gắn bó mật thiết với Thiên Chúa và Đức Giêsu Kitô, thì ân sủng đức tin và các ân sủng khác càng tuôn đổ dồi dào.

Từ đó họ được thúc đẩy hành động như Đức Giêsu Kitô thuở trước, trở nên Lời sống động của Người, từ đó họ có thể truyền bá đức tin mình cho người khác như các tông đồ và tín hữu thời xưa một cách hiệu quả.

2. Ôn đức tin đến từ đâu?

Cuộc gặp gỡ giữa con người và Thiên Chúa không phải ngẫu nhiên, tình cờ vì Thiên Chúa luôn có mặt, ở sát bên con người, ngay trong lòng con người, nhưng con người lại không nhận ra Ngài. Vì thế, cuộc gặp gỡ cần một sự khởi đầu từ phía con người.

Thánh Phaolô trong thư gửi giáo đoàn Rôma (Rm 10,8-18) giải thích cho chúng ta hiểu rằng: *tin là nhờ nghe, nghe là nhờ có người rao giảng, rao giảng được là vì được Chúa sai đi. Vậy chúng ta đã tin, đã nghe, đã rao giảng và được sai đi như thế nào?*

Bạn hãy nhớ lại xem ai đã chuyển thông đức tin cho bạn: cha mẹ, thầy cô, bạn bè, người yêu?

Bạn đã chuyển thông đức tin cho ai chưa? Có bao nhiêu người nhận được ơn đức tin từ bạn?

Đức Giêsu trong bài Tin Mừng (x. Mc 16,15-20) đã sai chúng ta: *“Anh em hãy đi khắp tứ phương thiên hạ, loan báo Tin Mừng cho mọi loài thọ tạo. Ai tin và chịu phép rửa sẽ được cứu độ”*.

Ơn đức tin đã được ban cho ta, kèm theo ơn đó là tình yêu, quyền năng và muôn vàn ân sủng khác của Thiên Chúa Ba Ngôi nên Đức Giêsu nói rõ hơn: *“Đây là những dấu lạ sẽ đi theo những ai có lòng tin: nhân danh Thầy, họ sẽ trừ được quỷ, sẽ nói được những tiếng mới lạ. Họ sẽ cầm được rắn, và dù có uống nhầm thuốc độc thì cũng chẳng sao. Và nếu họ đặt tay trên những người bệnh, thì những người này sẽ được mạnh khỏe”* (Mc 16,17-18).

Bạn đã làm được dấu lạ nào để truyền thông đức tin cho người khác? Bạn có tin mình làm được dấu lạ không? Nếu không, tại sao?

Tất cả ân huệ ấy được ban cho ta để ta trở thành Tin Mừng sống động, thành hiện thân của Chúa Giêsu giúp người khác cảm nghiệm được rằng Thiên Chúa cũng đang mời gọi họ đến gặp gỡ Ngài và đón nhận ơn cứu độ cụ thể từ phía chúng ta.

Họ đói rách ư! Chúng ta chia sẻ cho họ bát cơm, chiếc áo mà Chúa ban từ sự lao động chân chính của mình. Họ bệnh tật ư! Chúng ta chia sẻ viên thuốc, sự săn sóc hay cả ơn chữa bệnh lạ lùng Chúa Giêsu ban cho ta để làm chứng về Người. Họ bị ma quỷ kiềm chế ư! Chúng ta giải cứu họ bằng lời cầu nguyện, chay tịnh, xin lễ cho các linh hồn được siêu thoát và cả việc xua trừ ma quỷ nhân danh Chúa Giêsu.

Vì thế đức tin luôn kèm theo hành động cứu độ, không có những hành động này, đức tin sẽ chết (x. Gc 2,17).

Bạn đang có hành động cụ thể nào chứng minh đức tin của bạn?

Hay bạn chỉ bằng lòng với việc cầu nguyện, dự lễ, thỉnh thoảng làm vài việc bác ái? Bạn nghĩ mình sẽ làm thêm điều gì theo lệnh truyền của Đức Giêsu Kitô?

3. Đức tin phát triển như thế nào?

Hình như nhiều người chúng ta không tin hay chưa tin vào những ân sủng kèm theo ơn đức tin để hành động như Chúa Giêsu truyền dạy nên việc loan báo Tin Mừng chưa có kết quả tốt đẹp. Hơn nữa, vì không được củng cố bằng những dấu lạ, đức tin của chính họ không phát triển và họ cũng không truyền bá được đức tin cho người khác.

Điều này khác hẳn thái độ của các tông đồ và môn đệ Chúa Giêsu trước đây: *“Còn các tông đồ thì ra đi rao giảng khắp nơi, có Chúa cùng hoạt động với các ông, và dùng những dấu lạ kèm theo mà xác nhận lời các ông rao giảng”* (Mc 16,20).

Nhiều người làm tưởng rằng ơn đức tin chỉ cần lãnh nhận một lần qua bí tích Rửa Tội là đủ, rồi đức tin tự nó lớn lên như cây non mà chẳng cần phải chăm sóc tưới bón gì hết.

Họ quá nhấn mạnh đến ơn ban về phía Thiên Chúa; Chúa không ban thì đức tin làm sao phát triển! Họ quên đi sự cố gắng liên li về phía con người: con người vươn tới Thiên Chúa từng bước trong suốt đời mình bằng sự cố gắng tìm hiểu, học hỏi, suy tư, cầu nguyện, hoạt động bác ái.

Cứ mỗi bước gần hơn, thì khuôn mặt Chúa lại hiện rõ hơn, to hơn, đẹp hơn và họ cảm thấy hạnh phúc hơn, quyền năng hơn, yêu thương hơn. Như thế, đức tin phát triển liên tục theo từng cố gắng dù nhỏ mọn nhất của con người.

Bạn dự tính làm gì để phát triển đức tin của mình? Bạn làm gì để truyền bá đức tin cho người khác? Cụ thể người đó là ai?

Lời kết

Những lời gợi ý trên đây như thúc đẩy chúng ta dành thêm cho Chúa những giây phút để gặp gỡ Ngài, học hỏi về Chúa Giêsu và hành động theo sự thúc đẩy của Chúa Thánh Thần. Chắc chắn ta sẽ làm cho đức tin của mình phát triển mạnh mẽ và đức tin người khác được khai mở trên cánh đồng truyền giáo Việt Nam.

Cuộc gặp gỡ đức tin cụ thể

Lời mở

Chúng ta vừa tìm hiểu đức tin là cuộc gặp gỡ giữa Thiên Chúa với con người.

Về phía Thiên Chúa, đó là một ơn ban Ngài trao cho con người để con người có thể mở lòng đón nhận chính Ngài cùng với tất cả những ân sủng để được thông phần vào đời sống kỳ diệu của Thiên Chúa. Về phía con người, đó là một sự cố gắng liên lỉ để con người vươn tới Thiên Chúa bằng tất cả khả năng của mình.

Các bài Thánh Kinh, nhất là bài Tin Mừng (x. Mc 10,46-52) như muốn diễn tả từng chi tiết của cuộc gặp gỡ đức tin này có những yếu tố cụ thể nào. Chúng ta sẽ tìm hiểu những chi tiết đó về phía con người, phía Thiên Chúa và cuối cùng là cả hai bên khi gặp được nhau.

1. Những chi tiết cụ thể về phía con người

1.1. Trước hết, đức tin luôn là một hành động nhân linh (x. GLHTCG, số 160) của con người cụ thể, rõ rệt, có tên tuổi, cha mẹ đàng hoàng, chứ không phải là một con người chung chung, bất định.

Ở đây là *Bartimê*, con ông *Timê*. Trong các phép lạ khác, tác giả Tin Mừng ít khi nói đến tên của người được chữa lành.

Bạn có ý thức được mình khi tin vào Chúa không? Mỗi lần bạn đi dự lễ, cầu nguyện... bạn làm vì tự nguyện hay do người khác thôi thúc?

Trong xã hội hiện nay, nhiều người chỉ muốn ẩn thân vào đám đông. Đi ra đường, họ dùng khăn to để bịt mặt, đeo kính râm, không phải chỉ để che bụi, che nắng nhưng còn che mặt để người khác không nhận ra mình.

Trong cộng đồng ẩn danh, nhiều người sống nặc danh, dùng tên giả để không ai nhận ra họ và họ nghĩ rằng mình có thể làm bất cứ chuyện mờ ám, bất công, thất đức vì chẳng ai nhìn rõ mặt mình. Họ không dám chịu trách nhiệm về hành động của họ.

Có bao giờ bạn muốn ẩn mình vào đám đông để không ai nhận ra bạn khi bạn làm một điều không chính đáng? Bạn có dám tự nguyện nhận lỗi với ý thức làm chủ được mình không?

Đức tin không phải như vậy. Đức tin là sự cố gắng vươn tới của từng người chúng ta đến Thiên Chúa: với tất cả tự do, ý thức, đồng thời kèm theo trách nhiệm của mình (x. GLHTCG, số 33) vì thế



khi đọc kinh Tin Kính, chúng ta tuyên xưng: “Tôi tin kính một Thiên Chúa”.

1.2. Yếu tố thứ hai, đó là con người ý thức về tình trạng khốn khổ của mình và muốn vươn lên

Bartimê biết mình bị mù, anh hiểu được tình trạng nghèo túng, tầm thường, yếu đuối của mình. Anh không muốn mình cứ mãi mãi ngồi bất động bên vệ đường, sống nhờ vào lòng thương xót của người khác, muốn làm gì cũng phải nhờ ai đó giúp đỡ.

Có ý thức mình nghèo túng, bất động, yếu đuối, tầm thường ta mới muốn tìm về nguồn sự sống, hạnh phúc, tình yêu, nguồn chân thiện mỹ là chính Thiên Chúa.

Rất nhiều người trong thế giới hiện nay người ta không muốn tìm về với Thiên Chúa bởi vì người ta không ý thức về tình trạng sống của họ. Họ nghĩ mình sống mãi chứ không nghĩ đến cái chết sẽ tước đoạt tất cả những gì họ có.

Hơn nữa, họ còn bằng lòng, thậm chí tự mãn, với danh lợi, tài năng, sắc đẹp và tất cả những gì họ đang có. Họ tưởng rằng những gì mình có được là do tài năng, bàn tay, khối óc của mình làm ra nên họ không tìm về với Thiên Chúa. Vì thế, họ không nhận được ơn đức tin.

Có bao giờ bạn nghĩ như họ không?

Bartimê dùng lý trí của mình để tìm hiểu về Đức Giêsu Nazareth qua những câu chuyện người ta kể về Người, anh biết Người là Đấng Mêsia qua tước hiệu anh gọi Người là “con vua David”, anh hy vọng Người sẽ cứu chữa anh khỏi tình trạng khốn khổ.

Điều đó cũng gợi ý cho chúng ta cần tìm hiểu về Thiên Chúa, về Đức Giêsu Nazareth để biết Người là ai qua những cố gắng học hỏi của chúng ta.

Bạn biết gì về Đức Giêsu Nazareth của bạn? Bạn đã đọc một sách gì về Người? Bạn có đeo ảnh tượng của Người hay làm một điều gì đó cho Người không?

1.3. Yếu tố thứ ba đó là anh dám kêu lên, “kêu to, trong khi đám đông quát nạt bảo anh im đi” (Mc 10,48).

Trong cuộc sống, rất nhiều khi đám đông muốn chúng ta sống ần danh như họ, cũng hưởng thụ, lừa dối, tàn ác như họ. Nếu chúng ta làm khác đi, là họ muốn loại trừ chúng ta.

Đức tin chính là tiếng kêu to vượt trên đám đông để nói với Thiên Chúa, cụ thể là Đức Giêsu Kitô, để cầu nguyện, cầu xin với Người.

Bạn có đang chịu một áp lực nào đó của đám đông muốn dập tắt niềm tin vào Đức Giêsu của bạn không? Áp lực đó đến từ đâu? Có bao giờ bạn kêu to để cầu cứu với Giêsu không?

1.4. Yếu tố thứ tư đó là anh ta “vứt bỏ áo choàng, đứng phắt dậy mà đến gần Đức Giêsu”

Đây là những hành động quyết liệt của con người muốn thoát ly khỏi tình trạng sống bám vào những gì riêng tư, ích kỷ như tấm áo choàng anh mù quấn quanh mình, vượt ra khỏi tình trạng ngồi yên bất động để tiến đến gần nguồn sự sống và chân thiện mỹ.

Thực ra, ngay khi con người vừa nhòm dậy, Chúa đã ở sát bên họ.

Bạn vứt bỏ cái gì để theo đuổi niềm tin vào Đức Giêsu?

2. Những chi tiết cụ thể về phía Thiên Chúa

Mỗi hành động của con người trong cuộc gặp gỡ đức tin, dù nhỏ nhặt đến mấy, đều được Thiên Chúa đáp ứng.

2.1. Trước hết và trên hết, cuộc gặp gỡ đức tin là sáng kiến của Thiên Chúa, từ muôn thuở Ngài muốn đến với con người để cứu thoát con người, và qua đó cứu độ toàn thể vũ trụ, vì Ngài là Thiên Chúa Tình Yêu. Vì thế, đức tin là *ân sủng* cao quý của Chúa ban mà không đòi hỏi con người bất cứ điều kiện gì.

Thiên Chúa ở đây không phải là một đấng thượng đế tối cao, thần linh xa vời theo sự tưởng tượng của con người mà là một Thiên Chúa cụ thể, có tên tuổi, gốc gác đang hoàng. Đó là *Đức Giêsu thành Nazareth* (Mc 10,47).

Thiên Chúa linh thiêng, tuyệt đối, vĩnh hằng, vì yêu thương, nên đã ban Người Con Một của Ngài để Ngôi Lời Thiên Chúa làm người, trở thành Đức Giêsu Nazareth (x. Ga 3,16).

Chính nhờ vị Thiên Chúa cụ thể này mà con người được nâng lên địa vị cao cả tột cùng, trở thành con cái Thiên Chúa và có thể thông phần vào sự sống kỳ diệu của Ngài.

2.2. Đức Giêsu đang đi trên đường cùng con người, với các môn đệ và đám đông, để dẫn họ về nguồn của sự sống và tình yêu, của chân thiện mỹ, của tất cả những gì con người mơ ước để thoát khỏi tình trạng hèn kém, khốn khổ, nhất thời, bị giới hạn và lệ thuộc của mình.

Vì thế, Đức Giêsu tuyên bố: “*Tôi và Chúa Cha là một*” (Ga 10,30); “*Tôi là con đường, là sự thật và là sự sống*” (Ga 14,6); “*Tôi đến để cho họ được sống và sống dồi dào*” (Ga 10,10).

Bạn có bao giờ cảm nhận mình đang đồng hành với Đức Giêsu không? Hay bạn ngồi bên vệ đường không cùng đi với Người?

Bạn có đang đi tìm sự thật cụ thể trong khoa học, hay một tình yêu cụ thể nào không?

Bạn có đang đau yếu, tật bệnh và muốn tìm Giêsu để được chữa lành không?

2.3. Đức Giêsu nghe được lời kêu cứu của con người, dù tiếng kêu ấy vang lên giữa đám đông hỗn loạn hay bị đe dọa bắt phải im lặng, vì Người thấu hiểu lòng con người (Mt 12,25; Lc 11,17; Ga 6,64).

Người muốn cứu độ tất cả vì tất cả được dựng nên nhờ Người và cho Người (Ga 1,3). Vì thế chúng ta hãy tin tưởng kêu cứu và đặt tất cả hy vọng vào Người.

2.4. Đức Giêsu kêu gọi và hỏi anh mà muốn Người làm gì cho anh. Khi kêu gọi con người hãy tin tưởng đến gần mình, Đức Giêsu

muốn trao cho họ một sứ mạng đặc biệt và họ cần phải khám phá ra sứ mạng ấy để sống cho có ý nghĩa.

Hơn nữa, khi hỏi như vậy không phải Người không biết điều họ cần, nhưng Người muốn cho cuộc gặp gỡ đức tin được hoàn toàn tự do, không bị áp lực về phía con người. Người muốn con người hãy có những ước vọng cao hơn thay vì chỉ xin Người những đồng bạc bố thí, cái bánh, con cá hay những ân huệ tạm thời.

Sứ mạng của bạn hiện nay là gì? Là giáo viên truyền dạy sự thật, là sinh viên đi tìm sự thật, là người buôn bán phục vụ nhu cầu của anh chị em... Nếu Đức Giêsu hỏi bạn về yêu cầu hay ước mơ, bạn sẽ trả lời Người như thế nào?

3. Cuộc gặp gỡ giữa hai bên

3.1. Cuộc gặp gỡ đức tin đã hoàn thành ngay khi mắt anh mù mở ra để nhìn thấy Đức Giêsu

Người là ánh sáng cho trần gian để soi sáng tất cả những ai đang sống trong bóng tối của cuộc đời lệ thuộc, nghèo đói, buồn thảm, bất toàn và giúp họ cảm nhận được đời sống đầy màu sắc tươi đẹp, tự do, bình an, hạnh phúc của Thiên Chúa. Đó là kết quả của đức tin. Do đó, Đức Giêsu mới bảo anh: “*Anh hãy đi, lòng tin của anh đã cứu anh*” (Mc 10,52).



Tuy nhiên, sau khi gặp được Đức Giêsu và được sáng mắt, sáng lòng, Bartimê đã nhận ra ngay sứ mệnh của mình là “*để đi theo Người trên con đường Người đi*”.

Anh không về nhà ăn mừng với người thân, bè bạn hay chọn đời sống theo ý muốn riêng.

Anh chọn Giêsu và đi theo Giêsu là con đường dẫn đến sự thật và sự sống, đến tình yêu và hạnh phúc vĩnh hằng để khi gắn bó với Giêsu, anh sẽ mang ơn đức tin đến cho người khác.

3.2. Cuộc gặp gỡ giữa Đức Giêsu và người mù Bartimê là cuộc gặp gỡ đức tin của từng người chúng ta trong đời sống

Nhiều người nghĩ rằng Chúa Giêsu sống cách đây 2000 năm, đã lên trời, chứ không biết Người đang cùng đi với mình trên đường đời. Người đang hiện thân nơi cha mẹ, vợ con, bạn bè, hàng xóm... và tất cả những ai mà chúng ta gặp gỡ trong đời.

Nếu có được đôi mắt đức tin như Bartimê, ta sẽ nhìn thấy Người trong mọi người, mọi vật quanh ta và lúc nào ta cũng có thể gặp được Người. Bất kỳ hành động nào ta làm cho con người, dù là con người nhỏ mọn nhất, là ta làm cho chính Thiên Chúa (x. Mt 25,31-46).

Bạn có nghĩ mình đã sáng mắt sáng lòng qua cuộc gặp gỡ được Đức Giêsu trong đời không? Nếu bạn chưa gặp được Người, bạn nghĩ mình nên làm gì?

Nếu bạn gặp được Người rồi, bạn sẽ hành động như thế nào?

Lời kết

Vì thế, trong Năm Đức Tin, Chúa Giêsu mời gọi chúng ta thể hiện lại những chi tiết cụ thể trong cuộc gặp gỡ đức tin để có thể truyền bá đức tin cho người khác.

Theo Đức Giêsu Kitô để truyền bá đức tin

Lời mở

Người hành khất Bartimê, nhờ lòng tin vào Chúa Giêsu, đã được Người làm cho sáng mắt sáng lòng. Thay vì về nhà để theo đuổi những dự tính của đời mình, anh đã đi theo Đức Giêsu trên con đường của Người, con đường dẫn đến sự thật và sự sống (x. Ga 14,6) để cứu độ muôn loài. Chúng ta cũng được mời gọi bước theo Đức Giêsu như Bang Chủ của những người Hành khất Kitô trong thời đại hôm nay, sống tinh thần nghèo khó của Người và dùng lưỡi gươm Lời Chúa để hành hiệp giang hồ, hàng ma phục linh như Người. Đây là ước mơ của nhiều bạn trẻ trên khắp thế giới.

1. Hồng ân đức tin: sáng mắt sáng lòng

Nhờ lòng tin, Bartimê đã gặp Chúa Giêsu và Người đã chữa lành đôi mắt mù loà để anh sáng mắt sáng lòng, nhìn rõ mình, nhìn rõ Đức Giêsu và cả xã hội mình sống, rồi từ đó anh nhận ra ngay sứ mệnh của mình là bước theo Đức Giêsu trên con đường của Người. Đó cũng là những hiệu quả của một đức tin chân thật nơi mỗi Kitô hữu khi gặp được Chúa Giêsu.

1.1. Nhận ra được con người thật của mình

Bartimê, khi được sáng mắt, nhận ra mình chính là người được Thiên Chúa yêu thương qua việc chữa lành của Chúa Giêsu. Anh nhìn rõ con người thật của mình với thể xác, tâm hồn và tất cả những gì anh có đều là hồng ân của Chúa. Trước đây, anh sống tạm bợ, chật vật nhờ sự bố thí và lòng tốt của người khác. Giờ đây anh sống thoải mái, dồi dào hạnh phúc, tự do vì tìm về được với Thiên Chúa là nguồn vĩnh hằng, nguồn chân thiện mỹ và nguồn hạnh phúc vô biên qua sự hiện diện của Đức Giêsu. Vì thế, anh xác tín về lòng tin của mình vào Đức Giêsu. “Tôi tin”: anh thừa cùng Chúa Giêsu với tất cả lòng mình.

Bạn có cảm nhận được niềm vui, hạnh phúc, tự do vì đời sống của mình không? Hay bạn cảm thấy gò bó, bức bối, bị hạn chế vì những điều buộc phải làm như dự lễ, đọc kinh, giữ các giới răn của đạo Công giáo?

1.2. Nhìn rõ Đức Giêsu

Anh nhìn rõ Đức Giêsu, vị Thiên Chúa cụ thể, nguồn sáng cụ thể, nguồn tình yêu cụ thể. Nhưng đồng thời cũng nhận ra có một đám đông rất lớn gồm những người đói khổ, tật nguyền, tội lỗi vây quanh Người để xin Người cứu giúp. Anh quan sát những hành động của Chúa Giêsu

như rao giảng Tin Mừng, chữa lành bệnh nhân, xua trừ ma quỷ, tha thứ tội lỗi, đón nhận và chúc lành cho trẻ thơ, tranh luận với những người biệt phái và luật



sĩ, đồng cảm với những người đau khổ, điều khiển được cả vạn vật, thậm chí cho người chết sống lại và cả những lúc Người cầu nguyện với Chúa Cha.

Anh hiểu rằng không ai giống như Giêsu. Anh bị cuốn hút vào Người, say mê Người và từ thâm sâu tiếng lòng thôi thúc anh “Hãy bước theo Người” vì chỉ có Giêsu mới có thể đáp ứng những mơ ước cao xa của anh, hơn cả việc Người chữa lành cho anh.

Bạn có nhìn rõ Đức Giêsu và hành động của Người đang thực hiện quanh bạn không? Hành động nào làm bạn xúc động hơn cả? Hay bạn không thấy gì về Đức Giêsu?

Bạn có nghe được tiếng lòng thôi thúc bạn đi theo Đức Giêsu không? Vì sao bạn chưa nghe được?

1.3. Chúng tôi tin

Anh nhìn rõ có nhiều người tin vào Đức Giêsu giống như anh. Họ lập thành một cộng đồng vây quanh Đức Giêsu và luôn đi theo Người để hành động theo sự chỉ dẫn của Người. Họ được gọi là các tông đồ, các môn đệ của Đức Giêsu. Họ lắng nghe lời Người giảng dạy, giúp Người phân phát bánh cá cho dân chúng, giúp những người tật bệnh, tội lỗi, bị quỷ ma ám ảnh đến gần Chúa Giêsu để Người chữa lành. Anh nhận ra rằng không phải chỉ một mình anh tin Đức Giêsu mà có rất nhiều người khác nữa, để cùng nói với Đức Giêsu: “Chúng con tin Thầy là Đấng phải đến cứu độ trần gian”.

Anh hiểu rằng: “Không ai có thể tin một mình, cũng như không ai có thể sống một mình. Không ai tự ban đức tin cho mình cũng như không ai tự ban sự sống cho mình. Người tin nhận được đức tin từ những kẻ khác và phải thông truyền đức tin đó cho những người khác. Tình yêu của chúng ta đối với Đức Giêsu và đối với tha nhân thúc giục chúng ta nói về Đức tin của mình cho những người khác” (x. *GLHTCG*, số 166). Chính vì thế, anh đã hoà mình vào cộng đồng những người tin Chúa Giêsu để hình thành nên Giáo Hội của Người. Lòng tin của anh hoà nhập vào đức tin của Hội Thánh Chúa (x. *GLHTCG*, số 168).

Nếu không có những người đã tin vào Đức Giêsu trước anh rồi loan tin cho anh về Đức Giêsu thì anh cũng chẳng thể nào tìm gặp Đức Giêsu và tin vào Người. Vì thế, “tin là một hành vi có chiều kích Hội Thánh. Đức tin của Hội Thánh có trước, sinh ra, nâng đỡ và dưỡng nuôi đức tin của chúng ta. Hội Thánh là Mẹ của mọi tín hữu” (x. *GLTHCG*, số 181).

Bạn có bao giờ nhìn vào cộng đồng mình đang sống (gia đình, giáo xứ, giáo phận, giáo hội toàn cầu) để thấy nhiều người tin vào Đức Giêsu như bạn?

Bạn có bao giờ thấy mình đang được nâng đỡ bằng lời cầu nguyện, sự hy sinh và đời sống của 1 tỷ 200 triệu người Công giáo trên thế giới không?

Bạn có đóng góp gì cho cộng đồng này với ý thức và tình yêu. Hay bạn không bao giờ nghĩ tới chiều kích cộng đồng của đức tin bạn?

1.4. Cộng đồng vây quanh Đức Giêsu

Ngoài các tông đồ và môn đệ, Bartimê quan sát kỹ hơn cộng đồng lớn lao đang chen chúc nhau vây quanh Đức Giêsu. Cộng đồng hỗn độn này gồm đủ mọi hạng người: già trẻ, lớn bé, nam nữ, giàu nghèo, khoẻ mạnh, đau yếu, người Do Thái cũng như người nước ngoài, người đạo đức như các tư tế, luật sĩ và những người tội lỗi như thu thuế và các cô gái điếm.

Ai cũng bị hút vào Giêsu theo một lực lạ lùng, dù rằng có cả những người chỉ để bắt bẻ giáo lý hoặc giảng bầy Giêsu về một sơ hở chính trị nào đó. Nhiều người chỉ mong chạm đến gấu áo Giêsu để được chữa lành vì có một sức mạnh kỳ diệu tự nơi Người phát ra có thể chữa lành, nếu họ có lòng tin.

Giêsu trở thành cái gì hết sức thiết thân cho tất cả những người đó. Người đem lại tấm bánh con cá cho người đói, sự chữa lành cho người bệnh, sự tự do cho người bị ma quỷ kiềm chế, ánh sáng cho người mù, sự bình an cho người bị rối loạn tinh thần, công lý cho người bị áp bức, tình yêu cho người đang thù hận, sự tha thứ cho người tội lỗi, ân phúc Thiên Chúa cho người thiện tâm. Đây là điều anh đang mong ước vì muốn mình sống hữu ích cho cộng đồng nhân loại cũng như cho dân tộc của anh. Anh muốn được trở nên tất cả cho mọi người như Chúa Giêsu. Vì thế, Bartimê quyết tâm đi theo Đức Giêsu để cứu giúp đồng loại.

Bạn có bao giờ quan tâm đến cộng đồng đang sống quanh bạn không? Họ là những ai? Giàu hay nghèo, đẹp hay xấu, đạo đức hay tội lỗi?

Bạn có ưu tư về dân tộc của mình không?

Bạn có biết rằng trong số 90 triệu dân hiện nay, đang có 18 triệu người nghèo không kiếm nổi 20.000 đồng/ngày; 6,7 triệu người khuyết tật về thể lý, hơn 10 triệu người khiếm khuyết về tinh thần vì nạn phá thai, nghiện ngập đủ loại; 2 triệu trẻ mồ côi?

Bạn có ưu tư về Giáo hội Việt Nam không? Tỷ lệ người Công giáo nước ta chỉ mới chiếm 7% dân số và sút từ 128 năm qua (từ 1885) tỷ lệ này vẫn giữ nguyên?

Bạn có ước mơ gì để cứu giúp những người khốn khổ quanh bạn? Hay bạn bằng lòng với những gì mình có và sống an thân, ẩn mình vào đám đông như một con số vô nghĩa trong lòng nhân loại và dân tộc này?

Chính vì tình thương cứu độ của Đức Giêsu và đức tin của Bartimê mà anh đã sáng mắt sáng lòng và quyết tâm bước theo Đức Giêsu để hoàn thành hành trình đức tin của mình. Kể từ giây phút lên đường với Đức Giêsu, hành trình đức tin mới bắt đầu, cuộc đời của anh mới có ý nghĩa: vì anh trở thành người thuộc về Đức Giêsu Kitô, anh mới thật sự là Kitô hữu.

2. Hành khát Kitô

2.1. Đức Giêsu kêu gọi anh trở thành hành khát như Người

Bartimê đã từng ăn mày, sống nhờ sự giúp đỡ của người khác. Hồi anh bị mù, anh vui sướng khi nghe tiếng những đồng xu rơi vào bát ăn xin của mình hay khi được người ta dúi vào tay anh miếng bánh, bát cơm, nhiều khi chỉ là cơm thừa canh cặn. Có người cho với lời an ủi ấm lòng, nhưng cũng không thiếu người chỉ muốn tống cổ anh đi cho khuất mắt bằng những lời mắng chửi hay nói xéo ác độc.

Bây giờ được sáng mắt rồi, anh lại nhận ra Đức Giêsu mới thật là người hành khất lạ lùng và muốn anh bước theo Người. Người nói với Phêrô, André, Gioan, Giacôbê là những ngư phủ người khác: “Hãy theo tôi, tôi sẽ làm cho các bạn thành những ngư phủ trong biển đời để các bạn lưới người như lưới cá”. Người nói với chị em Matta và Maria,



với Magdala, với 72 môn đệ và với chính anh: “Hãy theo tôi, tôi sẽ làm cho các bạn biết chinh phục và cứu độ con người”. Người ban cho các tông đồ, 72 môn đệ quyền năng và ân sủng để đi khắp nơi rao giảng Tin Mừng, chữa lành bệnh nhân, xua trừ ma quỷ (x. Mc 16,16-22). Anh muốn trở thành một hành khất như Đức Giêsu.

Đức Giêsu là người hành khất phi thường, vì Người cũng rong ruổi trên mọi nẻo đường xứ Palestine và trên khắp thế giới giống như anh. Người cũng sống nhờ lòng tốt của mọi người giống như anh vì Người đón nhận các bữa ăn người ta chia sẻ cho Người và các môn đệ... Có người mời với lòng kính trọng như để đền ơn sau khi được chữa lành; nhưng cũng có người cho mà lòng không vui, ăn mà lòng không thích vì nghĩ rằng thà để dành tiền cho người nghèo khó tốt hơn. Người đón nhận sự đóng góp và tặng ban của mọi người để chia sẻ cho những ai cần đến dù rằng Người là Thiên Chúa giàu có vô song và dư sức để làm ra của cải, cơm bánh nuôi sống mọi người. Người đã tự nguyện trở nên nghèo khó vì muôn loài để lấy cái nghèo của Người mà làm cho muôn loài trở nên giàu có (x. 2Cr 8,9; Pl 2,6-11).

Đức Giêsu có thể được gọi là người hành khát ăn xin tình yêu vì Người là Ngôi Lời Thiên Chúa. Thiên Chúa là Tình Yêu (x. 1Ga 4,16) và chỉ có tình yêu của con người là thứ mà Thiên Chúa cần đến vì Thiên Chúa không thể bắt ép con người yêu Ngài cũng như không thể bắt ép con người đón nhận tình yêu của Ngài. Ngài tự nguyện hạ mình như một hành khát để ăn xin tình yêu của con người cũng như để chia sẻ tình yêu diệu kỳ của Thiên Chúa.

2.2. Chọn Đức Giêsu làm Bang Chủ Hành khát Kitô

Bartimê thấy Đức Giêsu thu tập môn đệ để dạy bảo họ về tình yêu Chúa Cha, về đời sống nghèo khó, để biết sử dụng Lời Chúa như vũ khí thiêng liêng, ban cho họ quyền năng và ân sủng của Người để cứu giúp những người nghèo khổ, yếu kém trong xã hội. Đức Giêsu hành xử như một bang chủ của Cái Bang thời xưa và Bang Hành khát Kitô thời nay.

Trong lịch sử chiến đấu của nhiều dân tộc, nhất là của Trung Hoa, các người ăn xin họp thành Cái Bang. Họ là những người tự nguyện sống thanh bần, giàu lòng nhân ái, tinh thông võ nghệ để diệt gian trừ bạo, hành hiệp giang hồ. Đức Giêsu là Ngôi Lời Thiên Chúa *“Lời Thiên Chúa ở gần bạn, ngay trên miệng, ngay trong lòng. Nếu miệng bạn tuyên xưng Đức Giêsu là Chúa và lòng bạn tin rằng Thiên Chúa đã làm cho Người từ cõi chết sống lại, thì bạn sẽ được cứu độ. Quả thế, có tin thật trong lòng, mới được nên công chính; có xưng ra ngoài miệng, mới được ơn cứu độ”* (Rm 10,8-13).

Việc hành hiệp giang hồ, hàng ma phục linh không phải là chuyện võ hiệp tưởng tượng của các đệ tử Cái Bang trong các tiểu thuyết võ hiệp, hay trong những trò chơi trực tuyến (game online) mà nhiều bạn trẻ đang chơi. Nhưng đó là sứ mạng chiến đấu của những người Hành khát Kitô thời nay để bắt chước Bang Chủ của mình là Đức Giêsu Kitô trong cuộc chiến đấu thiêng liêng của đời mình.

Bạn có chơi trò chơi trực tuyến nào không? Nhân vật nào bạn thích? Bạn có biết sử dụng Lời Chúa như một thanh gươm 2 lưỡi sắc

bén (x. Th 4,12; Ep 6,17) để giải phóng con người, chiến thắng quỷ dữ, ma tà không?

Bạn có bao giờ xem những phim ảnh, sách báo đòi truy khiến tinh thần bị nhiễm độc? Bạn làm gì để chiến thắng con nghiện trò chơi, phim ảnh đồi trụy?

2.3. Hành trình đức tin

Hành trình đức tin của Bartimê bắt đầu ngay khi anh bước theo Đức Giêsu như Bang Chủ của đời mình, vì từ khi được sáng mắt sáng lòng, anh chỉ còn sống “nhờ Người, với Người, trong Người và vì Người” mà thôi.

Anh bắt đầu sống theo tinh thần nghèo khó của Người: ăn mặc giản dị, làm việc hăng say, nhất là học những kỹ năng sử dụng thành thạo lưỡi gươm Lời Chúa. Anh liên kết với các tông đồ và môn đệ thành từng nhóm để chuẩn bị cho dân chúng đón nhận Đức Giêsu, để bảo vệ nhau chống lại sức cám dỗ của vật chất, của tệ nạn xã hội và của đời sống hưởng thụ ích kỷ đang phổ biến khắp nơi.



Anh hiểu rằng hành trình đức tin của mình không phải thực hiện trên những con đường rộng rãi, bằng phẳng với cây cao bóng mát vì đời người là một con đường dài với nhiều đoạn khác nhau đòi anh phải cố gắng liên li. Anh biết có những lúc mình sẽ gục ngã vì kiệt sức, vì những hố sâu trên đường, vì mưa nắng bất chợt, vì cả những tai nạn do sự bất cẩn của người khác. Nhưng anh quyết tâm theo Đức Giêsu và

tin vào quyền năng, sức mạnh Thánh Thần Người ban cho anh để hoàn thành cuộc hành trình. Dù chịu nhiều gian nan thử thách, nhưng mỗi giây phút sống, anh đều cảm nhận được hạnh phúc và tình yêu của Người. Anh mừng tượng mình sẽ còn phải chết nhục nhã như Người trên thập giá như Người đã báo trước về cái chết của mình, nhưng sau đó là cuộc sống vinh quang muôn đời mà anh hằng mơ ước.

Bạn có thể nhìn lại hành trình đức tin của mình với những giai đoạn khác nhau và chia sẻ cho bạn bè không?

2.4. Chia sẻ cảm nghiệm về Đức Giêsu Kitô

Tôi xin chia sẻ với các bạn một cảm nghiệm cá nhân với Đức Giêsu về cuốn Sứ Điệp Loài Hoa. Đây là tập sách nhỏ tôi vâng lệnh Đức Tổng Giám mục Phaolô Nguyễn Văn Bình để viết cho các bạn trẻ vào năm 1995. Cuốn sách đã được các bạn nồng nhiệt đón nhận, tạo nên cơn sốt thời đó vì 25.000 cuốn đã bán hết trong vòng 2 tháng. Vì thế, cuốn sách lọt vào tầm ngắm của vài người có trách nhiệm và có lẽ vì bài Hoa Bất Tử nên đã bị liệt vào danh mục sách cấm và không được phép tái bản, dù Đức Tổng Phaolô đã viết đơn xin tới 3 lần.

Tuy nhiên, tôi cảm nghiệm được tình yêu và quyền năng Chúa khi gặp một người bệnh, sau khi Chúa chữa lành cho ông, chính ông đã giúp cho cuốn sách được tái bản. Chia sẻ với các bạn kinh nghiệm này để thấy hành trình đức tin của mỗi người chúng ta thật diệu kỳ. Càng gần bó với Chúa Giêsu, chúng ta càng có khả năng biến đổi đời sống mình cũng như đời sống người khác.

Kết luận

“Hành trình Đức tin” chỉ là dịp để mời gọi bạn tìm về gặp gỡ lại Thiên Chúa, gặp gỡ Đức Kitô và anh chị em trong cộng đồng Giáo Hội để cùng xướng lên “tôi tin”, “chúng tôi tin”.

Chúng tôi cũng tha thiết mời gọi bạn tham dự vào một trò chơi lớn để trở thành “Hành khất Kitô” trong hành trình đức tin này. Bạn có thể xem chi tiết trên trang Web: www.hanhkhatkito.org.

Phụ lục

Hành khất ca

Mỗi ngày sống ta như người hành khất
Nhận muôn ơn từ Thiên Chúa yêu thương
Với bát ăn xin vui vẻ lên đường
Đem chia sẻ cho những ai thiếu thốn

Đường thánh giá tình yêu như hoà trộn
Đường khó nghèo ta tiếp bước Giêsu
Bỏ đam mê, danh lợi, bỏ hận thù
Thành con Chúa qua cuộc đời tự huỷ (x. Pl 2, 7-8)

Guom thân diệu ta giấu trong tâm trí
Lời Tin Mừng ta vận khí phóng ra (x. Ep 6, 17)
Sống công minh, diệt hết mọi gian tà
Biết hoà hợp với muôn người muôn vật.

Theo Đức Kitô sống đời hành khất
Thôi thúc người biết quảng đại yêu thương
Sống hiên ngang danh lợi ta coi thường
Tâm bất biến giữa dòng đời vạn biến.



Phần 2

**Chủ thể loan báo Tin Mừng:
người tông đồ được Chúa sai đi**



Bài 6

Ơn gọi căn bản của người Kitô hữu

Lời mở

Nói đến ơn gọi hay ơn thiên triệu, nhiều người tín hữu chúng ta nghĩ ngay đến việc Chúa kêu gọi một số người dâng hiến đời mình cho Chúa để sống đời linh mục hay tu sĩ với 3 lời khấn: khó nghèo, vâng phục, khiết tịnh. Thật ra ơn gọi liên quan đến tất cả mọi người sống trên trần thế, chứ không riêng các tín hữu Công giáo hay một số người đặc biệt nào (x. TLLV, số 159).

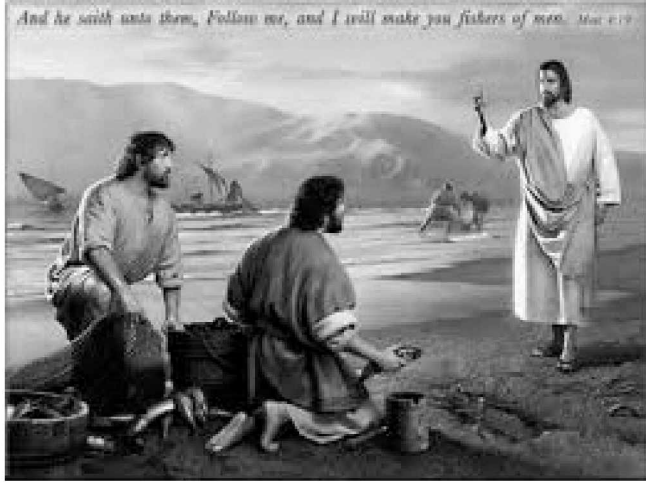
Nhân dịp kỷ niệm 50 năm Đức Giáo Hoàng Phaolô VI thiết lập Ngày Toàn thể Giáo hội Cầu nguyện cho Ơn gọi Linh mục và tu sĩ (1963), chúng ta được mời gọi để tìm hiểu ơn gọi là gì, ơn gọi bao gồm những yếu tố nào, ơn gọi được chia thành những loại nào và những thách đố về ơn gọi ở Việt Nam hiện nay.

1. Định nghĩa ơn gọi

Ơn gọi, theo nguyên ngữ: “vocatio” bắt nguồn từ động từ Latinh “vocare” có nghĩa là kêu gọi, từ đó phát xuất ra các từ khác ở tiếng Anh “vocation” hay tiếng Pháp “vocation”.

“Ơn gọi là ơn Chúa gọi con người tham dự vào chương trình cứu độ của Ngài. Khái niệm ơn gọi có nguồn gốc từ Thánh Kinh. Khi Thiên Chúa gọi ai thì Ngài trao cho người ấy 1 sứ mệnh, như trường hợp của Abraham (x. *GLHTCG*, số 762), Môsê, các tiên tri, thánh Giuse hay Đức Maria (x. *GLHTCG*, số 490)... Do vậy, ơn gọi được khởi sự từ việc tuyển chọn của Thiên Chúa, và nhằm thực hiện ý định

cứu độ của Ngài” (Hội đồng Giám mục Việt Nam, *Từ điển Công giáo 500 mục từ*, NXB Tôn Giáo, 2011). Một khi con người lắng nghe được tiếng Chúa và đáp lại lời Ngài, con người sẽ nhận được các ơn cần thiết để hoàn thành sứ mạng Chúa uỷ thác, nhận được ơn cứu độ và phần thưởng Chúa ban.



2. Nội dung ơn gọi

Xét theo nghĩa căn bản ơn gọi được hình thành từ 3 yếu tố:

- *Người gọi*: là chính Thiên Chúa cất tiếng và gửi lời cho con người. Sáng kiến phát xuất từ Thiên Chúa do lòng yêu thương và sự quan phòng của Ngài để mang lại ơn cứu độ và hạnh phúc vĩnh hằng cho con người. Vì thế ơn gọi luôn là một hồng ân của Thiên Chúa.
- *Người được gọi*: là con người nghe và đáp lại tiếng Chúa gọi. Tuy nhiên Chúa luôn tôn trọng tự do của con người. Chúa không bao giờ dùng phép lạ hay bạo lực để bắt ép con người phải vâng phục mình. Con người được mời gọi đáp lại bằng tất cả ý thức và tình yêu tự nguyện để hành động cho chương trình của Chúa, nhưng con người luôn có quyền đón nhận hay khước từ ơn gọi của Chúa bất cứ lúc nào.
- *Nội dung lời gọi*: một lời yêu cầu hay một sứ mạng Chúa trao gửi. Khi con người chấp thuận lời yêu cầu hay đón nhận

sứ mạng thì Chúa sẽ ban những ơn cần thiết để giúp họ hoàn thành. Yêu cầu có thể chỉ diễn ra trong một thời điểm và sứ mạng có thể kéo dài nhiều năm tháng hay trong suốt cuộc đời.

3. Phân loại ơn gọi

Có nhiều loại ơn gọi tùy theo 3 yếu tố trên đây:

- Chúa gọi chung tất cả mọi người hay chỉ riêng một số người.
- Con người đáp lại trong suốt đời mình hay chỉ trong một giai đoạn nào đó.
- Nội dung lời gọi thuộc về bản tính con người hay chỉ là sứ mạng riêng biệt cho một loại hoạt động nào đó.

Vì thế, chúng ta có thể phân chia ơn gọi thành 2 loại khác nhau: ơn gọi chung và ơn gọi riêng. Ôn gọi chung có đặc tính là lời gọi của Chúa gửi đến tất cả mọi người, thuộc về bản tính của con người nên có đặc tính là căn bản, phổ quát và kéo dài mãi mãi trong suốt đời sống của họ. Ôn gọi riêng là ơn gọi của Chúa dành đặc biệt cho 1 cá nhân hay cộng đồng nào đó, trao cho họ một sứ mạng đặc biệt và chỉ kéo dài trong một thời gian.

3.1. Ôn gọi chung của con người

Đó là ơn gọi làm người và làm con Thiên Chúa. Ôn gọi này là nền tảng cho tất cả các ơn gọi khác nên rất cao cả (x. MV 3), phổ quát, thánh thiện (x. Rm 1,7; 2Tm 1,9; Dt 3,1) và toàn diện (x. MV 4). Nếu không hoàn thành ơn gọi này thì tất cả các ơn gọi khác đều vô nghĩa. Thí dụ: một người, dù làm giáo hoàng hay giám mục, không sống đúng với ơn gọi làm người và làm con Thiên Chúa, thì cũng không xứng đáng trước mặt Chúa và đáng khinh trước mặt con người. Vì thế, chúng ta cần phải tìm hiểu kỹ lưỡng ơn gọi này. Ôn gọi này được Công đồng Vaticanô II trình bày rất nhiều trong các văn kiện của mình như sau:

- Con người là thụ tạo duy nhất ở trần gian được Thiên Chúa dựng nên cho chính họ (x. MV 24) để có thể nhận biết và yêu thương đấng sáng tạo mình (x. MV 12). Là một thụ tạo có trí khôn và tự do (x. MV 17-21), con người được mời gọi tìm kiếm và ái mộ những gì là chân thiện mỹ (x. MV 15). Được tạo thành giống hình ảnh Thiên Chúa, con người đã nhận mệnh lệnh chinh phục trái đất bằng cách nhìn nhận Chúa là Đấng Tạo Thành mọi loài và quy hướng về Ngài chính bản thân mình cũng như muôn vật (x. MV 34).
- Con người được dựng nên để đạt tới cứu cánh hạnh phúc vượt ra ngoài các giới hạn thời gian và được mời gọi đem toàn thân kết hợp với Thiên Chúa trong sự hiệp thông vĩnh viễn vào sự sống bất diệt của Ngài (x. MV 18). Vì thế, con người luôn cảm thấy mình có những khát vọng vô biên và cảm thấy được mời gọi tới một cuộc sống cao cả hơn (x. MV 10). Tuy sống trong lịch sử nhân loại, con người không bị thu hẹp trong nhãn giới trần gian nhưng vẫn mang một sứ mạng trường cửu (x. MV 74). Tất cả đều được gọi lãnh nhận ơn gọi làm người và làm con Thiên Chúa (x. MV 92), tham dự vào sự sống và vinh quang của Ngài (x. MV 21, TG 2). Vì thế, Thiên Chúa mời gọi con người phụng thờ Ngài trong tinh thần và chân lý (TD 11).
- Ôn gọi căn bản này mang tính cách *cộng đồng*: vì Thiên Chúa dựng nên con người không phải để sống riêng rẽ nhưng để họ liên kết với nhau trong cộng đồng xã hội. Mọi người được mời gọi đến cùng một cứu cánh duy nhất là Thiên Chúa (x. MV 24), nên cũng được mời gọi để trở nên anh em với nhau (x. MV 92), sống tình huynh đệ đại đồng (x. MV 3,21,34). Sự đồng nhất về cùng đích này là nền tảng căn bản giữa con người với nhau (x. MV 29).
- Trong Đức Giêsu Kitô, con người đã được Thiên Chúa tuyên chọn trước khi Ngài tạo dựng vũ trụ và được tiền định làm dưỡng tử (x. GH 3). Vì thế, tất cả đều được mời gọi kết hợp

với Đức Kitô (x. GH 3) để đến với Chúa Cha trong cùng một Thánh Thần duy nhất (x. GH 4). Thiên Chúa mời gọi chúng ta đến hưởng vinh quang bất diệt của Ngài (x. GH 41). Chúa Thánh Thần kêu gọi mọi người đến với Đức Kitô nhờ hạt giống lời Chúa và việc rao giảng Phúc Âm (x. TG 15).

Như thế, ơn gọi căn bản là lời kêu gọi con người tin vào Thiên Chúa và sự sống vĩnh cửu, mời gọi con người chấp nhận ơn lành cứu độ (x. Rm 11,29). Đó cũng là lời mời gọi đi theo Đức Kitô (x. Pl 3,14) nếu hiểu theo nghĩa Đức Kitô là con đường dẫn đến sự thật và sự sống và hiểu Tin Mừng là phương tiện đem lại ơn cứu độ (x. Mt 28,19-20).

3.2. Những ơn gọi riêng

Có nhiều loại ơn gọi riêng. Ơn gọi dành cho từng loại người theo chức vụ như: giám mục, linh mục, tu sĩ, giáo dân. Ơn gọi dành cho từng sứ mạng riêng biệt như ơn gọi của các vợ chồng, cha mẹ, con cái trong gia đình. Ơn gọi dành cho từng loại nghề nghiệp trong xã hội như ơn gọi của các nhà giáo dục, văn nghệ sĩ, các nhà khoa học, chính trị, các nhà làm kinh tế.

Trong các ơn gọi riêng, chúng ta nên lưu ý đặc biệt đến ơn gọi của Kitô hữu được Công đồng Vaticanô II và sách GLHTCG khai triển đầy đủ.

- Ơn gọi căn bản của Kitô hữu là ơn Thiên Chúa mời gọi mỗi Kitô hữu thi hành một sứ mạng riêng biệt nghĩa là làm tư tế, tiên tri và vương đế của Chúa Kitô trong hoàn cảnh sống của mình (x. GH 10-11,31-36; TG 15).
- Mỗi tín hữu được kêu gọi nên thánh theo nhiều hình thức khác nhau (x. GH 39-41), theo đường lối và phương tiện khác nhau (x. GH 42).
- Mỗi tín hữu được mời gọi tham gia hoạt động tông đồ (x. PV 9; GH 33; Dt 6; TD 2,16; GLHTCG 863) và truyền giáo (x. GH 17; TG 23,36).

- Mỗi tín hữu được mời gọi kết hợp với Đức Kitô (x. *GLHTCG* 521-542), trong tình yêu (x. *GLHTCGI* 1604, 2331, 2392) của Chúa Thánh Thần (x. *GLHTCG* 1699). Ôn gọi của các Kitô hữu được hoàn thành trong Hội Thánh (x. *GLHTCG* 2030).

4. Làm sao để nghe được tiếng Chúa gọi và phân biệt với tiếng của con người?

4.1. Thiên Chúa luôn luôn nói với con người

Đối với mọi người, Chúa nói với họ qua thiên nhiên, vạn vật, trong những biến cố của đời sống hay qua tiếng lương tâm của con người luôn hướng về chân thiện mỹ. Còn đối với các tín hữu Kitô giáo, Ngài còn nói qua Thánh Kinh và Thánh Truyền, qua giáo huấn của Giáo Hội, nhất là qua chính Đức Kitô hiện thân trong cuộc sống mỗi người. Vì thế, nhờ lý trí và đức tin, mỗi người chúng ta có thể nghe được tiếng Chúa mời gọi.

4.2. Những điều kiện để nghe được tiếng Chúa

** Con người cần phải tạo một bầu khí thinh lặng nội tâm để tiếng Chúa không bị trộn lẫn với những âm thanh của tham vọng, dục vọng, vật chất khiến họ không nghe rõ tiếng Ngài. Hình ảnh cậu bé Samuel (x. 1Sm 3,1-21) lắng nghe tiếng Chúa trong đêm tối gợi ý cho con người đi tìm sự thinh lặng trong tâm hồn cũng như trong môi trường sống.*

Một tâm hồn đang sống trong ơn nghĩa Chúa sẽ nghe tiếng Chúa mời gọi cách nhẹ nhàng, cảm nghiệm được sự bình an và hy vọng. Nhưng một tâm hồn sống trong tội lỗi, tiếng Chúa luôn thôi thúc họ, nhiều khi mãnh liệt, để họ không thể sống trong sự bình an giả tạo, ở lì trong tội lỗi. Ta có thí dụ của tiếng Chúa kêu gọi Saolô, quật ngã ngài trên đường đi Damas (x. Cv 9,1-9).

Vì thế, muốn phân biệt đâu là tiếng Chúa gọi hay tiếng của con người hoặc tiếng của ma quỷ cám dỗ, ta cần phải tìm hiểu linh hồn

mình đang sống trong tình trạng ân sủng hay mất ơn nghĩa với Chúa để tìm cách thanh tẩy tâm hồn.

** Con người cần phân biệt tiếng gọi của Chúa bằng lý trí và đón nhận sứ mạng bằng đức tin và tình yêu.*

Trước một yêu cầu nhất thời, thí dụ như giúp đỡ người nghèo khổ một số tiền, một vật dụng hoặc làm công tác này, công việc kia, ta không biết đó có phải là tiếng Chúa thôi thúc ta hay không. Trước một sứ mạng lâu dài, nhiều khi đòi hỏi hy sinh lớn lao, gặp những thử thách nặng nề, con người ngại ngùng đón nhận hay trước một sứ mạng có vẻ cao quý, mang lại lợi lộc, danh tiếng như làm giám mục, linh mục, tu sĩ, làm giám đốc công ty, làm tổng phụ trách một dòng tu... con người mơ ước có được. Chúng ta phải hết sức cẩn trọng để phân biệt đâu là tiếng Chúa gọi, đâu là sự thôi thúc của con người nên phải suy xét cẩn thận. Sứ mạng càng lớn, thời gian thi hành càng dài, ta càng cần phải cẩn trọng dành nhiều thời giờ để cầu nguyện, bàn hỏi với người có kinh nghiệm hay với vị hướng dẫn tâm linh. Có khi phải dành vài ngày tĩnh tâm trước khi nhận lãnh sứ mạng Chúa trao. Ta cần phải cầu xin Chúa Thánh Thần soi sáng, nâng đỡ để ta nghe được lời Chúa mời gọi và can đảm đáp lại tiếng Ngài bằng lòng tin và tình yêu.

** Tiêu chuẩn để phân biệt tiếng Chúa gọi*

Thiên Chúa có thể gọi con người trong tiếng sấm vang rền trên núi Sinai hay tiếng gió nhẹ hiu hiu, nghĩa là trong bất cứ hoàn cảnh nào của cuộc sống. Tuy nhiên, tiếng gọi của Chúa không bao giờ là một lời tiêu cực, huỷ diệt con người, dẫn con người đi vào con đường sai trái, ác đức, xấu xa. Thí dụ: Thiên Chúa không bao giờ yêu cầu ta cướp của, giết người để cứu giúp người nghèo khó.

Lời gọi của Thiên Chúa luôn nâng con người lên cao, làm cho con người cảm nhận được niềm vui, bình an, hạnh phúc, hướng về chân thiện mỹ. Lời gọi của Thiên Chúa có thể thúc đẩy con người đón nhận một sứ mạng gặp nhiều khó khăn thử thách và cả nguy hiểm của cái chết như Chúa Cha đã kêu gọi Đức Giêsu trong sứ mạng cứu độ. Nhưng khi con người đón nhận sứ mạng này, họ sẽ luôn nhận được những ơn cần thiết để hoàn thành sứ mạng ấy.

Còn nếu con người từ chối sứ mạng Chúa trao, họ sẽ mất cơ hội lập công, hưởng ơn lành của Chúa cũng như tạo hạnh phúc cho con người. Hoặc nếu họ cố tình đón nhận một sứ mạng do con người kêu gọi mà không phải do Chúa, thí dụ: làm linh mục, tu sĩ do mua chuộc hay do tham vọng, tìm lợi lộc, họ sẽ không có ơn Chúa ban để hoàn thành sứ mạng của mình, họ sẽ cảm thấy ray rứt, bất an và có nguy cơ rơi vào thất bại hay tuyệt vọng.

5. Vài con số về ơn gọi

5.1. *Ơn gọi trên thế giới*

Theo thống kê của Giáo Hội (x. *Catholic Almanac 2013*, NXB Our Sunday Visitor, tr.335), hiện nay Giáo hội Công giáo có khoảng 1,3 triệu người sống theo ơn gọi linh mục và tu sĩ trong số 1 tỷ 200 triệu tín hữu (12 Thượng phụ, 207 hồng y, 1.039 tổng giám mục, 3.855 giám mục, 421.236 linh mục dòng-triều, 721.935 nữ tu sĩ và 54.655 nam tu sĩ, 118.990 chủng sinh). Như vậy tỉ lệ cứ khoảng 1.000 tín hữu thì có 1 người sống theo ơn gọi làm linh mục hay tu sĩ. Nếu nhìn lại 50 năm trước, tỉ lệ trên đã giảm đi một nửa: 50 năm trước có 440 ngàn linh mục, hơn 800 ngàn nữ tu sĩ, hơn 100.000 nam tu sĩ, gần 100 ngàn chủng sinh trong 679 triệu người Công giáo, tức là cứ 1.000 tín hữu thì có 2 người sống ơn gọi linh mục hay tu sĩ.

5.2. *Ơn gọi ở Việt Nam*

Nhìn vào Giáo hội Công giáo Việt Nam hiện nay, chúng ta đang có 6.456.947 tín hữu trên 90 triệu dân. Khoảng 32.000 người theo đuổi ơn gọi linh mục, tu sĩ (44 giám mục, 4.219 linh mục dòng (942) và triều (3.277), 18.997 tu sĩ nam nữ, 4.096 chủng sinh và dự tu, hơn 5.000 đệ tử các dòng). Nếu tính theo tỉ lệ, cứ 1.000 tín hữu Công giáo VN thì có 5 người theo đuổi ơn gọi, tức là gần gấp 5 tỉ lệ của thế giới (x. Thống kê từ Văn phòng Tổng Thư ký Hội đồng Giám mục Việt Nam, tính đến ngày 31/12/2011).

6. Vai nhận định về ơn gọi ở Việt Nam

Chúng tôi xin đưa ra vài nhận định có thể làm buồn lòng một vài vị hữu trách, nhưng rất cần thiết, nếu chúng ta muốn đối mặt với những thách đố đang đặt ra cho GHVN.

6.1. *Ơn gọi ở VN vừa thừa lại vừa thiếu*

Thừa, vì VN hiện có 8 chủng viện. Có chủng viện sau khi đào tạo chủng sinh đã phải hạn chế việc phong chức linh mục vì giáo phận

không có đủ xứ đạo cho linh mục hay xứ đạo quá ít tín hữu (dưới 500 người) nên không đủ khả năng và phương tiện nuôi sống linh mục, nhất là một số giáo phận miền Trung. Số các linh



mục ở các giáo phận như Đà Nẵng, Quy Nhơn, Huế, Nha Trang, Hà Nội, Đà Lạt đang gấp đôi hoặc gấp ba so với số giáo xứ nên có tình trạng thiếu việc làm cho các linh mục.

Thiếu, vì Giáo hội Việt Nam có thể đang cần gấp đôi, gấp ba số linh mục và tu sĩ để loan báo Tin Mừng và tham gia vào mọi hoạt động trong cộng đồng xã hội. Hiện nay, số tín hữu Việt Nam mới chỉ chiếm 7% dân số cả nước và giữ nguyên trong nhiều chục năm qua, chứng tỏ công cuộc loan báo Tin Mừng chưa hiệu quả và đời sống của

những linh mục, tu sĩ cũng như tín hữu Công giáo Việt Nam chưa thu hút người khác đến với Đức Kitô.

6.2. *Ơn gọi Việt Nam trải qua nhiều giai đoạn thăng trầm*

Từ năm 1954 ở miền Bắc và 1975 ở miền Nam, lịch sử ơn gọi VN đã viết nên những trang hào hùng về các người con trung thành với lời Chúa kêu gọi. Nhiều linh mục, tu sĩ gặp thử thách nặng nề vì chủng viện, tu viện không đủ phương tiện để nuôi sống. Nhiều người thay vì về lập gia đình đã sẵn sàng sống đời nghèo khổ, chủng sinh sẵn sàng đi làm thủy lợi, lao động ở các nông trường, tu sĩ đi đan lá buông, sơn màn trúc, bán hàng rong ở bên xe và đã trở thành những linh mục, tu sĩ gương mẫu, biết dấn thân cho người nghèo khổ, bất hạnh.

Sau thời kỳ đất nước mở cửa, năm 1986-1992, các chủng viện, tu viện bắt đầu được phép thu nhận chủng sinh, tu sinh với điều kiện phải được chính quyền chấp thuận, lý lịch cá nhân tốt đẹp, rõ ràng... Một số giáo phận miền Bắc do thiếu linh mục trầm trọng nên đã mở các chủng viện “chui” ở miền Nam. Một số thanh niên được lựa chọn sơ sài, đào tạo vội vã ít môn thần học cơ bản, chưa quan tâm nhiều đến đời sống đạo đức, nhân bản nhưng vẫn được phong chức linh mục. Vì thế không thiếu trường hợp linh mục sống buông thả, tìm lợi lộc vật chất và đi ngược với con đường của Đức Kitô.

Trong cuộc khủng hoảng ơn gọi của toàn thế giới, nhiều dòng tu nước ngoài đến VN tìm ơn gọi nơi các thanh thiếu niên để thế chỗ cho những người già yếu của họ ở châu Âu, châu Mỹ. Với những phương tiện dồi dào, các dòng này cung cấp cho sinh viên VN nơi ăn chốn ở trong các nhà ở thành phố, nhất là thành phố Hồ Chí Minh, cho học bổng để học ngoại ngữ hay học đại học, hứa hẹn cho ra học cao ở nước ngoài. Thế là “con sốt ơn gọi” bùng phát ở nhiều nơi và VN trở thành “thị trường ơn gọi”.

Nhiều thanh thiếu niên nam nữ trong các vùng nông thôn nghèo khổ, nhất là ở miền Trung và miền Bắc VN, đổ xô đi tu vì đó là con đường để thoát nghèo, được học hành, sống sung túc, đạt được địa vị

danh giá cho mình và cho gia đình. Các dòng tu nước ngoài này vì đang thiếu nhân sự nên dễ dàng nhận vào các thanh thiếu niên mà hầu như ít có sự phân định ơn gọi, thiếu việc linh hướng thường xuyên, thiếu việc đào tạo tu đức và nhân bản nên nhiều người trẻ VN, sau khi học thành tài ở đại học, đã bỏ dòng tu, hoặc vẫn ở lại tu nhưng thái độ sống lại không phù hợp với lời khấn khó nghèo, vâng phục và khiết tịnh. Tuy số người này không nhiều nhưng những “con sâu vẫn làm rầu nồi canh”.

Hơn nữa, từ sau năm 1975 các chủng viện, tu viện đón nhận các thanh thiếu niên chưa được đào luyện nhiều về mặt thiêng liêng, do thiếu các vị “linh hướng”, do sự trọng vọng và giúp đỡ của giáo dân đối với các người đi tu như việc họ sẵn sàng cung cấp tiền bạc phương tiện, do thiếu chương trình đào tạo chính quy và thống nhất về tu đức-triết học-thần học, do thiếu thời gian sống thử luyện,.. nên chất lượng “đầu ra” của các chủng sinh hay tu sĩ không còn cao như trước.

Tình trạng phân hoá và chia rẽ trong mỗi cộng đồng tu trì tuy diễn ra âm thầm nhưng lại có sức tàn phá mãnh liệt kể từ khi các chủng viện và dòng tu được phép tuyển người đi học ở nước ngoài. Vì số người được chọn ít nên có sự can thiệp từ các cấp lãnh đạo giáo phận hay cấp lãnh đạo trong chính dòng tu. Kết quả là người được chọn có thể là “con ông cháu cha”, không xứng đáng về tài đức so với những người khác nên xảy ra việc ganh tỵ, bất mãn, bất phục trong nội bộ cộng đồng. Rồi khi người đi du học về với bằng cấp đạt được, lại trở thành bề trên cai quản, thì đời sống cộng đồng càng bị phân hoá hơn nữa, nhiều tu sĩ không còn niềm vui và sự hăng hái làm việc khi thấy những việc làm có vẻ bất công, bất chính như thế.

Chúng tôi rất ngại ngùng khi phải nói lên những thực tế đau lòng này, nhưng nếu cứ để yên trong lòng GHVN như một vết ung nhọt thì sợ rằng tình trạng bất động, thụ động, kém hiệu quả trong việc loan báo Tin Mừng cũng như thiếu sức thu hút người khác đến Đức Kitô sẽ vẫn tồn tại lâu dài như trong suốt mấy chục năm vừa qua.

7. Đường hướng đổi mới ơn gọi

7.1. Khi chúng ta nhận thức được rằng dù Giáo hội thánh thiện từ bản chất nhưng vẫn chỉ là cộng đồng gồm những con người yếu đuối tội lỗi, luôn được Chúa giữ gìn che chở, ta mới có thể sống trong niềm vui, hy vọng, bình an và quảng đại cống hiến cho Chúa vì chúng ta biết rằng Chúa biết rõ và thưởng phạt công minh từng hành động nhỏ bé của ta. Chúng ta tin tưởng rằng dù con người có gian ác, bất công đến mấy, có phạm tội nặng nề đến đâu, thì Chúa vẫn đủ quyền năng và tình thương để biến đổi họ thành những mục tử tốt lành theo lòng mong ước của Người.

7.2. Qua cuộc bầu chọn Đức Giáo Hoàng Phanxicô, Giáo hội Công giáo đang mời gọi linh mục tu sĩ thay đổi để sống đơn thành, khiêm tốn theo tinh thần nghèo khó thay vì một đời sống xa hoa với những xe hơi, xe máy đắt tiền, với những căn phòng tiện nghi cao cấp, hoặc xây cất nhà thờ thật lớn, tu viện thật sang. Nhìn vào Đấng Mục Tử tốt lành sống như người hành khất, rong ruổi từ làng này sang làng khác, ăn nhờ ở đậu nhờ lòng quý mến yêu thương của mọi người hoặc chết nhục nhã như một tội nhân trên thập giá, các linh mục tu sĩ sẽ noi gương Đức Giáo hoàng Phanxicô sống tinh thần đơn sơ khó nghèo của Chúa.

7.3. Các linh mục, tu sĩ cũng như từng tín hữu giáo dân được mời gọi nhìn vào Đức Kitô Phục Sinh để nhận ra Người là vị Mục Tử nhân lành đến rao giảng Tin Mừng cứu độ cho đàn chiên và đàn chiên nghe được tiếng Người, theo Người trên con đường sự thật và sự sống. Sự thật về con người, về đất nước, về Giáo Hội có phũ phàng, chua chát, làm buồn lòng ta thế nào đi nữa thì chúng ta vẫn sống trong hy vọng, bình an và tích cực hành động để biểu lộ sự thật giải thoát và sự sống kì diệu của Thiên Chúa trong đời sống mỗi người. Nhờ ơn lành và sức mạnh của Chúa Thánh Thần nâng đỡ, mỗi người chúng ta sẽ tích cực học hành, tu luyện và hoạt động trong mọi lĩnh vực của đời sống để biểu lộ cái đúng, cái tốt, cái đẹp cho mọi người vì Chúa là nguồn của chân thiện mỹ. Nhờ đó chúng ta lại trở thành lời mời gọi mọi người đến với Đức Kitô và với Thiên Chúa.

7.4. Khi chúng ta nhìn vào vị Mục Tử nhân lành rong ruổi trên khắp nẻo đường đời để dẫn tất cả chiên lạc về một đàn chiên duy nhất bằng nỗ lực rao giảng Tin Mừng, thứ tha tội lỗi, chữa lành bệnh nhân, xua trừ ma quỷ, cho kẻ đói được no lòng, cho cả kẻ chết sống lại, thì chúng ta mới thấy ơn gọi của mình không còn kim giữ ta quanh quẩn bên nhà thờ, nhà xứ, tu viện. Chúng ta cũng không thể bằng lòng với những nghi lễ phụng tự dù trang nghiêm nhưng vẫn chỉ là một phần



trong đời sống toàn diện, với những bài giáo lý khô khan, bài đàn bài hát Thánh ca tuy cần thiết nhưng vẫn chưa đáp ứng được những nhu cầu cao cả của con người, với những trò vui của một số hội đoàn Công giáo Tiến hành lặp đi lặp lại khiến giới trẻ buồn chán.

Tâm hồn chúng ta sẽ mở rộng cho biết bao con người trong cộng đồng xã hội không cùng tôn giáo. Trí khôn ta sẽ vươn xa đến những

chân trời mới của các khoa Thần học, Thánh Kinh và cả khoa học tự nhiên, xã hội nhân văn để thấy cái đúng, cái tốt, cái đẹp trong mọi sự. Bàn chân ta mới dám đặt lên những vùng đất xa lạ, căn cõi như Ngôi Lời đã bỏ trời xuống thế để chia sẻ cho mọi người ơn lành của Chúa

Cha. Lúc ấy mỗi linh mục, tu sĩ hay tín hữu giáo dân sẽ thật sự là những chứng nhân của Chúa Giêsu trong mọi lĩnh vực của đời sống để thu hút tất cả về cho Người. Lúc ấy chúng ta mới thấy ơn gọi và đời tu của mình đẹp đẽ và hào hùng vì chúng ta dám xả thân giúp đời, hành hiệp giang hồ, hàng ma phục linh như Đức Giêsu Phục Sinh. Lúc ấy ta mới thật sự trở thành “ánh sáng muôn dân để đem ơn cứu độ đến tận cùng cõi đất” (Cv 13,47).

Lời kết

Khi đó ta sẽ thấy mình tự hào đứng vào đoàn người thật đông đảo sau lưng Đấng Mục Tử nhân lành vì đã “trải qua cơn thử thách lớn lao, giặt sạch và tẩy trắng áo mình trong máu Con Chiên” (Kh 7,9.14). Khi đó ta thật sự vui sướng vì ơn Chúa gọi ta và ta trở thành lời gọi cho mọi người. Đó là “niềm vui của Phúc Âm” cho từng người chúng ta!

Nguồn tra cứu

Xem mục từ “Ơn gọi” trong:

– Hội đồng Giám mục Việt Nam, *Từ điển Công giáo 500 mục từ*, NXB Tôn Giáo, 2011.

– Olivier de La Brosse, AM. Henry, P. Rouillard, *Từ điển Đức tin Công giáo*.

– Giáo hoàng Học viện T. Piô X, *Thánh Công đồng Chung Vaticanô II*, Mục lục Phân tích chủ đề. Các văn kiện Công đồng trình bày rất cơ bản về ơn gọi nền tảng cũng như tất cả các ơn gọi riêng. Đặc biệt trong các hiến chế tín lý (TL) về Giáo Hội *Lumen Gentium*, Hiến chế Mục vụ (MV) về Giáo Hội *Gaudium et Spes*, Hiến chế Phụng vụ (PV) *Sacrosanctum Concilium*, Sắc lệnh về Chức vụ và Đời sống Linh mục (LM) *Presbyterorum Ordinis*, Tuyên ngôn về Tự do (TD) tôn giáo *Dignitatis Humanae*, Sắc lệnh về Hoạt động Truyền giáo (TG) của Giáo Hội *Ad Gentes*...

– Hội đồng Giám mục Việt Nam, *Sách Giáo lý Hội Thánh Công giáo*, NXB Tôn Giáo, 2012. Có 80 số trình bày về nhiều khía cạnh của ơn gọi chung và ơn gọi riêng của người tín hữu.

– Hội đồng Giám mục Việt Nam, *Tóm lược Học thuyết Xã hội Công giáo*, NXB Tôn Giáo, 2007. Có 43 số bàn về ơn gọi căn bản và các ơn gọi riêng trong lĩnh vực xã hội.



Bài 7

Cuộc hôn nhân mẫu nhiệm của Kitô hữu

Lời mở

Để có thể trung thành với ơn gọi làm người và làm Kitô hữu, đồng thời dấn thân cho công cuộc TPAH, chúng ta được mời gọi để kết duyên với Đức Giêsu như một người tình tuyệt vời, và hơn thế nữa, như là người chồng hay người vợ thật sự của mình. Đây không phải là những ảo tưởng hay hoang tưởng bệnh hoạn về tình yêu, nhưng là một thực tế của đời sống thiêng liêng chúng ta cần đạt tới để có thể hoà nhập



thành một với Đức Giêsu Kitô. Nhờ vậy chúng ta mới có thể cảm nhận được tình yêu, sự sống, quyền năng kỳ diệu của Người chuyển thông

cho ta, giúp ta trở thành Tin Mừng sống động của Người. Lúc đó việc Tin Mừng hoá mới có thể thực hiện (TLLV, số 158).

Vì thế chúng ta sẽ tìm hiểu về cuộc hôn nhân nhiệm mầu giữa con người và Thiên Chúa, và khám phá ra sự hiện diện kỳ diệu của Chúa Giêsu và Mẹ Maria trong tiệc cưới lạ lùng của đời ta.

1. Tiệc cưới nhiệm mầu

Mỗi người chúng ta sống ở trần thế, dù ở bậc hôn nhân lập gia đình với người khác hay ở bậc tu trì để tận hiến cuộc đời cho Chúa và tha nhân như các linh mục, tu sĩ, tăng ni và các bậc tu trì của các tôn giáo khác đều được mời gọi tham gia vào một cuộc hôn nhân kỳ diệu của từng thụ tạo với Chúa Tạo Hoá. Vì thế, tiên tri Isaia diễn tả về cuộc hôn nhân đó bằng những lời hết sức ngọt ngào: *“Người sẽ được Chúa đem lòng sung ái và Chúa sẽ lập hôn ước cùng xir sở người. Như trai tài sánh duyên cùng thực nữ, Đấng tác tạo người sẽ cưới người về. Như cô dâu là niềm vui cho chú rể, người cũng là niềm vui cho Thiên Chúa người thờ”* (Is 62,4-5).

Điều Cựu Ước nói qua hình bóng được Tân Ước diễn tả một cách trực tiếp. Chúa Giêsu nói với ông Nicôđêmô rằng: *“Thiên Chúa đã yêu thế gian đến nỗi đã ban Con Một để ai tin vào Con của Ngài sẽ không phải chết nhưng được sống muôn đời”* (Ga 3,16) vì *“Thiên Chúa là Tình yêu”* (1Ga 4,16). Ngài muốn kết ước với con người bằng tiệc cưới nhiệm mầu qua hôn lễ của chính Con Một mình và sai gia nhân đi khắp các ngã đường để mời mọi người, bất luận tốt xấu, giàu nghèo vào tham dự tiệc cưới này (x. Mt 22,2). Sách Khải Huyền còn mô tả rõ hơn: *“Vì nay đã tới ngày, cử hành hôn lễ của con chiên và Hiền Thê của Người đã điểm trang sẵn sàng. Nàng đã được mặc áo vải gai, sáng chói và tinh tuyền”* (Kh 19,7).

Như thế, mỗi người chúng ta, ngay khi sống ở trần thế này đã được Thiên Chúa yêu thương và dựng nên giống hình ảnh Ngài, được Ngài ban cho Con Một để nâng con người ngang hàng với mình, chuẩn bị và trang điểm con người bằng biết bao ân sủng để họ xứng

đáng làm người tình của Thiên Chúa, kết nghĩa với họ bằng cuộc hôn nhân nhiệm mầu, nhờ Đức Giêsu Kitô, Ngôi Lời Thiên Chúa làm người, trong Thánh Thần tình yêu của Ngài.

2. Con người hiểu về cuộc hôn nhân ấy như thế nào?

Chúng ta có thể nói rằng không phải con người nào cũng hiểu được mình đã kết hôn cách nhiệm mầu với Thiên Chúa vì không tin rằng mình được Thiên Chúa yêu thương đến thế.

Hầu hết đều nghĩ rằng mình chỉ là một thụ tạo thấp hèn, sống tạm bợ, không thể nào dám tìm hiểu, dám kết hôn với Thiên Chúa tuyệt đối cao cả: làm sao hai bên có thể lấy nhau được vì không “môn đăng hộ đối”! Họ không ngờ rằng Thiên Chúa cao cả ấy đã xuống với con người, qua mầu nhiệm nhập thể của Ngôi Lời, để nâng con người lên ngang hàng với mình cho xứng đáng với tình yêu Thiên Chúa.

Chính vì thế, con người tập trung mọi sức lực vào cuộc hôn nhân giữa con người với con người và mong muốn từ cuộc hôn nhân này sẽ có nhiều điều tốt đẹp, có hạnh phúc trăm năm, có con đàn cháu đống để nối dõi tông đường, kéo dài sự sống của mỗi người cho đến muôn đời chứ không hiểu rằng chính mình đang sống muôn đời với Chúa.

Một số ít người không tin tưởng vào những gì tốt đẹp, bền vững trong hôn nhân nên chỉ khai thác về mặt khoái cảm tình dục trong vài chục năm ngắn ngủi của tuổi thanh xuân. Họ không hiểu rằng cuộc hôn nhân của con người với nhau chính là hình ảnh của cuộc hôn nhân giữa con người với Thiên Chúa hay giữa Đức Kitô và Hội Thánh. Người chồng hay người vợ của mình có thể chết đi, mình có thể lấy người khác để tạo nên cuộc hôn nhân mới, nhưng Thiên Chúa sẽ tồn tại mãi mãi để trở thành người tình, người yêu muôn thuở của mỗi người chúng ta. Vì thế, chúng ta cần chung thủy với nhau vì có Chúa ở trong nhau và kết nối chúng ta với nhau. Sự chung thủy quả thật là điểm cơ bản cho mọi cuộc hôn nhân tự nhiên của con người.

Chỉ có một số ít người tin tưởng vào Thiên Chúa vĩnh hằng, vào Đấng thiêng liêng mới dám nghĩ đến cuộc hôn nhân nhiệm mầu giữa

Thiên Chúa với con người. Họ có thể là những linh mục, tu sĩ, tăng ni và những tín hữu đặc biệt của một số tôn giáo. Họ không cần ai nổi đời tông đường vì hiểu được chính mình sẽ sống mãi mãi với Thiên Chúa. Họ kết ước với Đấng Tối Cao trong cuộc hôn nhân nhiệm mầu để phục vụ con người trong các công tác bác ái xã hội, tôn giáo, trong việc nghiên cứu khoa học hay theo đuổi cái đẹp tuyệt đối như một số nghệ sĩ.

Tuy nhiên, tất cả những ai từng cảm nghiệm về cuộc hôn nhân này đều “giữa đường gãy gánh” vì khả năng yêu thương của con người bị hạn chế. Họ thấy mình không thể đáp ứng trọn vẹn cho tình yêu Thiên Chúa. Sau những ngày yêu thương nồng nàn say đắm trong cuộc tình với Thiên Chúa nhân dịp khẩn tạm hay khẩn trọn đời của tu sĩ, nhân dịp thụ phong linh mục hay xuống tóc đi tu của nhiều bậc tu tri của các tôn giáo khác, hoặc sau một biến cố nào đó khiến họ muốn dần thân trọn vẹn cho Đấng Tối Cao, những người này bắt đầu cảm thấy mệt mỏi, chán chường, hụt hơi trong đường tình. Họ chỉ còn sống với Chúa như những vợ chồng già gắn bó với nhau vì nghĩa chứ không phải vì tình, họ không còn sôi nổi, nồng nàn như lúc ban đầu: “*Tình chỉ đẹp khi còn dang dở. Đời hết vui khi đã vẹn câu thề!*”.

Đó là tình trạng thiếu rượu trong tiệc cưới của con người.

3. Làm sao vượt qua tình trạng thiếu rượu để có thể chung thủy trong cuộc hôn nhân với Thiên Chúa?

Trong cuộc hôn nhân nhiệm mầu này Chúa Giêsu và Mẹ Maria luôn có mặt vì các vị hiểu biết tình trạng thiếu rượu của con người: nếu con người chỉ yêu bằng trái tim tự nhiên của mình thôi thì không đủ, vì dù đã bỏ hết công sức, tiền bạc, khả năng lo cho tiệc cưới của mình, họ vẫn hụt hơi. “*Họ hết rượu rồi!*”. Đó là tình trạng được Mẹ Maria cảnh báo cho Chúa Giêsu qua bài Phúc Âm kể về tiệc cưới ở Cana (x. Ga 2,1-12).

Chúa Giêsu và Mẹ Maria luôn có mặt vì cả hai đã tạo nên mối lương duyên này. Chúa Giêsu, giống như ông mai, nối kết và hoà giải

giữa con người với Thiên Chúa để đưa cả hai vào cuộc hôn nhân nhiệm mầu. Còn Mẹ Maria cộng tác mật thiết với Chúa Giêsu trong cuộc tình vĩ đại. Cả hai chỉ muốn cho con người và Thiên Chúa mãi mãi yêu nhau và làm hết cách để cứu vớt tình trạng thiếu rượu của con người.

Cuộc hôn nhân này phải làm chúng ta ngất ngây hạnh phúc, tràn đầy niềm vui và phải mang lại những hoa quả ngọt ngào là những ân sủng của Thánh Thần (x. Gl 5,22-25): *“Thánh Thần luôn luôn nói kết chúng ta với Thiên Chúa để mỗi người có những khả năng đặc biệt: có người được ơn khôn ngoan để giảng dạy, người được ơn hiểu biết để trình bày, người được ơn chữa bệnh, làm phép lạ, nói tiên tri, phân định thần khí, nói các thứ tiếng lạ...”* (1Cr 12,8-10). Tất cả những ân sủng đó chỉ diễn tả phần nào kết quả kỳ diệu trong cuộc hôn nhân của con người với Thiên Chúa.



Nếu chúng ta chưa phát huy được kết quả của cuộc hôn nhân này thì chúng ta đang ở trong tình trạng thiếu rượu. Muốn thoát khỏi tình trạng này, Mẹ Maria nhắc nhở chúng ta rằng hãy làm theo lời Chúa Giêsu dạy bảo (x. Ga 2,5). Người chỉ bảo ta làm những việc hết sức đơn giản: như đổ nước đầy các chum. Đó là những hành động bình thường, tự nhiên trong đời sống nhưng nếu chúng được thi hành theo mệnh lệnh của Chúa Giêsu, nghĩa là làm với tình yêu thương chân thành như điều răn yêu thương Người trở lại (x. Ga 15,12), thì đều có thể biến nước thành rượu ngon để ta cảm nghiệm được cuộc tình tuyệt

vời với Thiên Chúa. Những hành động bình thường có thể là giặt quần áo, nấu ăn, việc làm tay chân trong gia đình, những nụ cười, lời nói tích cực ta trao cho nhau trong đời sống hằng ngày...

Hơn nữa, đến một lúc nào đó, theo giờ Chúa định, Người sẽ còn biến đổi rượi thành Máu Thánh Người, đưa chúng ta vào sự kết hợp trọn vẹn để cùng chung một sự sống, một dòng máu, một quyền năng và tình yêu với Chúa Giêsu.

Lời kết

Hôm nay, suy nghĩ về cuộc hôn nhân nhiệm mầu của mỗi người chúng ta với Thiên Chúa, chúng ta hãy cảm tạ Chúa đã yêu thương chúng ta. Xin Chúa ban Thánh Thần tình yêu để giúp mỗi người luôn chung thủy với Ngài và biết diễn tả thành những hành động cụ thể cho con người theo sứ mạng Thánh Thần Tình yêu thúc đẩy trong ta. Như thế ta sẽ trở thành người tình tuyệt vời của Thiên Chúa.



Bài 8

Cuộc chiến đấu thiêng liêng

Lời mở

Để loan báo TM cho có hiệu quả, TLLV của THĐGM mời gọi người tín hữu “phải nhìn lại cách sống, cách suy nghĩ, cách nói năng, hoạt động mục vụ để đổi mới vì đây là cuộc TPAH khi mà đối tượng là những người nghe TM đang sống trong 1 bối cảnh mới” (số 68). Chúng ta cần phải khám phá ra tình trạng suy yếu đức tin, thiếu dân thân, cơ cấu Giáo



Hội quan liêu, cử hành phụng vụ hời hợt và hình thức, các phản chứng và cả sự chống đối của ác thần trong công cuộc loan báo TM” (x. TL, số 69).

Bài Tin Mừng (x. Lc 4,1-13) tuần I Mùa Chay luôn giới thiệu Chúa Giêsu ăn chay, chịu ma quỷ cám dỗ để giúp ta có thể vừa làm chủ được bản thân mình, vừa chiến đấu chống lại các thế lực thù địch với chương trình cứu độ muôn loài.

Chính vì thế, chúng ta cùng suy niệm về cuộc chiến đấu thiêng liêng này trong đời tín hữu.

1. Những lầm tưởng về đời Kitô hữu

Nhiều tín hữu, dù đã theo đạo lâu năm, chứ chưa nói đến người mới theo đạo, vẫn lầm tưởng rất tai hại về một số điểm của đời Kitô hữu khiến họ không cảm nghiệm được sự bình an, hạnh phúc thật sự và cũng chưa sử dụng và phát huy được ơn Chúa ban cách hiệu quả.

1.1. Lầm tưởng về ơn Chúa. Người ta tưởng theo đạo là để được hưởng nhiều ơn phúc của Thiên Chúa, ơn phần hồn (được ơn tha tội, thông minh, chữa bệnh, nói tiên tri, xua trừ ma quỷ,...) cũng như phần xác (được ơn no đủ, thậm chí giàu sang, được chữa khỏi bệnh tật, thành đạt trong công việc làm ăn buôn bán...).

1.2. Lầm tưởng về việc đạo đức

Người ta nghĩ rằng để được những ơn trên thì phải làm những việc đạo đức như cầu nguyện, ăn chay, dự thánh lễ, nhận các bí tích, làm việc bác ái... Càng làm nhiều thì càng nhận nhiều ơn! Kết quả là cuộc đời của người tín hữu sẽ phải là cuộc đời tràn ngập niềm vui, bình an, hạnh phúc, thành đạt, khoẻ mạnh!

1.3. Lầm tưởng về quyền năng và lòng Chúa thương xót

Vì thế, khi gặp những rủi ro, thất bại, bệnh tật, nghèo túng thì người ta nghĩ rằng đó là do con người yếu đuối hay ma quỷ cám dỗ. Nhưng Chúa đầy quyền năng và lòng thương xót nên Chúa chắc chắn phải thắng được con người và ma quỷ. Vậy nếu người ta phải chịu đựng những thất bại, đau khổ, bất công, bệnh tật... thì hoặc là Chúa

bất lực trước con người và ma quỷ hoặc Chúa không có lòng thương xót nên đã phạt con người vì tội lỗi của họ.

1.4. Làm tướng về đời sống an nhàn

Người ta nghĩ rằng đời người tín hữu đạo đức phải là một cuộc sống an nhàn, thư thái, thụ hưởng muôn ơn phúc của Chúa chứ không cần phải vất vả chiến đấu căng thẳng với ai. Chỉ những người tội lỗi, chạy theo những đam mê, dục vọng mới bị ma quỷ cám dỗ nặng nề!

Những làm tướng trên đây diễn ra hằng ngày trong đời sống. Hôm nay, qua cuộc chiến đấu thiêng liêng của Chúa Giêsu, có lẽ chúng ta được mời gọi thay đổi những nhận thức này. Ta đừng quên rằng: chính Chúa Thánh Thần dẫn đưa Chúa Giêsu vào hoang địa để ăn chay và chịu ma quỷ cám dỗ (x. Lc 4,1-2), sau khi chứng nhận Chúa Giêsu là Đấng Kitô được xức dầu dưới sông Giordan. Điều này như muốn nhắc nhở chúng ta rằng đời Kitô hữu là một cuộc chiến đấu trường kỳ với mọi thế lực thù địch của Thiên Chúa để mang lại bình an thật sự và ơn cứu độ toàn diện cho muôn loài. Cái chết nhục nhã của Chúa Giêsu trên thập giá đòi hỏi chúng ta bỏ đi những làm tướng về một đời sống nhàn nhã, may lành, hưởng thụ ân huệ trên đây.

2. Hành động cám dỗ của ma quỷ và phương thế chiến đấu

2.1. Sự hiện diện của ma quỷ trong đời sống

Nhiều tín hữu thời nay, thậm chí có cả một số tu sĩ và linh mục, do ảnh hưởng của tâm thức duy lý, duy khoa học thực nghiệm, cho rằng không hề có chuyện ma quỷ hiện ra cám dỗ Đức Giêsu hay con người. Họ cho rằng sự việc ma quỷ cám dỗ trong Tin Mừng chỉ là một huyền thoại hay do đầu óc tưởng tượng của con người thêu dệt nên để dạy bài học đạo đức chứ không có thực trong lịch sử.

Tuy nhiên, sau nhiều thế kỷ im lặng, sách *Giáo lý Hội Thánh Công giáo*, xuất bản năm 1992, chính thức nhắc nhở cho ta về sự hiện diện thật sự của ma quỷ (x. GLHTCG, số 391-392; 414; 2.891) với

những công việc ác đức của chúng (x. GLHTCG, số 1237, 394-395.398; 2.851-2.852). Nhất là số 130 của sách *Tóm lược Học thuyết Xã hội Công giáo*, xuất bản năm 2004, nhắc chúng ta rằng: tinh thần con người mở ra đến vô biên và cho mọi loài hiện hữu.

Vì thế, con người có thể tiếp xúc được với Thiên Chúa là tinh thần tuyệt đối, với tinh thần tương đối là các thiên thần - trong đó có cả các thiên thần sa ngã là quỷ dữ - và với các hồn người đã khuất, bao gồm các hồn thánh nhân, các hồn cần được thanh luyện và cả hồn ác là những tà ma gây hại cho con người. Sách Giáo lý gọi chung là các quỷ dữ tà ma, là “ma quỷ” theo từ gốc Hy Lạp *dia-bolos* có nghĩa là “kẻ phá ngang” kẻ hoạch của Thiên Chúa và công trình cứu độ của Đức Giêsu Kitô (x. GLHTCG, số 2.851). Chính ma quỷ đang muốn cám dỗ con người làm ngược lại kế hoạch cứu độ của Chúa.

2.2. Thí dụ điển hình

Ma quỷ đang có mặt trong cuộc đời của chúng ta, vì ma quỷ là tinh thần nên từng giây, từng phút chúng có thể tác động vào tinh thần của ta qua hình ảnh khiêu dâm trong các phim ảnh ta xem, qua tư tưởng tiêu cực trong những sách báo ta đọc, qua lời nói tục tĩu của bạn bè ta gặp... Ngồi nghe giảng nhưng đầu óc ta có thể đang nhớ lại những gì đã diễn ra trong dịp Tết, nhớ đến người bạn, người tình nào đó đang ở xa chúng ta. Dù ta không muốn nhưng ma quỷ đang lôi kéo chúng ta không chú ý đến bài giảng và thánh lễ để cắt đứt sự thân mật giữa ta với Chúa. Đó là cơn cám dỗ.

Đến lúc lên rước lễ, quỷ có thể nói trong tâm trí ta: “*Bạn chia trí trong giờ lễ, không xứng đáng rước Mình Thánh Chúa, phải đi xưng tội, nếu không sẽ phạm sự thánh*”. Chúng làm ta sợ hãi và mất bình an nên không dám lên rước lễ! Chính ma quỷ tạo cho chúng ta chia trí rồi cũng chính chúng bảo chúng ta đừng lên rước lễ. Đó là mưu chước của ma quỷ. Trong trường hợp này, chia trí thật sự chỉ là một tội nhẹ hoặc chỉ là một sự thiếu sót vì không cố ý. Hiểu được điều đó, chúng ta mới thấy rằng khi ta đang sống trong ơn nghĩa với Chúa mà điều gì làm cho chúng ta mất bình an, lo lắng, bối rối thì đó là do ma quỷ. Trong

trường hợp này, ta bình tĩnh xin lỗi Chúa rồi lên rước lễ, con cảm đồ sẽ rời xa ta.

Trái lại, nếu có người đang sống trong tình trạng tội trọng, mất ơn nghĩa với Chúa, cũng chia trí khi dự lễ, và muốn rước lễ. Người ấy nghĩ thầm trong lòng rằng: “Mình cần rước lễ để tìm được bình an hạnh phúc trong gia đình. Nếu mình không rước lễ hôm nay, bà vợ cùng dự lễ sẽ đoán ngay là tôi qua mình đi chơi với bồ nhí, rồi vạ hải lung tung. Hơn nữa Chúa đầy lòng thương xót sẽ tha thứ cho tội phạm thánh của mình mà!”. Cùng lúc đó lại có tiếng nói nhắc bảo: “*Phải xưng tội rồi mới lên rước Chúa. Tội phạm thánh nặng lắm*”. Tiếng nói này làm người đó bối rối, lo âu, mất bình an. Vậy làm sao phân biệt được đâu là tiếng nói của thần lành và thần dữ?

2.3. Hai nguyên tắc căn bản để phân định thần lành, thần dữ

Nếu chúng ta không khám phá ra mưu chước của ma quỷ thì chúng ta không thể chiến đấu và chiến thắng. Thánh Ignatiô de Loyola, Đấng sáng lập Dòng Tên, đã viết tập sách “Linh Thao” và trình bày cho ta 2 nguyên tắc căn bản để khám phá mưu chước của ma quỷ tác động trong tâm hồn con người (x. Ignatiô de Loyola, *Những bài Linh thao*, Bản dịch của Lm. Đinh Văn Trung, SJ. số 314-315, tr.188-189):



Nguyên tắc I: Những ai đang sống trong tình trạng tội trọng, mất ơn nghĩa với Chúa, ác thần làm cho họ ở lì trong tội lỗi, trong khoái lạc và thú vui giác quan, tạo

bình an giả dối. Còn thần lành hành động ngược lại là làm cho họ bối rối, bất an bằng những cắn rứt của lương tâm.

Nguyên tắc II: Những ai đang sống trong tình trạng ân sủng với Chúa, ác thần khơi dậy những điều làm cho họ mất bình an, buồn phiền, lo lắng, cắn rứt lương tâm. Còn thần lành làm cho họ được ơn bình an, can đảm, an ủi, nước mắt, gạt mọi trở ngại để làm điều tốt.

2.4. Dùng Lời Chúa để hàng ma, phục linh

Ngoài việc chống lại cơn cám dỗ bằng cầu nguyện và chay tịnh, người Kitô hữu còn được mời gọi biết sử dụng Lời Chúa để xua trừ ma quỷ, chữa lành bệnh tật, phục hồi tinh thần cho con người như Chúa Giêsu đã hành động trong suốt 3 năm hoạt động công khai của Người. Nhất là khi đất nước chúng ta đang có hàng chục triệu người lâm vào tình trạng bất an về tinh thần, cần phải chữa trị về mặt tâm thần, tâm lý và có khi cả tâm linh.

Thánh Phaolô, trong thư Rôma (x. Rm 10,8-13), đã nhắc nhở ta điều này: *“Lời Thiên Chúa ở gần bạn, ngay trên miệng, ngay trong lòng. Nếu miệng bạn tuyên xưng Đức Giêsu là Chúa và lòng bạn tin rằng Thiên Chúa đã làm cho Người sống lại từ cõi chết, thì bạn sẽ được cứu độ. Quả thế, có tin thật trong lòng, mới được nên công chính; có xưng ra ngoài miệng, mới được ơn cứu độ”*.

Việc hàng ma, phục linh, hành hiệp giang hồ này không phải là chuyện võ hiệp tưởng tượng của các đệ tử Cái Bang trong các tiểu thuyết của nhà văn Kim Dung, nhưng đó là sứ mạng chiến đấu của những tín hữu Kitô trong thời đại ngày nay khi họ được đào tạo những kỹ năng khám phá và điều trị tinh thần cho con người, biết sử dụng Lời Chúa như thanh gươm hai lưỡi sắc bén để chế ngự quân thù (x. Dt 4,12; Ep 6,17), và tin vào quyền năng, sức mạnh Thánh Thần được Chúa Giêsu ban cho.

3. Chiến thuật cám dỗ

Chúng ta nên biết đôi chút về chiến thuật cám dỗ của quỷ dữ qua các đề nghị chúng đặt ra cho Chúa Giêsu. Đức Thánh Cha Bênêđictô

XVI phân tích cho chúng ta như sau (x. *Đức Giêsu thành Nazareth*, chương 2 về việc Chúa chịu phép Rửa, tập I; Diễn từ trong buổi đọc kinh Truyền Tin áp chót của ĐTC Bênêdictô, ngày 17/2/2013, tại Quảng trường thánh Phêrô):

3.1. Quý dữ đưa ra những hình ảnh giả dối về Đấng Mễssia-Đấng Kitô và Chúa Giêsu đã vạch trần âm mưu của chúng. Đó cũng là những hình ảnh giả dối về con người, về đời sống Kitô hữu trong mọi thời đại mà ta bàn ở phần đầu bài này. Chúng bủa vây tâm trí con người, tác động đến lương tâm con người, nguy tạo những đề nghị có vẻ thích hợp, hữu hiệu, thậm chí tốt đẹp nữa: “Cần bánh cho người đói, cần quyền lực trần thế để giải phóng con người, cần phép lạ của Chúa để thu phục nhân tâm”.

3.2. Hai thánh sử Matthêu và Luca đều trình bày 3 đề tài cám dỗ Đức Giêsu, chỉ khác phần nào thứ tự, còn Marcô kể tóm lược cuộc cám dỗ. Nòng cốt của các cám dỗ ấy là sự lợi dụng Thiên Chúa để phục vụ cho tư lợi (đá hoá bánh ăn), xem thành công và của cải vật chất là điều quan trọng hơn Thiên Chúa. Trong cơn cám dỗ, ma quỷ nhắc đi nhắc lại với Chúa Giêsu rằng: “*Nếu ông là con Thiên Chúa*” và mỗi người chúng ta cũng ý thức rằng mình đã được Thiên Chúa nhận làm con. Nếu ta tin tưởng trọn vẹn vào Thiên Chúa thì chắc chắn Ngài sẽ thương và ban mọi ơn lành cho ta như đã ban tất cả vinh quang cho Con Một yêu dấu của Ngài. Quý yêu cầu chúng ta hãy tin vào quyền năng Chúa ban để biến đá thành bánh, tin vào tình yêu an bài của Chúa để hành động liều lĩnh như gieo mình từ nóc đền thờ hay tìm danh vọng, quyền lực bằng bất cứ cách nào, thậm chí bằng cả việc bán lạy tà thần. Lúc đó, Chúa chỉ còn là một phương tiện cho con người sử dụng, sai khiến theo ý muốn của họ chứ không còn là cùng đích mà họ phải hướng về và là nguồn của sự thật, sự sống, tình yêu, ân phúc mà họ phải tìm kiếm.

3.3. Tên cám dỗ rất tinh quái: hẳn không trực tiếp lôi kéo con người về điều ác nhưng hướng họ về những sự thiện giả tạo, nhất thời, coi chúng là tuyệt đối cần thiết cho lúc này: bánh ăn cho lúc đói, vinh hoa phú quý cho lúc nghèo khổ, một chứng cứ tình yêu của Chúa trong

lúc nghi ngờ như qua việc Chúa bảo vệ khi gieo mình từ nóc đền thờ... Quả thật trong cuộc sống, rất nhiều lần ma quỷ gợi cho chúng ta rằng nếu ta là con Thiên Chúa thì tại sao Chúa lại để ta đau khổ, nghèo đói, bệnh tật, thất bại như vậy? Ta đi dự lễ và làm việc bác ái thường xuyên nhưng tại sao Chúa lại để ta bị nhục nhã, thiệt thòi hơn những người tội lỗi, kém đạo đức? Xét cho cùng, quỷ ma muốn phá đổ lòng tin và tình yêu của ta vào Chúa.

3.4. Qua cuộc chiến đấu thiêng liêng của Chúa Giêsu trong hoang địa để ăn chay và chịu những cơn cám dỗ của ma quỷ, có lẽ chúng ta được mời gọi đổi mới những nhận thức của mình. Chúng ta cần ý thức con người mình là bụi đất, nhưng bụi đất ấy được Thiên Chúa yêu thương, đón nhận vì Con Một Ngài cũng trở thành người trần như ta để nhờ mầu nhiệm Vượt Qua của Người, chúng ta trở thành con Thiên Chúa.

Cuộc đời của người tín hữu chúng ta khi được gắn kết với cuộc đời của Chúa Giêsu sẽ biến đổi một cách trọn vẹn. Hiểu được điều đó chúng ta không rơi vào những tình trạng chán nản, bi quan, thất vọng, chỉ đi tìm những lợi lộc, danh giá trần gian mà quên đi cuộc chiến đấu trường kỳ gian khổ của Chúa Giêsu trong suốt đời trần thế của Người. Con cám dỗ không phải chỉ kéo dài 40 ngày mà cho tới lúc bị treo trên thập giá quỷ dữ vẫn thách thức Chúa Giêsu qua môi miệng con người: *“Nếu mi là Con Thiên Chúa thì xuống khỏi thập giá xem nào!”* (Mt 27,40; Mc 15,29-32; Lc 23,35-37). Vì thế, thánh Luca ghi chú trong bài Tin Mừng hôm nay: *“Sau khi đã xoay hết cách để cám dỗ Người, quỷ bỏ đi, chờ đợi thời cơ”* (Lc 4,13).

4. Kỹ năng khám phá những dấu hiệu tâm linh để giúp người

Trong hoàn cảnh hiện nay, số người bất an về mặt tinh thần lên tới hàng triệu người, nên người tín hữu Kitô cần học hỏi kỹ năng khám phá những dấu hiệu về ma ám, quỷ nhập để có thể cứu giúp người khác trong sứ mạng “hàng ma, phục linh” của mình. Qua kinh nghiệm cá nhân, chúng tôi xin chia sẻ một vài điều cơ bản sau đây:

4.1. Cần phải phân biệt những nguyên nhân dẫn đến sự bất an về tinh thần thuộc lĩnh vực thể lý, tâm thần, tâm lý và tâm linh. Những trường hợp bị ma ám, quỷ nhập chỉ chiếm một tỷ lệ rất nhỏ (1% -2%) so với các tình trạng bất an do các nguyên nhân khác. Trong khi các nguyên nhân khác kéo dài và có những triệu chứng liên tục, thường xuyên thì triệu chứng tâm linh lại chỉ xuất hiện thất thường, không cố định, người bệnh lúc tỉnh lúc mê. Những người bị ma ám, quỷ nhập thường bắt đầu bằng những sự việc nhất định (do chủ ý phá thai, do chơi câu cơ, do xin bùa phép, do lấy đồ cúng trong các trang thờ người bị nạn bên đường, do phóng uế trên mộ hoang, do thách thức quỷ ma nhập vào mình vì nghĩ mình đạo đức không ai hại được mình...) chứ không phải hoàn toàn bất ngờ, ngẫu nhiên, vô cớ.

4.2. Những người này thường có một số hành động không bình thường (thí dụ đồ cơm ra nền nhà rồi bốc ăn, leo trèo trên xà nhà, chỉ ăn được rau - nếu có trộn một chút thịt cá là nôn mửa dữ dội...); những biểu hiện bệnh tật trên cơ thể (đau nhức, đau tim, đau bụng, sụt ký nhanh chóng...) dù xét nghiệm y khoa, khám sức khoẻ kỹ lưỡng cũng không tìm ra nguyên nhân; những hành động phản ứng mãnh liệt với gì liên quan đến tôn giáo (như đập phá, cắt xé ảnh tượng tôn giáo, giứt đứt mọi tràng chuỗi, không uống nước có pha lén nước thánh, dù chỉ một giọt, sợ hãi la hét khi bị ai vẩy nước thánh hay đưa ảnh tượng chạm vào người, sợ hãi không dám vào nhà thờ, nhà nguyện, quay lưng lại khi nghe tên Chúa Giêsu...); đột nhiên bị mù, bị câm điếc mà không do nguyên nhân thể lý nào.

4.3. Những người này thường hành động như có hai nhân vật hiện diện trong họ và khi được các người có nhiệm vụ trừ tà như các thầy pháp, thầy bùa, tăng ni, linh mục, tu sĩ hoặc tín hữu giáo dân có ơn đặc sủng trừ tà, chữa bệnh hỏi han, thì hồn ma hay quỷ dữ có thể nói cho biết mình là ai, chết ngày tháng năm nào, tại sao lại nhập vào người này, mình cần gì để được siêu thoát.

4.4. Khi tiếp xúc với loại người này, chúng ta đừng ngại ngùng, lo sợ, nhưng mang hết tình yêu thương cứu độ của Chúa Giêsu Kitô để lắng nghe họ giải bày tâm sự, tuyệt đối không được bạo hành thiêng

liêng như trói buộc, đánh đập họ bằng dây các phép, tràng chuỗi Mân Côi, ép họ phải uống nước thánh.

Chúng ta thân tình giới thiệu Chúa Giêsu, Đấng có thể cứu thoát họ bằng những lời khuyên nhủ, vì Người sẽ tha tội cho họ, cho họ được siêu thoát, không còn bị lệ thuộc vào một con người hay một nơi chốn trên trần thế. Chúa Giêsu yêu thương mọi loài Người đã dựng nên (x. Ga 1,1-2) vì Người là Ngôi Lời Thiên Chúa. Người không trừ ma, diệt quỷ, xoá đi sự hiện hữu của chúng, nhưng chỉ xua đuổi chúng rời khỏi con người.

4.5. Chúng ta có thể dạy cho những người bất an cách thờ tự nhiên để tăng cường khả năng trí não cho họ và cách thờ siêu nhiên để Thần Khí Đức Kitô hồi phục tâm linh họ. Chúng ta cũng có thể nói họ nên dùng một ít thuốc bồi bổ trí não vì những người này thường bị kiệt quệ tâm thần do suy nghĩ liên miên mà không biết dừng lại và làm cho tâm trí được thư giãn.

4.6. Các vị linh mục Công giáo có thể làm phép Xức đầu Bệnh nhân, giải tội và làm phép trừ tà cho những bệnh nhân này. Trong những trường hợp bất an nặng nề, bị nhiều loại ma quỷ chiếm giữ, người bệnh suy sụp tinh thần và thể chất như một số thanh thiếu niên nghiện phim đồi trụy, thủ dâm liên tục, la hét đập phá đến nỗi gia đình phải dùng dây xích trói lại và dẫn đi, chúng ta cũng cứ bình tĩnh cầu nguyện, khuyên nhủ, dạy dỗ, nhất là dùng sự chay tịnh của chính mình và lời cầu nguyện của cộng đồng (x. Mt 17,21; Mc 9,29), việc hàng ma phục linh sẽ có hiệu quả tốt đẹp và nhanh chóng hơn. Việc chữa trị tâm linh này thường nhanh chóng hơn nhiều (chỉ sau một vài lần điều trị) so với việc điều trị tâm lý có thể kéo dài nhiều tuần, nhiều tháng hay một vài năm như chúng tôi đã thấy ở nước Đức trong chuyến tham quan 9 cơ sở điều trị tâm lý vào tháng 9-2012.

Lời kết

Chúng ta hãy giúp nhau bằng lời cầu nguyện, bằng việc chay tịnh làm chủ bản thân và hành động nghĩa hiệp để có thể gắn kết mật thiết

với Chúa Giêsu. Xin Chúa Thánh Thần đổ tràn ơn xuống trên chúng ta để ta sống trọn vẹn mầu nhiệm Vượt Qua với Chúa Giêsu, trong cuộc đời chiến đấu vì đại nghĩa của mình.



Bài 9

Cuộc biến đổi thiêng liêng

Lời mở

Ai trong chúng ta cũng có thể nhận ra những yếu đuối, khuyết điểm, thói quen xấu và cả tội lỗi của mình và muốn sửa đổi để cho mình tốt đẹp hơn, khoẻ mạnh hơn, khôn ngoan hơn, thánh thiện hơn. Vì thế, sau cuộc chiến đấu thiêng liêng với ma quỷ, Giáo Hội giới thiệu cho chúng ta cuộc biến đổi thiêng liêng qua việc biến hình của Đức Giêsu (x. Lc 9,28-36). Thánh Phaolô cũng nhắc nhở ta rằng: “Đức Giêsu Kitô, Người có quyền năng khắc phục muôn loài, sẽ dùng quyền năng ấy mà biến đổi thân xác yếu hèn của chúng ta nên giống thân xác vinh hiển của Người” (x. Pl 3,17-4,1).

Vì thế, chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu cuộc biến đổi thiêng liêng là gì và dựa trên những điều kiện nào để có thể biến đổi chính mình cũng như cộng đồng.

1. Biến đổi là gì?

1.1. Ý nghĩa của từ ngữ

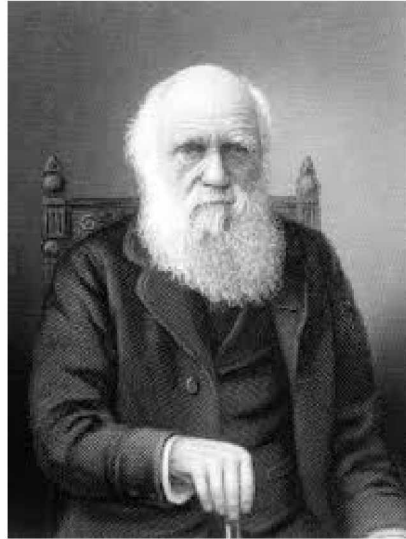
Biến đổi không phải chỉ là *thay đổi*. Thay đổi là thay cái này bằng cái khác. Thí dụ: thay cái áo màu trắng bằng áo màu xanh hay thay ý tưởng này bằng ý tưởng khác, hoặc trở nên khác trước. Thí dụ: cảnh vật đổi thay: trước là ruộng, nay là nhà.

Biến đổi – hoặc *biến hoá* – hay *tiến hoá*: có nghĩa là thay đổi thành khác trước, đổi sang trạng thái hay hình thức khác nhưng bản chất vẫn là chính vật ấy hay người ấy. Thí dụ: con sâu biến đổi, tiến hoá thành con bướm.

Biến đổi là một tiến trình đi từ thấp lên cao, từ tình trạng tầm thường, yếu đuối, khốn khổ, tạm thời sang tình trạng phi thường, mạnh mẽ, tốt đẹp, hạnh phúc, vĩnh viễn.

Biến đổi thiêng liêng cũng đi theo chiều hướng tốt hoặc tốt hơn đó để đi từ trạng thái tự nhiên đến siêu nhiên, từ nhất thời đến vĩnh hằng, từ con người vật chất đến con người thần thiêng.

Con người cũng như muôn vật đều muốn biến đổi theo chiều hướng đó vì Thiên Chúa mong muốn điều đó cho muôn loài thọ tạo khi dựng nên chúng và ban muôn ân phúc để giúp chúng hoàn thành tiến trình biến đổi nên giống như Ngài, nhất là khi cho Con Một Ngài là Đức Giêsu nêu gương biến đổi cho muôn loài.



Đọc truyện hay xem phim Tây Du Ký, chúng ta thấy không phải chỉ có con người mà cả thú vật, cây cỏ đều mong muốn được sống mãi, trẻ đẹp mãi mãi, quyền năng vô tận như thần tiên. Chúng tưởng rằng chỉ cần ăn thịt, hút máu được trăm người là được cộng thêm năm tháng sống của họ và trở thành bất tử, nhất là khi ăn được thịt, uống được máu của Thầy Huyền Trang thì càng dễ trở thành bất tử hơn nữa.

Đó chỉ là câu chuyện tưởng tượng nhưng diễn tả nỗi khát khao cháy bỏng được biến đổi của muôn loài. Còn người tín hữu chúng ta được tham dự vào một sự kiện có thật là nhận lấy chính thịt máu Con

Chúa Trời để biến đổi và trở thành bất tử! Đây quả là điều lạ lùng ngoài sức tưởng tượng!

1.2. Thuyết tiến hoá và niềm tin quá đáng vào thuyết này

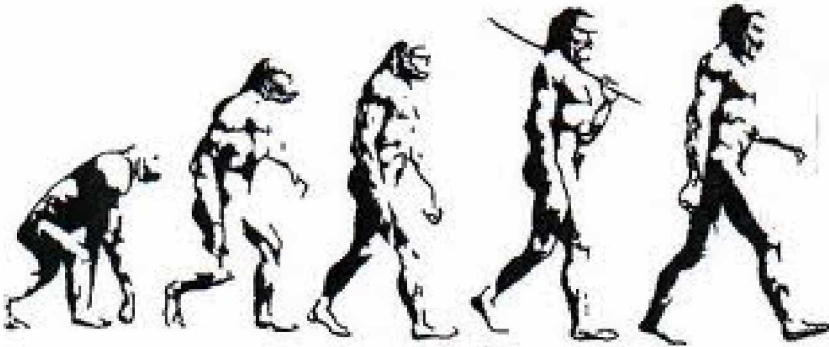
Nhắc đến biến đổi và tiến hoá, có lẽ ta nên nói đôi điều về thuyết tiến hoá của Charles Darwin (1809-1882) vì thuyết này đã được đưa vào chương trình học của các học sinh, sinh viên ở nước ta từ năm 1954 đến nay và nhiều người vẫn dùng thuyết này như một luận chứng để chứng minh vạn vật hoàn toàn do ngẫu nhiên mà có, không cần đến Thiên Chúa tạo thành và bảo đảm cho sự tồn tại của chúng. Nhiều người lớn cũng như bạn trẻ Việt Nam hiện nay vẫn chưa phân biệt giữa giả thuyết tiến hoá của khoa học và những khẳng định vượt quá khoa học về niềm tin liên quan đến giả thuyết này.

Ta có thể tóm tắt giả thuyết tiến hoá như sau: “Sự sống trên Trái Đất khởi nguồn và sau đó tiến hoá từ một tổ tiên chung từ khoảng 3,8 tỷ năm trước. Sự tiến hoá thành loài mới và sự phân nhánh sự sống lặp lại có thể suy luận ra từ tập hợp những đặc tính sinh hoá và hình thái học chung, hay những chuỗi ADN chung. Những nét tương đồng này giống nhau hơn giữa những loài có tổ tiên chung gần gũi nhau hơn, và có thể dùng để tái dựng lịch sử tiến hoá từ những loài hiện đang tồn tại và những dấu vết hoá thạch. Hình ảnh về sự đa dạng sinh học trên hành tinh ngày nay hình thành từ cả sự hình thành loài và sự tuyệt chủng.

Charles Darwin và Alfred Wallace là những người đầu tiên hệ thống hoá những luận cứ khoa học cho lý thuyết tiến hoá theo con đường chọn lọc tự nhiên. Tiến hoá do chọn lọc tự nhiên là một quá trình có thể suy ra từ ba sự kiện thực tế về các quần thể sinh học: 1. nhiều cá thể con được sinh ra hơn số lượng có thể sống sót, 2. các tình trạng khác nhau giữa các cá thể, dẫn tới tỉ lệ sinh tồn và sinh sản khác nhau, và 3. những sự khác biệt về đặc điểm trên là có tính di truyền.

Do đó, khi những cá thể của một quần thể chết đi, chúng được thay thế bằng những hậu duệ của thế hệ cha mẹ nhưng có thể thích

ngihtốt hơn để tồn tại và sinh sôi trong môi trường mà sự chọn lọc tự nhiên diễn ra. Quá trình này tạo ra và bảo tồn những đặc điểm được cho là phù hợp hơn cho chức năng mà chúng đảm nhiệm. Cho đến nay, sự chọn lọc tự nhiên là nguyên nhân duy nhất cho sự thích nghi, tuy nhiên không phải là nguyên nhân duy nhất cho sự tiến hoá. Những nguyên nhân khác của tiến hoá bao gồm sự đột biến và dịch chuyển di truyền“ (x. Tài liệu về thuyết tiến hoá trên Internet).



Xét về phương diện khoa học, thuyết tiến hoá là một giả thuyết hợp lý để giải thích về sự khác biệt giữa các loài và chúng ta có thể đón nhận mà chẳng có gì đi ngược với niềm tin tôn giáo về một Thiên Chúa tạo dựng nên muôn loài. Tuy nhiên, khi giả thuyết này được dùng như một luận chứng nhằm gạt bỏ mọi ý niệm về Thiên Chúa trong việc tạo dựng vạn vật thì việc sử dụng thuyết này đã vượt quá giới hạn của một giả thuyết khoa học để xác quyết về những sự thật mà khoa học không thể kiểm chứng. Thí dụ, khoa học chỉ xét nghiệm được các tế bào thần kinh của bộ não hoạt động ra sao nhưng không thể thấy được hay nói gì về tư tưởng con người đang hình thành trong bộ não đó vì tư tưởng không là đối tượng của khoa học.

Thí dụ khác là khoa học chỉ nghiên cứu cấu trúc và các bộ phận của đối tượng vật chất như nghiên cứu chiếc đồng hồ nhưng không thể quả quyết cái đồng hồ với vài chục bộ phận ngẫu nhiên tự ráp nối với

nhau và chạy tốt được như hiện nay mà không cần người thợ nào làm ra.

Chối bỏ người sáng tạo ra các nguyên lý làm nên cấu trúc của chiếc đồng hồ là khoa học chối bỏ chính sự thật và không còn theo đúng nguyên tắc cơ bản của khoa học: “mọi sự đều có nguyên nhân của nó” và “không ai có thể cho cái mình không có”. Vật chất vô hồn, bất động tự nó không thể cho mình những nguyên lý vận động, sinh trưởng mà con người khám phá ra để tạo nên mỗi ngành khoa học, hướng chỉ là tinh thần con người với sự sống, tình yêu, tư tưởng và biết bao tài năng của tinh thần.

Chúng ta còn nhớ thí dụ đơn giản: tháo rời 4 thành phần của chiếc bút bi: vỏ, nắp, ruột, lò xo rồi bỏ vào 1 chiếc ly lắc thế nào cho 4 thành phần ấy ngẫu nhiên gắn kết thành cái bút viết được. Chúng ta thấy lắc cả đời cũng không thành, hướng hồ là sinh vật hay con người với hàng tỷ gen ADN để tạo nên biến đổi và đột biến. Muốn nhận ra sự thật của biến đổi và tiến hoá, ta cần nhận ra Đấng Biến Đổi thiêng liêng ẩn mình trong mỗi cuộc biến đổi và tiến hoá của muôn loài, giống như nhận ra người làm nên chiếc đồng hồ dù người đó ẩn mặt.

2. Việc biến đổi và khó biến đổi trong đời sống con người

2.1. Việc biến đổi trong đời sống

Mỗi người chúng ta cảm nhận được sự thay đổi trong đời sống, nhưng có thể chưa thấy được sự biến đổi.

Chúng ta thấy mình mỗi ngày một già đi, yếu đi, xấu đi và đến một lúc nào đó tiến đến cái chết. Đó là một sự thay đổi có thể nói là bi quan. Nhìn vào một cây hoa ta thấy nó lớn lên, trở bông tươi đẹp, ta tưởng đó là biến đổi, nhưng rồi lại thấy nó tàn tạ, khô héo, chết đi. Đó chỉ là thay đổi làm cho ta thất vọng.

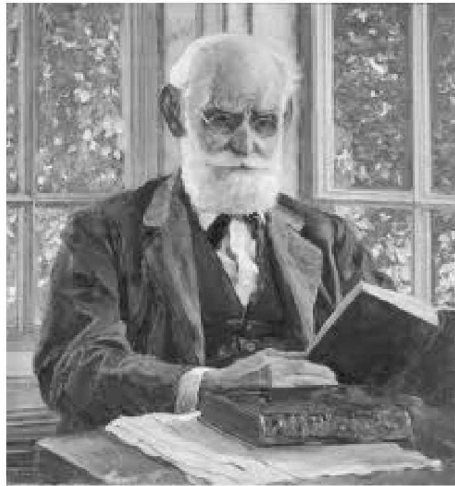
Đôi khi ta nói cuộc sống này với cái chết chỉ thay đổi chứ không mất đi. Nói như thế là đúng, nhưng chưa diễn tả được chiều hướng

biến đổi làm cho con người và vạn vật được chia sẻ sự sống tốt đẹp vĩnh hằng của Thiên Chúa.

2.2. Cuộc sống của con người

Trong đời sống hoạt động, nhiều khi ta không biến đổi, nhưng lại tạo nên một nếp sống, do làm đi làm lại nhiều lần một hành động, lâu dần thành thói quen, rồi hình thành nên cá tính của một con người hay của nhiều con người để trở thành bản sắc của một cộng đồng dân tộc, khiến cho người ta khó biến đổi để trở nên tốt hơn, tiến bộ hơn.

Thí dụ: ta có thói quen thức dậy lúc 4 giờ sáng, dù không có ai đánh thức hay đồng hồ báo thức. Có người quen hút thuốc, uống cà phê, uống trà lâu dần thành nghiện, không bỏ được. Có người có thói quen chơi game, xem phim đời truy, cứ bật máy vì tính lên là đưa những hình ảnh hỗn loạn, dâm đăng, bạo lực, ma quái vào trong tâm trí, khiến tinh thần mê muội, chìm đắm trong đam mê mà không thể thay đổi dù biết chúng rất tai hại.



Về phương diện khoa học, chúng ta đã biết thí nghiệm về phản xạ có điều kiện của nhà khoa học người Nga Iwan Pavlov (1849-1936) với con chó – đĩa thịt – tiếng chuông. Cứ mỗi lần đánh tiếng chuông thấy đĩa thịt thì con chó tiết ra dịch vị trong dạ dày. Dần dần người ta bớt các lần đưa đĩa thịt nhưng vẫn đánh đều tiếng chuông, con chó vẫn tiết ra dịch vị. Đến lúc không cần thấy đĩa thịt, chỉ nghe tiếng chuông, con chó vẫn tiết dịch vị thì người ta đã tạo nên một phản xạ có điều kiện cho con chó. Định luật này áp dụng cho con người: nếu cứ lặp đi lặp lại mãi một hành động sẽ tạo thành một thói quen, thành cá tính hay bản sắc rất khó thay đổi.

Chúng ta nên dành ít thời giờ tự kiểm xem mình đang có một thói quen không tốt, tật xấu nguy hại hay tội lỗi nào thường hay mắc phải để tìm cách sửa chữa cho cuộc biến đổi của mình. Có người hay chửi mắng con cái, nói lời thô tục lâu dần thành quen và hỏi tôi làm cách nào để sửa đổi. Hôm nay chúng ta có thể tìm ra câu trả lời cho các vấn đề này qua cuộc biến hình của Chúa Giêsu.

Cuộc biến đổi từng cá nhân có thể ảnh hưởng tốt cho cả dân tộc vì tạo nên bản sắc mới cho cộng đồng. Sau hơn 10 thế kỷ bị người Tàu đô hộ dân tộc Việt Nam đã hình thành nên bản sắc dân tộc gồm một số tính tốt như kiên nhẫn, biết chịu đựng, chia sẻ đùm bọc lẫn nhau nhưng cũng có những khuyết điểm tai hại như nghi ngờ, làm việc cầm chừng, tham lam, lầy cáp của công, phá hoại tài sản công cộng bắt nguồn từ thái độ chống đối kẻ thù. Viện Khoa học Xã hội Hoa Kỳ đã nghiên cứu và đưa ra 10 điểm đáng lưu ý trong bản sắc của người Việt mà chúng tôi đã trình bày trong bài “Cấu trúc Văn hoá Xã hội của người Việt Nam” (x. Bài 23; Web: hanhkhatkito.org, mục Hoạt động Hành khát Kitô, Khoá Tập huấn *Xây dựng nền văn minh tình yêu*).



Bản sắc này không phải ai cũng giống ai, vì nhờ việc giáo dục của gia đình hay của chính bản thân, nhờ sống trong môi trường xã hội lành mạnh, con người có thể sửa chữa được. Tuy nhiên, trong đời sống xã hội hiện nay, chúng ta thấy những yếu tố xấu trong bản sắc của người Việt đang có chiều hướng lan rộng, gây nguy hại cho dân tộc. Chúng ta rất khó sửa đổi bản sắc ấy trong đời sống cá nhân cũng như đời sống cộng đồng nếu không có nhận thức mới, sự tập luyện để tạo thành thói quen mới, và cần cả niềm tin vào Chúa Trời để đổi mới con

người. Chúng ta cũng nên tự hỏi xem những yếu tố xấu nào trong bản sắc người Việt cần sửa đổi. Cá nhân tôi có yếu tố đó không?

3. Những điều kiện để biến đổi

Muốn biến đổi để trở thành hình ảnh sáng láng tươi đẹp của Chúa Giêsu, chúng ta cần những điều kiện gì? Bài Tin Mừng Lc 9,28-36 đưa ra 3 điểm cơ bản: Cùng lên núi với Chúa Giêsu, cùng cầu nguyện để trở về nguồn và gắn bó với Chúa Giêsu trong mầu nhiệm Vượt Qua.

3.1. Cùng đi lên núi với Đức Giêsu

Bài Tin Mừng kể cho ta nghe chính Đức Giêsu đưa 3 môn đệ thân tín là Phêrô, Gioan, Giacôbê lên núi biến hình. Trong cuộc thay đổi đời ta, Đức Giêsu luôn chủ động vì Người “yêu ta cho đến cùng” và muốn cho ta được chia sẻ ân phúc và vinh quang của Người. Đức Giêsu là con đường dẫn đến sự thật và sự sống nên mỗi người chúng ta trước hết cần ý thức về sự thật, giá trị sự sống thì mới có thể biến đổi.

Rất nhiều khi người ta không nhận ra được sự thật của vạn vật cũng như của đời mình nên họ tiếp tục dồn tất cả sức lực và tâm huyết để kiếm tìm tiền của, danh lợi ở trần thế như ta thấy thánh Phaolô nhắc nhở: *“Có nhiều người sống đối nghịch với Đức Giêsu. Chung cục là họ sẽ phải hư vong. Chúa họ thờ là cái bụng... Họ chỉ nghĩ đến chuyện thế gian”* (Pl 3,18-19). Thí dụ: có những bạn trẻ không nhận ra sự thật chết chóc của heroin mà chỉ thấy nó mang lại sướng khoái; hoặc biết nó tai hại, nhưng tai hại này chẳng đáng so với cảm giác sung sướng nó mang đến.

Vì thế, họ chìm sâu vào thói quen nghiện ngập. Họ cần phải gặp được sự thật là Đức Giêsu để Người dẫn họ lên núi.

Lên núi với Đức Giêsu không phải là chúng ta leo trèo ở một địa điểm vật chất bên ngoài. Núi tượng trưng cho những gì thanh cao, tốt đẹp vì chúng ta leo lên núi cao để thở hít không khí trong lành, nhìn được trời cao, biển rộng, phong cảnh ngút ngàn, không còn bị trôi

buộc trong căn phòng đóng kín, tầm mắt không bị giới hạn trong môi trường nhỏ hẹp. Tất cả những gì tốt đẹp trong cuộc đời của Chúa Giêsu đều diễn ra ở trên núi: núi rao giảng Tám mối phúc, núi cầu nguyện, núi chịu đau khổ, núi chịu chết, núi biến hình, núi thăng thiên. Vì thế, Chúa Giêsu luôn mời gọi chúng ta hướng về những gì cao thượng hơn, vượt lên chính mình để gần bó mật thiết với Người. Người sẽ đưa ta vào trong đám mây sáng láng để kết hợp với Chúa Cha và Chúa Thánh Thần, cảm nghiệm được những màu nhiệm thần bí của Thiên Chúa. Nếu chỉ chiều theo những gì tầm thường, thấp hèn, nhỏ bé, hẹp hòi, ta khó có thể thoát khỏi những gì đang trói buộc ta, làm ta mê muội khiến không thay đổi được chính mình.

3.2. Cầu nguyện để trở về nguồn

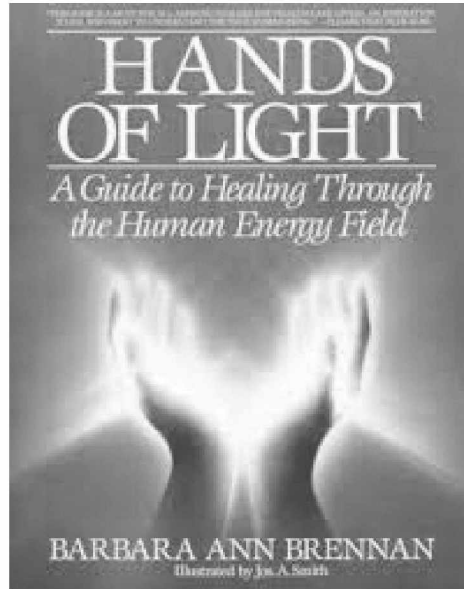
Chính khi Chúa Giêsu cầu nguyện, khuôn mặt của Người đổi khác và y phục của Người trở nên trắng tinh chói loà. Đây là điểm ghi chú đặc biệt của thánh Luca: *“Đang lúc Người cầu nguyện, dung mạo Người biến đổi”* (Lc 9,28). Chúa Giêsu cầu nguyện để dẫn các môn đệ và chúng ta đi vào trong sự thân mật với Thiên Chúa Cha, đưa con người trở về nguồn của chân thiện mỹ, của sự sống vĩnh hằng, của hạnh phúc vô biên, của quyền năng vô tận. Chỉ khi trở về được với nguồn đó, chúng ta mới biến đổi con người tạm thời, hèn yếu, sai lầm, tội lỗi, vô thường, giới hạn, bất lực này dần dần giống với Thiên Chúa.



Lúc đó con người hay dung mạo ta cũng như những vật chất gần bó với ta mới toả sáng như Chúa Giêsu. Sự toả sáng không phải đến từ

bên ngoài rồi biểu lộ trên khuôn mặt như Moisé tiếp xúc với Thiên Chúa trên núi (x. Xh 34,29-35) nhưng từ bên trong vì chúng ta trở thành thân thể mầu nhiệm của Chúa Giêsu. Người chính là ánh sáng bởi ánh sáng, Thiên Chúa thật bởi Thiên Chúa thật. Sự biến đổi đó mới thật sự trọn vẹn và bền vững lâu dài. Đây cũng là dịp để chúng ta hỏi xem mình đã cầu nguyện như thế nào và đã toả sáng khi cầu nguyện chưa.

Tiến sĩ Barbara Ann Brennan, trong cuốn sách *Hands of light* (Bàn tay Ánh sáng) đã mô tả cho chúng ta những vầng hào quang có những màu sắc khác nhau của người bình thường, người đang giận dữ, buồn phiền, nghiện ngập, sáng tạo, yêu thương... Con người càng sống trong sáng, tốt đẹp, nhất là nối kết được với nguồn năng lượng vô biên, sự sống vô tận, tình yêu vô cùng là chính Thiên Chúa thì dung mạo và cả con người họ toả sáng kỳ diệu, đôi bàn tay họ



phát sáng để có thể chữa lành tật bệnh cho con người và vạn vật. Là tiến sĩ chuyên về năng lượng hạt nhân ở Trung tâm Goddard của cơ quan NASA, bà trải qua nhiều chục năm kinh nghiệm, giúp cho trên 5.000 bệnh nhân và giới thiệu cho chúng ta kinh nghiệm biến đổi và chữa trị qua trường năng lượng của con người (x. B.A. Brennan, *Hands of light*, NXB Bantam Book, New York, 1988; Bản dịch Việt ngữ, *Bàn tay Ánh sáng*, NXB Văn Hoá Thông Tin, 1996). Kinh nghiệm của bà là một gợi ý cho chính mỗi người chúng ta tìm về với Chúa qua kinh nghiệm cá nhân.

3.3. Gắn bó với Chúa Giêsu trong cuộc xuất hành của đời mình

Chúa Giêsu là hiện thân của Thiên Chúa, của sự thật, tình yêu, ân phúc. Gắn bó với Chúa Giêsu thì chúng ta mới có thể thay đổi và biến đổi được chính mình, vượt lên trên những gì tầm thường yếu đuối hằng ngày của mình để cảm nghiệm được nguồn hạnh phúc và ở mãi trong hạnh phúc đó giống như Phêrô: *“Thưa Thầy chúng con ở đây thật là hay. Chúng con xin dựng ba cái lều...”* (Lc 9,33). Phêrô không biết mình đang nói gì. Ông mê mẩn trong hạnh phúc. Ông không để ý rằng Chúa Giêsu đang nói với ông Môsê và Êlia về cuộc xuất hành mà Người hoàn thành tại Giêrusalem, về cuộc vượt qua với cái chết nhục nhã trên thập giá và cả sự phục sinh vinh quang ở đó như kết quả của việc biến đổi thiêng liêng. Ông cần phải xuống núi cùng với Chúa Giêsu để thực hiện cuộc xuất hành này.

Chúa Giêsu chính là Lều Thánh, Lều Hội Ngộ mà Dân Do Thái đã từng cảm nghiệm về sự hiện diện sống động đầy yêu thương che chở của Thiên Chúa trong hành trình ở sa mạc (x. Lv 23,43). Đám mây sáng đã bao phủ lều Hội Ngộ, bây giờ trong cuộc biến hình, cũng bao phủ Chúa Giêsu và các người hiện diện, và từ đám mây có tiếng phán rằng: *“Đây là Con Ta, người được Ta tuyển chọn, hãy vâng nghe lời Người”*. Gắn bó với Chúa Giêsu không phải chỉ trong vinh quang mà theo Người trong suốt cuộc đời, dám chấp nhận hy sinh cả mạng sống của mình. Chính khi chúng ta dám chấp nhận hy sinh trọn vẹn như vậy, chúng ta mới biến đổi trọn vẹn để mang lấy thân xác sáng láng vinh hiển của Chúa Giêsu phục sinh.

Lời kết

Ba bước cơ bản trong cuộc biến hình của Chúa Giêsu cũng là những lời mời gọi của Giáo Hội giúp chúng ta biết phải làm gì để biến đổi đời mình cho tốt đẹp hơn, hạnh phúc hơn, tràn đầy sự sống hơn. Từ việc chúng ta cùng đi với Chúa Giêsu lên núi cao, đến việc cầu nguyện trở về nguồn sống và gắn bó với Chúa Giêsu trong mầu nhiệm

Vượt Qua, chúng ta mới thấy con đường biến đổi không phải kéo dài một giây lát nhưng là cả cuộc đời. Mỗi khi cố gắng như thế, chúng ta đều cảm nghiệm được sự biến đổi, hạnh phúc mà Chúa Giêsu chia sẻ cho các môn đệ trên núi hôm nay để trở thành hình ảnh sống động của Người trong Giáo Hội cũng như cho dân tộc VN mà chúng ta đang mong ước mỗi ngày một hùng mạnh hơn, tốt đẹp hơn, cao quý hơn.



Bài 10

Chương trình hành động của Kitô hữu

Lời mở

Đức Giêsu đã kêu gọi, chọn lựa và sai chúng ta đến với mọi người mọi vật để loan báo Tin Mừng Nước Trời, chữa lành bệnh nhân, xua trừ ma quỷ và làm cho mọi người cảm nhận được ơn cứu độ của Người (x. Mc 16,9-20). Đó là những hành động thường xuyên của chúng ta và chúng ta phải đưa chúng vào trong chương trình sống hằng ngày của mình. Thượng Hội đồng Giám mục 2013 đã nhắc nhở tín hữu về “cơ sở cho một chương trình mục vụ Phúc Âm hoá như sau: ‘Chúng ta trở thành những chứng nhân, khi qua lời nói, hành động và cách sống của chúng ta, một Đấng khác hiện diện và tự truyền thông’” (TLLV, số 158).

Vì thế, chúng ta cùng nhau tìm hiểu chương trình hành động của Chúa Giêsu để chuẩn bị cho những hoạt động của chúng ta trong đời sống tông đồ.

1. Chương trình hành động của Chúa Giêsu

Chúa Giêsu là “Ngôi Lời Thiên Chúa làm người” đến trần gian để cứu độ con người và vũ trụ theo ý định của Chúa Cha. Để thực hiện được mục đích này, Người đã đề ra những mục tiêu hoạt động theo như Chúa Cha đã dự liệu từ trước. Vì thế, Chúa Giêsu đã trích dẫn đoạn 61,1-2 của Tiên tri Isaia để nói đến chương trình hành động của Đấng Kitô, Người được xức dầu: “*Thần Khí Chúa ngự trên tôi, vì*

Chúa đã xúc dầu tấn phong tôi để tôi loan báo tin mừng cho kẻ nghèo hèn. Người đã sai tôi đi công bố cho kẻ bị giam cầm biết họ được tha, cho người mù biết họ được sáng mắt, trả tự do cho người bị áp bức, công bố một năm hồng ân của Chúa”.

Chúng ta có thể rút ra vài điểm cơ bản trong chương trình hành động này. Trước hết, Chúa Giêsu luôn ý thức mình chỉ là người thừa hành lệnh truyền của Thiên Chúa: “Chúa xúc dầu và sai tôi đi” chứ không tự ý hành động theo ý muốn riêng tư. Tiếp đến, mọi hoạt động đều dành cho người khác, không có điểm nào dành riêng cho mình. Hơn nữa, tất cả các mục tiêu đều nhắm đến những điều tích cực, cụ thể, thiết thực để phát triển toàn diện con người: “tin mừng cho người nghèo, giải phóng cho kẻ bị giam cầm, ánh sáng cho người mù, tự do cho người bị áp bức, ơn Chúa cho mọi người”. Cuối cùng là đặc tính “hiện sinh” của hành động qua từ “*hôm nay đã ứng nghiệm*” vì sự cứu độ không phải là những lời hứa hẹn suông, có thể xảy đến vào một tương lai xa vời nào đó.



Chúa Giêsu đã thực hiện những gì Thiên Chúa đã hứa trước và còn thực hiện nhiều điều khác nữa. Sau khi Chúa Thánh Thần lấy hình chim bồ câu ngự xuống trên Người ở dòng sông Giordan, Chúa Giêsu đi khắp nơi loan báo tin mừng cho những người nghèo về tinh thần cũng như về vật chất. Người chữa lành con người khỏi đủ loại bệnh tật

khác nhau, xua trừ ma quỷ để giải phóng con người được thật sự tự do, thậm chí làm cho người chết được sống lại để mời gọi hưởng về một đời sống vĩnh hằng. Người tha thứ tội lỗi, chữa lành tâm hồn đau thương của con người, vì trong tư cách là Thiên Chúa, Người thanh tẩy và phục hồi tâm hồn họ.

Trước khi về giảng tại Nazareth, Người đã thực hiện tất cả những điều đó. Vì thế, sau khi công bố lời tiên tri của Isaia, Chúa Giêsu kết luận rằng: *“Hôm nay đã ứng nghiệm lời Thánh Kinh quý vị vừa nghe”*. Người đã hành động theo đúng những gì mà Thiên Chúa hứa với con người để thể hiện tình yêu cứu độ của Cha Trên Trời dành cho mọi người. Vậy người Kitô hữu chúng ta hiểu gì về hành động của mình và phải hành động như thế nào?

2. Những quan niệm khác nhau về hành động của người Kitô hữu

Đặt câu hỏi đó, chúng ta tìm được ngay câu trả lời: chúng ta hành động như Chúa Giêsu vì chúng ta cũng là Kitô, nghĩa là được xúc dầu vì Người và cho Người. Trong ngày chịu bí tích Rửa Tội, linh mục xúc dầu trên đầu ta để nhắc nhở ta về sứ mạng làm vương đế, làm tư tế và làm tiên tri cùng với Chúa Giêsu. Tuy nhiên trong suốt dòng lịch sử Giáo Hội, người ta đã hiểu hành động của người tín hữu theo nhiều ý nghĩa khác nhau.

Vào 3 thế kỷ đầu tiên của Giáo Hội sơ khai, các tín hữu luôn hiểu mình có sứ mạng và hành động như Chúa Giêsu nên họ đi khắp nơi loan báo Tin Mừng, chữa lành bệnh nhân, xua trừ ma quỷ, giúp cho con người cảm nghiệm được tình yêu cứu độ của Thiên Chúa qua những quyền năng, ân sủng mà Chúa Thánh Thần ban cho họ như thánh Phaolô đã nói với chúng ta (x. 1Cr 12,12-30): *“Tất cả chúng ta cùng thuộc về thân thể mầu nhiệm của Chúa Giêsu Kitô, mỗi người là một chi thể...”*. Mỗi người có thể là mắt, là miệng, là tay chân... nhưng tất cả cùng chung một hành động của Chúa Giêsu để mang lại bình an và ơn cứu độ cho con người: người là miệng thì rao giảng Lời

Chúa, người là mắt thì phải nhìn xa trông rộng để thấy tỏ tường sự thật, người là tai thì phải lắng nghe Lời Chúa để chuyển thông cho anh chị em mình, người là tay thì phải hành động để phục vụ anh em, người là chân thì phải bước đi đến với người khác...

Sau đó, người ta đã hiểu hành động này theo những ý nghĩa khác nhau. Cho đến Công đồng Vaticanô II, năm 1962-1965, suốt 15,16 thế kỷ, người ta hiểu rằng Giáo Hội chia ra hai thành phần: lãnh đạo (gồm hàng giáo phẩm, giáo sĩ), và đón nhận sự lãnh đạo (gồm giáo dân). Hoạt động của cấp lãnh đạo là rao giảng Lời Chúa, cử hành bí tích, điều hành sinh hoạt tôn giáo trong khi hoạt động của giáo dân là tham dự bí tích, đọc kinh cầu nguyện, nhiều người không biết làm gì hơn. Từ thế kỷ 12 xuất hiện thành phần thứ ba khá đông đảo, đó là tu sĩ, ngoài giáo sĩ và giáo dân. Người ta chia cho các dòng tu nhiều hành động phục vụ khác nhau tùy theo sứ mạng của mỗi hội dòng: như giáo dục, phục vụ bệnh nhân, bác ái xã hội, rao giảng Tin Mừng... Như thế giáo dân chỉ giữ một vài hành động rất nhỏ bé trong đời sống Giáo Hội.

Từ sau cuộc Cách mạng Pháp năm 1789, do ý thức dân chủ và sự phân quyền rõ rệt giữa đạo và đời, người ta chủ trương các người thuộc hàng giáo phẩm, giáo sĩ chỉ nên lo việc “đạo” trong nhà thờ, còn người tín hữu giáo dân trong tư cách là công dân mới nên lo việc “đời” ở ngoài nhà thờ. Hơn nữa, do tâm thức duy lý, duy khoa học thực nghiệm, người ta cũng phân biệt chuyện chữa lành bệnh tật thuộc lĩnh vực y khoa, chuyện chữa trị tâm hồn thuộc lĩnh vực tâm lý, tâm thần, chuyện tranh đấu đòi tự do cho người bị áp bức thuộc lĩnh vực chính trị đảng phái dân sự, chuyện trừ ma diệt quỷ là chuyện mê tín, dị đoan, chỉ còn chuyện tha thứ tội lỗi thuộc về lĩnh vực tôn giáo dành cho những ai tin Chúa và Giáo hội Công giáo mà thôi!

Thế là chương trình hành động cứu độ của người tín hữu Kitô bị thu hẹp đến độ không còn gì để làm ngoài bí tích và phụng vụ. Rất nhiều linh mục ngày nay vẫn cho rằng mình chỉ có bổn phận dâng lễ, cử hành bí tích, dạy giáo lý chứ không phải lo chuyện ăn uống cho người đói khát, chuyện bắt công ngoài xã hội... vì đạo và đời là hai

thứ tách biệt. Trong khi Chúa Giêsu lại mời gọi các môn đệ: “*Chính anh em hãy lo cho họ ăn*” (Mc 6,37), Người ban biết bao quyền năng cho các môn đệ để chữa lành bệnh tật, xua trừ ma quỷ (x. Mt 10,11; Mc 6,7-12; 16, 16-20...).

Cách đây 50 năm, Công đồng Vaticanô II, nhất là qua Hiến chế Vui mừng và Hy vọng, đã mời gọi mọi người tín hữu quan tâm đến những hoạt động trong nhiều lĩnh vực của Giáo Hội trong thế giới ngày nay. Tuy nhiên, từ năm 2004, Giáo Hội mới chính thức, qua cuốn *Tóm lược Học thuyết Xã hội Công giáo*, nhắc nhở mọi tín hữu phải quan tâm đến tất cả các hoạt động trần thế như Chúa Giêsu đã công bố qua chương trình hành động của Người vì Chúa Giêsu mang lại ơn cứu độ toàn diện cho con người. Giáo Hội nhắc nhở chúng ta phải quan tâm và hành động để bảo vệ giá trị con người, nhân quyền, gia đình, lao động, kinh tế, chính trị, môi trường sống, cổ vũ hoà bình....

Khi chúng ta quyết tâm hành động thì Chúa Thánh Thần sẽ ban những ân sủng, sức mạnh và quyền năng của Chúa Giêsu cho ta để ta tiếp nối chương trình cứu độ của Người. Tùy theo nhiệm vụ của mỗi người trong Giáo Hội là giáo phẩm, giáo sĩ, tu sĩ hay giáo dân, Thánh Thần sẽ thúc đẩy chúng ta biết cộng tác để làm sáng danh Chúa và mưu ích cho cộng đồng nhân loại.

Lời kết

Hôm nay chúng ta chỉ có thể bàn đến một vài điểm như vậy để thấy rằng Chúa Giêsu đang mời gọi chúng ta nhìn lại hành động của mình và dự thảo một chương trình hành động cho từng thời điểm thật cụ thể và tốt đẹp để mang lại ơn cứu độ toàn diện cho tất cả mọi người.

Bài 11

Yêu sao cho đúng, cho tốt, cho đẹp

Lời mở

“Cuộc TPAH phải tìm cách hướng tự do của mỗi con người về Thiên Chúa, Đấng là nguồn chân thiện mỹ. Canh tân đức tin phải giúp người ta khắc phục những trở ngại của những cơ cấu Giáo Hội quan liêu, cử hành phụng vụ hình thức, các phản chứng...) để hướng đến một đời sống Kitô giáo đích thực được định hình theo ý Thiên Chúa như được diễn tả trong giới răn mến Chúa yêu người” (x. Mt 12,33; TLLV, số 69) cũng như trong “điều răn mới” của Chúa Giêsu.



Câu hỏi đặt ra cho người tín hữu hôm nay là yêu Chúa yêu người, nhất là yêu những con người cụ thể, sao cho đúng, cho tốt, cho đẹp? Nhiều anh chị em đã có kinh nghiệm về tình yêu nên đây là dịp để chúng ta bàn luận và chia sẻ về bài học yêu thương của mình và tìm cách giúp nhau để yêu cho đúng, cho tốt đẹp. Từ đó ta mới thật sự cảm

nhận được hạnh phúc và sự sống kỳ diệu trong tình yêu thay vì cảm thấy “yêu là khổ, là chết ở trong lòng một ít”.

Vài gợi ý dưới đây chỉ là những điểm hướng dẫn góp thêm cho cuộc bàn luận của chúng ta. Muốn yêu đúng, yêu đẹp, ta cần có một vài bước sau đây:

- Giải nghĩa được tình yêu của mình.
- Đặt tình yêu vào đúng chỗ.
- Hành động theo tiếng gọi chân thiện mỹ của tình yêu.
- Cảm nhận được hạnh phúc thật sự của tình yêu.
- Hãy yêu trong tin tưởng và hy vọng.

1. Làm sao giải nghĩa được tình yêu!

1.1. Định nghĩa tình yêu

Tình yêu là một từ khó định nghĩa, dù rằng nó luôn được nhắc đến trong đời sống hằng ngày. Trong 4 cuốn *Từ điển Bách khoa Việt Nam* không thấy có mục từ *tình yêu*. Quả thật, trong cách tiếp cận thực nghiệm, tình yêu rất khó giải nghĩa hoặc chỉ có những định nghĩa phiến diện vì tình yêu không thuộc về vật chất. Có mô trái tim hay bộ não để phân tích, các nhà khoa học cũng không thể nào tìm thấy vết tích của tình yêu. Vì thế, nhà thơ Xuân Diệu mới nhắc nhở chúng ta rằng:

*“Làm sao giải nghĩa được tình yêu,
Có nghĩa gì đâu một buổi chiều,
Nó chiếm hồn ta bằng nắng nhạt
Bằng mây nhè nhẹ gió hiu hiu.”*

Nhà thơ Công giáo Hàn Mặc Tử quả quyết rõ hơn rằng:

*Ai hãy làm thinh, chớ nói nhiều
Đề nghe dưới đáy nước hồ reo,*

*Để nghe tơ liễu run trong gió,
Và để nghe Trời giải nghĩa yêu!*

Chỉ có Trời mới giải nghĩa được tình yêu vì tình yêu thật sự bắt nguồn từ chính Chúa Trời.

Từ điển Tiếng Việt của Viện Ngôn ngữ học định nghĩa: *tình yêu là một tình cảm nồng nhiệt, làm cho gắn bó mật thiết và có trách nhiệm với người, với vật mình yêu.* Nghĩa thứ hai: *tình yêu là tình cảm yêu đương nam nữ.* Khi nói đến tình yêu người ta thường nghĩ ngay đến nghĩa thứ hai chứ không để ý đến nghĩa quan trọng thứ nhất, nghĩa này nhắc nhở chúng ta yêu thật sự là gì và phải có trách nhiệm với nhau. Nhiều bạn trẻ yêu mà chẳng có trách nhiệm gì, cứ quan hệ tình dục bừa bãi để rồi mang thai, phá thai và bỏ nhau.

1.2. Đùng lẫn lộn tình yêu với lòng thương hại

Có lẽ vì nghĩa thứ hai này mà nhiều người Công giáo sợ không dám nói đến tình yêu, nhất là đối với những ai “đi tu”, nên họ phải dùng từ “tình thương” thay thế. Thí dụ như trong cuốn *Thư chung Hậu Đại hội Dân Chúa năm 2010*, người ta dùng tựa đề “Cùng nhau bồi đắp nền văn minh tình thương và sự sống” (x. Hội đồng Giám mục Việt Nam, *Thư Chung...*, Trung tâm Mục vụ, 2011). Tuy nhiên, nếu những người đi tu đó không biết gì về tình yêu, không dám yêu một cách chân thành, mãnh liệt, quảng đại và bao la như Đức Giêsu thì họ chẳng cứu thoát được chính mình và càng không thể cứu độ được người khác! Nhiều người đi tu tự hào mình có tình thương hơn người, họ chứng minh bằng các việc từ thiện, bác ái xã hội, nhưng tận thâm tâm họ không yêu hay chưa yêu.

Tình thương khác với tình yêu. Tình thương, theo định nghĩa, là “có tình cảm gắn bó và thường tỏ ra quan tâm săn sóc cho người mình thương” như cha mẹ thương con cái; nhất là nó mang tính cách thương hại “vì cảm thấy đau đớn xót xa trong lòng trước một hoàn cảnh không may nào đó” (x. Viện Ngôn ngữ học, *Từ điển Tiếng Việt*, NXB Đà Nẵng, 2005).

Khi đồng hoá tình yêu với tình thương, người ta làm nghèo ý nghĩa của tình yêu. Nhiều người đã hiểu lầm “hình như là tình yêu” và làm cho người khác hiểu lầm “mình có tình ý với người ta” khi có những hành động sẵn sóc, quan tâm đến người khác vì cùng một hành động sẵn sóc, giúp đỡ nhau, người ta có thể làm vì yêu mà cũng có thể vì thương. Trong đời sống gia đình, lấy nhau chỉ vì tình thương thôi thì rất nguy hiểm, vì sau đó có thể lại “yêu” người khác thì cuộc hôn nhân lúc đầu có nguy cơ tan vỡ, gây đau khổ lớn lao cho nhiều người. Có lẽ vì thế mà người ta thường ghép cả hai thành một từ “tình yêu thương” hay “lòng thương yêu” cho đỡ tốn công phân biệt.

Xét về khía cạnh thần học, nếu chỉ nói mình “thương Thiên Chúa” thì không biết Chúa có gặp cảnh ngộ không may nào không! Nhưng Chúa thật đáng thương vì Chúa yêu người mà người không đáp lại! Chúa thương chúng ta thì đúng vì chúng ta có những hoàn cảnh không may, nhưng chúng ta thương hại Chúa thì có lẽ chưa đúng lắm vì Chúa là Đấng hoàn hảo, giàu sang vô cùng, thánh thiện vô biên! Nhưng đây chỉ là phân tích ngôn ngữ thôi, chứ con người được quyền vừa yêu vừa thương Thiên Chúa.

1.3. Đi tìm lời định nghĩa đúng

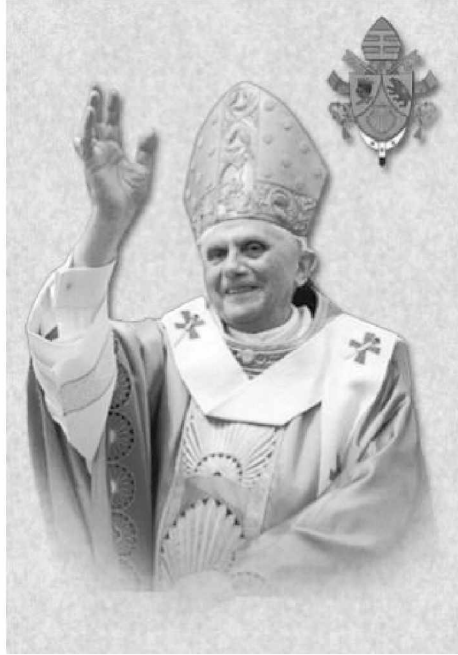
Đức Thánh Cha Bênêdictô XVI đã quan tâm rất nhiều đến tình yêu con người và giải nghĩa cho ta hiểu tình yêu đó bắt nguồn từ tình yêu Thiên Chúa nên cần phải yêu thế nào cho xứng với tình yêu này. Trong thông điệp đầu tiên của ngài công bố vào năm 2005 “Thiên Chúa là Tình yêu” (*Deus est Caritas*), ngài đã dành trọn phần thứ nhất (từ số 3 đến 15) trong hai phần, để giải thích cho chúng ta về tình yêu.

Tiếng Latinh có hai từ diễn tả tình yêu là *amor* (yêu theo nghĩa tự nhiên) và *caritas* (yêu theo nghĩa siêu nhiên, yêu rộng, bác ái). Xét về nguồn gốc, tiếng Hy Lạp có ba từ diễn tả tình yêu: *eros* (tình ái), *philia* (tình bằng hữu) và *agape* (tình bác ái). *Eros* là tình yêu nhận về, là tình yêu nhắm vào những rung động thể xác, *agape* là tình yêu cho đi, hướng đến những hạnh phúc tinh thần. Nhiều khi chúng ta được giảng dạy chỉ nên có tình yêu vị tha, cho đi với những hạnh phúc

tinh thần hơn là kiểu tình yêu chiếm hữu, nhận vào với những rung động thể xác.

Tuy nhiên, Đức Thánh Cha đã nhắc nhở chúng ta: con người là một thực tại duy nhất hướng đến nhiều lĩnh vực khác nhau, và tình yêu là hoạt động của con người cũng chỉ là một thực tại duy nhất với những chiều kích khác nhau. Vào những thời điểm khác nhau thì chiều kích này có thể xuất hiện rõ hơn chiều kích khác. Nếu tách rời những chiều kích tình yêu, chúng ta chỉ làm nghèo nàn nó (số 8) và nó cũng không còn là tình yêu của con người toàn diện.

Khi Thiên Chúa dựng nên con người giống hình ảnh mình, trao tình yêu cho con người là Ngài muốn cho con người thật sự yêu thương toàn diện và vô biên như Ngài. Con người được mời gọi mở ra cho những chiều kích mới mẻ của tình yêu mà Thánh Kinh đã diễn tả cho chúng ta (số 9-11), nhất là mời gọi chúng ta thể hiện tình yêu như Đức Kitô vì Đức Kitô là hiện thân của Thiên Chúa Tình yêu (số 12-15).



1.4. Nội dung của tình yêu

Chúng ta hiểu con người có 4 lĩnh vực để đưa tình yêu vào: đó là thể xác và tinh thần, nội tâm và ngoại giới, tự nhiên và siêu nhiên, cá nhân và tập thể và 4 mối tương quan để yêu thương: tình yêu đối với Thiên Chúa, với anh em, với vạn vật và với chính mình. Người Công giáo chúng ta được nghe nói nhiều về tình bác ái, nhưng nhiều khi

chúng ta hô hào yêu thương như một khẩu hiệu hơn là tìm hiểu kỹ lưỡng về các lĩnh vực và tương quan để biết yêu thương cách cụ thể và hiệu quả.

Vì thế, không phải chúng ta áp dụng chung một khẩu hiệu yêu thương cho cả tỷ người Công giáo, mà cần phải nhìn vào con người cụ thể của mình. Con người này gồm nhiều yếu tố. Yếu tố thứ nhất là di sản văn hoá do ông bà tổ tiên để lại mà người Việt Nam chúng ta đang có. Người Việt Nam yêu khác người Anh, Pháp, Mỹ vì di sản của ông bà cha mẹ tổ tiên để lại cho chúng ta trong bốn ngàn năm qua khác với di sản của các dân tộc khác.

Đồng thời, mỗi người Việt Nam, trong từng hoàn cảnh khác nhau, được giáo dục khác nhau, nên cũng yêu thương khác nhau: người sinh ra trong một gia đình có cha mẹ đầy đủ sẽ yêu khác với người bị mất cha, mất mẹ hoặc cha mẹ ly dị... Có khi vì không được yêu thương hay bị phản bội nên họ luôn nghi ngờ tình yêu, luôn thù ghét người khác. Vì thế, họ rất cần ý thức về chính mình với những đặc điểm trong cá tính của mình để thực tập bài học yêu thương như Chúa Giêsu.

1.5. Con đường tình Giêsu

Vì thế, hôm nay, chúng ta được mời gọi để nhìn vào Đức Giêsu, tình yêu cụ thể của Thiên Chúa, và bước theo Người để biết yêu sao cho đúng, cho đẹp và hiệu quả vì Đức Giêsu là Ngôi lời Thiên Chúa làm người và cũng là sự thật, sự thiện, cái đẹp cụ thể của Thiên Chúa. Đi theo con đường sự thật và sự sống của Người, chắc chắn ta sẽ yêu đúng, yêu đẹp và tìm được hạnh phúc vĩnh hằng và sự sống vô biên cũng là những sự thiện tuyệt đối mà muôn loài mơ ước.

Con đường tình yêu này tuy đơn giản nhưng khi thực hiện lại tương đối khó khăn vì mỗi người chúng ta là một thực thể vô cùng phức tạp và nhiệm mầu. Tình yêu không phải một thứ tình cảm mông lung xa vời nào đó mà thể hiện thành những hành động của con người cụ thể với các hoàn cảnh và yếu tố khác nhau. Vì thế, để tránh ảo

tưởng, sau khi công bố thông điệp đầu tiên, ĐTC Bênêđictô XVI còn giải thích thêm để chúng ta biết yêu thương thế nào cho có hiệu quả, qua thông điệp thứ ba “Bác ái trong Chân lý” - *Caritas in Veritate* - đó là tình yêu phải dựa trên sự thật là chính Đức Giêsu và trên sự thật của mỗi người trong từng hoàn cảnh khác nhau của đời sống.

Muốn thể hiện tình yêu thật sự cho mình cũng như cho xã hội, chúng ta phải gắn bó mật thiết với Chúa Giêsu để Người chuyển thông cho chúng ta tình yêu Thiên Chúa và để Thánh Thần Tình Yêu biến đổi tình



yêu tự nhiên của ta thành tình yêu tuyệt đối, vĩnh hằng, vô biên của Người. Yêu là sống, không yêu là chết vì Thiên Chúa Hằng Sống cũng là Thiên Chúa Tình Yêu. Muốn sống dồi dào, mãnh liệt, vĩnh hằng, ta phải yêu như Đức Giêsu vì Người đã yêu cho đến chết trên thập giá và thật sự đã sống lại để chứng tỏ những giá trị tình yêu của Người.

Hôm nay chúng ta cùng cầu xin Chúa Cha đổ tràn tình yêu vào lòng chúng ta nhờ Thánh Thần Ngài ban cho chúng ta, để chúng ta noi gương những bài học yêu thương của Chúa Giêsu, từ đó chúng ta mới có thể trở thành chứng nhân tình yêu cho dân tộc và nhân loại hôm nay.

2. Làm sao đặt tình yêu vào đúng chỗ?

Một số người cho rằng tình yêu có giá trị tuyệt đối, người tình là tất cả nên khi yêu họ sẵn sàng hy sinh tất cả cho người tình của mình

và khi thất bại trong tình yêu, họ tưởng rằng mình mất tất cả đến nỗi không còn thiết sống hoặc tìm cách huỷ diệt người tình của mình. Vì thế, chúng ta cần nhìn vào trái tim là biểu tượng của tình yêu để đặt tình yêu vào đúng chỗ của nó.

2.1. Biểu tượng của tình yêu

Trong đời sống thực tế, nhiều người phân biệt tình yêu với các hoạt động khác như suy nghĩ, tưởng tượng, sáng tạo, lao động... Họ tách biệt trái tim ra khỏi cái đầu và tay chân của họ. Họ dành trái tim để yêu người tình, dành cái đầu để suy nghĩ tính toán, dành tay chân để làm việc mà không hiểu rằng yêu là một hành động của con người toàn diện. Từ đó, họ cũng tách biệt tình yêu ra khỏi nhiều lĩnh vực và mối tương quan: họ phân biệt tình yêu khác với lòng hiếu thảo, lòng ái quốc, tình bằng hữu, tình huynh đệ, lòng yêu nghề... Thánh Gioan nhắc nhở chúng ta: “Chúng ta đừng yêu thương nơi đâu mỗi chút lưỡi, nhưng phải yêu thương cách chân thật và bằng việc làm” (1Ga 3,18). Sự thật đến từ cái đầu và việc làm đến từ tay chân.

Thật ra, con người chỉ có một trái tim duy nhất để yêu thương đối với mọi người, mọi vật quanh mình. Chỉ một trái tim đó dùng để yêu thương người tình, cha mẹ, con cái, anh em, bạn bè, nghề nghiệp, đất nước, thiên nhiên... Chỉ có một con người duy nhất, cụ thể diễn tả muôn vàn hình thức tình yêu và những hình thức ấy giống như những tấm áo khác nhau mặc bên ngoài con người trong những hoàn cảnh và đối tượng khác nhau của cuộc sống.

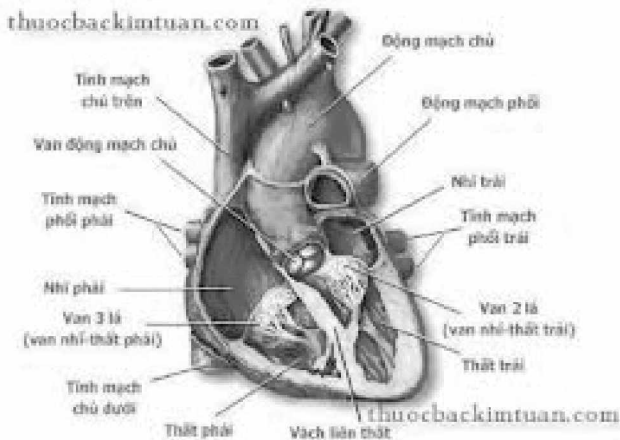
Trái tim là biểu tượng tình yêu nhưng nhiều người yêu mà không bao giờ đo lường, kiểm nghiệm, rà soát xem trái tim mình to-bé, rộng-hẹp thế nào; nhịp đập mạnh-nhẹ, nhanh-chậm ra sao; khoẻ mạnh bình thường hay có bị bệnh tật gì không; nếu có thì cần phải chữa trị thế nào. Thật vậy, con người chúng ta lớn lên theo thời gian và chịu sự chi phối của hoàn cảnh môi trường cũng như những yêu tố di truyền nên trái tim hay tình yêu của chúng ta không phải lúc nào cũng ổn định và khoẻ mạnh. Có những lúc chúng ta cảm nhận con tim mình đang bị một tật bệnh nào đó như “con tim mù loà” trong bài hát của cố nhạc sĩ

Trịnh Công Sơn, hoặc con tim bất động, “chết ở trong lòng một ít” của thi sĩ Xuân Diệu.

Vì thế, ta cần biết rõ về trái tim của mình để có thể nhờ các nhà chuyên môn giống như bác sĩ tinh thần khám nghiệm thường xuyên và chữa trị khi cần. Mỗi lần tự kiểm, mỗi dịp “tĩnh tâm” cũng có thể coi như là những lần xét nghiệm con tim. Tầm soát và khám phá sớm tật bệnh của trái tim sẽ tránh cho ta những nguy hiểm và thiệt hại lớn lao.

2.2. Trái tim nằm ở đâu?

Nhiều bạn trẻ nói đùa rằng: “Vị trí quả tim con người nằm ở giữa nhưng hơi nghiêng về bên trái, nên tự bản chất tình yêu con người cũng dễ hướng về điều sai trái!”. Thật ra, trái tim của con người nằm ở trung tâm của cơ thể để dễ dàng bơm máu và những chất bổ dưỡng đi khắp thân thể đem sức sống cho con người.



Tình yêu con người cũng ở vị trí trung tâm tương tự như thế vì tình yêu thực sự là động lực cho mọi hoạt động con người. Khi thật sự yêu thương, con người dồn tất cả sức lực và tâm trí vào đối tượng mình yêu và dám làm mọi sự cho người mình yêu dù phải hy sinh lớn lao, thậm chí vào sinh ra tử. Hơn nữa, khi con người hiểu được tình yêu Thiên Chúa là động lực cho mọi hoạt động của Thiên Chúa trong lịch sử con người và vũ trụ, để đưa tình yêu ấy vào trong mọi hoạt động

trốn chạy tiêu cực làm hại chính mình và người thân. Họ thù hận và tìm cách trả thù kẻ bạc tình bằng những hành động xúc phạm nhân phẩm và sự sống người khác như đánh đập, đâm chém, giết hại, tạt acid, tung những hình ảnh, video clip “nóng” của họ và người tình lên mạng để làm mất danh dự, xé quần áo tình địch ngay giữa đám đông ban ngày để làm nhục người đó, thậm chí chế tạo cả bom nổ để cùng chết chung với kẻ bạc tình.

Tất cả những hành động thiếu suy nghĩ ấy chỉ là do họ làm theo con tim mà không hành động, suy tư bằng cái đầu của mình để khám phá ra nguyên tắc hành động của tình yêu.

3. Nguyên tắc hành động của tình yêu

Tình yêu là hành động trung tâm của con người nên cũng phải tuân theo nguyên tắc cơ bản của mọi hành động con người là chân-thiện-mỹ, nghĩa là phải yêu đúng, yêu tốt, yêu đẹp (x. CD.Vat.II, Hiến chế *Gaudium et Spes*, số 15,16,57).

3.1. Yêu đúng

Trái tim con người luôn khao khát sự thật và chỉ muốn yêu thật lòng chứ không thích sự giả dối. Tuy nhiên, trong hoàn cảnh hiện nay, nhiều người che giấu bộ mặt thật của mình bằng những lớp áo hoá trang hay son phấn bên ngoài khiến họ tưởng lầm về nhau. Những cuộc tình qua internet với những hình chân dung được được sửa đổi khiến ai cũng có vẻ là những nghệ sĩ, siêu sao. Những lời nói trau chuốt, hoa mỹ trong những lá thư có sẵn chỉ việc nhân nút sao chép vẫn lừa lọc rất nhiều người non dạ, yếu lòng. Những cuộc hôn nhân môi giới cho người nước ngoài với những lời hứa hẹn về một cuộc đời, giàu sang giả dối vẫn làm cho cả chục ngàn cô gái VN rời nước ra đi hàng năm, đê ròi khóc thắm mỗi ngày vì bị lừa gạt.

Không tin tưởng nhau nên người ta phải dùng những thiết bị nghe lén gắn vào trong điện thoại di động để theo dõi nhau, phải viết những bức thư ký tên giả để phơi bày những cái xấu của nhau. Họ không hiểu rằng những kiểu khám phá sự thật ấy chỉ là những hành

động xúc phạm đến con người và huỷ hoại tình yêu. Rồi vì sợ những sự thật xấu xa đó bị phơi bày, nên nhiều người cần răng chịu đựng những hành hạ bất công của người tình cuồng dại.

Khi yêu cách điên cuồng như thế là người ta đã không nhận ra sự thật về chính mình và người khác, về giá trị cao cả của con người là hình ảnh của chính Thiên Chúa để tôn trọng tự do và độc lập của nhau thay vì bắt nhau làm nô lệ, làm đồ chơi tình dục hay phương tiện giải trí cho những căng thẳng của cuộc đời mình.

Tình yêu của người tín hữu chúng ta cần phải dựa trên sự thật: ta cần yêu đúng người, đúng chỗ, đúng thời. Thật sự để tìm ra đúng người mình yêu trong một thời điểm nào đó của đời mình chẳng phải dễ dàng, nhất là khi muốn tiến xa hơn đến cuộc hôn nhân để ăn đời ở kiếp với nhau. Nhiều người không biết chọn ai trong số những bạn bè hay người tình của mình vì con tim chọn yêu người này nhưng lý trí lại bảo nên lấy người khác vì lý luận của cái đầu không phải là lý lẽ của con tim! Tuy nhiên, đối với người tín hữu, vì Thiên Chúa là tình yêu cũng là nguồn sự khôn ngoan nên ngoài những cố gắng tìm hiểu bằng lý trí và lắng nghe tiếng lòng của mình, người tín hữu chúng ta cần cầu nguyện để xin Chúa soi sáng cho mình biết chọn lựa đúng trong tình yêu.

Còn muốn yêu đúng người, đúng chỗ, đúng thời, người tín hữu chúng ta chỉ cần nhìn vào trái tim bị lưỡi đòng đâm thấu luôn mở ra của Chúa Giêsu trên thập giá, và hiểu rằng trái tim mình cũng phải yêu thương cách chân thành và tích cực như thế đối với mọi người, mọi vật quanh mình, ở bất cứ nơi đâu và vào bất cứ thời điểm nào. Trái tim người tín hữu “phải rộng lớn để không sự vật nào thắng nổi, không bao giờ khép lại trước một kẻ vô ơn, không khi nào chán nản trước một người lãnh đạm” (x. Lời kinh của cha Gandmaison, SJ).

3.2. Yêu tốt

Trái tim con người luôn khát khao điều tốt cho mình cũng như cho người vì “nhân chi sơ, tính bản thiện”. Thiên Chúa Tạo Hoá tốt

lành đã đặt điều đó trong bản tính con người khi dựng nên họ giống hình ảnh mình. Tuy nhiên, khi con người chiều theo sự cám dỗ của Satan, cắt đứt sự hiệp thông với Thiên Chúa là nguồn sống vĩnh hằng, nguồn chân thiện mỹ vô biên, thì con người không còn có thể sống mãi mãi và luôn đi tìm cái đúng, cái tốt, cái đẹp được nữa. Tình yêu con người vì thế cũng bị ảnh hưởng: gắn bó với Thiên Chúa họ tìm được chân thiện mỹ, rời xa Thiên Chúa họ chỉ tìm được cái chết, cái sai, cái ác, cái xấu cho mình và cho người khác.

Vì thế, cái tốt là một trong những tiêu chuẩn để xác định tình yêu thật và đẹp của con người. Tất cả những gì mang lại điều tốt đẹp, thiện hảo đều bắt nguồn từ tình yêu chân thật và ngược lại tất cả những gì ác đức, xấu xa đều phát sinh từ tình yêu giả dối. Chúng ta có thể dùng tiêu chuẩn này

để kiểm chứng tình yêu của mình và điều chỉnh những hành động sai trái của tình yêu. Thí dụ: một người bạn, người tình luôn rủ ta bỏ nhà đi chơi, bỏ cả học hành làm việc,



tiêu xài hoang phí... không phải là người bạn tốt, người yêu tốt, và tình bằng hữu hay tình yêu của họ cũng chỉ giả dối bên ngoài.

Trong tình yêu, điều tốt được chia đều cho cả hai bên: người yêu và người được yêu và cả hai đều phải có gắng để đem lại điều tốt cho nhau thì mới giữ được tình yêu chân thật. Tuy nhiên, khi không thể mang lại điều tốt cho cả hai bên thì người chủ động yêu phải học bài học hy sinh của Chúa Giêsu để chịu thiệt thòi về phần mình và dành điều tốt cho người mình yêu. Bài học đó là: “*Không có tình yêu nào*

cao quý hơn tình yêu của người hy sinh mạng sống vì bạn hữu”. Nếu người yêu không chịu hy sinh và chỉ muốn chọn điều tốt cho mình để bắt người được yêu phải chịu thiệt thòi thì đó là một tình yêu ích kỷ, không chân thật.

Tình yêu tuyệt vời là tình yêu mang lại cái tốt, có giá trị cao cả nhất cho cá nhân hay cộng đồng con người, cho thiên nhiên hay cả vũ trụ. Điều này ta thấy thể hiện nơi những con người có vẻ rất bình thường như người lính cứu hoả liều thân xông vào đám cháy để cứu người, như người bạn học liều mình cứu bạn sắp chết đuối trong dòng nước xoáy, như người lính rời gia đình ra chiến trận để bảo vệ tự do độc lập cho dân tộc, như nhà bác học bất chấp nguy hiểm lây bệnh nghiên cứu các chương trình sinh học để đem lại ích lợi cho cộng đồng nhân loại. Điều tốt càng cao cả, ích lợi cho nhiều người và hành động càng gian khổ khó khăn để đạt được điều tốt ấy thì tình yêu của người thực hiện càng lớn lao đối với tất cả những ai thụ hưởng.

Điều này gợi ý cho chúng ta điều tốt mà Đức Giêsu đạt được cho toàn thể nhân loại và vũ trụ khi Người chấp nhận cái chết nhục nhã trên thập giá để hoà giải muôn loài với Chúa Cha và nhờ đó tất cả trở thành con cái Thiên Chúa, được chia sẻ sự sống vĩnh hằng. Như thế, tình yêu của Chúa Giêsu đã vươn đến mọi người mọi vật để trở thành mẫu mực cho tình yêu con người. Điều tốt ấy làm cho tình yêu của Người mang nét đẹp tuyệt vời và hướng tình yêu chúng ta về cái đẹp cơ bản và nguyên thủy thay vì những vẻ đẹp nhất thời, chóng qua của hình thể bên ngoài.

3.3. Yêu đẹp

Nói đến cái đẹp trong tình yêu là người ta nghĩ ngay đến chuyện “đẹp đôi vừa lứa” của những đôi trai tài, gái sắc với những tiêu chuẩn mang nặng tính khoa trương bên ngoài như trai thì phải “đẹp trai, con nhà giàu, học giỏi”, gái thì phải là “hoa khôi, hoa hậu, xinh đẹp, có bằng bác sĩ, kỹ sư...”. Một ít người quan tâm hơn về mặt tinh thần thì đi tìm người có lý tưởng cao, tài năng lớn, nghĩa khí mạnh mẽ “đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu” hoặc tìm người bạn biết mình,

hiểu mình trọn vẹn để làm “tri kỷ, tri âm” như Bá Nha và Tử Kỳ hiểu được tiếng đàn của nhau.

Yêu đẹp không phải là tạo nên một chuyện tình đẹp với kết thúc có hậu như trong truyện cổ tích cho các cháu thiếu nhi: có một gia đình hạnh phúc, con cháu thành đạt, ông bà an hưởng tuổi già... Đó cũng là con “cám dỗ cuối cùng” của Chúa Giêsu trên thập giá mà Nikos Kazantzakis, nhà văn Hy Lạp đã diễn tả. Nhưng Đức Giêsu đã yêu rất đẹp vì Người chết rất trẻ, cô độc trên thập giá dù rằng Người đã cứu chữa hàng ngàn, hàng vạn người trong ba năm giảng dạy. Câu chuyện tình của Người chẳng có hậu theo tính toán của con người.

Yêu đẹp là yêu cái cốt lõi, cái tinh túy của chân thiện mỹ trong mỗi con người mình yêu thương và gắn bó mãi mãi với những giá trị cao cả ấy dù người mình yêu có thay lòng đổi dạ, dù hoàn cảnh môi trường bên ngoài có biến chuyển theo năm tháng. Đó là tình yêu của Đức Giêsu: Người yêu mọi người, mọi vật “đến cùng” dù họ chỉ là những tội nhân xúc phạm đến Người, đóng đinh giết hại Người. Yêu đẹp như Người là “đón nhận tất cả, tha thứ tất cả, chịu đựng tất cả, hy vọng tất cả” vì tin tưởng rằng Thiên Chúa tình yêu nhìn thấu tim mình và sẽ đền bù cho mình gấp bội.

Có tin tưởng như thế thì những người tình, người vợ, người chồng bị phản bội mới có thể tha thứ và trung thành trong tình yêu. Từ đó ta mới hiểu rằng yêu đẹp là cần có “một tấm lòng đơn sơ, không chất chứa những ưu phiền, một tấm lòng hào hiệp biết hy sinh, dịu dàng dễ thông cảm, một tấm lòng trung thành và quảng đại để không quên một ơn, không ghi một oán, một tấm lòng hiền hậu và khiêm tốn để yêu mà không mong được yêu lại, biết vui vẻ quên mình để nhường chỗ cho Đức Giêsu trong một trái tim khác” (x. Lời kinh của cha Grandmaison, SJ).

Yêu đẹp là biết mở lòng mình và lòng người hướng về những chân trời mới càng ngày càng cao hơn, rộng hơn, xa hơn thay vì muốn giữ riêng cho mình một con người hay chiếm hữu riêng cho mình một sự vật. Càng mở rộng tâm hồn ta càng đẹp và có thể gặp được những

con người đẹp khác đồng chí hướng với mình để làm thành một chuyện tình đẹp. Ta chỉ gặp được những người đẹp thật sự khi ta biết yêu đẹp.

Tuy nhiên, ta cần nhớ rằng khi ta muốn chiếm hữu người mình yêu và ghen tức với những người khác là ta không còn yêu đẹp nữa và có nguy cơ đánh mất tình yêu. Nhiều người đã ngăn cấm người yêu hay chồng/vợ mình tiếp xúc với người khác vì ghen bóng ghen gió nhưng hành động như thế là không yêu đẹp đối với con người, và càng không đẹp đối với Thiên Chúa.

Dù không người nào trên trần thế đáp lại tình yêu đẹp của ta thì chúng ta hãy luôn nhớ rằng Thiên Chúa là người tình tuyệt vời và muôn thuở vẫn luôn hiện diện bên ta để giúp tình yêu ta vươn cao lên tới Ngài và chia sẻ cho ta hạnh phúc vô tận của tình yêu.

4. Cảm nhận hạnh phúc thật sự của tình yêu

Chúa Giêsu nói với các môn đệ rằng: *“Ai yêu mến Thầy thì sẽ giữ lời Thầy. Cha Thầy sẽ yêu mến người ấy. Cha Thầy và Thầy sẽ đến và ở lại với người ấy”* (Ga 14,23). Chúa Giêsu muốn nói đến thứ hạnh phúc cao cả tuyệt vời dành cho những ai biết yêu thương: đó là sự hiện diện sống động của Thiên Chúa. Chúng ta sẽ tìm hiểu 4 thái độ của con người đối với hạnh phúc đến từ tình yêu.

4.1. Không có hạnh phúc vì tình là dây oan

Nhiều người hiện nay cho rằng mình không thể cảm nghiệm được hạnh phúc của yêu thương bởi vì tình chỉ là dây oan trái, không mang lại hạnh phúc. Những người này đã thất bại ê chề trong tình yêu, có thể do họ yêu chưa đúng, chưa tốt, chưa đẹp, nên đã tuyệt vọng không còn tin rằng tình yêu thật sự mang lại hạnh phúc cho con người.

Họ giống như con chim bị mũi tên bắn hụt, nên cứ nhìn thấy cành cong là hoảng sợ vì nhớ đến cánh cung nhắm vào mình. Con chim ấy cứ bay mãi bay mãi không tìm được chỗ đậu vì cành cây nào hầu như cũng cong cong. Họ không còn dám yêu nữa và cho rằng: “Tu

là cội phúc, tình là dây oan” như thi sĩ Nguyễn Du viết trong truyện Kiều ở câu 2.658.

Tuy nhiên, người tín hữu Công giáo hiểu rằng ơn gọi đi tu hay ơn gọi sống đời gia đình, đều là những hồng ân của Chúa, đều được Chúa chúc phúc và thật sự mang lại hạnh phúc cho con người vì Thiên Chúa vừa là Đấng kêu gọi và cũng là nguồn tình yêu, nguồn hạnh phúc cho con người. Mỗi lần thất bại trong tình trường đều có giá trị tích cực vì đó cũng là một lần con người khám nghiệm lại trái tim của mình xem có ổn không, cũng như để thay đổi cách thức diễn tả tình yêu. Vì Thiên Chúa là tình yêu nên tình yêu chân thành không bao giờ là sợi dây oan nghiệt gây đau khổ cho con người.

4.2. Hạnh phúc nửa vời vì cuộc tình dang dở

Một số người lại cảm nhận một thứ hạnh phúc nửa vời trong những cuộc tình dang dở, không đi đến cùng mà cũng chẳng đi đến đâu! Họ giống như những con ong, con bướm bay từ hoa này đến hoa kia, hút nhụy ngọt ngào qua cái vôi nhỏ bé của mình và tự bằng lòng với những cuộc phiêu lưu tình ái. Nhà thơ Hồ Dzếnh trong bài thơ *Ngập Ngừng* (x. Tập thơ *Quê Ngoại*, 1943) đã diễn tả tâm trạng đó như sau:

*Em cứ hẹn nhưng em đừng đến nhé
 Tôi sẽ trách – cố nhiên – nhưng rất nhẹ
 Nếu trót đi em hãy gắng quay về.
 Tình mát vui khi đã vẹn câu thề
 Đời chỉ đẹp những khi còn dang dở.
 Thư viết đừng xong, thuyền trôi chớ đỗ
 Cho nghìn sau... lơ lửng... với nghìn xưa.*

Tuy nhiên, bài thơ này đã được nhiều người đọc theo ý sau đây:

*Tình chỉ đẹp những khi còn dang dở
 Đời mát vui khi đã vẹn câu thề.*

Thật ra con người với những giới hạn bởi thể xác vật chất, không gian và thời gian thường chỉ cảm nhận được một thứ hạnh phúc nửa

vời ở trần thế này. Dù yêu nhau đến mấy thì tình bạn, tình yêu, tình vợ chồng, lòng ái quốc, lòng yêu nghề nghiệp, yêu khoa học... vẫn có những thiếu sót, hiểu lầm, va chạm, thậm chí xung đột lẫn nhau trong mỗi con người cũng như trong cộng đồng xã hội để dẫn đến đau khổ, bất hạnh, bất an.

Với đôi mắt trong sáng, tâm hồn hiền hậu và khiêm tốn, chúng ta hãy bình tĩnh nhìn rõ sự thật này của thân phận con người để đừng bao giờ ảo tưởng về cuộc tình của mình, thần thánh hoá tình yêu, phong người yêu làm thần tượng. Chúng ta phải đề phòng những khi thất bại trong tình yêu để giữ được tinh thần ổn định, không suy sụp, kiệt quệ, nhưng vẫn ăn uống điều độ, làm việc bình thường, suy nghĩ tích cực chờ cho cơn bão tố tình yêu qua đi.

4.3. Hạnh phúc bé nhỏ, nhất thời vì tình yêu vị kỷ, tính toán

Có một số người dù thất bại nhưng vẫn tiếp tục yêu, nhưng sau những lần quảng đại cho đi mà chỉ nhận được những vô ơn, bội nghĩa, họ bắt đầu nghi ngờ người yêu, không dám cho đi tất cả và đòi phải nhận lại được “một chút gì để nhớ, để thương”. Tình yêu của họ dần dần trở thành một cuộc trao đổi, bán buôn để luôn tìm cái lợi cho mình. Hạnh phúc của họ pha lẫn đau khổ và chết chóc như thi sĩ Xuân Diệu (1916-1985) tả cho chúng ta qua bài thơ *Yêu* của ông:

*Yêu là chết ở trong lòng một ít
Vì mấy khi yêu mà đã được yêu
Cho rất nhiều nhưng nhận chẳng bao nhiêu
Người ta phụ, hoặc thờ ơ, chẳng biết.*

Thật ra người Kitô hữu chúng ta, khi đã hiểu được Thiên Chúa là tình yêu và Đức Giêsu đòi hỏi ta phải yêu như Người thì không phải chỉ chết một ít mà là chết toàn thân vì “Ai muốn theo tôi phải từ bỏ chính mình” (x. Mt 16,24; Mc 8,34; Lc 9,23). Chính khi ta từ bỏ trọn vẹn con người mình như thế, ta mới dám yêu đến độ “cho đi mà không cần tính toán, dám chiến đấu mà không sợ thương tích, dám làm việc mà không tìm an nghỉ” (x. Lời kinh của cha Grandmaison, SJ), mới

dám yêu mà chẳng cần ai nhớ, ai thương, ai đáp lại hay phụ bạc tình yêu của mình. Khi biết yêu đẹp như thế ta chỉ cần nhớ đến Người Tình Tuyệt Vời của mình là chính Thiên Chúa để vượt qua và vượt lên tất cả. Yêu như thế ta mới cảm nghiệm được hạnh phúc của ơn cứu độ mà Đức Giêsu đã mang lại cho muôn loài khi Người nói trên thập giá: “Thế là đã hoàn tất” (Ga 19,30).

4.4. Hạnh phúc tuyệt vời khi “yêu đến cùng như Đức Giêsu” (x. Ga 13,1)

Cuộc sống lại của Đức Giêsu Kitô đã cho người Kitô hữu chúng ta biết và cảm nhận rằng: tình yêu tuyệt vời chắc chắn mang lại hạnh phúc trọn vẹn và vĩnh hằng. Đức Giêsu Phục Sinh, hiện thân của tình yêu Thiên Chúa, đã vượt qua những giới hạn của thể xác vật chất, không gian và thời gian đã thổi Thần Khí tình yêu cho các môn đệ (x. Ga 20,19-22) để giúp họ yêu thương và cảm nhận được hạnh phúc tuyệt vời như lịch sử nhân loại đã chứng minh qua đời sống của các vị thánh nhân cũng như của nhiều tín hữu chúng ta hiện nay.

Hạnh phúc hoàn hảo không phải là tình trạng người biết yêu như Chúa Giêsu sẽ được Chúa ban mọi sự như lòng mình vẫn ước mong: giàu có vô song, quyền uy vô hạn, vinh quang tuyệt đối... nhưng là việc được hoà nhập vào trong sự sống kỳ diệu, phi thường của Chúa Ba Ngôi: “Cha Thầy và Thầy sẽ đến và ở lại với người ấy... Đấng Bảo Trợ là Thánh Thần mà Chúa Cha sẽ sai đến nhân danh Thầy, Đấng đó sẽ dạy anh em mọi điều...” (Ga 14,23.26).

Họ vẫn sống đơn giản bên ngoài giống như Đức Giêsu xuất hiện như 1 khách bộ hành bình thường trên đường đi Emmaus hay ở bờ biển Tibêrias, nhưng bản chất đời sống họ đã đổi mới. Họ cảm nghiệm được sự tự do hoàn toàn đối với vật chất, tiền của, không gian, thời gian. Họ cảm nhận được sự bình an tuyệt vời của Chúa Giêsu (x. Ga 14,27). Họ ở trong ánh sáng (x. Kh 21,23) là chính Thiên Chúa và nhìn rõ mọi vật quanh mình bởi vì: “Ai yêu thương anh em mình thì ở lại trong ánh sáng” (1Ga 2,10).

5. Yêu trong tin tưởng và hy vọng

Khi chúng ta nắm vững nguyên tắc chân thiện mỹ để yêu đúng, yêu tốt, yêu đẹp như Chúa Giêsu thì rất nhiều câu hỏi về tình yêu sẽ được giải đáp, dù rằng mỗi người có những điều kiện, hoàn cảnh khác biệt. Chúng ta tạm chia tình yêu theo 4 loại người sau đây:

5.1. Những người không dám yêu

– Nhiều người sống trong ơn gọi tu trì chỉ biết “thương” mà không dám “yêu” vì họ đã được dạy bảo “tình yêu là trái táo cấm”, ăn vào sẽ mang lại oan trái, tội tình, huỷ diệt. Nhiều bài huấn đức của những bậc “tiền bối” đưa ra những thí dụ cụ thể về cuộc tình



oan nghiệt khiến các người thụ huấn sợ không dám yêu. Họ được khuyến khích nên loại bỏ “tình yêu thấp hèn” trong con tim để đón nhận “tình thương đại đồng” theo kiểu “Hồn bướm mơ tiên” trong chuyện tình Lan và Điệp của nhà văn Khải Hưng. Tuy nhiên trái tim họ luôn khắc khoải vì muốn yêu mà không dám.

– Nhiều tín hữu giáo dân không dám yêu linh mục, tu sĩ mà họ thấy là những con người thông thái, đạo hạnh, cư xử tốt đẹp, dạy điều hay lẽ phải, giúp đỡ họ trong những lúc khó khăn, hy sinh cho người khác mà không đòi đáp trả. Họ thấy đúng là mẫu người lý tưởng để yêu nhưng lại không dám đến gần, khiến lòng họ bứt rứt căng thẳng: vì một đảng lý trí ngăn cản họ đừng yêu bởi những quy tắc của cộng đồng xã hội, đảng khác con tim họ lại thôi thúc yêu thương.

– Có những người đã lập gia đình, có con cái và vẫn yêu chồng thương vợ. Nhưng rồi tự nhiên thấy một người bạn cũ, một đồng nghiệp đối xử tốt với mình, hiểu mình còn hơn người trong gia đình, giúp đỡ mình cách vô vị lợi. Người đó rất muốn nhưng không dám yêu vì như vậy là phản bội người bạn đời và lỗi nghĩa với Chúa. Nhưng thử hỏi Chúa có ngăn cấm tình yêu đó?

Câu trả lời cho những trường hợp trên là không ai ngăn cản được con tim đừng yêu, dù là Chúa, vì một khi đã ban cho con người tự do để yêu thương, Chúa không bao giờ ngăn cản con người hướng lòng về những gì gọi là chân thiện mỹ. Vậy chúng ta cứ mạnh dạn yêu thương theo sự thôi thúc của Thiên Chúa Tình Yêu và sự soi sáng hướng dẫn của Thánh Thần Tình Yêu, nhưng phải biết suy nghĩ bằng cái đầu để phân biệt những hành động nào được phép diễn tả tình yêu.

5.2. Những người yêu hết mình

– Một số bạn trẻ quan niệm rằng “yêu là cho đi tất cả, yêu là dâng hiến thân mình”. Như thế mới là yêu trọn vẹn. Rồi họ trao thân cho nhau, quan hệ tình dục một cách rất tự do ngoài hôn nhân, sống thử trước hôn nhân mà không lường trước những tai hại lớn lao cho đời sống cộng đồng cũng như cá nhân (phá thai, vô sinh, bỏ dở học hành...).

– Một số người tình chẳng giàu có gì nhưng cũng tỏ ra yêu hết mình bằng cách chiều người yêu mua nhà, mua xe cả tiền tỷ để mình chứng tình yêu chân thật (chứ không phải chân giả!) của mình, bất kể hoàn cảnh khó khăn hiện tại, giống như người không biết uống rượu, nhưng muốn chứng tỏ ta đây yêu hết mình, nốc trọn chai rượu độ cao, để rồi phải vào bệnh viện cấp cứu.

– Có người lao động miệt mài trong lĩnh vực khoa học cũng muốn chứng tỏ tình yêu hết mình với khoa học, bằng cách làm việc miệt mài suốt mấy ngày đêm, không ăn, không ngủ: sau cùng kiệt quệ sức lực, chẳng làm việc được nữa.

– Có những người muốn chứng tỏ tình yêu hết mình đối với thể thao nên sau mỗi trận thắng của đội nhà đã phóng xe bạt mạng trên các đường phố, hú còi hay gây tiếng động inh ỏi không cho ai ngủ.

– Có những người muốn chứng tỏ tình yêu hết mình đối với dân tộc, tôn giáo nên đã sử dụng những phương tiện khủng bố phá hoại mỗi khi người khác có những hành động xúc phạm đến dân tộc, tôn giáo của mình. Họ lật đổ, đốt cháy xe cộ đậu ngoài đường phố, phá vỡ và cướp bóc cửa hàng, đánh bom sát hại thường dân.

Câu trả lời cho những trường hợp “yêu hết mình” này là chúng ta hãy khám nghiệm lại con tim của mình và hành động theo nguyên tắc chân thiện mỹ. Trái tim tình yêu dù nằm ở vị trí trung tâm nhưng vẫn ở dưới cái đầu để biết suy nghĩ đúng đắn, khôn ngoan. Tình yêu không phải là tất cả, nhưng luôn nằm trong 4 mối tương quan: với Chúa, với tha nhân, với vạn vật và với chính mình để giữ được sự hài hoà cần thiết trong mọi lĩnh vực và trong mọi mối tương quan của tình yêu.

5.3. Những người không cần yêu

– Họ là những người cho rằng mình có thể sống không cần ai, tự cung cấp cho mình mọi thứ mà không cần yêu thương. Trái tim họ vẫn đập nhưng họ từ chối mọi thứ tình cảm thẩm thiết và có trách nhiệm với bất cứ ai và bất cứ sự việc gì. Họ cho rằng chết là hết, chẳng có ai phán xét và thưởng phạt hành động của họ, chẳng có sự sống vĩnh hằng và hạnh phúc vô biên. Họ chỉ muốn thụ hưởng mọi thú vui ở trần thế theo khả năng của mình. Rất nhiều bạn trẻ đang sống theo đường hướng “hiện sinh” này.

Câu trả lời cho các bạn là con người tự do được Thiên Chúa Tạo Hoá dựng nên theo hình ảnh của Ngài và phải biết yêu những điều đúng, điều tốt, điều đẹp vì Thiên Chúa là tình yêu và cũng là nguồn chân thiện mỹ. Họ có tự do và chịu trách nhiệm về những hành động của mình, nên khi từ chối tình yêu, không cần tình yêu của bất cứ ai hay bất cứ sự vật gì, họ tự chuốc lấy bất an và bất hạnh, đóng kín với niềm vui và hạnh phúc. Dù họ không cần thì Thiên Chúa và muôn loài vẫn đang yêu họ. Chúa vẫn ban cho họ sự sống, cho họ biết suy nghĩ

và yêu thương dù phân tích con người vật chất thì họ cũng chẳng có gì ngoài những nguyên tố như Carbon, Oxy, Hydro, Nitơ, Sắt, Đồng, Chì, Kẽm. Muôn loài vẫn yêu thương và hy sinh cho họ qua từng khối khí họ thở, từng con cá, cây rau trong bữa ăn mỗi ngày, từng lá hoa khoe sắc, toả hương cho họ. Khi họ cảm nhận được tình yêu cụ thể đó, trái tim họ sẽ hoà nhập với muôn vật muôn loài để ca tụng Thiên Chúa Tình Yêu và sống có trách nhiệm với tất cả.

5.4. Những người bị loại trừ

Những người này không phải bị Thiên Chúa loại trừ vì Ngài là tình yêu và không bao giờ loại trừ ai, nhưng họ là những người bị cộng đồng xã hội hay con người lên án vì những quan niệm khắt khe về tình yêu.



– Một cô gái thuộc dân tộc Chăm trót yêu một chàng trai thuộc dân tộc đối nghịch có mối thù truyền kiếp với dòng họ mình nên bị cả cộng đồng coi là “con hủi”. Tình yêu của họ rất trong sáng nhưng cộng đồng hai bên lại không chấp nhận, họ trở thành kẻ mang hoạ cho dân tộc mình và bị loại trừ, kết án bởi những “già làng”.

– Một nữ tu sĩ Công giáo được một vị sư già Phật giáo chăm sóc sức khoẻ, châm cứu cho hết bệnh nên đã cảm kích, yêu thương người làm ơn cho mình, nữ tu này bỏ cộng đồng đến ở trong chùa của nhà sư nên bị cả cộng đồng kết án, loại trừ.

– Một linh mục dạy đạo cho một nữ giáo dân rồi hai người nảy sinh tình cảm và yêu thương nhau. Vị linh mục bỏ nhiệm sở, đến một nơi xa lạ để lập gia đình với người nữ ấy. Cả cộng đồng biết chuyện, lên án và loại trừ người linh mục này.

- Một phụ nữ có người chồng bê tha, rượu chè, cờ bạc, đánh đập vợ con nhiều lần đến nỗi công an phải can thiệp và đề nghị chị chọn giải pháp ly dị để bảo đảm mạng sống cho hai mẹ con nhưng chị không chịu vì luật hôn nhân Công giáo không cho phép. Nếu không chị sẽ bị cộng đồng Công giáo loại trừ, không còn được xưng tội, rước lễ và hiệp thông với Giáo Hội. Chị cứ phải chịu đựng người chồng trong nỗi đau cả thể xác lẫn tâm hồn.

Câu trả lời cho những trường hợp trên là chúng ta nên nhìn vào lòng thương xót vô bờ của Thiên Chúa và học lại bài học tình yêu của Đức Giêsu đối với người phụ nữ ngoại tình, Người nói: *“Tôi cũng vậy, tôi không lên án chị đâu! Thôi chị cứ về đi và từ nay đừng phạm tội nữa!”* (x. Ga 8,2-11).

Trong rất nhiều trường hợp của những người ly dị, bị cắt đứt mối hiệp thông với Giáo Hội, chúng tôi mong ước các linh mục tìm hiểu để nhận ra phần lỗi của người chồng/vợ của họ để giúp những người vô tội lãnh nhận các bí tích một cách bình thường. Nhiều gia đình bị bó buộc phải tìm đến biện pháp ly dị để bảo vệ quyền sống cho người thân vì nếu không thì người chồng/vợ cứ mãi đánh đập, mang tiền bạc để theo đuổi các trò đồ đen, cá cược, cầm cố nhà cửa, đất đai để tặng cho người tình. Nhiều người vì tình yêu đối với Đức Giêsu Kitô và Hội Thánh vẫn trung thành với chồng/vợ của mình nhưng bắt buộc phải chọn giải pháp ly dị, ly thân. Vì thế, họ không thể bị cộng đồng loại trừ như những người có tội bị kết án.

Lời kết

Đức Giêsu mời gọi chúng ta hãy lắng nghe lời của Người, hãy giữ lệnh truyền yêu thương của Người, hãy mở lòng ra để đón nhận Thần Khí Tình Yêu là Chúa Thánh Thần. Ngài sẽ đến với chúng ta và

đồ hồng ân của Ngài trên chúng ta (Ga 14,23-29). Dù có phải chịu những thử thách, đau khổ trong cuộc đời yêu thương của mình, ta vẫn cảm nghiệm được hạnh phúc tuyệt vời của Thiên Chúa ngay trong cuộc sống trần thế vì “ai yêu thương thì người ấy ở trong Thiên Chúa” là nguồn tình yêu.

Lời kinh Tình yêu

Ôi Maria Mẹ Thiên Chúa,

Xin giữ lòng con ngây thơ, trong sạch và tinh khiết như nước trên suối nguồn.

Xin ban cho con một tấm lòng đơn sơ, không chắt chứa những ưu phiền, một tấm lòng hào hiệp biết hy sinh, dịu dàng để thông cảm, một tấm lòng trung thành và quảng đại, không quên một ơn, không ghi một oán.

Xin Mẹ làm cho lòng con hiền hậu và khiêm tốn, yêu mà không mong được yêu lại, biết vui vẻ quên mình để nhường chỗ cho Con Mẹ trong một trái tim khác.

Xin ban cho con một tấm lòng rộng lớn để không sợ vật nào thắng nổi, không khép lại trước một kẻ vô ơn, không chán nản trước một người lãnh đạm, một tấm lòng khắc khoải đi tìm vinh danh Chúa Kitô, mang thương tích vì tình yêu Chúa và vết thương chỉ được chữa lành trên trời. Amen.

Cha Grandmaison, SJ.

Bài 12

Sống tinh thần nghèo khó để loan báo Tin Mừng

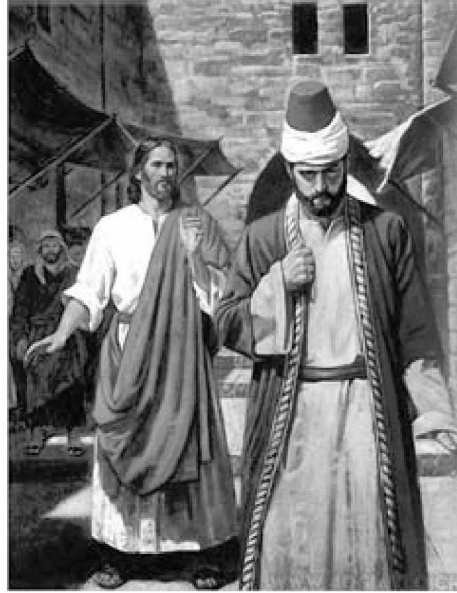
Lời mở

Trong tuần đầu tiên của Thượng Hội đồng Giám mục 10/2012, các nghị phụ được mời gọi để nhìn lại những thái độ nên tránh hay cần phải có của người tín hữu khi loan báo Tin Mừng và tìm hiểu tại sao việc loan báo Tin Mừng lại chưa hiệu quả như lòng mong ước.

1. Những nhận định xác đáng

1.1. Ngày 9/10/2012, Đức Tổng Giám mục Socrates Villegas thuộc giáo phận Lingagen-Dagupan, Philippines, đã được các nghị phụ vỗ tay tán thưởng khi nói đến thái độ nghèo khó và khiêm tốn mà người tín hữu cần phải có khi rao giảng Tin Mừng. Ngài nói rằng: “Chỉ có thể loan báo Tin Mừng cho những người nghèo nếu người truyền giảng Tin Mừng chia sẻ sự nghèo khó của họ. Tin Mừng có thể được rao giảng cho những bao tử trống rỗng nhưng chỉ khi nào bao tử của người rao giảng Tin Mừng cũng trống rỗng như bao tử của giáo dân của họ... Đối với việc rao giảng Tin Mừng cần phải có sự khiêm tốn mới mẻ. Tin Mừng không thể thu hút trong niềm kiêu hãnh... Theo Chúa Kitô tức là noi gương Chúa Kitô với một cảm thức sâu xa về lòng kính trọng đối với nhân loại. Việc rao giảng Tin Mừng bị thương tổn và tiếp tục bị cản trở vì sự kiêu hãnh của những sứ giả Tin Mừng...”.

1.2. Những lời phát biểu ấy gọi cho chúng ta nhớ lại bài phỏng vấn cuối cùng của ĐHY Martini, Tổng Giám mục Tổng Giáo phận Milan. Ngài nhận xét rằng: “Giáo hội Công giáo chúng ta đang ở trong hoàn cảnh của chàng thanh niên giàu có: buồn bã và đang lánh xa khi Chúa Giêsu kêu gọi anh ta trở thành môn đệ của Người”. Vị Hồng y như muốn mời gọi chúng ta suy nghĩ về hình ảnh của chàng thanh niên giàu có qua bài Phúc Âm (x. Mc 10,17-30) để thấy rằng chúng ta cần phải can đảm quay trở lại tinh thần nghèo khó mà Đức Giêsu mong muốn thì mới có thể rao giảng Tin Mừng cách hiệu quả.



Có thể nói rằng Giáo Hội chúng ta đang giàu có vì có rất nhiều của cải vật chất lẫn tinh thần. Về vật chất ta có nhiều thánh đường nguy nga, nhiều nhà giáo lý lớn lao, nhiều trung tâm hành hương vĩ đại. Tuy nhiên, tại sao những nhà thờ lại trống vắng, những tu viện không có ai đi tu, nhất là tại những nước Âu Mỹ? Về tinh thần: ta có nhiều nghi lễ trang trọng, nhiều lời kinh đầy ý nghĩa thâm sâu, và có cả một nền thần học hai ngàn năm với bao luận đề sâu sắc, nhưng tại sao nhân loại lại quay lưng với chúng ta?

2. Từ bỏ để sống tinh thần nghèo khó

2.1. Những lời của ĐHY có thể làm cho chúng ta đau buồn, nhưng đó là sự thật. Ngài nói rằng: “Tôi biết rằng từ bỏ mọi sự là điều khó khăn, nhưng ít ra nhờ đó chúng ta có thể tìm kiếm được những

con người tự do và biết quan tâm đến những người khác, nhất là những người nghèo khổ, tật bệnh, những người đang bị gạt ra khỏi xã hội". ĐHY cũng như Thượng Hội đồng Giám mục mời gọi mỗi tín hữu nhìn lại cách sống của mình. Chúng ta có dám theo lời đề nghị của Chúa Giêsu nói với chàng thanh niên giàu có: *"Anh chỉ còn thiếu một điều là hãy đi bán những gì anh có mà cho người nghèo, anh sẽ được một kho tàng trên trời. Rồi hãy đến theo tôi"* (Mc 10,21)?

Đức Giêsu đem lòng yêu mến chàng thanh niên khi anh nói rằng ngay từ thuở nhỏ anh đã giữ tất cả các giới răn mà Người kể tên. Nhiều tín hữu cũng đang được Đức Giêsu yêu mến vì đã giữ trọn tất cả các giới răn Kitô giáo. Nhưng có lẽ họ cũng như chúng ta chỉ còn thiếu một điều: đó là từ bỏ mọi sự mình đang có để sống lại tinh thần nghèo khó của Đức Giêsu thì mới có thể đi theo Người và làm cho người khác cùng đi theo Chúa Giêsu.

2.2. Tinh thần nghèo khó thật sự là gì?

Trước hết, chúng ta nên nhớ rằng tinh thần nghèo khó này không liên can trực tiếp đến của cải vật chất hay tinh thần, không hệ tại ở việc có nhà thờ lớn hay nhỏ, kinh sách nhiều hay ít, vì tất cả đều là những ơn phúc và phương tiện Chúa ban cho chúng ta sử dụng tùy theo nhu cầu và hoàn cảnh cụ thể của đời sống. Nghe theo lời mời gọi của Chúa Giêsu không phải là ta về nhà bán hết những tài sản mình có hay yêu cầu Giáo Hội đi tổ chức lễ nghi ở ngoài nhà thờ như thời Chúa Giêsu rao giảng Tin Mừng cho dân chúng trước đây!

Tinh thần nghèo khó mà Đức Giêsu mời gọi đó là tinh thần của người nghèo: nghĩ rằng mình không có gì hết nên đặt trọn niềm tin yêu, hy vọng vào Thiên Chúa là Đấng giàu sang và quyền năng vô cùng, là Cha của Chúa Giêsu Kitô và cũng là Cha chúng ta, chính Ngài sẽ cung cấp cho chúng ta những gì cần thiết. Như thế, chúng ta chỉ còn 1 việc là cố gắng bước theo Đức Giêsu, là hình ảnh cụ thể của Thiên Chúa ở trên trần thế và hành động như Người.

Các môn đệ đã làm như vậy. Họ có cha mẹ, vợ con, ruộng đất, thuyền lưới, nghề nghiệp... nhưng họ đã bước theo Chúa Giêsu và

chẳng ai bị đói khát, chẳng ai bị thiếu thốn vì Đức Giêsu là tất cả cho họ. Khi họ gắn bó với Chúa Giêsu, Người chuyển thông cho họ tình yêu, quyền năng và tất cả những ân phúc cần thiết của Người để họ lại tiếp tục làm những phép lạ chữa lành bệnh nhân, xua trừ ma quỷ, hoá bánh ra nhiều, cho người chết sống lại. Lời của họ trở thành Tin Mừng sống động loan báo cho người khác và bao người trong mây thế kỷ đầu tiên đã hứng khởi theo Chúa Giêsu. Họ có mối tương quan mới với những người thân của mình.

2.3. Đó là tinh thần mà Đức Giêsu đang kêu mời mỗi người chúng ta khởi đầu từ năm đức tin 2013. Chúng ta đã được mời gọi để phó thác đời mình cho Chúa giống như Phêrô nói với Chúa Giêsu: “Thưa Thầy, chúng con đã bỏ mọi sự mà theo Thầy”. Chúa Giêsu đáp lại: *“Thầy bảo thật anh em, chẳng ai bỏ nhà cửa, anh chị em, cha mẹ, con cái ruộng đất vì Thầy và vì Tin Mừng mà ngay bây giờ ở đời này lại không nhận được nhà cửa, anh chị em, cha mẹ, con cái hay ruộng đất gấp trăm, cùng với sự ngược đãi, và sự sống vĩnh cửu đời sau”* (Mc 10,30). Ý nghĩa “từ bỏ” ở đây, giống như lời kêu gọi “bán tất cả”, chính là không để cho những của cải vật chất hay tinh thần cũng như các mối quan hệ với gia đình, người thân, bạn bè chi phối hay ảnh hưởng đến mối quan hệ của ta với Thiên Chúa, với Đức Giêsu hay đến công việc rao giảng Tin Mừng.

Quả thật, khi dám từ bỏ tất cả để theo Chúa Giêsu, ta tưởng mình không còn gì hết nhưng lại có tất cả và cảm nhận được rằng bao người ta tiếp xúc lại trở thành cha mẹ, vợ chồng, con cái, anh em của ta để ta hết lòng yêu mến và phục vụ họ. Nhà cửa, ruộng vườn, xe cộ, của cải vật chất cũng như tài năng tinh thần của bao người khác lại trở thành những phương tiện để ta sử dụng cho sáng danh Chúa và mưu ích cho con người.

Chắc chắn Chúa Giêsu rất thực tế: Người nhắc nhở chúng ta can đảm chấp nhận sự ngược đãi vì cuộc chiến đấu cho sự thật và sự sống, cho tình yêu, công lý và hoà bình làm cho ta phải đối mặt và đối đầu với bao thế lực thù địch của Chúa Giêsu chịu đóng đinh. Tuy nhiên, một khi ta đã can đảm tôn thờ “Chúa Giêsu” ấy rồi, ta sẽ sẵn lòng đón

nhận mọi sỉ vả, nhục nhã, khổ đau trong công cuộc rao giảng Tin Mừng. Từ bỏ đến mức ấy mới trọn vẹn vì ta dám hy sinh cả danh dự và sự sống của mình cho Chúa Giêsu. Lúc đó, ta hoàn toàn trống rỗng để tình yêu, quyền năng, ân sủng Thánh Thần của Chúa Giêsu ùa vào và tràn ngập thân ta, biến ta thành Tin Mừng sống động giống như Người.

Lời kết

Chúng ta hãy xin Chúa Giêsu thôi thúc mỗi người chúng ta trở lại tinh thần nghèo khó thật sự của người môn đệ, dám bỏ đi tất cả như một người hành khất Kitô của thời đại hôm nay. Khi ấy chúng ta sẽ thấy mình bước đi thanh thản và tràn đầy niềm vui giữa dòng đời chìm nổi, bon chen đê loan báo Tin Mừng của Người.



Bài 13

Thờ đợc Thần Khí của Chúa Kitô



Lời mở

Tài liệu Làm việc của THĐGM 2012 nhắc nhở chúng ta rằng: “Qua việc tuân đờ thần Khí của Chúa Phục Sinh, đời sống chúng ta có thể là một phương tiện hiệu quả để loan truyền TM khắp thế giới” (số 162).

Giáo Hội long trọng mừng lễ Chúa Thánh Thần Hiện Xuống để mời gọi chúng ta ý thức sự hiện diện của Chúa Thánh Thần trong đời

sống hằng ngày, bởi vì Ngài chính là hồng ân Thiên Chúa mà Chúa Giêsu đã ban cho chúng ta khi Chúa Giêsu thổi hơi trên các môn đệ và bảo: “*Anh em hãy nhận lấy Thánh Thần*” (Ga 20,22). Thiên Chúa Ngôi Ba ấy là Thần Khí, là “*làn gió mạnh mẽ ùa vào đầy nhà nơi các môn đệ đang tụ họp*” (x. Cv 2,1-11) để biến đổi tất cả thành con người mới. Khi thở hít được Thần Khí ấy, ta mới hoà nhập thành một với Chúa Giêsu để trở thành chi thể sống động trong thân thể mầu nhiệm của Người. Thánh Phaolô nhắc nhở rằng: “*Tất cả chúng ta đều đã chịu phép rửa trong cùng một Thần Khí để trở nên một thân thể, tất cả chúng ta được đầy tràn một Thần Khí duy nhất*” (x. 2Cr 12,3-7.12.13).

Trong đời sống thường ngày của mỗi người cũng như của Giáo Hội, chúng ta ít quan tâm đến khí thở và chưa phát huy được sự sống kỳ diệu cả về lĩnh vực tự nhiên lẫn siêu nhiên vì chưa ý thức được tầm quan trọng của khí thở. Hôm nay chúng ta được mời gọi học lại bài học về khí thở trong đời sống.

1. Tầm quan trọng của khí tự nhiên

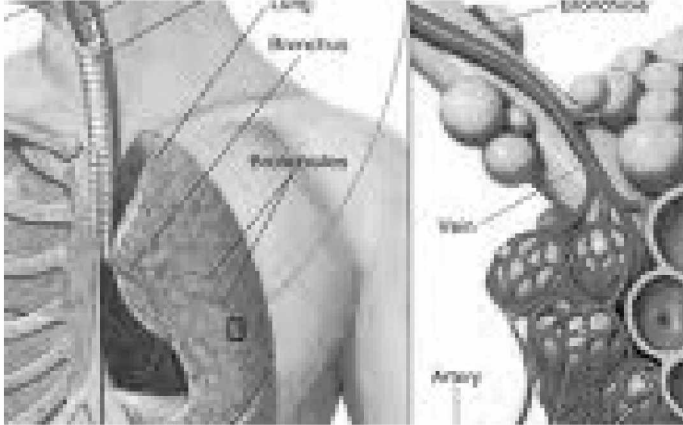
Nhìn vào thân thể, chúng ta biết trái tim nằm ở vị trí trung tâm để bơm máu đỏ đến toàn thân cho từng tế bào có oxy để hoạt động rồi lại chuyển dòng máu đen về tim. Dòng máu ấy cũng được bơm lên đầu để bộ thần kinh trung ương phát lệnh cho các bộ phận khác hoạt động cũng như giúp cho trí óc ta có thể suy nghĩ, cảm nhận và diễn tả qua các giác quan.

1.1. Buồng phổi và hoạt động hô hấp

Dòng máu từ tim đó chỉ có thể đỏ mãi trong suốt cuộc đời nhờ có buồng phổi để chuyển khí oxy từ khí trời vào tế bào và đem khí carbonic của tế bào ra ngoài khí trời. Đó là hoạt động hô hấp. Nhờ có khí oxy, tế bào sẽ chuyển hoá hay đốt các chất nuôi dưỡng mà máu đưa tới thành năng lượng và khí carbonic sinh ra trong quá trình này sẽ được thải ra ngoài. (x. Gs Phạm Đình Lưu, *Sinh lý học Y khoa*, Tập I, NXB Y Học, 2011, tr.196). Nếu không có khí oxy từ buồng phổi đưa vào, dòng máu chỉ dùng được một lần, biến thành máu đen đầy khí

carbonic và không còn ích lợi cho cơ thể nữa. Muốn thật sự hữu ích, dòng máu ấy phải quay trở về buồng phổi để đổi trở lại nhờ khí oxy.

Chúa đã dựng nên con người cách kỳ diệu: trái tim như một cái bơm, mỗi phút bơm máu đi khắp thân thể khoảng 60, 70 hay 80 lần tùy từng người. Khi máu đen về tim được



bơm sang phổi, trong vòng $\frac{1}{4}$ giây, máu tràn ra các phế nang của phổi để đón nhận thật nhanh dưỡng khí là oxy và biến thành máu đỏ. Mỗi người có khoảng 300 triệu phế nang và diện tích của các phế nang đo được khoảng 70-90m². Ban ngày, người lớn chúng ta thở 16 lần trong 1 phút, khi ngủ chúng ta chỉ thở khoảng 12 lần/phút.

1.2. Khí tự nhiên và sức khoẻ con người

Rất nhiều người nói rằng: họ nhức đầu, ngủ không được, học không nhớ, nhiều bộ phận như gan, ruột, dạ dày. hoạt động không tốt... Các bác sĩ khám bệnh, cho nhiều thuốc uống, nhưng bệnh không hết. Trong hơn 20 năm qua, tôi đã tiếp khoảng hơn 10 ngàn bệnh nhân, phân nửa số bệnh nhân ấy đều do thở không đủ khí... Tôi lấy máy đo và nói họ hít vào, thở ra cho tôi xem. Cố gắng hết sức đa số họ chỉ thở được khoảng 500ml-1.000ml/lần thở, trong khi dung tích buồng phổi của chúng ta là 3.500ml, chưa kể 1.500ml khí dự trữ, để phòng trường hợp ngạt thở khi bị hít phải khí độc, ngộp nước...

Khi máu đen đổ về tim cần nhiều oxy để biến thành máu đỏ, do thở không đủ nên thân khí còn giữ lại trong máu tiếp tục đưa lên não

làm cho đầu óc choáng váng, tay chân rũ liệt, lúc nào cũng chỉ muốn nghỉ ngơi, trí nhớ sút giảm, đêm ngủ không an giấc vì nếu chìm vào giấc ngủ sâu họ có nguy cơ bị chết ngạt. Vì thế, cơ chế phản vệ làm cho người ta cứ ngủ chập chờn, mơ hoảng để khi thiếu khí quá não sẽ bừng tỉnh, đánh thức ta dậy để hít khí vào.

Não con người có khoảng 16 tỷ neuron thần kinh, cần tối thiểu 2.000 lít khí/ngày trong 10.000 lít tối thiểu của cơ thể. Chính bộ não ấy phát ra những lệnh cho tất cả các bộ phận hoạt động. Nếu chúng ta tăng cường dung tích khí thở mỗi lần lên 1.500ml hoặc 2.000ml, 2.500ml, bộ não chúng ta sẽ hoạt động mạnh mẽ. Nhờ đó, chúng ta sẽ học hành, làm việc hiệu quả và thông minh hơn nhiều. Thân thể chúng ta sẽ khoẻ mạnh, xinh đẹp nhờ các bộ phận hoạt động hài hoà.

Tóm lại, nhờ hít thở điều hoà khí tự nhiên qua hệ hô hấp, con người chúng ta phát triển từng giây từng phút. Chỉ cần 4 phút không có dưỡng khí là bộ não chúng ta sẽ chết, trong khi chúng ta có thể nhịn ăn được 30 ngày, nhịn uống được 3,4 ngày. Nói như thế để từ nay chúng ta chú ý đến việc thở hít khí tự nhiên hơn và tập thở để tăng cường chất lượng sống.

2. Tầm quan trọng của khí siêu nhiên

Từ việc thở khí tự nhiên hết sức cần thiết cho cơ thể hoạt động, chúng ta sẽ hiểu ra tầm quan trọng của khí siêu nhiên và vai trò của Chúa Thánh Thần trong đời sống tín hữu cũng như trong Nhiệm Thể kỳ diệu của Chúa Giêsu Kitô là Giáo Hội.

2.1. Phân biệt các loại khí thiêng

Trước hết, chúng ta cần phân biệt có nhiều loại khí siêu nhiên. Thần Khí mà Chúa Giêsu Phục Sinh thổi vào các môn đệ không phải chỉ là luồng “sinh khí” mà Thiên Chúa thổi vào con người (x. St 2,7) cho họ trở thành con người giống hình ảnh Ngài (x. St 1,26-27), nhưng là Thánh Thần Thiên Chúa, Đấng bay lượn trên mặt nước khi Chúa dựng nên muôn loài bằng Lời phán từ miệng Ngài (x. St 1,2-26). Đức Giêsu, trong tư cách là Ngôi Lời Thiên Chúa, thực hiện cuộc sáng tạo

mới, khi thổi hơi trên các môn đệ, để biến họ thành những con người mới, trở nên chính Thiên Chúa như Người. Thánh Thần là một ngôi vị sống động, là Ngôi Ba Thiên Chúa, là Thần Chân Lý, là Đấng Bảo Trợ (x. Ga 15,26; 16,7.13) được Chúa Cha và Chúa Giêsu ban cho để chúng ta có cùng một sự sống Thiên Chúa nếu thở hít chung một Thần Khí với Chúa Giêsu.

Thần Khí này vì thế khác hẳn với *tà khí*, hay uế khí mà con người thải ra do tham vọng và dục vọng tác động trong cuộc sống ở trần thế (x. Mt 15,18-20) tương tự như khí carbonic được thải ra trong quá trình hô hấp của con người. Thánh Thần cũng khác hẳn tà thần hay thần ô uế mà tinh thần con người có thể bị chúng khống chế hay xâm nhập nơi những người bị ma ám, quỷ nhập (x. Mt 12,43-45).

2.2. Những vấn đề bắt nguồn từ Thần Khí

Quả thật, nhiều tín hữu hầu như chẳng quan tâm đến việc tập thở Thần Khí, dù họ biết rõ rằng con người họ gồm 2 phần: thể xác và tinh thần. Nếu thể xác cần ăn uống, thở khí tự nhiên, thì tinh thần cũng cần ăn uống và thở khí siêu nhiên như thế. Họ biết mình cần rước Mình Máu Thánh Chúa, đọc Lời Chúa như của ăn uống siêu nhiên, nhưng lại không biết thở và tập thở Thần Khí. Vì thế, đời sống họ chưa phát huy những năng lực kỳ diệu của Chúa Thánh Thần qua



những ân huệ Ngài ban, như được diễn tả trong sách Công vụ Tông đồ (x. Cv 2,1-11) cũng như chưa mang lại những kết quả lạ lùng trong việc loan báo Tin Mừng cứu độ (x. Cv 2, 43; 5,12-16...). Thánh

Phaolô muốn nhắc nhở chúng ta về những ân huệ mà Thánh Thần ban cho tín hữu để hoạt động trong Hội Thánh và phục vụ cộng đồng (x. Cr 12,3-7.12-13).

Trong đời sống đạo đức cá nhân, rất nhiều người tự hỏi: Vì sao tôi không cảm nghiệm được sự sống kỳ diệu của Chúa Giêsu, dù tôi đã được rửa tội nhân danh Người? Tại sao tôi không phát huy những ân huệ của Chúa Thánh Thần dù tôi đã chịu phép Thêm Sức? Tại sao tôi thường xuyên cảm thấy mệt mỏi, buồn chán, suy nhược, không muốn làm điều tốt đẹp cho mình cũng như cho người? Tại sao tôi cảm thấy mình cứ bị cuốn hút vào những tham vọng, dục vọng mà không thể thoát ra?

Trong đời sống của cộng đồng Giáo Hội, chúng ta cũng gặp những câu hỏi tương tự: tại sao Giáo Hội với hơn 1,2 tỷ tín hữu Công giáo mà vẫn chưa thu hút được nhiều người khác tin theo Đức Kitô, trái lại tỷ lệ người Công Giáo còn giảm sút hơn? Tại sao việc loan báo Tin Mừng lại không có kết quả? Tại sao người tín hữu Công giáo lại không làm được các phép lạ để củng cố cho những lời rao giảng Tin Mừng như Chúa Giêsu thúc đẩy (x. Mc 16, 15-20)?

Nhiều tín hữu rất thụ động trong việc thở khí siêu nhiên. Thần Khí mà họ lãnh nhận từ lúc chịu bí tích Rửa Tội còn lưu lại rất ít trong họ nên chỉ giúp họ sống thôi thóp, chứ chưa thể nói là bình thường, nên họ chưa phát huy được những ân sủng kỳ diệu của Thần Khí trong chính con người mình. Nếu biết thở hít nhiều Thần Khí, nghĩa là để cho Thánh Thần hướng dẫn đời sống (x. Gl 5,22-25), họ sẽ biết sử dụng 7 ơn Thánh Thần như khôn ngoan, minh mẫn, lo liệu, sức mạnh, hiểu biết, đạo đức và kính sợ Thiên Chúa trong cuộc sống cũng như những ơn làm phép lạ, nói tiên tri, chữa bệnh, trừ tà, phục vụ, thông thạo khoa học và ngôn ngữ... để phục vụ cộng đồng và làm chứng cho Chúa Giêsu trong việc loan báo Tin Mừng.

Chúng ta đều hiểu mình là con người yếu đuối, tội lỗi, luôn bị những tham vọng và dục vọng chi phối trong đời sống trần gian, dòng máu siêu nhiên luôn đen bản là lẽ tự nhiên của kiếp người. Chính nhờ

Thần Khí và chỉ nhờ Thần Khí của Chúa Giêsu, dòng máu đen bản ấy mới đỏ tươi lại, đem sức sống kỳ diệu của Thiên Chúa đến cho cá nhân ta cũng như cho từng tế bào của Nhiệm Thể. Vì thế, Đức Giêsu muốn ban Thánh Thần để Ngài ở với chúng ta luôn mãi và dạy dỗ chúng ta mọi điều (x. Ga 14,26; 16,7.13-14). Chúng ta rất cần tập thờ Thần Khí như các tông đồ xưa để trở thành Tin Mừng sống động của Chúa Giêsu cho muôn loài trong thời đại hôm nay.

Người tín hữu Công giáo chúng ta đã chú ý rất nhiều đến trái tim với tình yêu và lòng bác ái, đến bí tích Thánh Thể với Mình và Máu Chúa Kitô. Nhiều tín hữu đã từng cảm thấy sốt sắng trong các việc đạo đức nhưng rồi dần dần cảm thấy suy nhược, nguội lạnh, mất hết sức sống và lòng hăng hái thuở ban đầu. Giáo Hội vẫn cầu mong một mùa Hiện Xuống mới nhưng mãi chưa thấy đến. Tất cả vấn đề bắt nguồn từ đâu?

2.3. Đường hướng giải đáp cho các vấn đề

Chúng tôi cho rằng có nhiều nguyên nhân nhưng lý do quan trọng nhất vẫn là Thần Khí và vai trò của Chúa Thánh Thần trong đời sống hằng ngày của cá nhân cũng như tập thể. Chúng ta thấy người tín hữu chưa ý thức được tầm quan trọng của Thần Khí, chưa thở hít Thần Khí, chưa biết kết hợp với Chúa Thánh Thần để Ngài thánh hoá, dạy dỗ, biến đổi con người tội lỗi thành con người mới như Chúa Giêsu Phục Sinh.

Nhìn vào đời sống tự nhiên, chúng ta thấy ngay mối liên kết mật thiết giữa máu và khí: dòng máu của chúng ta là kết tinh từ đồ ăn, thức uống cùng với những chất dịch trong bộ phận tiêu hoá để đưa vào từng tế bào, từng hệ phận những chất cần thiết cho sự sống: từ chất đường glucid cho những bắp thịt vận động, chất béo lipid tạo nên năng lượng dự trữ, chất đạm protid giúp cho não hoạt động, đến các vitamin, muối khoáng... Nhưng dòng máu ấy sẽ không phát huy tác dụng chuyển lưu sự sống cho con người nếu không có khí.

Nếu đối chiếu với đời sống thiêng liêng, chúng ta cũng sẽ thấy như vậy: dòng máu tinh tuyền của Chúa Giêsu chuyển thông cho

chúng ta sức sống kỳ diệu của Thiên Chúa với những ân phúc như tình yêu, sự thật, hạnh phúc, niềm vui là những thứ rất cần cho cuộc sống trần thế của chúng ta, nhưng vì chúng ta chưa thở được Thần Khí của Chúa Giêsu nên chúng ta không phát huy được sự sống thần linh ấy trong cuộc đời của mình.

Hơn nữa, chúng ta loan báo Tin Mừng chưa hiệu quả vì chúng ta chỉ nói bằng hơi thở tự nhiên nên tiếng nói của ta chưa vang vọng trong lòng người, không tác động trên người khác, không kèm theo những dấu lạ để làm chứng cho Tin Mừng. Khi chúng ta thở được Thần Khí của Chúa, lời tự nhiên của chúng ta trở thành lời cứu độ của Chúa Giêsu, lời Tin Mừng kèm theo những quyền năng tác động trên vạn vật, chữa lành bệnh tật, xua trừ ma quỷ, thứ tha tội lỗi để biểu lộ ơn cứu độ toàn diện của Thiên Chúa. Lúc bấy giờ chúng ta mới thu phục được lòng người, mới mang lại những kết quả kỳ diệu trong việc loan báo Tin Mừng như các tông đồ trong ngày lễ Chúa Thánh Thần Hiện Xuống khi xưa.

3. Bài tập thở thường ngày

Hôm nay chúng ta được mời gọi kiểm tra lại hơi thở xem mình có thở đủ khí tự nhiên cho thân thể khoẻ mạnh, thông minh, đẹp đẽ và thở nhiều khí siêu nhiên cho tinh thần tràn đầy sự thật, toát ra vẻ đẹp kỳ diệu và tràn đầy sự sống phi thường của Chúa?

3.1. Tập thở khí tự nhiên

Ta cũng nên nhớ rằng: khí cũng như nước đều đi từ nơi có áp suất cao đến nơi có áp suất thấp. Muốn đem khí vào phổi thì áp suất khí quyển phải lớn hơn áp suất phế nang và muốn đưa khí ra khỏi phổi thì phải có tình trạng ngược lại. Bình thường áp suất của không khí là cố định, muốn tạo ra sự thay đổi của áp suất phế nang khi hít vào hay thở ra, các cơ hô hấp như cơ hoành, cơ liên sườn, cơ lệch, cơ ức đòn chũm, cơ cánh mũi, cơ má, cơ lưỡi... phải co vào hay giãn ra, lồng ngực phải thu hẹp hay giãn nở.

Do đó, có 2 loại thở: hít thở bình thường, thụ động, khi khí trời ulla vào phế nang cách tự nhiên, không cần sự cố gắng của người thở và cách hít thở nhân tạo khi người thở biết vận động các cơ và lồng ngực để làm tăng thể tích thông khí phế nang và như thế cũng là để tăng nồng độ oxy và carbonic trong máu. Nhiều cách thở đã được con người sáng tạo để đạt được kết quả này như thở theo phương pháp Hartha Yoga, Thiền Tông, Zen, Khí Công, Dưỡng Sinh...

Sau đây là vài cách thở thông dụng để làm tăng khí trong buồng phổi.

Cách 1: Thở 2 thì

thì I: hít vào – thì II: thở ra

Giãn lồng ngực theo chiều ngang:

- Hai bàn tay nắm lại.
- Vừa hít vào vừa giang hai tay ra hai bên hết cỡ để giãn ngực ra.
- Vừa thở ra vừa kéo hai tay về giữa để ép ngực lại.

Giãn theo chiều dọc:

- Bước 1 chân phải lên trước, hít vào, hai tay giơ cao trên đầu, ngửa người ra phía sau.
- Từ từ cúi người xuống thở ra, cho đến khi hai bàn tay chạm vào đầu gối. Chân rút về ngang với chân kia.
- Tiếp theo, bước chân trái lên hít vào, hai tay giơ cao trên đầu, ngửa người ra phía sau.
- Từ từ cúi người xuống thở ra, cho đến khi hai bàn tay chạm vào đầu gối. Chân rút về ngang với chân kia.

Những tư thế này tưởng đơn giản, nhưng chính nhờ thế mà làm tăng khối lượng khí trong lồng ngực, giúp chúng ta thở khoẻ hơn, giúp các huyết đạo trước ngực được khai thông.

Cách 2: Thở 4 thì

- thì I: hít sâu vào nhưng không cần đến mức tối đa
- thì II: giữ hơi trong vòng một vài giây thay vì thở ra ngay
- thì III: thở ra thoải mái, tự nhiên không cần tới mức tối đa
- thì IV: nghỉ thoải mái, thư giãn hoàn toàn.



Bác sĩ Nguyễn Văn Hương đã nói đến phương pháp thở 4 thì này trong cuốn sách *Phương pháp Dưỡng sinh* (x. NXB Văn hoá và Thông tin Cửu Long, 1985, tr.67 tt). Tuy nhiên, chúng tôi muốn lưu ý là chúng ta không cần tập thở đến mức tối đa. Ta có thể tập từ từ và thời gian giữ hơi hay nghỉ có thể đếm thêm số giây 1-2-3-4, vài tuần sau có thể tăng lên 1-2-3-4-5-6. Chỉ cần gia tăng được lượng hơi hít vào là đủ.

3.2. Tập thở siêu nhiên

Cách đây gần 3000 năm, các triết gia vẫn quan niệm khí là cái gì vô hình, hết sức cao cả. Triết học Tây Phương nói đến cấu trúc tạo thành nên vũ trụ trong đó có khí. Triết học Đông Phương cũng quan niệm rằng khí là cái gì lạ lùng bao quanh trời đất này, con người nào thở được thần khí thì tinh thần mạnh mẽ, hào hùng vì thế người ta thường nói đến hào khí, dũng khí của các bậc thánh hiền, của chính nhân quân tử hay khí thiêng của non sông, đất nước. Thi sĩ Nguyễn Công Trứ đã nhắc đến khí siêu nhiên này: *Khí hào nhiên chí đại chí cương*

So chính khí đã đầy trong trời đất.

Tiến sĩ Barbara Ann Brennan, chuyên về năng lượng nguyên tử, làm việc ở Trung tâm Goddard thuộc Cơ quan Hàng không Vũ trụ Hoa Kỳ (NASA) cũng tìm ra cách thở để làm tăng khí siêu nhiên trong con người và trình bày trong tác phẩm *Hands of Light* (Bàn tay ánh sáng). Khi nghiên cứu năng lượng của con người, bà khám phá ra rằng khi con người hít thở được thần khí thì phát huy một năng lượng kỳ diệu và có thể tác động lên người khác. Mỗi người có 7 luân xa chính,

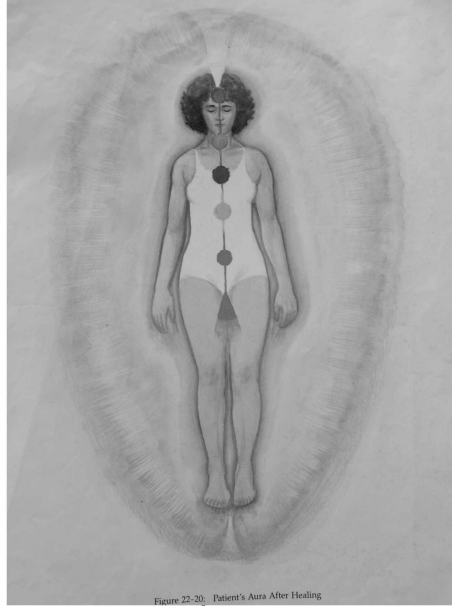
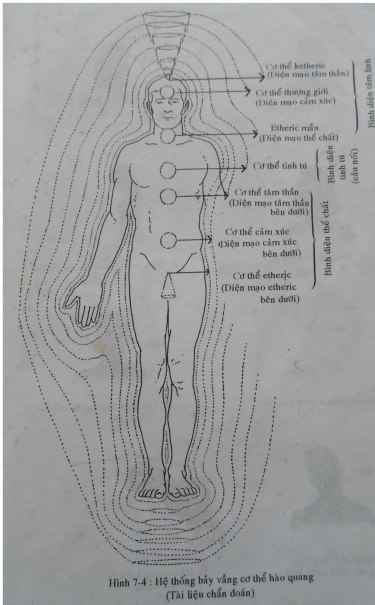


Figure 22-20. Patient's Aura After Healing

khi chúng ta thở thần khí, những luân xa này sẽ chuyển động hút khí siêu nhiên ở ngoài đưa vào trong con người. Lý thuyết của bà được một số người thu nhận và tập luyện.

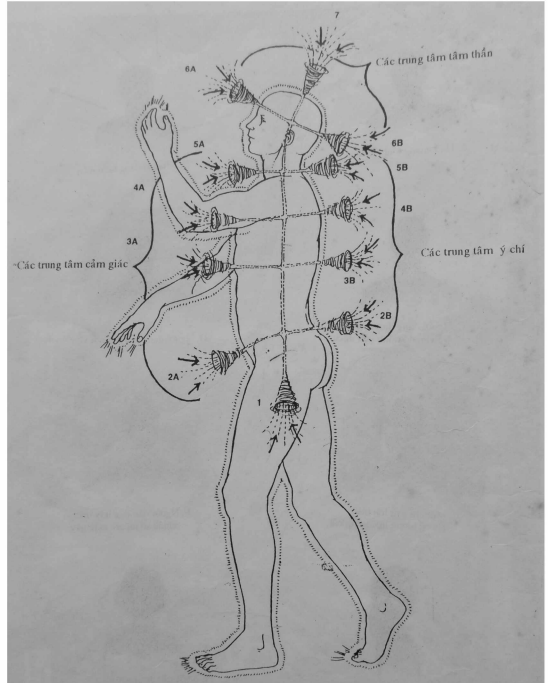
Chúng tôi không phải là nhà chuyên môn nên không dám lạm bàn hay giới thiệu một phương pháp thở nào. Chúng tôi chỉ gợi ý một cách thở đơn giản đã từng tập luyện để giúp các bạn quan tâm tăng cường nội lực của mình bằng cách thở thần khí sau đây. Chúng ta có thể dành mỗi ngày chừng 5, 10 phút tập thở thần khí khi ngồi ở



Hình 7.4. Hệ thống bảy vòng cơ thể hào quang (Tải liệu chuẩn đoán)

nơi làm việc hoặc nằm thư giãn trên giường trước khi ngủ trưa hay ngủ tối.

Ta hít vào từ từ bằng mũi. Đang khi hít vào bằng mũi: thể xác ta hít dưỡng khí vào, tinh thần ta hít thần khí vào. Ta hãy tưởng tượng một luồng khí mãnh liệt của Chúa đi vào trong con người của mình, đi từ đỉnh đầu, chạy dọc theo xương sống và lan toả khắp người. Đó là thần khí Đức Kitô ban cho chúng ta, thần khí của tình yêu, sức mạnh, bình an, ân sủng. Đưa thần khí ấy vào người là ta được tràn đầy niềm vui, bình an, ân sủng. Các luân xa của chúng ta lúc đó giống như



các bông hoa nở ra đón nhận tất cả những điều kỳ diệu ấy. Chúng ta có thể nói với Chúa Giêsu: “*Lạy Chúa Giêsu, xin ban Thần Khí của Chúa cho con*”

Rồi khi thở ra từ từ bằng miệng: thể xác ta thở thần khí, tinh thần đẩy tà khí, uế khí ra ngoài. Đó là những khí dơ của tinh thần: buồn phiền, chán nản, giận hờn, thất vọng, ghen tương, sợ hãi... và tất cả những gì tiêu cực trong con người ta. Vừa thở ra ta vừa nói với Chúa Giêsu: “*Lạy Chúa, xin xua đuổi tà khí ra khỏi người con*”. Mỗi lần thở như thế là ta cũng thanh tẩy tinh thần mình để bỏ đi những gì xấu xa trong lòng ta. Khi thở như vậy, dù chỉ vài phút, chúng ta theo dõi được luồng khí thở ổn định, tự nhiên cảm thấy nhẹ nhàng, thanh thoát, quên hết mệt nhọc và sáng khoái trong người.

Lời kết

Sau khi khám phá ra tầm quan trọng của khí thở tự nhiên cũng như siêu nhiên trong đời sống chúng ta mới hiểu được vai trò vô cùng cần thiết của Chúa Thánh Thần trong đời sống hằng ngày của ta. Xin Chúa Giêsu ban cho chúng ta luôn biết thở thật nhiều Thần Khí của Người để chúng ta sống xứng đáng là con cái thảo hiếu của Cha Trên Trời và phát huy được sự sống kỳ diệu như chứng nhân của Tin Mừng trong thời đại ngày nay.



Bài 14

Tương quan mật thiết giữa Mình Máu Chúa Kitô và Thần Khí

Lời mở

Sau lễ Chúa Thánh Thần hiện xuống và lễ Chúa Ba Ngôi, Giáo Hội luôn long trọng mừng lễ Mình Máu Thánh Chúa để mời gọi chúng ta gắn bó với Chúa Giêsu như lương thực thiêng liêng, thở hít Thần Khí của Người để cảm nghiệm được sự sống kỳ diệu phi thường của Ba Ngôi Thiên Chúa chuyển thông cho ta. Vì thế, chúng ta suy niệm đôi chút về mối tương quan mật thiết giữa Mình Máu Chúa và Thần Khí.

1. Trong đời sống tự nhiên

Chúng ta đều biết rằng sự sống tự nhiên của con người rất quan trọng nhờ lương thực mà chúng ta đưa vào trong cơ thể. Những lương thực ấy dù là cá, thịt hay rau đều biến thành dòng máu với đủ các chất bổ dưỡng như glucid (chất đường cho các cơ bắp), lipid (chất mỡ để đốt thành năng lượng và dự trữ), protid (chất đạm cho thần kinh), các vitamin và muối khoáng. Oxy được đưa vào máu qua 300 triệu phế nang ở buồng phổi biến thành dòng máu đỏ để chuyển đến từng tế bào trong thân thể chúng ta. Nhờ Oxy, những chất bổ dưỡng trong máu được đốt cháy, được chuyển hoá thành năng lượng mang lại cho ta sức sống. Trong quá trình chuyển hoá, các tế bào thải khí Carbonic ra, khí

Carbonic chuyển qua dòng máu đen về tim (x. Gs Phạm Đình Lưu, *Sinh lý học Y khoa*, Tập I, NXB Y Học, 2011, tr.189 tt).

Như thế, hệ thống hô hấp phải nhờ hệ thống tuần hoàn để thoả mãn nhu cầu nhận Oxy và thải khí Carbonic cho từng tế bào. Còn hệ thống tuần hoàn phải nhờ những chất đặc biệt trong máu để chuyên chở đủ lượng Oxy và khí Carbonic cần thiết. Lượng Oxy hoà tan trong huyết tương chỉ chiếm khoảng 2-3%. Sở dĩ máu chuyển được Oxy là vì các hồng cầu trong máu có chứa một chất gọi là hemoglobin (máu có hồng cầu, tiểu cầu, bạch cầu, huyết tương). Hemoglobin chuyển hoá tới 97% lượng Oxy trong máu cho tế bào vì nó làm tăng khả năng chuyên chở Oxy lên đến 70 lần và khí Carbonic lên đến 17 lần so với khi chỉ ở dạng hoà tan trong huyết tương. Vì thế khi thiếu hemoglobin, sự chuyên chở khí Oxy và khí Carbonic sẽ không đáp ứng được nhu cầu của các bộ phận trong cơ thể (x. Sđd, tr.209 tt).

Hemoglobin kết hợp với chất sắt tạo nên sắc đỏ trong máu nên gọi là hồng cầu. Phân tử Oxy của Hemoglobin gắn bó rất lỏng lẻo với nguyên tử sắt để có thể gắn và nhả Oxy ra thật nhanh cho các tế bào. Mỗi phân tử Hemoglobin gắn được 4 phân tử Oxy. Điều này cũng nhắc nhở ta phải ăn các lương thực để có đủ chất sắt cần thiết cho cơ thể, nhất là đối với các phụ nữ và các bà mẹ mang thai (x. Sđd, tr.218 tt).

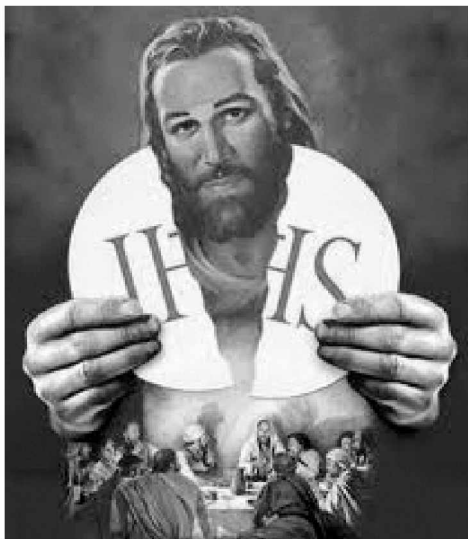
Nói lên quá trình chuyển hoá khí Oxy và Carbonic trong máu để chúng ta thấy mối tương quan mật thiết giữa lương thực, máu và khí. Điều này sẽ giúp chúng ta suy niệm về mối tương quan giữa Mình Máu Thánh Chúa với Thần Khí trong sự sống toàn diện của con người.

2. Trong đời sống siêu nhiên

Chúng ta được mời gọi suy niệm từ lương thực hằng ngày là bánh, cá trong phép lạ Chúa Giêsu đã làm dẫn đến lương thực thiêng liêng là Mình Máu Thánh Chúa. Trong phép lạ hoá bánh ra nhiều, chúng ta thấy Chúa Giêsu làm các cử chỉ sẽ được diễn lại trong bữa tiệc Người lập bí tích Thánh thể: *“Người cầm lấy bánh, ngược mặt lên*

trời, đọc lời chúc tụng, bẻ ra, trao cho các môn đệ để các ông dọn ra cho đám đông” (Lc 9,16). Thánh Phaolô cũng nhắc lại những cử chỉ này của Chúa Giêsu để nhấn bảo chúng ta mệnh lệnh của Chúa: “*Anh em hãy làm việc này mà tưởng nhớ đến Thầy*” (x. 1Cr 11, 23-26). Xin đừng hiểu hành động “làm” này như việc dâng thánh lễ hay truyền phép Mình Máu Thánh Chúa chỉ dành riêng cho linh mục, nhưng là lệnh truyền cho tất cả các tín hữu phải tạo nên chất liệu sống cả về thể xác lẫn tinh thần cho con người.

Chúa Giêsu muốn mời gọi chúng ta, những môn đệ của Người, khi thiết tha với lương thực của sự sống tự nhiên thì đừng quên lương thực của sự sống siêu nhiên là Mình Máu Thánh Chúa. Hơn nữa, không phải chúng ta chỉ lo cho mình có đầy đủ lương thực để sống mà còn phải lo cho những anh chị em khác có sự sống toàn diện như ta, bởi vì Người căn dặn chúng ta hôm nay: “*Chính các con hãy lo cho họ ăn*” (Lc 9,13). Nhất là qua bí tích Thánh Tẩy, mỗi tín hữu đã trở thành tu tế theo phẩm hàm Melchisedek, thành hiện thân sống động của Chúa Giêsu Kitô cho mọi người.



Nhưng làm sao chúng ta có thể lo được! Trong đất nước Việt Nam hiện nay có khoảng 90 triệu người, trong đó có hơn 18 triệu người đói khổ vì thiếu lương thực tự nhiên, và nhiều người trong số 83 triệu người ngoài Kitô giáo đang đói về mặt tinh thần. Nếu nhìn rộng ra thế giới: gần 1 tỷ người đói và đang chết đói trong gia đình nhân loại, gần 5 tỷ người chưa biết Chúa Giêsu. Chúng ta phải lo cho họ cả lương thực tự nhiên lẫn siêu nhiên. Vậy chúng ta phải làm gì?

Các môn đệ đã lên tiếng: “*Chúng con chỉ vòn vện có 5 chiếc bánh và 2 con cá, trừ phi chính chúng con phải đi mua thức ăn cho cả đám dân này*”. Nhưng tiền đâu mà mua! Ngoài việc ý thức được tình trạng bất lực của con người, Chúa Giêsu mời gọi chúng ta hãy tin vào quyền năng vô biên của Người, gắn bó với Người để biến đổi, để chia sẻ lương thực tự nhiên mà chúng ta nhận được, chia sẻ cả lương thực siêu nhiên là Mình và Máu Thánh Chúa cho người khác.

Người tín hữu giáo dân Việt Nam rất tôn kính Mình Máu Thánh Chúa, 80% tín hữu giữ lễ Chúa Nhật và rước lễ trong những dịp lễ trọng, khoảng 15-20% đi lễ thường ngày. Nhưng chúng ta thấy rằng dù đi lễ và rước Mình Máu Thánh Chúa thường xuyên nhưng chúng ta lại chưa phát huy được sự sống kỳ diệu phi thường của Thiên Chúa trong con người của mình. Cuộc sống của người tín hữu chưa toát ra được niềm vui, bình an, hạnh phúc, ơn cứu độ cho mình cũng như cho người khác. Phép lạ trong đời sống người tín hữu là những gì hoạ hiếm chứ không phải là những chuyện thường ngày mà chúng ta phải thực hiện để mang lại ơn cứu độ cho những người nghèo khổ, tật bệnh, bị ma quỷ kiềm chế có mặt ở khắp nơi trên đất nước.

Tình trạng bất tương xứng giữa thức ăn vô cùng cao quý, bổ dưỡng và sức sống bạc nhược hiện nay phải đặt ra cho những người có trách nhiệm trong Giáo hội Việt Nam cũng như cho từng tín hữu nhiệm vụ phải tìm ra nguyên nhân và giải pháp để thoát khỏi tình trạng đó.

Có lẽ có nhiều nguyên nhân, nhưng một nguyên nhân quan trọng mà chúng ta cùng gợi ý hôm nay đó là chúng ta chưa biết kết hợp giữa Mình Máu Thánh Chúa với Thần Khí. Chúng ta đã quên thờ hay thờ quá yếu Thần Khí trong khi vẫn siêng năng rước Mình Máu Thánh Chúa. Chúng ta giống như người đưa lương thực vào trong mình để chuyển hoá thành máu, nhưng những chất bổ dưỡng ấy vì không có đủ khí nên chỉ sau một vòng tuần hoàn là trở thành vô dụng và bị thải ra ngoài qua bộ phận bài tiết. Vì không có Thần Khí, nên Mình Máu Chúa cũng không chuyển hoá được sức sống kỳ diệu, hạnh phúc vô

biên, quyền năng vô tận và ơn cứu độ toàn diện vĩnh hằng cho chúng ta cũng như cho người khác.

Có lẽ chúng ta phải nhìn lại thái độ của chúng ta đối với Thần Khí, chúng ta cần phải gắn bó nhiều hơn với Chúa Thánh Thần và tập thở từng giây phút Thần Khí mà Chúa Giêsu thổi trên chúng ta khi Người hiện ra với chúng ta và nói rằng: “*Anh em hãy nhận lấy Thánh Thần*”.

Hơn nữa, một chi tiết ta cần quan tâm trong khi chuyển hoá Oxy cho các tế bào, đó là chất sắt trong hồng cầu. Chất sắt như gợi ý cho chúng ta một thứ mà đời sống đạo đức chúng ta đang thiếu, đó là lòng son sắt, thủy chung của chúng ta đối với Đức Giêsu cũng như đối với nhau. Chúng ta có gắn bó với Người một cách mật thiết không? Chúng ta có yêu Người và anh chị em mình một cách mãnh liệt bằng một lòng son sắt, thủy chung để chuyển hoá Thần Khí tình yêu, Thần Khí sự thật vào trong Minh Máu Chúa Kitô không?

Lời kết

Hôm nay, ngày 2/6/2013, chúng ta tôn thờ Minh Máu Thánh Chúa, họp cùng Đức Thánh Cha Phanxicô, để cầu nguyện cho Giáo Hội và cho toàn thế giới, chúng ta hãy xin Chúa Giêsu ban cho chúng ta luôn được tràn đầy Thần Khí của Người. Chúng ta sẽ tập thở hít Thần Khí của Người mỗi ngày, yêu quý Bí tích Thánh Thể, biết rước lễ thiêng liêng thường xuyên trong cuộc sống để chuyển hoá được sự sống kỳ diệu của Thiên Chúa Ba Ngôi cho mình cũng như cho người khác.

Phần 3

**Nội dung loan báo:
Đức Giêsu Kitô
là Tin Mừng của Thiên Chúa**



Bài 15

Tại sao người ta ít hiểu biết về Chúa Giêsu Kitô?

Lời mở

Tài liệu Làm việc của THĐGM nhiều lần nhắc nhở rằng: Đức Giêsu Kitô chính là Tin Mừng của Thiên Chúa mà chúng ta phải rao giảng về Người, phải tìm hiểu Người cho thấu đáo, phải gặp gỡ được Người để hình thành nên đức tin nơi ta trước khi truyền bá đức tin này cho người khác (x. số 17, 18, 21, 26, 33, 167, 169).

1. Tại sao Giáo Hội lại chọn chủ đề “Tân Phúc Âm hoá” và mở Năm Đức Tin?

Chúng ta đã nhiều lần nói đến việc loan báo Tin Mừng trong Giáo Hội hiện nay hình như đang chậm lại và thiếu hiệu quả, cũng như nhắc đến các con số chứng minh việc tăng trưởng yếu kém của người Công giáo trên toàn thế giới và ngay trong Giáo hội Việt Nam.

Chúng tôi cũng muốn nhắc đến 1 sự kiện: ngày 31/8/2012, Đức Hồng y Carlo Maria Martini, nguyên Tổng Giám mục Tổng Giáo phận Milan, qua đời. Đây là giáo phận lớn nhất châu Âu với 4.900.000 tín hữu. Trước khi ngài mất, nhật báo Corriere della Serra của Ý đã phỏng vấn ngài, và bài phỏng vấn cuối cùng này được nhiều nước trên thế giới đăng lại (x. *La Croix* của Pháp; báo *Công giáo và Dân tộc* của Việt Nam, số 1874, tr.23...).

Với đầu óc sáng suốt minh mẫn của 1 người đã từng làm Viện trưởng Giáo hoàng Học viện Thánh Kinh, Viện trưởng Đại học Giáo hoàng Gregoriana, Chủ tịch Liên Hội đồng Giám mục châu Âu, ngài nhận định rằng: “Giáo hội Công giáo đang mệt mỏi và chậm trễ. Nền văn hoá Công giáo đang già đi, các ngôi nhà thờ thì rộng lớn, các dòng tu thì trống vắng, và bộ máy quan liêu của Giáo Hội lại đang phát triển. Các nghi lễ và áo mặc mang tính khoa trương... Giáo Hội đang bỏ quên những người nghèo khổ và giới trẻ năng động... Đức Hồng y kêu gọi tất cả Giáo Hội cùng hoán cải để trở về tinh thần can đảm hăng say ban đầu, lắng nghe Lời Chúa và dùng bí tích như một phương tiện chữa lành - thay vì trừng phạt - những con người gặp hoàn cảnh yếu đuối trong cuộc sống như phải ly dị, ngăn trở trong hôn nhân...”.



Những lời phát biểu trong cuộc phỏng vấn cuối cùng này có thể làm phật lòng một số vị lãnh đạo trong Giáo Hội, nhưng đó là những lời tâm huyết của vị chủ chăn sáng suốt và nhiều kinh nghiệm. Đó cũng là lời trần trối cuối cùng của người hiểu được giá trị thật sự cuộc đời, gửi lại cho những người anh em rất thân yêu trước khi về cõi vĩnh hằng nên rất đáng chúng ta trân trọng, suy tư.

2. Tin Mừng sống động

Vì thế, chúng ta cầu nguyện cho Giáo Hội toàn cầu và Giáo hội Việt Nam, giống như các tông đồ và các môn đệ đã cùng cầu nguyện với Đức Maria và các anh em Chúa Giêsu tại nhà Tiệc Ly để xin Chúa Thánh Thần hiện xuống (x. Cv 1,12-14). Nhờ sự soi sáng của Ngài,

mỗi tín hữu, từ vị lãnh đạo đến từng giáo dân, đều được ơn hoán cải để trở về với tinh thần của Chúa Giêsu, để khám phá ra Chúa Giêsu mới chính là Tin Mừng sống động. Rất nhiều người, khi nói đến việc loan báo Tin Mừng, là nghĩ ngay đến những lời, những chữ viết trong cuốn Tân Ước hay Thánh Kinh rồi lặp đi lặp lại một cách máy móc.

ĐTC Bênêđictô trong số 11 của Bản Đề cương THĐGM 2012 nhắc nhở ta rằng: *“Khi nói đến TM, chúng ta không được chỉ nghĩ về nó như là một cuốn sách hay một tập hợp các lời giáo huấn. TM là một cái gì nhiều hơn nữa: nó là một lời sống động và linh nghiệm, nói điều gì thì điều đó trở thành hiện thực. TM không chỉ là một hệ thống các điều khoản đức tin và giới răn đạo đức, càng không phải là một chương trình chính trị (như của một số đảng phái ở châu Âu) mà là một con người: Đó là Đức Giêsu Kitô, Lời của Thiên Chúa đã làm người. Tin Mừng là Tin Mừng của Đức Giêsu Kitô. Tuy nhiên, TM không chỉ lấy Đức Giêsu Kitô làm nội dung, nhưng hơn thế nữa, nhờ Chúa Thánh Thần, Đức Giêsu Kitô cũng là người cô vũ và là tâm điểm của việc rao giảng và truyền bá TM. Do đó, mục tiêu của việc truyền bá đức tin là thể hiện một cuộc gặp gỡ cá vị với Đức Giêsu Kitô, trong Thánh Thần, nhờ đó dẫn đưa chúng ta tới một trải nghiệm về Cha của Người và Cha của chúng ta”*.

Đức Giêsu là con người sống động nên chúng ta cần phải tìm hiểu, học hỏi, gặp gỡ thì mới có thể yêu mến và kết hợp với Người vì *“vô tri bất mộ”*. Người đang sống giữa chúng ta, sống trong chúng ta và chúng ta cần cảm nghiệm được sự hiện diện của Người thì mới phát huy được quyền năng, tình yêu, ân sủng Người ban để chữa lành bệnh nhân, xua trừ ma quỷ, loan báo TM bằng con người nhỏ bé, yếu đuối, tội lỗi của mình. Ta cần mở rộng tâm hồn như Mẹ Maria để đón nhận Thánh Thần (Lc 1,26-38), và cảm nghiệm được Ngôi Lời là TM sống động trong lòng mình, ta mới thấy đời mình đầy bình an và hoan lạc như Mẹ.

Hơn nữa, giống như Người Mẹ Thánh, ta lại lên đường để chia sẻ TM sống động ấy cho người chị họ Elisabeth, cho mọi người ta gặp gỡ để cùng hiện diện sống động trong Nhà Tiệc Ly với Giáo Hội vào bất cứ hoàn cảnh hay thời đại nào. Như ĐHY Martini và nhiều người

nhận thấy rằng: “Giáo Hội đang bỏ quên con người nên không chuyển được TM cho con người, nhất là những người nghèo khổ, thiếu thốn, tàn tật”.

Thế giới hiện nay có hơn 1 tỷ người sống trong tình trạng nghèo đói. Việt Nam đang có khoảng 16 triệu người trên tổng số gần 90 triệu dân không kiếm được 20.000 đồng một ngày. Tuy nhiên, nhiều nơi trong Giáo Hội vẫn đang tiếp tục xây dựng những thánh đường nguy nga, tổ chức những lễ nghi hoành tráng, những cuộc hành hương tốn kém không cần thiết. Việt Nam đang có khoảng 16 triệu người khuyết tật về thể lý và tinh thần, hơn 50 triệu người trẻ dưới 35 tuổi, nhưng thử hỏi người tín hữu chúng ta đã dành những hoạt động nào, những vật chất nào để lo cho những con người ấy?

Giáo Hội như muốn nhắc nhở chúng ta rằng: “con người là con đường của Giáo Hội” và cũng là con đường của Thiên Chúa vì Ngôi Lời Thiên Chúa đã làm người để chúng ta quan tâm đến con người hơn những thứ vật chất phụ thuộc kia và phục vụ con người với tình yêu của Thánh Thần Thiên Chúa như Mẹ. Chính Đức Giêsu, TM sống động, mới là đèn thánh ta cần xây dựng nơi những con người khốn khổ hiện nay. Còn nếu Giáo Hội bỏ quên con người, không muốn phục vụ họ, thì Giáo Hội không còn lý do tồn tại, và con người từ khước Giáo Hội, quay lưng với TM là lẽ đương nhiên.

Nhưng muốn tin Đức Giêsu, ít ra người ta phải biết Người là ai. Câu hỏi đặt ra cho chúng ta là: *Tại sao người tín hữu ít hiểu biết Đức Giêsu?* Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng này, nhưng ta có thể nêu những điểm chính thuộc về lịch sử và về thời điểm hiện nay.

3. Tại sao người tín hữu ít hiểu biết Đức Giêsu?

3.1. Những nguyên nhân thuộc về lịch sử

3.1.1. Những cố gắng ban đầu

Ngay từ khi Đức Giêsu bắt đầu rao giảng Tin Mừng, nhiều người đã thắc mắc và tìm hiểu xem Người thật sự là ai mà nói được những

lời quyền năng, làm được phép lạ lớn lao, cho kẻ chết sống lại như thế? Chính Đức Giêsu cũng hỏi các môn đệ: “*Người ta nói Con Người là ai?*” và “*Anh em bảo Thầy là ai?*” (Mt 16,13-15).

Sau khi Chúa Giêsu chết và sống lại, cộng đồng tín hữu càng muốn tìm hiểu Người nhiều hơn. Họ thu thập các lời rao giảng, câu chuyện chữa lành, hành động kỳ diệu của Người để viết thành sách Tin Mừng và bộ sách Tân Ước như tài liệu căn bản cho ai muốn biết Chúa Giêsu. Nhờ sự thúc đẩy và ơn soi sáng của Chúa Thánh Thần, nhiều vị lãnh đạo Giáo Hội bắt đầu rao giảng và viết về Chúa Giêsu cách hệ thống hơn để giải đáp những thắc mắc cho tín hữu và chứng minh đức tin chân thật của Kitô giáo.

3.1.2. Thành công và thất bại

Trong 5 thế kỷ đầu, nhiều người hăng hái nghiên cứu, tranh luận, thậm chí xung đột với nhau để khám phá ra sự thật về Đức Giêsu. Những cố gắng này rất đáng trân trọng, dù rằng khi tìm hiểu như thế, không ít người lầm lạc vì quá nhấn mạnh đến tính cách Thiên Chúa và xem thường tính cách nhân loại của Người. Hơn nữa, do khả năng suy luận của con người có hạn trước mầu nhiệm Giêsu, do sự giới hạn của ngôn ngữ và chữ viết không thể diễn tả hết tư tưởng, do sự hiểu lầm về từ ngữ khác nhau giữa các dân tộc nên việc tìm hiểu Đức Giêsu có cả thất bại lẫn thành công. Nhất là khi vua chúa ủng hộ lập trường của người này và chống đối quan điểm của người khác nên việc trình bày về Đức Giêsu có khi bị hiểu lầm, bị kết án là lạc giáo, bị tù tội và lưu đày, thậm chí bị giết chết.

Hàng chục công đồng chung cũng như riêng từng địa phương đã được mở ra để làm sáng tỏ sự thật về Đức Giêsu, nổi tiếng là Công đồng Nicêa (năm 325) xác định Đức Giêsu là người thật và là Thiên Chúa thật (x. *GLHTCG*, số 464-466) và Công đồng Chalcedônia (năm 451) xác định thiên tính và nhân tính của Chúa Giêsu phối hợp với nhau cách lạ lùng “*không lẫn lộn, không thay đổi, không phân chia, không tách biệt*” (x. *GLHTCG*, số 467-469). Cuối cùng, để tránh xung đột, Giáo Hội yêu cầu các vị lãnh đạo, các nhà thần học đừng đưa ra những điều mới mẻ có thể gây tranh cãi về Chúa Giêsu.

Kể từ đó cho tới giữa thế kỷ XX, không ai dám khám phá thêm sự thật về Chúa Giêsu vì sợ sai lầm, rồi đạo, ngoại trừ một vài thánh tiến sĩ nổi tiếng như thánh Augustinô, thánh Tôma Aquinô (1225-1274). Sự im lặng thần học này khiến cho cộng đồng tín hữu giáo sĩ và giáo dân càng ngày càng không biết gì về Đức Giêsu ngoài mấy tin điều trong kinh Tin Kính. Đời sống đạo tập trung vào việc tham dự thánh lễ, chịu các bí tích và làm các việc đạo đức bình dân như cầu Thánh Thể, đi Đàng Thánh Giá, lần hạt,... thay vì xây dựng trên sự hiểu biết về Đức Giêsu.

3.1.3. Những quan điểm thần học khác biệt

Việc thiếu hiểu biết về Chúa Giêsu còn bắt nguồn từ những quan điểm thần học khác biệt của các dòng tu, trường phái trong nội bộ Giáo hội Công giáo. Thí dụ phái Kinh viện cho rằng Đức Giêsu nhận bản tính loài người trước khi Adam phạm tội nên Người phát huy khả năng kỳ diệu của con người, gắn bó với Thiên Chúa. Đức Giêsu có thể biết mọi sự, cả những gì một triệu năm sau con người có thể biết thì Đức Giêsu đã biết trước. Nếu có ai hỏi Đức Giêsu có biết đi xe đạp, biết sử dụng máy vi tính không? Thì chắc chắn sẽ nhận được câu trả lời: Đức Giêsu biết mọi sự!

Tuy nhiên, câu trả lời kinh điển này trái ngược với thực tế đời sống Đức Giêsu: Người vẫn đói khát, mệt mỏi, thậm chí không biết nhiều thứ. Giáo lý Hội Thánh Công giáo xác nhận: *“Tri thức này của Đức Giêsu, theo đúng nghĩa, tự nó không thể có tính chất vô hạn. Nó được hình thành trong các điều kiện lịch sử của cuộc sống trong không gian và thời gian. Do đó Thiên Chúa khi làm người, đã có thể chấp nhận ‘ngày càng thêm khôn ngoan, thêm cao lớn và on nghĩa...’ (Lc 2,52)”* (GLHTCG, số 472). Vì thế Người không biết đi xe đạp, không biết vi tính vì thời đại Người chưa có những thứ đó.

3.1.4. Tâm lý tránh né vấn đề

Một lý do quan trọng khác là từ thế kỷ 16, khi các anh em Tin Lành chủ trương lấy đức tin và Thánh Kinh (sola fides, sola Scriptura) làm cơ bản cho đời sống, ra sức học hỏi Thánh Kinh và đưa ra nhiều

điểm tranh luận với Công giáo về Đức Giêsu như các anh chị em ruột của Người, sự trinh khiết của Mẹ Maria, việc tôn kính các thần thánh, hiệu quả các bí tích và xem Đức Giêsu chỉ là một cơ hội cho lòng tin của mỗi người đối với Thiên Chúa thì các nhà thần học Công giáo giữ thái độ im lặng, tránh né việc tìm hiểu về Đức Giêsu để khỏi phải trả lời các vấn đề gây tranh cãi.

Mãi đến năm 1949, khi nhà thần học Karl Rahner viết bài: “*Công đồng Chalcedonia (451) có phải là điểm kết thúc hay chỉ là điểm khởi đầu của Kitô học?*”, các nhà thần học Công giáo mới nhận ra “sự im lặng đáng sợ” của việc thiếu hiểu biết về Đức Kitô và bưng bít con mê dài 15 thế kỷ. Rồi nhờ tinh thần cởi mở của Công đồng Vaticanô II (1962-1965), một số nhà thần học Công giáo bắt đầu trình bày những quan điểm mới rất quan trọng cho Kitô học. Nhiều điểm mới này đã được tổng hợp trong bộ sách *Giáo lý Hội Thánh Công giáo* năm 1992 và cuốn *Tóm lược Học thuyết Xã hội Công giáo* năm 2004. Tuy nhiên, nhiều vị lãnh đạo Giáo Hội, nhiều linh mục vẫn chưa quan tâm đến những điểm mới này để phổ biến cho cộng đồng tín hữu giáo dân.

3.2. Những nguyên nhân hiện nay

3.2.1. Kitô học là môn học kém phát triển trong khoa Thần học

Những nguyên nhân lịch sử trên đây đã để lại cho Giáo hội Công giáo nhiều hậu quả nặng nề. Tai hại hơn cả là *người tín hữu hiện nay hiểu biết rất ít về Đức Giêsu Kitô* và môn Kitô học có thể nói là môn học kém phát triển nhất trong khoa Thần học, dù rằng Kitô giáo đáng lý phải xây dựng trên Kitô học. Các học viện thần học Công giáo thường yêu cầu sinh viên học khoảng 400-500 giờ môn Thánh Kinh, nhưng chỉ dành khoảng 100 giờ cho Kitô học. Để tránh căng thẳng giữa các quan điểm thần học khác nhau về Đức Kitô, nhiều đại học Công giáo không giảng dạy môn Kitô học theo hệ thống mà chỉ trình bày theo từng chủ đề về Đức Kitô. Thí dụ như: “Đức Kitô là công dân Nước Trời”, “Tri thức của Đức Kitô”, “Tự do của Đức Kitô”,...

3.2.2. Sự thiếu hiểu biết còn bắt nguồn từ thái độ của tín hữu đối với Thánh Kinh

Do ảnh hưởng chủ trương giải trừ huyền thoại cho Tin Mừng phát xuất từ nhà thần học Tin Lành R. Bultmann, nhiều nhà thần học Công giáo không còn thiết tha với việc tìm hiểu Đức Giêsu thật sự là ai bởi họ đã chối từ mọi dấu hiệu quyền năng của Đức Kitô qua các phép lạ Người làm cũng như qua cuộc sống lại của Người. Đáng lẽ các nhà thần học Thánh Kinh Công giáo phải giải đáp được những vấn đề Thánh Kinh thì nhiều người lại giữ im lặng khiến cho sự thật về Đức Giêsu Kitô không được sáng tỏ.

3.2.3. Phương pháp dùng trong Kitô học

Sự thiếu hiểu biết còn bắt nguồn từ *phương pháp dùng trong Kitô học* khi nghiên cứu đời sống Đức Giêsu. Cho đến ngày nay, nhiều học viện Công giáo vẫn chủ trương Kitô học là một môn thần học và dùng phương pháp suy tư dựa trên các dữ liệu Thánh Kinh, Thánh truyền, Huân quyền và Luận chứng thần học. Tuy nhiên, Đức Giêsu không phải chỉ là Thiên Chúa thật mà còn là con người thật. Vì là con người nên Đức Giêsu cũng là đối tượng của tất cả các khoa học tự nhiên, xã hội nhân văn và có thể dùng phương pháp thực nghiệm của các khoa học này để giải đáp những câu hỏi liên quan đến Đức Giêsu. Thí dụ: người ta có thể dùng tâm lý học để tìm hiểu “cấu trúc tâm lý của Đức Giêsu”, dùng vật lý để hiểu cấu trúc thể lý C,H,O,N của Đức Giêsu... Nhờ phối hợp giữa thần học và khoa học, người tín hữu có thể tìm ra những giải đáp cho các vấn đề trong cuộc sống thay vì sợ hãi và tránh né như trước đây.

Chính vì nhận thức được tầm quan trọng của Kitô học mới mẻ này, hơn 1.000 nghị phụ đã đồng thanh xin ĐTC Gioan Phaolô II yêu cầu các nhà thần học Công giáo chung sức biên soạn một giáo trình cơ bản Kitô học cho các học viện Công giáo vào năm 1998, nhưng không thấy nhà thần học nào đáp ứng yêu cầu này. Vì thế, ĐTC Bênêđictô XVI, nhờ sự thông thái uyên bác của ngài, đã viết nên những điểm cơ

bản cho việc tìm hiểu Đức Giêsu Kitô trong 3 tập *Đức Giêsu thành Nazareth* mà tập thứ 3 mới xuất bản vào cuối năm 2012.

Lời kết

Suy nghĩ về việc những nguyên nhân ngăn cản sự hiểu biết Đức Giêsu Kitô, chúng ta được mời gọi dành nhiều thời giờ hơn để học biết về Người và khám phá ra Người thật sự là Tin Mừng sống động ta cần gắn bó, gặp gỡ, cảm nghiệm, yêu thương. Có như thế, cuộc đời chúng ta mới thật sự có ý nghĩa, biến đổi và thăng hoa.

NB. Một vài sách đề nghị tham khảo

Có rất nhiều sách tham khảo có thể đọc thêm nhưng chúng tôi đề nghị anh chị em có thể tìm đọc các sách cơ bản sau đây:

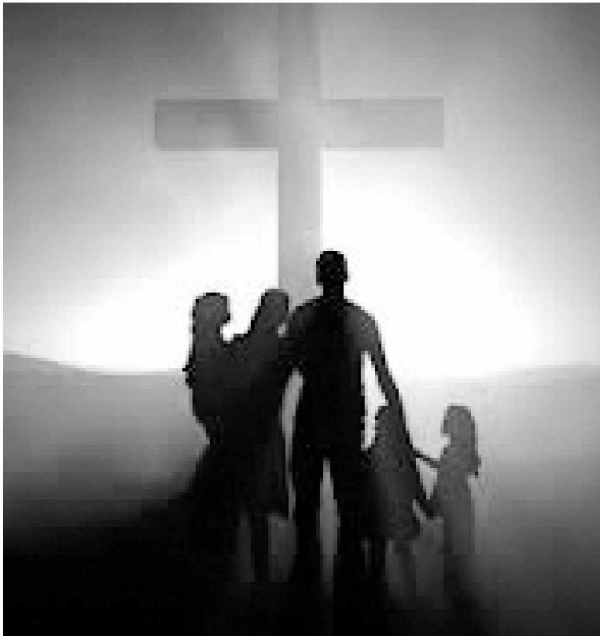
– Sách *Đức Giêsu thành Nazareth* gồm 3 tập của ĐTC Bênêđictô XVI. Đã có nhiều bản dịch về tập I, tập II, tập III của Lm. Aug. Nguyễn Văn Trinh, NXB Tôn Giáo, 2009-2013; tập I của Lm. Nguyễn Luật Khoa, OFM. và Nữ tu Phạm Thị Huy, OP.; tập III (Thời thơ ấu) của Lm. Fx. Phạm Đình Phước, SDB. Chúng tôi cũng giới thiệu bản dịch mới giúp cho anh chị em dễ hiểu hơn và được đăng từng bài trên trang web: hanhkhatkito.org, ở mục **Kitô học**. Kèm theo từng chương của sách này, chúng tôi cũng dịch tài liệu: *Hướng dẫn học hành* (A Study Guide) do một số nhà thần học Hoa Kỳ biên soạn. Anh chị em có thể truy cập trong đó để xem hoặc lấy bài học.

– Sách *Giáo lý của Hội Thánh Công giáo* do Bộ Giáo lý Đức tin biên soạn năm 1992, bản dịch chính thức của Hội đồng Giám mục Việt Nam được Toà Thánh Rôma công nhận năm 25/6/2009, NXB Tôn Giáo, 2010. Đặc biệt chương 2, đoạn 2 của Phần thứ Nhất: “Tôi tin kính một Chúa Giêsu Kitô, Con Một Thiên Chúa”.

– Sách *Kitô học* của Lm. Gerard O’Collins, SJ., do Lm. Đaminh Nguyễn Đức Thông, CSSR. dịch, NXB Tôn Giáo 2012.

– Sách *Kitô học* của Lm. Felipe Gomez, SJ., thuộc East Asian Pastoral Institute 2002, do Antôn&Đuốc Sáng xuất bản.

Các bài học về Kitô học trong Năm Đức tin cũng được chúng tôi đưa lên trang web: hanhkhatkito.org để anh chị em học viên có thể truy cập và chia sẻ cho các người khác.



Bài 16

Xác tín trọn vẹn vào Đức Giêsu Kitô

Lời mở

Thượng
Hội đồng nhắc
chúng ta rằng:
“Theo sách
Tông đồ Công
vụ, người ta
không thể dạy
điều gì mình
không tin hay
không sống.
Người ta không
thể truyền đạt
Phúc Âm khi
không sống rập

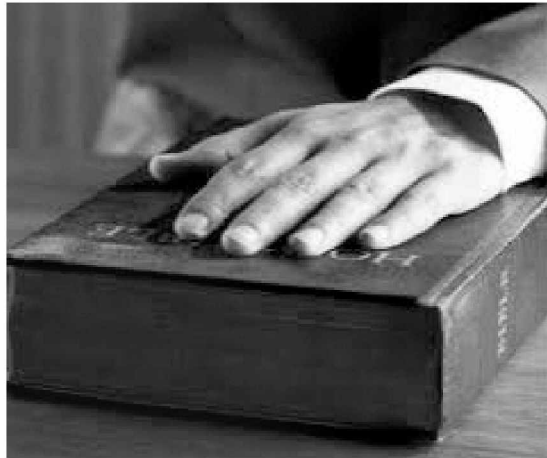


theo khuôn Phúc Âm hay không tìm thấy ý nghĩa, sự thật và tương lai của đời mình dựa trên Phúc Âm”. Giống như các tông đồ, ngày nay chúng ta cũng được thông phần vào sự sống hiệp thông của Chúa Cha, trong Chúa Giêsu, nhờ Chúa Thánh Thần, Đấng biến đổi và ban sức mạnh để chúng ta không chỉ truyền đạt đức tin mình sống mà còn khơi dậy sự đáp ứng nơi những người mà Thánh Thần đã chuẩn bị bằng sự hiện diện và hành động của Ngài (x. Cv 16,14; TLLV, số 91).

Như thế, điều kiện cần thiết nhất cho người thừa sai là niềm xác tín trọn vẹn vào Đức Giêsu Kitô và thờ được Thần Khí của Người để biểu lộ và chia sẻ sự sống kỳ diệu của Thiên Chúa cho muôn người. Nhưng để có thể có được niềm xác tín đó, chúng ta phải loại bỏ những nghi ngờ và giải đáp được những thắc mắc về lời dạy của Chúa Giêsu trong các sách Phúc Âm, về những phép lạ cũng như hành động cứu độ, nhất là về cái chết và sự sống lại của Chúa Giêsu Kitô mà nhiều phong trào và ý thức hệ đang đặt ra cho chúng ta. Trong tinh thần đó chúng ta sẽ tóm lược vài vấn đề và giải đáp chính yếu về Chúa Giêsu để tin tưởng trọn vẹn vào Người.

1. Những vấn đề nan giải về sự khác biệt trong các đoạn văn Phúc Âm

Ngày nay, nhiều phong trào, như “phong trào Giải trừ Huyền thoại cho Phúc Âm” khởi xướng bởi R. Bultmann, nhiều chủ trương của các nhà Thánh Kinh học đang chối bỏ hoặc giải thích những lời dạy, phép lạ, mầu nhiệm Vượt Qua của Chúa Giêsu theo hướng hoàn toàn trần tục. Nếu chúng ta không sáng suốt giải đáp, chính chúng ta cũng có thể đánh mất



lòng tin yêu vào Đức Giêsu Kitô. Trong nhiều thế kỷ, anh em Cải Cách theo các hệ phái Tin Lành đã chủ trương “sola fides, sola Scriptura” (chỉ cần đức tin, chỉ cần Thánh Kinh). Nhưng sau khi các nhà Thánh Kinh của họ trình bày những vấn đề nan giải trong Thánh Kinh, đặc biệt trong Tân Ước, nhiều người không còn sùng mộ Thánh Kinh nữa, chỉ giữ lại đức tin và xem Đức Giêsu như biểu tượng thúc

đầy lòng tin của mình chứ không tin vào Người. Sự suy thoái này bắt nguồn từ những giải đáp về sự khác biệt khi so sánh các bản Phúc Âm với nhau.

Từ thế kỷ I đến thế kỷ XIX, người tín hữu chỉ có thể đọc những bản văn Thánh Kinh rời rạc nên không thể so sánh chúng với nhau. Nhờ những tiến bộ của ngành in ấn, xuất bản, dịch thuật trong một vài thế kỷ gần đây, tín hữu có các bản văn Thánh Kinh trọn bộ bằng tiếng mẹ đẻ của mình. Từ đó, người ta đọc cẩn thận và so sánh các bản văn khác nhau, nhất là các Phúc Âm Nhất Lãm. Các nhà nghiên cứu Thánh Kinh nhận thấy có nhiều sự khác biệt giữa các Thánh Sử khi tường thuật các lời nói, hành động, sự việc, nhất là biến cố khổ nạn và phục sinh của Đức Giêsu. Chúng ta có thể đưa ra vài thí dụ tiêu biểu sau đây:

1.1. Lời nói

Thí dụ Chúa Giêsu nói: *“Ai muốn theo tôi, phải từ bỏ chính mình, vác thập giá mình mà theo”* trong bản Phúc Âm của thánh Matthêu và Marcô (x. Mt 16,24; Mc 8,34) trong khi bản Phúc Âm của thánh Luca lại thêm chữ *“hằng ngày”* sau từ *“thập giá mình”* (Lc 9,23). Lời kinh *“Lạy Chúa”* theo thánh Matthêu (x. Mt 6,9-13) khác với bản văn của thánh Luca (x. Lc 11,2-4). Tám mối phúc thật của Matthêu (x. Mt 5,3-12) cũng khác với Luca (x. Lc 6,20-22). Câu tuyên xưng của Phêrô: *“Thầy là Đấng Kitô của Thiên Chúa”* trong Luca (x. Lc 9,18-24) khác với lời tuyên xưng ở miền Cêsarê Philipphê: *“Thầy là Đức Kitô, Con Thiên Chúa hằng sống”* trong Matthêu (x. Mt 16,13-20) và Marcô (x. Mc 8, 27-38). Vậy đâu là lời thật của Chúa Giêsu? Các Thánh sử có thêm bớt gì vào lời dạy của Chúa?

1.2. Hành động

Nếu so sánh các phép lạ, dường như có sự khác biệt giữa các Thánh Sử: thí dụ trong bản văn của Matthêu ông Giairô xin Chúa cho con gái mình vừa mới chết được sống lại (x. Mt 9,19), khác với Mc 5,22-23 và Lc 8,42: Cô bé chưa chết lúc ông Giairô gặp Chúa. Hoặc trong Mt 21,19: cây vả bị Chúa chúc dữ lập tức héo khô, còn trong Mc

11,14-20: cây đó héo vào ngày hôm sau. Hay trong Mt 9,20-22: Chúa Giêsu ý thức việc chữa người phụ nữ băng huyết khác với sự kiện ở Mc 5,27-34.

Khi nghiên cứu các phép lạ của Chúa Giêsu trong các bản văn của Mt (14,13-21; 16,32-39), Mc (6,30-44; 8,1-10), Lc (9,10-17), Ga (6,5-15), nhất là phép lạ hoá bánh ra nhiều, người ta ghi nhận có sự gia tăng về con số: từ 4.000 người ăn (Mc), 4.000 đàn ông không kể đàn bà và trẻ con (Mt), lên 5.000 người rồi đến 5.000 (Mc, Lc, Ga) đàn ông, không kể đàn bà và trẻ con (Mt). Chúa chữa 1 người mù tên Bartimê ở Jericho (x. Mc 10,46-52; Lc 18,35-43) hay 2 người mù ở Jericho (x. Mt 20,29-34)?

1.3. Cuộc tử nạn

Chẳng hạn như việc xúc dầu, Thánh Gioan ghi nhận việc xúc dầu thơm xác Chúa Giêsu thực hiện vào chiều thứ Sáu (x. Ga 19,39-40), trong khi Phúc Âm Nhất Lãm lại nói đến chuyện các phụ nữ định xúc dầu vào sáng Chúa Nhật (x. Mt 28,1; Mc 16,1; Lc 24,1), nhưng khi các bà mang dầu đến thì hòn đá che cửa mộ đã lăn sang một bên. Nếu đã chôn táng xác chết rồi thì làm sao lại xúc dầu nhiều ngày sau như thế?

1.4. Cuộc Phục sinh

Vào buổi sáng ngày Chúa Giêsu sống lại, các phụ nữ tìm đến mộ Chúa. Các Thánh Sử kể tên của các phụ nữ đến mộ Chúa Giêsu mỗi người một khác. Matthêu (x. 28,1) nói 2 bà Maria trong đó có bà Maria Magdala, Marcô nói tới 2 bà Maria và Salômê (x. Mc 16,1), Luca nói đến 2 bà Maria, bà Gioana và nhiều phụ nữ khác (x. Lc 24,10) trong khi Gioan kể chỉ có một mình Maria Magdala (x. Ga 20,11-18).

Các bà nhìn thấy 1 Thiên Thần (x. Mt 28,2-7; Mc 16,5-7), hoặc 2 Thiên Thần (x. Lc 24,4-5; Ga 20,11-13), một vị ngồi đằng đầu, một vị ngồi đằng chân.

Địa điểm Chúa Phục Sinh hiện ra với các môn đệ cũng là một vấn đề gây tranh cãi vì nếu các môn đệ nghe theo lời các phụ nữ đi về Galilê (x. Mt 28,10; Mc 16,7) vào ngay buổi sáng ngày Chúa Nhật thì họ không thể nào gặp Chúa vào buổi chiều hôm đó trong nhà Tiệc Ly ở Giêrusalem (x. Ga 20,19-23) vì Galilê cách Giêrusalem khoảng 160 cây số, nếu đi bộ cũng phải mất nhiều ngày.

Tất cả những khác biệt đó đã làm cho những người đọc và nghiên cứu Thánh Kinh đặt những câu hỏi: tại sao lại có sự khác biệt đó? Các khác biệt đó do tác giả Thánh kinh đem vào, do cộng đồng đón nhận Phúc Âm tác động hay do Chúa Thánh Thần linh hứng? Người ta bắt đầu giải thích bằng nhiều quan niệm và lý lẽ khác nhau.

2. Giải thích một số khác biệt trong Phúc Âm theo khoa văn hình sử

Kể từ khi có các sách Phúc Âm cho đến thế kỷ XX, người tín hữu Kitô, nhất là Công giáo, luôn tin tưởng rằng Phúc Âm là những sách được Chúa Thánh Thần linh hứng nên các Thánh Sử viết đúng những gì Chúa mặc khải, không thêm bớt, không sửa đổi. Vì thế sách Phúc Âm có giá trị tuyệt đối, không thể sai lầm và kể đúng sự thật về sự kiện, cuộc đời và những lời giảng dạy của Chúa Giêsu.



Tuy nhiên, trong một hai thế kỷ gần đây, khoa Thánh Kinh học đã có những tiến bộ vượt bậc khi áp dụng những nguyên tắc nghiên cứu văn học cho các bản văn Thánh Kinh, vì dù sao, xét về phương diện nhân loại, Phúc Âm cũng là những áng văn chương do con người

viết nên. Những nhà nghiên cứu Thánh Kinh đã giải thích các điểm khác biệt giữa các Thánh Sử theo các nguyên tắc của *khoa văn hình sử* - khoa học lịch sử hình thành văn chương. Họ giải thích rằng: các khác biệt đó bắt nguồn từ mấy yếu tố sau:

– *Do mỗi Thánh Sử cho ý hướng thần học riêng* nên có thể sắp xếp sự kiện, lời giảng dạy của Chúa Giêsu, thay đổi các con số, tên tuổi người liên quan, nơi chốn xảy ra sự kiện, hoặc thêm vào vài từ muốn nhấn mạnh trong lời giảng dạy của Chúa Giêsu.

– *Do cộng đồng đón nhận Phúc Âm có những nét đặc thù*. Thí dụ Matthêu dùng từ “Nước Trời” vì người Do Thái tránh kêu tên Thiên Chúa trong khi 3 Thánh Sử khác lại dùng từ “Nước Thiên Chúa” mà không sợ phạm huý.

– *Do định luật truyền miệng*: các bản văn Phúc Âm là kết quả của những bài giảng truyền khẩu trong các cộng đồng giáo hội khác nhau, nên càng truyền miệng lâu từ người này sang người nọ thì con số càng ngày càng lớn, thí dụ như số người ăn, số thúng bánh vụn còn thừa lại trong các phép lạ hoá bánh ra nhiều, số thiên thần, số người được chữa lành...

3. Những hệ quả từ những lời giải thích khác nhau

Khi áp dụng cách cứng nhắc nguyên tắc của khoa văn hình sử, các nhà nghiên cứu Thánh Kinh cho rằng cùng một sự kiện xảy ra hay cùng lời giảng của Chúa Giêsu nhưng thánh Matthêu, Marcô, Luca, Gioan viết mỗi người một cách khác nhau do 3 yếu tố trên đây tác động. Vì thế, người ta không thể phân biệt đâu là sự kiện thật sự xảy ra, đâu là lời nói thật sự của Chúa Giêsu, đâu là các phần thêm vào từ phía con người. Do đó, Phúc Âm bây giờ chỉ còn là sách đạo đức đặc biệt vì kể lại cuộc đời của Đức Giêsu, chứ không phải được Chúa Thánh Thần linh hứng.

Có người đã nghĩ rằng nên tìm về bản văn gốc đầu tiên bằng tiếng Do Thái cổ của thánh Matthêu - nhưng bản này đã mất - để tìm sự chính xác. Giá trị theo thời gian: tiếp theo là bản văn của Marcô và

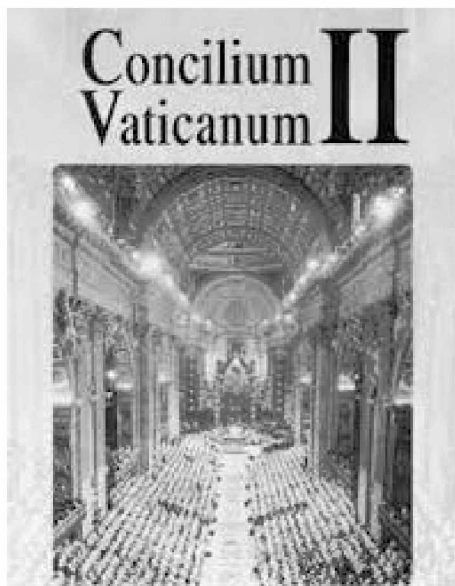
của thánh Matthêu viết bằng tiếng Hy Lạp vào khoảng năm 55-60, rồi đến bản văn của thánh Luca xuất hiện vào khoảng năm 65, sau cùng vào khoảng năm 90 mới có bản văn của thánh Gioan.

Hơn nữa, khi nhà thần học Tin Lành Rudolf Bultmann (1884-1976), vào những năm 1940-1960, chủ trương giải trừ những huyền thoại ra khỏi Phúc Âm, để cho con người thời nay chuộng khoa học thực nghiệm dễ đón nhận Lời Chúa hơn, thì nhiều anh em Tin Lành mất hẳn lòng tin vào Thánh Kinh, dù trước đây họ hoàn toàn tin tưởng và lấy Thánh Kinh làm tiêu chuẩn cho đời sống. Nguy hiểm hơn nữa là một số nhà thần học Thánh Kinh Công giáo cũng bị ảnh hưởng bởi chủ thuyết này và đang dạy trong các chủng viện, đại học. Chính vì thế chúng ta muốn suy niệm vấn đề Thánh Kinh này để tìm lại niềm xác tín hoàn toàn vào Chúa Giêsu Kitô.

4. Lập trường của Giáo hội Công giáo

Giáo hội Công giáo rất trân trọng những đóng góp giá trị của các nhà nghiên cứu Thánh Kinh, của các khoa học xã hội nhân văn liên quan đến Thánh Kinh cũng như cố gắng giải thích những vấn nạn Thánh Kinh theo những khám phá đúng đắn của các khoa học này.

Công đồng Vaticanô II, trong hiến chế tín lý về mạc khải *Dei Verbum*, số 12, đã nói rõ về các điểm này: “Vì trong Thánh Kinh, Thiên Chúa đã nhờ loài người và dùng cách nói của loài người mà phán dạy, nên phải tìm hiểu chủ ý của Thánh Sứ, xét



đến các thể văn khác nhau, chú ý đến hoàn cảnh thời đại, văn hoá và cách diễn tả của từng Thánh Sử...”. Hơn nữa “Thánh Kinh đã được viết ra bởi Chúa Thánh Thần nên cũng phải được đọc và giải thích trong Chúa Thánh Thần... và tùy thuộc vào phán quyết của Giáo Hội vì Giáo Hội được Thiên Chúa giao cho sứ mệnh và chức vụ gìn giữ và giải thích lời Chúa”.

Trong các sách Phúc Âm, Chúa Thánh Thần là tác giả trực tiếp và các vị Thánh Sử cũng là tác giả thật sự. Các ngài được Chúa dùng để ghi chép lại các lời dạy và sự kiện của Chúa Giêsu để truyền lại cho chúng ta. Mỗi vị Thánh Sử có ý hướng thần học riêng và viết Phúc Âm cho những cộng đồng khác nhau. Vì thế, các ngài đã chọn những biến cố, ghi lại từng lời của Chúa Giêsu trong những hoàn cảnh khác nhau cho phù hợp với cộng đồng mà mình gửi đến, phù hợp với ý hướng thần học mà Chúa soi sáng, nhưng chính các ngài không làm sai lạc sự kiện hay biến đổi một lời nào của Chúa Giêsu.

Lý do là vì uy thế tối thượng của Chúa Giêsu và uy tín tối cao của cộng đoàn Giáo Hội không cho phép các Thánh Sử sửa đổi, thêm thắt theo ý riêng mình. Hơn nữa, nếu hành động như thế họ còn xúc phạm đến Chúa Thánh Thần, và chắc chắn cộng đồng Dân Chúa sẽ loại trừ những nguy thư không đúng với sự thật.

5. Những đường hướng giải đáp các vấn nạn

Chúng tôi xin giới thiệu những đường hướng giải đáp các vấn nạn và mong ước các nhà nghiên cứu Thánh Kinh hay thần học bỏ khuyết cho những cố gắng của chúng tôi.

5.1. Giải đáp về lời rao giảng của Chúa Giêsu

Chúng ta nên nhớ: Chúa Giêsu rao giảng Phúc Âm 3 năm, khoảng 1.000 ngày, mỗi ngày vài giờ, thì tổng cộng Người rao giảng có đến vài ba ngàn giờ. Nhưng nếu ta thử ghi âm toàn bộ những lời Chúa Giêsu nói trong 4 cuốn Phúc Âm, ta thấy chỉ kéo dài khoảng 1 giờ, nghĩa là các Thánh Sử chỉ mới ghi được một phần ngàn những lời của Chúa. Chúa Giêsu nói rất nhiều, Người có thể lặp lại một phần

giáo lý Người giảng tùy theo mỗi hoàn cảnh khác nhau, mỗi đối tượng nghe khác nhau, nên mỗi vị Thánh Sử đã chọn ghi những lời của Chúa chứ không phải thay đổi lời Người theo ý mình. Bốn vị Thánh Sử ghi những lời Chúa trong các trường hợp khác nhau như vậy để chúng ta có thể áp dụng trong những hoàn cảnh đổi thay của đời sống tùy theo sự thôi thúc của Chúa Thánh Thần.

5.2. Giải đáp về các phép lạ của Chúa Giêsu

Điều làm tưởng lớn nhất là người ta nghĩ Chúa Giêsu chỉ làm vài chục phép lạ vì toàn bộ Phúc Âm chỉ có khoảng 30 bài tường thuật về phép lạ trong Phúc Âm Nhất Lãm và 5 bài trong Phúc Âm của Thánh Gioan. Trong số 25 bài tường thuật chữa bệnh, có 7 bài lồng thêm việc trừ quỷ để khỏi bệnh, và khoảng 10 bài về hành động của Đức Giêsu trên vạn vật. Đây là các bài tường thuật chi tiết với hoàn cảnh rõ ràng. Mục đích các bài này có tính chất dạy giáo lý để khơi dậy lòng tin vào Đức Giêsu. Chúng ta tạm gọi các bài đó là *văn loại chính*.

Người ta so sánh các bài này với nhau, nhất là trong tác phẩm nổi tiếng *Synopsis Quattuor Evangeliorum* bằng tiếng Hy Lạp của Kurt Aland, đã được Nhóm Phiên dịch Các Giờ Kinh Phụng Vụ dịch sang tiếng Việt là *Đối Chiếu Bốn Sách Tin Mừng*, xuất bản năm 2004. Nhiều người tưởng lầm rằng Chúa Giêsu chỉ làm một phép lạ nào đó nhưng được các Thánh sử ghi lại cách khác nhau, chứ không nghĩ rằng Chúa Giêsu có thể đã thực hiện hàng ngàn, hàng vạn phép lạ trong 3 năm hoạt động của Người. Điều này được chứng minh qua các *văn loại phụ*.

Văn loại phụ gồm những lời tóm tắt tổng quát, kể cách chung chung về hành động của Đức Giêsu. Thí dụ như: “Chiều đến, khi mặt trời đã lặn, người ta đem mọi kẻ ốm đau và những ai bị quỷ ám đến cho Người. Cả thành xúm lại trước cửa. Đức Giêsu chữa nhiều kẻ ốm đau mắc đủ thứ bệnh tật và trừ nhiều quỷ...” (Mc 1,32.34; 3,10-12; 6,55-56; Mt 9,35.14,14; 15,30-31; 19,2; 24,24; Lc 5,15-17; 7,21). Rồi ta còn phải kể thêm các lời ám chỉ: “Người không thể làm được phép lạ nào tại đó” (Mc 6,5) hoặc ghi lại phản ứng của người không tin:

“Hêrôđê tin Đức Giêsu là Gioan Tẩy Giả sống lại vì Người làm nhiều phép lạ” (Mc 6,14-16), các ghi nhận về hành động cứu độ của Chúa Giêsu (x. Mc 15,31; Mt 9,34; 10,25; 12,24; Lc 23,8...), các lời đáp của Chúa Giêsu (x. Mt 11,5-6; 11,21-24; Mt 12, 25-29), các diễn từ ở Công vụ Tông đồ: Cv 2,22; 10,38...

Thí dụ: Nhiều nhà Thánh Kinh Công giáo nghĩ rằng Chúa Giêsu chỉ làm 1 phép lạ cứu chữa cho con gái ông Giairô, rồi các Thánh Sử kể mỗi người mỗi khác, miễn là nói rõ được hành động làm cho kẻ chết sống lại là chính, còn việc chết rồi hay chưa chết khi ông Giairô đến xin Chúa Giêsu chỉ là chi tiết nhỏ nhặt, không cần phải quan tâm! Hơn nữa vì các bản tường thuật phép lạ có mục đích giáo huấn về đức tin, chứ không phải giống như bản tường thuật thời sự của các phóng viên báo chí thời nay, nên không đòi sự chính xác tuyệt đối.

Trái lại, chúng tôi cho rằng các Thánh Sử hoàn toàn tôn trọng từng chi tiết nhỏ mọn nhất, bảo đảm sự thật tuyệt đối về Chúa Giêsu Kitô. Chúng ta có thể xác định điều đó nếu chúng ta hiểu rằng phép lạ về con gái ông Giairô của mỗi Thánh Sử là hoàn toàn khác nhau. Tên Giairô là tên phổ biến ở nước Do Thái, còn chức vụ trưởng hội đường thì vào thời đó, nước Do Thái có hàng trăm hội đường, và có cả chục ông có con gái nhỏ. Chúng ta đừng lạ vì chỉ 12 tông đồ thôi cũng đã có 3 cặp trùng tên: Giacôbê, Simon, Giuđa (x. Lc 6,12-16).

Nhiều người chối bỏ phép lạ vì bị ảnh hưởng bởi khuynh hướng giải trừ huyền thoại của ông R. Bultmann, nhưng Thượng Hội đồng Giám mục 2012 yêu cầu chúng ta phải nhận ra: “Công trình Phúc Âm hoá của Chúa Giêsu gắn liền với 2 hoạt động: chữa bệnh và tha thứ... Và việc giải thoát khỏi quyền lực ma quỷ là một dấu chỉ rằng: “Nước Thiên Chúa đã đến giữa chúng ta” (Mt 12,28) và Tin Mừng, món quà cứu rỗi cho mọi người, dẫn đưa chúng ta vào một tiến trình biến đổi và thông phần vào sự sống của Thiên Chúa, Đấng đổi mới chúng ta ngay từ giờ phút hiện tại” (TLLV, số 29).

Một khi gặp gỡ Chúa Giêsu Kitô và kết hợp mật thiết với Người, chúng ta sẽ thấy những phép lạ trở thành hoạt động thường xuyên của người thừa sai để bảo đảm cho lời rao giảng của chúng ta (x. Mc

16,17-20). Do đó, nếu Chúa Giêsu đã làm hàng ngàn phép lạ thì việc Chúa Giêsu chữa 1 hay 2 người mù ở Giêricô, 1 hay 10 người phong cùi, nhiều phép lạ hoá bánh ra nhiều đều có thật và các Thánh Sứ được quyền tự do chọn lựa chúng.

5.3. Giải đáp về biến cố Vượt Qua của Đức Giêsu

Một số vấn nạn liên quan đến cái chết và sự sống lại của Đức Giêsu Kitô cũng được giải đáp hợp lý nếu chúng ta quan tâm đến văn hoá và lịch sử dân tộc Do Thái. Nhờ khám phá mới đây về nền văn hoá của người Do Thái thời Chúa Giêsu, người ta thấy rằng tục lệ xúc dầu thơm trên xác người chết diễn ra trong 3 ngày, nên cửa mộ chỉ đóng hờ bằng tảng đá lớn và cả 4 Thánh Sứ đều ghi đúng sự việc xảy ra.



Việc nhìn thấy 1 hoặc 2 thiên thần không phải là kết quả phóng đại của luật truyền miệng

nhưng là một sự thật: các Thánh Sứ thấy sao nói vậy! Nếu nhìn từ ngoài vào trong mộ, thông qua cửa mộ chật hẹp, người ta chỉ thấy 1 thiên thần. Tuy nhiên, nếu bước vào trong lòng mộ, người ta sẽ thấy hết được tảng đá dài, nơi đặt thi hài người chết trên đó, mới thấy được “2 thiên thần, một vị ở phía đầu, một vị ở phía chân” (Ga 20,12).

Danh sách các phụ nữ đến mộ theo thánh Luca là chính xác, nghĩa là có nhiều bà, rồi tùy vào cộng đồng đón nhận bản Phúc Âm mà các Thánh Sứ ghi rõ tên từng người hoặc tùy vào bài học gắn bó với Chúa Phục Sinh như Thánh Gioan ghi lại về trường hợp của Maria Magdala.

Những lần hiện ra của Đấng Phục Sinh rất hợp lý và chúng ta có thể lập thành biểu đồ với thời điểm tương đối rõ ràng về 14 lần hiện ra của Đấng Phục Sinh. Dù các môn đệ có nghe theo lời các phụ nữ đến Galilê đi nữa, thì cuộc hiện ra ở Giêrusalem vào chiều Chúa Nhật vẫn thực hiện được nếu chúng ta hiểu được bản chất cuộc sống lại của Đức Giêsu là một cuộc sáng tạo con người mới, không bị lệ thuộc vào vật chất, không gian và thời gian để sống bằng sức sống phi thường, kỳ diệu của chính Thiên Chúa. Nhờ khám phá ra 14 lần hiện ra của Chúa Giêsu Phục Sinh, chúng tôi cũng biên soạn thành Đường Ánh Sáng theo Thánh Ignatiô Loyola nhằm giúp cho đời sống đạo của người Việt Nam thêm những niềm vui và hy vọng để quân bình hơn thay vì chỉ quen đi Đàng Thánh Giá, suy niệm về cái chết, đau khổ và thử thách của Chúa Giêsu.

Lời kết

Sau khi tìm hiểu vài vấn nạn liên quan đến niềm tin của chúng ta vào Đức Giêsu Kitô, chúng tôi hy vọng người thừa sai chúng ta đặt trọn niềm xác tín vào Đức Giêsu Kitô. Hành trình đức tin hay con đường dẫn ta tới gặp gỡ Chúa Giêsu luôn mời ta phải cố gắng bước tới bằng cách tìm hiểu, học hỏi. Mỗi bước tiến mới sẽ giúp ta nhìn rõ khuôn mặt Chúa Giêsu ở trong ta hơn, đồng thời cũng cảm nhận rõ hơn niềm hạnh phúc và ơn cứu độ để ta có thể chia sẻ Tin Mừng Giêsu cho người khác.

Câu hỏi gợi ý suy tư:

1. *Bạn có thắc mắc hay nghi ngờ gì về lời dạy của Chúa Giêsu?*
2. *Bạn có nghi vấn gì về hành động của Chúa Giêsu?*
3. *Có phép lạ nào của Chúa Giêsu khiến bạn nghi ngờ?*
4. *Bạn có thắc mắc gì về cái chết và cuộc sống lại của Chúa Giêsu?*

Bài 17

Gắn bó với Chúa Giêsu trong cái chết của Người



Lời mở

Để có thể rao giảng TM của Chúa Giêsu, chúng ta phải xác tín về mầu nhiệm Vượt Qua của Người, nghĩa là về cái chết và cuộc sống lại

của Chúa Giêsu. Trước hết, chúng ta tìm hiểu về cái chết của Người. Chúng ta có thể tóm tắt vài điểm cơ bản sau đây:

Lời tuyên xưng trong Kinh Tin Kính: “*Người chịu đóng đinh vào thập giá vì chúng ta, thời quan Phongxiô Philatô. Người chịu khổ hình và mai táng*”: là đặc điểm của niềm tin Kitô giáo so với các tôn giáo khác. Các tôn giáo khác thường chỉ muốn suy tôn vị sáng lập tôn giáo trong ánh hào quang, còn Kitô giáo lại nói về cái chết bi thảm của Đức Giêsu.

Cái chết của Đức Giêsu vừa là một sự kiện lịch sử vừa là một mầu nhiệm nên cần khám phá bằng lý trí dưới ánh sáng đức tin. Việc khám phá này cần thực hiện liên tục trong đời sống chứ không phải một lần là được. Mỗi lần cố gắng là chúng ta luôn khám phá ra những điểm mới và có những bước tiến mới trong đời sống

Cái chết này gắn bó với cuộc sống lại thành một biến cố duy nhất giống như hai mặt của một thực thể (x. 1Cr 15; 1Ts 4,14; 1Pr 3,18). Nếu chỉ quên đi một mặt, ta sẽ không thể nhận định rõ và sống đúng mầu nhiệm Vượt Qua của Đức Kitô: để rồi bị quan về cái chết hoặc ảo tưởng về cuộc sống lại.

1. Những dữ liệu lịch sử

1.1. Cả bốn sách Phúc Âm đều kể về cái chết và cuộc sống lại của Đức Giêsu, một số sách khác trong Tân Ước, sử gia Tacitus người Rôma, sách Tamud của người Do Thái... cũng nói đến cái chết này. Đây là những dữ liệu lịch sử chắc chắn và cái chết của Đức Giêsu là một thực tại lịch sử.

1.2. Sự kiện xảy ra là: Đức Giêsu Nazareth đã bị quan toàn quyền người Rôma là Phongxiô Philatô kết án đóng đinh trên thập tự do áp lực của các thượng tể và kỳ mục người Do Thái vào ngày thứ Sáu, 7 tháng 4 năm 30 (một số ít sử gia khác tính vào ngày 3 tháng 4 năm 33), ngày áp lễ Vượt Qua, 14 tháng Nisan (x. Mt 27,45-54; Mc 15,33-39; Lc 23,44-48; Ga 19,31). Giáo hội Công giáo đã giữ truyền thống cử hành ngày Chúa Giêsu chịu chết tương ứng với lễ Vượt Qua

của người Do Thái thay vì cử hành vào đúng ngày 7 tháng 4 hằng năm.

1.3. Lý do Đức Giêsu bị kết án: người ta muốn quy trách nhiệm việc xử án bất công cho công nghị Do Thái hoặc quan toàn quyền Rôma. Thực sự chính vì cuộc sống của Đức Giêsu: thái độ của Người đối với lề luật, với ngày Sabat, với các tội nhân, hành động của Người trong việc trừ quỷ, tha tội, xua đuổi người buôn bán ra khỏi đền thờ Giêrusalem, một số lời dạy của Người có vẻ như chống lại thái độ người cầm quyền nên người ta muốn tận diệt Đức Giêsu.

2. Giải thích về cái chết của Đức Giêsu

2.1. Khởi đầu các môn đệ sững sốt, không hiểu. Truyền thống Do Thái không nói đến việc Đấng Mêsia bị chính dân tộc chối từ và giết đi. Sau đó cộng đồng Kitô hữu sơ khai mới hiểu được ý nghĩa của thập giá và coi đó là nằm trong chương trình cứu độ của Thiên Chúa (x. Cv 2,23; 4,28; Pl 2,8). Hơn nữa, cộng đồng đang sống trong hoàn cảnh bị đàn áp, bách hại nên tìm cách áp dụng cuộc khổ nạn của Đức Giêsu vào đời sống của mình.

2.2. Cuộc khổ nạn – sống lại của Đức Giêsu xảy ra theo kế hoạch Thiên Chúa đã định và báo trước: “Đức Kitô đã chết vì tội lỗi chúng ta đúng như lời Thánh Kinh, rồi Người đã được mai táng và ngày thứ ba đã trở dậy đúng như lời Thánh Kinh” (1Cr 15,3-4). Vì thế, các Kitô hữu sơ khai dựa vào Thánh Kinh để khám phá ra ý nghĩa cái chết của Đức Giêsu qua các hình ảnh: Abel bị giết, Giuse bị bán làm nô lệ, tiên tri Giêrêmia bị bách hại, Israel bị lưu đày, chiên lễ Vượt Qua...

2.3. Đức Giêsu tự hiến dâng chính mình cho Thiên Chúa như của lễ đền tội cho con người (x. 1Cr 11,24; Lc 22,19... “*Đây là mình Thầy hiến tế vì anh em...*”). Người là tội tó Giavê được tiên tri



Isaia báo trước: “*Chính Người đã bị đâm vì chúng ta đã phạm tội, bị nghiền nát vì chúng ta lỗi lầm... Người đã bị ức hiếp, buộc tội, rồi bị thủ tiêu... Người đã bị khai trừ khỏi cõi nhân sinh, vì tội lỗi của dân, Người bị đánh phạt. Người đã bị chôn cất giữa bọn ác ôn, bị mai táng với người giàu có, dù đã chẳng làm chi tàn bạo... Đức Chúa đã muốn Người phải bị nghiền nát vì đau khổ...* (x. Is 52,5-10).

2.4. Đức Giêsu chết để thiết lập giao ước mới với Thiên Chúa: “*Tất cả anh em hãy uống chén này, vì đây là máu Thầy, máu giao ước đổ ra cho muôn người được tha tội*” (x. Mt 26,28; Mc 14,22-25; Lc 22,19-20; 1Cr 11,23-25).

2.5. Tại sao Chúa Giêsu lại phải chết để đền tội cho con người và giao hoà với Thiên Chúa?

Chúng ta hãy tưởng tượng hai đứa bé chửi nhau: “mày là đồ ăn cắp” rồi dẫn đến bất hoà. Để hoà giải, một người lớn có thể nói: “Thôi, hai cháu xin lỗi nhau và làm hoà với nhau đi!”. Như thế là đủ.

Nhưng đứa bé nói lời vô lễ đó với ông chủ tịch quận hay thành phố, thì không phải ai cũng hoà giải đôi bên được. Cần một người

trung gian có địa vị tương xứng và quen biết cả hai bên thì việc hoà giải mới tốt đẹp. Nếu người bị xúc phạm là ông vua thì người hoà giải phải là vị hoàng hậu hay quan tể tướng. Như thế, một hành vi xấu xa xúc phạm đến người có địa vị càng cao thì tội càng nặng. Từ đó ta hiểu được hành động của con người xúc phạm đến Thiên Chúa nặng nề vô cùng, không ai có thể đền bù và hoà giải nếu không phải là chính Thiên Chúa. Vì thế, Chúa Giêsu, Ngôi Lời Thiên Chúa làm người, dám nhận trách nhiệm này.

3. Kinh nghiệm của Đức Giêsu về sự chết

Chúng ta muốn tìm hiểu khía cạnh thâm thúy, tinh vi của mầu nhiệm thập giá tiềm ẩn trong cõi lòng sâu thẳm của Đức Giêsu, trong ý thức và trong chính bản thể của Người. Chắc chắn ít ai trong chúng ta có kinh nghiệm về cái chết vì chúng ta chưa chết nhưng chúng ta có thể hiểu được nhờ suy luận và ơn Chúa soi sáng qua lời cầu nguyện.

Ta có thể xác tín rằng: Đức Giêsu là người thế nào thì sẽ chết thế ấy: Người chết như con người, như Đấng Kitô, như Ngôi Lời Thiên Chúa.

3.1. Con người Giêsu chết

Vì là con người nên khi đối mặt với cái chết, Đức Giêsu cũng kinh hãi, run sợ do bản năng bảo tồn sự sống như bất cứ sinh vật nào. Theo truyền thống Do Thái: chết là hết hy vọng, xa cách nguồn sống, xa cách Thiên Chúa (x. Tv 6,6; 88,11-13; Is 38,18...). Hơn nữa, Người còn bị giết chết nhục nhã giữa tuổi thanh xuân (x. Is 53,2-3) với khổ hình dành cho hạng người nô lệ.

Một mảnh dằm nhỏ cắm vào da thịt ta cũng làm cho chúng ta cảm thấy nhức nhối, huống chi Đức Giêsu với tay chân bị đóng đinh vào thập giá, đầu bị những chiếc gai nhọn đâm thấu, lượng máu mất dần qua những vết thương, bị sức nặng cơ thể kéo xuống làm cho ngộp thở từng giây và Người phải ấn đôi chân trên đĩnh tựa bị đóng đinh để cố gắng hít từng hơi thở nhỏ trong suốt quãng thời gian hấp hối đến 3

giờ chiều, ta mới hiểu nỗi đớn đau khủng khiếp trên thân xác của Người.

Cái chết còn nói lên thực trạng con người dính líu với tội lỗi (x. Rm 5,12; 8,3), nhất là Đức Giêsu lại vô tội (x. 2Cr 5,21). Vì thế, nỗi đau tinh thần còn khủng khiếp hơn: ngoài nỗi đau buồn bị môn đệ bỏ rơi, quần chúng chế nhạo, trong đó có cả những người nhận phép lạ của Người cũng muốn loại trừ Người, Đức Giêsu thật sự đau khổ. Tuy nhiên, với tất cả sự tự nguyện và ý thức về tình yêu của Người Con đối với Cha mình, Người cầu xin Cha tha thứ cho những kẻ hành hình mình (x. Lc 23,34) và tin tưởng đọc lên lời nguyện cuối cùng: *“Lạy cha, con xin phó thác hồn con trong tay Cha”* (Lc 23,46: Tv 31,6).

Cử chỉ nhân bản nhất của Đức Giêsu trước khi chết là Người không muốn để mẹ mình bị lẻ loi. Người trao phó mẹ cho môn đệ yêu dấu của Người cũng như muốn người đó được mẹ Người chăm sóc, chỉ dạy. Đức Giêsu nói với mẹ Maria: *“Thưa Bà, đây là con Bà”*. Rồi Người nói với môn đệ: *“Đây là mẹ của anh”* (Ga 19, 26-27).

3.2. Đức Giêsu chết như Đấng Mêsia

Đấng Mêsia là hiện thân của những gì Đức Giavê hứa với dân Israel trong suốt dòng lịch sử: từ hình ảnh Mêsia là một ông vua đến thiết lập vương quốc, qua Mêsia tiên tri với biểu tượng là tội tó đau khổ của Thiên Chúa cho đến Mêsia Tư tế, Mêsia Con Người theo tiên tri Đanien (Đn 7). Đức Giêsu thực hiện tất cả theo từng chi tiết đã



được ghi trong Thánh Kinh mà chúng ta không thể nào kể hết trong vài phút này. Tuy nhiên, chúng ta cần nhớ vài điều cơ bản:

– Người là Mêsia Vua từ việc đội mão gai cho đến bản án ghi trên đầu thập giá: “*Giêsu Nazareth Vua dân Do Thái*”. Ngay cả việc an táng Đức Giêsu trong năm mộ mới (x. Mt 27,60; Lc 23,53; Ga 19,41) và việc liệm xác với hợp chất gồm mộc dược và trầm hương “chùng 100 cân” (x. Ga 19,39-40) có thể nói là bất ngờ, vượt quá thói quen chôn xác: đây là việc chôn cất theo cung đình. Với cách chôn cất này, Người vẫn là vua, ngay trong tình cảnh bi thảm nhất (x. ĐGH. Bê-nê-đi-cô, *Đức Giêsu thành Nazareth*, tập II, chương 8).

– Ngài là Mêsia Tiên tri vì chết như người Tội Trung đau khổ của Thiên Chúa vì mang lấy tất cả tội lỗi của toàn thể nhân loại. Người cảm thấy như bị Chúa Cha thánh thiện xua đuổi, bỏ rơi: “*Lạy Thiên Chúa, Lạy Thiên Chúa của con, sao Ngài bỏ con?*” (Mt 27,46; Mc 15,34). Thật ra, Thiên Chúa chẳng bao giờ bỏ rơi Con của mình cũng chẳng bỏ con người Ngài đã dựng nên. Tiếng kêu của Đức Giêsu chính là tiếng kêu của Đấng Mêsia thay cho tất cả mọi người đau khổ trước sự vắng bóng của Thiên Chúa, phải sống trong bóng đêm, không thấy được Thiên Chúa. Tiếng kêu khởi đầu của Thánh vịnh 22 này sẽ kết thúc trong niềm tin tưởng, hy vọng cứu độ và chiến thắng của tình yêu (x. ĐGH. Bê-nê-đi-cô XVI, *Đức Giêsu thành Nazareth*, tập II, chương 8).

– Người là Mêsia Tư tế vừa dâng lễ vật là chính mình Người trên bàn thờ thập giá để chuyển cầu cho muôn dân. Chính khi Người gục đầu trên thập giá, Đức Giêsu Thượng tế đi vào trong cung thánh vĩnh cửu, màn trong Đền thờ Giêrusalem bị xé ra làm đôi (x. Lc 23,45) để từ nay Thiên Chúa mở rộng cửa lòng cho tất cả mọi người. Khi người lính đâm ngọn giáo vào cạnh sườn bên phải, vào thẳng trái tim Đức Giêsu, “*tức thì máu cùng nước chảy ra*” (Ga 19,34), đó là giờ các chiên Vượt qua bị giết. Đức Giêsu chính là con chiên Vượt Qua thanh khiết và hoàn hảo như Gioan Tẩy Giả giới thiệu lúc khởi đầu (x. Ga 1,29). Không một chiếc xương nào của Người bị gãy theo đúng yêu cầu của lễ vật (x. Xh 12,46; Tv 34, c. 20-21). Việc rút thăm chiếc áo dài không có đường khâu, dệt

liền từ trên xuống dưới (x. Ga 19,23-24) theo Thánh Vịnh 22,19 và qua thông tin của sử gia Flavius Josephus (x. *Ant. Iud.* III, 7, 4) muốn nhắc đến phẩm giá thượng tế của Đức Giêsu. Ngay trong giây phút bị chà đạp danh dự đến tột đỉnh, Người vẫn hoàn tất sứ vụ tư tế của mình (x. Đức GH. Bênêđictô, *Đức Giêsu thành Nazareth*, tập II, chương 8).

Hành động của Đức Giêsu Mêsia là mẫu mực cho hành động của chúng ta, vì chúng ta cũng là Kitô hữu và nhận lãnh sứ mạng Kitô như Người.

3.3. Đức Giêsu chết như Thiên Chúa

Lời tuyên xưng của viên đại đội trưởng: “*Quả thật, ông này là Con Thiên Chúa*” (Mt 27,54) xác định tính chất cao cả nhất trong cái chết của Đức Giêsu.

Thiên Chúa có thể trở thành con người thì cũng có thể chết như con người. Đức Giêsu là Ngôi Lời Thiên Chúa đã trở nên người phạm và cư ngụ giữa chúng ta. Người không có gì ở nơi mình để chết vì chúng ta, nếu Người đã không nhận lấy xác phạm phải chết của chúng ta. Như thế, Đấng bất tử có thể chết. Người làm thế là vì muốn ban sự sống cho ta, vì với những gì chúng ta có xưa, chúng ta không thể sống, cũng như với những gì là của Người trước kia, Người không thể chết. Do đó đã có một cuộc trao đổi lạ lùng, trong đó cả 2 bên đều góp phần: phần của ta khiến Người phải chết, còn phần của Người khiến ta được sống (x. T. Augustinô, Bài Đọc II, thứ Hai Tuần Thánh, *Các Giờ Kinh Phụng Vụ*).

Vì Thiên Chúa là tinh thần tuyệt đối, vượt lên trên không gian và thời gian nên hành động của Thiên Chúa mới có thể lan rộng tới mọi người, mọi vật ở bất cứ đâu và vào bất cứ thời điểm nào. Do đó, cái chết giao hoà với Thiên Chúa của Đức Giêsu mới mang lại ơn cứu độ cho toàn thể thụ tạo trong bất cứ thời nào.

Vì Thiên Chúa là tình yêu vô biên và quyền năng tuyệt đối nên Ngài có thể làm bất cứ điều gì để diễn tả tình yêu của mình. Đức Giêsu đã muốn chết như một vị Thiên Chúa làm người để diễn tả “*tình yêu*”

cho đến cùng của Người” (Ga 13,1) và “không có tình yêu nào cao quý hơn tình yêu của người thi mạng vì bạn hữu mình” (Ga 15,13). Người chịu khổ nhưng không bị huỷ diệt và nhờ đó Người mới lấy cái chết của mình để cứu chuộc chúng ta. Trên thập giá, Thiên Chúa xuất hiện như Đấng hoàn toàn tự do trong tình yêu. Tình yêu tuyệt đối là trao hiến chính mình một cách hoàn toàn cho người mình yêu.

Cái chết nói lên bản chất của thụ tạo và tính liên đới của vũ trụ vạn vật với Ngôi Lời Thiên Chúa, vì tất cả được dựng nên nhờ Người và cho Người. Cái chết của Chúa Giêsu mang chiều kích vũ trụ, nên vạn vật đồng cảm với Người: “*Bóng tối bao phủ khắp mặt đất từ giữa trưa cho đến 3 giờ chiều. Đất rung, đá vỡ, mồ mả bật tung và xác của nhiều vị thánh đã an nghỉ được trôi dạt*” (x. Mt 27,45.51-52; Mc 15,33; Lc 23,44-55).

4. Những bài học được mạc khải từ cái chết này

4.1. Bức màn trong đền thờ Giêrusalem bị xé ra làm đôi từ trên xuống dưới (Mt 27,51-53) muốn nói lên nhiều điều: Thiên Chúa không còn xa cách con người nhưng rất gần với con người và vũ trụ vạn vật. Một tôn giáo mới mẻ và phổ quát bắt đầu với cái chết của Chúa Giêsu: thân xác Chúa Giêsu như bức màn để ta đi qua và gặp được Thiên Chúa.

4.2. Thiên Chúa là tình yêu: yêu đến độ chết cho con người (x. Ga 3,16; 1Ga 4,10; Rm 8,32) cách vô điều kiện (x. Ga 10,11.17.19; Rm 5,8). Đó là bài học căn bản nhất (x. Gl 2,20; Ep 5,2.25).

4.3. Thiên Chúa đáng kính sợ: vì tình yêu Thiên Chúa như ngọn lửa thiêu rụi mọi dấu vết tội ác và biến đổi tất cả thành tốt lành, thanh khiết nhờ Thánh giá Chúa Giêsu. Phải dám đóng đinh mình vào Thánh giá với Chúa Giêsu và yêu thương vô vị lợi như Người, chúng ta mới có khả năng cứu độ thế giới.

4.4. Cần phải có tình yêu để giải quyết vấn đề đau khổ và sự dữ: đau khổ là một mẫu nhiệm không thể thấu triệt, cần biết nhẫn nại chịu đựng. Cần phân biệt đau khổ và sự dữ, sự dữ không phải là một thực

tại mà chỉ là việc vắng bóng sự thiện (privatio). Dù sự dữ do bất cứ ai gây nên, ta cũng bắt chước Đức Giêsu dùng đau khổ để thắng sự dữ, dùng cái chết để tìm sự sống lại.

4.5. *Kenosis* là hành động từ bỏ chính mình (Pl 2,6-11). Đây là chìa khoá quan trọng để hiểu biết và giải thích trọn vẹn về cái chết của Chúa Giêsu Kitô: đó là quyết định vĩnh viễn của Ngôi Lời khi nhận lấy nhân tính sa đọa để hoà mình vào xã hội trần thế và cũng là quyết định của Đức Giêsu để sống trọn thân phận thấp hèn trong xã hội này chỉ vì yêu chúng ta và để cứu chúng ta (x. Pl 2,10-11; Ep 1,20-22). Đây cũng là con đường tự huỷ của người môn đệ Đức Kitô. *Kenosis* là một con đường chứ không phải là mục đích. Đức Giêsu trở thành Thiên Chúa cho con người và con người cho Thiên Chúa qua cái chết của Người trong một tình yêu hỗ tương. Thiên Chúa chết vì loài người để loài người chết cho Thiên Chúa. Khi con người đạt được điểm này là con người trở thành Thiên Chúa.

4.6. Chúng ta không được hổ thẹn vì cái chết của Chúa Giêsu, mà phải hết sức tin tưởng, tự hào, vui mừng tuyên xưng vì Người yêu thương, cứu độ và làm cho ta trở nên Thiên Chúa nhờ cái chết của Người. “*Ước chi tôi chẳng hãnh diện về điều gì, ngoài thập giá Đức Giêsu Kitô, Chúa chúng ta*” (Gl 6,14).

Lời kết

Đức Kitô đã vượt qua cái chết để đến vinh quang Phục Sinh, ta cũng phải biết cùng chết với Người để mang lại ơn cứu độ và chia sẻ vinh quang cho mình và cho người khác (x. Rm 6,6; Gl 5,24).

Bài 18

Loan báo

Đức Giêsu Phục Sinh với niềm xác tín

Lời mở

Chúa Giêsu Phục Sinh là tâm điểm của toàn bộ lời rao giảng của các tông đồ cũng như của tất cả đời sống đức tin của tín hữu vì *“nếu Đức Kitô không sống lại, lời rao giảng của chúng tôi sẽ vô ích và lòng tin của anh em cũng thực là trống rỗng...”* (1Cr 15,14-19). Do đó, chúng ta phải tập trung sự chú ý và học hỏi thật nhiều về Đấng Phục Sinh.

Chúng ta đã tìm hiểu Chúa Giêsu chết như một con người, như Đấng Mêsia và như Ngôi Lời Thiên Chúa. Cái chết của Người không phải là hậu quả tất yếu của tội lỗi, từ nguyên tội của con người vì Đức Giêsu không phạm tội, nhưng đến từ sự khiêm hạ của Thiên Chúa, là hoạt động của tình yêu Thiên Chúa xuống với con người để đưa con người về với Thiên Chúa (x. ĐGH Bênêđictô XVI, *Đức Giêsu thành Nazareth*, phần II, chương 9 “Cuộc phục sinh của Đức Giêsu từ trong cõi chết”). Vì thế, cuộc sống lại của Đức Giêsu cũng sẽ là hậu quả tất yếu của tình yêu Thiên Chúa.

Cuộc sống lại này được diễn tả bằng hai bằng chứng: ngôi mộ trống và các lần hiện ra của Đấng Phục Sinh. Chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu về những bằng chứng này để tăng thêm sự hiểu biết và niềm tin vào Đức Giêsu Phục Sinh, vì cuộc sống lại của Đức Giêsu vừa là sự kiện có thật xảy ra trong lịch sử mà ta phải dùng lý trí để tìm hiểu,

vừa là một màu nhiệm mà ta cần phải có đức tin để khám phá ra những ý nghĩa của sự kiện này.

1. Ngôi mộ trống

Qua bài Tin Mừng của Lễ Canh thức Vượt Qua (x. Lc 24,1-12) cũng như của Lễ Phục Sinh (x. Ga 20,1-9), Giáo Hội mời gọi chúng ta suy niệm về ngôi mộ trống như dấu hiệu đầu tiên chứng minh Đức Giêsu đã sống lại.

1.1. Ngôi mộ an táng Chúa Giêsu và các dữ liệu liên quan

1.1.1. Cách thức an táng của người Do Thái

Trước hết, chúng ta nên tìm hiểu đôi chút về ngôi mộ và cách an táng của người Do Thái, dù một số anh chị em có lẽ cũng biết rồi. Nhiều người, nhất là các bạn trẻ, nghĩ đến mộ là nhớ đến hình ảnh rất quen thuộc trong các nghĩa trang ở nước ta: người ta đào một huyệt lớn rộng khoảng 1m, dài 2m, sâu 2m rồi đặt quan tài xuống đó. Nếu hiểu như vậy, ta sẽ rất khó hình dung ra ngôi mộ an táng Chúa Giêsu và các chi tiết về cuộc sống lại của Người.



Ở nước Do Thái, người ta không đào huyệt và chôn người chết trong quan tài như ở Việt Nam. Do có nhiều đồi núi nên người ta

thường khoét sâu vào trong sườn đồi một hang nhỏ, rộng khoảng 4-5m², kê một phiến đá phẳng rồi đặt người chết nằm trên phiến đá đó. Mộ có cửa nhỏ để người ta chui vào. Bên trong lòng mộ khoét rộng để một vài người có thể đứng tẩm liệm. Tùy theo người giàu hay người nghèo mà ngôi mộ rộng/hẹp khác nhau. Người ta tẩm liệm xác chết bằng cách quấn thật nhiều băng vải, trên mặt thì đặt một khăn dài, rồi đổ dầu thơm và mộc dục lên trên để có thể giữ xác không bị thối rữa trong vòng 3-4 ngày. Trong 3 ngày đầu sau cái chết, người thân thường đến mộ để tẩm liệm. Từ ngày thứ 4, người ta mới đóng cửa mộ và trét vữa kín để xác thân tự huỷ, không bốc mùi ra ngoài.

Chúa Giêsu được táng trong một ngôi mộ mới và được tẩm liệm theo nghi thức của một vị Mêsia vua với cả trăm cân mộc dục và thuốc thơm (x. Ga 19,41). Bên ngoài có một tảng đá lớn che cửa mộ (x. Mt 27,60; Lc 23,58; Ga 1,19,41), nhưng chưa đóng kín mộ vì còn trong thời gian tẩm liệm. Sau khi được mai táng, các thượng tế đã xin Philatô niêm phong ngôi mộ Chúa Giêsu và đặt các binh lính của đền thờ canh ngôi mộ hết sức cẩn thận (x. Mt 27,62-66).

1.1.2. Sự kiện ngôi mộ trống và các dữ kiện liên quan

Chúa Giêsu được mai táng trong mộ có nghĩa là Người đã đi đến tận cùng của cái chết. Người đã chết một cách nhục nhã và đã được mai táng thật sự chờ ngày thân xác thối rữa, hư nát như bất cứ người chết nào ở trần thế. Tuy nhiên, ngôi mộ chôn táng Đức Giêsu bây giờ trống rỗng! Bài Tin Mừng cũng tả rõ: tảng đá che cửa mộ đã lăn sang một bên, không còn xác Chúa Giêsu bên trong (x. Ga 20,1-2). Hai môn đệ Phêrô và Gioan được báo tin đã chạy tới ngôi mộ và thấy không còn người lính nào canh gác ở đấy. Các băng vải và khăn che mặt Đức Giêsu đã xếp gọn gàng để riêng ra một nơi (x. Ga 20,7).

1.2. Lời giải thích về ngôi mộ trống

Trước hết, chắc chắn đã xảy ra một sự kiện lạ lùng nơi mộ Chúa Giêsu nên mới có chuyện tảng đá che cửa mộ tự nhiên lăn sang một bên và đám lính canh không còn túc trực khiến các phụ nữ và môn đệ

đến mộ mà không bị xét hỏi. Thánh Matthêu giải thích: có một con động đất dữ dội và thiên thần Chúa từ trời xuống đến lăn tảng đá ra và ngồi lên trên khiến bọn lính canh và các phụ nữ hoảng sợ (x. Mt 28,1-4).

Thánh Phêrô, trong bài giảng đầu tiên cho người dân thành Giêrusalem, đã giải thích ngôi mộ trống rỗng là vì Thiên Chúa đã không muốn cho thân xác Đức Giêsu phải chịu cảnh hư nát trong mộ. Điều này ứng nghiệm những lời báo trước của thánh vịnh 16 mà người Do Thái thường đọc: *“Thân xác con cũng được nghỉ ngơi trong niềm hy vọng vì Chúa chẳng đành bỏ mặc linh hồn con trong cõi âm ty, cũng không để Vị Thánh của Ngài phải hư nát. Chúa sẽ dạy con biết đường về cõi sống”* (x. Cv 2,26-28).

Thánh Phêrô đưa ra bằng chứng: lăng tẩm chôn táng xác thân vua David vẫn tồn tại trước mắt người Do Thái, còn xác thân Đức Giêsu đã không còn trong mộ của Người nên đó là bằng chứng chỉ cho ta biết Người đã sống lại theo đúng lời Thánh Kinh. Vì nếu thật sự Người không sống lại, thì thân xác của Người vẫn còn nằm trong mộ, chịu sự hư nát và như thế lời Thánh vịnh 16 không biết sẽ nói về ai (x. Cv 2,29). Trong bài giảng khác (x. Cv 10,34.37-43), thánh Phêrô cũng nhắc lại lời làm chứng của mình về cuộc sống lại của Đức Giêsu.

Các thượng tế và luật sĩ đã từng lưỡng lự trước việc các môn đệ Đức Giêsu có thể đến lấy trộm xác Người rồi phao tin đồn rằng Đức Giêsu đã sống lại như Matthêu đã nói về dự đoán này (x. Mt 28,11-15). Tuy nhiên, những ghi nhận về việc các dải băng liệm và khăn che mặt Đức Giêsu được xếp gọn gàng để lại trong mộ muốn giải thích điều bịa đặt kia là vô lý. Các môn đệ Chúa Giêsu làm sao có thể đương đầu với sức mạnh của quân lính đền thờ và quân đội Rôma nếu họ muốn đến gần mộ để cướp xác Người. Nếu làm vậy thì họ phải nhanh chóng ôm xác và thoát khỏi hiện trường càng sớm càng tốt thay vì ngồi lại gỡ từng tấm băng. Hơn nữa, họ ôm cái xác bất động của Chúa Giêsu về nhà làm gì vì khi còn sống, Đức Giêsu đã không cứu nổi mình thì khi chết rồi xác Người cứu được ai? Vì thế, tông đồ Gioan “đã thấy” các băng vải và khăn che mặt nên “đã tin” rằng Đức Giêsu

thật sự trỗi dậy từ cõi chết như Người đã báo trước nhiều lần khi còn sống.

Chúng ta cũng không muốn nhắc đến những cuộc nghiên cứu khoa học đối với khăn liệm thành Turinô mới được công bố trong tác phẩm *Il Mistero della Sindone* ra mắt ngày 29/3/2013 của giáo sư Giulio Fanti và nhà báo Saverio Gaeta ở Ý, để xác định thật sự chất liệu vải in hình Chúa Giêsu đúng là thuộc vào thời của Người (x. Báo Thanh Niên, bài *Rửa oan cho vải liệm Turin*, ngày 3/4/2013, trang 10B).

1.3. Những ngôi mộ trống trong thời đại hôm nay

Dù chôn táng người chết thế nào, các ngôi mộ vẫn hằng ngày mọc lên trên khắp thế giới và rất nhiều lần người ta đã muốn chôn lấp trong đó những con người là hiện thân của Đức Giêsu (x. Mt



25). Họ là những nạn nhân của sự bất công và đói khổ, của phản bội và lọc lừa, của các thủ đoạn chính trị và đủ loại tội ác. Họ đang bị chôn sống ở đây, bị gạt ra ngoài lề xã hội, và nhiều người đã thật sự chết.

Những ngôi mộ đó đang cần các môn đệ của Đức Giêsu như Maria Magdala, Phêrô, Gioan và nhiều người chúng ta can đảm chạy đến, mang theo dấu, đèn để khám phá và giải cứu các nạn nhân bằng một tình yêu mãnh liệt đối với Đức Giêsu. Biết rằng chạy đến ngôi mộ, chúng ta có thể bị nghi ngờ, bị bắt giữ, bị bôi nhọ, bị kết án,

nhưng tình yêu đối với những Giêsu chịu đóng đinh và mai táng đòi buộc ta không được ngồi yên bất động hay tránh né hành động vì sự an toàn của chính mình. Chính khi chúng ta chạy tới với tất cả lòng can đảm và tình yêu, chúng ta sẽ thấy Chúa Giêsu hành động bằng quyền năng cứu độ vô biên của Người được chuyển thông sang ta để làm cho các ngôi mộ ấy trống rỗng, các con người đang chết về thể xác cũng như tinh thần được trỗi dậy.



Đó là sứ điệp về ngôi mộ trống được Chúa Phục Sinh gửi gắm cho Kitô hữu chúng ta. Xin Đấng Phục Sinh và Thần Khí của Người luôn thôi thúc chúng ta biết thao thức, chạy tới và hành động để cứu giúp những ai đang bị chôn sống trong những năm mò cuộc đời.

2. Những lần hiện ra của Đấng Phục Sinh

Những lần hiện ra của Đấng Phục Sinh là những bằng chứng tích cực giúp cho người tín hữu xác tín về sự hiện diện sống động của Đấng Phục Sinh và ra đi làm chứng cho Người. Chính vì tình yêu thương vô bờ, Đức Giêsu đã hiện ra rất nhiều lần cho các tông đồ, các môn đệ để giúp chúng ta hiểu được lòng thương yêu vô biên của Người và để chúng ta được chia sẻ sự sống diệu kỳ của Thiên Chúa.

Vì thế, chúng ta sẽ dành ít phút để tìm hiểu về những lần hiện ra của Đấng Phục Sinh.

2.1. Chúa Giêsu hiện ra bao nhiêu lần?

Chúng ta có thể nói rằng: Đức Giêsu phục sinh đã hiện ra 14 lần. Thánh Ignatiô Loyola, sáng lập dòng Tên, đã kể lại những lần hiện ra đó trong tác phẩm “*Những Bài Linh Thao*” viết vào năm 1544 của ngài (x. Bản dịch của Lm. Đinh Văn Trung S.J,



từ số 299 đến 312). Chúng tôi ghi lại dưới đây, trừ số 310 nói về cuộc hiện ra với ông Giuse Arimathia, vì thánh Ignatiô viết theo lòng đạo đức thời đó nhưng thiếu dữ liệu Thánh Kinh. Chúng tôi mạo muội thay thế bằng cuộc hiện ra với tất cả các tông đồ theo thánh Phaolô (x. 1Cr 15,7), như thế hợp lý hơn. Có 13 lần hiện ra đã được Thánh Kinh ghi nhận.

2.1.1. Cuộc hiện ra đầu tiên với Mẹ Maria

Dù không được Thánh Kinh ghi nhận nhưng các thánh Giáo phụ vẫn tin rằng Chúa Giêsu Phục Sinh hiện ra đầu tiên với Mẹ Maria vì Mẹ đã đóng góp nhiều nhất cho cuộc khổ nạn của Chúa Giêsu. Mẹ đã theo Người trên suốt chặng đường khổ giá, đã đứng vững dưới chân thập tự và vững lòng tin tưởng vào việc Chúa Cha sẽ cho Con mình trỗi dậy từ cõi chết như Thánh Kinh đã báo trước nên Mẹ xứng đáng được Chúa Giêsu hiện ra trước tiên.

2.1.2. Chúa Giêsu hiện ra với bà Maria Magdala (x. Ga 20, 1-18; Mc 16, 1-11; Lc 24, 1-11)

Vào sáng sớm tinh sương của ngày thứ nhất trong tuần, bà Maria Magdala, bà Maria mẹ ông Giacôbê, bà Salomê và nhiều phụ nữ khác

mang dầu đến mộ để ướp xác Đức Giêsu. Họ thấy tảng đá che cửa mộ đã được lăn sang một bên và thấy thiên thần nhắc bảo rằng: “*Đức Giêsu bị đóng đinh đã trôi dạt rồi*”. Chúa Giêsu đã hiện ra với bà Maria Magdala vì bà đã ở lại cạnh mộ Chúa sau khi những người khác đi khỏi. Thánh Gioan đặc biệt ghi lại sự kiện này để nêu gương tình yêu của bà Maria Magdala đối với Đức Giêsu vì chị đã thao thức nhiều nhất, đã chạy đến mộ sớm nhất và đã nhường cho cả hai vị tông đồ Phêrô và Gioan quyền vào trong mộ xem chuyện gì đã xảy ra.

2.1.3. Chúa hiện ra với các phụ nữ

(Mt 28,1-10; Mc 16,1-7; Lc 24,1-11)

Các bà Maria Magdala, bà Gioanna, bà Maria ông Giacôbê và nhiều bà khác đã đến viếng mộ Chúa và được thiên thần giao sứ mệnh báo tin cho các môn đệ Chúa Giêsu rằng Người đã sống lại. Đức Giêsu đón gặp và hiện ra với các bà, các bà tiến lại gần, ôm lấy chân Người và bái lạy Người. Chúa Giêsu nói với các bà: “*Chị em đừng sợ! Hãy về báo cho anh em của Thầy để họ đến Galilê. Họ sẽ được thấy Thầy ở đó*”.

2.1.4. Chúa Giêsu hiện ra với ông Simon Phêrô

(x. Lc 24,9-12; 33-34)

Khi nghe các phụ nữ báo tin rằng Đức Giêsu đã sống lại, thánh Phêrô đã chạy đến mộ, nhưng chỉ thấy mộ trống và các khăn vải liệm xác Chúa Giêsu. Ông rất ngạc nhiên về sự việc đã xảy ra. Đang khi ông suy nghĩ về những sự việc này, Chúa Giêsu đã hiện ra với ông để giúp ông mạnh tin, bỏ hết những mặc cảm tội lỗi quá khứ và can đảm lãnh đạo cộng đồng tín hữu. Vì thế, các tông đồ đã nói với các môn đệ trở về từ Emmaus: “*Chúa đã trôi dạt thật rồi và đã hiện ra với ông Simon*”.

2.1.5. Chúa Giêsu hiện ra với hai môn đệ đi Emmaus

(x. Lc 24,13-35)

Khi nghe tin mộ của Đức Giêsu trống rỗng, hai môn đệ sợ nhà chức trách sẽ điều tra nên vội vã đi về Emmaus. Quãng đường này dài

khoảng hơn 14 cây số và đi bộ mất chừng 3-4 giờ. Chúa Giêsu hiện ra và cùng đi với họ như khách bộ hành. Người giải thích cho họ hiểu rằng Đức Kitô phải chịu khổ hình rồi mới vào trong vinh quang của Người. Người vào trong hàng quán theo yêu cầu của họ và họ đã nhận ra Người lúc Người bẻ bánh. Nhưng Người biến đi ngay. Hai môn đệ vội quay trở về Giêrusalem với cộng đồng tín hữu.



2.1.6. Chúa Giêsu hiện ra với các môn đệ ở nhà Tiệc Ly (x. Ga 20,19-23)

Vào buổi chiều ngày Chúa phục sinh, các môn đệ tụ họp trong nhà. Các cửa đều đóng kín vì các ông sợ nhà chức trách Do Thái. Chúa Giêsu hiện đến, đứng giữa các ông trong khi cửa vẫn đóng kín, và nói: “*Bình an cho anh em*”. Nói xong Người cho các ông xem tay và cạnh sườn để các ông hiểu Người chính là Đấng bị đóng đinh trước đây. Rồi Người thổi hơi vào các ông và bảo: “*Anh em hãy nhận lấy Thánh Thần*” để tha thứ tội lỗi và hoàn thành sứ mạng Người giao phó.

2.1.7. Chúa Giêsu hiện ra với ông Tôma (x. Ga 20,24-29)

Tông đồ Tôma vắng mặt khi Chúa Giêsu hiện đến lần thứ trước, nên ông đòi phải trông thấy các dấu đinh ở tay Chúa và vết giáo ở cạnh sườn Chúa thì mới tin Chúa sống lại. Lần này Chúa Giêsu hiện ra với các môn đệ và nói riêng với Tôma theo yêu cầu của ông: “*Hãy đặt ngón tay vào đây và hãy nhìn xem tay Thầy. Hãy đưa bàn tay ra mà đặt vào cạnh sườn Thầy. Đùng cứng lòng nữa, nhưng hãy tin*”. Ông

Tôma đã tuyên xưng đức tin của mình: *“Lạy Chúa của con. Lạy Thiên Chúa của con”*. Đức Giêsu nói với ông: *“Vì đã thấy Thầy, nên anh tin. Phúc cho những ai không thấy mà tin”*.

2.1.8. Chúa Giêsu hiện ra với bảy môn đệ ở bờ biển Galilê (x. Ga 21,1-17)

Chúa Giêsu hiện ra với bảy môn đệ ở bờ biển Tibêria miền Galilê. Các ông đi đánh cá và vất vả suốt đêm mà không được gì. Thả lưới theo lệnh của Người đứng trên bờ, các ông đã bắt được rất nhiều cá. Phép lạ này gợi cho các ông lần đánh được nhiều cá trước đây (x. Lc 5,4-11), khi Chúa chưa chịu chết, và các ông nhận ra Người. Trên bờ, Chúa Giêsu đã chuẩn bị sẵn cho các ông bếp lửa sưởi ấm, trên đê cá và có cả bánh nữa để các ông bồi dưỡng sau một đêm mệt nhọc. Chính trong bữa ăn này Chúa Giêsu hỏi thánh Phêrô 3 lần về tình yêu và giao phó cho ông sứ mạng chăn dắt đàn chiên.

2.1.9. Chúa Giêsu hiện ra với các môn đệ trên núi (x. Mt 28,16-20)

Các môn đệ đi tới miền Galilê, đến ngọn núi Đức Giêsu đã chỉ trước. Chúa Giêsu hiện đến với các ông và nói: *“Thầy được trao toàn quyền trên trời và dưới đất. Vậy anh em hãy đi khắp nơi để giảng dạy cho muôn dân, làm phép rửa cho họ nhân danh Chúa Cha và Chúa Con và Chúa Thánh Thần. Và đây, Thầy ở cùng anh em mọi ngày cho đến tận thế”*.

2.1.10. Chúa Giêsu hiện ra với hơn năm trăm môn đệ (x. 1Cr 15,6)

Vào khoảng năm 57, thánh Phaolô viết thư thứ I gửi giáo đoàn Corintô rằng: *“Chúa Giêsu hiện ra với hơn năm trăm anh em một lượt, trong số ấy, phần đông hiện nay còn sống, nhưng một số đã an nghỉ”*. Sau khi Chúa Giêsu chết vào ngày 7 tháng 4 năm 30 và sống lại sau đó, Chúa đã hiện ra với nhiều người vì Chúa muốn cho cộng đồng môn đệ thật sự cảm nghiệm được sự hiện diện sống động của Người để làm chứng cho Người.

*2.1.11. Chúa Giêsu hiện ra với thánh Giacôbê
(x. 1Cr 15,7)*

Thánh Phaolô còn kể lần Chúa hiện ra với riêng thánh Giacôbê. Ngài là người anh em họ với Chúa Giêsu (x. Mt 13,55; Cv 1,14; Gl 1,19), phân biệt với thánh Giacôbê là anh em ruột của thánh Gioan tông đồ. Ngài có địa vị lớn trong thời Giáo Hội sơ khai và cai quản giáo đoàn Giêrusalem. Thánh Phaolô đã đến chào thăm ngài (x. Gl 1,19-29) và trường trình cho ngài hoạt động tông đồ của mình (x. Cv 15,13-34; 21,18). Chúa Giêsu hiện ra riêng với thánh Giacôbê như để khích lệ và nâng đỡ ngài trong trách nhiệm quan trọng thời Giáo Hội sơ khai vào những lúc khó khăn nguy hiểm.

*2.1.12. Chúa Giêsu hiện ra với tất cả các tông đồ
(x. 1Cr 15,7)*

Thánh Phaolô ghi nhận Chúa Giêsu Phục Sinh hiện ra với “tất cả các tông đồ”. Ngài phân biệt “Nhóm Mười Hai” với các tông đồ, dù rằng Nhóm Mười Hai cũng được gọi là tông đồ (x. Mt 10,2; Mc 6,30; Lc 6,13; 22,14; Cv 1,2.26; 2,42; 4,33.35; 5,12.18...). Tông đồ theo nghĩa chữ là “người được sai đi”. Tất cả những ai được Chúa kêu gọi, chọn lựa và sai đi đều được Chúa Phục Sinh hiện ra để giúp họ cảm nghiệm Người đã trỗi dậy từ cõi chết, đang sống với mình và ban nhiều ân phúc để họ làm chứng cho Người.

*2.1.13. Chúa Giêsu hiện ra với Thánh Phaolô
(x. 1Cr 15,8-10)*

Thánh Phaolô đã xác nhận rằng: “Sau cùng, Chúa Giêsu Phục Sinh cũng đã hiện ra với tôi chẳng khác nào một đứa trẻ sinh non. Tôi là người hèn mọn nhất trong số các tông đồ, tôi không đáng được gọi là tông đồ vì đã ngược đãi Hội Thánh Chúa. Nhưng tôi có là gì, cũng là nhờ ơn Thiên Chúa và ơn Người ban cho tôi đã không vô hiệu”. Chúa Giêsu Phục Sinh đã hiện ra với thánh Phaolô trên đường ngài đến Damas để tìm bắt các tín hữu giải về Giêrusalem. Chúa đã giao phó cho ngài sứ mạng loan báo Tin Mừng cho muôn dân (x. Cv 9,1-30) để ngài thật sự xác tín về những điều mình rao giảng.

2.1.14. Chúa Giêsu lên trời (x. Cv 1,1-11)

Trong khoảng thời gian 40 ngày, Đấng Phục Sinh đã hiện ra nhiều lần với các môn đệ “để chứng tỏ cho họ thấy là Người vẫn sống sau khi chịu khổ hình. Người nói chuyện với họ về nước Thiên Chúa, truyền cho họ ở lại Giêrusalem để nhận được sức mạnh của Chúa Thánh Thần và rồi sẽ đi đến tận cùng trái đất để làm chứng cho Người”. Sau cùng, Người dẫn họ lên núi Olive và Người được cất lên trời ngay trước mắt họ (x. Mc 16,19-20; Lc 24,50-51). Trong khi họ còn nhìn lên trời, các thiên thần nhắc bảo họ rằng: Đức Giêsu sẽ ngự đến y như họ thấy Người lên trời. Các môn đệ bái lạy Người, rồi trở về Giêrusalem, lòng đầy hoan hỷ (x. Lc 24,53).

Đó là tóm lược 14 lần hiện ra của Chúa Phục Sinh.

2.2. *Tìm hiểu đặc tính các lần Chúa hiện ra để hiểu được bản chất của đời sống mới**2.2.1. Đặc tính các lần hiện ra*

Chúng ta có thể nói rằng tất cả các lần hiện ra này đều biểu lộ lòng thương xót vô bờ và tình yêu tuyệt vời của Thiên Chúa đối với tất cả chúng ta là con cái của Ngài, để chia sẻ cho chúng ta sự sống lạ lùng của Đấng Phục Sinh đồng thời để làm chứng nhân cho Người. Đó là động lực và mục đích của việc hiện ra.

Khi hiện ra, *Chúa Giêsu cũng không phân biệt hay kỳ thị nam nữ*, dù rằng vào thời đó người ta chỉ coi trọng lời chứng của nam nhân và chỉ lời chứng đó mới có giá trị pháp lý. Tuy nhiên, Chúa Giêsu vẫn hiện ra rất nhiều lần với các phụ nữ: từ việc hiện ra với Mẹ Maria, với bà Maria Magdala, với các phụ nữ trong nhóm các môn đệ ở nhà Tiệc Ly, ở trên núi miền Galilê, trong nhóm hơn 500 người, hay với tất cả các “tông đồ” hoặc cuối cùng trên núi Olive. Điều này đem lại niềm vui cho tất cả chúng ta vì đều được Chúa Giêsu yêu thương và giao phó sứ mạng làm chứng cho Người.

Chúa Giêsu không phân biệt chức vị cao thấp, tốt xấu: Người hiện ra với thánh Phêrô, thánh Giacôbê là các tông đồ trưởng, nhưng

cũng hiện ra với những môn đệ thấp kém, vô danh vì Người yêu tất cả. Người cũng không phân biệt người thánh thiện hay kẻ tội lỗi vì hiện ra với Người Mẹ Thánh và cả với thánh Phaolô trên đường đi Damas tìm bắt các tín hữu Kitô. Vì thế, ta đừng bao giờ mang mặc cảm về sự yếu kém hay tội lỗi và nghĩ rằng chẳng bao giờ Chúa Giêsu hiện ra với mình.

2.2.2. Các vấn đề khó giải đáp trong lịch sử

Trong lịch sử nghiên cứu Thánh Kinh người ta gặp khá nhiều vấn đề cần giải đáp. Khi chưa giải đáp được thì nhiều tín hữu nài đến lòng tin, còn nhiều nhà thần học lại muốn chối bỏ sự kiện, nhất là khi họ bị ảnh hưởng bởi những ý thức hệ duy lý, duy tâm, duy thực, duy nghiệm, ... Những người chống phá Kitô giáo hay tôn giáo lại dựa vào những vấn đề này để chối bỏ sự kiện sống lại của Chúa Giêsu.

Tuy nhiên, nhờ những khám phá mới của khoa Thánh Kinh, khảo cổ, dân tộc, văn hoá, ngôn ngữ gần đây, nhiều vấn đề đã được giải đáp. Chúng ta có thể tóm tắt một số điểm chính sau đây:

– *Việc tắm liệm và táng xác Chúa Giêsu* (x. Mt 27,57-61; Mc 15,42-47; Lc 23,50-56; Ga 19,38-42): có nhiều điểm dị biệt. Các Tin Mừng Nhất Lãm không nói đến việc xúc dầu thơm vào chiều ngày thứ Sáu. Lc 23,56 chỉ nói đến việc chuẩn bị dầu và thuốc thơm, các phụ nữ dự định sẽ xúc dầu thơm vào sáng Chủ Nhật, còn Ga 19,39-40 lại mô tả việc xúc dầu thơm chiều thứ Sáu.

Khoa Khảo cổ và Dân tộc học Do Thái ngày nay cho chúng ta biết rằng người Do Thái có thói quen tắm liệm xác bằng dầu thơm trong vòng 3 ngày đầu sau khi chết. Như thế, tất cả các lần xúc dầu thơm đều hợp lý.

– *Danh sách các phụ nữ đến thăm mộ vào sáng Chủ Nhật rất khác nhau*: Matthêu nói đến 2 người là bà Maria Magdala và một bà Maria khác (x. Mt 28,1), Marcô nói đến 3 người là bà Maria Magdala, bà Maria mẹ ông Giacôbê và bà Salômê (x. Mc 16,1), Luca nhắc đến nhiều phụ nữ: bà Maria Magdala, bà Maria mẹ ông Giacôbê, bà Gioanna và nhiều bà khác cùng đi với họ (x. Lc 24,8-10). Trong khi

Gioan chỉ nói đến tên Maria Magdala (x. Ga 20,1). Từ sự khác biệt này dẫn đến việc Chúa Giêsu hiện ra với các bà cũng khác nhau. Nhiều nhà Thánh Kinh cho rằng Chúa Giêsu chỉ hiện ra một lần duy nhất với các bà và tùy theo mỗi Thánh Sử kể cách khác nhau và thêm bớt tên các bà theo từng truyền thống.

Tuy nhiên, ngày nay các nhà nghiên cứu Thánh Kinh cho rằng có nhiều phụ nữ đến thăm mộ Chúa như Luca đã kể, còn Chúa Giêsu hiện ra riêng với bà Maria Magdala như Tin Mừng Marcô (x. Mc 16,9) và Gioan (x. Ga 20,11-18) đã xác định rồi mới hiện ra với các phụ nữ khác (x. Mt 28,9-10).

– *Số thiên thần canh giữ mộ cũng khác nhau*: một thiên thần theo Matthêu (x. Mt 28,2-7) và Marcô (x. Mc 16,5-7) nhưng hai thiên thần theo Luca (x. Lc 24,4-7) và Gioan (x. Ga 20,12-13). Người ta đã muốn giải đáp vấn đề khác biệt số thiên thần là do truyền thống truyền khẩu (càng kể càng tăng) hoặc do việc sao chép lại các bản văn từ các nguồn khác nhau cũng giống như việc kể tên các phụ nữ đến mộ trống.

Vấn đề được giải quyết khi người ta nghiên cứu ngôi mộ người Do Thái: vì cửa hang hẹp nên ở ngoài nhìn vào có thể chỉ thấy được một thiên thần, nhưng nếu đi hẳn vào trong mộ như Luca và Gioan kể thì người ta thấy được hai thiên thần. Như thế, các thánh sử đều trung thực kể lại những gì các nhân chứng thấy chứ không thêm bớt.

– *Địa điểm hiện ra cách xa nhau*: Trong ngày đầu tiên sống lại, Chúa Giêsu hiện ra với nhiều người, nhất là với Simon Phêrô có thể vào buổi sáng ở Giêrusalem, với hai môn đệ trên đường đi Emmaus và với các môn đệ vào buổi chiều tối ở nhà Tiệc Ly. Người ta thắc mắc làm sao Chúa Giêsu có thể hiện ra cùng lúc với người này người kia trong khi họ lại đang ở những nơi khác nhau và cách xa nhau như thế?

Chúng ta biết Emmaus cách Giêrusalem khoảng 14 cây số (7 dặm) và phải đi bộ mất chừng 3-4 giờ mới tới nơi. Vậy nếu Chúa Giêsu hiện ra và nói chuyện trên suốt quãng đường và ghé vào quán ăn lúc xế chiều (khoảng 2-3 giờ) thì Người sẽ hiện ra với Simon lúc nào? Trước đây người ta không thể lập một biểu đồ rõ rệt về các lần hiện ra

do không biết nhiều về độ dài của quãng đường, nhưng hiện nay các nhà Thánh Kinh có thể xác định Chúa Giêsu hiện ra với Simon Phêrô vào buổi sáng tương đối sớm trước khi hiện ra với các môn đệ đi đường Emmaus.

– Vấn đề càng phức tạp hơn khi nhắc tới lần Chúa hiện ra với các môn đệ vào buổi tối cùng ngày trong nhà Tiệc Ly ở Giêrusalem (x. Ga 20,19-31), vì Chúa Giêsu đã nhắc nhở các phụ nữ rằng Người sẽ gặp các môn đệ ở Galilê (x. Mt 28,7-10; Mc 16,7), nên các ông có thể đi ngay vào buổi sáng. Nhưng Galilê cách ngôi mộ chừng 160 cây số và đi bộ phải mất từ 3-4 ngày đường. Vậy làm sao Chúa Giêsu có thể hiện ra với họ ở Giêrusalem được? Có 2 giả thuyết đặt ra:

Trong giả thuyết đầu tiên: các môn đệ đã không tin lời Chúa nhắn qua các phụ nữ, qua hai môn đệ và các người khác như Marcô và Luca kể (x. Mc 16,11.13.14; Lc 24,22-24) nên đã ở lại Giêrusalem và Chúa đã hiện ra với họ ở đây. Giả thuyết này được nhiều nhà Thánh Kinh chọn lựa. Tuy nhiên, giả thuyết thứ hai cho rằng các môn đệ có thể tin lời các phụ nữ và đi ngay về Galilê thì Chúa Giêsu vẫn có thể hiện ra với họ. Người ta có thể giải đáp những thắc mắc này khi hiểu về bản chất cuộc sống lại kỳ diệu của Chúa Giêsu.

– Việc ghi tên những nơi chốn hiện ra khác nhau ở Giêrusalem, ở biển hồ Tibêria, ở trên một ngọn núi miền Galilê hay trên núi Olive miền Giuđê trước đây được giải thích bằng ý hướng thần học riêng của mỗi thánh Sử hoặc do những nguồn sao chép khác nhau của các truyền thống khiến người ta nghi ngờ tính chân thật của sự kiện.

Ngày nay, chúng ta tin rằng các thánh Sử rất trung thực với sự kiện lịch sử khi chọn lựa địa điểm những lần Chúa hiện ra, dù rằng các ngài chọn lựa theo ý hướng thần học riêng của mình.

2.2.3. Bản chất cuộc sống lại của Chúa Giêsu

Thật ra, những thắc mắc trên đây là do con người quá tin vào những kiểu lý luận và đòi hỏi bằng chứng của những người theo chủ nghĩa duy lý, duy khoa học thực nghiệm cũng như chưa hiểu được bản

chất cuộc sống lại của Đức Giêsu, cũng như chưa cảm nghiệm được bản chất sự sống kỳ diệu của Chúa Phục Sinh.



Cuộc sống lại của Chúa Giêsu không phải giống như cuộc hồi sinh của con gái ông Giairô (x. Mc 5,22-43), con trai bà goá thành Naim (x. Lc 7,11-17), Ladarô (x. Ga 11,1-41), Euticô (x. Cv 20,9-12), Tabitha (x. Cv 9,36-41). Chúa Giêsu không phải chỉ trở lại cuộc sống bình thường trong không gian và thời gian với các điều kiện vật chất như mọi người mà Người sống một cách thức mới trong chiều kích của Thiên Chúa hằng sống. Đó là niềm vui và hy vọng cho chúng ta. Xin cho chúng ta luôn biết hít thở Thần Khí của Chúa để cảm nghiệm được sự sống mới mẻ này.

Chúa Giêsu sống lại là Người giới thiệu cho chúng ta một sự sống mới, một sự hiện hữu mới để chúng ta thông phần vào sự sống kỳ diệu của Thiên Chúa, một Thiên Chúa ở khắp mọi nơi và hiện diện trong mọi thời. Do đó, dù cửa nhà các môn đệ đóng kín, Chúa Giêsu vẫn hiện ra đứng giữa mọi người. Người ăn uống với họ để họ thấy vật chất được thấu nhận và biến đổi trong đời sống mới này. Người cho các ông xem tay và cạnh sườn bị đâm thủng của Người và yêu cầu

Tôma kiểm chứng để thấy Người chính là con người trước đây đã bị đóng đinh, bị chết nay sống lại.

Đó cũng là sự sống mới mẻ khởi đầu từ một cuộc sáng tạo mới: Chúa Giêsu thổi hơi trên các môn đệ và ban Thánh Thần của Người cho họ. Trong cuộc tạo dựng đầu tiên, Chúa dựng nên con người từ bùn đất, khi Chúa thổi hơi vào thì trở thành con người sống động. Bây giờ, Ngôi Lời Thiên Chúa là Chúa Giêsu sống lại cũng thổi hơi trên các môn đệ để tạo dựng nên những con người mới, những con người được chia sẻ sự sống vĩnh hằng, kỳ diệu của Đấng Phục Sinh nhờ Thần Khí của Người. Thánh Phaolô sẽ khai triển nhiều về đề tài này trong các thư của ngài khi xác tín Đức Giêsu là một Adam mới ngay trong cái chết của Người khi “Người gục đầu xuống và trao ban Thần Khí” (Ga 19,30).

Chúng ta có nhiều thí dụ trong Thánh Kinh cũng như trong đời sống của các thánh nhân về những đặc tính của đời sống mới. Chẳng hạn trong sách Công vụ Tông đồ, thánh Philipphê đang giảng dạy ở miền Samari, Thánh Thần bốc ngài đi gặp viên hoạn quan đang đi trên đường từ Giêrusalem về Gaza để nói cho ông về Chúa Giêsu, rồi sau khi rửa tội cho ông, Thánh Thần lại cất ông đi ngay trước mắt viên quan ấy và đặt ông xuống miền Asđốt, cách xa hàng trăm cây số (x. Cv 8,4-40). Hoặc thánh Martinô Pores sống ở Nam Mỹ nhưng được Chúa cho vượt Đại Tây Dương trong nháy mắt, đưa vào ngục tù để chữa cho một tù nhân ở châu Âu. Khi ngài dẫn đoàn học sinh đi chơi, thầy trò vui vẻ đến quên giờ về đọc kinh chiều trong khi đường còn rất xa, thánh nhân xin tất cả nhắm mắt lại cầu nguyện, mở mắt ra đã thấy mình ở trước cổng tu viện. Những thí dụ đó cho ta hiểu về sự sống mới mà Đấng Phục Sinh có thể chia sẻ cho các môn đệ của Người.

Khi gắn bó với Đấng Phục Sinh, Thiên Chúa giàu lòng thương xót sẽ cho chúng ta cảm nghiệm được sức mạnh và quyền năng kỳ diệu của Người để chúng ta hiểu rằng Người đang hiện diện sống động bên ta, chia sẻ sự sống kỳ diệu cho ta để ta không còn lệ thuộc vào vật chất, vào không gian, thời gian và định luật của thể xác, để tâm hồn chúng ta mở rộng ra cho mọi người, mọi vật quanh mình.

2.2.4. Đường Ánh Sáng

Một việc đạo đức bình dân gắn liền với các lần hiện ra của Đấng Phục Sinh đã được một số dân tộc đón nhận và thực hành gọi là Đường Ánh Sáng. Đường Ánh Sáng cũng gồm 14 chặng kể lại những lần Chúa hiện ra và những bài học đạo đức kèm theo đã có từ rất lâu trong lịch sử Giáo Hội. Chúng ta ghi nhận trong sách *Những Bài Linh Thao* của thánh Ignatiô viết vào năm 1544 đã kể lại gần đủ các lần hiện ra của Đấng Phục Sinh.

Từ mấy thế kỷ qua, tín hữu Công giáo Việt Nam hầu như chỉ biết đến Đàng Thánh Giá mà chưa biết đến Đường Ánh Sáng nên đời sống có thể hướng nhiều về những đau khổ, thử thách, buồn sầu hơn là một đời sống quân bình với niềm vui, hy vọng, bình an và tràn đầy sự sống của Đấng Phục Sinh. Một số nhà đạo đức đã phải thêm cuộc sống lại của Đức Kitô để thành chặng thứ 15 của Đàng Thánh Giá. Nhiều nghệ sĩ Việt Nam cũng đã vẽ hoặc làm những phù điêu, tượng ảnh nhưng chưa được chính xác vì không hiểu rõ phân mộ và cách an táng của người Do Thái, dù đôi khi muốn thể hiện theo tính cách Việt Nam trong việc hội nhập văn hoá.

Một số dân tộc đã có Đường Ánh Sáng nhưng chưa áp dụng được các nghiên cứu Thánh Kinh gần đây nên chỉ kể được 7-8 lần hiện ra của Đấng Phục Sinh, vì thế họ phải chia nhỏ những lần hiện ra để tạo thành đủ 14 nơi tương ứng với 14 chặng Đàng Thánh Giá. Thí dụ: các tín hữu Philippines có 14 chặng Đường Ánh Sáng như sau: 1. Chúa Giêsu sống lại từ cõi chết; 2. Phêrô và Gioan bên mộ Chúa; 3. Đức Kitô Phục Sinh hiện ra với Maria Magdala; 4. Đức Kitô Phục Sinh với hai môn đệ đi Emmaus; 5. Đức Kitô Phục Sinh tỏ mình khi bẻ bánh; 6. Đức Kitô Phục Sinh hiện ra với các môn đệ; 7. Đức Kitô Phục Sinh ban quyền tha tội cho các môn đệ; 8. Đức Kitô Phục Sinh hiện ra với Tôma; 9. Đức Kitô Phục Sinh hiện ra với các môn đệ tại biển hồ Tiberia; 10. Đức Kitô Phục Sinh trao quyền cai quản Giáo Hội cho Phêrô; 11. Đức Kitô Phục Sinh sai các môn đệ rao giảng Tin Mừng cho thế giới; 12. Đức Kitô Phục Sinh lên trời; 13. Các môn đệ chuẩn bị đón nhận Chúa Thánh Thần; 14. Đức Kitô Phục Sinh sai

Thánh Thần xuống (x. *Sách Kinh Bỏ Túi* 2005 của Văn phòng Truyền thông Xã hội thuộc Liên Hội đồng Giám mục Châu Á (FABC), tr.36-37).

Với những nghiên cứu gần nhất, chúng tôi xin giới thiệu Đường Ánh Sáng với 14 nơi Chúa Giêsu hiện ra tương ứng với 14 chặng Đàng Thánh Giá cho người Việt Nam. Chúng tôi hy vọng rằng các nhà đạo đức sẽ sáng tác những văn bản, lời kinh phù hợp với tín hữu Việt Nam và các văn nghệ sĩ, họa sĩ, điêu khắc cũng sẽ có những sáng tác mới mẻ để trong các thánh đường Việt Nam, bên cạnh những chặng đàng đau khổ suy niệm về cái chết của Chúa Giêsu thì cũng có những nơi an vui, loan báo sự sống lại của Người.

Lời kết

Khi suy nghĩ về lòng thương xót vô bờ của Thiên Chúa và sự sống kỳ diệu của Đấng Phục Sinh chia sẻ, chúng ta hãy xin Chúa cho chúng ta, ít là một lần trong đời, cảm nghiệm được sự hiện diện sống động của Chúa chúng ta tin chắc rằng Chúa Giêsu sẽ hiện ra với chúng ta để ta làm chứng cho Người, sử dụng quyền năng của Người để cứu giúp muôn loài theo sứ mạng Chúa trao.



Bài 19

**Đức Giêsu là Người Thầy
dạy ta con đường sự thật và sự sống**

ĐỨC GIÊSU LÀ NGƯỜI THẦY TUYỆT VỜI



Nhập đề

Trong đời sống, hầu như ai trong chúng ta cũng phải học: học chữ, học nghề, học ăn, học nói, học cách làm, cách sống và cả cách chết nữa. Người nào dạy một điều gì đó cũng được gọi là thầy, dù chỉ dạy một chữ hay nửa chữ: “Nhất tự vi sư, bán tự vi sư”. Chữ ở đây có thể hiểu là những lý lẽ thâm sâu của đời người như chữ Nhân, chữ Tín...



Người Việt Nam ta rất trọng đạo thầy trò: “tôn sư trọng đạo”. Mỗi dịp lễ Tết, người học trò đều bày tỏ lòng tôn kính và biết ơn người dạy dỗ mình: “Mùng Một tết cha... Mùng Ba tết thầy”.

Đức Giêsu nói với chúng ta: “Hôm nay, nếu các ông ở lại trong lời của tôi thì các ông thật là môn đệ tôi. Các ông sẽ biết sự thật và sự thật sẽ giải phóng các ông” (Ga 8,31-32).

Trong ít phút này, chúng ta sẽ tìm hiểu Đức Giêsu là vị Thầy đặc biệt như thế nào so với các vị thầy khác trong dòng lịch sử nhân loại và mình cần phải làm gì để trở thành học trò xuất sắc của Người.

1. Những vị thầy trong lịch sử

1.1. Con người tìm thầy dạy

Kể từ lúc vượt khỏi đời sống động vật, con người biết dùng tinh thần để suy tư, học hỏi. Con người tìm cho mình các người thầy. Lịch

sử văn minh của con người cũng là lịch sử tôn vinh những người thầy đặc biệt đã từng dạy con người sống mạnh mẽ hơn, giàu sang hơn, cao thượng hơn, tốt đẹp hơn.

Vị thầy nào càng dạy được nhiều trò, ảnh hưởng và làm thay đổi cuộc sống con người thì càng được tôn vinh. Người ta hãnh diện vì được học một vị thầy danh tiếng.

1.2. Một số vị thầy đặc biệt

Thời cổ xưa, bên Tây Phương, có những vị thầy dạy con người biết suy tư như: Platon, Socrates (năm 469-399 trước CN), Aristote (384-322 trước CN), Heraclitus...

Bên Đông Phương có:

1. Đức Phật Thích Ca (566-480 trước CN, ở Ấn Độ).
2. Đức Khổng Tử (551-497 trước CN, ở Trung Quốc) và một số học trò lớn của ngài như Mạnh Tử, Tuân Tử...
3. Đức Lão Tử (sinh năm 571 TCN (?), ở Trung Quốc)
4. Đức Mohammed (570-632 sau CN, ở Ả-rập)...

Vào những thế kỷ đầu cho đến thế kỷ XVI, người ta tập trung và suy tư về Thiên Chúa, về con người, về vạn vật cách trừu tượng nên triết học, thần học phát triển. Trong Kitô giáo, thánh Tôma Aquinô nổi bật với bộ Tổng luận Thần học.

Vào thế kỷ XVII-XVIII, người ta bắt đầu chú ý tới những giá trị về dân chủ, về bình đẳng, về những quyền lợi cơ bản của con người, về ý thức độc lập dân tộc nên ta thấy xuất hiện những người thầy mới như Descartes, Spinoza, J.J.Rouseau...

Từ thế kỷ XIX-XX, người ta đi tìm những kiến thức thiết thực giúp con người sống khoẻ mạnh hơn, giàu sang hơn nên người thầy mới bây giờ là những nhà khoa học kỹ thuật, các nhà bác học với những phát minh kỳ diệu đưa con người vượt ra ngoài không gian như Galilêi, Darwin, Newton, Einstein...

1.3. Thiên Chúa là Thầy của mọi vị thầy

Tuy nhiên, người Công giáo chúng ta hiểu rằng: tất cả các suy tư tốt đẹp của con người đều bắt nguồn từ Thiên Chúa, Đấng đã tạo thành con người giống hình ảnh Ngài, đã ban tinh thần cho con người để con người vượt ra khỏi giới hạn của thể xác vật chất, của không gian và thời gian. Do đó, ta không lạ lùng khi Đức Giêsu nói: “Anh em đừng gọi ai dưới đất là cha, vì chỉ có một Cha trên trời... Anh em chỉ có một Thầy, còn tất cả đều là anh em với nhau” (x. Mt 23,8-9).

Thiên Chúa đã *ban Thánh Thần* cho toàn thể gia đình nhân loại để Ngài soi sáng tâm trí và giúp con người khám phá ra con đường dẫn tới Thiên Chúa. Vì thế, tất cả những suy tư tích cực, cao thượng, tốt lành của bất cứ ai, thuộc bất cứ tôn giáo nào, dân tộc nào... đều đáng được trân trọng và là di sản chung của gia đình nhân loại.

Khi nhìn nhận Thiên Chúa là vị Thầy Tối Cao, là nguồn mọi tri thức, con người mới sẵn lòng chia sẻ cách quảng đại và vô vị lợi những gì mình khám phá được cho mọi người như anh em ruột thịt của mình thay vì giấu nghề, giữ bí mật, đòi tác quyền một cách quá đáng hoặc bất công như hiện nay (thí dụ: bản quyền của Microsoft, của các sách như Harry Potter...).

1.4. Đức Giêsu là người Thầy như thế nào?

Người Trung Quốc gọi Đức Khổng Tử là “Vạn Thế Sư” (thầy của muôn thế hệ) vì hàng tỷ người biết ngài. Có những vị thầy viết hàng ngàn trang sách hay. Có những vị thầy nói những lời khôn ngoan hoặc dạy ta làm điều tốt khiến ta nhớ mãi.

Còn Đức Giêsu không viết sách. Các lời Người nói ghi lại trong 4 Phúc Âm nếu đọc lên cũng chỉ dài chừng 1 tiếng đồng hồ. Nhiều câu Người nói rất khó nghe, khó chấp nhận vì có vẻ tiêu cực, bi quan, nhu nhược... Thí dụ: “Đừng chống cự người ác. Trái lại, nếu bị ai vả má bên phải, thì hãy giơ cả má trái ra nữa” (Mt 5,39).

Vậy tại sao ta lại chọn Đức Giêsu là người Thầy tuyệt vời của mình? Tại sao ta lại dám sống và dám chết cho lời của Người như các

Tông đồ và các môn đệ đầu tiên trong Giáo Hội sơ khai? Chỉ sau biến cố chết đi và sống lại của Chúa Giêsu, tận mắt thấy Người sống lại, các Tông đồ mới xác tín điều này, dù rằng trước đó các ông đã tận tai nghe biết bao lời giảng dạy đầy uy quyền của Người.

2. Đức Giêsu là người thầy tuyệt vời

2.1. Đức Giêsu là người Thầy thật sự

Trong Tin Mừng, Đức Giêsu được dân chúng gọi là Thầy (Rabbi – 3 lần (x. Mc 9,5; 11,21; 14,45) hay Rabbouni – 2 lần (x. Mc 10,51; Ga 20,16. Gioan dùng 8 lần: 1,38.49; 3,2.26; 4,31; 6,25; 9,2; 11,8) và *Didascalos* là thuật ngữ Hy Lạp tương đương với Rabbi hay Rabbouni. Từ này được dùng 24 lần, nhất là để xưng hô với Chúa Giêsu: “Thưa Thầy”.

Thầy không chỉ là một danh xưng nhưng còn là một địa vị xã hội mà người ta gán cho Đức Giêsu vì những hoạt động xã hội của Người. Là Thầy nên Người đã dạy dỗ dân chúng và đã quy tụ những ai muốn theo sát Người để họ trở thành môn đệ. Danh hiệu này nói lên mối dây liên lạc giữa các môn đệ và Đức Giêsu. Như thế, Đức Giêsu là một Người Thầy.

Chính Đức Giêsu cũng dùng danh hiệu này để nói về mình: “*Anh em hãy đi vào thành, đến nhà một người kia và nói với ông ấy: Thầy nhắn: thời của Thầy đã gần tới, Thầy sẽ đến nhà ông để ăn mừng lễ Vượt Qua với các môn đệ của Thầy*” (Mt 26,18). Hoặc “*Phản anh em, đừng để ai gọi mình là rabbi, nghĩa là thầy, vì anh em chỉ có một Thầy còn tất cả đều là anh em với nhau*” (Mt 23,8). Hoặc “*Anh em gọi Thầy là Thầy, là Chúa, điều đó phải lắm, vì quả thật, Thầy là Thầy, là Chúa. Vậy nếu Thầy là Chúa, là Thầy mà còn rửa chân cho anh em, thì anh em cũng phải rửa chân cho nhau*” (Ga 13,13-14).

2.2. Đức Giêsu là một vị Thầy đặc biệt

Người hoàn toàn khác với các Rabbi Do Thái vì:

- Uy quyền của Người. Trong khi các rabbi là những nhà chú giải luật, phải nại đến Thánh Kinh, đến Giao ước, nhất là Mười Điều Răn, đến truyền thống tổ tiên, thì Đức Giêsu không bao giờ là nhà chú giải Thánh Kinh ngay cả khi Người trích dẫn Thánh Kinh: “Người giảng dạy họ như Đấng có uy quyền chứ không như các ký lục Do Thái” (x. Mt 7,28-29; Mc 1,22-27; Lc 4,32). Thánh Matthêu đã ghi nhận điều đó ở Bài Giảng Trên Núi. Đức Giêsu luôn dùng công thức “Còn tôi, tôi bảo các ông...” để nói lên quyền tối thượng trong lời rao giảng và dạy bảo của Người. Người giảng dạy họ *như Thiên Chúa* ban luật mới, được tóm tắt trong Tám Mối Phúc Thật (Mt 5,1-12) vì Người đến để kiện toàn luật Môsê (x. Mt 5,17-19). Đức Giêsu là một vị Thầy tuyệt vời khác hẳn bất cứ vị thầy nào trên thế giới vì Người là Ngôi Lời Thiên Chúa phán dạy. Các môn đệ chỉ khám phá ra điều này khi tận mắt thấy Người chết nhục nhã trên thập giá và sống lại sau đó để hoàn toàn tin phục vào Người.
- Đức Giêsu rao giảng, dạy bảo không phải những mảnh sự thật như các thầy dạy thông thường để trao cho ta một mớ kiến thức hay nghề nghiệp, nhưng Người chính là sự thật toàn diện: “*Tôi là đường, là sự thật và là sự sống*” (Ga 14,6). Sự thật này sẽ giải thoát ta khỏi cơn u mê lầm lạc, và đưa ta vào sự tự do của con cái Thiên Chúa. Sự sống này cũng không phải chỉ kéo dài vài chục hay 100 năm nhưng là sự sống vĩnh hằng (x. Ga 3,16.36; 5,24; 6,47).
- Đức Giêsu dạy ta không phải những mảnh sự thật, nhưng Người mời gọi ta học với Người để hoà nhập thành một với Người và với Thiên Chúa. “*Anh em hãy học cùng tôi vì tôi hiền lành và khiêm tốn thật lòng*”. “*Ước gì họ nên một như Con ở trong Cha và Cha ở trong Con*”.
- Đức Giêsu không phải dạy một mớ kiến thức để mở mang tâm trí, nhưng Người là nguồn sự khôn ngoan. Khi kết hợp

với Người, ta có khả năng vô tận để khám phá vạn vật vì tất cả được dựng nên nhờ Người và cho Người. Đây là kinh nghiệm của rất nhiều nhà bác học như Ampère, Volt, Newton, Marie Curie... “Ở đây còn có Đấng cao trọng hơn Salômôn” (Mt 12,42).

- Đức Giêsu không phải chỉ dạy mà còn giúp ta học điều Người dạy khi ban Thánh Thần Sự Thật cho ta. Người ban Thánh Khí cho các môn đệ hiểu Thánh Kinh: “*Thánh Thần sẽ dạy anh em mọi điều và sẽ nhắc nhở những gì Thầy đã nói với anh em*” (Ga 14,26).

2.3. Nội dung lời giảng dạy của Đức Giêsu

Đức Giêsu giảng dạy về Nước Trời (= Nước Thiên Chúa) vì đó là tâm điểm và là điểm tổng hợp các lời rao giảng của Đức Giêsu.

Đức Giêsu dạy ta về Thiên Chúa là Cha của Người, nguồn của Chân Thiện Mỹ, nguồn sự sống vĩnh hằng và hạnh phúc vô biên mà không vị thầy nào ở trần thế có thể dạy được như Người, vì Người là Con Thiên Chúa, Người biết Cha của mình (x. Ga 10,15; 17,25). Người chia sẻ cho chúng ta những kinh nghiệm của Người về Thiên Chúa để chúng ta có thể cảm nghiệm được như Người.

Đức Giêsu nói về Nước Trời như một cái gì đang được Người làm cho hiện diện nhưng đồng thời lại sắp đến: “*Nước Trời đã đến gần*”. Đó là Nước Ánh Chung của Thiên Chúa (x. Mt 24; Mc 13; Lc 21,8-36; 17,22-27). Người không mô tả nước đó, không nói đến thời gian, hoàn cảnh nước đó như thế nào (x. Mc 13,22; Lc 17,20-21) vì nước đó được đồng hoá với Thiên Chúa thánh thiện, vĩnh hằng.

Người nói về nước đó với tất cả uy quyền: nước của sự cứu độ và thánh thiện, của công lý và bình an, của ân sủng và tình thương. Người dùng các dụ ngôn, chữa lành bệnh nhân, xua trừ ma quỷ, cho kẻ chết sống lại và tha thứ tội lỗi để diễn tả Nước Trời: “*Nếu tôi dùng ngón tay Thiên Chúa mà trừ quỷ, như vậy là Nước Thiên Chúa đã đến giữa các ông rồi*” (Lc 11,20; x. Mc 3,22-27; Mt 12,28).

Đức Giêsu gắn liền Nước Trời với chính mình: Người là hiện thân của Nước Thiên Chúa: “*Nước Thiên Chúa đang ở giữa các người*” (Lc 17,20-21), hiện thân của chính Thiên Chúa yêu thương con người và vạn vật đến tột cùng và muốn cứu độ tất cả. Đức Giêsu diễn tả Nước Trời bằng những hành động, bằng thái độ cư xử nhân lành với tội nhân, cùng ăn uống với họ để thể hiện lòng nhân từ của Thiên Chúa. Cuối cùng, Người đã chết và sống lại để đưa tất cả vào Nước Trời trong mầu nhiệm Thăng Thiên. So sánh 3 đoạn văn sau đây: Mt 19,29; Mc 10,29 và Lc 18,20 ta sẽ thấy Đức Giêsu đồng hoá Nước Thiên Chúa với chính con người của Người.

2.4. Thái độ đối với Thầy Giêsu

Tin tưởng tuyệt đối vào Người Thầy tuyệt vời để chăm chỉ lắng nghe và thực hiện Lời Người trong mọi hoàn cảnh của đời sống: “*Bỏ Thầy chúng con biết theo ai? Chỉ có Thầy mới có những lời ban sự sống*” (Ga 6,68).



Tự mình học tập, học hành vì không ai có thể học thay mình, sống thay mình, “vào” Nước Trời hay “xuống” hoả ngục thay mình! Luôn kết hợp với Thầy Giêsu vì “không thầy đố mày làm nên”, “*Không có Ta, các con không thể làm được việc gì*” (Ga 15,5). Luôn hiệp thông và noi gương học tập của các bạn, nhất là các thánh nhân là học trò xuất sắc của Thầy vì “*học thầy không tày học bạn*”.

Can đảm và quảng đại bước theo Thầy Giêsu bất chấp mọi thử thách, đau thương để hoàn thành công trình cứu độ mà Chúa Cha đã

giao phó: “*Hãy theo tôi, tôi sẽ làm cho các bạn trở thành người thu phục con người như các ngư phủ lưới cá*” (Mt 4,19).

Dám từ bỏ chính mình, sau khi đã dâng hiến tất cả, để trở thành hiện thân của Thầy Giêsu: “*Ai muốn theo tôi, phải từ bỏ chính mình, vác thập giá mình hằng ngày mà theo*” (Lc 9,23).

Hiền lành và khiêm tốn thật lòng trước mọi thành công và quyền năng mà Thầy Giêsu chia sẻ trong Thần Khí của Người khi lãnh nhận sứ mạng là người Thầy chỉ dạy cho con người con đường sự thật và sự sống: “*Hãy học với tôi vì tôi hiền lành và khiêm tốn thật lòng*” (Mt 11,29).

Kết Luận

Hiểu được nhân loại đang khao khát một sự thật toàn diện, một sự sống dồi dào, ta cảm thấy tự hào vì có Thầy Giêsu. Ta cần phải trở thành học trò xuất sắc của Người, lắng nghe lời dạy, sống lời dạy và truyền lời dạy của Người cho anh em.

Câu hỏi gợi ý:

1. Trong đời, bạn nhớ đến hình ảnh người thầy nào nhất? Người đó dạy bạn những gì?

2. Bạn cảm nghiệm về Thầy Giêsu như thế nào? Bạn có thể chia sẻ những gì Người dạy cho bạn?

3. Bạn đang ở mức nào trên thang điểm học hành: kém, trung bình, khá, giỏi, xuất sắc?

4. Bạn có kinh nghiệm nào về sự soi sáng của Chúa Thánh Thần đối với những lời dạy của Thầy Giêsu?

ĐẠO LÀ CON ĐƯỜNG GIÊSU

Nhập đề

Theo nghĩa thông thường, đạo được hiểu là đường đi, đường lối hay nguyên tắc mà con người có bổn phận giữ gìn và tuân theo trong cuộc sống xã hội, như người ta vẫn nói “đạo làm người”. Đạo còn được hiểu là nội dung của một học thuyết như “tìm thầy học đạo”, hoặc đồng nghĩa với tôn giáo như “đạo Phật”, “đạo Chúa”. Như thế, đạo ở đây được hiểu như con đường tâm linh, và còn hơn thế nữa, chứ không phải con đường vật chất.

Trong phạm vi bài này, chúng ta sẽ tìm hiểu đạo như một con đường mà Đức Giêsu Kitô chỉ dạy cho muôn vật muôn loài để đáp lại khát vọng sống mãi, sống đẹp, sống hào hùng trong suốt dòng lịch sử con người và vũ trụ.

1. Những con đường tâm linh trong lịch sử

1.1. Tìm về Nhà Cha

Nhìn vào vũ trụ bao la, chúng ta có thể tưởng như vạn vật đang đi chung một con đường. Sau vụ nổ Big Bang đầu tiên, cách đây chừng 15 tỷ năm, tất cả như đang lao nhanh về tới đích và mỗi giây phút lại biến đổi và tiến hoá không ngừng: từ vật chất vô cơ đến hữu cơ, từ đơn bào đến đa bào, từ sinh vật hạ đẳng đến sinh vật thượng đẳng có tinh thần. Tất cả như đang trên đường tìm về nhà Người Cha Tạo Hoá hay Người Mẹ Muôn Loài để chung hưởng sự sống vô biên và hạnh phúc tuyệt vời.

Có thể nói muôn loài đều hy vọng, mong đợi một cái gì mới mẻ, tốt đẹp hơn cái mình đang có như mầm cỏ nhánh cây hôm nay vươn dài hơn hôm qua. Nhưng đồng thời sự kiện này cũng nói lên tình trạng cũ kỹ, xấu xa cần thay đổi, cần cứu vớt của muôn loài. Một thân cây dù bị chặt ngang vẫn cố gắng đâm ra những chồi non để sống. Một con giun dù bị đứt đôi thân mình vẫn cố gắng bò về miền đất ẩm để sống.

1.2. Những con đường do con người xây dựng

Chỉ có con người biết suy tư, sau một thời gian dài thần hoá những sức mạnh của thiên nhiên (đất có Thổ Công, sông có Hà Bá), của vũ trụ (ngôi sao chiếu mệnh) để tạo ra những tôn giáo sùng bái vật chất, mới lên đường đi tìm nguồn Chân Thiện Mỹ, nguồn sự sống vĩnh hằng.



Kinh nghiệm về “khô, đục, diệt, đạo” của Đức Phật Thích Ca và nhiều vị khai sáng tôn giáo khác đã giúp cho con người ý thức về nỗi khổ đau của phận người và niềm khát vọng luôn âm ỉ trong lòng người. Con người muốn chính mình đạt tới niềm mơ ước là được sống mãi, trẻ mãi, đẹp mãi chứ không phải chỉ truyền sự sống sang con cháu nối dõi tông đường. Các vị mở đường “khai đạo” đã trình bày nhiều cách hành đạo để đạt tới Đấng Tối Cao, Đấng là nguồn hiện hữu, tạo thành những con đường riêng biệt trong lịch sử mà ta gọi là Ấn giáo, Do Thái giáo, Phật giáo, Khổng giáo, Lão giáo, Hồi giáo... Đó là những con đường lớn được hàng tỷ người trên trái đất đang theo.

Dù khác biệt nhau về giáo lý, tín điều, về phụng tự, nghi thức, nhưng các tôn giáo lớn ấy quả thật là những con đường dẫn loài người và vạn vật đến được với Thiên Chúa hằng hữu (CĐ. Vat. II, Tuyên ngôn về liên lạc của Giáo Hội với các tôn giáo ngoài Kitô giáo *Nostra Aetate*, số 1-2), nếu người ta tin tưởng bước theo với cả tấm lòng thành và lương tâm ngay chính (x. CĐ. Vat. II, *Lunem gentium*, số 16).

Những giá trị tích cực của các tôn giáo ấy đòi mọi người chúng ta phải biết kính trọng và đối thoại chân thành, cởi mở khi ta nhận ra Đức Giêsu Kitô ẩn hiện lờ mờ đằng sau mọi hoạt động tích cực của con người. Các tôn giáo với những tín điều đã chuẩn bị lòng tin vào Đức Giêsu Kitô; với giáo thuyết, chúng báo trước Đức Kitô là sự thật; với phụng tự, chúng giới thiệu về một Đấng Trung Gian; với lễ vật, chúng cho thấy con người cần hoà giải với Thiên Chúa; với nghi thức, chúng gợi lên hình ảnh các bí tích Đức Kitô sẽ thiết lập.

1.3. Những nguyên tắc thần học cơ bản để trọng đạo

Hơn nữa, dựa vào vài nguyên tắc thần học sau đây, chúng ta có thể an tâm về những anh chị em đang bước trên những con đường khác biệt, thay vì tranh chấp và gây nên bao cuộc xung đột trong suốt dòng lịch sử vì muốn bắt người khác đi theo con đường của mình (CĐ Vat. II, Tuyên ngôn về tự do tôn giáo *Dignitatis Humane*, số 2, số 5):

- *Thiên Chúa là Cha Chung của muôn loài* nên tất cả đều có quyền hy vọng được cứu thoát, bất kể có tôn giáo hoặc vô thần, và Thiên Chúa thật sự muốn cứu độ mọi con cái mình (x. CĐ Vat. II, *Tuyên ngôn Nostra Aetate*, số 1).
- *Đức Giêsu Kitô đến cứu mọi người theo ý muốn của Chúa Cha* (x. CĐ. Vat. II, *Ad Gentes*, số 1,16) vì Người là Ngôi Lời Nhập Thể và mọi loài được dựng nên nhờ Người và cho Người (x. Ga 1,1) do đó họ được phú ban cho một khả năng để đáp lại lời mời gọi của Đức Kitô (x. CĐ. Vaticanô II, *Hiến chế Mục vụ*, số 22). Dù không được rửa tội theo Kitô giáo, họ vẫn có tính hiện hữu quy về Đức Kitô (Christic esistential), có thể trở thành Kitô hữu ẩn danh như Thánh Giáo phụ Justinô (thế kỷ I) đã quả quyết: “Tất cả những ai sống theo Lời thì đều là Kitô hữu, dầu họ có vẻ vô thần, ta có thể kể những người Hy Lạp như Socrate, Heraclitus (sống vào thế kỷ VI trước Công Nguyên) và những người sống tương tự như họ vào số những Kitô hữu ấy” (x. *Apologia* I,46).

- *Chúa Thánh Thần vẫn đang chuẩn bị cho việc Đức Kitô đến với mọi người bằng cách soi sáng cho tất cả bước theo con đường sự thật và sự sống (x. ĐTC Gioan Phaolô II, Tông huấn Giáo hội tại Á Châu, số 15,18) là chính Đức Kitô, dù họ không thật sự biết Người.*

1.4. Thái độ của những người theo đạo

Nhìn vào hành động của những người đi đường, người ta có thể phân loại họ thành người đi đúng đường hay lạc lối, người dạo chơi không chủ đích dù đang sử dụng con đường hay người dùng con đường có mục đích như để tìm đến nhà người quen nào đó, thậm chí có người chỉ lợi dụng con đường như để phơi thóc hoặc không đi mà nằm ngủ trên đường.

Những người theo đạo cũng thế. Họ có thể là tín đồ sùng đạo, đi đúng con đường của vị khai sáng nhưng cũng có người lạc xa giáo lý của đạo trong đời sống thường ngày. Có người chỉ lợi dụng tôn giáo để hưởng lợi hoặc đi theo mà không biết dẫn tới đâu. Có người lại ngủ quên trong tham vọng hay dục vọng trong những quán trọ bên đường đời.



1.5. Con người hiện đại mong chờ con đường mới

Trong thời đại văn minh khoa học kỹ thuật ngày nay, nhiều người bị ảnh hưởng bởi ý thức hệ duy nghiệm, duy thực đã không còn đi theo con đường các tôn giáo truyền thống nữa. Họ cho những giáo lý, tín điều là mê tín; những nghi thức, phụng vụ là vô ích và đời sống vĩnh hằng là huyền thoại hoang đường. Nhiều người chủ trương không cần tin vào một vị thần linh nào và không muốn đi theo con đường nào nữa.

Nhiều người ngày nay không muốn đi tìm một Nước Trời hay thiên đường xa vời, nhưng lại chú ý đến con người để bảo vệ những quyền lợi căn bản cho họ, nhất là làm sao cho con người sống lâu hơn, trẻ hơn, đẹp hơn, thông minh hơn với bao nhiêu nỗ lực trong các ngành khoa học tự nhiên.

Nhiều người lại quan tâm đến các vấn đề xã hội để xây dựng một xã hội mới, trong đó không còn cảnh người bóc lột người, mọi người đều được hưởng hoà bình, giàu sang, thịnh vượng, không còn tranh chấp, xung đột... Họ cổ vũ một loại Tin Mừng giải phóng thay vì kiểu sống đạo “cổ điển” với “sáng lễ, chiều kinh”.

Hiểu được tính giới hạn của khoa học và sự bất toàn của con người, một số người đi tìm những bí quyết lạ lùng cho cuộc giải phóng con người khỏi tật bệnh, tà ma, ác quỷ bằng việc quay về với các đạo sĩ, thiên sư phương Đông (x. Spalding, *Hành trình về Phương Đông*; Lạt Ma Anagarika Govinda, *Đường Mây qua Xứ Tuyết...*). Một số người lại đi tìm cái tuyệt đối mà họ gọi là Công Lý, Tình Huynh Đệ, Tình Yêu, Sự Giải Thoát... nơi một số tổ chức hay tôn giáo mới ra đời như: Phong trào Thời Đại Mới (New Age Movement) vào những năm 1970, Phái Tái Cấu Trúc của những người Do Thái, các giáo phái Hồi giáo mới, trong khi số tín đồ của các tôn giáo truyền thống sút giảm nghiêm trọng (x. F. Waisbitt và Patricia Aburdene, *Các xu thế lớn năm 2000*, NXB TP.HCM, 1992, tr.241-265).

Những tôn giáo nhỏ với một vị khai sáng tích cực, biết khéo sử dụng các phương tiện truyền thông đại chúng, biết khai triển các vấn

đề tâm linh thay vì các nghi thức phụng vụ truyền thống, biết khai thác các phép lạ hay sự hiện diện của Chúa Thánh Thần (một số giáo phái Tin Lành), nhất là biết cổ vũ sự quan tâm lẫn nhau và tình tương thân tương ái đã thành công vượt bậc và thu hút một lượng đông đảo các tín đồ (x. Sđd, tr.241-265).

Trong hoàn cảnh mới này, người Công giáo xác tín gì về đạo của mình, về con đường của Đức Giêsu Kitô? Ta có cần trải nghiệm như các Thánh Tông Đồ và các môn đệ xuất sắc của Thầy Giêsu trong suốt 20 thế kỷ qua không?

2. Đức Giêsu là con đường của Thiên Chúa

2.1. Con đường của Thiên Chúa

Chính Thiên Chúa, người Cha Tạo Hoá, nguồn hiện hữu, đã muốn cho muôn loài tìm về được với mình nên Ngài đã vạch ra con đường tâm linh kỳ diệu. Các nhà khoa học ngày càng kinh ngạc khi khám phá ra những định luật kỳ diệu trong từng cục đá tầm thường, từng bông hoa nay còn mai mất... như dấu hiệu của con đường siêu việt ấy ẩn giấu trong vạn vật. Muôn loài thọ tạo vì được Thiên Chúa nguồn Chân Thiện Mỹ tạo thành, nên đều được chia sẻ những phẩm tính cao đẹp vĩnh hằng của Thiên Chúa (x. Kn 1,13-15), nhất là con người được Ngài dựng nên theo hình ảnh Ngài với tinh thần mở rộng đến vô biên và với tình yêu tự do để đáp lại tình yêu của Đấng Tạo Hoá (x. St 1-3).

Khi con người chối từ tình yêu này, muốn gạt bỏ Thiên Chúa ra khỏi sự hiện hữu của mình, cũng như ra khỏi đường đời của mình, thì con người đương nhiên mất hết những ân sủng cao quý trước đây: đẹp mãi, trẻ mãi, sống mãi. Đó là ý nghĩa của tội nguyên tổ như thực trạng bất toàn của con người (x. St 1-3). Vạn vật vì gắn bó một cách mật thiết với con người nên cũng bị cưỡng bức, lệ thuộc sự hư nát (x. Rm 8,28) do tội lỗi con người.

Tuy nhiên, Thiên Chúa vẫn đặt con đường của Ngài trong lương tâm ngay chính của con người để dẫn họ về với Ngài. Ngài đã chỉ bảo cho họ bằng nhiều cách khác nhau (x. Dt 1,14) và những tôn giáo được coi là những con đường của con người muốn vươn lên đến với Thiên Chúa. Những con đường ấy, dù còn những điểm bất toàn, sai lạc, có khi mê tín, nhưng thật sự cũng là những con đường của Thánh Thần soi sáng cho con người (x. CĐ. Vat. II, *Hiến chế Dei Verbum*, số 2-6).

Thiên Chúa còn chỉ dạy con đường của Ngài qua lịch sử dân tộc Do Thái khi kêu gọi Abraham lên đường (x. St 12,1-5) khai mào một cuộc phiêu lưu vĩ đại. Đường lối của Chúa thật lạ lùng (x. Is 55,8) và chẳng phải là đường lối của con người. Dân tộc Do Thái đã học kinh nghiệm đi với Thiên Chúa của mình (x. Mk 6,8) nhất là trong cuộc xuất hành qua hoang địa (x. Tv 68,8), cột mây, cột lửa (x. Xh 13,21) với giao ước Mười Điều Răn như bộ luật đi đường, để vào được Đất Hứa. Cuối cùng, họ hiểu ra con đường của Giavê, Đấng hiện hữu, là con đường tình yêu và chân lý (x. Tv 25,10; Tv 136) chứ không phải là luật lệ hình thức và phụng tự bên ngoài. Sau những lầm lạc của dân Do Thái và mọi dân tộc, chính Thiên Chúa sẽ vạch đường trong hoang địa (x. Is 43,19) sẽ xây dựng một con đường mới, bằng phẳng (x. Is 49,11) cho muôn loài. Đó là con đường Giêsu.

2.2. Con đường Giêsu

“Khi thời gian tới hồi viên mãn, Thiên Chúa sai Con mình đến, sinh làm con một người đàn bà và sống dưới lề luật để chuộc những ai sống dưới lề luật, hầu chúng ta nhận được ơn làm nghĩa tử” (Gl 4,4-5). Biến cố Ngôi Lời Nhập Thể chính là sự kiện Thiên Chúa xây dựng con đường của Ngài đi từ trời xuống đất để kéo toàn thể vũ trụ lên trời. Biến cố này vừa là một sự kiện lịch sử diễn ra trong không gian, thời gian cụ thể ở trần thế, vừa là một mầu nhiệm mà con người phải dùng đức tin và tình yêu mới có thể hiểu thấu và cảm nhận được hành động kỳ diệu và có vẻ nghịch lý này của Thiên Chúa.

Đó là một Thiên Chúa tuyệt đối, vô hạn, siêu việt ở bên ngoài không gian, thời gian đã trở thành một con người lịch sử trong một

không gian và thời gian nhất định. Con người đó là Đức Giêsu Nazareth. Thiên Chúa thực hiện công trình xây dựng con đường này do động lực tình yêu thúc đẩy vì “*Thiên Chúa là Tình Yêu*” (1Ga 4,6). “*Thiên Chúa đã yêu thương thế gian đến nỗi đã ban Con Một, để ai tin vào Con của Ngài, thì khỏi phải chết nhưng được sống đời đời*” (Ga 3,16).

Có người đã đồng hoá con đường Giêsu với Kitô giáo hay Công giáo. Đúng là có những điểm tương đồng vì Kitô giáo là một tổng hợp bao gồm những tín điều, giáo lý và phụng tự do Đức Kitô truyền lại, linh đạo do Người hướng dẫn và sau này còn tạo nên cả một nền văn minh Kitô giáo. Nhưng Kitô giáo hay Công giáo lại không phải là toàn bộ con đường của Đức Giêsu vì Người vẫn đang dẫn dắt nhiều người ngoài Kitô giáo để họ đi trong sự thật và sự sống của Người.



Con đường Giêsu này có 2 chiều: một chiều đi xuống từ phía Thiên Chúa đến với thụ tạo và một chiều đi lên để nâng thụ tạo thành thần linh, thành Thiên Chúa, chia sẻ cho họ sự sống đời đời, giúp họ thoả mãn khát vọng sâu xa là trở thành Thiên Chúa như Ngài, được đẹp mãi, trẻ mãi, sống mãi. “*Không ai lên trời được ngoại trừ Con Người, Đấng từ trời xuống*” (Ga 3,13) chỉ cho họ con đường lên trời. Đây là điểm khác biệt của con đường Giêsu so với các con đường tâm linh khác trong lịch sử (x. ĐTC Gioan Phaolô II, *Tông huấn Giáo hội tại Á Châu*, số 6, 11).

Đức Giêsu quả thật là con đường dẫn đến sự thật toàn vẹn và sự sống thần linh khi Người *công bố và minh chứng* cho con người và vạn vật biết Người “là đường, là sự thật và là sự sống, không ai đến được với Chúa Cha mà không qua Người” (x. Ga 14,6). Người là Đấng Mêsia đến để cứu độ, là Môsê mới dẫn nhân loại đi vào cuộc xuất hành mới (x. Lc 24,15; Dt 3,5; 12tt) và kêu gọi mọi người bước theo Người (x. Mt 4,19; Lc 9,57-62; Ga 12,35). Người đã minh chứng con đường này bằng những lời giảng dạy đầy quyền năng, những dấu lạ, bằng cái chết trên thập giá và cuộc sống lại của Người.

Như thế, con đường Giêsu không còn phải là những tín điều, những giáo thuyết, những nghi lễ hay luật lệ, thậm chí cả cách sống của Kitô hữu (x. Cv 9,2; 18,25; 24,22) nhưng là một con người sống động và cũng là Con Thiên Chúa, đó là Đức Giêsu Kitô.

2.3. Những thái độ của người Kitô hữu

Với ý thức và tự do, người tín hữu có thể có những thái độ sau đây khi đi trên con đường Giêsu của mình:

– *Hiểu lầm con đường Giêsu cũng giống như các con đường khác.* Họ cho rằng đạo nào cũng tốt và “đạo Công giáo của mình” là tốt hơn cả. Họ không phân biệt được con đường mình theo vừa khác với các tôn giáo bạn cách sâu xa nhưng lại vừa hoà hợp với tất cả để Đức Giêsu Kitô là con đường duy nhất, là Đấng Cứu Độ duy nhất của loài người và vũ trụ, vì Người chính là con đường của Thiên Chúa.

– *Tách biệt Đức Giêsu với con đường của Người.* Trong dòng lịch sử, tùy theo nhu cầu của mỗi thời đại, người ta đã phân biệt, thậm chí tách biệt Đức Giêsu với con đường của Người, đã quá chú ý đến việc xây dựng và công thức hoá các tín điều, các giáo lý, đã nhấn mạnh đến việc tổ chức Giáo Hội, giáo phận, giáo xứ, đã coi trọng việc cử hành phụng tự bên ngoài mà coi thường sự hiện diện sống động của Đức Giêsu và tác động Thánh Linh của Người.

Sống đạo bây giờ trở thành việc đi đạo, theo đạo với những luật lệ, nghi thức phải giữ, không giữ là vi phạm, là mắc tội đối với cộng

đoàn, với Giáo Hội, với Thiên Chúa chứ không phải là cùng đi với Đức Giêsu, cùng theo Đức Giêsu, cùng sống với Đức Giêsu để rồi “*tôi sống, nhưng không phải là tôi mà là Đức Kitô sống trong tôi*” (Gl 2,20).

Kết quả là người tín hữu không còn có những cảm nghiệm sống động về Đức Giêsu Kitô như một người họ đang gặp gỡ, tiếp xúc, yêu thương và hoà nhập thành một với Người. Họ không phát huy được sự sống kỳ diệu mà Chúa Thánh Thần ban cho với ơn sủng và quyền năng để làm phép lạ, chữa lành bệnh tật, xua trừ ma quỷ, giải phóng con người và vạn vật thoát khỏi mọi hình thức nô lệ.

– *Hoà nhập đạo với chính Đức Giêsu Kitô.* Người kêu mời họ: “*Ai muốn theo tôi, phải từ bỏ chính mình, vác thập giá mình hằng ngày mà theo*” (Lc 9,23). Khi dám từ bỏ mọi tham vọng bất chính và dục vọng xấu xa để kết hợp thành một với Đức Kitô, họ cũng sẽ trở thành hiện thân của Người, trở thành con đường trải thân cho anh em và muôn loài thọ tạo bước đi.

– *Thái độ đi đường tiêu biểu là của Đức Maria:* “*Đức Maria vội lên đường, đến miền núi, vào một thành thuộc chi tộc Giuđa...*” (Lc 1,39-56). Đó là người hăng hái ra đi vì được Thánh Thần Tình Yêu thúc đẩy. Là người lên đường với Chúa Giêsu trong lòng: Giêsu bây giờ hoà nhập với đường đời của họ. Là người vừa thờ phượng Chúa trong hồn vừa ra đi phục vụ con người, nhất là những ai yếu kém trong xã hội. Là người vừa dám chấp nhận hiểm nguy (thân gái dặm trường) trên con đường vươn tới đỉnh cao, vừa biết phó thác đời mình cho Chúa để sống trong niềm vui và bình an.

Kết luận

Sau khi tìm hiểu những con đường tâm linh trong dòng lịch sử nhân loại, chúng ta thấy mình cần phải có thái độ trân trọng hơn đối với các tôn giáo bạn cũng như tích cực giới thiệu con đường Giêsu cho người khác. Rồi khi đã hiểu đạo là chính Đức Giêsu Kitô thì việc *đi-theo-giữ-sống* của đạo bây giờ trở thành *đi theo-giữ kỹ-sống thật* với

Đức Giêsu Kitô trong từng giây phút đời người. Con đường tình yêu giữa Giêsu và mỗi người chúng ta sẽ kéo dài vô tận và mở rộng tới vô biên trong suốt cõi vĩnh hằng.

Câu hỏi gợi ý:

Bạn có cảm thấy lúng túng, khó xử khi được người bạn theo Phật giáo mời đến chùa để dự lễ cầu siêu, đến gia đình để ăn giỗ cho người thân của họ không? Bạn đã phản ứng như thế nào?

Bạn đang có thái độ nào đối với các tôn giáo khác: sợ hãi, ngại ngùng, xa lánh, coi thường, hay sẵn sàng đối thoại và chia sẻ kinh nghiệm tôn giáo của mình?

Bạn đang đi trên con đường Giêsu với thái độ nào: vui vẻ, hăng hái, can đảm dấn thân như Đức Maria, hay thờ ơ, rong chơi không mục đích, không giữ luật đi đường, không quan tâm đến các bạn đồng hành, đang ngừng bước hoặc lạc đường...?

CON ĐƯỜNG SỰ THẬT GIẢI THOÁT TA

Nhập đề

Trước toà án Rôma, Đức Giêsu nói với quan Philatô: “Tôi đã sinh ra và đã đến thế gian nhằm mục đích này: làm chứng cho sự thật. Ai đứng về phía sự thật thì nghe tiếng tôi”. Philatô hỏi Người: “Sự thật là gì?” (Ga 18,37-38).

Hàng tỷ người đang theo học trong các trường lớp, miệt mài trong các phòng thí nghiệm, tìm hiểu qua sách báo, phim ảnh, internet... để khám phá sự thật trong thiên nhiên, trong vạn vật, trong lòng người và trong cả Thiên Chúa nữa.

Nhân loại khát khao sự thật, mơ ước tìm ra con đường giải thoát. Bao nhiêu tôn giáo, ý thức hệ, khoa học đã ra đời nhưng vẫn chưa thoả

mãn khát vọng sự thật của con người vì vẫn chưa hiểu rõ được “sự thật là gì?”, để đạt tới điểm cuối cùng “sự thật là ai?”.

Chính trong tinh thần khám phá, chúng ta lên đường đi tìm con đường sự thật, con đường giải thoát ta (x. Ga 8,31-32).

1. Sự thật trong đời sống

1.1. Vì được Thiên Chúa chân thật tạo dựng, nên muôn vật, muôn loài đều phản ánh sự thật của Ngài. Do đó, sự thật không phải là cái gì ở ngoài nhưng ở trong ta, trong vạn vật.

Loài hoa nào cũng dạy ta về lòng trung thực. Màu sắc của cánh, của nhụy, của đài hoa, dù rực rỡ hay đơn sơ, đều là những màu rất thật chứ không tô vẽ giả tạo bằng những nét sơn phết bên ngoài.

Con người nào cũng muốn sống thực với chính mình, muốn được người khác thật lòng với mình. Chẳng ai muốn người khác lừa bịp mình bằng những lớp áo hoá trang, những lớp sơn phấn giả tạo trên sân khấu cuộc đời. Họ giống như nguyên tổ Adam và Eva sống hạnh phúc bên nhau vì thân thể trần trụi được bao phủ bằng hào quang chân thật của Thiên Chúa (x. St 1-2). Tuy nhiên, con người đã và đang tự lừa dối chính mình cũng như lừa bịp người khác vì:



1.2. Satan và các thiên thần sa ngã đã đưa sự dối trá vào thế giới

Được Thiên Chúa ban cho quyền tự do, Satan và các thiên thần sa ngã đã muốn gạt Thiên Chúa chân thật ra khỏi đời sống, cắt đứt với nguồn sống chân thật. Chúng muốn trở thành sự thật tuyệt đối cho

mình, trở thành tiêu chuẩn đúng cho muôn vật, muôn loài. Làm như thế là chúng tự lừa dối mình vì rời bỏ nguồn chân lý. Kết quả chúng trở thành thần dối trá, lọc lừa.

Chúng lừa dối nguyên tổ để họ không còn nhớ đến sự thật mình chỉ là người chứ không phải là Thiên Chúa của mình và thần tượng của nhau.

1.3. Hậu quả sự lừa dối

Adam - Eva cắt đứt mối tương quan với Thiên Chúa chân thật, xé rách vầng hào quang ân sủng bao phủ để chỉ còn thấy mình trần trụi, thấp hèn, và cái chết ở cuối đường đời.

Từ đó, con người không còn nhận ra đồng loại cùng chung xương thịt và dòng máu đỏ với mình, mà chỉ thấy khác biệt theo màu da vàng, đỏ, trắng, đen, nâu với lớp quần áo, vàng bạc hoá trang bên ngoài. Con người tự dối lòng mình, không thật với nhau, trở thành những chú Cuội cho nhau.

Con người chẳng còn nhận ra vạn vật là những đứa em cùng Người Cha Tạo Hoá, cùng là bụi đất vật chất như nhau, và nhìn vạn vật chỉ là loài vô tri, vô giác để khai thác cạn kiệt như những ông chủ bạo tàn chứ không hiểu được sự thật bên trong và yêu thương chúng.

1.4. Muôn loài mong đợi sự thật

Con người sa ngã kéo theo vạn vật bị cưỡng bức phải chịu hư nát (x. Rm 8,28) chung với con người, nhưng Thiên Chúa vẫn yêu thương thế gian đến nỗi hứa ban Đấng Giải Thoát ngay khi con người vừa phạm tội (x. St 3,1-24). Đó là Người Con Một (x. Ga 3,16), “đầy tràn ân sủng và sự thật” (Ga 1,14), là Ngôi Lời Thiên Chúa. “Nhờ Ngôi Lời, vạn vật được tạo thành” (Ga 1,3).

Ngài đặt dấu ấn sự thật và ân sủng của Ngôi Lời trong mỗi vạn vật, mỗi con người để tất cả cùng nhận ra nhau là con cái của Cha Trên Trời và khát khao mong đợi Đấng Giải Thoát sẽ đến.

Đặc biệt Ngài cho con người có khả năng nhận biết sự thật trong vạn vật nhờ họ sử dụng những tài năng tinh thần và lắng nghe tiếng nói lương tâm chân chính của mình. Con người tận tâm tâm vẫn khao khát sự thật và tìm sự thật để giải đáp cho họ về đau khổ, về cái chết, về sự sống vĩnh hằng và hạnh phúc vô biên, nhờ đó họ tìm được sự giải thoát cho mình và cho vạn vật (x. CĐ. Vaticanô II, Tuyên ngôn Nostra Aetate, số 1 và 2).

2. Nhân loại đi tìm sự thật

2.1. Trên con đường sự thật

Con người biết suy tư (homo sapiens) xuất hiện cách đây khoảng 40.000 năm. Con người sử dụng trí óc để tìm hiểu sự thật. Với việc khám phá ra ngôn ngữ (10.000 năm TCN) rồi sau đó chữ viết (khoảng 4.000 năm TCN), ngành in (1.000 năm SCN) và các phương tiện truyền thông như truyền thanh, truyền hình, internet (thế kỷ 20). Nhờ đó, con người dễ dàng tìm hiểu, chia sẻ và phổ biến những sự thật mình khám phá được.

Tuy nhiên, chúng ta đừng quên rằng song song với sự thật, quỷ dữ vẫn không ngừng lợi dụng con người để phổ biến sự dối trá, để bắt con người làm nô lệ cho chúng, cho tham vọng và dục vọng thấp hèn như ta đang thấy tràn ngập trong mọi lĩnh vực của đời sống.

Từ thế kỷ 13, khi các đại học mới mở ở nhiều nước châu Âu, các linh mục, tu sĩ trở thành những vị thầy tiên phong cổ vũ cho nền văn hoá và văn minh, các tu viện trở thành các trường học phổ biến văn hoá cho quần chúng. Rồi từ đó, người ta đi tìm sự thật về con người, về Thiên Chúa, phát triển thành khoa triết học và thần học. Nhưng nền triết học và thần học kinh viện dựa trên những suy tư trừu tượng đã trở thành một nền giáo dục dành cho giai cấp thượng lưu và dần dần xa cách con người, xa cách xã hội.

Từ thế kỷ 18-19, cuộc cách mạng khoa học đã đưa nhân loại đến các miền đất mới của kiến thức là khoa học tự nhiên và xã hội nhân

vấn đề con người khám phá vạn vật (khoa vật lý, hoá học, sinh học, y học, thực vật học, động vật học...), khám phá chính mình (tâm lý học, phân tâm học, luân lý, đạo đức học...), và xã hội mình sống (xã hội học, kinh tế học, nhân học...). Họ thấy các khoa học ấy mới thật sự giúp ích cách thiết thực cho con người. Tuy nhiên, con người cũng nhận ra rằng dù khoa học có phát triển đến đâu, chúng cũng không thể nào vượt qua nổi những giới hạn nằm trong chính bản chất con người và vạn vật. Con người không thể tự giải thoát chính mình để trở thành tuyệt đối, vĩnh cửu, vô biên. Con người cần một sự thật tuyệt đối ở ngoài mình để biến đổi chính mình. Sự thật này chỉ có Đức Giêsu Kitô mới có thể chia sẻ cho những ai tin vào Người (x. Ga 17,17).

2.2. Một vài hiểu lầm trong Giáo hội Công giáo



Cho tới đầu thế kỷ 20, nhiều người trong Giáo hội Công giáo còn cho rằng giáo sĩ, tu sĩ chỉ nên biết khoa học đạo, không nên biết khoa học đời. Thái độ này bắt nguồn từ quan niệm nhị nguyên, dẫn đến việc

hiểu sai về sự thật. Thí dụ: Người ta nghĩ rằng có sự xúc phạm lớn lao đối với bí tích nếu một người vừa làm linh mục vừa làm bác sĩ, sau khi đỡ đẻ cho sản phụ, lại cầm Mình Máu Thánh Chúa giơ lên cho dân chúng tôn thờ.

Kết quả là một số linh mục, tu sĩ hầu như không tha thiết với các ngành khoa học tự nhiên và xã hội nhân văn, ít quan tâm đến những vấn đề thiết thực của con người cũng như những biến chuyển trong xã hội. Bài giảng của linh mục hầu như tập trung vào các vấn đề luân lý, vào việc chú giải Thánh Kinh và đôi khi còn phản khoa học, nguy hại đến con người và xã hội. Các tu sĩ thường lo việc phục vụ bàn thờ, dọn phòng thánh, dạy giáo lý hay làm các việc từ thiện, bác ái.

Như thế là Đức Kitô, nguồn khôn ngoan và sự thật, đã bị chia cắt, phân biệt thành hai thứ đạo đời nên đạo không còn hấp dẫn các nhà khoa học để họ tìm hiểu sự thật về Thiên Chúa. Rồi khi trình độ văn hoá nâng cao, người ta càng xa rời đạo. Trình độ hiểu biết của nhiều tín hữu giáo dân về Thiên Chúa, về đạo chỉ ở lớp 5, lớp 6 qua những khoá giáo lý sơ lược để chuẩn bị xưng tội, rước lễ lần đầu hay bí tích Thêm Sức, trong khi trình độ khoa học lại ở bậc cử nhân, tiến sĩ. Vì thế, đời sống tri thức của họ chưa có sự hài hoà.

3. Sự thật là gì?

3.1. Định nghĩa sự thật

Chỉ tiếc rằng sau khi Philatô đặt câu hỏi, ông đã không nán lại chờ nghe câu trả lời của Đức Giêsu mà lại vội vã ra gặp người Do Thái để cho loài người tốn bao nhiêu công sức đi tìm câu định nghĩa sự thật, cũng như tranh luận gay gắt về những lời giải nghĩa của mình.

a. Sự thật, theo nghĩa thông thường, là cái có thật, cái có trong thực tế. Nói theo triết học: đó là điều phản ánh đúng hiện thực khách quan. Theo nghĩa này, sự thật đồng nghĩa với chân lý.

b. Chân lý, theo định nghĩa được đón nhận nhiều nhất, là sự phù hợp giữa trí khôn và thực tại (*Veritas est conformitas intellectus cum*

re). Thí dụ: Cái bút này màu đỏ. Trí khôn tôi nhận thức điều đó và tôi nói lên điều đó là tôi đã nói sự thật, tôi đạt được chân lý vì tôi đã nói một điều phù hợp với thực tế bên ngoài.

3.2. Phân loại sự thật hay chân lý

Có nhiều cách phân loại: trước hết là chân lý khách quan và chân lý chủ quan tùy thuộc vào sự vật tôi nhận thức phù hợp với thực tế hay không. Thí dụ: Tôi nhận thức cái bút có màu đỏ đúng như nó có trong thực tế thì tôi đạt sự thật khách quan. Nhưng do mắt tôi bị loạn sắc, nhìn màu đỏ ra xanh; vì vậy, nếu tôi nói bút có màu xanh như nó xuất hiện trong nhận thức của tôi, thì đó là sự thật chủ quan.

Nếu tôi nói bút có màu đỏ không đúng với điều tôi nhận thức, dù điều tôi nói đúng với thực tế bên ngoài, thì tôi nói không đúng sự thật luân lý, tôi đã nói dối vì điều tôi nói không đúng với điều tôi nghĩ.

Người ta còn phân biệt sự thật tuyệt đối và sự thật tương đối tùy theo sự phù hợp toàn diện hay phiến diện đối với sự vật.

3.3. Sự bất đồng quan điểm

Trong dòng lịch sử suy tư về sự thật, con người đã tạo nên nhiều ý thức hệ khác nhau nên có nhiều định nghĩa khác nhau về sự thật tùy theo mỗi người chấp nhận quan điểm duy lý, duy tâm, duy vật, duy niệm, duy thực, duy nghiệm... Họ giống như mấy chàng mù xem voi và mỗi người tả một cách khác nhau. Sự bất đồng quan điểm này càng được nhân lên do các phương tiện truyền thông xã hội như báo chí, phim ảnh, truyền thanh, truyền hình, internet.

Kết quả là nhân loại càng ngày càng xa rời sự thật toàn diện và cũng đặt mãi câu hỏi: “Sự thật là gì?”, “Chân lý là gì?”. Muốn vượt qua những bất đồng này, nhân loại phải tiến thêm một bước mới trên con đường đi tìm chân lý để gặp gỡ được Đấng là Sự Thật Vĩnh Hằng, Tuyệt Đối.

4. Sự thật là ai?

4.1. Ngôi Lời Chân Lý đã làm người.

Vào thời điểm quyết định trong lịch sử, Thiên Chúa đã muốn mạc khải cho loài người một sự thật cụ thể nhưng vô cùng siêu việt để quy tụ tất cả các dòng ý thức về một mối. Sự thật không còn phải là những lý lẽ trừu tượng theo cách định nghĩa của con người, vì Thiên Chúa chân thật muốn dạy cho muôn loài thụ tạo về sự thật kỳ diệu có thể giúp muôn loài tìm được sự giải thoát và thoả mãn mọi khát vọng của muôn loài.

Sự thật tuyệt đối vô biên của Thiên Chúa, nguồn của khôn ngoan, đến thời gian đã định, đã trở thành một con người cụ thể, để mọi người đều có thể tìm về với Người, đi vào con đường sự thật của Người, kết hợp với Người và trở thành sự thật tuyệt đối, toàn diện như Người. Ngôi Lời đầy ân sủng và chân lý đã làm người, trở thành Đức Giêsu Kitô (x. Ga 1,1-18). “Lời Cha là Chân Lý” (Ga 17,17) sẽ giải thoát ta khỏi những u mê, lầm lạc do sự bất toàn của con người và sự lừa dối của quỷ ma.

4.2. Đức Giêsu dạy những sự thật giải thoát ta (x. Ga 8,32)

Đức Giêsu dạy ta:

- Về Thiên Chúa thật sự là Người Cha Nhân Từ muốn cứu độ tất cả để ta vượt qua những kiểu tôn thờ sai lạc, mê tín và hoàn toàn tin cậy vào Ngài.
- Về con người như anh em của Người và của nhau với thể xác và tinh thần hoà nhập thành một để cùng được cứu độ thay vì chia cắt xác hồn, phân biệt đạo đời. Người đã chữa lành bệnh tật, tha thứ tội lỗi, cho kẻ chết sống lại để bảo đảm sự thật này.
- Về vạn vật như các đứa em nhỏ của con người và cùng được cứu thoát với con người thay vì coi thường hay thần hoá

chúng. Đức Giêsu đã chứng tỏ sự thật ấy khi Người làm rất nhiều phép lạ trên vạn vật.

- Về ma quỷ như những kẻ lừa dối và gây hại cho con người và vạn vật nên Người xua đuổi và trừ khử chúng ra khỏi con người. Chúng biết Người vì Người khám phá ra sự lừa dối của chúng.

4.3. Những thái độ đón nhận sự thật

Khi chúng ta đón nhận Đức Giêsu Kitô là sự thật, chúng ta sẽ:

- Học hỏi và tuân giữ lời dạy của Chúa Giêsu, nhất là trong các sách Tin Mừng.



- Sống thật, nói thật, làm thật với Chúa Cha, với anh em đồng loại và tôn trọng vạn vật.
- Học hỏi các khoa học đạo đời và khám phá sự thật chứa đựng trong đó cũng như tích cực sửa chữa những sai lầm, thiếu sót trong các khoa học này.
- Xin ơn Chúa Thánh Thần để nhận biết chân lý.

Kết luận

Sự thật mà nhân loại vất vả kiếm tìm trong suốt dòng lịch sử đã được khám phá. Đó là Đức Giêsu Kitô. Cảm tạ Chúa Cha đã ban Người cho chúng ta. Xin cho toàn thể nhân loại, nhất là những ai có trách nhiệm dạy dỗ, nhận biết Người là Sự Thật Tuyệt Đối để vượt qua mọi bất đồng, xung đột và nhận được ơn giải thoát của Người. Xin Người ban Thánh Thần Chân lý của Người cho ta để càng ngày ta càng yêu mến sự thật hơn và chia sẻ sự thật này cho mọi người, mọi vật quanh mình.

Câu hỏi gợi ý

1. Mỗi ngày bạn học hành, nghiên cứu, xem các sách báo, phim ảnh, hỏi han để thu nhận kiến thức. Nhưng bạn có bao giờ quan tâm đến việc tìm hiểu kiến thức bắt nguồn từ đâu và dẫn tới đâu không?

2. Bạn đang được mời gọi để nghĩ đúng, nói thật, làm thật, sống thật nhưng bạn có bao giờ quy hướng tất cả sự thật ấy về Đức Giêsu Kitô như để nghĩ về Người, nói cho Người, làm vì Người và sống trong Người không?

3. Bạn có cầu nguyện với Chúa Thánh Thần trước mỗi giờ học, giờ làm để Ngài “thánh hoá bạn trong chân lý” không?

4. Bạn có ý thức gì mỗi khi thưa “Amen” (đúng như vậy, thật như vậy) trong lời kinh, thánh lễ?

CON ĐƯỜNG SỰ SỐNG THẦN HOÁ TA

Nhập đề

Con đường Giêsu không phải chỉ dẫn ta đến sự thật toàn diện để ta hiểu biết đúng về Thiên Chúa, con người, vạn vật nhưng còn đưa ta đến sự kết hợp mật thiết với Thiên Chúa và hoà hợp với muôn loài để

cùng chia sẻ sự sống diệu kỳ của Thiên Chúa cho nhau. Đó là ý nghĩa con đường mới mở dẫn đến cuộc thần hoá lạ lùng.

Người đã nói với Matta trước khi làm phép lạ cho Lazarô em cô sống lại: “Tôi là sự sống lại và là sự sống” (Ga 11,25). Sự sống này không phải chỉ kéo dài trong một đời người, cũng không phải chỉ là sự sống tự nhiên, nhưng là sự sống siêu việt của Thiên Chúa.

Chúng ta sẽ tìm hiểu:

1. Cuộc sống quanh ta đang diễn ra như thế nào?
2. Giá trị sự sống nằm ở đâu?
3. Con đường sự sống của Đức Giêsu dẫn ta đến điểm nào?

1. Cuộc sống quanh ta

1.1. Quan sát vạn vật và con người đang sống quanh mình, chúng ta cảm nhận sự sống là một cái gì lạ lùng, quý báu, thiêng liêng nhưng lại có vẻ mong manh, tạm thời, thậm chí có vẻ như vô lý, vô nghĩa.

Lạ
lùng vì dù chỉ là con ruồi, cánh



bướm, cành hoa nhưng cấu trúc kỳ diệu của hàng tỷ tế bào chuyển động không ngừng làm ngây ngất bao nhiêu nhà bác học.

Quý báu vì giá trị sự sống vượt lên trên các giá trị khác. Người ta sẵn sàng đánh đổi mọi sự để bảo vệ sự sống.

Thiên liêng vì dù hiểu được cấu trúc của các chất vô cơ, hữu cơ nhưng cho đến nay các nhà bác học vẫn chưa tự mình làm nên một con ruồi, một cành hoa sống động. Sự sống bắt nguồn từ đâu đó, từ một ai đó, từ một Đấng nào đó đòi hỏi ta phải khám phá nếu ta muốn sống dồi dào và trọn vẹn.

Mong manh vì chỉ cần một vài thay đổi nhỏ của những chất liệu cũng dẫn đến nguy cơ làm mất sự sống.

Tạm thời vì dù có muốn kéo dài đời sống nhưng những bông hoa xinh đẹp kia vẫn héo tàn, những con người tài giỏi kia vẫn chết như mọi loài, mọi vật.

Phi lý vì có nhiều người muốn tìm ra ý nghĩa đời sống nhưng họ không tìm được (Jean Paul Sartre, ông tổ của thuyết hiện sinh vô thần) nếu chỉ tìm hiểu những gì hiện thấy trước mắt.

1.2. Những thái độ sống khác nhau

Tuỳ theo mức độ nhận thức về giá trị sự sống mà con người có những thái độ sống khác nhau:

Trân trọng để cố gắng học hành, làm việc, nghiên cứu cho sự sống phát triển mỗi ngày một tốt đẹp hơn, phong phú hơn.

Bảo vệ để giữ gìn sự sống mong manh khỏi những nguy hiểm do thiên tai gây nên, do môi trường sống suy thoái, hoặc do chính con người tác hại.

Hững hờ với cuộc sống tạm thời vì nghĩ rằng trước sau gì cũng chết, chẳng cần xây dựng, bồi đắp sự sống cho mình hoặc cho ai.

Phung phí với cuộc sống phi lý để chiều theo những tham vọng và dục vọng nhất thời. Đời sống chỉ còn là những bữa ăn nhậu, những cuộc truy hoan cho những thú vui thấp hèn.

Tàn phá với những vụ bóc lột sự sống người khác bằng lao động khổ sai, huỷ diệt sự sống bằng những hành động tàn bạo như chiến tranh, phá thai, sản xuất vũ khí huỷ diệt hàng loạt, thải chất độc hại ra môi trường sống.

Ngưỡng mộ: tìm ra được người chủ sự sống để tôn thờ, yêu mến. Mỗi con người, mỗi sinh vật đều là hình ảnh tượng trưng nhắc nhở về Thiên Chúa hằng sống này.

Chúng ta đang có thái độ nào?

2. Giá trị sự sống

Chúng ta chỉ có thể phát huy và thăng hoa sự sống nếu chúng ta biết sự sống là gì và giá trị của nó nằm ở nơi đâu.

2.1. Sự sống là gì?

Những định nghĩa khác nhau về sự sống theo những ý thức hệ khác nhau đã làm cho con người càng ngày càng không hiểu được chính sự sống mình đang có.

Rất nhiều người, bị ảnh hưởng bởi thuyết tiến hoá khoa học của C.R. Darwin (1809-1882), đã cho sự sống là kết quả vận động ngẫu nhiên của vật chất: từ chất vô cơ trong vũ trụ như Carbon, Oxy, Hydro, Nitơ hoà hợp biến thành chất hữu cơ rồi đến đơn bào, đa bào, sinh vật hạ đẳng, sinh vật thượng đẳng đến vượn người rồi đến con người như ngày nay.

Sống theo định nghĩa khoa học này, là tồn tại ở hình thái có trao đổi chất với môi trường bên ngoài, có sinh đẻ, lớn lên và chết.

Một số nhà triết học thì lại định nghĩa sống là hoạt động nội tại, là yếu tính của một hữu thể hoạt động tự bên trong.

2.2. Giá trị sự sống

Sự sống là một *màu nhiệm* vượt quá những suy luận và kiểm chứng của con người.

Các nhà bác học đang cố gắng giải đáp những bí ẩn về cấu trúc gen cho một số sinh vật và ngay cả nơi con người. Họ hết sức kinh ngạc với hàng tỷ tỷ mật mã về sự sống của các nhiễm sắc thể đó.

Nhưng họ mới chỉ làm công việc giống như người thợ sửa đồng hồ: mở một chiếc ra nghiên cứu mấy trăm bộ phận, rồi lắp ráp lại cho đúng trật tự mà người phát minh ra chiếc đồng hồ đã quy định. Họ chỉ nhìn được những chất liệu của chiếc đồng hồ chứ không nhận ra người chủ làm nên chiếc đồng hồ ấy thông minh và kỳ diệu xiết bao.

Sự sống của con người và vạn vật còn kỳ diệu hơn gấp bội.

Vì thế, giá trị của sự sống không nằm ở nơi các sinh vật hay nơi chính con người mà hệ tại ở người chủ sự sống là chính Thiên Chúa, Đấng dựng nên tất cả và ban cho từng loài bậc sống khác nhau.

2.3. Các bậc sống khác nhau

Người ta thường chia ra:

Sự sống của thực vật: dành cho cây cỏ, hoa trái.

Sự sống của động vật: dành cho các loài động vật có thể xác nhưng không có tinh thần.

Sự sống con người: với những hoạt động ở cấp thấp của thể xác gồm đời sống thực vật, đời sống sinh lý và những hoạt động ở cấp cao của tinh thần như lý trí, ý chí, tình cảm, ký ức... Vì thế, người ta chia thành đời sống thể lý, tâm lý, tâm linh.

Sự sống thiên thần: dành cho loài chỉ có tinh thần.

Sự sống Thiên Chúa: sự sống toàn diện, tuyệt đối của Thiên Chúa Ba Ngôi.

2.4. Đi tìm sự sống vĩnh hằng

Trong cuốn truyện *Tây Du Ký* của Ngô Thừa Ân, chúng ta thấy bao nhiêu loài vật cố gắng tu luyện, thậm chí ăn thịt và uống máu nhiều người để mong được trường sinh bất tử. Chúng trở thành những

yêu quái. Chúng nói lên ước vọng của muôn loài là mong được sống và sống mãi.

Trong suốt dòng lịch sử con người đã tìm mọi cách để kéo dài sự sống bằng đủ loại thuốc, kể cả tìm cách luyện linh đan để được trường sinh bất tử. Con người cố gắng tìm ra những loại lương thực để ăn sao cho khoẻ hơn, chế ra các mỹ phẩm để cho mình được đẹp hơn, trẻ hơn, thay đổi gen hy vọng để kéo dài tuổi thọ thêm được một vài chục năm.

Thất vọng vì những giải pháp vật chất, con người đi tìm những giải pháp tinh thần: bao nhiêu tôn giáo, đạo pháp, kể cả pháp thuật ra đời để mong đạt được ước vọng cao cả nhất của con người: được trẻ mãi, đẹp mãi, sống mãi nghĩa là *được trở thành Thiên Chúa*, nguồn của sự sống, của chân - thiện - mỹ và hạnh phúc vô biên.

3. Con đường sự sống của Đức Giêsu

Đức Giêsu không dài lời giải thích về sự sống bằng những ý niệm trừu tượng, nhưng Người dạy ta tôn trọng và bảo vệ sự sống của muôn loài quanh ta vì tất cả đều là *con cái của Thiên Chúa hằng sống*.

3.1. Đức Giêsu dạy ta con đường sự sống

- Người mời gọi ta hãy nhìn xem hoa huệ ngoài đồng, những chú chim sẻ riu rít quanh ta để nhận ra quyền năng và tình yêu của Cha Trên Trời đối với tất cả (x. Mt 6,26-32). Người yêu cầu ta thu nhặt từng mẩu bánh nhỏ, dù phép lạ Người làm cho mọi người no nê, để tiết kiệm, dành dụm cho những bữa sau (x. Ga 6,12).
- Người quý trọng *sự sống thể lý* của con người nên đã chữa lành mọi bệnh hoạn tật nguyên (x. Mc 1,32-33; 3,10-12; 6,55-56; Mt 8,16; Lc 4,40...). Người cổ vũ *sự sống tâm lý* khi nhắc nhở con người giữ tinh thần cho trong sáng, quảng đại vì không phải những đồ ăn đưa vào bụng con người làm cho họ ra như uế, nhưng những gì là tham lam, ghen tuông, giận dữ, dối trá... từ lòng con người xuất ra mới làm cho họ

bản thù, nhuốc nhơ (x. Mt 14,10-20; Mc 7,14-23). Người đề cao *sự sống tâm linh* khi nhắc nhở con người “không phải chỉ sống bằng cơm bánh mà còn sống bằng những lời từ miệng Thiên Chúa phán ra” (Mt 4,4). Người chia sẻ *sự sống của Thiên Chúa* cho tất cả những ai tin vào Người (x. Ga 1,4; 3,16; 3,36; 5,24.26; 6,47; 10,10; 11,25; 17,3...).

- Người xua đuổi ma quỷ vì đó là những thụ tạo gây hại cho đời sống con người “cả thể xác lẫn tinh thần” nên khi xua đuổi ma quỷ khỏi người câm điếc, thì họ nói được, nghe được, thấy được (x. Mc 1,21-28; 5,1-20; 7,24-30; 9,14-29; Mt 9,32-34; Lc 4,31-37).

3.2. Đức Giêsu là sự sống thân linh

- Người đã làm nhiều phép lạ cho người chết sống lại để chứng tỏ rằng sự sống ở đời này chỉ là một giai đoạn vô cùng ngắn ngủi so với đời sống vĩnh hằng. Người cho con trai bà goá thành Naim (x. Lc 7,11-17), con gái ông Giairô (x. Mc 5,21-43) và Lazarô chết 4 ngày sống lại (x. Ga 11,1-44) để chứng tỏ Người là chủ sự sống, Người là Sự Sống toàn diện, siêu việt, hoàn hảo “Tôi là Sự Sống...” (x. Ga 14,6): Người ban sự sống đó cho tất cả những ai tin vào Người “Ai tin vào tôi sẽ được sống đời đời” (Ga 11,25-26).
- Cuối cùng, chính Người đã chết và sống lại để chứng tỏ con người có thể tham dự vào sự sống của Thiên Chúa. Người đã hiện ra với các môn đệ nhiều lần, cùng ăn uống với họ để chứng tỏ Người đang sống và chia sẻ sự sống của chính Thiên Chúa cho họ. Thân thể phục sinh của Đức Giêsu có thể hiện ra ở trong phòng đóng kín cửa (x. Ga 20,19) ở bất cứ nơi nào (bên ngôi mộ, nơi phòng Tiệc Ly), bất cứ lúc nào (trên đường Emmaus (x. Lc 24,13-25)). Đó là cuộc sáng tạo mới của Thiên Chúa.

3.3. Con đường thần hoá



Người còn cho các tông đồ được chia sẻ quyền năng của Người để làm các phép lạ minh chứng con đường sự sống kỳ diệu đó: (x. Mt 10,1-6; Mc 3,13-19; 6,7-13; Lc 9,6). Phêrô chữa người què (x. Cv 3,1-10) hoặc bị tê bại tên Ênê (x. Cv 9,32-35), cho chị Tabitha sống lại (x. Cv 9,36-42). Phaolô chữa lành người bại chân ở Lystra (x. Cv 14,8-18), trừ quỷ ma quỷ (x. Cv 19,11-20), cho cậu bé Eutichô sống lại (x. Cv 20,7-12). Điều này chứng tỏ con người đã được thần hoá chứ không phải “những vị thần mặc lột người phạm đã xuống với chúng ta” (Cv 14,11).

Như thế, con đường Giêsu dẫn loài người và vạn vật đến một điểm xa nhất và cũng cao nhất, đó là được thần hoá để chia sẻ chính sự sống của Thiên Chúa, trở thành Thiên Chúa nhờ công trình cứu độ của Đức Giêsu Kitô trong tác động thánh hoá của Chúa Thánh Thần. Ước mơ của con người đã biến thành sự thật!

Kết luận

Con đường sự sống của Đức Giêsu mở ra đến vô tận. Nó giúp ta từ nay nhìn ra muôn loài ẩn chứa một sự sống lạ lùng của Thiên Chúa để ta tôn trọng và yêu quý tất cả. Nó cũng giúp ta luôn sống trong

niềm vui và hy vọng vì cánh cửa tử sinh chỉ còn là một bước ngắn ngủi phải qua để đi vào cuộc thần hoá diệu kỳ.

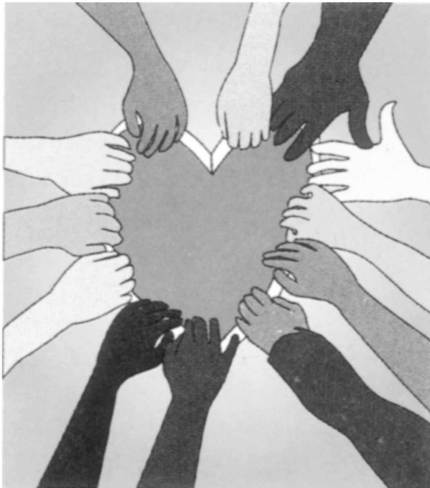
Câu hỏi gợi ý

1. Bạn đang cảm nghiệm gì về cuộc sống của mình: chán chường, mệt mỏi, vô nghĩa, có ích, trân trọng, hối hả, lo sợ, tin tưởng, thích thú?

2. Bạn có coi thường và đánh giá thấp đời sống thể lý với các hoạt động như ăn uống điều độ, ngủ nghỉ, giải trí, vui chơi, thể dục thể thao? Hoặc bạn quá chú tâm đến chúng?

3. Bạn có kinh nghiệm gì về một phép lạ của Chúa, một sự can thiệp lạ lùng của Chúa trong đời bạn? Bạn nghĩ mình có thể làm phép lạ không?

4. Nếu bạn được thần hoá, có quyền năng để chữa bệnh, trừ quỷ và các ân sủng lạ lùng thì bạn sẽ làm gì cho xã hội, cho đất nước, cho nhân loại?



Phần 4

**Đối tượng loan báo:
những ai nghe
và đón nhận Tin Mừng**



Bài 20

Ra khơi để Tân Phúc Âm hoá

Lời mở

Lệnh truyền ra khơi để thực hiện những cuộc chinh phục mới nhằm rao giảng Tin Mừng cho mọi người, mọi vật như đòi hỏi ta phải “đổi mới về nhiệt huyết, phương pháp và cách diễn tả Tin Mừng” (TLLV 45) trong những lĩnh vực có sự thay đổi sâu xa ở Việt Nam cũng như trên thế giới, nhất là lĩnh vực văn hoá, xã hội, kinh tế, khoa học, truyền thông như chúng ta đã tìm hiểu ở bài Bối cảnh của cuộc Tân Phúc Âm hoá trên thế giới và ở Việt Nam.

Những hoạt động gợi ý sau đây chỉ muốn làm sáng tỏ “sự tương tác liên tục giữa Tin Mừng và đời sống cụ thể của con người, cả về mặt cá nhân và xã hội” đã được Đức Thánh Cha Phaolô VI nhấn mạnh trong thông điệp *Evangelii Nuntiandi* (*Loan báo Tin Mừng*, số 7, ngày 8/12/1975).

1. Để chuẩn bị ra khơi

Ra khơi là biết trước mình sẽ phải đối mặt với sóng to gió lớn trên biển đời để kéo chung với các bạn đồng thuyền những mẻ cá lớn, nên mỗi thừa sai chúng ta cần chuẩn bị cho mình một trái tim dũng cảm, vượt qua mọi sợ hãi (x. Mt 14, 27; Mt 28,5), tràn đầy niềm vui từ Đức Kitô, “sẵn sàng hy sinh mạng sống để nước Thiên Chúa được rao giảng và Giáo Hội được thiết lập giữa lòng thế giới” (x. TĐ. *Loan báo Tin Mừng*, số 80).

Chính Thánh Thần là ngọn gió thúc đẩy đưa chúng ta ra khơi để loan báo Đức Giêsu Kitô, Tin Mừng của Thiên Chúa “tới tận cùng trái đất” (Cv 1,8; x. TLLV, số 169) và cũng chính làn gió ấy hướng con thuyền chúng ta tới chỗ có cá chứ không phải chỉ dùng những hệ thống định vị luồng cá của kỹ thuật con người.

Chúng ta cũng chuẩn bị lương thực và nước uống cho mình trong cuộc hải trình này là chính Mình Máu Thánh Chúa Giêsu và nguồn nước Thánh Linh của Người (x. Ga 7,37-39). Đồng thời ta cũng chuẩn bị muối để ướp cá đánh được là chính chúng ta với Tin Mừng của Chúa Giêsu Kitô (x. Mt 3,13; Mc 9,50). Hình ảnh biểu tượng Năm Thánh Đức Tin 2013 ở Việt Nam với con thuyền đang vượt sóng và cánh buồm căng gió hình tròn trong đó có chữ JHS (Jesus hominum Salvator: Đức Giêsu là Đấng Cứu độ muôn người) như gợi ý cho cuộc ra khơi này.

Những tấm lưới và thuyền là những phương tiện cần thiết phải mang theo lại là chính Đức Giêsu Kitô và Hội Thánh như con thuyền của Người. Người nhắc bảo chúng ta: “Khi đi đường, các con đừng mang theo túi tiền, bao bị, giày dép...” (x. Lc 10,1-9) vì một khi gắn bó với Đức Giêsu Kitô, Đấng chịu đóng đinh và phục sinh đang sống giữa chúng ta qua Thần Khí của Người, Đấng giúp chúng ta trải nghiệm về Thiên Chúa” (TLLV, 186), là chúng ta có tất cả ân sủng cần thiết, niềm hy vọng và bình an để hoàn thành sứ mạng TPAH của mình.



Nhiều vị truyền giáo ở vẫn nghĩ rằng: muốn loan báo Tin Mừng cho có hiệu quả thì mình phải có nhiều phương tiện vật chất như tiền bạc, thuốc men, kẹo bánh, quần áo cũ... để phân phát cho dân chúng nghèo khổ; mình phải trang bị hệ thống âm thanh tốt trong nhà thờ hay

hội trường để lời rao giảng của mình mạnh mẽ và truyền cảm; mình phải tổ chức khám bệnh, dạy văn hoá, tổ chức nhiều sinh hoạt vui chơi... Những hoạt động cho Chúa như thế rất cần thiết trong nhiều trường hợp, nhưng không bao giờ được quên một chuyện cần thiết trên hết mà cô Maria đã làm, khi ngồi dưới chân Chúa Giêsu và nghe Lời Người dạy, là gặp gỡ và kết hợp mật thiết với vị Chúa của mọi hoạt động (x. Lc 10,38-42).

Chính những mối lo âu vật chất ấy nhiều khi lại làm hỏng chương trình truyền giáo, vì nếu chúng ta cậy dựa vào những phương tiện tiền bạc, vật chất, thậm chí cả tài năng và ân sủng, chúng ta rất dễ thất bại trong công cuộc loan báo Tin Mừng. Chúng ta nhớ lại hình ảnh của thánh Gioan Maria Vianey, cha sở họ Ars, ngài chẳng có nhiều tài năng, tiền bạc, vật chất mà cả nước Pháp bị cuốn hút theo ngài. Chúng ta nên tập trung tất cả sự chú ý vào Đức Giêsu và Thần Khí của Người, đến nỗi “không cần chào hỏi ai dọc đường” (x. Lc 10,4), còn tất cả mọi sự cần thiết khác Chúa sẽ lo cho chúng ta.

Đó là một vài điều cần thiết trong cuộc chuẩn bị ra khơi của chúng ta. Còn bây giờ chúng ta cùng “chèo ra chỗ nước sâu” để bắt đầu thả lưới. Ra khơi hay “chèo ra chỗ nước sâu” như muốn đòi hỏi ta những hành động truyền giảng Tin Mừng phải sâu xa hơn, mạnh mẽ hơn, cực nhọc hơn và phải cùng làm việc với nhau, cùng kéo lưới chung với nhau thì mới có kết quả.

2. Những đề nghị hành động cho vài lĩnh vực cụ thể

Những hành động gợi ý trong mấy lĩnh vực cụ thể sau đây chỉ là những ước mơ để diễn tả sự đổi mới về phương pháp, về cách biểu hiện của cuộc TPAH như Thượng Hội Đồng đã yêu cầu.

2.1. Lĩnh vực văn hoá

Chúng ta đều biết văn hoá là “tổng thể nói chung những giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra trong một giai đoạn nhất định của lịch sử qua sự tương tác với nhau, với thiên nhiên và vũ trụ

vật chất”. Công đồng Vaticanô II trong Hiến chế Mục vụ *Gaudium et Spes*, số 53, đã giải thích cho chúng ta biết văn hoá hầu như bao trùm mọi hoạt động có giá trị của con người trong đời sống trần thế.

Trước đây, cha ông chúng ta trong thời kỳ bị bách hại vài trăm năm trước đã đưa những giá trị của Tin Mừng như dân chủ, bình đẳng nam nữ, gia đình một vợ một chồng vào trong xã hội, vì xã hội VN thời đó được tổ chức theo chế độ quân chủ độc tài chuyên chế, bất bình đẳng nam nữ, gia đình đa thê. Rồi khi xã hội VN hiện nay đã chấp nhận những giá trị đó thì người Công giáo Việt Nam hình như ngủ quên trong chiến thắng, không còn rao giảng Tin Mừng và không giới thiệu được những giá trị mới của Tin Mừng cho đồng bào nữa.

Thật ra, Tin Mừng còn rất nhiều những *giá trị* mà dân tộc chúng ta đang cần, đặc biệt là những giá trị của Tám Mối Phúc Thật. Thí dụ như *tinh thần nghèo khó* trong một xã hội đang chạy theo vật chất.

- Giá trị *hiền hoà* đối với những người thiếu sự nhẫn nại và tha thứ, chỉ cần nhìn “đều” hay vô tình “chửi tục” là người ta có thể rút dao ra chém nhau rồi.
- Giá trị *khiêm tốn*, ý thức sự hiện hữu của Thiên Chúa đối với những ai muốn đưa mình lên, muốn lôi kéo sự chú ý của người khác, không biết hối hận khóc lóc trước những tội lỗi đối với Thiên Chúa để được Người xót thương.
- Giá trị *thảo hiếu* đối với tổ tiên ông bà, cha mẹ và mở rộng ra cho hết mọi người để xây dựng hoà bình vì tất cả đều là con cái Thiên Chúa.
- Giá trị *tôn trọng* và *bảo vệ sự sống*, dù sự sống mới chỉ là bào thai trong lòng mẹ, để không nuôi trồng, phân phối những nông sản, thủy sản, thực phẩm độc hại, buôn bán những hàng hoá nguy hại cho sự sống con người.
- Giá trị *trong sạch* trong tư tưởng cũng như trong hành động để dám loại bỏ những phim ảnh đồi trụy, những trò chơi kích dục, những kiểu quần áo quá hở hang, những lời nói tục tũ

làm mất phẩm giá con người và coi người khác như những đồ chơi để thoả mãn dục vọng của mình.

- Giá trị *trung thực* trong những lời nói và nhất là trong lĩnh vực truyền thông để đừng lừa bịp nhau và dẫn đưa người khác chối bỏ sự thật qua những thông tin của mình.
- Giá trị *quảng đại* chia sẻ với tất cả lòng thương xót cho những ai nghèo đói bần cùng.
- Giá trị *hy sinh* vì đại nghĩa, sẵn sàng bị thiệt thòi, bị bách hại khi phải tranh đấu để bảo vệ lòng tin đối với Thiên Chúa, khi phải chiến đấu để bảo vệ tự do độc lập cho dân tộc cũng như những giá trị chân thiện mỹ cho nhân loại.

Nhưng chúng ta đừng hô hào các giá trị Tin Mừng này như một khẩu hiệu. Các nhà thần học, tu đức học Việt Nam cần phải đào sâu các giá trị đó bằng những bài nghiên cứu; các nhà giáo dục và xã hội học cần phải chuyển chúng thành bài tập thực hành các kỹ năng sống theo các giá trị đó để các linh mục, tu sĩ, giáo lý viên truyền đạt lại cho các đoàn viên các hội đoàn Công giáo Tiên hành và tín hữu giáo dân thể hiện trong đời sống thường ngày như cha ông chúng ta đã làm trước đây thì mới trở thành bản sắc của người Công giáo trước khi trở thành bản sắc của người Việt Nam sau một vài thế hệ. Đó là cả một quá trình dài mà chúng tôi thiết nghĩ cần được Hội đồng Giám mục Việt Nam đưa vào chương trình làm việc trong các uỷ ban của hội đồng.

Trước tình trạng con người đổi thay rất nhiều về lĩnh vực văn hoá (*TLLV, số 43*), muốn gạt bỏ sự hiện diện của Thiên Chúa ra khỏi cuộc sống qua phong trào tục hoá (*TLLV, số 53*) chúng ta sẽ nêu cao lòng tin vào Ông Trời, vào Chúa Trời của tổ tiên xưa, để dù ở đâu và làm việc một mình, người ta vẫn nhớ rằng “Trời cao có mắt”, “lưới Trời lồng lộng” để tích cực hành động, lao động với tất cả trách nhiệm của mình. Học sinh Công giáo quyết tâm không quay cóp bài trong kỳ thi, nêu gương học tập chăm chỉ và phục vụ vô vị lợi đối với tất cả mọi người. Đây là những chứng nhân sống cho Tin Mừng.

Học sinh Công giáo Việt Nam, qua việc đào tạo của các đoàn thể Công giáo Tiến hành như: Phong trào Thiếu nhi Thánh Thể, Hướng Đạo sinh Công giáo, Giới Trẻ Con Đức Mẹ, Hùng Tâm Dũng Chí, Legio Mariae, của các linh mục, tu sĩ, giáo lý viên... sẽ luyện tập những kỹ năng sống trung thực, hào hùng, tiết kiệm, làm chủ bản thân, lúc nào cũng lễ phép chào hỏi người trên, ăn mặc nghiêm chỉnh, gọn gàng, đẹp đẽ. Như vậy ngay từ lúc nhỏ các học sinh đó đã trở thành những gương sáng thu hút những học sinh khác.

Đây là những hoạt động loan báo Tin Mừng của các học sinh Công giáo Hàn Quốc. Hầu như các em học sinh này có phong cách sống khác hẳn những em ngoài Công giáo: các em không để tóc highlight, được luyện tập những kỹ năng làm chủ chính mình rất hiệu quả từ những hội đoàn. Ngay từ lớp 1 các em đã quyết tâm: “Em phải học hành thật giỏi, cư xử thật tốt, lễ phép với thầy cô, giúp đỡ bạn bè và cố gắng làm trưởng lớp để lôi kéo các bạn về cho Chúa Kitô”. Điều quyết tâm ấy thật lạ lùng và ta không lạ khi tỷ lệ người tín hữu Công giáo Hàn Quốc so với dân số toàn quốc gia tăng từ 1% vào năm 1949 tới 10,5% vào năm 2010: 5.135.000 giáo dân trên tổng dân số 48.875.000 người (x. *Catholic Almanac*, NXB Our Sunday Visitor’s 2013, tr.316), còn tính đến 7/5/2013 là 12% dân số (x.<http://askakorean.blogspot.com>) trong khi số lượng linh mục, tu sĩ, giáo lý viên chỉ bằng nửa số người trong Giáo hội Việt Nam.

2.2. Lĩnh vực kinh tế

Đây là lĩnh vực đáng lưu ý trong tình trạng kinh tế của đất nước. Chúng ta đang có 18 triệu người sống dưới mức nghèo khổ, cùng cực, không kiếm nổi 20.000 ĐVN/ngày (tương đương với 1 Đôla Mỹ theo tiêu chuẩn UNESCO). Đó phải là một đám đông đáng cho các mục tử Công giáo hiện nay động lòng thương xót như Đức Giêsu xưa và cộng tác với Chúa Giêsu để lo cho họ ăn.

Phép lạ hoá bánh sẽ được thực hiện nếu chúng ta tin vào Chúa Giêsu và hành động khôn ngoan để nhắc bảo dân chúng ngồi thành từng nhóm người thay vì chen lấn, giành giật nhau cái bánh, con cá

ngay trên tay người khác như nhiều lần xảy ra trong các cuộc phát quà, phát chẩn ở Việt Nam.

Tôi xin chia sẻ với anh em kinh nghiệm cá nhân của mình về tình yêu và quyền năng Chúa Giêsu khi tôi làm Giám đốc Caritas Việt Nam từ năm 2008-2010. Trong hoàn cảnh rất nhiều



người nghèo khổ bệnh tật ở Việt Nam cần cứu giúp, chúng tôi làm các dự án để xin một vài cơ quan từ thiện quốc tế trợ giúp, nhưng điều kiện họ đưa ra khá phức tạp, khiến chúng tôi chạy đến với Chúa Giêsu và tin cậy vào nội lực của chính đồng bào Việt Nam. Trong vòng 3 năm tôi nhận được 63 tỷ đồng kèm thêm thuốc men, hàng hoá trị giá hàng tỷ đồng khác từ sự giúp đỡ của đồng bào. Tôi cảm nhận rằng phép lạ hoá bánh ra nhiều vẫn đang được Chúa Giêsu thực hiện trong thời đại hôm nay.

Có lẽ ta sẽ học và áp dụng thử giải pháp của anh chị em Công giáo Hàn Quốc về lĩnh vực kinh tế này. Những người chủ siêu thị Công giáo liên kết với nhau để mua trực tiếp nông sản của các nông dân Công giáo với giá cao, với điều kiện là hàng hoá phải bảo đảm chất lượng, không có thuốc trừ sâu hay tăng trưởng độc hại. Để trợ giúp nông dân, các công ty lớn của người Công giáo Hàn Quốc gửi kỹ sư về miền quê để dạy nông dân kỹ thuật trồng trọt, bón phân, cho vay vốn với lãi suất thấp để mua cây trồng, phân bón nên năng suất cao. Nhiều nông dân không phải Công giáo cũng xin gia nhập tổ chức liên kết này rồi dần dần có cảm tình và theo đạo. Trong khi đó, hàng nông sản của người nông dân bán ở các siêu thị Công Giáo lại rẻ vì không phải qua nhiều khâu trung gian, chất lượng cao nên càng được uy tín trong cộng đồng xã hội.

Trong Hội thảo Quốc tế với chủ đề: “Thực trạng việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp ở Việt Nam” do Viện Hàn Lâm Khoa học Xã hội Việt Nam phối hợp với cơ quan Misereor (Cộng hoà Liên bang Đức) tổ chức tại Đồ Sơn, TP.Hải Phòng, từ ngày 11-12/11/2013, chúng tôi đã chia sẻ về kinh nghiệm này của Hàn Quốc qua bài tham luận: “Có nên quan tâm đến yếu tố tôn giáo trong hoạt động doanh nghiệp ở Việt Nam không?” (x. Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Hội thảo Khoa học Quốc tế “*Thực trạng việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp ở Việt Nam*”, Hải Phòng, 2013, tr. 430-446; [http:// hanhkhatkito.org/Default.aspx?tabid=57&ctl...](http://hanhkhatkito.org/Default.aspx?tabid=57&ctl...)).

Người Công Giáo Việt Nam có thể tổ chức những công ty liên kết như thế, nhất là trong hoàn cảnh các nông sản, thực phẩm chứa nhiều chất độc hại như hiện nay. Chúng ta có thể khoanh vùng để tổ chức sản xuất đại trà, tạo ra những thương hiệu hàng hoá Công giáo như: Nước mắm ở Phan Thiết; trà ở Bảo Lộc; rau củ quả ở Đà Lạt; cá khô, tôm khô ở Long Xuyên, Châu Đốc; thịt heo, thịt gà ở Hồ Nai... Rồi các doanh nhân Công giáo liên kết để mở những siêu thị giúp cho hàng của người Công giáo được phổ biến rộng rãi.

Chúng ta cũng lường trước được những thủ đoạn cạnh tranh của đối thủ ngoài Công giáo và cả những kẻ muốn phá hoại bằng cách như bán phá giá, bán hàng giả, hàng nhái, tung tin đồn nhảm về hàng hoá. Nếu chúng ta có sự liên kết nâng đỡ nhau, các nhà kinh tế, doanh nhân, nông dân, nhất là sự tham gia tích cực của các linh mục trong các xứ đạo, quyết tâm ủng hộ hàng có chất lượng của người Công giáo, hô hào người tín hữu trong xứ đạo tin tưởng mua hàng của người Công Giáo thì chắc chắn chúng ta sẽ tạo nên một cuộc cách mạng về kinh tế ở Việt Nam. Mẻ lưới kinh tế kéo chung này chắc hẳn sẽ rất lớn!

Cha ông ta thời trước, dù sống trong thời kỳ bị bách hại, không được buôn bán, nhưng biết liên kết, nâng đỡ nhau tạo nên những thương hiệu để người lương dân tin tưởng đến độ chỉ muốn mua hàng của người Công giáo vì đó là hàng thật, hàng tốt, hàng rẻ, và vì người

Công giáo không làm hàng độc hại, không bán hàng giả, không nói thách, không ăn lời quá đáng.

Tuy nhiên, muốn thực hiện được cuộc loan báo Tin Mừng này, người Công giáo chúng ta cần phải vượt qua bản sắc cố hữu của người Việt Nam như hay nghi ngờ, thiếu đoàn kết, ham lợi cá nhân và nhờ những giá trị sống mới của Tin Mừng, chúng ta chắc chắn sẽ thành công như các anh em Công giáo Hàn Quốc.

2.3. Lĩnh vực khoa học kỹ thuật

Tài liệu làm việc của Thượng Hội Đồng nhắc đến “tình trạng khẩn cấp của giáo dục” và những thách thức hiện nay đối với nền giáo dục (số 151) càng thúc đẩy người tông đồ tích cực dấn thân



ra khơi trong lĩnh vực này. Giáo Hội nhắc nhở chúng ta rằng: “Những nhà trí thức Công giáo được uỷ thác nhiệm vụ đặc biệt là phải làm chứng, bằng các hoạt động và chính đời sống của họ, rằng lý trí và đức tin là đôi cánh mà con người có thể dùng để đến với Thiên Chúa. (x. ĐTC Gioan Phaolô II, TĐ *Fides et ratio*, số 5, ngày 14/9/1998), cũng như làm chứng rằng đức tin và khoa học hiểu cho đúng, có thể làm giàu lẫn nhau để đem lại lợi ích cho loài người” (TLLV, số 156).

Báo chí và quần chúng VN đã nêu những mặt thiếu sót, yếu kém của nền giáo dục VN, nhiều vị lãnh đạo tôn giáo đòi quyền mở trường cho tổ chức tôn giáo của mình, thậm chí mong ước đòi lại những trường học trước kia là của mình mà Nhà nước đang sử dụng. Tuy

nhiên, giả như chính quyền có trả lại những trường học đó thì với tình trạng thiếu nhân sự chuyên môn và không được đào tạo như hiện nay, người Công giáo chúng ta cũng chẳng có khả năng tổ chức và quản lý các trường đó.

Chúng ta hiện có vài trăm linh mục, tu sĩ đi học ở nước ngoài về trong một số lĩnh vực chuyên môn, nhưng hầu hết về nước cũng chưa được sử dụng đúng ngành, đúng nghề. Rồi do thái độ thiếu khiêm tốn, không biết cộng tác, liên kết với nhau, nhiều người cũng chỉ quanh quẩn trong cộng đồng nhỏ bé của mình, làm một số công việc bất đắc dĩ như dạy học trong các nhà trẻ, mẫu giáo và rơi vào tình trạng bất mãn, bất đắc chí.

Các tu sĩ Việt Nam hiện có gần 20.000 người, đứng ra đó phải là một lực lượng mạnh mẽ trong lĩnh vực giáo dục và truyền giáo, nhưng thật sự hầu hết chỉ quanh quẩn với ngôi trường mẫu giáo của dòng mình, của tu hội mình, chứ chưa nhìn xa và dám đi xa như các chị nữ tu Mến Thánh Giá trước đây 200-300 năm. Với chiếc tay nải chứa ít viên thuốc tễ, vài mảnh sành và chai dầu để cạo gió, các nữ tu đi khắp nơi để phổ biến kiến thức khoa học, dạy dân chúng biết cách giữ vệ sinh như lọc nước bằng than cát sỏi, đun sôi, để nguội rồi mới uống, dạy chữ quốc ngữ cho người mù chữ, học cách dùng thuốc Nam, cạo gió, cắt lễ, nhất là đỡ đần cho các sản phụ an toàn nên được dân chúng cung kính gọi là các “bà mẹ” (x. Lm. Antôn Nguyễn Ngọc Sơn, *Người Mục tử cộng đồng hướng về tương lai*, NXB TP.HCM, số 90 tt).

Ngày nay, nhiều nữ tu sĩ hầu như chỉ học vài năm thần học rồi cố gắng học cách dọn lễ, đánh đàn nhà thờ, tập hát thánh ca, dạy giáo lý, cắm hoa để đi giúp trong các xứ đạo và bằng lòng với những công việc thường ngày của mình chứ không muốn dần thân hơn. Như vậy thì mong gì có kết quả truyền giáo tốt đẹp? Chúng ta bỏ ra cả chục tỷ đồng để đầu tư, xây trường mẫu giáo, cho tu sĩ đi học và dạy trong các lớp này và thấy dòng tu của mình có đóng góp cho xã hội trong công tác giáo dục. Nhiều tu sĩ đã bằng lòng với công việc này như kiểu ngồi trên bờ câu từng con cá nhỏ. Nhiều vị lãnh đạo dòng không dám dẫn cộng đồng mình ra khơi! Nếu số tiền đầu tư kia dồn cho các tu sĩ đi

học chuyên sâu hơn trong các ngành khoa học hoặc lo cho các hoạt động Phúc Âm Hoá trong các vùng sâu, vùng xa, chắc chắn GHVN đã thành công hơn nhiều về mặt truyền giáo.

Người tín hữu chúng ta cần phải ra khơi trong lĩnh vực giáo dục, nghiên cứu khoa học kỹ thuật. Chúa của chúng ta là nguồn sự khôn ngoan nên ta phải dấn thân vào mọi lĩnh vực khoa học, kỹ thuật để học hành thật giỏi, nghiên cứu thật sâu cũng như để có rất nhiều người làm giáo sư, tiến sĩ giảng dạy trong các đại học, các viện nghiên cứu, thực hiện các phát minh có giá trị phục vụ đời sống con người. Chúng ta cũng nên khuyến khích và trợ cấp học bổng cho các tu sĩ dấn thân theo học các khoa học tự nhiên thay vì chỉ học vài ngành chọn lựa như xã hội học, giáo dục mầm non, nhà trẻ mẫu giáo hoặc ngoại ngữ như hiện nay.

Các
học sinh,
sinh viên
Công giáo
cần được
đào tạo
trong các
xứ đạo,
qua hệ
thống các
lớp giáo lý
và hội



đoàn Công giáo Tiến hành, về các phương pháp học tập, nghiên cứu để giỏi giang trong mọi bộ môn, học biết thái độ khiêm tốn để giúp các bạn học yếu kém hơn mình, dạy biết cách thở hít sâu khí tự nhiên khi ngồi học, biết cách giải trí, điều độ trong việc ăn uống, tiết kiệm trong các chi tiêu, sử dụng tiền bạc, thời giờ với trách nhiệm của người quản lý trung tín, biết cách cầu nguyện trước mỗi giờ học, biết trung thực khi làm bài thi, sẵn sàng dấn thân trong các công tác xoá mù chữ cho đồng bào. Đây là một phần nhỏ những nội dung đào tạo cho các đoàn

viên Công giáo Tiến hành ở Hàn quốc chứ không phải chỉ là những bài giáo lý khô khan, thiếu sinh động, những trò chơi cũ kỹ, băng reo khiên cưỡng, những trại hè thiếu nội dung thực tế như đang diễn ra trong nhiều nơi của GHVN nên khó thu hút được giới trẻ năng động thời nay.

Các người Công giáo có khả năng phải sẵn sàng đỡ đầu, cấp học bổng cho các học sinh nghèo, được cha xứ giới thiệu, để trong xứ đạo hẳn là người Công giáo là biết chữ cũng như sẵn sàng cộng tác vào chương trình giáo dục, đào tạo cho các học sinh nghèo khổ, khuyết tật trong cả nước.

Hồi xưa, mỗi làng chỉ có vài ông đồ học để viết chữ Nho làm đơn từ thay cho cả làng, nhưng hẳn là người Công Giáo, nam cũng như nữ, đều được đi học và biết chữ nhờ kinh sách đọc hằng ngày, khởi đầu là chữ Hán, rồi đến chữ Nôm, sau đó cha ông ta đã phát minh ra chữ Quốc Ngữ và truyền cho nhau học. Nhờ vậy, năm 1865, nghĩa là chỉ sau hơn 200 năm được chính thức truyền đạo bởi các linh mục thừa sai Dòng Tên từ năm 1615, nhiều người dân trong nước đã dùng thứ chữ của người Công giáo. Kết quả là tờ báo tiếng Việt đầu tiên, “Gia Định báo”, được xuất bản tại Thành Gia Định, tức là TP.HCM ngày nay, và cho cả những người ngoài Công giáo. Chúng ta sẽ hành động sáng tạo như thế nào trong lĩnh vực văn hoá, giáo dục để tiếp bước cha ông?

2.4. Lĩnh vực thẩm mỹ

Giáo Hội nhắc nhở chúng ta phải dấn thân vào trong lĩnh vực thẩm mỹ vì Chúa là nguồn Chân Thiện Mỹ. Chúng ta nói nhiều đến Chân, đến Thiện nhưng lại sợ nói đến Mỹ. Giáo Hội dạy rằng: “Vai trò cơ bản của cái đẹp cần phải được cấp bách khôi phục trong Kitô giáo. Về phương diện này, TPAH đóng một vai trò quan trọng. Hội Thánh nhìn nhận rằng con người không thể sống mà không có cái đẹp. Đối với người Kitô hữu, cái đẹp được tìm thấy trong mầu nhiệm Vượt Qua, trong sự sáng tỏ của thực tại Đức Kitô” (TLLV, số 157).

Chúng ta thử nhìn vào giới trẻ VN sẽ thấy họ đang mơ ước và thực hiện cái đẹp như thế nào. Họ có xu hướng chạy theo và sùng mộ các diễn viên, ca sĩ, nhạc sĩ, nghệ sĩ, hoa hậu. Giới trẻ ai cũng muốn đẹp nhưng lại không biết nguồn đẹp là ai. Vì thế, người Công giáo chúng ta phải sống và hành động làm sao cho mình thật đẹp, cả về thể xác lẫn tinh thần, để chứng minh cho mọi người, nhất là giới trẻ, nguồn đẹp cần phải tìm về là chính Đức Giêsu Kitô. Vì thế Thượng Hội Đồng dạy chúng ta rằng: “Tương quan giữa đức tin và cái đẹp không chỉ là vấn đề thẩm mỹ, nhưng được coi như một nguồn lực cơ bản để làm chứng cho đức tin và phát triển một sự hiểu biết thực sự là việc phục vụ ‘toàn diện’ cho mọi nhu cầu của một con người” (TLLV, số 157).

Hồi xưa cha ông của chúng ta thu hút người khác theo Chúa Giêsu Kitô cũng là nhờ cái đẹp. Nhiều làng chỉ có hai ba cái ao chứa nước dùng để ăn uống, tắm rửa nên đa số (80-90%) dân làng đều bị toét mắt, ghê lở và nhiều bệnh tật khác. Trẻ em dưới 2 tuổi, cứ 10 đứa thì chết hết 7 (năm 1947).



Nhưng nếu đưa con cho người Công giáo nuôi thì chúng lại sống khoẻ mạnh. Đó là nhờ các thừa sai dạy cho tín hữu cách thức lọc nước bằng than cát sỏi, dạy phải nấu chín, đun sôi để nguội mới uống cho nên rất ít người Công giáo bị ghê lở, toét mắt, các bệnh đường ruột. Do đó ta không lạ gì khi biết người ngoại đạo chỉ muốn lấy những chàng trai và cô gái Công giáo vì họ đẹp đẽ, khoẻ mạnh, thông minh. Nhờ đó, số người Công giáo tăng nhanh dù bị nhiều thử thách và bách hại.

Cái đẹp còn được diễn tả qua cách suy nghĩ, nói năng, hành động để trở thành phong cách sống riêng của người Công giáo. Người Công giáo Hàn Quốc dạy cho các trẻ em học sinh ngay từ lớp 1 phải ăn uống, đi đứng, nói năng, chào hỏi, ăn mặc cho thật đẹp. Rồi khi luyện tập các đức tính tốt theo các lời khuyên của Tin Mừng, nhất là đức tính của “Tám mối Phúc thật”, chắc chắn thể xác con người cũng đổi thay theo hướng tích cực để người Công giáo càng ngày càng có nhiều người đẹp vì “xem mặt mà bắt hình dong” cơ mà! Tỷ lệ người Công giáo đạt nhiều giải cao trong các kỳ thi hoa hậu, chàng trai lịch lãm... cũng là một lời chứng hùng hồn cho cái đẹp của Kitô giáo!

Như thế, chúng tôi thiết nghĩ rằng Ủy ban Nghệ thuật Thánh không chỉ lo quản lý việc xây dựng và bài trí nhà thờ, nhà nguyện theo đúng luật Phụng vụ mà còn phải quan tâm đến các vấn đề về cái đẹp trong các lĩnh vực cụ thể như ăn mặc, nói năng và hành động trong cuộc sống thường ngày của người Công giáo để có thể đưa ra những hướng dẫn tích cực.

2.5. Lĩnh vực thể dục thể thao

Giới trẻ ngày nay rất say mê thể dục, thể thao và sùng bái các vận động viên thể thao, vì thế mỗi người tín hữu Kitô cần phải đưa Đức Giêsu Kitô vào lĩnh vực thể dục, thể thao này. Những chủng sinh, tu sĩ, linh mục, trong thời gian đào tạo cũng như cả khi tốt nghiệp rồi, phải biết chơi các môn thể thao, chơi thật sự và chơi hay, chơi giỏi cũng như biết cả luật chơi để giới thiệu cho các bạn trẻ. Đó là phương thức truyền giáo mới.

Ta thử tưởng tượng một ngày nào đó các tu sĩ Dòng Thừa Sai Đức Tin hay Mến Thánh Giá Chợ Quán đoạt giải vô địch nghiệp dư về bóng bàn, bóng chuyền, cầu lông hay bóng đá của Tỉnh Bình Dương, TP.HCM hay địa phương nào đó, thông tin này sẽ thu hút hàng trăm, hàng ngàn bạn trẻ đến xin tu và việc giới thiệu Chúa Giêsu cách này có hiệu quả gấp trăm lần những bài giảng sáo mòn trong các lớp giáo lý.

Nhưng muốn tạo được các đội bóng Công giáo, các cha xứ và nhiều người có trách nhiệm như các bề trên trong các tu viện, học viện cần phải thay đổi nhiều quan niệm về linh thánh, phải đưa được thể dục thể thao vào chương trình sống hằng ngày, phải hiểu rằng con người cần phải phát triển toàn diện cả về thể xác lẫn tinh thần... Chúng ta nên hiểu rằng nhà thờ dù là chốn tôn nghiêm, linh thánh, không ai được phép làm ồn ào, huyên náo, nhưng còn là nơi gặp gỡ của mọi người trong cộng đồng Dân Chúa vì hiểu được ý nghĩa câu nói của Chúa Giêsu: “*Ngày Sabat được tạo nên cho con người chứ không phải con người cho ngày Sabat*” (Mc 2,27). Lúc đó cha xứ mới có thể làm các sân chơi trong khuôn viên thánh đường, cùng chơi với các bạn trẻ trong xứ, thuê huấn luyện viên về để dạy kỹ thuật chơi cho hay, cho đẹp, tổ chức thi đấu giữa các đoàn thể trong và ngoài xứ để tạo mối liên kết, hiệp thông. Chắc chắn khi thực hiện được các sân chơi như thế, tệ nạn nghiện ngập đủ loại sẽ bớt hẳn, cha xứ và người lớn có nhiều dịp tiếp xúc để hiểu giới trẻ nhiều hơn thay cho tình trạng quá xa cách giới trẻ như hiện nay.

Cha ông chúng ta trước đây đã dùng thể thao như một lợi khí truyền giáo. Nhà thờ thường có một ao lớn trước mặt được đào để lấy đất đắp nền nhà thờ. Chiều thứ Bảy hay Chủ Nhật, người ta tổ chức thi bắt vịt dưới ao, hoặc đi câu tre lấy giải thưởng. Người ta cắm 1 cọc tre giữa ao treo mấy giải thưởng nơi đầu cọc, một thân tre dài bắc từ bờ ra giữa ao. Người dự thi đi chân không, bước trên thân tre tròn, trơn trượt vì dính bùn đất, nên dễ té xuống ao, tuy không nguy hiểm vì có nước, nhưng sẽ tạo nên những tiếng cười vui cho mọi người xem. Cả người ngoài Công giáo cũng được dự thi nên mỗi chiều lễ hội như thế là dịp giới thiệu Tin Mừng, tin vui của Chúa Giêsu cho mọi người!

2.6. Lĩnh vực truyền thông và sức khoẻ cộng đồng

Thượng Hội đồng Giám mục quan tâm nhiều đến lĩnh vực truyền thông khi dành ra 4 số từ 59 đến 62 trong TLLV để nhắc nhở Kitô hữu sử dụng các phương tiện truyền thông xã hội cho TPAH “như là một nguồn lực đòi chúng ta phải có con mắt phân định và biết sử dụng

chúng một cách khôn ngoan và có trách nhiệm” (số 60). Tính đến tháng 3/2012, Việt Nam có 32,1 triệu người truy cập internet, chiếm 33,9% dân số, người ta ước tính đến tháng 7/2013 có gần 40 triệu người truy cập, chiếm 44% dân số. Ineternet đã vượt báo giấy và radio để trở thành phương tiện thông tin phổ biến ở Việt Nam từ năm 2011. Nhưng VN chưa có trung tâm cai nghiện ineternet và trò chơi trực tuyến để giúp cho 15 triệu người nghiện trò chơi trực tuyến và phim ảnh đồi trụy.

Vì thế, GHVN cần phải dấn thân hơn nữa trong lĩnh vực này.

Hầu như giáo phận nào cũng có trang web riêng, nhiều uỷ ban Hội đồng Giám mục cũng có trang web riêng nhưng số lần truy cập mỗi ngày tương đối rất ít. Trang web giáo phận có đông người truy cập nhất hiện nay là trang web của giáo phận Xuân lộc ở địa chỉ:



www.giaophanxuanloc.net,

với khoảng 7.000 lượt truy cập/ngày trong 1 giáo phận có khoảng trên 850.000 giáo dân. Tính đến ngày 25/7/2013, trang web của UB Công lý và Hoà bình có 155.846 lượt người truy cập kể từ ngày mở trang web 1/1/2012, trung bình có khoảng 300 lượt truy cập/ngày.

Trong kinh nghiệm cá nhân, chúng tôi đã từng lập một số trang web cho các uỷ ban của HĐGMVN và chúng tôi thấy rằng lĩnh vực này cần chúng ta ra khơi và đòi chúng ta liên kết để kéo chung lưới với nhau thì mới mong thu được nhiều mẻ cá lớn. Chúng tôi cũng đã tổ chức mấy khoá tập huấn cho một số anh chị em thuộc ngành xã hội học để có thể giúp cắt cơn nghiện và phục hồi cho những người nghiện trò chơi trực tuyến và phim ảnh đồi trụy trong năm 2012.

Chúng tôi cũng đang nghiên cứu các quy trình chữa trị và phục hồi tinh thần cho khoảng hơn 10 triệu người Việt Nam bị xáo trộn tâm

lý, bất an về tinh thần do các nạn phá thai, nghiện rượu chè cờ bạc, nghiện ma tuý và hy vọng có sự hợp tác của các bác sĩ toàn khoa cũng như bác sĩ chuyên khoa tâm thần, các nhà tâm lý học, xã hội học, tâm linh học trong một trung tâm phục hồi sức khoẻ toàn diện cho con người.

Lời kết

Tất cả những chương trình mục vụ mà chúng ta mơ ước chỉ có thể trở thành hiện thực nếu chúng ta biết “không những canh tân các chương trình của mình mà còn phải tăng chất lượng cho chứng tá của mình. Công cuộc Phúc Âm hoá không chỉ là một kế hoạch có tổ chức hay một chiến lược; một cách cơ bản, nó là vấn đề thiêng liêng đúng như lời ĐGH Phaolô VI đã nói: ‘*Con người thời nay sẵn sàng nghe các chứng nhân hơn là các thầy dạy, và nếu họ có nghe các thầy dạy, thì chính là vì các thầy dạy cũng là những chứng nhân...*’. Vì vậy, Giáo Hội sẽ loan báo Tin Mừng cho thế giới trước tiên bằng hạnh kiểm và đời sống của mình, bằng chứng tá sự nghèo khó và vô tư, và bằng chứng tá sự tự do của mình đối với các quyền lực của thế gian này, tóm lại, chứng tá sự thánh thiện” (TLLV, số 158; TĐ *Evangelii nuntiandi*, ngày 8/12/1975, số 7).

“Chỉ những ai đã và đang được PAH thì mới có thể PAH; hay nói khác đi, chỉ những người có khả năng canh tân thiêng liêng, bằng việc gặp gỡ Đức Kitô và sống một đời hiệp thông với Người thì mới có thể PAH” (TLLV, số 158). Vì thế, cuộc ra khơi để TPAH đang mời gọi chúng ta nhìn lại chính mình, hội đồng mình, tổ chức của mình để tìm ra những lĩnh vực chúng ta cần đổi mới bằng cách đem Chúa Giêsu và Thần Khí của Người vào trong tất cả để biến đổi và thăng hoa.

Cầu chúc tất cả các bạn trở thành chứng nhân của Chúa Giêsu Kitô, Tin Mừng sống động của Thiên Chúa. Chúng ta cầu nguyện cho nhau và cùng giúp nhau thể hiện niềm ước mơ này.

Bài 21

Xây dựng nền văn minh tình yêu

Lời ngỏ

“Văn minh tình yêu” hình như là ngôn ngữ thời thượng trong Giáo hội Công giáo mà những hội nghị lớn nhỏ, những bài viết ngắn dài đều muốn đưa vào cho có vẻ phù hợp với thời đại. Nhưng dù sao đây cũng là dấu hiệu tốt nói lên sự quan tâm của Giáo hội Công giáo và nhiều tín hữu thật sự muốn xây dựng và thể hiện nền văn minh tình yêu trong đời sống cho cộng đồng nhân loại.



“Đức Thánh Cha Bênêdictô XVI đã nói: “Học thuyết xã hội của Giáo Hội công bố và làm chứng về đức tin. Học thuyết ấy là một dụng cụ và một khuôn khổ không thể thiếu để giáo dục đức tin” (x. TĐ. *Caritas in veritate*, số 15). Đây là những vấn đề cần được khai thác trong hoạt động TPAH, nó đặc biệt liên quan tới việc phục vụ của Giáo Hội cho sự hoà giải, công lý và hoà bình” (x. TLLV, số 130).

Trong phạm vi bài này, chúng tôi chỉ muốn cùng các bạn tìm hiểu sơ qua xem Giáo huấn Xã hội Công giáo nói gì về nền văn minh tình yêu và trình bày sơ đồ việc xây dựng nền văn minh tình yêu nơi con người Việt Nam như một gợi ý cho hoạt động của Giáo hội Công giáo Việt Nam, đặc biệt cho Ủy ban Công lý và Hoà bình.

Bài được trình bày theo những điểm chính sau đây:

1. Xác định từ ngữ;
2. Giáo huấn xã hội của Công giáo và nền văn minh tình yêu;
3. Lược đồ xây dựng nền văn minh tình yêu nơi người Việt Nam.

1. Xác định từ ngữ

1.1. Văn minh

1.1.1. Định nghĩa

Theo nghĩa chữ: *văn* là vẻ đẹp, là cái có giá trị, là văn hoá; *minh* là sáng. *Văn minh* là điểm sáng của vẻ đẹp, của giá trị, là đỉnh cao của văn hoá.

Giáo sư Trần Ngọc Thêm khi phân biệt văn minh với văn hoá có nhắc đến văn minh là khái niệm mang tính quốc tế, có nguồn gốc từ phương Tây đô thị và chỉ trình độ phát triển nhất định của văn hoá chủ yếu về phương diện vật chất. Còn văn hoá là một “hệ thống hữu cơ các giá trị vật chất và tinh thần, do con người sáng tạo ra và tích lũy qua quá trình hành động thực tiễn, trong sự tương tác giữa con người với môi trường tự nhiên và xã hội của mình” (x. Trần Ngọc Thêm, *Tim*

hiểu về Bản sắc Văn hoá Việt Nam, NXB Tổng Hợp TP.HCM, 2004, tr.25-27).

Công đồng Vaticanô II đã xác định văn hoá có ý nghĩa bao trùm toàn bộ sinh hoạt của con người: “*Theo nghĩa tổng quát, từ văn hoá chỉ tất cả những gì con người dùng để trau dồi và phát triển các năng khiếu đa diện của tâm hồn và thể xác; cố gắng chế ngự cả trái đất bằng tri thức và lao động; làm cho đời sống xã hội, đời sống gia đình cũng như đời sống chính trị trở thành nhân đạo hơn, nhờ sự tiến bộ trong các tập tục và định chế; sau hết, diễn tả, thông truyền và bảo tồn trong các công trình của mình, những kinh nghiệm tinh thần và hoài bão lớn lao của các thời đại, để giúp cho nhiều người và toàn thể nhân loại tiến bộ hơn*” (x. HC *Gaudium et Spes*, số 53).

Vì thế, văn minh gắn chặt với văn hoá, với những giá trị cao quý mà văn hoá đạt được nhưng ở mức độ cao hơn (x. Cđ. Vaticanô II, HC Mục vụ *Gaudium et Spes* số 9, 19, 27, 45, 53, 54, 59).

Theo định nghĩa của các từ điển:

– *Văn minh* là trình độ đạt được trong sự phát triển văn hoá vật chất và văn hoá tinh thần của loài người trong từng giai đoạn (x. Hội đồng Quốc gia, *Từ điển Bách khoa Việt Nam*, NXB Từ Điển Bách Khoa, 2005).

– *Văn minh* là trình độ phát triển đạt đến một mức nhất định của xã hội loài người, có nền văn minh vật chất và tinh thần với những đặc trưng riêng (x. Viện Ngôn ngữ học, *Từ điển Tiếng Việt*, NXB Đà Nẵng, 2005).

1.1.2. Phân loại

Nói chung, văn minh đối lập với những gì là lạc hậu, dã man, phản tiến bộ, phi nhân tính. Văn minh là một giai đoạn trong sự phát triển của nhân loại đi từ giai đoạn mông muội, dã man tới văn minh (x. Từ điển Bách khoa Việt Nam).

Người ta thường chia văn minh cổ đại và văn minh hiện đại. Văn minh cổ đại tiêu biểu là sự phát triển rực rỡ của các quốc gia Ai Cập,

Hy Lạp, La Mã cổ đại. Văn minh hiện đại gắn liền với cuộc cách mạng công nghiệp và hậu công nghiệp. Văn minh hiện đại còn được chia thành: văn minh công nghiệp và văn minh tin học gắn liền với cuộc các mạng kỹ thuật điện tử tin học hiện nay.

Trong lịch sử, người ta còn nhắc đến các nền văn minh Inca, Maya, Sông Ấn, văn minh nông nghiệp, văn minh lúa nước như ở Việt Nam và một số nước châu Á.

1.2. Tình yêu

1.2.1. Định nghĩa

Đây là một từ rất khó định nghĩa dù nó luôn được nhắc đến trong đời sống thường ngày.

4 cuốn Từ điển Bách khoa Việt Nam chưa định nghĩa từ này.

Từ điển Tiếng Việt của Viện Ngôn ngữ học diễn tả: *“Tình yêu là tình cảm nồng nhiệt làm cho gắn bó mật thiết*

và có trách nhiệm với người, với vật” Thí dụ: Tình yêu quê hương. Nghĩa tiếp theo *“Tình yêu là tình cảm yêu đương nam nữ”*.

Chính vì để tránh hiểu lầm theo nghĩa thứ hai, nhiều bản văn Công giáo dùng từ *“tình thương”* thay cho tình yêu. Tuy nhiên, tình thương theo định nghĩa là *“có tình cảm gắn bó và thường tỏ ra quan tâm săn sóc”*, nhất là nó mang đặc tính *“thương hại”* vì *“cảm thấy đau đớn, xót xa trong lòng trước cảnh ngộ không may nào đó”*.



1.2.2. Phân loại

Đức Thánh Cha Bênêđictô XVI trong Thông điệp *Deus Caritas est* (Thiên Chúa là Tình yêu) công bố ngày 29/5/2005 cũng đã dành nhiều số để phân loại và xác định ý nghĩa của tình yêu (x. Bênêđictô XVI, *Deus Caritas est*, số 3-11).

Ngôn ngữ Công giáo Tây Phương phân biệt nhiều loại tình yêu theo các nghĩa dịch từ chữ “*amor*” và *caritas* của tiếng Latinh hay từ “*eros*” (tình ái), *philia* (tình bằng hữu) và *agape* (tình bác ái) của tiếng Hy Lạp.

Người ta phân loại tình yêu chiếm hữu (*amor concupiscentiae*) và tình yêu vị tha (*amor benevolentiae*), *eros* (tình yêu nhận về) và *agape* (tình yêu cho đi), *eros* (tình yêu nhằm những rung động thể xác) và *agape* (tình yêu hướng đến những hạnh phúc tinh thần).

Tuy nhiên, chúng ta nên lưu ý rằng con người là thực tại duy nhất hướng đến nhiều lĩnh vực khác nhau thì tình yêu là hoạt động của con người cũng chỉ là “một thực tại duy nhất nhưng với nhiều chiều kích khác nhau. Ở những thời điểm khác nhau, chiều kích này có thể xuất hiện rõ hơn chiều kích khác”. Nếu chúng ta tách rời các chiều kích tình yêu thì chỉ có nghĩa là làm nghèo nàn nó (x. Sđd, số 8). Nó cũng không còn là tình yêu của con người. Khi Thiên Chúa dựng nên con người giống hình ảnh mình, trao tình yêu cho con người là Ngài muốn con người thật sự yêu thương toàn diện và vô biên như Ngài. Con người được kêu gọi mở ra cho những chiều kích mới mẻ mà Thánh Kinh đã diễn tả (x. Sđd, số 9-11) và thể hiện tình yêu như Đức Kitô vì Người là hiện thân của Thiên Chúa Tình Yêu (x. Sđd, số 12-15).

2. Giáo huấn xã hội Công giáo và nền văn minh tình yêu

2.1. Một vài số liệu đáng ghi nhận

Cụm từ “Văn minh Tình yêu” có lẽ được dùng đầu tiên với ĐTC Phaolô VI vào năm 1977 trong thông điệp *Ngày Hoà bình Thế giới* và

được ĐTC Gioan Phaolô II nhắc đến ở số 10 của Thông điệp *Centesimus Annus* (Bách Chu Niên) năm 1991 (x. HTXHCG, số 103). Kể từ đó, từ này càng ngày càng được phổ biến trong các văn kiện của Giáo Hội.

Trong toàn bộ cuốn Tóm lược HTXHCG, chúng ta thấy từ “văn minh tình yêu” (VMTY) chỉ được nhắc đến 3 lần ở các số 103, 391 và 582 mà thôi. Trong khi đó từ “văn hoá” được nhắc đến ở 110 số khác nhau và từ “tình yêu” được nhắc đến 132 số của cuốn sách và chỉ thua sau từ “con người”, được đề cập ở 332 số và là từ được nhắc đến nhiều nhất trong toàn bộ cuốn Tóm Lược.

Chúng tôi lưu ý mấy số liệu này như muốn nói rằng nền VMTY mà giáo huấn xã hội của Giáo hội Công giáo đề cập đến là một chủ đề bao gồm toàn bộ học thuyết xã hội Công giáo đặt nền tảng trên tình yêu của Thiên Chúa dành cho con người, cũng như của con người dành cho Thiên Chúa, cho anh chị em, cho vạn vật và cho chính mình.

2.2. Ý nghĩa của nền VMTY

Khi cổ vũ cho một nền văn minh lấy TY là nền tảng để xây dựng mọi mối tương quan của con người, là tiêu chuẩn để phán đoán mọi hành động nhân linh và là cùng đích để mọi hoạt động của con người hướng đến, Giáo Hội muốn xây dựng một nền nhân bản toàn diện và liên đới cho con người (x. GHXHCG, số 1-19, 20-59, 105-159).

Tình yêu này không phải là những rung động nhất thời của con người dù mãnh liệt nhưng vẫn bị giới hạn bởi vật chất, không gian, thời gian, nhưng là một thực thể siêu việt, vĩnh hằng, vô biên, vô tận là chính Thiên Chúa như ĐTC Bênêđictô đã xác định “Thiên Chúa là Tình yêu”.

Quả thực, kể từ khi con người biết suy tư cách đây 40.000 năm, chưa bao giờ con người thiết lập hay xây dựng được nền văn minh dựa trên tình yêu mà chỉ dựa vào sức mạnh của thiên nhiên để bá vật, sức mạnh của sản phẩm nông nghiệp, của cơ khí công nghiệp hay cuối cùng là của kỹ thuật tin học như ta đang sống trong giai đoạn hiện nay.

Kết quả là con người càng đặt nền văn minh dựa trên giá trị vật chất kỹ thuật, gắn bó nhiều với sức mạnh của thiên nhiên hay của chính mình, con người càng sống trong bất an và bất định, với những cuộc chiến tranh huỷ diệt, tương tàn.

Lịch sử văn minh nhân loại đã minh chứng điều đó. Những nước thuộc nền văn minh cổ đại như Ai Cập, Lưỡng Hà, Hy Lạp, La Mã bây giờ còn đâu! Những nền văn minh như Maya, Inca ở châu Mỹ, Hồ Sat ở châu Phi, Indus ở châu Á với sông Ấn, sông Hằng còn lại được gì?! Những nền văn minh công nghiệp hiện đại lúc nào cũng nơm nớp lo sợ những cuộc chiến tranh thế giới lan rộng, khốc hại hơn 2 cuộc thế chiến vừa qua (1914-18 và 1939-45) mà 2 quả bom hạt nhân nổ ở Hiroshima và Nagasaki năm 1945 là dấu hiệu báo động của tiến bộ công nghệ trong nền văn minh này.



3. Xây dựng nền VMTY cho người Việt Nam theo HTXHCG

3.1. Nguyên tắc xây dựng nền VMTY

Chúng ta không cần dài dòng về những lập luận, những lý thuyết về tình yêu khi chúng ta hiểu được Đức Giêsu là tình yêu cụ thể của Thiên Chúa. Vì thế, muốn xây dựng nền VMTY đích thực và bền vững, chúng ta phải gắn bó mật thiết với Đức Kitô để Người chuyển thông cho chúng ta tình yêu Thiên Chúa và để Thánh Thần Tình Yêu

thăng tiến và biến đổi tình yêu tự nhiên của chúng ta thành tình yêu tuyệt đối vĩnh hằng, vô biên của Thiên Chúa.

Con đường tình yêu này chỉ đơn giản là vậy, nhưng khi thực hiện lại rất khó khăn vì mỗi người chúng ta là một thực thể vô cùng phức tạp và nhiệm mầu. Tình yêu thực sự không chỉ đơn giản là tình yêu nồng ấm mà phải gắn liền với sự thật (x. ĐTC Bênêđictô XVI, Thông điệp *Caritas in veritate* (Bác ái trong Sự thật). Đó là sự thật về chính bản thân con người và cả những yếu tố hình thành và tác động trên con người là xã hội, môi trường và vạn vật. Trên tất cả, sự thật này là chính Thiên Chúa, là Đức Giêsu Kitô-Ngôi Lời Thiên Chúa làm người, mà con người phải tìm hiểu, yêu mến và gắn bó mật thiết thì mới thấy được phẩm giá cao quý của mình và vạn vật.

Vậy con người Việt Nam thật sự như thế nào, cấu trúc tâm lý xã hội với các tầng văn hoá trong lịch sử hình thành dân tộc như thế nào? Con người VN có những đức tính xã hội và tật xấu nào cho việc xây dựng nền VNTY? Sau khi khám phá sự thật về con người VN nói chung, mỗi người chúng ta còn được mời gọi để khám phá sự thật về chính mình với những hoàn cảnh, điều kiện khác nhau của cuộc sống để xây dựng nền VMTY nơi chính mình.

3.2. Sơ đồ xây dựng nền VNTY

Đây là công trình lớn lao, đòi hỏi nhiều thời gian nghiên cứu, cộng tác của nhiều người. Chúng tôi chỉ xin tóm lược thành một sơ đồ cho những bước xây dựng nền VMTY để chúng ta thử bàn luận:

** Bước đầu tiên là khám phá con người trong nền nhân bản toàn diện nhờ GHXHCG*

Giống như tất cả mọi loài thụ tạo, chúng ta được mời gọi để tìm hiểu về nguồn gốc hình thành nên con người, cũng là nguồn gốc hình thành nên nhận thức về Thiên Chúa nơi con người và những nhận thức khác.

Cuộc tiến hoá của vũ trụ vật chất diễn ra từ 15 tỷ năm qua sau vụ nổ “big bang”, 12 tỷ năm trước xuất hiện mặt trời, 8 tỷ năm trước trái

đất xuất hiện nhờ tách ra từ mặt trời, sau đó các chất khí phối hợp với các chất khác hợp thành những hợp chất vô cơ, rồi hữu cơ và 1 tỷ năm trước xuất hiện tế bào sự sống đầu tiên. Rồi từ đơn bào xuất hiện đa bào, các sinh vật đơn giản đến sinh vật có xương sống, đến con khỉ, vượn người và con người tiền sử đứng thẳng cách đây 1 triệu năm, cuối cùng là “con người biết suy tư” (homo sapiens) như chúng ta cách đây 40.000 năm.

Nếu chỉ nhìn vào mình trong dòng tiến hoá của mình, con người sẽ không bao giờ tìm ra được nguồn gốc, giá trị và ý nghĩa sự hiện hữu của mình giống như khi chỉ nhìn vào và phân tích mấy bộ phận của một cây viết hay chiếc đồng hồ. Nhờ tinh thần biết suy tư, con người vượt ra khỏi vòng tiến hoá để khám phá ra nguồn gốc của vạn vật và của chính mình. Con người biết mình bắt nguồn từ chính Thiên Chúa như nguồn cội của sự sống, của chân thiện mỹ, của hạnh phúc vô biên vì con người đang cảm nhận được những điều đó.

Có xác định được cội nguồn, con người mới thấy mình có mối tương quan chặt chẽ với Thiên Chúa và các mối tương quan khác (với tha nhân, vạn vật, và chính mình) trong 4 lĩnh vực khác nhau (thể xác và tinh thần, nội tâm và ngoại giới, cá nhân và tập thể, tự nhiên và siêu nhiên). GHXHCG đã nói rất rõ những điểm này trong nền nhân bản toàn diện và liên đới được trình bày trong phần Mở đầu và 4 chương đầu của cuốn Tóm lược HTXHCG.

** Bước thứ hai: Khám phá ra con người cụ thể nhờ các khoa học xã hội nhân văn*

Con người cụ thể hình thành từ 3 yếu tố:

- di sản văn hoá: do cha mẹ, ông bà, tổ tiên truyền lại.
- giáo dục tự thân: chính bản thân học hỏi làm việc, tập luyện cho mình.
- môi trường xã hội: tác động và ảnh hưởng đến con người.

Từ những con người cụ thể này các cộng đồng xã hội được hình thành: gia đình, cộng đồng, dân tộc, nhân loại. Muốn xây dựng nền

VMTY, chúng ta phải bắt đầu từ những con người cụ thể, không phải từ những con người chung chung theo lý thuyết hay bất cứ ý thức hệ nào.

Phân tích yếu tố I: *di sản văn hoá*

Chúng ta hiểu mình là người VN, có bản sắc văn hoá riêng của người VN. Bản sắc này hình thành trong lịch sử dân tộc giống như những lớp đất chồng chất lên nhau mà nhà khảo cổ tâm lý học phải khám phá những tầng cấu trúc thì mới mong “trồng người” cách hiệu quả.



Chúng ta có thể nói sơ qua cấu trúc văn hoá này:

Dân tộc VN hình thành từ các chủng Cổ Mã Lai và Nam Á cách đây từ 10.000 năm đến 4.000 TCN. Từ 4.000 năm đến năm 111 TCN, dân tộc Việt sống thành những bộ lạc có nền văn hoá nông nghiệp lúa nước, tin vào Ông Trời, văn hoá phồn thực, trọng nữ, trọng đức, trọng tình, trọng nghĩa, yêu chuộng và gắn bó với thiên nhiên.

Từ năm 111 TCN đến năm 938 khi Ngô Quyền đại phá quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng, dân Việt sống dưới ách đô hộ của người Trung Hoa, người Việt chịu ảnh hưởng của Tam giáo Đông Phương và văn hoá Trung Hoa như trọng nam, có nhiều đức tính như nhẫn nhục, chịu đựng, cần trọng nhưng cũng có thêm nhiều tật xấu như nghi ngờ, giả dối, hời hợt bên ngoài, nói xấu sau lưng người khác, làm việc hình thức, hay ăn cắp của công như hậu quả của thái độ tự bảo vệ và chống đối quân thù.

Từ năm 938 đến năm 1945, dân Việt sống tự chủ, độc lập với 10 triều vua lớn nhỏ, trong đó có 4 triều vua lớn là Lý, Trần, Lê, Nguyễn

trong nền quân chủ chuyên chế độc tài. Thời kỳ này người Việt nhấn mạnh đến tính cách dòng tộc, làng xã, địa phương, chế độ đa thê, bất bình đẳng nam nữ, “một người làm quan cả họ được nhờ”, “phép vua thua lệ làng”. Với sự có mặt của Công giáo vào thế kỷ 17, người Việt biết thêm về dân chủ, bình đẳng nam nữ, hôn nhân một vợ một chồng, chữ Việt và khoa học sơ khởi.

Từ 1945 đến 1975, cả dân tộc làm nhiệm vụ đấu tranh giải phóng và thống nhất đất nước. Nhân tài và vật lực đều dành cho nhiệm vụ đó.



Từ năm 1975 đến nay (2013), người Việt tiến bộ rất nhiều về tri thức, về khoa học kỹ thuật, đất nước thống nhất, độc lập, nền văn hoá theo định hướng: tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Nếu phân tích cấu trúc văn hoá xã hội của người Việt để xây dựng nền VMTY, chúng ta thấy có nhiều điểm tích cực cần phát huy và tiêu cực cần phải sửa đổi. Chúng ta không thể thay đổi lịch sử đã qua nhưng có thể cải tạo cấu trúc hay bản sắc văn hoá này bằng giáo dục tự thân.

Phân tích yếu tố II: *Giáo dục tự thân*

Không phải người Việt nào đón nhận di sản của tổ tiên để lại cũng có những đức tính và tật xấu như nhau vì yếu tố giáo dục tự thân sẽ làm thay đổi các tầng cấu trúc giống như người biết gạn lọc sỏi đá cần cỗi ở từng lớp đất cho cây trồng đơm bông kết trái.

Chúng ta đã biết cấu trúc tâm hồn con người gồm 3 lớp mà các nhà tâm lý gọi là ý thức, tiềm thức, vô thức. Để xây dựng nền VMTY, chúng ta giúp cho con người nhận thức được những giá trị sống tích cực để họ có những thái độ sống lành mạnh trong các mối tương quan của mình, từ đó họ có những hành động tốt đẹp với những kỹ năng sống. Những hành động lặp đi lặp lại sẽ tạo thành thói quen (tra cứu thí nghiệm phản xạ có điều kiện của Pavlov với những con chó ở giai đoạn I), từ thói quen tạo thành cá tính, thành bản sắc riêng của cá nhân. Bản sắc này được truyền lại cho con cháu để trở thành di sản của tổ tiên. Nhiều cá nhân có cùng nhận thức, thái độ, hành động sẽ tạo nên bản sắc của cộng đồng, dân tộc sau một vài thế hệ.

Việc hình thành nên bản sắc chứng tỏ tầm quan trọng của nền giáo dục trong đời sống cá nhân cũng như cộng đồng. Nền VMTY đặt nền tảng trên việc giáo dục, đào tạo những giá trị sống và kỹ năng sống khởi đầu từ từng tín hữu và cộng đồng Kitô hữu biết sống những giá trị của Tin Mừng và theo lệnh truyền yêu thương của Đức Giêsu Kitô.

Trước đây người Kitô hữu Việt Nam đã sống những giá trị dân chủ, bình đẳng, hôn nhân một vợ một chồng và sau khi cả dân tộc VN đón nhận các giá trị đó, họ chưa giới thiệu thêm những giá trị mới còn nhiều trong Tin Mừng, trong Tám Mối Phúc Thật, trong Truyền Thống Kitô giáo như bác ái, tôn trọng, cộng tác, hoà bình, huynh đệ, liêm chính, khoan dung, tiết độ, thanh bần, hiền hoà, nhân ái, chân thật...

Phân tích yếu tố III: *Môi trường xã hội*

Trong việc xây dựng nền VMTY chúng ta không thể không nhắc đến môi trường xã hội hiện nay mà mỗi người đang sinh sống để phân tích những yếu tố phù hợp hoặc bất lợi cho việc xây dựng này trong các lĩnh vực tôn giáo, chính trị, văn hoá, kinh tế... Thí dụ trong lĩnh vực văn hoá, ảnh hưởng của sách báo, phim ảnh, truyền thanh, truyền hình, nhất là internet đang đóng góp hay ngăn cản việc xây dựng nền VMTY? Dù người Công giáo VN hiện nay chỉ chiếm tỷ lệ 7% dân số, nhưng với quyết tâm xây dựng cho dân tộc và với ơn Chúa, chúng ta có thể thành công sớm hơn dự tính.

Bước thứ ba: khám phá ra con người mình và xây dựng nền VMTY nơi mình bằng sự phản tỉnh

Việc xây dựng nền VMTY cuối cùng lại bắt đầu từ từng người tín hữu chúng ta sau khi đã hiểu rõ nền nhân bản toàn diện và liên đới của HTXHCG, khám phá cấu trúc văn hoá xã hội của người VN và các yếu tố hình thành nên cấu trúc con người mình nhờ các khoa học kỹ thuật.

Để khám phá được con người mình thuộc cá tính nào, có những khả năng nào, đức tính và khuyết điểm nào trong việc phát triển toàn diện và liên đới, chúng ta có khá nhiều phương tiện trợ giúp như trắc nghiệm khám phá cá tính của Gaston Berger, các trắc nghiệm của khoa tâm lý về các khả năng, tật xấu. Chúng ta cũng không thể không nhắc tới những phương pháp thanh tẩy trí nhớ bằng tư duy tích cực, xét mình tự kiểm, luyện tập các nhân đức của khoa tu đức Công giáo...

Rồi một khi nối kết được với Thiên Chúa Ba Ngôi, được tràn đầy Thánh Thần, mỗi người chúng ta trở thành hình ảnh sống động của Đức Giêsu Kitô cho con người và thế giới hôm nay. Như thế là ta đã xây dựng thành công nền VMTY nơi con người mình dù chưa hoàn thành cho cộng đồng xã hội vì “khả năng mở ra cho siêu việt, cho Đấng Vô biên, tức là Thiên Chúa, là đặc tính của con người” (x. HTXHCG, số 130).

Kết luận

Trên đây là một vài nguyên tắc và gợi ý khi nói về việc xây dựng nền VMTY cho đối tượng là những con người Việt Nam dưới ánh sáng của giáo huấn xã hội Công giáo. Việc xây dựng nền VMTY có thể nói là vấn đề thuộc bản chất và đặc trưng của GHCG mà mỗi tín hữu Công giáo Việt Nam đang được mời gọi xây dựng và tái tạo trong cuộc sống của mình, khi hoạ lại và bước đi trên con đường tình yêu như Chúa Giêsu đã đi. “*Chỉ khi nào nền văn minh tình yêu ngự trị thì nhân loại mới có thể hưởng một nền hoà bình chân chính và vững bền*” (Thánh Gioan Chrysostom; x. HTXHCG, số 582).

Bài 22

Xây dựng nền nhân bản toàn diện và liên đới

Trong dòng lịch sử, người Công giáo Việt Nam đã có kinh nghiệm quý báu khi đổi mới xã hội đang bị ảnh hưởng bởi Nho giáo, theo chế độ quân chủ chuyên chế, hôn nhân đa thê, nam nữ bất bình đẳng, chậm tiến, lạc hậu về khoa học trong hai thế kỷ XVIII-XIX thành một xã hội tôn trọng nhân phẩm, hôn nhân một vợ một chồng, nam nữ bình đẳng, khoa học phát triển với chữ Quốc ngữ ta đang dùng (x. Nguyễn Ngọc Sơn, *Từ kinh nghiệm truyền giáo ở Việt Nam và Hàn Quốc đến việc xây dựng nền văn hoá nhân bản tâm linh*).

“ĐTC Bênêđictô XVI trích dẫn lời của ĐTC Phaolô VI trong TĐ. *Evangelii nuntiandi* (số 7) và nói rằng “Loan báo Tin Mừng sẽ không đầy đủ nếu nó không lưu ý đến sự tương tác liên tục giữa Tin Mừng và đời sống cụ thể của con người, cả về mặt cá nhân và xã hội”. Làm chứng cho đức ái của Chúa Kitô, bằng các hoạt động về công lý, hoà bình và phát triển, là thành phần không thể thiếu của loan báo Tin Mừng, bởi vì Đức Giêsu Kitô, Đấng yêu thương chúng ta, quan tâm tới con người toàn diện. Đây là các giáo huấn quan trọng làm nền tảng cho khía cạnh truyền giáo trong học thuyết xã hội của Giáo Hội, một yếu tố nòng cốt của loan báo Tin Mừng” (x. TLLV, số 130).

Vì thế, ngoài những hoạt động cụ thể dành cho những người nghèo khổ, bệnh tật, những nạn nhân thiên tai, nạn nhân xã hội... chúng ta đặc biệt quan tâm đến việc giới thiệu một nền nhân bản toàn

diện và liên đới cho người Việt Nam. Nền nhân bản này đã được Công đồng Vaticanô II trình bày trong Hiến chế Mục vụ *Gaudium et Spes* (Vui mừng và Hy vọng) vào năm 1965, và Hội đồng Giáo hoàng Công lý và Hoà bình khai triển trong Học thuyết Xã hội của Giáo hội Công giáo vào năm 2004 (x. *HTXHCG*, tr.29-39).

Trong phạm vi bài này, chúng tôi xin trình bày đôi nét chính yếu của nền nhân bản Công giáo theo ba câu hỏi sau đây:

1. Tại sao gọi là nền nhân bản?
2. Nền nhân bản toàn diện bao gồm các lĩnh vực nào?
3. Con người liên đới có các mối tương quan nào?

1. Tại sao gọi là nền nhân bản?

1.1. Định nghĩa

Nền nhân bản là một hệ thống suy tư và hành động, lấy con người làm gốc, làm nền tảng thay vì lấy vật chất hay thần linh. Hệ thống suy tư giúp con người có những nhận thức đúng đắn về chính mình, về con người, về vạn vật cũng như về cả Thiên Chúa. Hệ thống hành động bao gồm những kỹ năng sống để con người thể hiện tốt đẹp và hiệu quả những nhận thức trên.



Lưu ý về tên gọi “nền nhân bản”: Chúng ta dùng từ “nền nhân bản” thay vì “chủ nghĩa nhân bản” để tránh sự hiểu lầm rằng Giáo Hội đang muốn xây dựng một chủ nghĩa đối kháng với các chủ nghĩa đã từng có mặt hay đang ảnh hưởng trong đời sống con người như chủ

nghĩa Tư bản, chủ nghĩa Cộng sản, chủ nghĩa Xã hội, chủ nghĩa Duy thực, Duy nghiệm, Duy tâm, Duy vật... Nền nhân bản này được xây dựng cho con người và vì con người nên bất cứ chế độ chính trị, tổ chức chính quyền, loại hình kinh tế, văn hoá, xã hội, tôn giáo nào cũng có thể tiếp nhận và hoà hợp, miễn là không đi ngược với những quyền lợi căn bản của con người, dù rằng nền nhân bản này có nói đến Thiên Chúa.

1.2. Những giai đoạn phát triển về nhận thức của con người

Trước đây, khi nhận thức của con người còn hạn hẹp, khoa học chưa phát triển, con người bái thờ những sức mạnh thiên nhiên hay vật chất vì thấy chúng mạnh hơn con người. “Đất có Thổ Công, sông có Hà Bá”. Nhưng khi con người chế ngự được thiên nhiên, thì thần linh cũng biến mất. Chế tạo ra cột thu lôi thì thần Thiên Lôi cũng không còn.

Sau đó, con người lại tìm ra các thần linh tưởng tượng làm nguồn gốc cho những hoạt động tinh thần của mình như thần Jupiter, Mars, Venus, Diana, Minerva... Đó là thời kỳ bái thần với nhiều hình thức mê tín. Nhưng khi con người khám phá ra những khả năng và giá trị tinh thần của chính mình thì các thần linh đó cũng không tồn tại.

Với khoa học tiến bộ, càng ngày con người càng ý thức rằng mình phải định hướng đúng những năng lực của chính mình vì chúng có thể phục vụ con người nhưng cũng có thể đê bệch và huỷ diệt con người. Những quả bom nguyên tử nổ ở Hiroshima và Nagasaki cũng như những bệnh nhân của chất độc Dioxin, của games online dạy ta điều đó.

Con người nhận ra rằng những bất ổn đang giày vò thế giới hôm nay gắn liền với những bất ổn sâu xa hơn bắt nguồn từ thâm tâm con người vì trong chính con người đã có những yếu tố xung khắc nhau. Con người cảm thấy mình bị hạn chế về nhiều phương diện nhưng lại luôn có những khát vọng vô biên. Vì yếu đuối và tội lỗi, nhiều khi con người làm chuyện mình không muốn và không làm được điều mình muốn (x. Rm 7,14tt).

Vì thế, con người vẫn không ngừng đặt ra những câu hỏi cơ bản cho cuộc sống của mình như: Con người là gì? Làm sao giải thích được đau khổ, sự dữ và cái chết? Tại sao có nhiều tiến bộ của khoa học kỹ thuật như thế mà chúng vẫn tồn tại? Con người có thể đem lại gì cho xã hội và mong đợi gì ở xã hội? Cái gì sẽ theo sau cuộc sống ở trần gian này? (x. CD Vat.II, HC *Gaudium et Spes*, số 10).

1.3. Đi tìm một nền nhân bản đích thực

Ngày nay người ta dường như trở về với thời kỳ bái vật khi sùng bái vật chất, coi tiền bạc của cải là thước đo của mọi giá trị, có khả năng vô biên, “có tiền mua tiên cũng được”, và coi thường những giá trị cao quý của con người.

Hơn nữa, người ta dường như lại quay trở về thời kỳ bái thần với hàng ngàn tôn giáo mới, đạo pháp mới ra đời, với đủ thứ kiểu tu luyện lạ lùng, những trò trừ ma diệt quỷ mê tín, những mơ tưởng hão huyền về những loại phù phép (Văn sĩ Rowling với bộ sách *Harry Potter*), về những chiêu thức võ lâm thần kỳ ở Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc...

Trong lịch sử, nhiều tôn giáo, trong đó có cả Kitô giáo, đã có lúc quá chú trọng đến hình thức, nghi lễ dành cho thần linh, cho Thiên Chúa mà coi nhẹ những hoạt động dành cho con người. Đây cũng là một trong các nguyên nhân phát sinh ra những thái độ của con người chối từ thần thánh, tạo nên chủ nghĩa vô thần. Những chủ nghĩa này đã nhân danh con người hay xã hội loài người để đòi lại những gì mà các tôn giáo đã dành cho thần linh, cho Thiên Chúa (x. CD. Vat.II HC *Gaudium et Spes*, số 19-21).

Từ Công đồng Vaticanô II, Giáo hội Công giáo đã bắt đầu xây dựng một nền nhân bản dựa vào Chúa Kitô để làm sáng tỏ mâu nhiệm về con người và mời gọi mọi người cùng tìm giải đáp cho những vấn đề chính yếu của thời đại (x. CD. Vat.II HC *Gaudium et Spes*, số 10).

Giáo hội Công giáo đã xác định rằng con người là con đường của Giáo Hội (x. *HTXHCG*, số 62) và cũng là con đường của Thiên Chúa,

vì “Ngôi Lời Thiên Chúa đã làm người” trở thành Đức Giêsu Kitô (x. Ga 1,14). Người sống với con người để làm cho tất cả những giá trị của con người thành cao cả vô biên vì “mâu nhiệm về con người chỉ thực sự được sáng tỏ nơi Đức Giêsu Kitô” (x. CĐ Vat.II, HC *Gaudium et Spes*, số 22).

1.4. Mục đích của nền nhân bản mới

Nền nhân bản này nhằm mục tiêu là đổi mới và xây dựng mỗi người tín hữu thành hiện thân sống động của Đức Giêsu Kitô. Người là con người mới, con người hoàn hảo, là hình ảnh của Thiên Chúa vô hình (Cl 1,15), là Adam mới (x. Rm 5,14) vì nhờ Người mà “bản tính nhân loại của chúng ta đã được nâng lên một phẩm giá siêu việt qua mâu nhiệm khổ nạn và phục sinh của Người” (CĐ. Vat.II, HC *Gaudium et Spes*, số 22).

Người tín hữu nhờ kết hợp với Đức Kitô sẽ nhận được “những hoa trái đầu mùa của Thánh Thần” (Rm 8,23) để trở thành con người mới có khả năng chu toàn lề luật yêu thương mới (x. Mt 22,40; Ga 15,12; Rm 8,1-11), xây dựng được nền văn minh tình yêu (x. *HTXHCG*, số 575-580) cho cộng đồng nhân loại vì Đức Giêsu Kitô là nguyên mẫu và là nền tảng của nhân loại mới này (x. *HTXHCG*, số 431).



Lúc đó loài người chúng ta vượt qua bí ẩn của đau khổ và sự chết để sống trọn vẹn trong niềm vui, bình an và tình yêu của Thiên Chúa (x. *HTXHCG*, số 583).

2. Nền nhân bản toàn diện bao gồm các lĩnh vực nào?

Nền nhân bản toàn diện bao gồm mọi lĩnh vực của con người như thể chất và tinh thần, cá nhân và tập thể, tự nhiên và siêu nhiên, nội tâm và ngoại giới vì con người thật sự là một mâu nhiệm không thể nào khám phá cho cùng.

Công đồng Vaticanô II đã lưu ý đến những lĩnh vực này trong các văn kiện, nhất là trong Hiến chế *Gaudium et Spes*. Công đồng lưu tâm đến thân phận con người trong thế giới ngày nay, đến phẩm giá cao cả của con người, đến cộng đồng nhân loại và sinh hoạt của con người trong thế giới và vũ trụ. Công đồng cũng lưu ý đến một số vấn đề khẩn thiết như hôn nhân và gia đình, giáo dục và văn hoá, kinh tế và chính trị, chiến tranh và hoà bình, đối thoại liên tôn và các phương tiện truyền thông xã hội.

Bốn mươi năm sau Công đồng, Giáo hội Công giáo tổng hợp những vấn đề của con người trong cuốn *HTXHCG* thành những chủ đề có tính tổng quát và đưa ra những nguyên tắc hướng dẫn rõ ràng, mạch lạc hơn. Mười hai chương trong cuốn Tóm lược trình bày học thuyết của Giáo Hội về con người trong những lĩnh vực và những quan hệ chính yếu để hình thành nên một nền nhân bản đúng đắn và toàn diện. Ta có thể tóm tắt vào mấy lĩnh vực chính sau đây:

2.1. Thể chất và tinh thần

Con người được Thiên Chúa tạo dựng thành một thể thống nhất với tinh thần và thể xác (x. *HTXHCG*, số 127; CĐ. Vat.II HCMV *Gaudium et Spes*, số 14). Hai yếu tố thể xác và tinh thần đều do Thiên Chúa dựng nên, chứ không phải bắt nguồn từ hai phía đối nghịch nhau (Thuyết Nhị Nguyên) (x. CĐ. Vat.II, HC *Gaudium et Spes*, số 14). “Tinh thần lành mạnh trong một thể xác tráng kiện” (*Mens sana in corpore sano*).

Thông qua thân xác mình, con người thống nhất nơi mình các yếu tố của thế giới vật chất (*HTXHCG*, số 128). Mỗi ngày, qua đồ ăn,

thức uống, khí trời, con người hoà hợp với vạn vật và thống nhất chúng nơi mình.

Nhờ tinh thần, con người có thể đi vào vạn vật để khám phá ra chúng và thấy mình vượt lên trên thế giới vật chất bên ngoài với phẩm giá độc đáo và lương tâm ngay chính.

2.2. Nội tâm và ngoại giới

Con người khám phá ra mình hiện hữu như một cái “tôi” độc lập, có khả năng hiểu mình, làm chủ mình và tự quyết về mình (x. *HTXHCG*, số 131).

Khoa Tâm lý học cũng khám phá ra cấu trúc phức tạp của tinh thần con người với những tầng lớp như ý thức, tiềm thức, vô thức tác động lên nhau và ảnh hưởng lẫn nhau cũng như những khả năng lạ lùng của con người với trí nhớ, trí hiểu, trí tưởng tượng, ý chí, tình cảm, khả năng hoạt động... khiến cho mỗi con người trở thành độc đáo với sứ mạng đặc biệt của riêng mình.

2.3. Tự nhiên và siêu nhiên

Ngoài những gì tồn tại trong thế giới vật chất, hoặc do con người làm ra, có thể cân đo đong đếm hay xác định được trong không gian và thời gian, con người còn cảm nghiệm được nhiều điều thuộc về lĩnh vực siêu nhiên. Lĩnh vực siêu nhiên này mời gọi con người khám phá để phát huy những khả năng vô tận của con người vượt lên trên nền văn minh khoa học kỹ thuật hiện nay. Con người có thể mở lòng mình để đón nhận những ân phúc như những quà tặng của Thiên Chúa và trao đổi những giá trị tinh thần cho người khác như tình yêu, lòng nhân ái, lời cầu nguyện...

Khi nhận ra mình có tự do như quà tặng của Thiên Chúa ban cho con người và muôn loài có tinh thần để yêu Ngài, vì Ngài là tình yêu (1Ga 4,8.16), thì con người cũng có thể khước từ tình yêu Thiên Chúa (Sđđ, số 128; CĐ. Vat.II, HC *Gaudium et Spes*, số 14). Và con người đã làm thế trong đời sống của mình. Con người cắt đứt với nguồn chân

thiện mỹ là Thiên Chúa nên con người đã cảm nghiệm những nỗi loạn của thân xác, làm nô lệ cho những xu hướng xấu xa của tinh thần dẫn con người đến tội lỗi (1Cr 6,13-20; Rm 7,24; CĐ. Vat.II, HC *Gaudium et Spes*, số 13). Vì thế, con người cần luyện tập những đức tính và loại bỏ những tật xấu ra khỏi cuộc sống của mình.

2.4. Cá nhân và tập thể

Nhờ tinh thần, con người có thể gặp gỡ được những con người khác để xây dựng thành những cộng đồng yêu thương. Cộng đồng đầu tiên và cơ bản là gia đình với định chế hôn nhân, với nhiệm vụ nuôi nấng và giáo dục con cái. Cộng đồng rộng lớn hơn là xã hội, tập thể để xây dựng nên nền văn hoá dân tộc với những mối liên hệ với ông bà tổ tiên. Cộng đồng rộng lớn nhất là chính cộng đồng quốc tế với muôn dân tộc trong gia đình nhân loại mà mỗi người đều có nghĩa vụ phải tham gia và bảo vệ hoà bình.

Hơn nữa, con người có thể mở ra với siêu việt để gặp gỡ được tinh thần tuyệt đối là Thiên Chúa ngay trong cõi thâm sâu của lòng mình và gặp gỡ những thụ tạo khác để xây dựng và phát triển một cộng đồng yêu thương (x. HTXHCG, số 128,129,130).

3. Con người liên đới có các mối tương quan nào?

Con người toàn diện này có 4 mối quan hệ căn bản với 4 tinh thần phải tập luyện để thể hiện cho tốt đẹp các mối quan hệ ấy:

- Với Thiên Chúa, giữ tinh thần thảo hiếu
- Với người khác, giữ tinh thần huynh đệ
- Với vạn vật, giữ tinh thần huynh trưởng
- Với chính mình, giữ tinh thần tự chủ

3.1. Trong tương quan với Thiên Chúa, con người giữ tinh thần thảo hiếu, vì Ngài là nguồn của mọi hiện hữu, của chân thiện mỹ, của sự sống vĩnh hằng và hạnh phúc vô biên.

Phân tích con người mình, mỗi người chỉ thấy được những cái thuộc về vật chất, chỉ là những nguyên tử, phân tử Carbon, Hydro, Oxy, Nitơ... thế mà ta đang sống, đang yêu, đang suy nghĩ. Vậy thì sự sống, tình yêu, sự khôn ngoan phải bắt nguồn từ một ai đó vượt ra ngoài vật chất, không gian và thời gian cố định. Nhờ tinh thần mở ra cho siêu việt mà ta khám phá ra Đấng Siêu việt là Thiên Chúa, nguồn gốc của muôn sự muôn loài (CĐ. Vat.II, HC *Gaudium et Spes*, số 12; *HTXHCG*, số 130).

Đào tạo lương tâm

ngay chính: con người khám phá tận đáy lòng mình lương tâm như một lề luật phải theo, như một tiếng nói của Thiên Chúa kêu gọi con người phải yêu mến và làm điều thiện cũng như phải tránh những điều ác (Sđd, số 16). Tuân theo lề luật ấy là tuân theo các giá trị đạo đức. Các giá trị này bắt nguồn từ luật tự nhiên được ghi khắc trong lương tâm con người, nhờ đó phẩm giá con người được nâng cao và xã hội được ổn định (Sđd, số 20).



Từ cội nguồn Thiên Chúa, con người sẽ giữ tinh thần thảo hiếu này đối với cha mẹ, thầy dạy, ông bà, tổ tiên, dân tộc, là những người thay mặt Chúa chuyên sự sống, sự thật, tình yêu và ân phúc cho ta.

Trong mối tương quan này, người tín hữu được đào tạo để hiểu biết về tinh thần ái quốc và nền văn hoá dân tộc, biết bảo vệ tổ quốc và biết đưa Tin Mừng hội nhập vào nền văn hoá dân tộc.

3.2. Trong tương quan với mọi người sống trên trái đất và cả trong vũ trụ, *con người giữ tinh thần huynh đệ*, đối xử với nhau như

anh em trong cùng một đại gia đình, không kỳ thị vì bất cứ khác biệt nào.

Thiên Chúa sáng tạo con người theo hình ảnh mình. Ngài sáng tạo con người có nam, có nữ (x. St 1,27). Sự liên kết giữa hai người nam nữ tạo nên một cộng đồng đầu tiên giữa người với người. Từ bản tính thâm sâu của mình, con người là một hữu thể có tính xã hội và nếu không liên lạc với những người khác con người không thể phát triển và hoàn thiện chính mình.



Trong vũ trụ bao la vẫn có thể có những “người khác” để ta tìm hiểu, gặp gỡ và cùng nhau xây dựng một nền *hoà bình giữa các vì sao*. Thiên hà của chúng ta với hơn 400 triệu ngôi sao và có khoảng 8000 hành tinh có điều kiện giống như trái đất, nghĩa là có thể có người. Thiên hà Andromede cách ta 3,5 triệu năm ánh sáng cũng có khoảng vài trăm triệu ngôi sao như thế. Cả vũ trụ có khoảng 10 ngàn thiên hà đã được kính thiên văn Hubble của Mỹ chụp được. Trong giải thiên hà của ta, theo ước tính của các nhà khoa học có thể có hàng trăm ngàn hành tinh có điều kiện phát triển sự sống và có khoảng gần 100 nền văn minh bằng hoặc hơn trái đất (x. Báo *Tuổi Trẻ*, 9/3/2009).

Con người thể hiện tinh thần huynh đệ này bằng cách tránh những hành vi tiêu cực như dối trá, tham lam, bất công, dâm dăng, xúc phạm đến thân xác hay danh dự người khác theo tinh thần của Mười Điều Răn và bằng cách thể hiện những hành vi tích cực qua đời sống bác ái, tôn trọng, hợp tác, tin tưởng, khoan dung, khiêm tốn, công bình, quảng đại, trung thực, trong sạch, hoà bình, dám hy sinh vì đại nghĩa theo tinh thần Tám Mối Phúc của Đức Giêsu Kitô. Đó là những giá trị sống cần thiết cho mỗi người chúng ta.

3.3. Trong tương quan với vạn vật, con người giữ tinh thần huynh trưởng vì Thiên Chúa Tạo Hoá đã giao phó vạn vật trên trái đất cho con người để thay Ngài quản trị muôn loài (x. St 1,26-28; Kn 2,23) và loan báo Tin Mừng cho muôn loài thụ tạo (x. Mc 16,15).

Tinh thần này được thể hiện qua việc:

Chuyên cần học hỏi, nghiên cứu vạn vật qua các khoa học kỹ thuật.

Siêng năng lao động cũng như biết nghỉ ngơi.

Làm ra các cửa cải và biết chia sẻ những tài nguyên và vật lực cho người yếu kém.

Bảo vệ môi trường sống cho sạch, xanh, đẹp, an lành.

Làm cho dân giàu nhưng tự nguyện sống tiết kiệm, giản dị theo gương Đức Giêsu.

3.4. Trong tương quan với chính mình, con người giữ tinh thần tự chủ:

Tinh thần này nhắc nhở mọi người cố gắng làm chủ bản thân, tình cảm, thời giờ, tài năng, ân huệ và cả những tham vọng, dục vọng để trở thành một con người tự do thật sự trước mọi ràng buộc của cuộc sống. Khả năng tự chủ này được đào luyện mỗi ngày qua một số kỹ năng sống sau đây:

- *Làm chủ ân phúc* Chúa ban qua đời sống kết hợp với Chúa Ba Ngôi, Đức Mẹ, các thần thánh bằng cầu nguyện, phụng tự và các bí tích. Tất cả là hồng ân để luôn sống trong tâm tình tạ ơn và không bỏ phí bất kỳ một ơn nào.
- *Làm chủ cá tính* với những đặc tính như cảm tính, hoạt tính, sơ tính hay thứ tính, những nhu cầu xu hướng, năng khiếu để hiểu rõ con người mình có khả năng, ưu điểm, khuyết điểm nào.

- *Làm chủ các tài năng tinh thần* như trí hiểu, trí nhớ, trí tưởng tượng, ý chí qua việc tích cực học hành, nâng cao trình độ văn hoá, nghề nghiệp, đào tạo năng khiếu chuyên môn để trở thành những người có khả năng sống tự lập, làm sáng danh Chúa và mang lại hạnh phúc cho con người (x. CĐ. Vat.II, *Gaudium et Spes*, số 15).
- *Làm chủ sức khoẻ, các bản năng và tình cảm* bằng đời sống điều độ trong việc ăn uống, nghỉ ngơi, giải trí, vui chơi với những giờ thể dục, thể thao để luyện một ý chí vững vàng trong một thân thể khoẻ mạnh. Tập luyện để sống quảng đại, vui tươi, khiêm tốn, dũng cảm, biết tha thứ, biết nhường nhịn vì Thiên Chúa hiểu rõ lòng con người và sẽ bù đắp cho con người hơn cả điều lòng họ ước mong.
- *Làm chủ thời giờ*: thời giờ là hồng ân và cũng là vốn liếng Chúa trao ban nên quý trọng từng giây phút sống trên đời. Một nụ cười, một lời cảm ơn, xin lỗi, một cử chỉ đẹp chỉ tốn một vài giây sống nhưng sẽ làm cho đời mình và đời người hạnh phúc nên không để mất giây phút nào mà không sống đẹp, sống bác ái, sống hào hùng. Mỗi giây phút đều có giá trị vĩnh hằng vì Ngôi Lời làm người đã biến đổi tất cả những giá trị con người thành cao cả, vô biên (x. CĐ. Vat.II, *Gaudium et Spes*, số 22).
- *Làm chủ các phương tiện vật chất* như tiền bạc, nhà cửa, xe cộ, quần áo, đồ dùng để bảo đảm cho mình những điều kiện cần thiết cho đời sống tự lập (x. *TLHTXHCG*, số 176). Tuy nhiên, của cải không phải chỉ làm lợi cho người sở hữu mà còn phải làm lợi cho người khác vì Thiên Chúa ban trái đất chung cho mọi người (Sđđ, số 177). Đó là mục tiêu phổ quát của các phương tiện vật chất và nhờ đó tạo ra một thế giới công bằng và liên đới (Sđđ, số 174). Người sở hữu vật chất còn được mời gọi để sống tinh thần nghèo khó của Đức Giêsu Kitô vì Người giàu có vô song nhưng đã tự nguyện trở

nên nghèo khó để chúng ta trở thành giàu có như Người (x. 2Cr 8,9).

Kết luận

Trên đây chúng ta chỉ mới lướt qua những điểm cơ bản của nền nhân bản toàn diện và liên đới về mặt nhận thức những giá trị và kỹ năng sống.

Người tín hữu Công giáo phải hết sức quan tâm đến các vấn đề xã hội ở Việt Nam và quyết tâm liên kết với mọi thành phần trong xã hội để xây dựng và phát triển cộng đồng dân tộc. Tuy nhiên, muốn giải quyết tận gốc các vấn đề xã hội người ta thấy rằng cần phải tập trung vào việc đào tạo con người Việt Nam để giúp họ đổi mới cách nghĩ và lối sống.



Bài 23

Cấu trúc văn hoá-xã hội của người Việt và công cuộc Tân Phúc Âm hoá

Lời mở

Muốn cho công cuộc TPAH có kết quả tốt đẹp, chúng ta cần phải hiểu rõ đối tượng được Phúc Âm hoá là người như thế nào, cấu trúc tâm hồn họ ra sao, bản sắc dân tộc họ có những điểm gì thuận lợi hay bất lợi cho công cuộc này. Vì thế, việc nghiên cứu cấu trúc văn hoá - xã hội của người Việt là một việc cần làm cho tất cả những ai muốn dẫn thân trên cánh đồng truyền giáo.

Chúng ta có thể nói rằng trong hầu hết các hoạt động xã hội ở nước ta, con người VN vừa là chủ thể và cũng là đối tượng của các hoạt động. Chính người VN nghiên cứu và hình thành các dự án xã hội, rồi cũng chính họ thực hiện, giám sát, quản lý dự án để phục vụ và làm cho đồng bào được ấm no, hạnh phúc và phát triển toàn diện con người. Tuy nhiên, nhiều dự án đã thất bại, nhiều công trình bị bỏ dở dang chỉ vì người ta không chú ý đến cấu trúc văn hoá - xã hội của người Việt.

Đứng trước thực tế đau xót của xã hội với nhiều vấn đề cấp thiết cần giải quyết cũng như trước tình trạng kém phát triển, chúng ta đặt câu hỏi: *Tại sao lại xảy ra như thế và phải làm gì để sửa đổi?* Đã có rất nhiều bài nghiên cứu và ý kiến đề xuất hành động của cá nhân và tập thể trong các lĩnh vực xã hội, kinh tế, chính trị, văn hoá... Tuy nhiên, chúng tôi nghĩ

rằng vấn đề cơ bản vẫn là đào tạo con người Việt Nam, nhưng muốn đào tạo kết quả phải hiểu rõ con người và cấu trúc của nó.

1. Nhận định chung về con người Việt Nam

– Xét về mặt văn hoá, con người VN bị tác động bởi những yếu tố địa lý, lịch sử đã kết thành một thực thể phức tạp với nhiều đức tính và khuyết điểm. Chúng tôi tin rằng, chỉ khi hiểu rõ thật sự con người, ta mới có thể giải quyết những vấn đề trong gia đình và xã hội vì “*sự thật sẽ giải phóng chúng ta*” (Ga 8,32) dù sự thật ấy có thể làm chúng ta buồn lòng.

– Nói đến con người VN, chúng ta có thể nhắc đến bao điều kỳ diệu, bao đặc tính tốt đẹp mà nhiều người đã không ngớt lời ca tụng như Toan Ánh trong bộ *Nếp Cũ - Con người VN*; Sơn Nam trong *Người Sài Gòn*; Vương Hồng Sển trong *Sài Gòn năm xưa...* nhất là Vũ Hạnh (A. Pazzi) trong *Người Việt kỳ diệu*. Những lời ca tụng đó có thể ru ta vào giấc mộng dĩ vãng mà không dám nhìn thẳng vào thực tế để giải quyết những vấn đề hiện nay.

– Có lẽ chúng ta cần nhìn rõ con người VN để nhận ra cả hai mặt tốt, xấu, nhất là mặt xấu mà ít người dám nói vì sợ bị kết tội “vạch áo cho người xem lưng”. Nhà văn Bá Dương đã dám viết *Người Trung Hoa xấu xí*, được Nguyễn Hồi Thủ dịch sang tiếng Việt. Những bài viết này tác động mạnh đến dân tộc ông cũng như đóng góp nhiều cho công cuộc phát



triển đất nước Trung Hoa. Chỉ trong vòng 50 năm qua, từ một dân tộc lạc hậu, chậm phát triển, nước Trung Hoa đã tiến lên địa vị của một cường quốc, và nhiều lĩnh vực vượt cả Anh, Pháp, Đức. Dân tộc Việt Nam ta đâu có thua kém người bạn láng giềng!

– Đã có những nghiên cứu lớn về con người VN, thí dụ như của Viện Nghiên cứu Xã hội Hoa Kỳ, kết quả rất đáng cho chúng ta lưu ý. Viện này đã đưa ra 10 đặc điểm của người VN như sau:

“Cần cù lao động, song dễ thoả mãn, nên tâm lý hưởng thụ còn nặng.

Thông minh, sáng tạo, song chỉ có tính chất đối phó, thiếu tư duy dài hạn, chủ động.

Khéo léo, song không duy trì đến cùng (ít quan tâm đến sự hoàn thiện cuối cùng của sản phẩm).

Vừa thực tế, vừa mở rộng, song lại không có ý thức nâng cao lên thành lý luận.

Ham học hỏi, có khả năng tiếp thu nhanh, song ít học từ đầu đến đuôi nên kiến thức không có hệ thống, mất căn bản. Ngoài ra, học tập không phải vì tự thân của mỗi người (nhỏ học vì gia đình, lớn học vì sĩ diện, vì kiếm công ăn việc làm, ít vì chí khí, vì đam mê).

Xởi lời, chiêu khách, song không bền.

Tiết kiệm, song nhiều khi hoang phí vì những mục tiêu vô bổ (sĩ diện, khoe khoang, thích hơn đời).

Có tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái, song hầu như chỉ trong những hoàn cảnh, những trường hợp khó khăn, bần hàn; còn trong điều kiện sống tốt hơn, giàu có hơn thì tinh thần này ít xuất hiện.

Yêu hoà bình, nhẫn nhịn, nhưng nhiều khi lại hiếu chiến, hiếu thắng vì những lý do tự ái lật vạt làm đánh mất đại cuộc.

10. Thích tự lập, nhưng lại thiếu tình liên kết để tạo ra sức mạnh (cùng một việc, một người làm thì tốt, ba người làm thì kém, bảy người làm thì hỏng)”.

– Những nhận định trên đây và những kết quả nghiên cứu khác có thể giúp ích nhiều cho chúng ta, nhưng tiếc là chúng chưa trình bày các lý do hình thành nên cấu trúc tâm lý xã hội của người Việt cũng như tìm ra được đường hướng sửa chữa những khuyết điểm trong cấu trúc. Điều này

có lẽ cần đến sự nghiên cứu và làm việc lâu dài hơn của các nhà giáo dục, tâm lý, xã hội học.

Trong phạm vi bài này, chúng tôi dùng phương pháp phân tích con người và hoàn cảnh văn hoá, xã hội để nêu lên một số điểm khái quát về con người VN thời xa xưa và hiện tại để giúp các nhà nghiên cứu tìm ra đường hướng đào tạo con người VN.

2. Về mặt địa lý

Nước VN là một dải đất hình chữ S, nằm ở trung tâm khu vực Đông Nam Á, phía Đông bán đảo Đông Dương. Dù cùng một nguồn gốc, nhưng người VN lại rất khác với người Trung Hoa ở phía Bắc, với người Thái, người Lào và Campuchia ở phía Tây, vì những rặng núi hình rẻ quạt ở phía Bắc và dãy Trường Sơn hùng vĩ ở phía Tây đã ngăn cách các dân tộc đó với người VN, ngăn cản phần nào sự hoà nhập của các nền văn hoá khác nhau. Phía Đông, Nam và Tây Nam của đất nước là Biển Đông và Ấn Độ Dương. Nền văn hoá dân tộc được xây dựng theo truyền thuyết những người con theo mẹ lên núi hái thuốc thành tiên và theo cha xuống biển vượt khó thành rồng. VN có 2.860 con sông có chiều dài từ 10km trở lên (x. Tổng Cục Du lịch, *Non nước VN*, Hà Nội, 2000, tr.9), trong đó có nhiều hệ thống sông lớn như sông Mêkông, sông Hồng. Gần bó với núi cao, biển rộng, sông dài nên người VN thường có nhiều tình cảm cao thượng, biết nhìn xa trông rộng và gần gũi với thiên nhiên. Những tâm tình tốt đẹp này hình như đang bị sùi mòn và biến chất, đặc biệt với làn sóng đô thị hoá hiện nay, nơi những cư dân thành thị sống trong những toà nhà cao tầng, những căn phòng nhỏ hẹp che chắn tầm mắt con người.

Hướng tiến bị bên núi, bên biển ngăn cản buộc dân tộc phải hướng về phía Nam từ đồng bằng châu thổ sông Hồng ở miền Bắc (rộng 15.000km²), vượt qua các đồng bằng nhỏ hẹp ở miền Trung để vào tới đồng bằng sông Cửu Long (rộng 40.000km²) ở miền Nam. Bước chân khai phá của người Việt chỉ dừng lại trước biển cả ở cực Nam đất nước, nhưng thiên nhiên vẫn ưu đãi cho dân Việt nên bờ cõi tiếp tục mở rộng về phương Nam vì hằng năm đồng bằng Nam Bộ vẫn trải rộng lán về phía biển từ 60-80m, do phù

sa của các con sông Cửu Long bồi đắp. Người Việt, với tâm hồn của những người tiên phong khai hoang dựng nước, đã không sợ hiểm nguy, dám đối đầu với những thử thách, bất trắc của cuộc sống, đã viết nên những trang sử hào hùng của dân tộc. Vì thế càng tiến vào miền Nam, người Việt càng hành động phóng khoáng, cởi mở và liều lĩnh hơn.

Khí hậu cũng ảnh hưởng khá nhiều đến tâm tính con người, tình trạng gia đình và hoạt động xã hội. VN nằm hoàn toàn trong vành đai nhiệt đới của nửa cầu Bắc, nghiêng về chí tuyến hơn là xích đạo nên có nhiệt độ cao, trung bình từ 22^oC-27^oC. Hằng năm, có khoảng 100 ngày mưa với lượng mưa trung bình từ 1.500 - 2.000ml/cm², độ ẩm khoảng 80%, số giờ nắng khoảng 1.500-2.000 giờ/năm.

Do ảnh hưởng của gió mùa và địa hình phức tạp, nên khí hậu VN luôn thay đổi trong năm, giữa năm này với năm khác, giữa nơi này với nơi kia (từ Bắc xuống Nam và từ thấp lên cao). Nhìn chung, VN có một mùa nóng mưa nhiều và một mùa tương đối lạnh ít mưa. Nhưng khí hậu các tỉnh ở phía Bắc, từ đèo Hải Vân trở ra, thay đổi theo 4 mùa khá rõ rệt với Xuân, Hạ, Thu, Đông. Khí hậu này cũng tạo ra những bất lợi về thời tiết vì Việt Nam bị bão tố, lũ lụt, hạn hán thường xuyên đe dọa (x. Tổng Cục Du lịch, *Non nước VN*, Hà Nội, 2000, tr.11-12).

Do đó, tâm tính người VN có thể nói dễ thay đổi theo kiểu “sáng nắng chiều mưa” hơn những dân tộc sống trong các vùng khí hậu ổn định, ôn hoà. Gia đình từ đó cũng chịu những hậu quả của sự thay đổi thất thường này như: có nhiều cãi vã, xung đột, kém thuỷ chung hơn. Hoạt



động kinh tế xã hội cũng chịu sự thay đổi thường xuyên do các quyết định bất nhất của người lãnh đạo. Nhận ra sự tác động của thời tiết, ta sẽ thấy người Việt cần tập tính kiên nhẫn, ôn hoà, ý chí vững mạnh thì mới có thể thực hiện những kế hoạch lâu dài.

3. Về mặt lịch sử

Tiếp đến, chúng ta chú ý hơn về con người VN qua các giai đoạn lịch sử hình thành dân tộc, tức là chú ý đến khía cạnh văn hoá xã hội của người Việt.

3.1. Giai đoạn tiền sử

Người VN có nguồn gốc dân tộc trong khối các chủng Đông Nam Á (Austro-asiatique) hình thành từ 2 đại chủng Á (Mongoloid) và chủng phương Nam (Australoid) vào khoảng 10.000-8.000 năm TCN. Sau đó từ 5.000 năm TCN, chủng Cổ Mã Lai (Indonesian) ở miền Đông Nam Á, phối hợp với các chủng Nam đảo, Nam Á để hình thành nên các nhóm Chăm - Môn Khmer - Việt Mường - Tày Thái - Mèo Dao - Tiên Thái - Tạng Miến - Hán: gồm 54 dân tộc Việt Nam (x. Lê Văn Chường, *Cơ sở Văn hoá Việt Nam*, NXB Trẻ, 1999, tr.24-27; Trần Ngọc Thêm, *Cơ sở Văn hoá Việt Nam*, NXB Giáo dục, 1999; *Niên giám GHCGVN 2005*, NXB Tôn giáo, tr.454-466). Không gian văn hoá gốc VN thời tiền sử là không gian của các dân tộc có nền văn minh nông nghiệp lúa nước, văn minh đồ đồng và ngôn ngữ đơn lập. Sau đó đến những thế kỷ trước Công nguyên, không gian gốc này bị thu hẹp vì các dân tộc ở vùng Nam sông Dương Tử bị người Trung Hoa bành trướng và đồng hoá.

Người Việt có những nét đặc thù của nền văn hoá nông nghiệp: tôn trọng và hoà hợp với thiên nhiên, có lối sống định canh, định cư và nền kinh tế tự cung, tự cấp. Trong mối quan hệ với gia đình, người Việt trọng nữ và nhiều cộng đồng xã hội còn bị ảnh hưởng theo chế độ mẫu hệ. Đời sống nông nghiệp gắn bó chặt chẽ với gia tộc và xóm làng, trọng tình hơn trọng lý, trọng đức hơn trọng tài, trọng văn hơn trọng võ. Lối nhận thức tư duy thiên về tổng hợp, mang tính chủ quan, theo cảm tính và kinh nghiệm

hơn là mang tính phân tích khách quan và hợp lý theo một hệ thống suy tư rõ ràng.

Trong cách ứng xử với môi trường xã hội, người Việt dễ dung hợp trong tiếp nhận, ngay cả trong tín ngưỡng. Ngoài tín ngưỡng bái vật, đa thần, người Việt đón nhận tam giáo Đông Phương: *Nho - Phật - Lão*, và sau này cả Thiên Chúa giáo. Niềm tin vào một chủ thể tối cao, gọi là Trời mà sau này các tôn giáo khác có thể xác định rõ hơn là Thiên, Chúa Trời, Đức Thượng Đế, Đấng Cao Đài, Đức Allah, Thiên Chúa,.. lúc nào cũng bàng bạc trong tâm hồn người Việt để thúc đẩy họ tin tưởng và sống theo lương tâm ngay chính của mình. Chính niềm tin ấy giúp cho đời sống họ được an vui “Lạy trời mưa xuống, lấy nước tôi uống, lấy ruộng tôi cày, lấy đầy bát cơm, lấy rơm đun bếp...”, xã hội được ổn định vì “Trời cao có mắt”, ngăn ngừa những hành động ác đức “Thiên bất dung gian”...

3.2. Giai đoạn thống trị của các đế chế Trung Hoa

Kéo dài trong 11 thế kỷ, ảnh hưởng không ít tới con người cũng như gia đình và xã hội VN. Năm 179 TCN, nước Âu Lạc do An Dương Vương Thục Phán (257-208 TCN) lập nên với thành Cổ Loa bị Triệu Đà, vua của nước Nam Việt chiếm. Năm 111 TCN, nước Nam Việt bị chuyển sang tay nhà Hán rồi trải qua nhiều đời vua Trung Hoa cho đến năm 938, khi Ngô Quyền chiến thắng quân Nam Hán, trên sông Bạch Đằng, mới khôi phục được nền độc lập cho đất nước.

Dù sống dưới chế độ bóc lột hà khắc với chính sách “chia để trị” của ngoại xâm, người Việt vẫn kiên nhẫn chịu đựng gian khổ, biết chờ thời cơ trỗi dậy với cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng (40-43), Bà Triệu (248), Lý Bí (thế kỷ VI), Mai Thúc Loan (722), Phùng Hưng (766-791). Tuy nhiên, vì sống quá lâu dưới ách thống trị, người Việt có đặc trưng thường nhút nhát, sợ sệt, không dám bày tỏ trực tiếp ý kiến của mình, nhất là trước mặt người lạ. Họ hay giấu diếm tình cảm của mình, chỉ thân thiện vờn vĩa bên ngoài để tránh cho quân thù khởi chú ý, làm hại. Họ dễ nghi ngờ vì nghĩ rằng ai cũng có thể là kẻ thù, thiếu tin tưởng và ít cộng tác với người khác, ngay cả với người thân.

Những đặc tính này tạo ra nhiều điểm bất lợi cho đời sống gia đình vì gia đình là một cộng đồng đòi hỏi sự hiệp thông trọn vẹn, sự cởi mở chân thành, tin tưởng và lo lắng cho nhau giữa các thành viên. Nó cũng tác hại rất lớn đến xã hội vì xã hội là một cộng đồng lớn hơn đòi hỏi mọi thành viên phải tin tưởng để cùng hợp tác với nhau lo cho công ích.

Sự chia rẽ thiếu đoàn kết diễn ra khắp nơi, trong mọi ngành nghề, tổ chức của xã hội và cả trong các tổ chức tôn giáo. Dù thời Bắc thuộc đã qua nhưng những di chứng tiêu cực dường như vẫn còn ăn sâu trong tâm hồn người Việt.

Hầu hết người Việt yêu mến quê hương và chống lại kẻ ngoại xâm. Để biểu thị sự bất hợp tác, họ chỉ làm việc cầm chừng và ra về chăm chỉ dưới ánh mắt theo dõi hay dưới làn roi hành hạ của quân thù. Do làm mãi dưới chế độ này người Việt dễ trở thành người làm việc nửa vời, chỉ cố gắng khi có sự quan sát hay theo dõi của người khác thay vì làm việc với sự đam mê hay ý thức trách nhiệm.

Ngoài ra, vì quan niệm tất cả những gì công cộng như vườn cây, đường xá, cầu cống... đều là của chung, do kẻ thù quản lý, nên họ chẳng thiết tha gìn giữ. Hơn nữa, những thứ chung đó cũng là do sưu cao thuế nặng của họ đóng cho Nhà nước đô hộ nên họ nghĩ có lấy cắp của công cũng chỉ là hoàn trả cho mình, thậm chí có người còn cho rằng: “Ăn cắp của công là không có tội”. Thái độ này dễ dẫn đến tệ nạn tham ô, lãng phí của công.

Về mặt gia đình và xã hội, Nhà nước đô hộ Trung Hoa thời đó chỉ nhằm khai thác kinh tế nên không chú ý mấy đến việc xây dựng và giáo hoá dân Việt. Bị ảnh hưởng bởi nền văn hoá Trung Hoa, xã hội VN thời đó theo chế độ đa thê: người đàn ông có thể có nhiều vợ, nhiều tỳ thiếp, nhất là những người giàu. Nền kinh tế dựa trên nông nghiệp thô sơ, cần có nhiều lao động khoẻ, nên gia đình càng đông con nhiều cháu thì càng tốt, nhất là con trai để nối dõi tông đường. Tinh thần trọng nữ trước đây bị đả phá. Xã hội theo chế độ gia trưởng, mọi quyền hành đều tập trung vào người đàn ông, nên phụ nữ thường bị đối xử bất bình đẳng “nhất nam viết hữu, thập nữ viết vô”. Sống trong hoàn cảnh như thế, người phụ nữ phải âm thầm chịu đựng những thua thiệt và áp bức để thờ chồng, nuôi con.

Những người đàn ông làm việc quần quật suốt ngày ngoài đồng, chiều về họ thường tụ tập bên chén rượu để quên đi nỗi vất vả nhọc nhằn. Những chai rượu làm từ nông sản ấy tuy có giúp họ quên đi nỗi cơ cực, nhưng lại ảnh hưởng nặng nề tới sức khỏe và hạnh phúc gia đình. Khi người đàn ông say khướt trở về nhà, họ trở thành người nóng tính, hay đánh đập vợ con. Rượu đã tàn phá sức khỏe của họ và làm con cái họ kém thông minh, thân thể yếu ớt. Tình trạng say sưa rất phổ biến ở nông thôn thời trước (ngay cả bây giờ đối với cư dân thành thị) nhưng chính quyền đô hộ vẫn cố tình làm ngơ, thậm chí ngầm khuyến khích, để giảm bớt sức đấu tranh của dân tộc Việt.

3.3. Giai đoạn độc lập và thống nhất đất nước dưới thời quân chủ

Bắt đầu từ thế kỷ X đến thế kỷ XX, trải qua ba triều đại nhỏ là Ngô (939-965), Đinh (968-980), Tiền Lê (980-1009) và bốn triều đại lớn: Lý (1009-1225), Trần (1226-1400), Lê (1428-1788), Nguyễn (1802-1945), xen kẽ với ba triều đại nhỏ là: Hồ (1400-1407), Hậu Trần (1407-1414), Tây Sơn (1788-1802). Người Việt ra sức củng cố nền độc lập non trẻ bằng các cuộc chiến thắng ngoại xâm: Lê Hoàn thắng quân Tống năm 981 và Lý Thường Kiệt thắng quân Tống năm 1077, Trần Hưng Đạo thắng quân Nguyên Mông vào các năm 1258, 1285, 1288, Lê Lợi thắng quân Minh sau mười năm chiến đấu, vua Quang Trung Nguyễn Huệ chiến thắng quân Xiêm (1785) ở Rạch Gầm, Xoài Mút và đại phá quân Thanh vào năm 1789.

Tinh thần ái quốc dâng cao khiến người Việt sẵn sàng hy sinh tình riêng gia đình vì đại nghĩa của đất nước. Bài học của giai đoạn này như giới thiệu cho người Việt, nam cũng như nữ, là phải biết bảo tồn dòng họ của mình, khi mở rộng tình gia đình thành gia tộc. Từng cá nhân phải biết hy sinh quyền lợi cho dòng tộc.

Sự gắn bó với dòng tộc đôi khi quá mức khiến nhiều người lại khép kín với đồng bào, chỉ tin tưởng bao che cho những người thân thuộc, tạo nên sự bất công đối với người khác đến độ “một người làm quan cả họ được nhờ”.

Gắn bó với những người đã khuất trong dòng tộc, người Việt chứng tỏ lòng thảo hiếu qua việc thờ cúng tổ tiên. Người Việt lập bàn thờ tại nhà với bài vị của những người đã khuất, cúng bái trong những ngày sóc, vọng, giỗ, Tết. Việc này tạo lại mối tương quan mật thiết với cả những người sống để xoá đi phần nào sự nghi ngại chia rẽ do thời đô hộ để lại.

Gắn bó với đời sống nông nghiệp, người Việt phát triển tình làng nghĩa xóm và các mối quan hệ đồng hương. Tuy nhiên, vì sống mãi trong lũy tre làng, thiếu giao tiếp để mở rộng tầm nhìn nên người Việt dễ hướng tới óc cục bộ, hẹp hòi đánh mất tinh thần trọng tài đức, trọng tình nghĩa trước đây. Cộng thêm bản chất nghi kỵ người khác của thời bị đô hộ để lại, óc cục bộ này đã được Nhà nước quân chủ chuyên chế khai thác tối đa trong tổ chức hành chính làng xã, địa phương, dẫn đến việc người Việt khó chấp nhận sự điều khiển, lãnh đạo của người không đồng hương với mình, coi thường luật pháp quốc gia “phép vua thua lệ làng”, coi thường cả những giá trị nhân bản như cạo đầu, bôi vôi, bỏ trôi sông những phụ nữ làm lỡ, chữa hoang. Óc cục bộ ấy vẫn còn mạnh mẽ trong thời đại ngày nay.

Trong thời kỳ này, chúng ta ghi nhận ảnh hưởng của Tam giáo Đông Phương, đặc biệt là Khổng giáo. Cả ba đều đến từ Trung Hoa, chỉ riêng Phật giáo lại chia làm hai ngã, theo con đường Đông Cỗ vào miền Bắc VN và theo con đường Hồ Tiêu vào miền Nam VN (x. Nguyễn Tạng, *Niên Giám Giáo hội Công giáo Việt Nam 2005*, tr.492-498).



Phật giáo ảnh hưởng nhiều đến quần chúng bình dân, nhất là dưới thời Lý - Trần, với thuyết Luân Hồi, với Tứ Diệu Đế, với luật Nhân Quả để

nuôi dưỡng lòng đạo đức, giải thích cho người dân hiểu về nguồn của bề khổ đời người là do lòng dục, vì thế muốn diệt khổ phải từ khước lòng dục của mình bằng cách theo Bát Chánh đạo.

Không giáo hay Nho giáo là hệ thống các nguyên tắc đạo đức, chính trị do Khổng Tử lập ra nhằm duy trì trật tự của xã hội phong kiến nên ảnh hưởng nhiều đến vua quan và quần chúng trong cách tổ chức xã hội ở Trung Hoa và

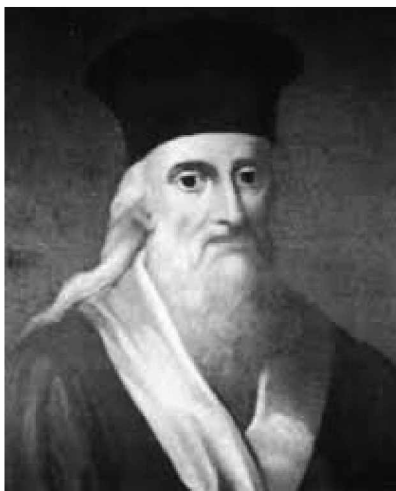


ảnh hưởng nhiều đến VN. Nho giáo khởi đầu với việc lập Văn Miếu (1070), Quốc Tử Giám và tổ chức thi cử (1076) và càng ngày càng chiếm ưu thế cho đến khi đạt được địa vị độc tôn vào thế kỷ XVIII-XIX. Người VN ứng xử trong các quan hệ cá nhân, gia đình, họ hàng, làng xóm, vua quan theo những chuẩn mực của lễ nghĩa Nho giáo như Tam cương - Ngũ thường, để có thể “tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ”.

Những chuẩn mực của Nho giáo có mặt tốt là giữ cho xã hội được trật tự ổn định, nhưng nhà nước quân chủ chuyên chế lại dùng chúng như một phương tiện áp chế con người, khi tôn vinh vua là “thiên tử” (con Trời) nắm trọn quyền sinh sát trong tay “quân xử thần tử, thần bất tử, bất trung”. Những vị Nho gia ăn theo chế độ ít người dám nghĩ, dám làm với tầm nhìn xa trông rộng để “trị quốc, bình thiên hạ” mà chỉ trở thành những nhà trí thức luẩn quẩn với những bài phú, bài thơ ca tụng chế độ, suy tôn mù quáng một con người dù người đó bất tài, thất đức hoặc nhai đi nhai lại những câu trích dẫn thuộc lòng trong Tứ Thư Ngũ Kinh. Cách học từ

chương và chế độ thi cử của Nho giáo này đã trói buộc những sáng kiến, suy tư của người Việt và còn ảnh hưởng đến ngày nay.

Chúng không những không cải tạo được tình trạng đa thê hay bất bình đẳng nam nữ, như ta từng thấy trong thời bị Trung Hoa đô hộ mà còn làm cho người phụ nữ càng bị lệ thuộc hơn vào người đàn ông “Trai thì năm thê bảy thiếp, gái chính chuyên chỉ có một chồng”, vào dòng họ của chồng “Lấy chồng thì phải theo chồng, lấy chồng phải gánh giang san nhà chồng”. Người phụ nữ chỉ còn là cái bóng của người đàn ông vì họ được dạy phải có đủ tam tòng “Tại gia tòng phụ, xuất giá tòng phu, phu tử tòng tử”, tứ đức “Công, dung, ngôn, hạnh” chứ không còn là một con người thật sự độc lập với tất cả giá trị làm người.



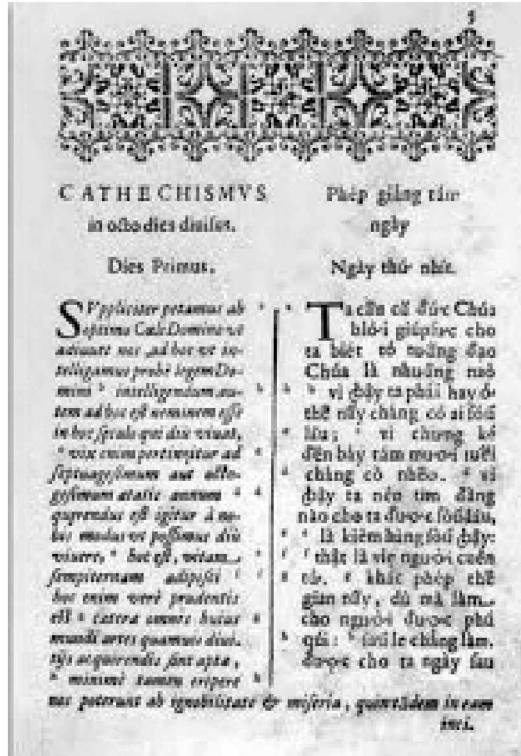
Sống trong nền quân chủ chuyên chế độc tài, người dân không được phép có nhiều phương tiện vật chất, nhiều nông nô vì sợ bị phân loạn. Nhưng dù có nhiều tiền họ cũng không được phép tiêu xài, không được cất nhà theo ý mình,

thậm chí không được ăn mặc theo ý thích. Họ cũng không được học rộng vì càng có nhiều tư tưởng mới lạ họ càng dễ ra ngoài sự kiểm soát của chính quyền: chỉ cần một câu thơ không rõ ý cũng có thể bị kết tội phản nghịch và bị tru di tam tộc. Mỗi làng chỉ có một vài người được đi học còn tất cả nam cũng như nữ, già cũng như trẻ đều đầu tắt mặt tối với công việc đồng áng. Chính sách ngu dân này làm cho người Việt không phát triển óc suy tư, sáng tạo, càng làm cho cuộc sống của họ thêm cơ cực, nghèo túng.

Cuối cùng, Lão giáo du nhập vào VN đồng thời với Phật giáo và Nho giáo ngay từ thời Bắc thuộc, đến đời vua Đinh Tiên Hoàng (cuối thế kỷ X) đã khá phát triển ở nước ta. Lão giáo chủ trương vô vi (không làm), “nghĩa là chủ ý cốt theo cách tự nhiên thanh tĩnh không cần phải làm gì, nghĩa là

muôn việc cứ phó mặc tự nhiên, không cần phải lo lắng, nghĩ ngợi mới hưởng sự khoái lạc phiêu diêu” (Toan Ánh, *Nếp cũ - Tín ngưỡng VN*, quyển Thượng, NXB TP.HCM, 1992, tr.221). Chủ trương này đúng ra là thái độ sống của những nhà trí thức Nho giáo. Dần dần đạo Lão đi vào các tầng lớp bình dân và biến thể thành những hình thức bí hiểm mê tín như phù phép, sấm ký, châu đồng, thẻ xăm, bói toán, với các thần tiên ẩn thân trong vạn vật: “bếp có Ông Táo, đất có Thổ Công, sông có Hà Bá”. Tuy nhiên, cái nhìn “linh hoá vạn vật” này lại giúp cho người VN vượt qua thái độ quá chuộng hình thức lễ nghĩa tỉ mỉ, vạn vật của Nho giáo để đến gần với thiên nhiên và tìm được sự khoáng đạt cho tâm hồn.

Chúng ta không thể không nhắc đến ảnh hưởng của Kitô giáo trong thời kỳ này. Kitô giáo được truyền vào VN là đạo Công giáo theo lễ nghi Rôma, qua các giáo sĩ dòng Đa Minh, dòng Phanxicô, dòng Augustinô người Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha vào thế kỷ XVI, nhất là các giáo sĩ dòng Tên vào thế kỷ XVII. Các giáo sĩ này nói được tiếng Việt, sáng lập ra chữ quốc ngữ và đóng góp nhiều về khoa học, cũng như xã hội cho các vua chúa của cả hai miền Nam Bắc. Họ truyền bá một giáo thuyết khác với Tam giáo Đông Phương về nhiều điểm nên gặp sự chống đối mãnh liệt của



vua quan, nhưng đó lại là những sự thật cơ bản. Sự thật đó là tất cả mọi người đều có giá trị cao quý như nhau vì đều là con cái Chúa, đều tự do và bình đẳng trước pháp luật chứ không phải vua có toàn quyền sinh sát trong tay, hôn nhân một vợ một chồng, nam nữ bình đẳng và có giá trị như nhau...

Điều không may cho Công giáo là vào thời điểm này, các đế quốc thực dân đi chiếm thuộc địa và các nhà truyền giáo lại theo chân họ vào VN gây nên nhiều hiểu lầm và cả những cuộc bách hại. Khi quân đội Pháp bắn thị uy vào cảng Đà Nẵng (1847) và nhanh chóng chiếm được các tỉnh miền Đông Nam Kỳ (1862), rồi đặt nền đô hộ từ 1862-1945 thì người VN như bừng tỉnh trước sức mạnh trời vượt về quân sự, khoa học, kỹ thuật của quân thù trước chính sách bệ quan toả cảng của vua quan, dẫn đến ngu dốt, lạc hậu, yếu kém. Họ giống như người Trung Quốc bừng tỉnh sau cuộc Chiến tranh Nha phiến (1839-1842) và thấy rằng: “Cái học nhà Nho đã hỏng rồi!” (Trần Kế Xương). Họ muốn được như người Nhật cởi mở với nền văn minh kỹ thuật của phương Tây nên phong trào Đông Du của Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Kỳ Ngoại Hầu Cường Để, phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục của Lương Văn Can... đã ra đời. Dân tộc VN bước vào một thời kỳ mới.

3.4. Thời kỳ phát triển và hội nhập với thế giới (1945-2000)

Ngày 02/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn Độc lập ở Hà Nội, khai sinh nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà. Ngay sau đó, thực dân Pháp trở lại xâm lược Đông Dương và nhân dân VN đã kháng chiến để bảo vệ nền độc lập. Thế giới vào thời điểm 1945-1975 chia thành 2 phe Tư bản và Cộng sản xung đột mãnh liệt với nhau. Do hoàn cảnh và vị trí đặc biệt, Việt Nam lại trở thành giới tuyến cho 2 phe phái trên đây. Sau chiến dịch Điện Biên Phủ (1954), với hiệp định Genève, người Pháp rút khỏi miền Bắc VN, nước VN tạm thời bị chia làm 2 miền theo vĩ tuyến 17: miền Bắc là nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà theo chế độ Cộng sản; miền Nam là nước Việt Nam Cộng hoà theo chế độ Tư bản. Từ năm 1964-1975, chính quyền Cộng sản ở miền Bắc lãnh đạo cuộc chiến tranh thống nhất đất nước. Ngày 30/4/1975, VN hoàn toàn thống nhất, lấy tên là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Trong cuộc chiến tranh, kẻ thù đã khai thác triệt để sự chia rẽ và phân hoá của người Việt có từ thế kỷ XVIII với Trịnh Nguyễn phân tranh, thế kỷ XIX-XX với ba miền Bắc - Trung - Nam của thực dân Pháp để “người Việt thù người Việt, người Việt giết người Việt”. Biết bao cuộc xung đột, giết hại nhau chỉ vì những sự khác biệt về tôn giáo, sắc tộc, ... để lại những di chứng cho đến ngày nay khiến cho người Việt càng khó cộng tác và tin tưởng lẫn nhau.

Bỏ qua sự khác biệt về nhiều lĩnh vực, cả hai chế độ có nhiều điểm tích cực đó là đóng góp vào tâm tính người Việt: tinh thần yêu chuộng những điều mới mẻ dựa trên khoa học kỹ thuật để phát triển đời sống, vượt qua những mê tín dị đoan thời trước và sự cố gắng làm việc để có nhiều phương tiện vật chất làm cho đời sống được ấm no, hạnh phúc.

Từ năm 1975 đến nay, người Việt cố gắng xây dựng lại đất nước bằng cách du nhập các lối sống và khoa học kỹ thuật của các nước trong cộng đồng thế giới. Họ trở thành những con người hiểu biết nhờ trình độ văn hoá được nâng cao. Nếu như trước kia, cả làng chỉ có một hai người biết chữ để làm văn tự, sổ sách, thì giờ đây hầu như mọi người đều được khuyến khích đi học, mọi trẻ em bắt buộc phải đi học. Qua việc học hành và các phương tiện truyền thông như báo chí, sách vở, phim ảnh, truyền thanh, truyền hình, và cả mạng lưới thông tin toàn cầu (internet), người Việt càng ngày càng thông thạo khoa học, phát triển nền kinh tế, khai thác được các nguồn tài nguyên phong phú của đất nước.

Nếu như trước đây, người VN có niềm tin mạnh mẽ vào Trời - Phật độ trì, vào thiên mệnh của Nho giáo, vào Thiên Chúa của Kitô giáo, vào Ông bà Tổ tiên chứng giám thì giờ đây niềm tin ấy đã suy giảm nhiều. Nhưng một khi con người đánh mất ý nghĩa của đời sống tinh thần, chối bỏ sự hiện diện của chủ thể luân lý tối cao thì người ta dám làm bất cứ điều gì để chiều theo những tham vọng và dục vọng!

Luật pháp không có khả năng khám phá tất cả những hành động bí ẩn của con người bắt nguồn từ trong tâm trí. Vì thế, khi tin vào một chủ thể luân lý tối cao nhìn thấu lòng mình (Trời cao có mắt), con người mới ý thức và tự nguyện sống theo lương tâm ngay chính, vượt qua những quyền

rũ của vật chất, đắm mê để sống đạo đức. Từ căn bản đạo đức này, người Việt mới có thể vượt qua những tệ nạn như: dối trá, tham nhũng, quan liêu, lãng phí, phá thai... đang tràn lan trong xã hội hiện thời. Như thế, suy cho cùng thì sự có mặt của các tôn giáo rất cần thiết cho xã hội. Một số ít người đã nhận ra điều ấy và đang cố vũ cho những lễ hội dân gian hoặc tham gia các lễ nghi tôn giáo. Nhưng nhiều người VN hiện nay chưa ý thức được điều này.

Vấn đề đặt ra cho chúng ta là làm sao xây dựng một nền đạo đức xã hội tôn trọng tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của mọi người thay vì mất nhiều sức lực cho những tranh cãi duy tâm- duy vật hoặc vô thần- hữu thần.

Kết luận

Chúng ta vừa thử tìm hiểu cấu trúc tâm lý - văn hoá xã hội của con người Việt Nam và thấy nhiều tầng xấu tốt xen lẫn, chồng chất lên nhau như những lớp đất của các tầng địa chất. Để trồng được cây lành trái ngọt hay xây dựng công trình lớn lao lâu dài cho dân tộc Việt Nam, chúng ta phải biết rõ từng lớp đất, loại bỏ những lớp đất bạc màu trước khi “trồng người”.

Công việc xây dựng và hoàn thiện giá trị con người VN thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đang mời gọi mỗi người cố gắng ý thức và hoàn thiện chính mình, nghĩa là loại trừ những tật xấu và tập luyện những tính tốt nơi mình. Nhưng công việc của từng cá nhân này chỉ có thể thực hiện với sự giúp đỡ của tập thể và cộng đồng để giúp họ khám phá ra những đức tính xã hội căn bản và những tật xấu thường có nơi người Việt. Sau đó phải tìm được những biện pháp hay đường hướng thích hợp để hoàn thiện nhân cách theo từng độ tuổi hay môi trường sống. Những công việc này đòi hỏi sự cộng tác chặt chẽ của các nhà tâm lý, khoa học, giáo dục cũng như các văn nghệ sĩ, những nhà truyền thông xã hội...

Riêng đối với người tín hữu Công giáo, chúng ta càng phải tích cực cũng như chủ động trong việc xây dựng và hoàn thiện giá trị con người VN theo Tin Mừng vì con người là đối tượng chính yếu trong công trình tạo

dựng của Thiên Chúa và là đích điểm cứu độ của Đức Giêsu Kitô. “Không có gì thực sự là của con người mà lại không gieo âm hưởng trong lòng người môn đệ Chúa Kitô” (Công đồng Vaticanô II, *Gaudium et Spes*, số 1).



Bài 24

Thể thao như một lĩnh vực của Tân Phúc Âm Hoá

Lời mở đầu

Chúng ta đã biết rằng *thể dục* được hiểu là hệ thống các động tác tập luyện, thường được sắp xếp thành bài nhằm giúp cho việc phát triển hài hoà của cơ thể, tăng cường và gìn giữ sức khoẻ; còn *thể thao* là những hoạt động nhằm nâng cao thể lực con người, thường được tổ chức thành các hình thức trò chơi, thi đấu theo những quy tắc nhất định.

Ở Việt Nam, nhiều linh mục, tu sĩ Công giáo ít quan tâm đến thể dục thể thao (TDTT) dù Công đồng Vaticanô II đã nhấn mạnh rằng: “*Thể dục và các hoạt*



động thể thao giúp chúng ta giữ được quân bình trong tâm hồn của mỗi cá nhân cũng như của xã hội, và giúp chúng ta thiết lập được các mối tương quan huynh đệ giữa mọi người không phân biệt giai cấp,

quốc gia hay chủng tộc. Vì thế, các Kitô hữu phải cộng tác vào việc đem tinh thần nhân bản và Kitô giáo thấm nhuần các sinh hoạt văn hoá tập thể, là những sinh hoạt đặc biệt của thời đại chúng ta” (x. CĐ.Vat II, Hiến chế Mục vụ *Gaudium et Spes*, số 61).

Trong phạm vi bài này, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu sơ qua về hiện trạng TĐTT trong cộng đồng tu trì để tìm ra những nguyên nhân tác động đến tình trạng này, tìm hiểu ích lợi của TĐTT trong đời sống tu trì và những đường hướng để cổ vũ sinh hoạt TĐTT trong cộng đồng linh mục hay tu sĩ để rồi qua đó ta hiểu được TĐTT trong đời thường của người tín hữu.

1. Hiện trạng thể dục thể thao trong đời sống tu trì

1.1. Số liệu liên quan

Tính đến ngày 31/12/2012, cộng đồng giáo sĩ, tu sĩ VN hiện nay có trên 4.441 linh mục, 4.195 chủng sinh, 2.679 tu sĩ nam, 17.280 tu sĩ nữ với hàng ngàn cơ sở lớn nhỏ để phục vụ 6.560.879 tín hữu giáo dân. Số cơ sở được các linh mục tu sĩ phục vụ gồm trên 2.500 giáo xứ lớn nhỏ, 1.435 nhà trẻ, lớp học tình thương; 84 trung tâm văn hoá; 155 trung tâm lo cho di dân, sinh viên và gia đình; 110 trạm xá, bệnh viện; 23 trại phong và tâm thần; 70 trung tâm dạy nghề... (x. Thống kê của Văn phòng Thư ký Hội đồng Giám mục Việt Nam, năm 2013).

1.2. Những phương tiện chưa hợp lý

Ngoại trừ 8 đại chủng viện trên toàn quốc có sân chơi thể thao cho các chủng sinh và khoảng một chục dòng tu nam lớn có sân chơi thể thao hay phòng tập thể dục cho các tu sĩ đang được đào tạo của dòng, còn hầu hết các cơ sở khác, nhất là các dòng tu nữ, đều không có sân chơi, không có phòng sinh hoạt để có thể tập thể dục hay kê một vài bàn bóng bàn cho các tu sĩ sử dụng.

Một số xứ đạo có khá nhiều đất trống bỏ hoang thay vì biến thành sân chơi cho thanh thiếu niên, hay có các phòng rộng lớn sinh hoạt giáo lý mỗi tuần một ngày còn các ngày khác để không, có thể kê

vải bàn bóng hay bàn đánh cờ vua cho các thanh thiếu niên. Nhiều tu viện có diện tích đất khá rộng, nhưng vẫn để trống đất hoặc làm vườn hoa, trồng cây cảnh trong khi các tu sĩ trẻ cần vận động thì lại thiếu sân chơi.

1.3. Thiếu ý thức và quan tâm

Tình trạng này bắt nguồn từ việc những người lãnh đạo các cộng đồng tu trì chưa ý thức được tầm quan trọng của TĐTT trong việc huấn luyện một nền nhân bản toàn diện cho con người cũng như giá trị của những hoạt động TĐTT trong đời sống tu trì. Công đồng Vaticanô II cũng nhắc nhở rằng: *“Những phương tiện như TĐTT sẽ không đem lại một nền văn hoá giáo dục toàn diện cho con người, nếu đồng thời con người không tìm hiểu ý nghĩa sâu xa của văn hoá và khoa học về thể dục và thể thao đối với con người”* (x. CĐ.Vat II, *Gaudium et Spes*, số 61).

Sự thiếu quan tâm về TĐTT không bắt nguồn từ việc thiếu những phương tiện như sân bãi, dụng cụ TĐTT, vì các cộng đồng tu trì có thể mua sắm hay xây dựng được, mà bắt nguồn từ việc không nhận ra tầm quan trọng của TĐTT trong đời sống cá nhân cũng như tập thể, trong sinh hoạt thường ngày, cũng như hoạt động truyền giáo. Nhiều người có trách nhiệm trong việc đào tạo đời tu đã không quan tâm tới vấn đề sức khoẻ toàn diện của những người mình có trách nhiệm, không đưa TĐTT vào chương trình đào tạo, không đưa việc tập luyện thể dục và chơi thể thao vào chương trình sống hằng ngày. Chỉ quan sát đời sống thực tế hay chương trình sống trong cộng đồng tu trì ta cũng thấy ngay được điều đó.

Nhiều tu sĩ trẻ muốn chơi thể thao mà cũng không dám chơi vì sợ bị chê trách, và nếu có chơi thì cũng chẳng biết chơi thể nào cho đúng kỹ năng và kỹ thuật của mỗi môn. Chúng tôi được biết một ít nữ tu trẻ tận dụng những phút rảnh rỗi hiếm hoi trong ngày chơi cầu lông 10-15 phút chỉ để cho ra mồ hôi và tắm cho đỡ lạnh, vì nhà dòng không có sẵn nước nóng. Một vài dòng nữ lớn cũng mua một vài bàn

bóng bàn nhưng do không có giờ chơi rõ ràng, không được ai tập luyện nên cuối cùng cũng để không, hoặc xếp vào góc nhà.

1.4. Hậu quả

Hầu hết các linh mục, tu sĩ nam trong thời gian được đào tạo ở chủng viện hay học viện, đã rất tích cực tham gia các hoạt động TĐTT, nhưng sau khi chịu chức linh mục hay khẩn trọng rồi lại không còn tập luyện nữa. Nhiều người nêu lý do là phải đảm nhận nhiều trách nhiệm hay công tác mục vụ nên



không sắp xếp được thời gian tập luyện cho chính mình hay chơi chung với người khác. Nhưng lý do chính yếu vẫn là thiếu ý thức về tầm quan trọng của TĐTT trong đời sống tự nhiên cũng như siêu nhiên của mình. Hậu quả của việc không sinh hoạt TĐTT thể hiện rõ qua hình thể bên ngoài của nhiều linh mục, tu sĩ không còn gọn gàng, động tác không còn nhanh nhẹn, sức khoẻ suy yếu nhanh chóng và mang nhiều bệnh tật. Đó là chưa kể đến những căng thẳng trong đời sống chung hay những dồn nén sinh lý không được hoá giải nhờ hoạt động TĐTT đã gây nên nhiều thiệt hại lớn lao khác như chứng thủ dâm, đồng tính luyến ái, nghiện trò chơi trực tuyến hay nghiện phim ảnh đồi trụy...

1.5. Tình trạng chung của cộng đồng xã hội

Tình trạng thiếu sinh hoạt TĐTT trong đời tu hiện nay cũng là tình trạng chung của cộng đồng xã hội. Đời sống kinh tế quốc dân còn nghèo, nên việc xây dựng các sân vận động để tạo điều kiện cho dân

chúng chơi thể thao hay tập thể dục có thể được cho là một nhu cầu chưa cần thiết đối với cộng đồng, vì có nhiều nhu cầu khác đáng quan tâm hơn, hoặc trở thành nhu cầu xa xỉ đối với người nghèo. Mọi khoản thu nhập của đa số người dân Việt Nam hiện nay hầu như được dùng cho việc ăn, uống (46%); đi lại và bưu điện (17,22%); giáo dục (7,83%); đồ dùng (6,42%); nhà ở - điện nước - vệ sinh (6,07%); y tế (5,27%); may mặc (3,63%) và các chi phí khác (3,85%). Người dân chỉ dành cho mục văn hoá, thể thao, giải trí có 3,87% thu nhập, trong đó hầu hết cho văn hoá và giải trí, còn thể thao dường như là con số không (x. Cục Thống kê, *Thống kê TP.HCM 2010*, tr.324).

2. Nguyên nhân dẫn đến tình trạng

2.1. Những lý do cụ thể

Vì TDTT là những yếu tố cần thiết trong việc đào tạo một nền nhân bản toàn diện cho con người, chứ không phải chỉ riêng cho đời tu hay đời sống Kitô hữu, nên sinh hoạt TDTT được phổ biến rộng rãi trong cộng đồng xã

hội. Lịch sử văn minh nhân loại đã minh chứng điều đó, khi các môn thể thao được tổ chức ngay từ những thế kỷ đầu tiên của Công nguyên trong nền văn minh Hy Lạp. Còn ở châu Á, các nhà sư Thiểu Lâm, các ni cô



+`phái Nga Mí ở Trung Hoa tập võ để vừa rèn luyện thân thể vừa hoạt động cứu đời, là những thí dụ điển hình của hoạt động thể thao trong đời tu.

Trong thực tế hiện nay, người ta thấy các giáo sĩ và tu sĩ ít quan tâm đến hoạt động TĐTT, dù những hoạt động này là một phần cơ bản trong đời sống con người và sinh hoạt xã hội. Thực tế này có thể bắt nguồn từ quan niệm về đời tu như một sự tách biệt với đời thường trong xã hội. Tất cả các sinh hoạt hằng ngày của đời tu tập trung vào lĩnh vực tri thức với những giờ học, giờ đào tạo tinh thần; vào lĩnh vực thiêng liêng với những giờ phụng tự và cầu nguyện; và vào lĩnh vực mục vụ tông đồ với những công việc thuộc trách nhiệm như coi giáo dân, dạy trẻ..., nhưng hầu như bỏ quên hay xem thường lĩnh vực thể chất với những việc ăn uống, ngủ nghỉ, TĐTT...

Tuy nhiên, đây có thể là một sự lầm lẫn quan trọng trong công tác giáo dục và đào tạo hiện nay, vì lĩnh vực thể chất được coi như nền tảng để xây dựng và phát triển ba lĩnh vực kia. Vì thế, cách ngôn người Rôma từ ngàn xưa đã có câu: “Hồn lành trong xác mạnh” (*Mens sana in corpore sano*). Nếu chúng ta nghiên cứu Sắc lệnh Đào tạo Linh mục (SLĐTLM) (*Optatam Totius*) và Sắc lệnh Canh tân Thích nghi Đời sống Dòng tu (SLCTTTĐSDT) (*Perfectae Caritatis*) của Công đồng Vaticanô II, chúng ta thấy lĩnh vực này chưa được quan tâm đúng mức vì không trực tiếp nhắc đến TĐTT trong công tác đào tạo đời tu. Có thể đây cũng là một lý do để những nhà đào tạo không đưa TĐTT vào chương trình đào tạo cơ bản chẳng?

Từ đó, những người có trách nhiệm trong các chủng viện và học viện cũng chưa quan tâm đủ đến những giờ tập thể dục, chơi thể thao, giải trí trong chương trình sống hằng ngày. Người ta coi thường việc ăn uống: ăn thế nào cũng được, uống thế nào cũng xong, mà không tính toán lượng thực phẩm có đủ chất bổ dưỡng cho sinh hoạt hằng ngày hay không; không dạy cách ăn uống, ngủ nghỉ, vui chơi như những bài học cơ bản; không quan tâm đến việc xây dựng những nhà vệ sinh cho hợp lý, hoặc cung cấp đủ những phương tiện vệ sinh cần thiết, đủ nước nóng trong mùa lạnh... cho các thành viên.

Hơn nữa, người ta cũng quên đi tính chất cộng đồng xã hội trong những trò chơi thể thao, nên việc thể thao trong đời tu hiện nay chỉ còn mang tính tự phát, cá nhân riêng lẻ. Trong khi đó, xã hội hiện nay tôn

vinh những vận động viên TĐTT như những anh hùng của đất nước trong những cuộc tranh tài thế giới hoặc giới trẻ tôn vinh những vận động viên nổi tiếng như những thần tượng. Tôi nhớ khi còn được đào tạo tại Giáo hoàng Học viện Thánh Piô X ở Đà Lạt trong những năm 1966-1975, các cha Dòng Tên nhắc nhở chúng tôi tầm quan trọng của TĐTT trong đời sống tu trì, khi đầu ỏm chúng tôi có thể bỏ dự Thánh lễ không cần xin phép nhưng không bao giờ được phép tự động bỏ giờ chơi ban chiều.

Tóm lại, việc coi thường TĐTT trong đời tu hiện nay bắt nguồn từ sự thiếu ý thức về giá trị cũng như tầm quan trọng của TĐTT trong việc gìn giữ sức khoẻ, trong sinh hoạt cộng đồng xã hội cũng như trong công tác loan báo Tin Mừng. Tuy nhiên, chúng ta tự hỏi nguyên nhân sâu xa nào dẫn đến tình trạng này.

2.2. Nguyên nhân sâu xa là ảnh hưởng của thuyết Nhị Nguyên

Nhiều linh mục, tu sĩ vẫn còn giữ quan niệm *Nhị Nguyên* sai lạc của hàng chục thế kỷ trước đây: coi thường thân xác, cho rằng thân xác thuộc về ma quỷ và tinh thần mới thuộc về Thiên Chúa; thân xác vật chất thì nặng nề, chiều theo những dục vọng xấu xa nên cần phải hãm mình ép xác, ăn uống kham khổ để làm chủ được dục vọng, cho tinh thần nhẹ nhàng thanh thoát, có thể vươn lên và bay bổng tới Thiên Chúa.

Do đó, TĐTT bị coi là những lĩnh vực thuộc về thể xác không đáng quan tâm, thậm chí còn bị coi là nguy hiểm, tội lỗi vì đó là những hành vi chiều chuộng thân xác. Quan niệm này đã bị Công đồng Vaticanô II lên án và xác định: *“Con người duy nhất với xác và hồn. Xét về thể xác, con người là một tổng hợp những yếu tố thuộc thế giới vật chất. Vì thế, nhờ con người, những yếu tố ấy đạt được tới tuyệt đỉnh của chúng và tự do dâng lời ca tụng Đấng Tạo Hoá. Vậy con người không được khinh miệt đời sống thể xác. Trái lại, con người phải coi thân xác mình là tốt đẹp và đáng tôn trọng vì thân xác ấy do Chúa tạo dựng và được sống lại vào ngày sau hết”* (x. CĐ.Vat II, *Gaudium et Spes*, số 14).

Cũng từ quan niệm Nhị Nguyên này, nhiều người vẫn kể thân xác là một trong ba kẻ thù: “ma quỷ, thể gian, xác thịt “. Họ không quan tâm đến sự hợp nhất linh hồn và thân thể (x. *GLHTCG*, các số 327, 360, 362-368, 382). Người ta sợ rơi vào não trạng tôn thờ thân xác, tôn thờ những ngẫu tượng, thần tượng trong thể thao mà nhiều bạn trẻ đang chạy theo và tôn sùng những vận động viên nổi tiếng hiện nay, nhất là muốn loại bỏ não trạng chọn lọc người khoẻ, đẹp và loại bỏ người yếu, xấu vì có thể dẫn tới việc làm băng hoại các tương quan giữa con người (x. *GLHTCG*, số 2289).

2.3. Cũng từ quan niệm Nhị Nguyên này người ta cho TĐTT là thừa thãi vì mất giờ, mất sức, tốn tiền. Nhiều tu sĩ cho rằng thể thao chỉ thích hợp cho người ở ngoài đời, có điều kiện, nhưng không hợp với đời tu, vì các môn thể thao phục vụ thân xác, thiếu sự điều độ nét na khi các vận động viên hay những người chơi thể thao phải ăn uống tẩm bổ hay mặc những quần áo thể thao có vẻ khoe những phần thân thể nhạy cảm, hoặc lộ liễu của từng môn chơi.

3. Ích lợi của thể dục thể thao

3.1. Đào tạo toàn diện con người

Con người toàn diện gồm nhiều lĩnh vực: thể chất và tinh thần, nội tâm và ngoại giới, cá nhân và cộng đồng, tự nhiên và siêu nhiên. Thể dục và thể thao mang lại rất nhiều những ích lợi cho việc phát triển toàn diện con người và xã hội mà những người sống đời tận hiến không thể xem thường. Chúng ta có thể tóm tắt các ích lợi chính sau đây:

3.1.1. Về lĩnh vực thể chất và tinh thần

TĐTT giúp tăng cường sức khoẻ thể xác và tinh thần. Khi con người tập thể dục, chơi thể thao các bộ phận trong cơ thể đều được vận động và phối hợp hài hoà, dẫn đến việc tăng cường sức khoẻ, chống lại bệnh tật và thích nghi được với sự thay đổi thời tiết. Nhờ đó, con người sống an vui và hạnh phúc, ổn định cả về thể xác cũng như tinh thần.

Tôi còn nhớ cách đây nhiều năm, khi đến giảng tĩnh tâm năm cho các nữ tu dòng Mến Thánh Giá Cần Thơ tại Sóc Trăng. Thấy các chị em da mặt xanh xao, sức khoẻ suy yếu nên tôi đã đề nghị với chị Tổng Phụ trách khuyến khích các chị em tập thể dục và chơi thể thao. Sau tuần tĩnh tâm, chị Tổng Phụ trách đã làm 1 sân bóng chuyền, mua 2 bàn bóng bàn để các chị em chơi thể thao. Một vài khoảng trống trong sân vườn dành cho các chị em cao tuổi chơi bóng ném hoặc cầu lông. Kết quả là khi trở lại giảng tĩnh tâm năm sau cho các chị em, tôi thấy gương mặt chị em hồng hào hơn, nhiều chị em trước đây bị bệnh đã khoẻ mạnh hơn. Chị Tổng Phụ trách cho biết số tiền dành để mua thuốc, chữa bệnh của chị em giảm xuống rất nhiều, so với số tiền chi cho việc làm các sân bóng và mua dụng cụ thể thao vẫn còn dư. Cuộc sống trong tu viện cũng thay đổi hẳn: các chị em vui tươi, cởi mở và thành công hơn trong lĩnh vực học hành, tu đức cũng như xã hội, nhất là khi các chị nhận lời tham gia giải bóng chuyền nữ của thị xã Sóc Trăng.

3.1.2. Về lĩnh vực nội tâm và ngoại giới

Con người khám phá ra mình hiện hữu như một cái tôi độc lập, có khả năng hiểu mình, làm chủ mình và tự quyết về mình (x. *HTXHCG*, số 131). Khoa tâm lý học cũng khám phá ra cấu trúc phức tạp của tinh thần với những tầng lớp: ý thức, tiềm thức và vô thức tác động lên nhau, cũng như những khả năng lạ lùng của con người với trí nhớ, trí hiểu, trí tưởng tượng, ý chí, cảm năng, hoạt năng, khiến cho mỗi người trở thành độc đáo với sứ mạng riêng. Chính khi tập thể dục, chơi thể thao, con người phát triển những khả năng tiềm tàng đó, nhờ việc luyện tập thường xuyên và chơi chung với nhau.

Ngoài ra, việc luyện tập TĐTT còn giúp cho con người phát triển những đức tính nhân bản cần thiết cho đời sống tu trì như đức khiết tịnh, vâng phục, bác ái. Khi giảng tĩnh tâm cho một số dòng tu, nhiều lần người phụ trách tu viện yêu cầu tôi nói về đức khiết tịnh và đồng tính luyện ái. Tôi giới thiệu phương thức TĐTT như một yếu tố quan trọng giúp giảm bớt những đòi hỏi của dục tính, dẫn đến việc thủ dâm, vì sức lực tràn trề của tuổi trẻ được giải toả thành những hoạt động

tiêu hao năng lượng trong thể dục, thể thao (x. CD Vat.II, Sắc lệnh Đào tạo Linh mục, số 10; Sắc lệnh Canh tân Dòng tu, số 12).

Các quy luật trong thể dục và nhất là thể thao cũng yêu cầu người tập phải tuân thủ cách chặt chẽ. Và đây cũng là một sự trợ giúp cho đức tính vâng phục của đời tu. Khi chơi thể thao, người ta cần phải biết chơi chung với nhau, cộng tác với nhau, nhường nhịn nhau, cùng theo đuổi một chiến thuật thì mới có thể cùng nhau chiến thắng. Đó là phương thức giúp luyện tập và thể hiện đức bác ái trong đời tu.

Thể dục và thể thao còn giúp người ta luyện tập đức kiên nhẫn, hiền hoà, cao thượng, bình tĩnh

khi đánh hỏng hay bị thua thay vì cau có, chửi bới, la hét bần bè hoặc chơi xấu, giở những thủ đoạn để chiến thắng đối phương. Khi còn sống ở Tiểu Chủng viện thánh Phanxicô Xaviê thuộc Giáo phận Bùi Chu trong những năm 1959-1965, nay là Trường Trung học Bùi Thị Xuân, ở đường Bùi Thị Xuân, Quận 1, TP.HCM, mỗi tháng các chủng sinh được nghe đọc về Quy luật Sống, tôi nhớ mãi điều luật khi chơi thể thao: “Chơi sao cho có tinh thần hiệp sĩ và đức bác ái để thắng không kiêu, bại không nản”. Với tinh thần này, đội bóng chuyên của trường tôi hồi đó với các anh như Lm. Lê Quang Đăng, Lm. Đỗ Duy Thản, anh Lê Đình Bằng... đã vô địch các trường trung học của thành phố Sài Gòn trong nhiều năm liền.



3.1.3. Về lĩnh vực cá nhân và cộng đồng

TDTT là phương cách giúp con người thể hiện tinh thần tập thể và tôn trọng những mối tương quan trong xã hội như người ta phải tôn trọng các vị trí, vai trò của các cá nhân trong một sân bóng: người thuộc hàng tiền vệ giữ vai trò tấn công, người ở hàng hậu vệ có nhiệm vụ phòng thủ... Qua việc tập thể dục và chơi thể thao, người ta cũng biết tôn trọng vai trò và thể hiện trách nhiệm của mình đối với gia đình và xã hội. Hơn nữa, người ta còn tập được tinh thần lãnh đạo khi biết phân công nhiệm vụ thích hợp cho đồng đội trong những trận đấu, cũng như phân chia sức lực cho những đường đua dài để chiến thắng.

3.1.4. Về lĩnh vực tự nhiên và siêu nhiên

TDTT giúp cho con người làm chủ bản thân, nhận ra giá trị cũng như những giới hạn của mình để hướng tầm nhìn về Chúa là nguồn sức mạnh và sự sống, nguồn hạnh phúc và chân thiện mỹ. TDTT tập cho con người biết làm chủ bản thân, với những tình cảm, thời giờ, tài năng, và cả những tham vọng, dục vọng. Muốn thắng tiên trong lĩnh vực này, con người phải biết kiềm chế để chơi đẹp trên sân bóng, để không ham chơi đến độ bỏ học hành làm việc, phải biết sống điều độ, không “rượu chè, trai gái” để giữ sức khoẻ cho những trận đấu. Khi bị thua thiệt hay thất bại, người chơi vẫn tin vào Chúa biết rõ mọi sự để tha thứ và cảm thông cho sự yếu đuối, bất toàn của con người như khi bị bắt lỗi sai, tính điểm thua trong trận đấu, cũng như giữ được bình tĩnh và cao thượng mỉm cười với bạn bè khi họ đánh hỏng, làm mất cơ hội thắng điểm.

Tôi còn nhớ mãi lần giúp tĩnh tâm năm cho các linh mục Giáo phận Cần Thơ, vào các buổi chiều trong tuần tĩnh tâm, ban tổ chức cho các cha chơi và thi đấu thể thao. Thời đó, Đức Hồng y Gioan Baotixita của Tổng Giáo phận TP.HCM hiện nay còn làm cha giám đốc Đại Chủng viện Thánh Quý ở Cái Răng, Cần Thơ. Vui nhất là các anh em được sống lại tinh thương yêu trên sân bóng đá với những màn đá hụt của các cha già hay té ngã của những anh em bụng to quá khổ! Những căng thẳng, mệt mỏi của đời mục vụ hay của tuần tĩnh tâm biến đi đâu hết! Chỉ còn tiếng cười, chỉ còn niềm vui!

3.2. Tạo điều kiện cho việc loan báo Tin Mừng

3.2.1. Trong dòng lịch sử

TDDT tuy không phải là đối tượng trực tiếp hay nội dung Tin Mừng nhưng có thể là phương tiện đóng góp trực tiếp vào việc loan báo Tin Mừng. Ta có thể kiểm chứng điều này trong dòng lịch sử.

Các vận động viên trong các cuộc thi đấu Olympic Hy Lạp hay Rôma đều cầu khẩn các thần linh của mình trước khi thi đấu và nếu họ thắng giải trong cuộc tranh tài, thì dân chúng công nhận thần linh đó mạnh hơn đối phương. Đây cũng là một trong các lý do khiến người tín hữu Công giáo thời xưa xa lánh sân vận động. Ở Trung Hoa, các vị sư phái Thiếu Lâm hay các ni sư của nhiều hệ phái khác nhau luyện tập võ nghệ, dạy võ cho quần chúng vừa để cho mình khoẻ mạnh vừa bênh vực kẻ yếu trong xã hội, cũng là những tấm gương sáng thúc đẩy quần chúng tìm hiểu và theo đạo Phật.



Ở Việt Nam, vào những thời kỳ khó khăn và bị bách hại, đạo Công giáo được truyền bá nhanh chóng một phần cũng nhờ các nhà truyền đạo thời đó biết lợi dụng lòng ham chuộng TDDT của quần chúng. Vào các chiều thứ Bảy, Chủ Nhật, cộng đồng Công giáo tổ chức thi các trò chơi như đi cầu tre, bắt vịt dưới ao nhà thờ, kéo dây, đánh cầu... và cho cả lương dân tham dự. Mọi người đều cười vui khi thấy các chàng trai bị té xuống hồ nước vì trơn trượt trước khi nắm được phần thưởng treo ở đầu cây tre cắm giữa hồ. Trong các buổi chơi đó lương dân thấy được đời sống vui tươi, chan hoà tình bác ái của người Công giáo, cảm phục và nhiều người đã theo đạo. Ngay từ năm

1885, tỷ lệ dân số Công giáo Việt Nam đã đạt tới 7% so với dân số cả nước, tuy nhiên cho tới ngày nay, sau 128 năm, tỷ lệ ấy không những không tăng mà còn đang có chiều hướng giảm (x. *Niên giám Giáo hội Công giáo Việt Nam 2005*, NXB Tôn Giáo, 2005, tr.195-199).

3.2.2. Ngày nay, các vận động viên thắng giải trong các cuộc thi đấu thể thao quốc tế hay quốc gia vừa là những anh hùng nói lên sự ưu việt của dân tộc hay địa phương mình, vừa là gương mẫu cho các thể hệ khác noi gương. Do đó, ta không lạ gì khi thấy nhiều dân tộc, nhiều tổ chức dùng TĐTT như phương tiện để quảng cáo cho đất nước hay tổ chức của mình. Tại sao Giáo hội Công giáo, nhất là Giáo hội Việt Nam không dùng phương tiện này để loan báo Tin Mừng?

3.2.3. Chúa chúng ta không muốn con người rơi vào lầm lạc của phái Nhị Nguyên hay phái Khắc Kỷ để coi thường thân xác, nên đã cho Con của Ngài là Ngôi Lời Thiên Chúa nhận lấy xác thịt (x. Ga 1,14) trở thành Đức Giêsu Kitô, trở thành con người giống chúng ta (x. Pl 2,7) trong mọi sự, chỉ trừ tội lỗi (x. Dt 4,15; CĐ. Vat.II, *Gaudium et Spes*, số 22), để cứu độ con người toàn diện. Nếu Đức Giêsu đã trở nên giống con người trong mọi sự thì chúng ta được quyền tưởng tượng trẻ Giêsu cũng chơi đánh cầu, đánh khăng, đá bóng như các trẻ em cùng thời. Người coi trọng thân xác nên đã hoá bánh ra nhiều cho kẻ đói ăn, chữa lành bệnh tật, xua trừ ma quỷ thay vì hô hào ăn chay, hãm mình phạt xác như các luật sĩ, biệt phái và các môn đệ của ông Gioan Tẩy Giả thường làm (x. Mt 9,14-17). Người muốn các môn đệ mình phải khoẻ mạnh cả về tinh thần lẫn thể xác. Người nói: “Từ thời ông Gioan Tẩy Giả cho đến bây giờ, Nước Trời phải đương đầu với sức mạnh, ai mạnh sức thì chiếm được” (Mt 11,12). Cuối cùng, Người đã chịu đóng đinh, chết nhục nhã và sống lại bằng chính thân xác ấy vì muốn dạy ta biết dùng thân xác mình để mang ơn cứu độ cho muôn loài.

Thánh Phaolô, có lẽ qua chính kinh nghiệm bản thân của mình, nhiều lần nhắc đến thể thao: “*Anh em không biết sao, trong cuộc chạy đua trên thao trường, tất cả mọi người đều chạy, nhưng chỉ có một người đoạt giải. Anh em hãy chạy thể nào để chiếm cho được phần*

thường. Phàm là tay đua, thì phải kiên kỳ đủ điều... Vậy tôi đây cũng chạy như thế, chứ không chạy mà không xác tín; tôi đấm như thế, chứ không phải đấm vào không khí” (1Cr 9,24-27). Hoặc: “...vì tôi đã không chạy uống công và đã không lao nhọc vô ích” (Pl 2,16). Hay: “Hãy kiên trì chạy trong cuộc đua dành cho ta” (Dt 12,1).

3.2.4. Tuy đã nhận được gương sống của chính Đức Giêsu

và lời dạy bảo của thánh Phaolô, nhưng tại sao người tín hữu Công giáo



vẫn quay lưng với TĐTT? Câu trả lời phải tìm lại trong lịch sử của chính TĐTT cũng như lịch sử hình thành Kitô học.

Người Công giáo ngại ngùng với thể thao, xa lánh sân vận động vì trong suốt 3 thế kỷ đầu cho đến năm 313, (khi hoàng đế Constantinus ra sắc chỉ Milan nhìn nhận Công giáo là tôn giáo hợp pháp trên toàn đế quốc Rôma), thể thao không còn mang tính tranh tài trong sáng của Olympic Hy Lạp, nhưng trở thành nỗi ô nhục và kinh hoàng cho tín hữu Công giáo. Sân vận động là nơi hành hình tín hữu, các thanh niên trở thành những tên nô lệ phải giác đấu cho đến chết, các phụ nữ và trẻ em thành miếng mồi ngon cho thú dữ cắn xé để mua vui cho quần chúng trên khán đài.

Lịch sử hình thành Kitô học còn giúp ta hiểu tại sao cho đến thế kỷ 20, Công giáo vẫn bị ảnh hưởng nặng nề của thuyết Nhị Nguyên vì trong 5 thế kỷ đầu tiên, các nhà thần học đề cao thần tính của Chúa Giêsu và cho nhân tính của Người nhỏ bé như giọt mật tan trong đại dương bao la của thần tính. Sau những tranh cãi gay gắt của các

trường phái về sự phối hợp giữa hai bản tính nơi Đức Giêsu và với định tín của Công đồng Calcêđônia năm 451, thần học Công giáo không dám nói về Đức Giêsu cho đến giữa thế kỷ 20, ngoại trừ một ít phát biểu của vài vị thánh nổi tiếng như Augustinô, Tôma Aquinô. Theo các nhà thần học này chỉ có Đức Giêsu nhận lấy bản tính nhân loại tốt lành trước khi nguyên tổ Adam phạm tội, còn mọi người đều mang bản tính đã bị hư hỏng vì tội nguyên tổ, nên thân xác là nguồn gốc mọi tai hoạ và hư hỏng của con người. Công đồng Vaticanô II và sách Giáo lý của Hội thánh Công giáo đã giải thích cho chúng ta hiểu Đức Giêsu mang lấy bản tính con người sau khi Adam phạm tội (x. Dt 4,15; CĐ. Vat.II, *Gaudium et Spes*, số 22; *GLHTCG*, số 461-483), để mời gọi ta quý trọng thân xác của mình.

3.2.5. Hơn nữa, người Công giáo chỉ có thể làm chứng cho Tin Mừng về Ngôi Lời Nhập Thể, làm chứng cho Chúa là nguồn chân thiện mỹ nếu chúng ta dám thay đổi cách sống, từ bao nhiêu thế kỷ nay đã bị ảnh hưởng bởi thuyết Nhị Nguyên và phái Khắc Kỷ để coi thân xác là thù địch của linh hồn thay vì coi thân xác là phương tiện mang lại ơn cứu độ. Cho đến đầu thế kỷ XX, nhiều dòng tu vẫn có những luật lệ hết sức nghiêm khắc về cách ăn uống, hãm mình, đánh tội để kiểm chế những dục vọng. Với một thân xác yếu nhược tàn tạ, nhiều tu sĩ cũng không đủ điều kiện để phát huy những tài năng tinh thần. Nói như thế không phải chúng tôi cổ vũ cho một đời sống phóng túng, không cần đến việc hy sinh, hãm mình. Quả thực, việc ăn chay hãm mình thật sự vẫn có giá trị trong đời tu để giúp ta gắn bó mật thiết với Đức Kitô như vị Hôn Phu nhưng không phải theo hướng thù địch với thân xác.

Người ngoài Công giáo làm sao có thể nhận ra Thiên Chúa là nguồn mọi sự tốt đẹp qua những thân xác yếu đuối, khuôn mặt xanh xao, cơ thể bệnh tật dù đang ở tuổi thanh niên hay trưởng thành? Đời sống tu sĩ với chương trình sống điều độ, nếu được đào luyện TĐTT, chắc chắn sẽ giúp cho người linh mục, tu sĩ nam nữ có sức khoẻ dẻo dai để học hành làm việc, phục vụ tha nhân, có thân thể cân đối, ngay cả xinh đẹp, để có sức thu hút người khác đến với Đức Kitô. Nhất là

đối với con người có khuynh hướng duy thực, duy nghiệm hiện nay thì thân xác tươi trẻ khoẻ mạnh chính là hình ảnh sống động của Tin Mừng. Cách ngôn Việt Nam ta có câu: “Xem mặt mà bắt hình dong, con lợn có béo thì lòng mới ngon” kia mà!

Hơn nữa nếu các xứ đạo, tu viện biết lợi dụng những khoảng đất trống cho TĐTT để quy tụ thanh thiếu niên ham thích vận động cũng như những người già lão mong muốn tập những bài thể dục dưỡng sinh, thì những nơi ấy chính là điểm gặp gỡ và giới thiệu Đức Kitô cho người khác một cách sống động và hiệu quả, có thể còn hiệu quả hơn cả những buổi cầu nguyện hình thức, những bài giáo lý khô khan hoặc trình diễn thánh ca một đôi lần trong năm. Những cuộc thi đấu TĐTT tại các xứ đạo hoặc dòng tu sẽ trở thành những dịp rao giảng Tin Mừng về mẫu nhiệm Nhập Thể và nhập thể của Ngôi Lời một cách rõ ràng và hiệu quả cho người ngoài Công giáo.

Chúng ta hãy tưởng tượng qua việc đào tạo bài bản, qua việc tập luyện thường xuyên về TĐTT, những linh mục, tu sĩ vừa trở thành huấn luyện viên cho các bộ môn trong xứ đạo hay cộng đồng xã hội, vừa có thể trở thành những vận động viên tham gia vào hoạt động TĐTT của địa phương. Điều này sẽ giúp cho dân chúng hiểu rõ hơn về việc hội nhập của Tin Mừng vào đời sống văn hóa xã hội. Hơn nữa, với tinh thần tập luyện của người tín hữu cũng như với ơn Chúa, chúng ta có thể chiếm được những giải thưởng cao quý như vô địch toàn thành, vô địch quốc gia. Lúc ấy ảnh hưởng của những vận động viên Công giáo hay của dòng tu sẽ là lời mời gọi người khác, nhất là các thanh thiếu niên, đến với Đức Kitô hay đến với đời sống tu trì.

4. Làm gì để cổ vũ TĐTT trong cộng đồng tín hữu?

Chúng tôi xin đưa ra vài đường hướng cơ bản để các cộng đồng tu trì có thể tự tìm câu trả lời cụ thể cho cộng đồng mình.

– *Đưa TĐTT vào chương trình đào tạo rõ ràng:* Mỗi năm mời các chuyên gia TĐTT để huấn luyện cho linh mục, chủng sinh, tu sĩ một số môn thể thao: học cách chơi, luật chơi, tổ chức chơi trong xứ đạo như cầu lông, bóng bàn, bóng ném, bóng đá, cờ vua,... và xem

TDDT là phương tiện truyền giáo hữu hiệu cho giới thanh thiếu niên vì TDDT phổ biến hơn đối với lương dân và cộng đồng xã hội.

– *Đưa TDDT vào chương trình sống hằng ngày*, để tạo điều kiện cho mọi người trong cộng đồng, nhất là đối với các người trẻ, mỗi ngày có 45 phút hoặc một giờ chơi thể thao, cộng thêm những phút tập thể dục ban sáng. Trong giờ thể thao mọi người đều được yêu cầu phải chơi, trừ trường hợp đau bệnh. Người yếu, cao tuổi có thể đi bộ. Mùa thi không được bỏ chơi để học bài.

– *Tạo điều kiện để chơi*: Mua bóng, vợt, lưới, cầu... Nếu cộng đồng có khả năng, có thể làm cả sân chơi, nhà chơi, tổ chức các đội bóng (bóng chuyên, bóng đá, bóng bàn, cầu lông, cầu mây...) và khuyến khích thi đấu với các cộng đồng khác.

- *Tạo điều kiện để biết chơi, chơi hay, chơi đẹp*: nhờ những huấn luyện viên thể thao vào biểu diễn hoặc cùng chơi để huấn luyện cho các chủng sinh, tu sĩ thấy cái hay cái đẹp của những môn thể thao mình muốn tập, giới thiệu những đoạn phim về TDDT (có rất nhiều trên mạng internet).



– *Các bề trên dòng tu, các linh mục coi xứ đạo nên tham gia trực tiếp hay gián tiếp các hoạt động TDDT*, khi có dịp, nhằm cổ vũ tinh thần “chơi cho khoẻ để phục vụ Chúa và tha nhân” thay vì có thái độ lãnh đạm, hoặc ngăn cấm.

– *Tổ chức các giải thi đấu* giữa các tu viện, giáo xứ, giáo phận về những bộ môn thể thao có nhiều quần chúng tham gia như: bóng bàn,

bóng chuyền, bóng đá, cầu lông, cầu mây... để tạo điều kiện gặp gỡ, giao lưu giữa các cộng đồng trong và ngoài Công giáo. Các giải này có phần thưởng, có sự tham dự của lãnh đạo Giáo Hội.

– *Tổ chức các buổi thuyết trình, hội thảo về các đề tài liên quan đến TĐTT trong lĩnh vực đào tạo nền nhân bản toàn diện, lĩnh vực truyền giáo, lĩnh vực tu đức, trong việc thể hiện 3 Lời Khấn, trong màu nhiệm Nhập Thể và nhập thể của Ngôi Lời Thiên Chúa... để gây ý thức cho cộng đồng.*

Kết luận

Niềm mơ ước của chúng tôi là mỗi linh mục, mỗi tu sĩ, mỗi Kitô hữu qua TĐTT, sẽ trở thành hình ảnh sống động của Chúa Kitô, thu hút người khác đến với Chúa Cha bằng chính con người khoẻ mạnh, tốt đẹp, cởi mở, quảng đại, đầy quyền năng như Đức Giêsu.

Chúc các bạn an lành và tràn đầy ơn Chúa.



Bài 25

Đối thoại với người chưa tin: Tôn giáo như một nét văn hoá mới

Lời mở

Trong sứ mạng loan báo Tin Mừng Chúa Giêsu Kitô cho muôn loài, nhất là cho đồng bào Việt Nam, chúng ta cần phải đối thoại với anh chị em không có tôn giáo vì họ là thành phần chiếm đa số trong cộng đồng xã hội và có khả năng làm thay đổi xã hội. Theo Thống kê Dân số Toàn quốc được thực hiện vào ngày 1/4/2009, chỉ có 18,23% dân số khai có tôn giáo và số còn lại là không tôn giáo.

Khi khai báo mình không có tôn giáo, rất nhiều người VN vẫn tin rằng “Trời cao có mắt”, “Thiên bất dung gian”, “lưới trời lồng lộng”, “duyên trời xe định”... Họ vẫn thỉnh thoảng đến chùa lạy Phật, đến nhà thờ dự lễ để cầu cho cha mẹ, ông bà, tổ tiên đã khuất, đến “Đức Mẹ Fatima (Bình Triệu)” hay “đi khấn Cha Trương Bửu Diệp” để xin ơn. Tín ngưỡng ấy đã ăn sâu vào cấu trúc văn hoá và đã trở thành bản sắc văn hoá của người VN.

Trong cuộc đối thoại với người không có tôn giáo, chúng ta sẽ khởi đầu từ niềm tin tưởng sâu xa ấy để tìm hiểu về tôn giáo như là nét văn hoá mới rất cần thiết trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước, cũng như xây dựng con người VN.

Thượng Hội đồng Giám mục 2012 cổ vũ cuộc đối thoại với những người không tôn giáo và nhắc nhở tín hữu Công giáo có nhiệm

vụ giúp họ tìm ra chân lý: “Ngày nay, ý niệm hiện đại cho rằng tự do có nghĩa là độc lập tuyệt đối với chân lý, khiến người ta coi chủ nghĩa tương đối là lối suy nghĩ thích hợp nhất để sống trong bối cảnh đa dạng về văn hoá và tôn giáo. Về phương diện này, nhiều câu trả lời khuyến cáo các cộng đoàn và từng cá nhân tín hữu Kitô, nhân danh sự thật sẽ giải thoát chúng ta (x. Ga 8,32), phải biết cách dẫn đưa con người tới sự thật, bình an và việc bảo vệ phẩm giá của mỗi con người cũng như phải biết cách hành động chống lại mọi hình thức bạo lực và phủ nhận nhân quyền” (x. TLLV, số 126).

Trong cuộc đối thoại này, chúng ta bắt đầu từ tình trạng suy thoái đạo đức của dân tộc dẫn đến yêu cầu nhận thức mới về tôn giáo để nhận ra những đóng góp của các tôn giáo trong dòng lịch sử, trong đó có Công giáo, và mời gọi mọi người xây dựng tín ngưỡng và tôn giáo như một nét văn hoá mới cho dân tộc VN.

1. Tình trạng và hoàn cảnh dân tộc VN hiện nay mời gọi con người hướng về tôn giáo

Dân tộc VN đã tồn tại suốt 4.000 năm trong dòng lịch sử, kể từ khi các vua Hùng dựng nước cho đến ngày nay. Bất cứ người VN nào yêu mến quê hương đều thiết tha mong ước cho dân tộc mình tồn tại mãi mãi.

Tuy nhiên, trong tình trạng hiện nay với nền đạo đức, luân lý suy đồi, bất công và tham nhũng tràn lan, cũng như hoàn cảnh kinh tế suy thoái, hoàn cảnh chính trị đầy khó khăn với chủ nghĩa bành trướng, gây áp lực quân sự, lũng đoạn kinh tế của một số quốc gia đối với VN, một số người nghi ngại không biết VN có thể tồn tại mãi không? Nhiều người VN chưa ý thức được vận mệnh hiểm nguy của dân tộc.

Trong tình trạng và hoàn cảnh hiện thời, chúng ta tự hỏi mình phải làm gì để bảo vệ và xây dựng đất nước? Hơn nữa, các tôn giáo đóng một vai trò rất quan trọng trong việc bảo vệ nền đạo đức, tạo ý thức về sự liêm chính, công bằng cũng như trong việc xây dựng nền văn hoá cho dân tộc, nên chính quyền VN sẽ theo đuổi chính sách đại

đoàn kết dân tộc và thúc đẩy tín đồ các tôn giáo gắn bó và đồng hành cùng dân tộc như thế nào?

Khi thấy chúng tôi cố vũ cho các giá trị văn hoá của tôn giáo, một số người không theo tôn giáo nào có thể khó chịu vì nghĩ rằng chúng tôi đang muốn đưa con người trở về tình trạng “vong thân”, đánh mất chính



mình, do tôn giáo gây nên, của vài thế kỷ trước, thời của Karl Marx (1818-1883), Friedrich Engels (1820-1895). Thật ra, chúng tôi chỉ muốn mời gọi tất cả những ai yêu mến quê hương hãy nhìn vào dân tộc VN như một điểm quy chiếu cho hoạt động của mình ở trần thế để thấy rằng niềm tin tôn giáo có thể giúp con người vượt qua tình trạng vong thân đang rất phổ biến ở VN vì sùng bái vật chất hay khoa học kỹ thuật để tìm lại được chính mình.

1.1. Tình trạng suy thoái đạo đức và hoàn cảnh kinh tế xã hội khó khăn

Thật vậy, khi con người chỉ biết có vật chất, đề cao vật chất như “một thứ thần linh” có thể giải quyết mọi khó khăn, thì sự suy đồi về luân lý và đạo đức chắc chắn sẽ xảy ra, đúng như lời xác nhận của Phó Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc vào chiều ngày 29/7/2013 tại Trụ sở Chính phủ trong Hội nghị Sơ kết 6 tháng đầu năm 2013 của Ban Chỉ đạo 138: “*Sự suy thoái, xuống cấp về đạo đức xã hội, đề cao lối sống vật chất tầm thường, ý thức kém, coi thường pháp luật của một bộ phận người dân... là những vấn đề đáng lo ngại*”. Chỉ trong 6 tháng đầu năm, tội phạm hình sự xảy ra 28.482 vụ, tội phạm về bảo vệ môi

trường 6.300 vụ, phát hiện bắt giữ trên 10.000 vụ tàng trữ, buôn bán, vận chuyển ma tuý. Theo kết quả điều tra ban đầu, một số nơi có hoạt động của các băng nhóm tội phạm, có sự bảo kê, làm nơ, thiếu trách nhiệm hoặc né tránh của cán bộ, chính quyền cơ sở (x. Báo Thanh Niên, ngày 4/8/2013).

Theo sự đánh giá của GS-TS Nguyễn Minh Thuyết tại Hội nghị Tổng kết 15 năm Thực hiện Nghị quyết T.Ư 5 về xây dựng và phát triển nền văn hoá VN tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc diễn ra tại Hà Nội ngày 8/8/2013: “Đáng tiếc là sau 15 năm nhìn lại, có thể thấy xây dựng con người là lĩnh vực không thành công nhất trong những lĩnh vực không thành công của Nghị Quyết 5”... “Từ công dân bình thường đến trí thức cấp cao, mỗi khi có việc với chính quyền đều phải xin xỏ, chạy vạy. Quen mãi với vị thế gãi đầu, gãi tai, ăn xỏ mó niêu, con người khó trở thành những người đàng hoàng. Càng khó trở thành những người có văn hoá và có năng lực sáng tạo văn hoá” (x. <http://www.thanhnien.com.vn/pages/20130809/xay-dung-con-nguoi-van-hoa-la-kem-nhat.aspx>).

GS-TS Hoàng Chí Bảo, Hội đồng Lý luận Trung ương, nói: “Xã hội chúng ta đang ở trong tình trạng đạo đức xuống cấp, thậm chí có thể nói là bị một thương tổn rất nặng nề. Xuất hiện gia tăng đáng lo ngại về tội phạm, tệ nạn, thậm chí những hành động rất xa lạ với nhân tính... Sự không gương mẫu của người lớn từ gia đình, trong giao tiếp xã hội, thậm chí cả lãnh đạo, dẫn đến nhiều biểu hiện đáng lo ngại về khủng hoảng niềm tin... Cảm quan chung từ nhiều năm nay là xã hội đang có vấn đề về đạo đức. Phải đặt lên đầu giải pháp đạo đức, thực hành đạo đức trong toàn Đảng, toàn dân, trong các tổ chức công quyền, trong đoàn thể...”

(x. <http://www.thanhnien.com.vn/pages/20130809/xay-dung-con-nguoi-van-hoa-la-kem-nhat.aspx>).

Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng cũng phát biểu tại hội nghị này: “Đạo đức-lối sống-nhân cách-văn hoá của người VN chúng ta nhiều nơi nhiều lúc vẫn chưa được quan tâm đúng mức, ngay từ nhà trường,

gia đình, từ sự tự giác, giữ gìn xây dựng của mỗi con người. Sự tha hoá, lối sống xa hoa, giả dối, vô cảm có xu hướng phát triển. Bệnh thành tích và hình thức trong các hoạt động văn hoá ngày càng lan rộng. Những yếu kém nêu trên không chỉ hạn chế sự phát triển kinh tế xã hội, mà còn làm xấu hình ảnh đất nước, con người, văn hoá VN. Theo tôi, đây là nguy cơ, thậm chí còn là nguy cơ của mọi nguy cơ, trong bối cảnh chúng ta phải xây dựng và phát triển đất nước trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng” (x. <http://www.thanhnien.com.vn/pages/20130809/xay-dung-con-nguoi-van-hoa-la-kem-nhat.aspx>).

Sự suy thoái đạo đức gây nên những hậu quả vô cùng tai hại trong mọi lĩnh vực, đặc biệt là văn hoá vì văn hoá là tổng thể nói chung những giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra trong quá trình lịch sử. Nếu người ta công nhận *chức năng thẩm mỹ của văn hoá* (x. Lê Văn Chương, *Cơ sở Văn hoá Việt Nam*, NXB Trẻ, 1999, tr.24) là chức năng tối thượng của văn hoá hướng con người tới Chân Thiện Mỹ thì một khi loại bỏ tôn giáo như giá trị của cái đúng, cái tốt và cái đẹp, con người sẽ tìm đến những gì là giả dối, xấu xa.

Nạn buôn gian bán dối, bán hàng độc hại, lương thực, nông sản, thủy sản chứa dư lượng các hoá chất nguy hiểm cho sự sống hầu như phổ biến khắp nơi do ước muốn làm giàu bằng bất cứ cách nào. Tệ nạn này có thể dẫn cả dân tộc suy yếu về sức khoẻ, bị đủ loại bệnh tật có thể dẫn đến diệt vong. Các quán nhậu, cà phê ôm, bia ôm, massage trá hình, mãi dâm nhan nhản như tạo điều kiện cho con người ăn chơi sa đọa về đạo đức, tinh thần.



Ở VN, tham nhũng được coi là quốc nạn gây nên nhức nhối trong xã hội. Vấn đề bảo vệ sự sống đáng báo động vì VN đứng thứ 5 trên thế giới về số ca phá thai, các nhà xã hội ước chừng 2 triệu ca/năm – đứng thứ ba sau Trung Quốc và Pakistan – còn Bộ Y tế VN cho biết có 300.000 ca/năm trong độ tuổi vị thành niên chiếm 20% số ca phá thai (x. Báo Tuổi Trẻ, ngày 13/11/2013). Trong đó 30% phụ nữ phá thai rơi vào tình trạng trầm cảm vì luôn ray rứt về tội ác nhưng lại chưa có những bác sĩ điều trị tâm lý và các vị chân tu điều trị tâm linh.

Nếu kể thêm những con số đáng báo động khác có lẽ phải nói đến 26 triệu người uống rượu bia, trong đó có vài triệu người nghiện với cơ thể suy thoái, tâm lý bất ổn, đánh đập vợ con, gây tan vỡ gia đình. 33 triệu người hút thuốc lá với chất nicotine ảnh hưởng đến sức khoẻ của mình và sinh ra những đứa con ngu đần. 200.000 người nghiện ma tuý, 300.000 nhiễm HIV. Tai nạn giao thông ở mức độ cao với hàng chục ngàn người thiệt mạng mỗi năm, và vài chục ngàn người trở thành khuyết tật. VN hiện có 6,7 triệu người khuyết tật thể lý và hơn 10 triệu người khiếm khuyết về tinh thần.

Về lĩnh vực truyền thông, trong số 41 triệu người truy cập internet, hầu như đa số chỉ để giải trí, xem tin tức hơn là nghiên cứu học hành, làm việc. VN đứng đầu thế giới về số lượng người truy cập phim sex từ năm 2007 đến nay với 5 triệu người xem phim đồi trụy hàng đêm, hơn 10 triệu người chơi trò chơi trực tuyến (game online) mỗi ngày. Rất nhiều tin tức không xác thực hay thiếu trung thực do bị xuyên tạc hay định hướng bởi các tổ chức khiến người đọc không còn tin tưởng, gây nên tình trạng đánh mất niềm tin vào con người với nhau. Những phim ảnh hầu hết của Trung Quốc hoặc một số nước Âu Mỹ trong chiều hướng tục hoá, đã khuyến khích lối sống tự do, vị kỷ.

Tất cả những hiện tượng này nói lên một sự thật mà xã hội VN đang chịu đựng: sự suy thoái đạo đức dù chính quyền đã phát động rất nhiều phong trào đề cổ vũ nền đạo đức. Đạo đức gắn liền với lương tri con người, với tôn giáo vì tin tưởng vào Đấng soi thấu lòng người dù chẳng ai biết việc mình làm. Vậy những người có tôn giáo giữ vị trí nào trong cộng đồng xã hội?

1.2. Thành phần tôn giáo trong cơ cấu dân tộc

Theo Thống kê của Tổng điều tra Dân số và Nhà ở VN thực hiện ngày 1/4/2009, dân tộc VN có 13 tôn giáo với số tín đồ như sau:

S TT	Tôn giáo	Tổng số	Thành thị	Nông thôn	Tỷ lệ % so với dân số
1	Phật giáo	6.802.318	2.988.666	3.813.652	7,92%
2	Công giáo	5.677.086	1.776.694	3.900.392	6,61%
3	Hoà Hào	1.433.252	291.196	1.142.056	1,66%
4	Hồi giáo	75.268	9.997	65.271	0,08%
5	Cao Đài	807.915	182.414	625.501	0,94%
6	Minh Sư đạo	709	408	301	
7	Minh Lý đạo	366	123	243	
8	Tin Lành	734.168	93.241	640.927	0,85%
9	Tịnh độ Cư sĩ Phật hội VN	11.093	2.313	8.780	
10	Đạo Tứ Ân Hiếu nghĩa	41.280	17.580	23.700	
11	Bửu Sơn Kỳ Hương	10.824	414	10.410	
12	Ba Ha'i	731	405	326	
13	Bà La Môn	56.427	10.375	46.052	
14	Không xác định tôn giáo	30	6	24	
Toàn quốc		15.651.467	5.373.832	10.277.635	18,23%

Như thế số người theo tôn giáo cả nước chỉ có 18,23% dân số gồm 15.651.467 người trên tổng dân số 85.846.997 tính vào thời điểm 1/4/2009. Trong số 13 tôn giáo, chúng ta thấy có Phật giáo chiếm 7,92%, Công giáo 6,61%, Hoà Hảo 1,66%, Cao Đài 0,94% và Tin Lành 0,85%. Các tôn giáo còn lại có số tín đồ rất ít. Có hơn 81% dân số đã kê khai không tôn giáo. Chỉ có 30 người không kê khai rõ ràng tôn giáo của mình (x. Ban Chỉ Đạo Tổng Điều tra Dân số, Kết quả Toàn bộ, NXB Thống Kê, Hà Nội 2010, tr.281).

Trong số người khai “không tôn giáo”, có thể có một số đảng viên Đảng Cộng sản, chừng vài triệu người, chọn lựa thái độ “vô thần” rõ rệt của mình đối với tôn giáo. Còn đại đa số trong 81% dân số này, dù không khai là đang theo một tôn giáo cụ thể nào, nhưng lại có một niềm tin mãnh liệt, mà người ta gọi là tín ngưỡng, có khi là theo đạo tổ tiên, ông bà. Chúng ta ghi nhận rằng trong tờ khai Điều tra dân số 2009 về tôn giáo không có mục “Đạo tổ tiên ông bà” hay “Vô thần”. Số người “không tôn giáo” này, gồm cả những đảng viên Cộng sản, vào những ngày lễ, Tết, đầu tháng hay giữa tháng Âm lịch, cũng có thể đi đền chùa, khiến người ta lầm tưởng họ theo Phật giáo. Nếu hỏi họ có phải là vô thần không thì nhiều người thú nhận là “không”.

Ta cũng nên lưu ý: nếu chỉ căn cứ vào số liệu thống kê này, người ta có thể *đánh giá thấp vai trò của các tôn giáo trong đời sống xã hội* vì ảnh hưởng chưa tới 20% dân số. Thật ra người VN có một lòng đạo đức sâu xa, hầu hết tin vào một Đấng Tối Cao, Đấng linh thiêng gọi là Trời, ông Trời, Chúa Trời, ông Thiên. Đấng linh thiêng ấy là nền tảng cho đạo lý con người, giúp họ sống công minh, chính trực, ăn ở nhân nghĩa với nhau. Trong văn chương cũng như trong thực tế hằng ngày, nhiều người dân VN vẫn tin rằng “Trời cao có mắt”, “Thiên bất dung gian”, “lưới trời lồng lộng”, “duyên Trời xe định”... Các trẻ em vẫn còn hát những bài đồng dao như:

*Lạy Trời mưa xuống
Lấy nước tôi uống
Lấy ruộng tôi cấy*

*Lấy đầy bát cơm
Lấy rom đun bếp...*

Hoặc chơi trò chơi “Thiên đường hoả ngục”:

*Thiên đàng hoả ngục hai bên
Ai khôn thì vào, ai dại thì sa
Đêm nằm nhớ Chúa, nhớ Cha
Đọc kinh cầu nguyện kéo sa linh hồn
Linh hồn phải giữ linh hồn
Đến khi gần chết được lên thiên đàng*

Để bảo vệ nền đạo đức dân tộc và gìn giữ bản sắc văn hoá của dân tộc, chúng ta cần phải để ý đến con người VN - nhất là những người trẻ trong xã hội hiện nay - đang được giáo dục như thế nào về niềm tin này. Sự suy thoái đạo đức và văn hoá hiện nay cũng phản ánh một nền giáo dục kém chất lượng mà cả xã hội quan tâm bàn đến rất nhiều trong thời gian vừa qua. Những bộ sách giáo khoa trong mấy chục năm gần đây, nhất là từ năm 1954 ở miền Bắc và 1975 trên toàn quốc VN, không còn những bài học đạo đức với điểm tựa là tôn giáo.



2. Vai trò tôn giáo trong lịch sử dân tộc Việt Nam

Có lẽ chúng ta nên nhắc lại một vài điểm cơ bản về dân tộc VN trong cấu trúc văn hoá xã hội để nhận ra sự đóng góp của các tôn giáo trong dòng lịch sử. Chúng ta ghi nhận *ảnh hưởng của Tam giáo Đông*

Phương đối với xã hội VN, đặc biệt là Khổng giáo. Cả ba đều đến từ Trung Hoa, riêng Phật giáo lại chia làm hai ngã, theo con đường Đổng Cổ vào miền Bắc VN và theo con đường Hồ Tiêu vào miền Nam VN (x. Nguyễn Tạng, *Niên giám Giáo hội Công giáo Việt Nam 2005*, NXB Tôn Giáo, tr.492-498).

2.1. Tôn giáo bái vật

Thời tiền sử liên kết với đời sống nông nghiệp thúc đẩy cộng đồng xã hội tôn thờ thiên nhiên như trời đất, núi sông, cây cối, cỏ hoa, muông thú vì tất cả đều là thần linh, đều có thể độ trì nhưng cũng có thể làm hại con người. Gắn bó với những người đã khuất trong dòng tộc, người Việt chứng tỏ lòng thảo hiếu qua việc thờ cúng tổ tiên: lập bàn thờ tại nhà với bài vị của những người đã khuất, cúng bái trong những ngày sóc, vọng, giỗ, Tết.

2.2. Phật giáo (xem bài 23, mục 3.3)

2.3. Khổng giáo hay Nho giáo (xem bài 23, mục 3.3)

2.4. Lão giáo (xem bài 23, mục 3.3)

2.5. Kitô giáo

Chúng ta không thể không nhắc đến ảnh hưởng của Kitô giáo trong thời kỳ này. Kitô giáo được truyền vào VN là đạo Công giáo theo lễ nghi Rôma, qua các giáo sĩ dòng Đa Minh, dòng Phanxicô, dòng Augustinô người Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha vào thế kỷ XVI, nhất là các giáo sĩ dòng Tên vào thế kỷ XVII (1615-1665). Các giáo sĩ này nói được tiếng Việt, sáng lập ra chữ Quốc ngữ và đóng góp nhiều về khoa học, cũng như xã hội cho các vua chúa của cả hai miền Nam - Bắc.

Họ truyền bá một giáo thuyết khác với Tam giáo Đông Phương về nhiều điểm nên gặp sự chống đối mãnh liệt của vua quan, nhưng đó lại là những sự thật cơ bản được các dân tộc trên thế giới ngày nay đón nhận. Sự thật đó là tất cả mọi người đều có giá trị cao quý như nhau vì đều là con cái Chúa, đều tự do và bình đẳng trước pháp luật chứ không phải vua có toàn quyền sinh sát trong tay, hôn nhân một vợ một chồng, nam nữ bình đẳng và có giá trị như nhau...

Đạo Công giáo đưa ý thức dân chủ vào trong xã hội khi dạy các tín đồ về một Thiên Chúa là Cha chung của mọi người mọi vật và chính Con Một của Ngài là Chúa Giêsu, Đấng thật sự là Thiên Tử, không những không dùng quyền tối thượng của mình để giết hại ai, nhưng đã hy sinh và chết nhục nhã trên thập giá để cứu độ tất cả. Do đó mọi người đều phải yêu thương nhau vì đều là con cái Thiên Chúa. Mọi người đều bình đẳng trước pháp luật. Người Công giáo cổ vũ chế độ một vợ một chồng và giáo dục con cái cẩn thận nên gia đình rất hạnh phúc.

Hơn nữa, nhờ được các vị thừa sai truyền giáo nước ngoài dạy cho kiến thức về khoa học, vệ sinh thường thức nên họ truyền bá khoa học này cho nhau, dạy cho nhau biết lọc nước sạch bằng than cát sỏi, nấu chín mới uống, chứ không dùng trực tiếp nước ao tù để không bị ghê lở, toét mắt và các bệnh đường ruột rất phổ biến thời đó. Kết quả là họ khoẻ mạnh, xinh đẹp. Các tu sĩ, nhất là các nữ tu Mến Thánh Giá, có mặt ngay từ thế kỷ XVII, biết cách đỡ đẻ hợp vệ sinh nên được dân chúng tôn kính gọi là “bà mẹ”.

Các người Công giáo thúc đẩy nhau học hành, ban đầu là chữ Hán, chữ Nôm với cả kho tàng các sách đạo viết bằng hai loại chữ này, sau là chữ Quốc ngữ do người Công giáo phát minh, nên họ là những người thúc đẩy văn hoá mạnh mẽ trong cộng đồng dân tộc. Họ đọc kinh, đọc sách hằng ngày, nghe giảng đạo hàng tuần về giới luật yêu thương, bác ái nên họ sống đạo một cách ý thức, tốt lành khiến cho dân chúng yêu thương, mến phục.

Dù họ bị bách hại, bị đối xử tàn tệ bởi nhà nước quân chủ chuyên chế, nhưng họ vẫn được dân chúng đón nhận qua những giá trị văn hoá. Bằng chứng cụ thể là xã hội VN được thay đổi dần dần theo hướng dân chủ, bình đẳng nam nữ, gia đình một vợ một chồng, mở ra cho khoa học kỹ thuật, nhất là đón nhận chữ Quốc ngữ.

Đây là thứ chữ do các vị thừa sai như linh mục Gaspar d’Amaral, Antonio Barbosa, Girolamo Majorica, nhất là linh mục Alexandre de Rhodes, quen gọi là cha Đắc Lộ, cộng tác với các thầy giảng như cụ Gioakim, sư cụ chùa Phao, sư cụ Manuel, cụ Nghè Giuse... phát minh để

ghi âm tiếng Việt bằng chữ La Tinh cộng thêm một số dấu bằng chữ Bồ Đào Nha, chữ Ý rồi được phổ biến trong cộng đồng tín hữu trong khoảng thời gian 1620-1650. Vào năm 1865, nghĩa là chỉ sau hơn 200 năm sáng lập chữ viết, tờ báo tiếng Việt đã ra mắt ở miền Nam Việt Nam, với tên gọi là *Gia Định Báo*. Như thế, trong một khoảng thời gian tương đối ngắn, 400 năm (1615-2013) so với 4.000 năm lịch sử, đạo Công giáo đã đóng góp và xây dựng nhiều giá trị lớn cho nền văn hoá dân tộc.

Điều không may cho Công giáo là vào thời điểm này, các đế quốc thực dân đi chiếm thuộc địa và các nhà truyền giáo lại theo chân họ vào VN, gây nên nhiều hiểu lầm và cả những cuộc bách hại. Khi quân đội Pháp bắt thị uy vào cảng Đà Nẵng (1847) và nhanh chóng chiếm được các tỉnh miền Đông Nam Kỳ (1862), rồi đặt nền đô hộ từ 1862-1945 thì người VN như bưng tỉnh trước sức mạnh trỗi vượt về quân sự, khoa học, kỹ thuật của quân thù, trước chính sách bế quan toả cảng của vua quan, dẫn đến ngu dốt, lạc hậu, yếu kém. Họ giống như người Trung Quốc bưng tỉnh sau cuộc Chiến tranh Nha phiến (1839-1842) và thấy rằng: “Cái học nhà Nho đã hỏng rồi!” (Trần Kế Xương). Họ muốn được như người Nhật cởi mở với nền văn minh kỹ thuật của phương Tây nên các phong trào như Đông Du của Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Kỳ Ngoại Hầu Cường Để, phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục của Lương Văn Can... đã ra đời. Dân tộc VN bước vào một thời kỳ mới.

2.6. Giai đoạn bài bác tôn giáo

Chúng ta có thể nói thật rằng hiện có khá nhiều những thành kiến, hiểu lầm, mặc cảm phát sinh trong quá trình lịch sử giữa Nhà Nước với cộng đồng các tôn giáo hoặc với cả quần chúng nhân dân cần phải được giải trừ thì việc gắn bó, đồng hành của cả dân tộc VN mới dễ dàng thực hiện.

Những luận điệu xuyên tạc lịch sử do lòng thù hận Công giáo, mà chúng ta gặp thấy đâu đó như tác giả Trần Chung Ngọc nêu lên trong bài “*Hồ Sơ Tộc Ác của Hội Thừa Sai Paris và Giáo Hội Công Giáo Việt Nam trong lịch sử mất nước hồi cuối thế kỷ 19*”, có lẽ cần được các nhà phê bình lịch sử phê phán đúng sai. Nhưng những người

có trách nhiệm cổ vũ sự gắn bó và đồng hành của các cộng đồng tôn giáo đừng bao giờ vịn vào các luận điệu xuyên tạc như thế để có định kiến và ác cảm với Công giáo (x. <http://ebook.ringring.vn/xem-tai-lieu/ho-so-toc-ac-cua-hoi-thua-sai-paris-va-giao-hoi-cong-giao-viet-nam-trong-lich-su-mat-nuoc-hoi-cuoi-t/62971.html>).

Dù bị bách hại với khoảng 130.000 người bị giết, bị lưu đày, bị bắt làm nô lệ cho những người ngoài Công giáo và không được buôn bán, học hành, thi cử, người Công giáo vẫn âm thầm hoặc công khai chịu đựng tất cả những sự thiệt thòi về phía mình, chứ không kết án ai hoặc không có hành động bạo loạn, phản bội dân tộc. Với khoảng 500.000 tín hữu vào năm 1850 và 648.435 tín hữu vào năm 1889 (x. HĐGMVN, *Niên giám Giáo hội Công giáo Việt Nam 2005*, tr.195), người Công giáo dư sức liên kết với thực dân Pháp mua vũ khí, tàu chiến, chống lại triều đình nhà Nguyễn để tìm tự do, hạnh phúc và tự trị cho cộng đồng mình.

Nhưng người Công giáo đã không làm thế. Họ chỉ muốn sống với tất cả niềm vui của Tin Mừng và muốn chứng minh những giá trị của dân chủ, bình đẳng nam nữ, gia đình một vợ một chồng, của khoa học và tri thức, của chữ viết và những giá trị nhân văn cao cả khác một cách bất bạo động khiến cho cả cộng đồng yêu quý họ, che chở họ và đón nhận những giá trị mới mẻ mà họ phải trả giá bằng chính mạng sống của mình. Bằng chứng rõ ràng là cả nước ủng hộ họ, dù chính quyền bách hại họ, đón nhận các giá trị mới mẻ, đón nhận chữ viết để trở thành chữ Quốc ngữ.

Nếu chỉ có một vài giáo sĩ thừa sai nước ngoài, trong số 200 người đang truyền giáo tại VN lúc đó, có một vài hành động can thiệp với quân đội Pháp hay với chính phủ Pháp để cứu giúp những người bị bách hại dã man, thì hành động của những người này chỉ nhân danh quyền sống của con người, mà sau này Hiến Chương Liên Hiệp Quốc và Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền ngày 10/12/1948 đã xác định rõ ràng. Sự can thiệp ấy là chính đáng giống như sự can thiệp của quân đội VN vào nước Campuchia năm 1979 để cứu dân tộc bạn khỏi nạn diệt chủng.

Những nhà Nho tâm huyết như Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Lương Văn Can, Kỳ Ngoại Hầu Cường Để vì nhận chân được giá trị của người Công giáo VN nên đã hô hào các sĩ phu và dân chúng sống theo tinh thần yêu nước chân chính ấy và đã cứu người Công giáo khỏi hoạ diệt vong do các sĩ phu trong phong trào Văn Thân khởi xướng vào những năm 1867-1868, 1873-1874, 1883-1885 với nhiều làng Công giáo bị huỷ diệt, đốt cháy.

3. Xây dựng tín ngưỡng và tôn giáo như nét văn hoá mới

Việc gắn bó và đồng hành của cả dân tộc Việt Nam tưởng chừng như đơn giản và dễ dàng vì tín đồ các tôn giáo đều là những công dân của một nước, đều thuộc về cộng đồng dân tộc nên đương nhiên phải gắn bó với nhau, cũng như vì các tín đồ đều là công dân nên đương nhiên phải đồng hành với mọi người để xây dựng và bảo vệ đất nước, để xây đắp và phát triển dân tộc. Nhưng trong thực tế của lịch sử loài người, nhiều cuộc xung đột, chiến tranh đã xảy ra giữa các cộng đồng và dân tộc chỉ vì nguyên nhân tôn giáo.



Do đó, muốn cho các tôn giáo ở VN gắn bó và đồng hành cùng dân tộc, đồng bào chúng ta cần phải xác định rõ ràng ý nghĩa và giá trị của tôn giáo trong đời sống con người cũng như trong dân tộc Việt Nam.

3.1. Khái niệm “tôn giáo”

“Tôn giáo” là một khái niệm rất khó định nghĩa. Nếu mở mục từ “tôn giáo” trong Từ điển Tiếng Việt của Viện Ngôn ngữ học hay trong Từ điển Bách khoa Việt Nam do Hội đồng Quốc gia chỉ đạo biên soạn, ta vẫn đọc thấy định nghĩa tôn giáo theo quan điểm tôn giáo học Marxit của chủ nghĩa xã hội với những nhận định như: “*Tôn giáo là hình thái ý thức xã hội, phản*

ánh một cách hư ảo thế giới hiện thực... Đặc điểm chủ yếu của tôn giáo là niềm tin vào cái siêu nhiên, thần thánh, thế giới bên kia, sự bất tử của linh hồn v.v... Sự xuất hiện của tôn giáo gắn liền với trình độ phát triển thấp của sản xuất xã hội, con người bất lực trước những sức mạnh tự phát của thế giới tự nhiên cũng như của những tai họa xã hội và không giải thích được bản chất của chúng. Trong xã hội có giai cấp, giai cấp bóc lột luôn luôn lợi dụng tôn giáo như một vũ khí tinh thần” (x. Hội đồng Quốc gia, Từ điển Bách khoa Việt Nam, NXB Từ điển Bách khoa, Hà Nội, 2005, tr.485, tập 4).

Nhiều người tự hỏi rằng làm sao có thể hô hào những tín hữu thuộc các tôn giáo gắn bó và đồng hành với dân tộc khi họ bị đánh giá tiêu cực như thế! Làm sao giải thích được hàng vạn người chen chúc nhau trong các lễ hội tôn giáo, giành giật nhau tám “án đền Trần”, hoặc dự các lễ nghi tôn giáo trong các đền chùa, trong đó không thiếu những cán bộ, đảng viên nắm giữ chính quyền? Tại sao các nhà biên soạn không có những định nghĩa ôn hoà và quân bình hơn đối với những mục từ “nhạy cảm” như thế để mọi người trong cộng đồng xã hội có thể chấp nhận như trong các cuốn từ điển có giá trị quốc tế khác?

Rồi nếu chúng ta nhận ra tôn giáo như hệ thống những giá trị cao cả nhất của tinh thần có thể giúp con người vực dậy nền đạo đức hiện nay của xã hội, là hình thái cao cả nhất của văn hoá, thì cần phải thay đổi cách nhìn tiêu cực về tôn giáo trong các sách giáo khoa, trong các phát biểu trên những phương tiện truyền thông xã hội...

Chúng ta có thể mượn lời của GS. Đặng Nghiêm Vạn viết trong sách *Lý luận Tôn giáo và Vấn đề Tôn giáo ở Việt Nam* như sau: “Để có khái niệm đầy đủ về tôn giáo cần phải chú ý:

– Khi nói đến tôn giáo, dù theo ý nghĩa hay cách biểu hiện nào thì luôn luôn phải đề cập đến vấn đề hai thế giới: thế giới hiện hữu và thế giới phi hiện hữu, thế giới của người sống và thế giới sau khi chết, thế giới của những vật thể hữu hình và vô hình.

– Tôn giáo không chỉ là những sự bất lực của con người trong cuộc đấu tranh với tự nhiên và xã hội, do thiếu hiểu biết dẫn đến sợ

hãi và tự đánh mất mình do đó phải dựa vào thánh thần mà còn hướng con người đến một hy vọng tuyệt đối, một cuộc đời thánh thiện, mang tính “Hoàng kim nguyên thủy”, một cuộc đời mà quá khứ, hiện tại, tương lai cùng chung sống. Nó gieo niềm hy vọng vào con người, dù có phần ảo tưởng để yên tâm, tin tưởng để sống và phải sống trong một thế giới trần gian có nhiều bất công và khổ ải.

Như vậy: Tôn giáo là niềm tin vào các lực lượng siêu nhiên, vô hình, mang tính thiêng liêng, được chấp nhận một cách trực giác và tác động qua lại một cách hư ảo, nhằm lý giải những vấn đề trên trần thế cũng như ở thế giới bên kia. Niềm tin đó được biểu hiện rất đa dạng, tùy thuộc vào những thời kỳ lịch sử, hoàn cảnh địa lý - văn hoá khác nhau, phụ thuộc vào nội dung từng tôn giáo, được vận hành bằng những nghi lễ, những hành vi tôn giáo khác nhau của từng cộng đồng xã hội tôn giáo khác nhau” (x. mục “Tôn giáo là gì? www.anthdep.eduvn/?frame=newsview&id=199).

3.2. Xây dựng bản sắc mới cho dân tộc bằng cách đào tạo đúng đắn về tôn giáo như một nét văn hoá mới

Chúng ta đã nói đến lời nhận định của một số lãnh đạo, các nhà xã hội học về tình trạng suy thoái đạo đức và nhận thức đó là “nguy cơ của mọi nguy cơ” có thể làm sụp đổ tương lai tươi sáng của dân tộc, thậm chí có thể đưa dân tộc vào con đường nô lệ, diệt vong.

Tất cả những ai yêu mến quê hương đều đặt một câu hỏi quan trọng: “Làm sao vực dậy được nền đạo đức dân tộc đang suy thoái này?”. Chính quyền và các nhà xã hội, giáo dục đã xác nhận tình trạng suy thoái đạo đức của dân tộc Việt, nhưng cần phải can đảm chỉ rõ nguyên nhân và đề ra những biện pháp, kế hoạch để vực dậy nền đạo đức này mới là những việc cần làm.

Chính quyền cũng đã quan tâm đến vấn đề này từ nhiều năm nay. Nhà nước đã giao cho Viện Khoa học Xã hội VN nghiên cứu một chương trình trọng điểm cấp Nhà Nước giai đoạn 2006-2010 là: “Xây dựng con người và phát triển văn hoá VN trong tiến trình đổi mới và

hội nhập quốc tế”. Chủ nhiệm chương trình: GSTS. Dương Phú Hiệp. Mã số: KX.03/06-10. Viện Triết học thuộc Viện Khoa học Xã hội VN cũng đã tham gia nghiên cứu chương trình này với đề tài: “Đặc điểm tư duy và lối sống của con người VN hiện nay và những vấn đề đặt ra trước yêu cầu đổi mới và hội nhập quốc tế”. Chủ nhiệm đề tài là PGS.TS.Nguyễn Ngọc Hà. Mã số: 03.07/06-10.

Như chúng ta đã tìm hiểu về cấu trúc tâm lý xã hội của người VN qua các giai đoạn lịch sử tạo thành bản sắc người Việt và ảnh hưởng của tôn giáo vào bản sắc này, thì trước sự suy thoái đạo đức hiện nay, chúng ta cũng phải xây dựng bản sắc mới cho dân tộc bằng cách đào tạo đúng đắn về tôn giáo như một nét văn hoá mới. Thật vậy, những vấn đề xã hội chỉ có thể được giải quyết một cách hiệu quả nếu chúng ta tìm ra những nguyên nhân sâu xa khiến cho nhiều người VN chia rẽ, lãnh đạm và ngại ngùng cho công việc chung cũng như chỉ đi tìm lợi ích riêng, đồng thời tìm ra được đường hướng sửa chữa những khuyết điểm đó.

Người Việt chúng ta từ mấy ngàn năm qua đã tin vào Trời như một chủ thể linh thiêng điều khiển muôn loài và nhìn thấu lương tri con người để thưởng phạt công minh cho mọi hành động tốt xấu. Lòng tin này là bản sắc văn hoá của dân tộc Việt sẽ vực dậy nền luân lý hiện nay nếu mọi người chúng ta, nhất là chính quyền, cố vũ cho việc đào tạo bản sắc này. Đây không phải là chúng ta cố vũ cho những gì mê tín, dị đoan mà một số tôn giáo có thể còn khuyến khích nơi các tín đồ của mình, nhưng là cố vũ cho những giá trị chân thiện mỹ ẩn sâu trong tâm hồn con người.

Nếu văn hoá là tổng thể những giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra trong một giai đoạn nhất định của lịch sử thì hầu hết các tôn giáo ở Việt Nam hiện nay đang dạy dỗ, cố vũ các tín đồ của mình sống tốt đẹp, “ăn ngay ở lành”, tránh xa các điều gian ác, chịu trách nhiệm trước lương tâm ngay chính của mình chứ không phải chỉ chịu trách nhiệm trước pháp luật. Các tôn giáo dùng những lời kinh, nghi lễ, giới luật, hành động khắc kỷ, hoạt động từ thiện, hoạt động đoàn thể cho từng giới nhằm thôi thúc các tín đồ sống theo các

giá trị chân thiện mỹ để đạt được sự cứu độ, sự giải thoát siêu nhiên, hạnh phúc vĩnh hằng thay vì tìm lợi lộc ích kỷ và hạnh phúc chóng qua. Như thế là các tôn giáo đang cộng tác rất tích cực vào việc xây dựng nét văn hoá mới cho người Việt Nam.

Con đường hình thành nên nét văn hoá mới cũng phải bắt đầu từ việc gây ý thức xã hội, rồi tạo nên những thói quen mới cho tập thể và sau một vài thế hệ những yếu tố tốt đẹp ấy mới hình thành nên bản sắc dân tộc. Đây cũng là điều các tôn giáo đang thực hiện cho tín đồ của mình nhờ những kinh đọc hằng ngày, việc đi dự thánh lễ hằng tuần của người Công giáo, Tin Lành hay cầu lễ nơi đình chùa, thánh thất hằng tháng của tín đồ Phật giáo. Những công việc này đúng ra nên được sự giúp đỡ và cộng tác chặt chẽ của chính quyền các cấp, phối hợp với các nhà tâm lý, khoa học, giáo dục, xã hội cũng như các văn nghệ sĩ, những nhà truyền thông xã hội để thành những tâm men vực dậy nền đạo đức của cả dân tộc.

Vì thế, bài viết này có lẽ chỉ là một khởi đầu cho rất nhiều những công việc chúng ta có thể làm trong tương lai. Tương lai đất nước chỉ tươi sáng nếu từng người VN chúng ta thực hiện những hành động tích cực, liêm chính và nhân ái cho nhau ngay từ giây phút hiện tại này.

Lời kết

Trong cuộc đối thoại với những người không tôn giáo để giới thiệu Đức Giêsu Kitô, người tín hữu Công giáo còn rất nhiều giá trị mới trong cuộc đời của Chúa cũng như trong Phúc Âm cần phải khám phá và làm chứng. Tuy nhiên, lời chứng của chúng ta chỉ có giá trị nếu chúng ta dám sống và dám chết vì đại nghĩa như Chúa Giêsu cũng như cha ông chúng ta trong lịch sử để xây dựng bản sắc mới cho dân tộc.

Bài 26

Đối thoại đại kết với tín hữu Kitô giáo về vấn nạn “Anh chị em ruột của Đức Giêsu”

Lời mở

Công đồng Vaticanô II (1962-1965) đã cổ vũ việc đối thoại đại kết để hợp nhất toàn thể các Kitô hữu qua Sắc lệnh *Unitatis Redintegratio* (HN) ban hành ngày 21/11/1964 và mở ra Tuần lễ “Cầu nguyện cho sự hợp nhất” hằng năm từ 18/1 đến 25/1. Thượng Hội đồng Giám mục XIII vào tháng 10/2012 tại Rôma cũng đã nhắc nhở chúng ta về việc đối thoại đại kết này ở các số 72 và 125 của TLLV.



Tại Việt Nam cũng như ở nhiều nơi trên thế giới, người ta thấy có những cuộc tranh luận gay gắt về một số khác biệt giữa Công giáo và các hệ phái Kitô giáo khác, nhất là về vấn nạn “Anh chị em ruột của Đức Giêsu Kitô”: “Thật vậy, tất cả đều xưng mình là môn đệ của Chúa Kitô nhưng lại cảm nghĩ và đi theo những đường lối khác nhau như

thể chính Chúa Kitô bị phân rẽ vậy (x.1Cr 1,3). Quả thực sự phân rẽ này hiển nhiên vừa trái ngược với ý muốn của Chúa Kitô vừa là gương xấu cho thế giới và phương hại cho công cuộc rất thánh thiện là rao giảng Phúc Âm cho mọi thụ tạo” (CĐ. Vat.II, Sắc lệnh *Unitatis Redintegratio*, số 1; TLLV, số 125).

Trong tinh thần đối thoại để đóng góp vào công cuộc hợp nhất Kitô hữu, chúng tôi giới thiệu câu giải đáp cho vấn đề gây tranh cãi này theo sự khích lệ của THĐGM: “phải tiếp tục có những cố gắng một cách thuyết phục để chứng tỏ mọi Kitô hữu đều hợp nhất trong việc chỉ cho thế giới thấy sức mạnh tiên tri và biến đổi của sứ điệp Phúc Âm” (TLLV, số 72).

Bài này được trình bày gồm các phần chính sau đây:

1. Vấn đề anh chị em ruột của Đức Giêsu Kitô
2. Câu trả lời từ phía Giáo hội Công giáo
3. Lời giải đáp theo hướng đối thoại đại kết

1. Vấn nạn về anh chị em ruột của Chúa Giêsu phát sinh từ đâu?

1.1. Xác định thời điểm vấn nạn

Khi nói vấn nạn này là một trong những chủ đề gây tranh cãi giữa tín hữu của Công giáo và các giáo phái Tin Lành thì có lẽ chưa chính xác cho lắm. Đây chỉ là vấn đề mới phát sinh trong một hai thế kỷ gần đây, khi các sách Thánh Kinh toàn tập được in ấn và phổ biến cho quảng đại quần chúng, nhờ đó tín hữu các bên có thể đọc và so sánh các đoạn văn Thánh Kinh với nhau.

Chúng ta biết vào thời khai sáng ra các hệ phái Tin Lành với Martin Luther (1483-1546) và John Calvin (1509-1564), người ta chưa biết đến vấn nạn này. Các tín hữu vẫn rất tôn kính Đức Trinh Nữ Maria là Mẹ Thiên Chúa. Trong “*95 luận đề phản chứng*” của M. Luther niêm yết ngày 31/10/1515 tại cửa Thánh đường Castle ở Wittenberg, nước Đức,

cũng như trong cuốn *Nguyên lý Cơ đốc giáo* của J.Calvin năm 1536, chúng ta không thấy kể tên vắn nạn này.

Chỉ khi các nhà nghiên cứu Thánh Kinh Tin Lành và Công giáo so sánh các bản văn Tân Ước nói đến anh chị em ruột của Đức Giêsu, nhất là khi giải thích các khác biệt về những lời giảng dạy, phép lạ của Chúa Giêsu theo các phương pháp nghiên cứu văn chương đồng thời bị ảnh hưởng bởi khuynh hướng “giải trừ huyền thoại cho Tin Mừng” của R. Bultmann (1884-1976), thì vắn nạn mới trở thành chủ đề tranh cãi nặng nề.

1.2. Từ ngữ “anh chị em ruột” của Đức Giêsu trong Tân Ước

Thánh Kinh nhiều lần nhắc đến “anh chị em ruột” của Chúa Giêsu trong các bản văn sau đây:

- “Ông này chẳng phải là bác thợ mộc, con bà Maria, anh em với Giacôbê, Giuse, Giuđa và Simon sao? Chị em ông lại không ở đây với chúng ta đó sao?” (Mc 3,31-35; Mt 12,46-50; Lc 8,19-21).
- “Thưa Thầy có mẹ và anh chị em Thầy ở ngoài kia đang tìm Thầy” (Mc 6,3; Mt 13, 53-58; Lc 4,16-30).
- “Anh em Đức Giêsu nói với Người...Thật thế, anh em Người không tin vào Người” (Ga 7,2.5).
- “Tất cả các ông đều đồng tâm nhất trí chuyên cần cầu nguyện cùng với mấy người phụ nữ, với bà Maria Thân mẫu Đức Giêsu và với anh em của Đức Giêsu” (Cv 1,14).
- “Phải chăng tôi không có quyền ăn uống, không có quyền đem theo một người chị em tín hữu như các Tông đồ khác, như các anh em của Chúa và như ông Kêpha?” (1Cr 9,5).
- “Tôi đã không gặp một vị tông đồ nào khác ngoài ông Giacôbê, người anh em của Chúa” (1Gl 1,19).

Trong tất cả các đoạn trích dẫn trên đây, Thánh Kinh Tân Ước dùng từ “anh chị em ruột”, chứ không dùng từ “anh chị em họ” để nói về mối quan hệ với Đức Giêsu. Từ “anh chị em ruột” muốn chỉ mối quan hệ máu mủ hoặc thân thiết như ruột thịt (x. Từ điển Tiếng Việt, mục từ *ruột thịt*). Cả hai từ “anh chị em ruột” và “anh chị em họ” là những từ riêng biệt, không thể lẫn lộn, chúng khác hẳn với loại từ thiếu xác định như từ “anh em, chị em” của tiếng Việt vì có thể hiểu là anh chị em ruột hay anh chị em họ.

1.3. Vấn nạn phát sinh từ cách dùng chữ trong Tân Ước

Nếu Đức Giêsu có các anh chị em ruột thịt khác như Thánh Kinh nhắc đến thì các nhà Thánh Kinh Tin Lành kết luận rằng Đức Maria và thánh Giuse đã sinh thêm những người con khác. Theo nhiều anh em Tin Lành, việc Đức Trinh Nữ Maria sinh Đức Giêsu, “người con đầu lòng” (x. Lc 2,7), là bởi phép Chúa Thánh Thần, không có yếu tố của người nam (x. Is 7,14; Mt 1,23). Tuy nhiên Đức Maria không trọn đời đồng trinh vì còn sinh thêm những người con khác là anh chị em ruột với Đức Giêsu. Đức Giêsu được gọi là “con đầu lòng” thay vì “con một” vì Người có nhiều anh chị em khác (x. Bài “*Bà Mari có đồng trinh trọn đời không?*” trong trang web: tinlanh.com, trên mạng Internet).

Hơn nữa, trong câu Phúc Âm: “*Ông Giuse không ăn ở với bà, cho đến khi bà sinh một con trai, và ông đặt tên cho con trẻ là Giêsu*” (Mt 1,25), từ “cho đến khi” được nhiều nhà Thánh Kinh Tin Lành giải thích theo nghĩa: ông Giuse chỉ không ăn ở với bà Maria trước khi sinh Đức Giêsu rồi sau đó đã ăn ở với bà Maria để sinh ra những người con khác (x. Bài “*Bà Mari có đồng trinh trọn đời không?*” trong trang web: tinlanh.com, trên mạng Internet).

Từ thế kỷ XX, do ảnh hưởng của phong trào giải trừ huyền thoại cho Phúc Âm, bị ảnh hưởng bởi ý thức hệ duy thực, duy nghiệm, một số nhà thần học Tin Lành không tin vào việc Đức Maria thụ thai bởi phép Chúa Thánh Thần và cho đó cũng là một trong những huyền thoại cần loại trừ vì không thể có việc một trinh nữ sinh con nếu không

có sự cộng tác của nam giới theo quan điểm khoa học kỹ thuật. Như thế là người ta chối bỏ ơn đồng trinh của Đức Maria trước khi sinh con. Từ lập luận này, nhiều người đánh mất cả niềm tin vào chính Chúa Giêsu!

2. Câu trả lời từ phía Công giáo

2.1. Lời giải đáp của Giáo hội Công giáo

Lời giải đáp của Giáo hội Công giáo được tìm thấy trong sách Giáo lý Hội Thánh Công giáo số 500 như sau: “*Hội Thánh vẫn luôn hiểu rằng những đoạn văn này không hề ám chỉ những người con khác của Đức Trinh Nữ Maria: ông Giacôbê và ông Giuse, “anh em của Chúa Giêsu” (Mt 13,56), thật ra là con của một bà Maria nào đó, là môn đệ của Đức Kitô (x. Mt 27,56), bà này được cẩn thận phân biệt là “bà Maria khác” (Mt 28,1). Đây là những người anh em bà con họ hàng gần, theo như cách nói quen dùng trong Cựu Ước (x. St 13,8; 14,16; 29,15...)*”.

2.2. Nhận định về lời giải đáp này

Chúng ta phải nói thật rằng: lời giải đáp này chưa thoả đáng đối với chính những người nghiên cứu Thánh Kinh trong nội bộ Giáo hội Công giáo và chưa thuyết phục được các anh em Tin Lành vì bản văn Thánh Kinh nhiều lần dùng từ “anh chị em ruột” của Đức Giêsu chứ không dùng từ nào khác.

Hơn nữa nếu quy chiếu những người con như Giacôbê, Giuse, Giuđa, Simon vào 1 bà “Maria nào đó” thì việc quy chiếu này có vẻ gượng ép vì thánh Matthêu nhắc đến tên bà này có thể chỉ vì muốn phân biệt với bà Maria Magdala vừa được nhắc trước đó (x. Mt 27,61) hoặc với bà Maria, mẹ của một mình ông Giacôbê (x. Lc 24,10). Còn trong nhiều câu khác có nhắc đến từ “anh em ruột của Đức Giêsu” mà không quy chiếu vào người phụ nữ nào nên không thể hiểu đó là con của bà Maria khác (Mt 28,1).

Còn việc nhắc đến các đoạn trích dẫn Thánh Kinh Cựu Ước (x. St 13,8; 14,16; 29,15...) rõ ràng gương ép vì nguyên ngữ Do Thái cổ cho phép dịch là bà con, họ hàng trong khi nguyên ngữ Tân Ước bằng tiếng Hy Lạp không cho phép hiểu như vậy.

Kiểu giải thích “anh chị em ruột” thành “anh chị em họ” còn có thể gây ra sự hiểu lầm nguy hiểm vì một từ được Chúa Thánh Thần linh hứng lại không được hiểu đúng theo nghĩa chữ của nó, và người ta có thể áp dụng kiểu giải thích “quá rộng” này cho các từ khác khiến ta có thể làm mất lòng tin vào Thánh Kinh.

Vì thế, từ “anh chị em ruột” chắc chắn mang ý nghĩa sâu xa thúc đẩy ta tìm hiểu sâu rộng hơn thì mới có thể thuyết phục được anh em Tin Lành.

3. Lời giải đáp theo hướng đối thoại đại kết

3.1. Hướng giải thích mới

Trước hết chúng tôi mời gọi anh em các giáo phái Tin Lành cùng tìm hiểu thêm với chúng tôi về vấn nạn này qua các bản văn Thánh Kinh được giải thích theo hướng đại kết như sau:

– Chúng tôi đồng ý với anh em rằng những từ “anh chị em ruột” mà Tân Ước dùng là hoàn toàn chính xác vì tất cả những ai liên kết với Đức Giêsu đều thật sự là có quan hệ ruột thịt, máu mủ với Người. Điều này chúng tôi sẽ khai triển rộng hơn trong phần dưới đây.

– Tân Ước không dùng từ “con một” nhưng dùng từ “con trai đầu lòng” (Lc 2,7) vì muốn ám chỉ đến việc Đức Giêsu là người con đầu tiên mà Chúa Cha và Mẹ Maria sinh ra trong đại gia đình mới và chúng ta, tất cả những ai tin vào Đức Giêsu, đều trở thành những người em ruột của Người. Nếu dùng từ “con một” thì gia đình này sẽ không mở rộng cho tất cả chúng ta.

– Từ “cho đến khi” trong câu Phúc Âm: “*Ông Giuse không ăn ở với bà, cho đến khi bà sinh một con trai, và ông đặt tên cho con trẻ là Giêsu*” (Mt 1,25) còn có thể hiểu như một hành động tiếp theo việc

sinh nở là đặt tên Giêsu cho người con mới sinh. Từ “và” ở đây theo văn phạm Hy Lạp có nghĩa tương đương tiếng Việt là “thì” nên câu Phúc Âm có thể dịch như sau: “*Ông Giuse không ăn ở với bà, cho đến khi bà sinh một con trai thì ông đặt tên cho con trẻ là Giêsu*”. Nếu hiểu theo nghĩa này thì chúng ta không thể hiểu ngầm rằng Đức Maria và ông Giuse ăn ở với nhau như những đôi vợ chồng khác sau khi sinh Chúa Giêsu vì Thánh Kinh không nói đến việc đó. Điều này chúng tôi cũng sẽ nói thêm trong phần dưới đây khi nói đến tình yêu và sứ mạng của Mẹ Maria và thánh Giuse.

3.2. Tất cả chúng ta là anh chị em ruột của Đức Giêsu

Chúng ta cùng xác tín trong đức tin Công giáo rằng: “*Chúa Giêsu là người con duy nhất của Đức Maria. Nhưng tình mẫu tử thiêng liêng của Mẹ* (x. Ga 19,26-27; Kh 12,17) *trải rộng cho hết mọi người đã được Chúa Giêsu đến cứu độ. Người Con mà Mẹ sinh ra, Thiên Chúa đã đặt làm trưởng tử giữa một đàn em đồng đức*” (Rm 8,29), *tức là các tín hữu, mà Mẹ đã cộng tác vào việc sinh hạ và dạy dỗ họ với tình yêu từ mẫu*” (x. CĐ. Vat.II, Hiến Chế *Lumen gentium*, số 63; Sách GLHTCG, số 501). *Chúa Giêsu được cứu mạng trong lòng dạ trinh khiết của Đức Maria* (x. Lc 1,35; GLHTCG, số 437), “*được thụ thai bởi Chúa Thánh Thần, không có mầm mống nam nhân*” (CĐ Lateranô, năm 649, canon 3, DS 503; GLHTCG, số 496).

Những người được Thánh Kinh nhắc đến như là “anh chị em ruột” của Đức Giêsu, xét về huyết thống tự nhiên, chỉ là những anh chị em họ, bà con với Người vì Mẹ Maria và thánh Giuse có những người thân thuộc sống tại Nazareth. Những người này cũng đi theo Chúa Giêsu (x. Mc 3,31-33; Mt 12,46-50; Lc 8,19-21), có người trở thành môn đệ và có địa vị trong cộng đồng Giáo hội sơ khai (x. Gl 1,19).

Tuy nhiên, Thánh Kinh luôn dùng từ “anh chị em ruột” khi nhắc đến *mối liên hệ huyết thống tự nhiên này với ý nghĩa siêu nhiên*. Lý do là vì khi Ngôi Lời Thiên Chúa trở thành người là Đức Giêsu, đón nhận 1 thân xác như bất cứ con người nào, thì Người đã trở nên anh chị em ruột thịt của họ, để dẫn đưa họ vào sự hiệp thông với Chúa Cha trong

1 gia đình duy nhất của Thiên Chúa. Trong Đức Giêsu Kitô, mọi người đều là anh chị em ruột thịt của nhau vì cùng thuộc về một gia đình nhân loại duy nhất (x. *GLHTCG*, số 355-360). Do đó, trong Thánh Kinh cũng như trong các lời chào của thánh lễ, chúng ta đều gọi nhau là “anh chị em ruột” chứ không chỉ coi nhau là “họ hàng”.

Hơn nữa qua thể xác vật chất, Đức Giêsu còn liên kết với mọi thụ tạo trong vũ trụ này để trở thành người anh cả của chúng (x. Rm 8,29) và vì thế vạn vật cũng là những đứa em ruột thịt của con người vì “*con người, nhờ chính điều kiện có thân xác của mình, quy tụ nơi mình những yếu tố của thế giới vật chất, cho nên nhờ con người, các yếu tố ấy đạt tới tuyệt đỉnh của chúng và có thể tự do dâng lời ca ngợi Đấng Tạo Hoá*” (x. CĐ. Vat.II, *Gaudium et Spes*, số 14; *GLHTCG*, số 364). Vì thế, Người chết để cứu độ tất cả. Vũ trụ cảm nhận được điều đó nên biểu lộ sự vui mừng qua việc xuất hiện ngôi sao (x. Mt 2,2-10), sự vâng phục qua các phép lạ Người làm trên vạn vật (x. Mc 4,37-41; 6,34-44; 6,45-52, Mt, 17,24-27; Lc 5,1-11; Ga 2,1-11), sự chia sẻ khi Người chết trên thập giá (x. Mt 27,45.51-53).

Nói cho cùng, thân xác chúng ta được cấu tạo bằng những nguyên tố vật chất Carbon-Hydro-Oxy-Nitơ như những thành phần chính cho mọi người, mọi



vật. Mỗi ngày, chúng ta đưa những nguyên tố đó vào trong thân thể mình qua đồ ăn, thức uống, khí thở rồi chúng ta lại thải các chất ra để tạo nên thân thể cho muôn loài. Chúng ta hợp thành một thân thể lớn lao của toàn thể vũ trụ, trở thành anh chị em ruột thịt của nhau vì hình thành nên thân xác cho nhau. Thân xác Chúa Giêsu và Mẹ Maria cũng được cấu tạo bằng những thành phần đó.

Xin cho phép tôi đưa ra một minh chứng khoa học. Nhiều người không còn nhớ nổi con số và nguyên lý của nhà bác học Amedeo Avogadro (1776-1856): “*Trong cùng một điều kiện nhiệt độ và áp suất, các khí khác nhau có cùng một thể tích sẽ chứa cùng một số nguyên tử hay phân tử như nhau. Số đó là $N = 6,022 \times 10^{23}$* ”. Nếu 16 gram Oxy ta thở, hay 18 gram nước ta uống, chia đều cho 7 tỷ người đang sống trên trái đất này thì mỗi người được khoảng hơn 9 ngàn tỷ nguyên tử thật hay phân tử thật trong cơ thể mình.

Quả thật, trong thân xác ta đang có những nguyên tử, phân tử vật chất của Chúa Giêsu và Mẹ Maria trong cuộc trao đổi sinh tồn của vạn vật từng giây phút vì qua mấy chục năm sống của Chúa và Mẹ, thân xác chúng ta đã và đang giữ những nguyên tố vật chất đã từng hình thành nên con người của Chúa và Mẹ. Vì thế chúng ta rất tự hào là anh chị em ruột của Chúa Giêsu và con cái thật sự của Mẹ Maria, không phải chỉ về mặt tinh thần mà cả thể chất nữa. Chia sẻ với mọi người điều này, nhất là với anh chị em theo các hệ phái Tin Lành, Cải Cách, chúng tôi hy vọng anh chị em sẽ tìm lại được niềm tin yêu tuyệt đối vào Chúa Giêsu Kitô và vào Người Mẹ Thánh của chúng ta.

3.3. Vai trò và sứ mạng của Đức Maria và thánh Giuse trong mầu nhiệm Ngôi Lời Nhập Thể

Ngày nay, nhiều tín hữu thuộc các hệ phái Tin lành càng ngày càng khám phá ra vai trò độc đáo của Đức Trinh Nữ Maria trong mầu nhiệm Ngôi Lời Thiên Chúa trở thành Đức Giêsu Nazareth để thực hiện công trình cứu độ và hoà giải con người với Thiên Chúa. Để thực hiện công trình này, Thiên Chúa đến với con người, ban cho con người tất cả những gì thuộc về Thiên Chúa và con người cũng phải tự nguyện đến với Thiên Chúa để dâng hiến tất cả những gì thuộc về mình cho Ngài. Và chỉ có như thế thì Đức Giêsu mới vừa là Thiên Chúa trọn vẹn vừa là một con người trọn vẹn.

Đức Trinh Nữ Maria đã được chọn để đại diện cho con người dâng hiến cho Thiên Chúa tất cả những gì thuộc về con người với một sự tự do đầy ý thức và một tình yêu vượt lên trên tất cả dù Đức Maria

đã đính hôn với ông Giuse. Cuộc đối thoại với sứ thần trong buổi truyền tin đã nói cho chúng ta những đặc tính này (x. Lc 1,26-38). Chính khi Đức Maria mở lòng ra một cách hoàn toàn và trọn vẹn cho Thiên Chúa để Chúa Thánh Thần đến với Mẹ thì Ngôi Lời đã trở thành người (Ga 1,14). Như thế, Đức Maria không phải chỉ đóng góp trong tư cách là một người phụ nữ cho việc hình thành nên con người Giêsu mà là đại diện cho toàn thể nhân loại và vũ trụ đóng góp phần nhân tính cho Người. Vì thế, Đức Maria là Mẹ của Chúa Giêsu trọn vẹn vừa là Thiên Chúa vừa là người.

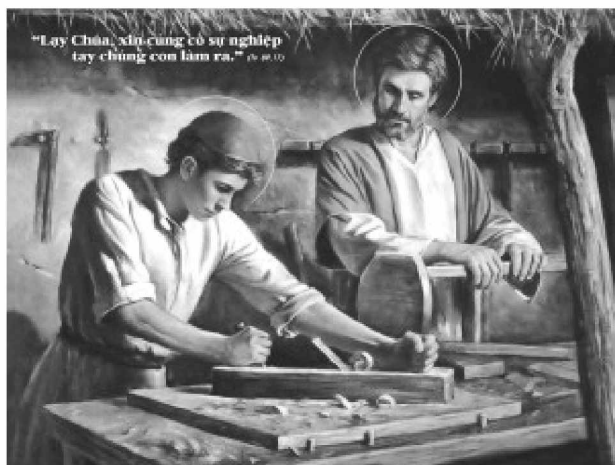
Một số người ngày nay nghĩ rằng Đức Maria chỉ đóng góp vào việc sinh hạ Đức Giêsu trong tư cách là người nữ và họ đòi hỏi yếu tố nam nhân. Nhưng chúng ta hiểu rằng Thiên Chúa có thể dựng nên mọi sự từ hư không thì Ngài cũng có thể lấy từ phần nhân tính Đức Maria đóng góp để phối hợp với thiên tính mà hình thành nên Đức Giêsu Kitô. Nếu con người nghĩ rằng Đức Giêsu cần đến yếu tố nam nhân để hình thành thì ơn cứu độ cũng không cần phải đến từ Thiên Chúa và con người có thể tự cứu thoát mình. Điều này đi ngược với lòng tin của chúng ta và cũng đi ngược với thực tế vì một thụ tạo hữu hạn, bất toàn, khả tử không thể tự làm cho mình trở thành vô hạn, vĩnh hằng, tuyệt đối, hoàn hảo như Thiên Chúa.

Người tín hữu Công giáo luôn tin tưởng Đức Maria trọn đời đồng trinh nghĩa là Mẹ giữ mãi sự trinh khiết trước, trong và sau khi sinh Chúa Giêsu bởi vì Mẹ đã tận hiến hoàn toàn cho tình yêu Thiên Chúa khi đón nhận sứ mạng sinh ra, dưỡng nuôi, giáo dục và đi theo Chúa Giêsu cho đến khi hoàn thành sứ mạng mà Chúa Cha đã uỷ thác cho Người. Một khi dành tình yêu trọn vẹn cho Thiên Chúa và cho Đức Giêsu, nhất là khi đón nhận nhiệm vụ làm Mẹ của mọi tín hữu trong lời trăng trối của Chúa Giêsu trên thập giá (x. Ga 19,26-27) thì Mẹ Maria không bao giờ sao lãng nhiệm vụ này để dành tình yêu cho một người nào khác. Mẹ đã nhận mọi tín hữu là những đứa con ruột thịt của mình để muôn đời thực hiện sứ mạng làm Mẹ. Vì thế, Giáo hội Công giáo cũng như Chính Thống giáo có lòng tôn kính đặc biệt đối với Mẹ Maria. Nhiều khi lòng tôn kính này đi quá trớn khiến cho

một số anh em Tin Lành làm tưởng đó là sự thờ kính giống như tôn thờ Thiên Chúa. Giáo hội Công giáo đã nhắc nhở điểm này trong nhiều giáo huấn, đặc biệt trong Hiến chế Tín lý về Giáo Hội *Lumen Gentium* của Công đồng Vaticanô II, từ số 52-69.

Hơn nữa, nếu chúng ta hiểu đức tin là cuộc gặp gỡ con người với Đức Giêsu chứ không phải chỉ là những hình thức đạo đức bên ngoài thì rất nhiều tín hữu Công giáo lại không chú ý đến cuộc gặp gỡ này như Thượng Hội đồng tháng 10/2012 nhắc nhở nhiều lần trong văn kiện *Tài liệu Làm việc* (x. TLLV, số 17,18,19).

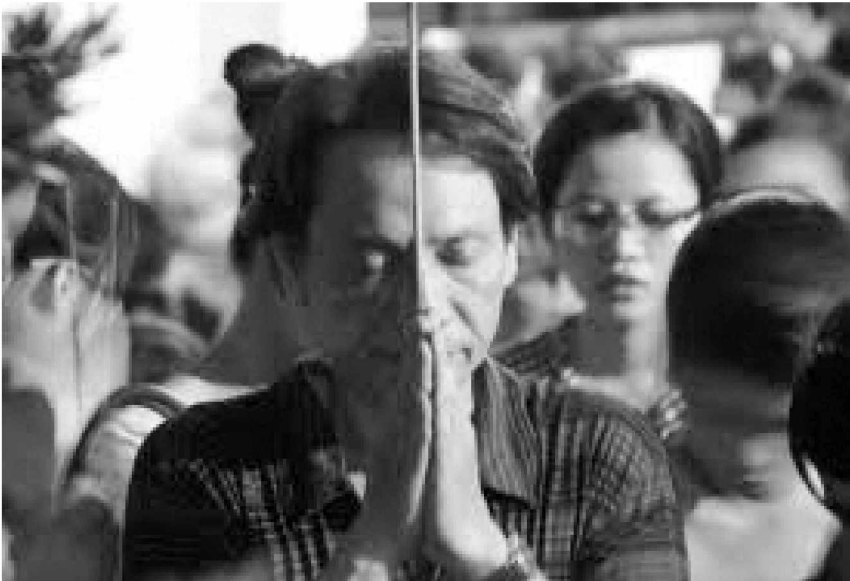
Nói đến sứ mạng và tình yêu của Đức Maria dành cho Thiên Chúa giúp cho Mẹ trọn đời đồng trình thì chúng ta cũng có thể hiểu được phần nào sự tương đồng của tình yêu giữa thánh Giuse và Đức Mẹ cũng như tình yêu trọn vẹn của thánh Giuse dành cho



Thiên Chúa và Đức Giêsu Con của Ngài. Thánh Giuse đã được Thiên Chúa tuyển chọn và sai thiên thần đến mạc khải cho biết Đức Giêsu thật sự là Con Thiên Chúa làm người và Đức Maria – vị hôn thê của Ngài – được Thiên Chúa tuyển chọn làm mẹ Chúa Giêsu (x. Lc 1,19-25) để giao phó cả hai kho tàng quý giá nhất của Thiên Chúa cho Người. Vì thế, ý thức về sứ mạng cao quý tuyệt vời của mình, thánh Giuse đã dồn tất cả năng lực và tình yêu để bảo vệ Chúa Giêsu và Mẹ Maria trong suốt cả đời mình. Do đó, thánh Giuse cũng là một vị thánh được tôn kính đặc biệt trong hàng ngũ các thánh, chỉ sau Đức Maria.

Lời kết

Chúng ta hy vọng rằng vấn nạn “anh chị em ruột của Đức Giêsu” sẽ không còn là một đề tài gây tranh cãi hay xung đột giữa các tín hữu Kitô giáo, nhưng có thể trở thành một dịp may thúc đẩy chúng ta học hỏi đề tài và phát triển tình liên đới huynh đệ trong đại gia đình Thiên Chúa. Nhờ đó, những anh chị em ngoài Kitô giáo sẽ cảm nhận được niềm vui, hạnh phúc và ân sủng tràn đầy của những ai gắn bó với Đức Giêsu, và qua Người, gắn bó với toàn thân thể nhiệm màu là Hội Thánh trên khắp thế giới.



Bài 27

Đối thoại với tín đồ các tôn giáo khác về tình trạng sống của con người sau khi chết

Lời mở

Trong công cuộc TPAH ở VN, chúng ta không thể không quan tâm đến các đối tượng, là các anh chị em tín hữu thuộc các tôn giáo khác, đang nói gì về đạo của họ và về đạo của ta đối với một số vấn đề quan trọng như thiên đường địa ngục, luân hồi tiền kiếp, thờ cúng tổ tiên... Rất nhiều khi họ tưởng lầm về đạo ta hay ta tưởng lầm về đạo họ, dẫn đến thái độ lãnh đạm với nhau, không hợp tác hoặc có khi tranh chấp, xung đột và có thể gây nên cả chiến tranh tôn giáo như đã từng xảy ra trong lịch sử.

Vi thể Giáo hội Công giáo, qua Thượng Hội đồng Giám mục năm 2012, đã khuyến khích các tín đồ gặp gỡ, đối thoại với nhau vì “các cuộc gặp gỡ đối thoại này là cơ hội đầy triển vọng để nhận thức rõ hơn sự phức tạp của ngôn từ và các hình thức của yếu tố tôn giáo trong nhân loại như được thấy trong kinh nghiệm của các tôn giáo khác. Chúng cũng cho phép người Công giáo hiểu rõ hơn những cách thức mà đức tin Kitô giáo sử dụng để diễn tả bản chất tôn giáo của tâm hồn con người và làm giàu cho di sản tôn giáo loài người bằng tính cách độc đáo của đức tin Kitô giáo” (x. Tài liệu Làm Việc (TLLV), số 67).

“Đối thoại liên tôn và thảo luận với các tôn giáo lớn của phương Đông là một cơ hội để các cộng đồng Kitô chúng ta đào sâu sự hiểu

biết về đức tin của mình, cải thiện các công cụ đối thoại và hợp tác vào việc phát triển hoà bình trong xã hội (x. TLLV, số 73).

“Cuộc đối thoại liên tôn sẽ giúp con người tìm ra chân lý và thật sự tự do để đón nhận chân lý theo cách thể xứng hợp với phẩm giá và bản tính xã hội của con người” (x. TLLV, số 127).

Chính trong tinh thần đối thoại liên tôn của Thượng Hội đồng Giám mục, chúng ta tìm hiểu một vài vấn đề liên quan đến sự sống con người sau khi chết như thiên đường hay địa ngục, tái sinh theo luân hồi hay phục sinh theo Chúa Giêsu Kitô...

1. Những vấn nạn về tình trạng sống của con người sau khi chết

1.1. Những hiểu biết cần bổ túc và sửa đổi

Các tôn giáo, dù lớn hay nhỏ, đều cố gắng giải đáp những thắc mắc của con người về tình trạng sống của họ sau khi chết, ngoại trừ những người không có tôn giáo nào và cho rằng chết là hết. Những thắc mắc đó có thể gây nên những ưu tư, lo lắng cho con người, nhưng chúng cũng là những động lực giúp con người sống tốt lành, chính trực, công minh ở cuộc đời trần thế để tạo phúc cho mình cũng như cho con cái ở đời sau. Người ta thường thắc mắc là khi chết mình sẽ đi đâu, đến sống ở chốn nào? Nơi ấy có hạnh phúc hay đau khổ, hạnh phúc ấy như thế nào và đau khổ đó là gì? Mình sống mãi mãi trong tình trạng như thế hay chỉ tạm thời để có thể biến đổi sang một tình trạng sống khác? Tự mình đạt được hạnh phúc hay phải nhờ người nào khác, tự mình chịu đau khổ hay do ai khác có thể cứu thoát được mình?...

Các tôn giáo thường giải đáp những thắc mắc trên rằng con người sau cái chết, sẽ được phán xét về mọi hành động trong cuộc đời trần thế và được thưởng phạt công minh. Sau đó họ được phục sinh để sống mãi mãi ở thiên đường sau khi được thanh luyện hay chịu đau khổ ở trong hoả ngục theo như Kitô giáo, Hồi giáo. Hoặc họ đi vào âm

phủ để đền tội rồi được tái sinh qua các con đường khác nhau để thành quý dữ, súc sinh, con người, thần tiên và sau khi đã trải qua muôn vàn kiếp theo vòng luân hồi và luật nhân quả, họ đạt đến tình trạng cuối cùng là vào Niết Bàn (Nirvana) như Bà La Môn giáo, Phật giáo và nhiều tôn giáo khác.

Do sự pha trộn về ý niệm và hình ảnh giữa các tôn giáo với nhau nên chúng ta không lạ lùng khi có nhiều tín hữu các tôn giáo vẫn hiểu thiên đường, luyện ngục,



hoả ngục, địa ngục, niết bàn là các nơi chốn cụ thể vì đây là những ý niệm đã ăn sâu trong đầu óc con người từ nhiều thế kỷ. Các từ điển như *Từ điển Tiếng Việt* của Viện Ngôn ngữ học, *Từ điển Công giáo* của J.A. Hardon, sj.; *Từ điển Tôn giáo* của Mai Thanh Hải (NXB Phương Đông) và nhiều từ điển của các tôn giáo khác cũng đang diễn tả như vậy.

Khi hiểu thiên đường là nơi cực lạc, có những người hoàn mỹ, nhà cửa xa hoa lộng lẫy, không còn những đau đớn thể xác hay mệt mỏi tinh thần hoặc hoả ngục là nơi chứa đầy lửa để giam phạt linh hồn những người có tội hay địa ngục là nơi đầy đọa linh hồn những người có tội dưới âm phủ thì nhiều người không có thiện cảm với tôn giáo cho rằng đó là những điều bịa đặt do trí óc con người tưởng tượng ra. Nhà thơ Tố Hữu đã mỉa mai rằng:

“...Ai nghĩ thiên đường sao lấp lánh,
 Tài hoa tinh kết ngọc long lanh,
 Tôi chỉ thấy nơi đây mờ lạnh,
 Chôn linh hồn đắm đuối hư danh...”

Giáo lý Phật giáo dạy địa ngục (Naraka, Niraya) là cõi dưới đất. Địa ngục có ba loại căn bản, không phải chỉ có lửa như Bát Nhiệt Địa Ngục mà còn có cả băng tuyết như Bát Hàn Địa Ngục với đủ mọi hình khổ như bị gươm đao đâm chém, cối xay nghiền giã, gậy gộc đánh đập, cắn xé lẫn nhau, lửa thiêu đốt cháy, băng giá nứt da vỡ thịt. Loại Cận Biên Địa Ngục có 16 hay 18 tầng gọi là Thập Lục hay Thập Bát Du Tăng Địa Ngục với sông lửa hay giáo mác chặt chém liên tục, đau đớn tột cùng như chết đi sống lại không ngừng. Niết Bàn từ chữ Nirvana (tiếng Sanscrit) hay Nibbana (tiếng Pali) là cõi diệt hay cõi viên tịch, là “trạng thái tịnh, tịch diệt, mục đích giải thoát cuối cùng của đạo Phật” (x. Thích Minh Châu – Minh Tri, *Từ điển Phật học Việt Nam*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội 1991, mục từ Niết Bàn). Niết Bàn cũng có nhiều chủng loại khác nhau giống như những tầng trời khác nhau với những loại hạnh phúc đặc biệt. Phật giáo chia thành Nhị Chủng Niết Bàn, Tứ Chủng Niết Bàn, Ngũ Chủng Niết Bàn, Tiểu Thừa Niết Bàn, Đại Thừa Niết Bàn (x. Giáo hội Phật giáo Việt Nam, *Từ điển Phật học Hán Việt*, Phân Viện Nghiên cứu Phật học xuất bản, Hà Nội 1992, mục từ *Địa Ngục, Niết Bàn*).

Các tín hữu Công giáo chúng ta đã nhiều lần suy niệm về thiên đường, hoả ngục và ơn cứu độ cũng như nhắc đến thiên đường, luyện ngục, hoả ngục là tình trạng sống của con người sau khi chết chứ không phải là những nơi chốn cố định, có không gian rõ rệt. Đó là giáo huấn trong sách Giáo lý Hội Thánh Công giáo ở số 1023-1029 về thiên đường, số 1030-1032 về luyện ngục, số 1033-1037 về hoả ngục. Dù cuốn sách giáo lý này đã xuất bản được 20 năm rồi nhưng nhiều người vẫn giữ mãi những định kiến trên do những bài kinh, bài văn đọc thường ngày. Điều này dẫn đến những hệ lụy và vấn nạn khó giải cho đời sống đức tin của chúng ta cũng như cho công cuộc Phúc Âm hoá.

1.2. Những vấn nạn cần giải đáp

Những mô tả của các tôn giáo như thế dẫn đến nhiều hệ lụy. Chẳng hạn: nếu Thiên Chúa sai quấy dữ hành hạ con người, thiêu đốt con người trong hoả ngục, hoặc ép con người phải chịu đau đớn trong luyện ngục như thế, vậy lòng thương xót của Thiên Chúa ở đâu? Không lẽ Ngài đối xử tàn tệ với con cái mình như vậy? Nếu Thiên Chúa là tình yêu và đầy lòng nhân từ, tại sao Ngài lại chấp tội mà không tha thứ cho con người, trong khi những người cha người mẹ nhân loại có thể tha thứ cho con cái lầm lỗi của họ. Không lẽ Thiên Chúa lại thua kém con người về tình yêu và lòng thương xót?

Hơn nữa, làm sao giải thích được việc các nhà ngoại cảm đã gặp thấy, nói chuyện với các hồn ma trong các ngôi mộ vô danh, và giúp cho họ tìm lại được người thân. Nhiều tín hữu còn cho rằng những chuyện gặp gỡ người đã khuất, chuyện lên đồng, gọi hồn, những lễ cầu siêu động thổ... là những chuyện mê tín, dị đoan vì khi chết linh hồn phải vào những nơi chốn nhất định như thiên đường, luyện ngục hay hoả ngục chứ không có việc đi vất vưởng, lang thang.

Tuy nhiên, trong Thánh Kinh, chúng ta thấy có chuyện vua Sao Lê đã nhờ bà đồng bóng ở Endô gọi hồn Samuel (x. 1Sm 28,3-25). Rồi, trong dụ ngôn của bài Tin Mừng (x. Lc 16,19-31), hồn ông nhà giàu đã xin tổ phụ Abraham sai Ladarô đến nhà cha mình để cảnh báo cho 5 người anh em khác và nhắc đến chuyện người chết hiện về thì người sống mới tin.

Trong một ít giáo xứ Công giáo hiện nay, có vài người tự xưng là nhà ngoại cảm, đến nói với những gia đình làm ăn thất bại, con cái bệnh tật rằng dưới nền nhà họ có xác người chết cần phải đào lên, nếu thấy đất đen đen thì hốt đất đó đem chôn táng lại ở nghĩa trang, nếu thấy có miếng xương nào thì mua cái tiểu bỏ vào. Họ sẽ giúp mua đất ở nghĩa trang hay xin đặt hài cốt trong nhà thờ, mỗi trường hợp như vậy là 4,5 triệu! Vậy mà có nhiều người đã tin mà đào nhà lên! Chúng ta thử hỏi mảnh đất nào trong cả nước Việt Nam này và trên khắp thế giới lại không có người chết trong suốt dòng lịch sử bao nhiêu thế kỷ, không lẽ người ta đào cả đất nước lên! Giải đáp sự việc này thế nào?

Còn nhiều vấn nạn khác nữa liên quan đến tình trạng sống của người chết như họ sống ra sao, có cần phải đốt tiền, vàng mã hay làm bữa ăn cúng giỗ cho họ không? Cần phải làm lễ động thổ để công bố và xin lỗi người chết trước khi xây dựng không? Làm sao giải thích những chuyện ma ám, quỷ nhập, linh hồn hiện về... Có phải tất cả đều là hoang đường, huyền thoại không?

1.3. Thuyết luân hồi và hiện tượng tái sinh

Trong kho tàng văn học VN, một số truyện cổ tích kể lại những cuộc tái sinh thâm đậm giáo thuyết luân hồi của Phật giáo. Điều đó nói lên lý thuyết này đã ăn sâu vào tâm thức người Việt, đóng góp vào bản sắc văn hoá của người Việt vì người Việt luôn tin rằng “Trời cao có mắt”, “Lưới trời lồng lộng”, “Thiên bất dung gian”... Đó là các câu chuyện như “Hồn Trương Ba, Da Hàng Thịt”, Tấm Cám, Phạm Công Cúc Hoa, Thủ Huồn với câu ca dao Nam Bộ:

*Nhà Bè nước chảy chia hai
Ai về Gia Định Đồng Nai thì về.*

“Với những nguyên lý vận hành của ý thức được giảng giải rõ ràng và với định luật nhân quả rất hợp lý, đạo Phật cho ta một lập luận chặt chẽ về việc tại sao ta sinh ra ở đây, hoàn cảnh sống hiện tại như thế nào và chuyện gì sẽ xảy ra trong giờ phút lâm chung” (x. Vicki Mackenzie, *Tái sinh ở Phương Tây*, NXB Phương Đông, 2010, trang bìa). Rồi những câu hỏi khác như: “Tôi là ai? Tại sao tôi hiện hữu trên cõi đời này? Tôi từ đâu tới? Tôi sẽ đi về đâu?”... được giải đáp cụ thể, rành mạch, hợp lý, dễ hiểu nhờ lý thuyết về việc tái sinh từ nhiều kiếp luân hồi.

Các vị thiền sư Phật giáo dạy rằng: “Chúng ta không chỉ sống một đời này mà đã sống nhiều đời, nhiều kiếp, đến nỗi ta không thể truy tìm kiếp sống bắt đầu từ đâu và sẽ chấm dứt ở thời điểm nào? Con người cứ trôi lăn theo bánh xe luân hồi, hết sinh rồi tử, hết tử rồi sinh, theo nghiệp lực của mình. Nghiệp hay nhân quả là một định luật bất di bất dịch, chi phối kiếp sống của một đời người. Gieo nhân gì thì gặt

quả ấy. Chúng ta sống từ đời này qua đời khác, mỗi một đời ta học hỏi những bài học về tâm linh, trả những nghiệp lành, nghiệp dữ đã tạo ra ở những đời trước và đồng thời cũng tạo nên những nghiệp mới sẽ ảnh hưởng đến đời sau của mình” (x. Sđđ, tr.10).

Phật giáo dạy rằng không phải cha mẹ, hoàn cảnh hay chính thể xã hội, trình độ học vấn đã tạo ra con người và hoàn cảnh sống của con người trong đời hiện tại, mà chính con người đã tạo ra hoàn cảnh sống của mình ở quá khứ, hiện tại và tương lai. Chính mình làm chủ và chịu trách nhiệm về đời sống của mình. Những kết luận của khoa học giải thích rằng những yếu tố di truyền, mầm mống bệnh tật ở trong ta là do thừa hưởng gien của cha mẹ, hoàn cảnh, môi sinh, còn Phật giáo khẳng định rằng tất cả đều do luật nhân quả chi phối, đều do nghiệp (karma) (x. Sđđ, tr.13).

Nếu muốn kết thúc một hành trình vô tận trong vòng luân hồi, mỗi người cần phải cố gắng tu tập để thoát khỏi bánh xe luân hồi và đi đến nơi an lạc, thanh bình vĩnh cửu bằng con đường bát chánh đạo vì trong mỗi con người đều có Phật tính để trở thành Phật. Muốn đến được nơi ấy, ta chỉ cần thoát khỏi vòng kiềm tỏa của nghiệp lực. Mà muốn được tự do tự tại, không bị nghiệp lực chi phối, thì chỉ cần buông hết vọng tưởng như những đám mây che phủ cái chân tâm của ta (x. Sđđ, tr.14).

Nhiều vị thiền sư đắc đạo trong Phật giáo Tây Tạng, khi sắp chết, thay vì thụ động nằm yên chờ đợi thần chết lôi đi như phần đông chúng ta, vị này bình tĩnh ngồi ngay ngắn, duy trì sự tịnh giác trọn vẹn và theo dõi thân thức của mình qua các giai đoạn của tiến trình rời khỏi thân xác ngũ uẩn, để có thể hội nhập với ánh quang thiêng liêng, thoát khỏi vòng sinh tử, được giải thoát về Niết Bàn (x. Sđđ, tr.16).

Để chứng minh những cuộc tái sinh của các vị cao tăng Tây Tạng vào một số các người ở phương Tây, tác giả Vicki Mackenzie đã tìm hiểu, chứng minh qua rất nhiều kiểm nghiệm, gặp gỡ để nghe họ kể về tiền kiếp của mình như Tenzin Sherab, người Canada, có tiền thân là Geshe Jatse, một vị thiền sư đắc đạo ở Tây Tạng (x. Sđđ, tr.23-

69). Bà kể về các cuộc kiểm nghiệm bằng cách yêu cầu người ở kiếp sau nhận biết những đồ gia dụng của người kiếp trước được để lẫn với những đồ vật cùng loại của nhiều người khác nhau. Tác giả cũng đã kể về bác sĩ điều trị tâm lý Roger Woolger, người Anh, theo trường phái phân tâm học của Carl Jung đã chữa trị tâm lý cho các bệnh nhân để giải trừ những lo âu, sợ hãi vô cớ, những thất bại đau thương trong cuộc sống hiện tại bằng cách đưa người bệnh trở về kiếp trước chứ không phải chỉ khôi phục ký ức về tuổi thơ (x. Sđd, tr.71-95).

Chúng ta có thể đọc thêm nhiều sách nói về tiền kiếp, luân hồi với những lập luận, minh chứng tương tự như:

– Janathan Cott, *3 ngàn năm một kiếp luân hồi*, NXB Tôn Giáo, 2002.

– Brian L.Weiss, *Tiền kiếp và luân hồi có thật không?*, NXB Tôn Giáo, 2006.

– Trần Ngọc Lân, *Những chuyện về thế giới tâm linh*, NXB Văn hoá Thông tin, 2009.

– Nguyễn Hữu Kiệt, *Những bí ẩn trong cuộc đời*, Tủ sách Huyền Môn, 1968.

– Brian L.Weiss, *Thông điệp của các chân sư*, 2000, Nguyễn Xuân Đức và Kiến Văn dịch, NXB Tôn Giáo, 2007.

– Lê Mai Dung, *Bí ẩn của các nhà ngoại cảm Việt Nam*, NXB Thông Tin, 2007.

– Nikolai Nadejdin, *Vanga một cuộc đời kỳ lạ*, NXB Thông Tấn, 2012.

Nhận định về thuyết luân hồi

Đây là một thuyết chủ yếu của đạo Bà La Môn, được đạo Phật sử dụng và phát triển và đang được một số người Tây Phương tìm hiểu. Thuyết luân hồi nối kết với định luật nhân quả là lời giải thích hợp lý và dễ hiểu cho những thành bại, sướng khổ, vui buồn của con người. Một người dù cố gắng sống đạo đức nhưng vẫn gặp những rủi ro thất

bại được giải thích rằng đó là vì kiếp trước họ đã sống không tốt đẹp. Hoặc ngược lại những người sống gian ác có những hành động xấu xa ở kiếp này sẽ phải chịu những hình phạt nặng nề ở kiếp sau. Điều này giữ cho nền đạo đức xã hội được bảo toàn. Thuyết này nêu cao sự công bình và thúc đẩy việc tu thân tích đức trong đời sống hằng ngày. Sự giải thoát khỏi vòng luân hồi để đi vào cõi Diệt chỉ được thực hiện khi người ta tự mình tu luyện trải qua nhiều kiếp khác nhau để đi từ con người tạm thời, hữu hạn, tương đối, tầm thường, tội lụy trở thành con người vĩnh hằng, vô hạn tuyệt đối, phi thường thánh thiện giống như ơn cứu độ của Thiên Chúa giáo.

1.4. Ôn cứu độ là gì, được thực hiện như thế nào theo các tôn giáo?

Các tín hữu, khi nói đến ơn cứu độ, thường nghĩ ngay đến việc Đấng Thần Linh hay Chúa Trời cứu mình khỏi một cơn hoạn nạn, bệnh tật, nghèo khổ, khó khăn nào đó.

Theo Phật giáo, tất cả chúng sinh cứ luân chuyển mãi trong vòng sinh tử ở sáu đường, gọi là lục đạo: địa ngục, ngã quỷ, súc sinh, Atula, nhân gian, thiên giới như bánh xe quay mãi không ngừng. Sở dĩ có vòng luân hồi là do nghiệp. Muốn thoát khỏi vòng luân hồi phải dứt được nghiệp, thoát khỏi dục giới và sự cám dỗ của nó bằng con đường bát chính đạo. Như thế, mỗi người sẽ tự tu thân, tích đức, trải qua nhiều kiếp khác nhau theo vòng luân hồi và theo định luật nhân quả rồi mới thoát ra để vào được cảnh giới an lạc tuyệt đối, vĩnh viễn, gọi là Niết Bàn, sống sự sống kỳ diệu, vĩnh hằng, tốt đẹp giống như Đức Phật.

Đối với anh em Hồi giáo, ơn cứu độ gắn gũi với thực tế đời sống hơn. Nếu dưới trần này được quyền lấy 4 vợ, thì trên thiên đường, các tiên nữ rất đẹp và những chàng trai khoẻ mạnh có thể đáp ứng và thoả mãn mọi yêu cầu của con người. Trên thiên đường có những dòng sông chảy sữa và mật giúp con người chẳng cần lao động mà vẫn sống đầy đủ và sung sức.

Theo Công giáo, mỗi người chỉ sống một đời ở trần thế để được hưởng ơn cứu độ. Ông này dành cho hết mọi người và thể hiện cho con người toàn diện: cả về thể xác lẫn linh hồn, cả lịch sử lẫn siêu việt. Khi nói đến ơn cứu độ, người Công giáo nghĩ đến việc Chúa giải thoát, chữa lành bản tính hư hỏng của loài người để đưa họ vào đời sống mới của ân sủng nhờ cuộc khổ nạn và phục sinh của Đức Giêsu. “Ơn cứu độ Công giáo là được chia sẻ sự sống kỳ diệu của chính Đức Giêsu Kitô Phục Sinh, được hiệp thông vĩnh viễn vào sự sống siêu việt của Chúa Cha và được hưởng niềm vui với biết bao nhiêu ân phúc của Thánh Thần” (x. HTXHC, số 38).

Con người yếu đuối, tầm thường, tội lỗi không thể tự cứu độ mình. Là con người bị giới hạn bởi vật chất, không gian và thời gian, ta không thể tự làm cho mình trở thành vô hạn, tuyệt đối, siêu việt như Thiên Chúa. Vì thế, chúng ta cần phải nhờ Đức Giêsu Kitô -



Thiên Chúa cụ thể - để cứu thoát ta. Khi chúng ta tin vào Người, Người sẽ chuyển thông cho chúng ta thần tính của Thiên Chúa vì Người đã giao hoà chúng ta với Chúa, đã đền tội thay cho ta.

Giống như Phaolô đã cảm nghiệm ơn cứu độ này (x. 1Tm 1,12-17): khi ta gắn bó mật thiết với Chúa Giêsu, ta sẽ cảm nghiệm được sự sống của Thiên Chúa ngay trong cuộc đời trần thế, được hưởng những ơn lành của Chúa như được đưa lên tầng trời thứ ba, được ban những

ân sủng của Thánh Thần để chữa lành bệnh nhân, xua trừ ma quỷ, tha thứ tội lỗi, làm cho kẻ chết sống lại như ngài. Dù thể xác con người mỗi ngày có thể xấu hơn, già hơn, yếu hơn, đến giờ phút nào đó Chúa định, nó sẽ biến đổi khi ta vượt qua ngưỡng cửa của cái chết để chia sẻ trọn vẹn sự sống thần linh hay ơn cứu độ của Chúa dành sẵn cho ta. Đó là tình trạng thiên đường của con người.

1.5. Vậy muốn cảm nghiệm được ơn cứu độ ấy, con người phải làm gì?

Ơn cứu độ này mời gọi chúng ta phải “tự nguyện hưởng ứng và chấp nhận” vì Chúa tôn trọng tự do của chúng ta, giống như người cha tôn trọng tự do của đứa con phung phá (x. Lc 15,11-32), Ngài mời gọi chúng ta tự nguyện xa lánh tội lỗi, sống theo lời dạy của Chúa Giêsu, dâng hiến chính bản thân và đời sống của mình cho Chúa, mời gọi chúng ta đáp lại tình yêu đi bước trước của Thiên Chúa bằng cách yêu thương anh chị em mình một cách cụ thể vì ai yêu thương anh chị em mình là yêu Chúa. Khi chúng ta chia sẻ cho họ những ân phúc mà Chúa ban cho chúng ta thì Chúa cũng rộng rãi để chia sẻ sự sống kỳ diệu của Ngài cho ta (x. *HTXHCG*, số 39).

2. Giải đáp những vấn nạn nhờ khả năng mở ra đến siêu việt của con người

Những vấn nạn về tình trạng sống của con người sau khi chết có thể giải đáp nếu chúng ta hiểu được con người là ai và khả năng mở ra đến siêu việt, vô biên của con người.

2.1. Con người là ai?

Dù sống trong thời khoa học kỹ thuật hiện đại nhưng hình như rất nhiều người không hiểu được con người mình. Bộ Từ điển Bách khoa Việt Nam với 4 cuốn dày trên 4.000 trang khổ lớn (19x27cm) cũng không có hoặc không dám định nghĩa con người! *Từ điển Tiếng Việt* của Viện Ngôn ngữ học định nghĩa: “Con người là động vật tiến hoá nhất, có khả năng nói, tư duy, sáng tạo và sử dụng tốt công cụ

trong quá trình lao động xã hội”. Đây là định nghĩa mà nhiều sinh viên và học sinh trong các trường luôn nhớ khi học về các giai đoạn tiến hoá của vật chất theo nhà bác học Darwin (1809-1882). Một số nhà triết học cũng định nghĩa: “Con người là con vật có lý trí” (Homo est animal rationabile).

Nếu chỉ hiểu được con người hoàn toàn là vật chất tiến hoá lên hay là sinh vật có thể xác và tinh thần, bị giới hạn trong không gian và thời gian, sống trong một giai đoạn nào đó rồi chết đi như con chó, con mèo thì người ta không thể nào hiểu đúng về con người với giá trị cao cả và tài năng vô biên cũng như chẳng bao giờ giải đáp được các vấn nạn trên. Hơn nữa, người ta còn thấy sống như thế thì thật là phi lý vì cố gắng học hành, làm việc đến đâu rồi cũng chết mà chẳng mang theo được gì. Giống như ông nhà giàu trong dụ ngôn Tin Mừng khi sống chỉ biết có tiền, danh vọng, dục vọng; khi chết thân xác tiêu tan hết thì dục vọng không còn, tiền của cũng không đem theo được. Tưởng chết là hết nhưng ông lại đối mặt với chính sự sống vĩnh hằng hoàn toàn hư vô, trống rỗng của mình. Đó là hoả ngục cho ông!

Kitô giáo giải thích cho chúng ta “con người là thụ tạo do Thiên Chúa dựng nên theo hình ảnh của chính Ngài” (x. St 1,27). Hình ảnh Thiên Chúa nơi con người chính là yếu tố định hình và phân biệt con người với muôn loài thụ tạo khác. Yếu tố này giúp cho con người mở ra với Thiên Chúa, với muôn loài để hiệp thông trong tình yêu (x. HTXHCG, số 108). “Vì thế, trong số các thụ tạo hữu hình của thế giới, chỉ có con người mới có khả năng tìm Chúa. Con người là một ngôi vị do Chúa



tạo dựng để liên hệ với Người; chỉ trong mối liên hệ này, con người mới tìm được sự sống, mới thể hiện được chính mình và hướng về Thiên Chúa một cách tự nhiên” (x. HTXHCG, số 109).

Vì Thiên Chúa là Đấng siêu việt, vô biên, vô hạn, tuyệt đối nên con người, vì là hình ảnh Ngài, cũng có khả năng mở ra đến siêu việt, vô biên. Đó là khả năng tuyệt vời của con người. “Con người mở ra với Đấng vô biên là Thiên Chúa cũng như với mọi thụ tạo... Con người mở ra với sự hiện hữu sung mãn, với chân trời vô biên của hiện hữu”. Vì thế, con người có khả năng tiếp xúc với Thiên Chúa, các thiên thần, các thánh nhân, những con người khác, vật khác và với cả quỷ dữ, tà ma (x. HTXHCG, số 130).

Hơn nữa, Đức Giêsu Kitô là con người hoàn hảo, là Thiên Chúa làm người, Người đã chết và sống lại để giải đáp cho chúng ta những vấn nạn đó. Khi chúng ta tin vào Người, chúng ta mới hiểu được con người thật sự là ai và có khả năng vô biên như thế nào vì chúng ta không còn chỉ là thụ tạo nhưng được thông phần vào chính bản tính Thiên Chúa (x. CD Vat. II, *Gaudium est Spes*, số 22,38,41,45).

Đây là những điểm giáo huấn mới mẻ nhưng nhiều tín hữu chưa biết vì chỉ mới được công bố vào năm 2004 qua cuốn *Tóm lược Học thuyết Xã hội Công giáo*, nhưng chính nhờ đó ta giải được một số vấn nạn về đời sống của những người đã khuất.

2.2. Giải đáp vấn nạn

Trước hết, chúng ta cần nhớ rằng thiên đàng, luyện ngục, hoá ngục là những tình trạng sống của con người chứ không phải là nơi chốn cụ thể nào. Trong dụ ngôn Tin Mừng (x. Lc 16,19-31), chúng ta thấy Abraham và Ladarô ở thiên đàng với ông nhà giàu ở hoá ngục vẫn thấy nhau, nói chuyện với nhau trong 2 tình trạng sống rất khác biệt: bên sướng bên khổ. Ngày xưa chúng ta lầm tưởng rằng trong hoá ngục không có Thiên Chúa, chỉ có bóng tối và ma quỷ hành hạ những con người gian ác, ở đó họ phải chịu thiêu đốt, nóng bức, khóc lóc, nghiêng răng (x. Mt 8,12; 13,42; 22,13; 24,51; 25,3). Cách diễn tả đầy

hình ảnh này của Chúa Giêsu như muốn cho thánh giả bình dân hiểu về nỗi khổ của hoả ngục qua những dụ ngôn (x. Mt 13,3; 13,13; 13,34; Mc 4,2.11.34) “để họ nghe mà không hiểu, nhìn mà không thấy”, nếu họ không thoát ra khỏi được những từ ngữ và hình ảnh minh hoạ để đạt được nội dung và ý nghĩa Lời Chúa.

Thật ra, Chúa hiện diện ở khắp mọi nơi, nên tất cả những ai, gồm cả thiên thần-quỷ dữ-con người, sống trong tình trạng hoả ngục, luyện ngục và thiên đường đều thấy Thiên Chúa như nhau: Ngài cao quý vô cùng, quyền năng vô tận, nguồn của sự sống vĩnh hằng, của chân thiện mỹ và hạnh phúc vô song. Tùy vào thái độ đóng kín hay mở ra đến vô biên mà con người cũng như thiên thần, quỷ dữ tạo nên tình trạng sống khác nhau cho chính mình.

Thiên Chúa cũng chẳng bao giờ trừng phạt, hành hạ ai. Những ai ở tình trạng thiên đường có khả năng hiệp thông trọn vẹn với Thiên Chúa nên lúc nào cũng cảm thấy nguồn sống kỳ diệu ấy chuyển thông cho mình. Những ai trong hoả ngục vì đã quyết định cắt đứt với Thiên Chúa, đóng kín trọn vẹn với Chúa nên khi thấy Chúa tốt lành, đẹp đẽ như vậy, họ cắn rứt, buồn bực, tiếc xót, thất vọng, đau khổ tột cùng. Đây chính là ngọn lửa thiêng thiêu đốt họ. Những người trong luyện ngục cũng có thái độ và đau khổ tương tự như thế, nhưng vì lòng họ còn mở ra với Chúa nên vẫn giữ niềm hy vọng sẽ được kết hợp trọn vẹn với Chúa nhờ lòng Chúa xót thương qua công đức của Chúa Giêsu và nhờ lời cầu nguyện, hy sinh, hành động bác ái của người sống.

Nhờ khả năng mở ra đến vô biên, nhất là khi không còn bị thể xác nặng nề ngăn cản, không bị thời gian và không gian chi phối, các linh hồn người chết ngay khi gặp Thiên Chúa và thấy Chúa tốt lành, đẹp đẽ, nhân từ, quyền năng vô tận, như một tấm gương trong suốt để họ soi chiếu cuộc đời mình, thì họ cũng nhìn thấy được tất cả những ý nghĩ, lời nói, hành động dù nhỏ bé nhất, tốt hay xấu như thế nào để thấy mình phải thanh tẩy cho xứng đáng với Chúa. Đó là cuộc phán xét riêng. Từ đó họ cũng thấy ngay mình xứng đáng nhận tình trạng sống nào: thiên đường, luyện ngục hay hoả ngục.

Hơn nữa, trong tình yêu vô biên, Chúa có thể cho con người tiếp xúc được với các thánh nhân, gặp gỡ một số linh hồn trong tình trạng luyện ngục như những ơn đặc biệt để nhắc nhở chúng ta điều gì đó hay để yêu cầu chúng ta cầu nguyện cho các linh hồn ấy. Vì không bị giới hạn trong không gian, thời gian nên các hồn người chết, dù chết ở một nơi rất xa và cách nhau hàng ngàn năm, vẫn có thể tiếp xúc với người sống. Điều này có thể giải thích cho chúng ta hiểu việc tái sinh trong vòng luân hồi mà Vicki Mackenzie đã trình bày trong tác phẩm *Tái sinh ở Phương Tây* xảy ra thật sự như những hiện tượng tâm linh trong Kitô giáo. Đây cũng là điều giúp ta hiểu được những cảm nhận lạ lùng của các nhà ngoại cảm ở Việt Nam cũng như trên thế giới, hiểu được sự hiện diện thật gần gũi của những người thân yêu đã qua đời để không làm những điều thất đức, bội nghĩa vong ân, gây tử nhục, buồn phiền cho tổ tiên và những người đã khuất.

Dù không còn thể xác vật chất, không còn lệ thuộc không gian, thời gian nhưng những người đã khuất vẫn dùng những nơi chốn, vật chất như những dấu hiệu để liên lạc với người sống. Do đó, ta cần phải tôn trọng các mồ mã ở nghĩa trang, các trang thờ cho những người bị tai nạn dọc đường. Từ đó ta cũng hiểu được trước khi làm lễ động thổ để xây dựng một công trình, người ta thường lập một bàn thờ, trên để hương đèn, mâm quả để thông báo và xin lỗi các linh hồn, có thể chưa siêu thoát, vì công trình có thể làm kinh động họ. Qua kinh nghiệm của những nhà ngoại cảm, chúng ta hiểu những đền chùa, nhà thờ, thánh thất, thánh đường là những nơi tụ tập rất đông các linh hồn người chết để họ nghe được lời kinh cầu siêu, lời giảng Tin Mừng (x. 1Pr 3,18-20) và nhận được ơn cứu độ, nhất là qua Thánh lễ Công giáo.

Chúng ta cũng phải trân trọng các bữa cúng giỗ để tưởng nhớ ông bà, cha mẹ, người thân vì đây là những dịp quý báu để nối kết cõi thiêng với cõi tục và cảm nhận được sự hiện diện của nhau. Nhiều tín hữu Công giáo vẫn ngại ngùng khi phải làm bữa cúng giỗ cho người đã khuất, họ cũng không dám ăn vì sợ phạm tội “thờ quây” “ăn của cúng”, nhất là trong các gia đình “nửa lương nửa giáo” khiến cho nhiều người ngoài Công giáo nghĩ lầm rằng theo đạo Thiên Chúa là bỏ

ông bà, tổ tiên. Thánh Phaolô đã dạy chúng ta về vấn đề ăn của cúng (x. 1Cr 8,1-13) và chúng ta cần có thái độ tích cực hơn trong việc tưởng nhớ cụ thể những người đã khuất như tham dự các lễ nghi tưởng nhớ tổ tiên, các anh hùng dân tộc, như làm bữa cúng giỗ, sửa chữa và thắp hương nơi các mộ vô danh, ngả mũ nón để chào tiễn biệt những người đã khuất khi xe tang họ đi qua...

2.3. Thiên đường là khung cảnh thần linh quy tụ tất cả

Từ khả năng vươn tới vô biên, chúng ta sẽ hiểu được thiên đường bây giờ là khoảng không gian mầu nhiệm, là khung cảnh thần linh quy tụ mọi người, mọi vật và muôn loài thụ tạo để cảm nghiệm được sự hiệp thông trọn vẹn với Chúa Trời, cũng gọi là Thiên Chúa, là Đức Allah, là Brahman, là Đấng Cao Đài, là Đức Thượng Đế, nguồn của sự sống siêu việt và hạnh phúc vĩnh hằng. Nơi đó chúng ta sẽ gặp được tất cả những bậc đại thánh trong mọi tôn giáo từ Đức Phật Thích Ca, Lão Tử, Khổng Tử và các bậc tiên hiền, Đức Mohammed và các sứ giả của Người. Vì thế trong thái độ thành kính yêu thương, chúng ta cũng phải tôn trọng các vị ấy như những bậc đại thánh trong đại gia đình Thiên Chúa.

Chúng ta cũng đừng mừng tượng thiên đường như một cung đình với những vua quan ngự trên những toà cao thấp khác nhau giống như thiên đình của Ngọc Hoàng Thượng Đế để không biết sắp xếp những chỗ ngồi của các bậc sáng lập tôn giáo thế nào cho xứng đáng với công đức của họ. Nhiều tín hữu Công giáo, qua những ảnh tượng, luôn mơ tưởng về một loại thiên đình nào đó với Đức Chúa Cha và Chúa Giêsu ngồi trên ngai vàng, Chúa Thánh Thần với hình chim bồ câu ngự giữa hai vị, bên cạnh là toà Đức Mẹ Maria, Thánh Giuse, các Thánh Tông Đồ, chung quanh là hàng hàng lớp lớp các thiên thần châu kính, các thánh nhân bái phục. Tượng tượng như thế, người ta sẽ không biết đặt ngai toà của các bậc thánh hiền khác như Đức Phật Thích Ca, Khổng Tử, Lão Tử, Đức Mohammed... ở đâu. Thậm chí có người nghĩ họ không có mặt trên thiên đường nữa!

Khi chúng ta hiểu được mọi sự đều quy về Đức Kitô và Đức Kitô quy tụ tất cả về với Thiên Chúa để Thiên Chúa có toàn quyền trên

muôn loài (x. 1Cr 15,24.28) thì chúng ta cảm thấy mình gần gũi với muôn vật, muôn loài. Thật sự Thiên Chúa là Cha chung của mọi người, mọi vật nên tất cả đều có quyền hy vọng được cứu độ, bất kể họ có tôn giáo hay không tôn giáo. Ôn cứu độ có tính phổ quát, nghĩa là Thiên Chúa muốn cứu độ mọi con cái mình (Công đồng Vaticanô II, Tuyên ngôn về liên lạc của Giáo Hội với các tôn giáo ngoài Kitô giáo, *Nostra aetate*, số 1). Đức Giêsu là con đường dẫn đến sự thật và sự sống nên tất cả những ai bước đi trên con đường này, nghĩa là tôn trọng sự thật và sự sống của mình cũng như của người, đều gặp được Đức Giêsu và đều được Người chia sẻ sự sống kỳ diệu của Thiên Chúa. Như thế tất cả chúng ta đều gặp nhau trong Đức Giêsu Kitô nên không bao giờ được loại trừ ai.

Vì vậy, Công đồng Vaticanô II đã giới thiệu cho chúng ta khung cảnh thần linh với trời mới, đất mới và những con người mới như sau: “Chúng ta không biết được trái đất và nhân loại sẽ kết thúc vào thời điểm nào, chúng ta cũng chẳng biết cách thức vũ trụ biến đổi ra sao. Quả thật, bộ mặt của một thế giới bị biến dạng vì tội lỗi đang qua đi, nhưng chúng ta được biết Thiên Chúa đã dọn sẵn một chỗ ở mới và một thế giới mới, nơi công lý ngự trị. Hạnh phúc ở nơi ấy sẽ thoả mãn và lấp đầy mọi ước vọng hoà bình dâng trào trong lòng con người. Khi ấy, sự chết sẽ bị đánh bại, con cái Thiên Chúa sẽ phục sinh trong Chúa Kitô, và những gì được gieo vãi trong yếu hèn, mục nát, sẽ mặc lấy sự không hư nát; tình yêu và các nghĩa cử bác ái sẽ tồn tại và toàn thể thụ tạo mà Thiên Chúa đã dựng nên cho con người sẽ được giải thoát khỏi ách phù vân.

Thật vậy, sau khi đã theo mệnh lệnh của Chúa Giêsu và nhờ Chúa Thánh Thần để phổ biến trên trái đất các giá trị về nhân phẩm, về hiệp thông huynh đệ và tự do, nghĩa là mọi thành quả tốt đẹp do bản tính và hành động con người đem lại, chúng ta sẽ gặp lại các giá trị ấy trong tình trạng đã được tinh luyện khỏi mọi uế tạp, được chiếu sáng và biến đổi, nghĩa là khi Chúa Kitô trao lại cho Chúa Cha vương quốc vĩnh cửu và phổ quát: “Vương quốc của chân lý và sự sống, vương quốc thánh thiện và đầy ơn phúc, vương quốc công bình, yêu thương và bình an”. Vương quốc ấy đã hiện diện cách mẫu nhiệm ở

trần gian này và sẽ được kiện toàn khi Chúa trở lại” (x. Công Đồng Vaticanô II, Hiến chế Mục vụ *Gaudium et Spes*, số 39).

Lời kết

Sau khi tìm hiểu những vấn nạn về tình trạng sống của con người đã khuất bóng và cố gắng giải đáp phần nào bằng việc tìm hiểu con người cũng như khả năng mở ra đến siêu việt của con người, chúng ta có thể xác tín về cuộc đối thoại liên tôn thật là cần thiết và rất hữu ích. Cuộc đối thoại giúp chúng ta tìm ra chân lý không phải để tuyên bố đạo nào đúng, đạo nào sai, điểm nào hợp lý dễ hiểu hay vô lý khó hiểu, nhưng là để tự do chọn lựa thái độ sống cho mình ở trần thế sau khi khám phá ra sự thật nhờ lương tâm ngay chính của mỗi người. Trong công cuộc Phúc Âm hoá, chúng ta không thể ép buộc con người, nhưng được mời gọi đón nhận tất cả trong Đức Giêsu Kitô. Vì thế, chúng ta luôn được mời gọi mở ra cho những gì trong sáng, tốt đẹp, cao thượng dẫn con người gặp được Thiên Chúa và tạo nên thiên đường cho muôn loài. Nếu chúng ta đóng kín, chúng ta sẽ tạo nên hoả ngục cho chính mình và cho người khác. Thiên đường như thế bắt đầu ngay từ bây giờ và tại nơi đây trong cuộc sống của mỗi người chúng ta.

Phụ lục

ĐÀNG THÁNH GIÁ THEO CHÂN PHƯỚC TÊRÊSA CALCUTTA



Mẹ Têrêsa Calcutta thường nhắc nhở chúng ta rằng Chúa Kitô làm sinh động cuộc tử nạn của Người hôm nay, trong những người nghèo khổ. Người nghèo có mặt khắp nơi, họ chờ đợi tình thương và sự giúp đỡ của chúng ta. Chúng ta hãy cầu nguyện để có một tâm hồn trong sạch vì chỉ tâm hồn trong sạch mới có thể nhìn thấy Chúa và nhận ra Người trong những người nghèo. Hãy bước vào các chặng đường Thánh Giá này và nối kết các chặng đường với cuộc khổ nạn của Chúa Giêsu vì cuộc khổ nạn một lần nữa lại được sinh động trong những anh chị em nghèo khổ của chúng ta.

CHẶNG THỨ NHẤT CHÚA GIÊSU CHỊU XỬ ÁN



X. Chúa Giêsu bị kết án tử hình.

Đ. Con đóng đinh Người bằng tội của con.

X. *Lạy Chúa Kitô, chúng con thờ lạy và ngợi khen Chúa.*

Đ. *Vì Chúa đã dùng Thánh Giá mà chuộc tội cho thiên hạ.*

X. Mẹ Maria, lòng nặng ưu sầu, nghe lời kết án tử hình: “Đóng đinh nó vào thập giá! Máu hãn cứ đổ xuống đầu chúng tôi!” (Mt 27,22.25).

Đ. Lạy Mẹ Maria, xin nghe lời con cầu nguyện. Ước gì Máu Chúa Giêsu cứu chuộc con.

Suy ngẫm:

Mỗi lần Chúa Giêsu muốn chứng tỏ tình yêu của Người, Người lại bị nhân loại khước từ. Người bị khước từ bởi chính dân tộc mình. Họ không muốn tha Người nhưng lại muốn tha Baraba. Đối với Chúa, hôm qua luôn luôn là hôm nay, vì thế, trong thế giới hôm nay, Đức Giêsu đang đứng đó và bị bao phủ bởi tội lỗi chúng ta, dưới dáng vẻ tội tàn của những anh chị em nghèo khổ. Tôi có muốn Người chịu như thế không?

X. *Lạy Chúa, xin thương xót chúng con.*

Đ. *Xin Chúa thương xót chúng con.*

CHẶNG THỨ HAI CHÚA GIÊSU VÁC THÁNH GIÁ



X. Chúa Giêsu vác Thánh Giá khổ đau.

Đ. Xin Chúa nâng đỡ con trong cơn đau đớn và phiền muộn.

X. *Lạy Chúa Kitô, chúng con thờ lạy và ngợi khen Chúa.*

Đ. *Vì Chúa đã dùng Thánh Giá mà chuộc tội cho thiên hạ.*

X. Mẹ Maria, không một lời than trách, nhìn thấy máu châu báu của Con Mẹ chảy từ những vết thương nơi vai Người.

Đ. Lạy Mẹ Maria, xin giúp con kiên nhẫn vác thánh giá của mình để kết hợp với Chúa Giêsu.

Suy ngắm:

Tất cả chúng ta đều phải mang thập giá theo chân Chúa Kitô đến núi Canvê nếu muốn sống lại với Người. Vì thế trước khi chết, Chúa Giêsu đã ban cho chúng ta chính Mình Máu Người để chúng ta được sống, để chúng ta có can đảm, có sức sống, có khả năng vác lấy thập giá và bước theo Người.

X. *Lạy Chúa, xin thương xót chúng con.*

Đ. *Xin Chúa thương xót chúng con.*

CHẶNG THỨ BA CHÚA GIÊSU NGÃ XUỐNG ĐẤT LẦN THỨ NHẤT



X. Chúa Giêsu ngã xuống đất trong đau đớn và nhục nhã.

Đ. Chính vì tội lỗi của con mà Chúa đã ngã xuống.

X. *Lạy Chúa Kitô, chúng con thờ lạy và ngợi khen Chúa.*

Đ. *Vì Chúa đã dùng Thánh Giá mà chuộc tội cho thiên hạ.*

X. Mẹ Maria sầu khổ nhìn thấy đất khô cần thấm nhanh máu của Con Mẹ.

Đ. Lạy Mẹ Maria, khi tâm hồn con bị khô cần vì những ước muốn trần tục, xin Mẹ nhắc nhở con câu nói của Chúa Giêsu: “Ai tin vào Ta sẽ không khát bao giờ”.

Suy ngẫm:

Trên đường Thánh Giá của chúng ta, chúng ta thấy Chúa Giêsu ngã như một người nghèo đói. Chúng ta có ở đó giúp đỡ Người không? Chúng ta có ở đó với những hy sinh, với cơm bánh, và là cơm bánh thật sự không? Có hàng ngàn hàng ngàn người chết vì thiếu một mẩu bánh. Có hàng ngàn hàng ngàn người chết vì thiếu một chút tình yêu, một chút hiểu biết. Chặng đường Thánh Giá này là chặng đường của Chúa Giêsu ngã trong cơn đói của con người.

X. *Lạy Chúa, xin thương xót chúng con.*

Đ. *Xin Chúa thương xót chúng con.*

CHẶNG THỨ BỐN CHÚA GIÊSU GẶP ĐỨC MẸ



X. Hai Mẹ Con gặp nhau trong nỗi đớn đau.

Đ. Phải chăng các Ngài sầu khổ vô ích cho tôi?

X. *Lạy Chúa Kitô, chúng con thờ lạy và ngợi khen Chúa.*

Đ. *Vì Chúa đã dùng Thánh Giá mà chuộc tội cho thiên hạ.*

X. Mẹ Maria tan nát cõi lòng khi nhìn thấy Chúa Giêsu chịu khổ hình, còn Chúa Giêsu nhìn thấy nỗi đớn đau tê tái của Mẹ mình.

Đ. Lạy Mẹ Maria, xin khơi dậy trong con lòng ăn năn đền tội vì đã gây nên sầu khổ cho Mẹ.

Suy ngẫm:

Cùng với đám đông, Mẹ cũng tiến lên đòi Canvê. Mẹ đã tận mắt gặp Chúa Giêsu trên đường Thánh Giá. Mẹ đã buộc phải nhìn thấy thân thể của Con mình bị bầm dập vì đòn đánh, đầu loang máu vì mào gai nhọn, gương mặt bị nheo bần bởi những khắc nhổ và sưng húp vì những cú đánh, đôi bàn tay dầy máu. Ôi, một cảnh tượng khủng khiếp! Mẹ đã hành động như thế nào? Mẹ can đảm nhìn thẳng vào Con mình và cùng chịu đau khổ với Con. Chúng ta không hề nghe tiếng Mẹ than van. Mẹ đã theo Con đến chân thập giá, với tình yêu quảng đại của một người mẹ.

X. *Lạy Chúa, xin thương xót chúng con.*

Đ. *Xin Chúa thương xót chúng con.*

CHẶNG THỨ NĂM ÔNG SIMON VÁC ĐỒ THÁNH GIÁ CHÚA



X. Ông Simon giúp Chúa Giêsu vác Thánh Giá.

Đ. Xin hãy dẫn dắt con trên đường của Chúa.

X. *Lạy Chúa Kitô, chúng con thờ lạy và ngợi khen Chúa.*

Đ. *Vì Chúa đã dùng Thánh Giá mà chuộc tội cho thiên hạ.*

X. Mẹ Maria thật bàng hoàng khi thấy mọi người từ chối giúp Chúa Giêsu.

Đ. Lạy Mẹ Maria, ngay cả khi con xin Chúa Giêsu giúp đỡ, ước gì Người thấy con luôn sẵn sàng hiến thân cho việc tông đồ và sứ mạng của Giáo Hội toàn cầu.

Suy ngẫm:

Ông Simon Kirênê đã đón nhận thập giá và đi theo Chúa Giêsu. Ông đã giúp Chúa Giêsu vác Thánh Giá. Còn bạn, trong năm nay, bạn đã thực hiện hàng vạn, hàng triệu điều tốt đẹp cho những người nghèo. Đây cũng chính là những dấu chứng tình yêu bạn dâng lên cho Chúa Giêsu. Như thế bạn đã là Simon Kirênê trong những ngày này, qua từng hành động mà bạn đã thực hiện.

Khắp nơi có những người đối đang ngược mặt nhìn bạn. Có những người không nơi nương tựa đang ngược mặt nhìn bạn. Xin đừng ngoảnh mặt trước những người nghèo đó vì họ chính là Chúa Kitô.

X. *Lạy Chúa, xin thương xót chúng con.*

Đ. *Xin Chúa thương xót chúng con.*

CHẶNG THỨ SÁU BÀ VÊRÔNICA LAU MẶT CHÚA



X. Chúa Giêsu in mặt Người trên tấm khăn.

Đ. Xin cũng in mặt Chúa trong tâm hồn con.

X. *Lạy Chúa Kitô...* **Đ.** *Vì Chúa đã dùng Thánh Giá...*

X. Mẹ Maria bình tĩnh trước đau thương, nhìn thấy bà Vêrônica bất chấp đám đông giận dữ.

Đ. Lạy Mẹ Maria, nhờ ân sủng nhận được từ bí tích Thêm Sức, xin làm cho con không bao giờ sợ hãi trước đám đông đang nghĩ hay nói gì về con.

Suy ngẫm: Bà Vêrônica là người duy nhất đã tiến đến lau mặt Chúa Giêsu. Tình yêu của bà đối với Chúa Giêsu lớn dường nào! Các binh lính có thể đẩy bà ra và làm cho bà té ngã; bà lấy chiếc khăn đội trên đầu lau mặt Chúa Giêsu. Chúa Giêsu in gương mặt đầm máu vào khăn của bà. Hãy nhìn xem Chúa Giêsu biết ơn như thế nào, dù đang chịu đau đớn lớn lao như vậy. Chúng ta có phải là Vêrônica cho những người nghèo, cho những ai cô độc, cho những ai chán chường không? Chúng ta có ở đó để lau nước mắt cho họ không? Hay chúng ta như những kẻ kiêu hãnh đi qua đó mà không thấy gì hết!... Chính Chúa Giêsu cần đôi tay của ta để lau những gương mặt ấy. Bạn có ở đó để làm như thế hay chỉ là khách qua đường?

X. *Lạy Chúa,...* **Đ.** *Xin Chúa...*

CHẶNG THỨ BẢY CHÚA GIÊSU NGÃ XUỐNG ĐẤT LẦN THỨ HAI



X. Chúa Giêsu ngã xuống đất lần nữa vì con.

Đ. Xin giúp con trỗi dậy để bước theo Người.

X. *Lạy Chúa Kitô, chúng con thờ lạy và ngợi khen Chúa.*

Đ. *Vì Chúa đã dùng Thánh Giá mà chuộc tội cho thiên hạ.*

X. Mẹ Maria trong cơn đau đớn khôn cùng, nhìn thấy Thánh Giá đè bẹp Chúa Giêsu, thế mà Người vẫn trỗi dậy.

Đ. Lạy Mẹ Maria, xin ban cho con sức mạnh để trỗi dậy và bước theo Chúa Giêsu như vị dẫn đường.

Suy ngẫm:

Chúa Giêsu lại ngã một lần nữa...

Chúng ta có gần gũi những người trẻ khi thấy họ sa ngã vì yếu đuối không? Chúng ta có ở bên họ khi họ ngã trong cô độc và chán chường không? Chúng ta có ở gần họ, có thấu hiểu họ không? Chúng ta có ở đó để nâng họ đứng dậy không?

X. *Lạy Chúa, xin thương xót chúng con.*

Đ. *Xin Chúa thương xót chúng con.*

CHẶNG THỨ TÁM CHÚA GIÊSU AN ỦI NHỮNG PHỤ NỮ THÀNH GIÊRUSALEM



X. Chúa Giêsu nói với các phụ nữ: “Hãy khóc vì tội lỗi các người”.

Đ. Lạy Chúa Giêsu, xin cho con thật lòng sám hối ăn năn.

X. *Lạy Chúa Kitô...* **Đ.** *Vì Chúa đã dùng Thánh Giá...*

X. Mẹ Maria sầu bi nhìn thấy Chúa Giêsu đau khổ khi bị chính những người thuộc về mình bỏ rơi, dù vậy Chúa Giêsu vẫn đang an ủi những người khác.

Đ. Lạy Mẹ Maria, xin cho con nhiệt thành thể hiện lòng thương xót thiêng liêng bằng những hành động thiết thực.

Suy ngẫm:

Người nghèo của chúng ta không cần cảm thông suông. Họ không cần chúng ta thương hại họ, nhưng họ cần tình yêu và lòng nhân từ. Chúng ta phải biết rằng họ là những người xứng đáng được yêu thương, đáng được trân trọng và điều hiều biết này sẽ làm chúng ta yêu thương họ và thích phục vụ họ.

Người nghèo là niềm hy vọng cứu rỗi của nhân loại vì chúng ta sẽ bị xét xử vào giờ chết về những gì mà chúng ta đối xử với họ và những gì chúng ta đã làm cho họ.

X. *Lạy Chúa...* **Đ.** *Xin Chúa thương xót chúng con.*

CHẶNG THỨ CHÍN CHÚA GIÊSU NGÃ XUỐNG ĐẤT LẦN THỨ BA



X. Lần thứ ba, Chúa ngã dưới những roi đòn.

Đ. Trong Máu Thánh Người, tôi trỗi dậy và được tái sinh.

X. *Lạy Chúa Kitô, chúng con thờ lạy và ngợi khen Chúa.*

Đ. *Vì Chúa đã dùng Thánh Giá mà chuộc tội cho thiên hạ.*

X. Mẹ Maria tan nát tâm hồn, khi nhìn thấy Chúa Giêsu ngã sấp mặt xuống đất.

Đ. Lạy Mẹ Maria, để con không bị ngã lần nữa, xin giúp con dọn mình sốt sắng và cảm tạ hết lòng mỗi khi xưng tội và rước lễ.

Suy ngẫm:

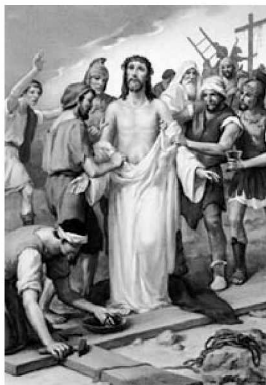
Chúa Giêsu ngã lần nữa, vì bạn và vì tôi.

Người đem yêu thương cũng có nghĩa là người đó mang lấy thập giá. Có thể khi chúng ta mang vác thập giá, chúng ta té ngã dọc đường. Mỗi lần chúng ta ngã, là một lần tự hạ. Mỗi lần bạn ngã, hãy đi xưng tội và nói: “Con hối hận”. Chúa là người Cha đầy lòng xót thương, Ngài sẽ tha thứ cho bạn.

X. *Lạy Chúa, xin thương xót chúng con.*

Đ. *Xin Chúa thương xót chúng con.*

CHẶNG THỨ MƯỜI CHÚA GIÊSU BỊ LỘT ÁO



X. Khi lột áo Chúa Giêsu ra, họ lột da Người.

Đ. Xin giúp con lột bỏ tội lỗi ra khỏi thân xác của mình.

X. *Lạy Chúa Kitô, chúng con thờ lạy và ngợi khen Chúa.*

Đ. *Vì Chúa đã dùng Thánh Giá mà chuộc tội cho thiên hạ.*

X. Mẹ Maria cảm thấy lòng tan nát khi thấy Chúa Giêsu bị lột chiếc áo dài mà Mẹ đã may cho Người.

Đ. Lạy Mẹ Maria, xin lột bỏ khỏi con tất cả những gì làm cho lòng con nhớ bản.

Suy ngẫm:

Chúa bị lột trần trụi. Tôi không những bị lột trần áo quần mà còn bị lột trần phẩm giá được làm con của Chúa.

Đối với tôi, sự bất công lớn nhất gây nên cho những người nghèo không phải là chúng ta tước đoạt những thứ vật chất, nhưng là việc chúng ta làm cho họ mất phẩm giá làm con Thiên Chúa, mất sự tôn trọng mà chúng ta phải có đối với một con người. Chúng ta nghĩ rằng họ không tốt gì cả, họ làm biếng, họ thê này, thê kia và chúng ta thêm vào đó nhiều từ ngữ nhục mạ. Đối với tôi, đó mới là bất công lớn nhất.

X. *Lạy Chúa, xin thương xót chúng con.*

Đ. *Xin Chúa thương xót chúng con.*

CHẶNG THỨ MƯỜI MỘT CHÚA GIÊSU CHỊU ĐÓNG ĐINH



X. Họ đóng đinh tay Chúa Giêsu vào thập giá.

Đ. Trong tay Người, con không thể ngã lòng.

X. *Lạy Chúa Kitô, chúng con thờ lạy và ngợi khen Chúa.*

Đ. *Vì Chúa đã dùng Thánh Giá mà chuộc tội cho thiên hạ.*

X. Mẹ Maria lần nữa bị đâm thâu khi thấy máu tuôn trào nơi tay chân Con Mẹ.

Đ. Lạy Mẹ Maria, vì các vết thương của Chúa, xin giúp con làm mới lại những lời khấn hứa, những quyết tâm của con và nhờ những cây đinh ấy, xin kết nối con với Chúa Giêsu luôn mãi.

Suy ngẫm:

Đầu của Người vẫn đội mào gai. Tay của Người vẫn còn đóng chặt vào thập giá. Chúng ta hỏi xem: “Những cây đinh ấy có phải do tôi không? Những bãi khạc nhổ trên mặt Người có phải do tôi không? Phần thân xác và tâm hồn nào của Người đã đau đớn vì tôi? Không phải với sự lo buồn hay sợ hãi, nhưng với một tâm hồn hiền lành và khiêm tốn, tôi tìm ra được phần thân thể Chúa bị tổn thương do tội lỗi của tôi.

X. *Lạy Chúa, xin thương xót chúng con.*

Đ. *Xin Chúa thương xót chúng con.*

CHẶNG THỨ MƯỜI HAI CHÚA GIÊSU CHẾT TRÊN THÁNH GIÁ



X. Chúa Giêsu chết để trao ban tất cả.

Đ. Nhờ cái chết của Người, xin dạy con biết sống.

X. *Lạy Chúa Kitô, ...* **Đ.** *Vì Chúa đã...*

X. Mẹ Maria xúc động nhìn thấy Chúa Giêsu chết và các vết thương còn rỉ máu của Người vẫn van xin cho tôi.

Đ. Lạy Mẹ Maria, xin đặt một giọt máu cứu độ của Chúa vào trong tâm hồn tội lỗi của con.

Suy ngẫm:

Chúa Giêsu chết trên thập giá, đó là cái giá phải trả mà Người đã trao ban để cứu chúng ta khỏi sự ích kỷ và tội lỗi. Người đã từ bỏ tất cả để làm theo ý Chúa Cha, để chỉ cho thấy chúng ta cũng phải sẵn sàng từ bỏ tất cả để làm theo ý Chúa Cha, để thương yêu nhau như Người đã thương yêu từng người chúng ta. Vì vậy, chúng ta cũng phải trao ban cho người khác đến độ việc trao ban này làm ta đau đớn.

Nói “Con yêu Chúa” thôi thì chưa đủ. Tôi còn phải yêu người thân cận nữa. Thánh Gioan nói rằng nếu ta nói mình yêu TC mà lại không yêu người thân cận là chúng ta nói dối, vì làm sao có thể yêu TC mà ta không nhìn thấy nếu không yêu được con người đang ở kề cận bên ta?

X. *Lạy Chúa...* **Đ.** *Xin Chúa thương xót chúng con.*

**CHẶNG THỨ MƯỜI BA
CÁC MÔN ĐỆ HẠ XÁC CHÚA GIÊSU XUỐNG
VÀ PHÓ TRONG TAY ĐỨC MẸ**



X. Lạy Mẹ Maria, vì Mẹ đã nhận lại Con mình.

Đ. Xin cũng đón nhận con vào lúc cuối cuộc đời.

X. *Lạy Chúa Kitô...* **Đ.** *Vì Chúa đã dùng Thánh Giá...*

X. Mẹ Maria chan hoà nước mắt khi đón nhận xác thân bất động của Chúa Giêsu được tháo khỏi bàn thờ thập giá.

Đ. Xin Mẹ giúp con đón nhận Đức Kitô đang sống động trên bàn thờ thánh lễ để cùng sẻ chia sự tôn kính và tình yêu của Mẹ.

Suy ngắm:

Ta hãy tưởng tượng tình yêu dạt dào của Mẹ Maria dành cho Chúa Giêsu, Mẹ luôn ở sát bên Người: mỗi khi người ta nhục mạ, muốn ném đá Người, gọi Người là Beelzêbul. Mẹ vẫn ở sát bên Người khi cùng Người tiến đến đồi Calvê, khi Người bị đóng đinh vào thập giá, bị hành hạ, phi nhỗ và giết như một tên tử tội. Mẹ Maria không tủi hổ đón nhận Người làm của riêng mình trong mỗi giây phút của đời Mẹ, như là tình yêu duy nhất, như thể là tất cả những gì Mẹ đã có được.

Mẹ vẫn đứng bên cạnh Người. Chúng ta có đứng bên cạnh những người nghèo khổ trong lúc họ bị đau khổ và sỉ nhục không?

X. *Lạy Chúa...* **Đ.** *Xin Chúa thương xót chúng con.*

CHẶNG THỨ MƯỜI BỐN CHÚA GIÊSU ĐƯỢC AN TÁNG TRONG MỒ



X. Chúa Giêsu đã chết vì con và được táng trong mồ.

Đ. Xin hãy làm cho con cuối cùng cũng luôn được ở với Chúa.

X. *Lạy Chúa Kitô, chúng con thờ lạy và ngợi khen Chúa.*

Đ. *Vì Chúa đã dùng Thánh Giá mà chuộc tội cho thiên hạ.*

X. Mẹ Maria, trong giờ phút đau buồn này, đã an táng Người Con Mẹ mà Mẹ đã sinh hạ cho đời.

Đ. Xin Mẹ hãy đổi mới lòng hiếu thảo của con đối với Mẹ, bây giờ và trong giờ chết của con.

Suy ngẫm:

“*Thiên Chúa yêu thương thế gian đến nỗi đã ban Người Con Một*”. Thiên Chúa tiếp tục yêu thương thế gian bằng cách gửi cho chúng ta, tình yêu và lòng cảm thông với người nghèo, để ta trở thành chứng nhân cho tình yêu của Ngài. Ly nước mà bạn trao cho người nghèo, người bệnh, thái độ mà bạn đối xử với người sắp chết, cử chỉ mà bạn nuôi dưỡng trẻ thơ, dạy dỗ các trẻ em thật học, săn sóc người phong cùi. Tất cả các thái độ và cử chỉ ấy chính là tình yêu của Thiên Chúa dành cho thế giới hôm nay. “*Thực đúng là Thiên Chúa yêu thương thế gian!*”.

X. *Lạy Chúa, xin thương xót chúng con.*

Đ. *Xin Chúa thương xót chúng con.*

ĐƯỜNG ÁNH SÁNG THEO THÁNH IGNATIÔ LOYOLA



Lời giới thiệu

Một việc đạo đức bình dân gắn liền với các lần hiện ra của Đấng Phục Sinh đã được nhiều dân tộc đón nhận và thực hành gọi là Đường Ánh Sáng. Đường này cũng gồm 14 chặng kể lại những lần Chúa hiện ra và những bài học đạo đức kèm theo đã có từ rất lâu trong lịch sử Giáo Hội.

Chúng ta ghi nhận trong sách *Những Bài Linh Thao* viết vào năm 1544, từ số 299 đến 312 của mình, Thánh Ignatiô Loyola đã kể lại gần đủ các lần hiện ra của Đấng Phục Sinh.

Từ mấy thế kỷ qua, tín hữu Công giáo Việt Nam hầu như chỉ biết đến Đàng Thánh Giá, mà chưa biết đến Đường Ánh Sáng. Vì thế, đời

sống có thể hưởng nhiều về những đau khổ, buồn sầu, thử thách, hơn là một đời sống tràn đầy niềm vui, hy vọng, bình an và sự sống kỳ diệu của Đấng Phục Sinh. Nhằm mục đích làm cho đời sống ấy được quân bình, một số nhà đạo đức đã phải thêm Chặng XV “Chúa Giêsu Sống Lại” vào Đàng Thánh Giá.

Hiện nay, một số dân tộc đã có Đường Ánh Sáng nhưng chưa áp dụng được các nghiên cứu Thánh Kinh gần đây của Kitô học nên chỉ kể được 7-8 lần hiện ra của Đấng Phục Sinh. Vì thế người ta phải chia nhỏ những lần hiện ra để tạo thành 14 nơi tương ứng với 14 chặng Đàng Thánh Giá.

Nhờ những nghiên cứu mới nhất về Kitô học, chúng tôi giới thiệu Đường Ánh Sáng với 14 lần Chúa Giêsu hiện ra. Chúng tôi chỉ thay thế Lần hiện ra XII với ông Giuse Arimathia ở số 310 của Thánh Ignatiô kể theo lòng đạo đức bình dân bằng lần hiện ra với tất cả các tông đồ theo lời tường thuật của Thánh Phaolô (x. 1Cr 15,7) cho hợp với Thánh Kinh.

Cầu chúc tất cả những ai sử dụng Đường Ánh Sáng này được tràn đầy niềm vui, bình an, hy vọng và tình yêu của Đấng Phục Sinh để cảm nghiệm thật sự Người hiện ra với mình trong cuộc sống.

Đi Đường Ánh Sáng khi nào?

Bạn hãy dành 15, 20 phút để đi Đường Ánh Sáng:

- Mỗi khi cảm thấy mình đang cần sự trợ lực của Đấng Phục Sinh, cần niềm vui, bình an, hy vọng và tình yêu của Người.
- Mỗi khi chính bạn, gia đình hay cộng đồng bạn sống nhận được thành công, may mắn, ân phúc như 1 lời tạ ơn Chúa.
- Mỗi tuần một hai lần vào những ngày nhất định, theo sau ngày đi Đàng Thánh Giá, để tạo sự quân bình trong đời sống.

Lm. Antôn Nguyễn Ngọc Sơn, HKK

NƠI THỨ NHẤT
CHÚA GIÊSU HIỆN RA ĐẦU TIÊN VỚI MẸ MARIA



X: *Chúng con thờ lạy và ngợi khen Chúa Kitô*

Đ: *Vì Chúa đã sống lại để chia sẻ niềm vui và sự sống tuyệt vời cho chúng con. Alleluia.*

Lời dẫn: Dù không được Thánh Kinh ghi nhận nhưng các thánh Giáo phụ vẫn tin rằng Chúa Giêsu Phục Sinh hiện ra đầu tiên với Mẹ Maria vì Mẹ đã đóng góp nhiều nhất cho cuộc khổ nạn của Chúa Giêsu. Mẹ đã theo Người trên suốt chặng đường khổ giá, đã đứng vững dưới chân thập tự và vững lòng tin tưởng vào việc Chúa Cha sẽ cho Con mình trỗi dậy từ cõi chết như Thánh Kinh đã báo trước, nên Mẹ xứng đáng được Chúa Giêsu hiện ra trước tiên.

Lời nguyện: Lạy Chúa Giêsu Kitô, xin cho chúng con luôn kếp hợp mật thiết với Chúa trong mầu nhiệm Vượt Qua và vững lòng tin tưởng vào Chúa khi gặp thử thách, gian nan như người Mẹ Thánh của chúng con. Chúa hằng sống và hiển trị muôn đời. Amen.

X: *Alleluia. Lạy Chúa Giêsu Phục Sinh!*

Đ: *Xin ban bình an cho chúng con. Alleluia.*

NƠI THỨ HAI
CHÚA GIÊSU HIỆN RA VỚI BÀ MARIA MAGDALA
 (x. Ga 20,11-18; Mc 16,9-11)



X: *Chúng con thờ lạy và ngợi khen Chúa Kitô*

Đ: *Vì Chúa đã sống lại để chia sẻ niềm vui và sự sống tuyệt vời cho chúng con. Alleluia.*

Lời dẫn: Vào sáng sớm tinh sương của ngày thứ nhất trong tuần, bà Maria Magdala, bà Maria mẹ ông Giacôbê và bà Salomê mang dầu đến mộ để ướp xác Đức Giêsu. Họ thấy tảng đá che cửa mộ đã được lăn sang một bên và thấy thiên thần nhắc bảo rằng: “Đức Giêsu bị đóng đinh đã trở dậy rồi”. Chúa Giêsu đã hiện ra với bà Maria Magdala vì bà đã ở lại cạnh mộ Chúa sau khi những người khác đi khỏi.

Lời nguyện: Lạy Chúa Giêsu Phục Sinh, các phụ nữ là những người được Chúa tưởng thưởng vì đã yêu Chúa nồng nàn. Họ thao thức suốt đêm mong chờ trời sáng để có thể đem dầu thơm ướp xác Chúa. Họ can đảm đi tới mộ mà chẳng sợ bị quân lính bắt giam và kết án. Xin cho chúng con biết yêu thương và giúp đỡ anh chị em nghèo khổ, đang phải chịu những bất công, đang bị gạt ra ngoài lề xã hội như Chúa bằng một tình yêu can đảm, quảng đại và hiệu quả như họ. Chúa hằng sống và hiển trị muôn đời. Amen.

X: *Alleluia. Lạy Chúa Giêsu Phục Sinh!*

Đ: *Xin ban bình an cho chúng con. Alleluia.*

NƠI THỨ BA
CHÚA GIÊSU HIỆN RA VỚI CÁC PHỤ NỮ
 (Mt 28,1-10; Mc 16,1-7; Lc 24,1-11)



X: Chúng con thờ lạy và ngợi khen Chúa Kitô

Đ: Vì Chúa đã sống lại để chia sẻ niềm vui và sự sống tuyệt vời cho chúng con. Alleluia.

Lời dẫn: Các bà Maria Magdala, bà Gioanna, bà Maria mẹ ông Giacôbê và nhiều bà khác đã đến viếng mộ Chúa và được thiên thần giao sứ mệnh báo tin cho các môn đệ Chúa Giêsu rằng Người đã sống lại. Đức Giêsu đón gặp và hiện ra với các bà, các bà tiến lại gần, ôm lấy chân Người và bái lạy Người. Chúa Giêsu nói với các bà: “Chị em đừng sợ! Hãy về báo cho anh em của Thầy để họ đến Galilê. Họ sẽ được thấy Thầy ở đó”.

Lời nguyện: Lạy Chúa Giêsu, khi Chúa hiện ra với ai, Chúa thường giao cho họ một sứ mạng đặc biệt để họ làm chứng cho Chúa. Xin cho chúng con luôn yêu mến Chúa nồng nàn để cảm nghiệm được Chúa đang hiện diện trong đời chúng con và tận tình, tận lực hoàn thành sứ mạng Chúa giao. Chúa hằng sống và hiển trị muôn đời. Amen.

X: Alleluia. Lạy Chúa Giêsu Phục Sinh!

Đ: Xin ban bình an cho chúng con. Alleluia.

NƠI THỨ TƯ
CHÚA GIÊSU HIỆN RA VỚI ÔNG SIMON PHÊRÔ
 (x. Lc 24,9-12; 33-34)



X: *Chúng con thờ lạy và ngợi khen Chúa Kitô*

Đ: *Vì Chúa đã sống lại để chia sẻ niềm vui và sự sống tuyệt vời cho chúng con. Alleluia.*

Lời dẫn: Khi nghe các phụ nữ báo tin rằng Đức Giêsu đã sống lại, thánh Phêrô đã chạy đến mồ, nhưng chỉ thấy mồ trống và các khăn vải liệm xác Chúa Giêsu. Ông rất ngạc nhiên về sự việc đã xảy ra. Đang khi ông suy nghĩ về những sự việc này, Chúa Giêsu đã hiện ra với ông để giúp ông mạnh tin và lãnh đạo cộng đồng tín hữu. Vì thế, các tông đồ đã nói với các môn đệ trở về từ Emmaus: “Chúa đã trỗi dậy thật rồi và đã hiện ra với ông Simon”.

Lời nguyện: Lạy Chúa, trong trách nhiệm trưởng đoàn tông đồ, thánh Phêrô đã chạy đến mồ, bất chấp khó khăn nguy hiểm. Thánh nhân vẫn áy náy trong lòng vì đã chối bỏ thầy mình vài ngày trước đó. Hiện ra với Phêrô là Chúa muốn ngài bỏ hết những mặc cảm tội lỗi quá khứ vì Chúa đã tha thứ và thưởng công ngài vì lòng yêu mến thiết tha. Xin cho chúng con cũng luôn tin tưởng vào lòng thương xót và tình yêu Chúa. Chúa hằng sống và hiển trị muôn đời. Amen.

X: *Alleluia. Lạy Chúa Giêsu Phục Sinh!*

Đ: *Xin ban bình an cho chúng con. Alleluia.*

NƠI THỨ NĂM
CHÚA GIÊSU HIỆN RA VỚI HAI MÔN ĐỆ ĐI EMMAUS
 (x. Lc 24,13-35)



X: *Chúng con thờ lạy và ngợi khen Chúa Kitô*

Đ: *Vì Chúa đã sống lại để chia sẻ niềm vui và sự sống tuyệt vời cho chúng con. Alleluia.*

Lời dẫn: Khi nghe tin mô của Đức Giêsu trống rỗng, hai môn đệ sợ nhà chức trách sẽ điều tra nên vội vã đi về Emmaus. Chúa Giêsu hiện ra và cùng đi với họ như khách bộ hành. Người giải thích cho họ hiểu rằng Đức Kitô phải chịu khổ hình rồi mới vào trong vinh quang của Người. Người vào trong hàng quán theo yêu cầu của họ và họ đã nhận ra Người lúc Người bẻ bánh. Nhưng Người biến đi ngay. Hai môn đệ vội quay trở về Giêrusalem với cộng đồng tín hữu.

Lời nguyện: Lạy Chúa Giêsu, rất nhiều lần trong đời sống, vì sợ hãi và ích kỷ, chúng con đã chạy trốn và rời xa cộng đồng huynh đệ như hai môn đệ trên đường đi Emmaus. Xin cho chúng con biết lắng nghe Chúa qua những người chúng con gặp gỡ trên đường đời và nhận ra họ mang hình ảnh của Chúa để hết lòng phục vụ, yêu thương. Chúa hằng sống và hiển trị muôn đời. Amen.

X: *Alleluia. Lạy Chúa Giêsu Phục Sinh!*

Đ: *Xin ban bình an cho chúng con. Alleluia.*

NƠI THỨ SÁU
CHÚA GIÊSU HIỆN RA VỚI CÁC MÔN ĐỆ Ở NHÀ TIỆC LY
 (x. Ga 20,19-23)



X: Chúng con thờ lạy và ngợi khen Chúa Kitô

Đ: Vì Chúa đã sống lại để chia sẻ niềm vui và sự sống tuyệt vời cho chúng con. Alleluia.

Lời dẫn: Vào buổi chiều ngày Chúa phục sinh, các môn đệ tụ họp trong nhà, cửa đóng kín vì sợ người Do Thái. Chúa Giêsu hiện đến, đứng giữa các ông trong khi cửa vẫn đóng kín, và nói: “Bình an cho anh em”. Nói xong Người cho các ông xem tay và cạnh sườn để các ông hiểu Người chính là Đấng bị đóng đinh trước đây. Rồi Người thổi hơi vào các ông và bảo: “Anh em hãy nhận lấy Thánh Thần” để các ông tha thứ tội lỗi và hoàn thành sứ mạng Người giao phó.

Lời nguyện: Lạy Chúa Giêsu, cuộc sống lại của Chúa không phải giống như cuộc hồi sinh của con gái ông Giairô, con trai bà goá thành Nain hay Ladarô, nhưng là một sự sống mới mẻ. Chúa không còn bị lệ thuộc vào định luật của thời gian, không gian và vật chất: cửa nhà đóng kín Chúa vẫn vào được. Đó là niềm vui và hy vọng cho chúng con. Xin cho chúng con luôn biết hít thở Thần Khí của Chúa để cảm nghiệm được sự sống mới mẻ này. Chúa hằng sống và hiển trị muôn đời. Amen.

X: Alleluia. Lạy Chúa Giêsu Phục Sinh!

Đ: Xin ban bình an cho chúng con. Alleluia.

NƠI THỨ BẢY
CHÚA GIÊSU HIỆN RA VỚI ÔNG TÔMA
 (x. Ga 20,24-29)



X: Chúng con thờ lạy và ngợi khen Chúa Kitô

Đ: Vì Chúa đã sống lại để chia sẻ niềm vui và sự sống tuyệt vời cho chúng con. Alleluia.

Lời dẫn: Tông đồ Tôma vắng mặt khi Chúa Giêsu hiện đến lần trước, nên ông đòi phải trông thấy các dấu đinh ở tay Chúa và vết giáo ở cạnh sườn Chúa thì mới tin Chúa sống lại. Lần này Chúa Giêsu hiện ra với các môn đệ và nói riêng với Tôma theo yêu cầu của ông: “Hãy đặt ngón tay vào đây và hãy nhìn xem tay Thầy. Hãy đưa bàn tay ra mà đặt vào cạnh sườn Thầy. Đừng cứng lòng nữa, nhưng hãy tin”. Ông Tôma đã tuyên xưng đức tin của mình: “Lạy Chúa của con. Lạy Thiên Chúa của con”. Đức Giêsu nói với ông: “Vì đã thấy Thầy, nên anh tin. Phúc cho những ai không thấy mà tin”.

Lời nguyện: Lạy Chúa Giêsu, nhiều lần chúng con đòi hỏi sự kiểm chứng cho những suy luận của lý trí, nên chưa cảm nghiệm được hạnh phúc của những ai không thấy mà tin. Xin Chúa ban ơn đức tin và nâng đỡ lòng tin yếu kém của chúng con. Chúa hằng sống và hiển trị muôn đời. Amen.

X: Alleluia. Lạy Chúa Giêsu Phục Sinh!

Đ: Xin ban bình an cho chúng con. Alleluia.

NƠI THỨ TÁM
CHÚA GIÊSU HIỆN RA
VỚI BẢY MÔN ĐỆ Ở BỜ BIỂN GALILÊ
 (x. Ga 21,1-17)



X: *Chúng con thờ lạy và ngợi khen Chúa Kitô*

Đ: *Vì Chúa đã sống lại để chia sẻ niềm vui và sự sống tuyệt vời cho chúng con. Alleluia.*

Lời dẫn: Chúa Giêsu hiện ra với bảy môn đệ ở bờ biển Galilê. Các ông đi đánh cá và vất vả suốt đêm mà không được gì. Thả lưới theo lệnh của Người đứng trên bờ, các ông đã bắt được rất nhiều cá. Phép lạ này gợi cho các ông lần đánh được nhiều cá trước đây (x. Lc 5,4-11), khi Chúa chưa chịu chết, và các ông nhận ra Người. Trên bờ, Chúa Giêsu đã chuẩn bị sẵn cho các ông bếp lửa sưởi ấm, trên đê cá và có cả bánh nữa để các ông bồi dưỡng sau một đêm mệt nhọc. Chính trong bữa ăn này Chúa Giêsu hỏi thánh Phêrô 3 lần về tình yêu và giao phó cho ông sứ mạng chăn dắt đàn chiên (x. Ga 21,15-27).

Lời nguyện: Lạy Chúa Giêsu Phục Sinh, dù Chúa bước vào đời sống mới không còn lệ thuộc vật chất, không còn bị giới hạn bởi không gian và thời gian, nhưng Chúa vẫn quan tâm đến những nhu cầu vật chất của đời sống trần thế này để cứu giúp chúng con. Xin cho chúng con, dù luôn “hướng lòng về những sự trên trời” cũng biết quan tâm giúp đỡ những anh chị em nghèo đói, lao động vất vả quanh mình. Chúa hằng sống và hiển trị muôn đời. Amen.

X: *Alleluia. Lạy Chúa Giêsu Phục Sinh!*

Đ: *Xin ban bình an cho chúng con. Alleluia.*

NƠI THỨ CHÍN

CHÚA GIÊSU HIỆN RA VỚI CÁC MÔN ĐỆ TRÊN NÚI

(x. Mt 28,16-20; Mc 16,14-20; Cv 1,6-8)



X: *Chúng con thờ lạy và ngợi khen Chúa Kitô*

Đ: *Vì Chúa đã sống lại để chia sẻ niềm vui và sự sống tuyệt vời cho chúng con. Alleluia.*

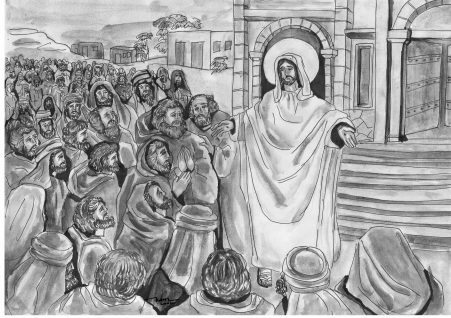
Lời dẫn: Các môn đệ đi tới miền Galilê, đến ngọn núi Đức Giêsu đã chỉ trước. Chúa Giêsu hiện đến với các ông và nói: “Thầy được trao toàn quyền trên trời và dưới đất. Vậy anh em hãy đi khắp nơi để giảng dạy cho muôn dân, làm phép rửa cho họ nhân danh Chúa Cha và Chúa Con và Chúa Thánh Thần. Và đây, Thầy ở cùng anh em mọi ngày cho đến tận thế”(Mt 28, 18-20).

Lời nguyện: Lạy Chúa Giêsu, Chúa sai chúng con đi rao giảng lời Chúa, nhưng rất nhiều khi chúng con hiểu lời Chúa chỉ là những chữ viết trong cuốn Thánh Kinh được chúng con học hành, giải thích theo cách hiểu của con người. Chúng con quên rằng Chúa mới thật sự là Ngôi Lời sống động mà chúng con cần tìm hiểu, yêu mến và kết hợp mật thiết. Có như thế chúng con mới cảm nhận được quyền năng và ân sủng kỳ diệu Chúa thông ban và hoàn thành những dấu lạ minh chứng cho lời chúng con rao giảng. Chúa hằng sống và hiển trị muôn đời. Amen.

X: *Alleluia. Lạy Chúa Giêsu Phục Sinh!*

Đ: *Xin ban bình an cho chúng con. Alleluia.*

NƠI THỨ MƯỜI
CHÚA GIÊSU HIỆN RA VỚI HƠN NĂM TRĂM MÔN ĐỆ
 (x. 1Cr 15,6)



X: *Chúng con thờ lạy và ngợi khen Chúa Kitô*

Đ: *Vì Chúa đã sống lại để chia sẻ niềm vui và sự sống tuyệt vời cho chúng con. Alleluia.*

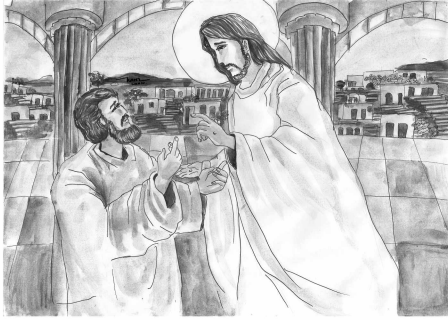
Lời dẫn: Vào khoảng năm 57, Thánh Phaolô đã viết rằng: “Chúa Giêsu hiện ra với hơn năm trăm anh em một lượt, trong số ấy, phần đông hiện nay còn sống, nhưng một số đã an nghỉ” (1Cr 15,6). Sau khi Chúa Giêsu chết vào ngày 7 tháng 4 năm 30 và sống lại sau đó, Chúa đã hiện ra với nhiều người vì muốn cho họ cảm nghiệm được sự hiện diện sống động của Chúa để làm chứng cho Người.

Lời nguyện: Lạy Chúa Phục Sinh, rất đông môn đệ được thấy Chúa hiện ra. Họ cảm thấy hạnh phúc vì tận mắt được thấy Đấng Chịu đóng đinh nay sống lại, nên hiểu rằng đau khổ và cái chết chỉ tìm được ý nghĩa đích thực trong cuộc Phục Sinh của Chúa. Xin cho chúng con cũng cảm nghiệm được niềm vui và hạnh phúc vì tìm ra được ý nghĩa thật sự cho những khổ đau, bất hạnh, khôn cùng và cả cái chết trong đời sống chúng con. Chúa hằng sống và hiển trị muôn đời. Amen.

X: *Alleluia. Lạy Chúa Giêsu Phục Sinh!*

Đ: *Xin ban bình an cho chúng con. Alleluia.*

NƠI THỨ MƯỜI MỘT
CHÚA GIÊSU HIỆN RA VỚI THÁNH GIACÔBÊ
 (x. 1Cr 15,7)



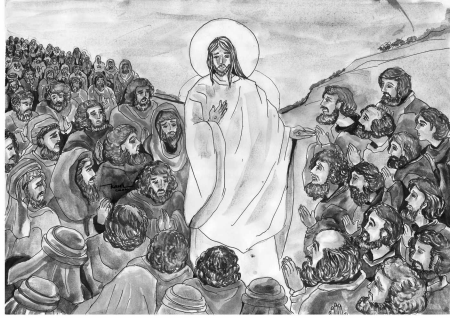
Lời dẫn: Thánh Phaolô còn kể lần Chúa hiện ra với thánh Giacôbê. Ngài là người anh em họ với Chúa Giêsu (x. Mt 13,55; Cv 1,14; Gl 1,19), phân biệt với Thánh Giacôbê là anh em ruột của thánh Gioan tông đồ. Ngài có địa vị lớn trong thời giáo hội sơ khai và cai quản giáo đoàn ở Giêrusalem. Thánh Phaolô đã đến chào thăm ngài (x. Gl 1,19-29) và trường trình cho ngài hoạt động tông đồ của mình (x. Cv 15,13-34; 21,18). Chúa Giêsu hiện ra riêng với Thánh Giacôbê như để khích lệ và nâng đỡ ngài trong trách nhiệm quan trọng thời giáo hội sơ khai.

Lời nguyện: Lạy Chúa Giêsu, Chúa hiện ra với Thánh Giacôbê để khích lệ ngài can đảm điều hành và phục vụ cộng đồng dân Chúa. Xin Chúa ban cho Đức Giáo Hoàng, các giám mục và linh mục lãnh đạo cộng đồng tín hữu cảm nghiệm được sự hiện diện sống động của Chúa. Xin Chúa cũng nâng đỡ an ủi các ngài trong những lúc khó khăn nguy hiểm. Chúa hằng sống và hiển trị muôn đời. Amen.

X: *Alleluia. Lạy Chúa Giêsu Phục Sinh!*

Đ: *Xin ban bình an cho chúng con. Alleluia.*

NƠI THỨ MƯỜI HAI
CHÚA GIÊSU HIỆN RA VỚI TẤT CẢ CÁC TÔNG ĐỒ
 (x. 1Cr 15,7)



X: *Chúng con thờ lạy và ngợi khen Chúa Kitô*

Đ: *Vì Chúa đã sống lại để chia sẻ niềm vui và sự sống tuyệt vời cho chúng con. Alleluia.*

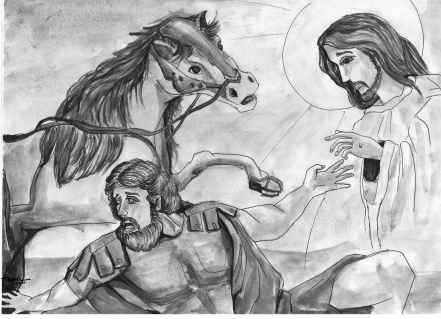
Lời dẫn: Thánh Phaolô ghi nhận Chúa Giêsu Phục Sinh hiện ra với “tất cả các tông đồ”. Ngài phân biệt “Nhóm Mười Hai” với các tông đồ, dù rằng Nhóm Mười Hai cũng được gọi là tông đồ (x. Mt 10,2; Mc 6,30; Lc 6,13; 22,14; Cv 1,2.26; 2,42; 4,33.35; 5,12.18...). Tông đồ theo nghĩa chữ là “người được sai đi”. Tất cả những ai được Chúa kêu gọi, chọn lựa và sai đi đều được Chúa Phục Sinh hiện ra để giúp họ cảm nghiệm Người đã trở dậy từ cõi chết, đang sống với mình và ban nhiều ân phúc để họ làm chứng cho Người.

Lời nguyện: Lạy Chúa Giêsu, chúng con vui mừng và hy vọng khi biết rằng Chúa sẽ hiện ra cho tất cả những ai là tông đồ đích thực. Chúa đã kêu gọi, chọn lựa và sai chúng con đi loan báo Tin Mừng. Xin Chúa hãy hiện ra cho chúng con ít là một lần trong đời sống, để từ đó chúng con được can đảm làm chứng cho Chúa giữa bao gian khổ và thử thách ở trần gian. Chúa hằng sống và hiển trị muôn đời. Amen.

X: *Alleluia. Lạy Chúa Giêsu Phục Sinh!*

Đ: *Xin ban bình an cho chúng con. Alleluia.*

NƠI THỨ MƯỜI BA
CHÚA GIÊSU HIỆN RA VỚI THÁNH PHAOLÔ
 (x. 1Cr 15,8-10)



X: Chúng con thờ lạy và ngợi khen Chúa Kitô

Đ: Vì Chúa đã sống lại để chia sẻ niềm vui và sự sống tuyệt vời cho chúng con. Alleluia.

Lời dẫn: Thánh Phaolô đã xác nhận rằng: “Sau cùng, Chúa Giêsu Phục Sinh cũng đã hiện ra với tôi chẳng khác nào một đứa trẻ sinh non. Tôi là người hèn mọn nhất trong số các tông đồ, tôi không đáng được gọi là tông đồ vì đã ngược đãi Hội Thánh Chúa” (1Cr 15,8-9). Chúa Giêsu Phục Sinh đã hiện ra với thánh Phaolô trên đường ngài đến Damas để tìm bắt các tín hữu giải về Giêrusalem. Chúa đã giao phó cho ngài sứ mạng loan báo Tin Mừng cho muôn dân (x. Cv 9,1-30) để ngài thật sự xác tín về những điều mình rao giảng.

Lời nguyện: Lạy Chúa Giêsu, việc Chúa hiện ra với Thánh Phaolô dạy chúng con rằng tình yêu Chúa trải rộng cho hết mọi người, kể cả những ai bách hại Hội Thánh Chúa. Xin Chúa ban cho chúng con cũng biết tôn trọng, yêu thương và tha thứ cho tất cả những người đang ngược đãi, nói xấu, bách hại chúng con. Chúa hằng sống và hiển trị muôn đời. Amen.

X: Alleluia. Lạy Chúa Giêsu Phục Sinh!

Đ: Xin ban bình an cho chúng con. Alleluia.

NƠI THỨ MƯỜI BỐN
CHÚA GIÊSU LÊN TRỜI
 (x. Cv 1,1-11)



X: *Chúng con thờ lạy và ngợi khen Chúa Kitô*

Đ: *Vì Chúa đã sống lại để chia sẻ niềm vui và sự sống tuyệt vời cho chúng con. Alleluia.*

Lời dẫn: Trong khoảng thời gian 40 ngày, Đấng Phục Sinh đã hiện ra nhiều lần với các môn đệ để chứng tỏ cho họ thấy là Người vẫn sống sau khi chịu khổ hình. Người nói chuyện với họ về nước Thiên Chúa, truyền cho họ ở lại Giêrusalem để nhận được sức mạnh của Chúa Thánh Thần và sẽ đi đến tận cùng trái đất để làm chứng cho Người (x. Cv 1,3-5).

Sau cùng, Người dẫn họ lên núi Oliu và Người được cất lên trời ngay trước mắt họ (x. Mc 16,19-20; Lc 24,50-51). Trong khi họ còn nhìn lên trời, các thiên thần nhắc bảo họ rằng: Đức Giêsu sẽ ngự đến y như họ thấy Người lên trời”. Các môn đệ bái lạy Người, rồi trở về Giêrusalem, lòng đầy hoan hỷ (x. Lc 24,52).

Lời nguyện: Lạy Chúa Giêsu Phục Sinh, chúng con vừa cùng nhau đi trên con Đường Ánh Sáng, ôn lại những lần Chúa hiện ra cho đủ mọi hạng người được Chúa chọn lựa và sai đi. Xin cho lòng chúng con giữ mãi niềm vui Phục Sinh vì Chúa luôn ở cùng chúng con mọi ngày cho đến tận thế, khi chúng con cùng Chúa biến đổi trần thế này thành Nước Trời. Chúa hằng sống và hiển trị muôn đời. Amen.

X: *Alleluia. Lạy Chúa Giêsu Phục Sinh!*

Đ: *Xin ban bình an cho chúng con. Alleluia.*

CẨM NANG TÂN PHÚC ÂM HOÁ

Tác giả: Lm. Antôn Nguyễn Ngọc Sơn

Tái bản lần thứ nhất

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Nguyễn Công Oánh

Biên tập:

Vũ Văn Hiếu

Sửa bản in:

Dom. Đình Xuân Trình

Sắp chữ dàn trang:

Anna Nguyễn Thị Tuyết Lê

Trình bày và xử lý hình ảnh:

Anna Nguyễn Thị Tuyết Lê

Bìa:

Maria Têrêsa Trần Kim Quyên

Hình ảnh Đường Ánh sáng:

Maria Têrêsa Trần Kim Quyên

Nhà xuất bản Tôn Giáo

53 Tràng Thi, Hà Nội

Số lượng in: 1.000 bản, khổ 14,5 × 20 cm
Công ty in Nguyễn Việt Hưng, Tp.HCM
110 Điện Biên Phủ, phường Đakao, quận 1
KHXB: 1512-2013/CXB/13-186/TG
Mã số ISBN: 978-604-61-0518-3
Nộp lưu chiểu: Quý II/2014